DƯƠNG HỒNG - VƯƠNG THÀNH TRUNG
NHIỆM ĐẠI VIỆN - LƯU PHONG
chú dịch

TỨ THƯ

TRẦN TRỌNG SÂM
KIỀU BÁCH VŨ THUẬN
biên dịch

四書

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

TỨ THƯ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
& CÔNG TY VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
PHỐI HỢP THỰC HIỆN

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

37 : 1
QĐND - 2003 255 - 2003

DƯƠNG HỒNG - VƯƠNG THÀNH TRUNG
NHIỆM ĐẠI VIỆN - LƯU PHONG
chú dịch

TỨ THƯ

TRẦN TRỌNG SÂM
KIỂU BÁCH VŨ THUẬN
Biên dịch

四書

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2003

Tổ chức chỉ đạo công trình xuất bản:

PHẠM TRƯỜNG GIANG
PHẠM QUỐC TUẤN

Biên dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc: • ***Đại Học - Trung Dung,*** Dương Hồng chú dịch, Nhà xuất bản nhân dân An Huy, 2002. • ***Luận Ngữ,*** Vương Thành Trung chú dịch, Nhà xuất bản nhân dân Hà Nam, 1998. • ***Mạnh Tử,*** Nhiệm Đại Viện, Lưu Phong chú dịch, Nhà xuất bản nhân dân An Huy, 2002.

ĐẠI HỌC

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử văn hóa, tư tưởng phương Đông, bộ sách Tứ Thư có một vai trò cực kỳ quan trọng. Hầu hết các nước Châu Á, trong đó có Việt Nam, cả một chặng dài đã dùng Tứ Thư để làm nền tảng phát triển. Tứ Thư gồm bốn cuốn: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử. Sự hình thành bộ sách này kéo dài hàng trăm năm, trong đó nổi lên hai tên tuổi chủ đạo: Khổng Tử - người thầy, người khởi xướng và Mạnh Tử - người kế thừa, phát triển.

Tứ Thư đề cập đến nhiều lĩnh vực: triết học, chính trị, đạo đức, luật pháp... Một trong những nội dung chủ đạo của Tứ Thư là việc tập trung xây dựng nhân cách con người xã hội với những vấn đề căn cốt như: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Những chuẩn mực mà Tứ Thư đề ra cho cá nhân, đặc biệt ở khía cạnh đạo đức đến nay vẫn còn mang tính thời sự và trình tự hệ thống: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ xem ra ngày càng chứng tỏ sự ưu việt. Ở Tứ Thư, giá trị cá nhân chỉ được đề cao khi mà nó gắn bó mật thiết với toàn bộ trật tự chung, nói cách khác khi nó hoàn thành triệt để nghĩa vụ, bổn phận của mình với toàn bộ xã hội xung quanh. Vì thế có thể khẳng định, cái đích hướng tới cuối cùng của Tứ Thư chính là sự phát triển trong bình ổn với một quy định nghiêm ngặt về đạo đức cho tất cả các tầng lớp xã hội. Chính giá trị quan trọng này sẽ giải thích hiện tượng qua hàng nghìn năm, ảnh

hưởng của Tứ Thư không chỉ dừng ở phương Đông mà ngày càng lan truyền, phổ cập trên diện rộng thế giới.

Trong thời đại ngày nay, khi xu hướng toàn cầu hóa đang tràn lan và sự tồn tại của một quốc gia, một dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào nội lực văn hóa truyền thống thì việc tìm hiểu, khám phá lại Tứ Thư là một nhu cầu quan trọng, cấp thiết không chỉ ở tầm quốc gia mà ở ngay bản thân mỗi cá nhân người Việt Nam. Lý do đơn giản là một phần không nhỏ văn hóa của chúng ta phát triển trên cơ sở tiếp thu uyển chuyển, linh hoạt, có chọn lọc những tinh hoa tư tưởng Khổng Mạnh, mà trong đó Tứ Thư là cốt lõi. Qua Tứ Thư, chúng ta sẽ hiểu thấu đáo hơn nền tảng văn hóa truyền thống của dân tộc mình để rồi từ đó có những định hướng cho chặng đường phát triển tiếp theo.

Với tinh thần "ôn cố tri tân", đọc cũ để thấy cái mới, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã tổ chức biên dịch bộ sách Tứ Thư nhằm giới thiệu với bạn đọc một viên ngọc quý trong kho tàng văn hóa, tư tưởng nhân loại.

Mặc dù dịch giả đã cố gắng hết mình, đã tham khảo nhiều ý kiến của các đồng nghiệp cũng như các học giả danh tiếng khác, nhưng chắc hẳn bản dịch không tránh khỏi những bất cập. Nhà xuất bản mong bạn đọc lượng thứ, góp ý để lần xuất bản sau chúng ta có bản dịch hoàn chỉnh hơn.

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

LỜI DẪN

Đại Học nguyên là một chương trong Lễ Ký, được thành sách ước trong khoảng thời gian từ thời Chiến Quốc đến thời Tần Hán, được xem là một trong những kinh sách chủ yếu của Nho gia. Còn tác giả là ai, từ trước đến nay vẫn chưa xác định rõ. Có người cho là Tử Tư viết, nhưng Chu Hy đời Tống cho là của Tăng Tử viết. Chu Hy nêu ra lý do Tăng Tử là học trò của Khổng Tử, nên Tăng Tử ghi chép lại lời dạy của Khổng Tử là hợp đạo lý. Tuy là suy đoán nhưng người đời sau đa số đều tin vào giả thuyết này.

Nhưng đến đời Thanh, các nhà khảo chứng lại nêu ra ý kiến khác nhau cho rằng Đại Học với Tăng Tử, Tử Tư không có liên quan gì, mà là sách được viết vào đời Hán. Nhưng lý do nêu ra chưa đủ sức thuyết phục, chưa được mọi người công nhận, thành ra việc tranh luận ai là tác giả đến nay vẫn chưa kết thúc.

Hai chữ đại học *ở đây có nghĩa là học vấn uyên bác tinh sâu. Theo đời Chu truyền lại, con cháu quý tộc tám tuổi đã đi học tiểu học, học tập tri thức văn hóa cơ sở và võ nghệ; mười lăm tuổi vào đại học, còn gọi là thái học, học lý luận quản lý chính sự qua các kinh thư. Trịnh Huyền đời Hán nói: "Những học sinh đại học dựa vào tri thức uyên bác tinh sâu, có thể tham gia quản lý chính sự". Chu Hy đời Tống nói: "Đại học giả, đại nhân chi học dã". Đại nhân ở đây không phải là người có địa vị cao, mà là người có nhân cách cao thượng theo học đại học để trở thành người quân tử phò vua, giúp nước.*

Đời Hán xem các kinh ở thời Xuân Thu là đại kinh, xem Tứ Thư trong đó có Đại Học là tiểu kinh.

Đời Đường xem Đại Học, Mạnh Tử và Kinh Dịch như nhau, đều gọi là kinh thư.

Đời Tống, hai anh em họ Trình là Trình Hạo và Trình Di nói: "Sách Đại Học là sách nhập môn cho người mới đi vào học đạo".

Điều đó nói lên địa vị của sách Đại Học trong các loại kinh thư.

Chu Hy đánh giá rất cao về nội dung sách Đại Học, nói rằng: sách Đại Học là cương lĩnh không có cái gì không bao hàm trong đó, không có cái gì không dung nạp trong đó. Chu Hy còn cho rằng, có thể dùng những thuyết giáo trong sách Đại Học để bù đắp lại những lỗ hổng trong tư tưởng của giai cấp thống trị phong kiến.

Về các bản sách Đại Học, Chu Hy cho rằng, kể cả bản cũ cũng như những bản đã cải biên chỉnh sửa, đều có chỗ chưa hoàn chỉnh. Cho nên Chu Hy đã dựa vào bản đã sửa chữa của Trình Di, tiếp tục chỉnh biên, phân ra chương mục.

Chu Hy cũng nói thêm chương đầu tiên là kinh, là ý của Khổng Tử do Tăng Tử truyền lại bằng miệng; còn mười chương sau là giải thích chương đầu tiên, do học trò của Tăng Tử ghi chép lại.

Về sau người ta gọi bản của Chu Hy chỉnh biên là Đại Học đã sửa chữa, so với bản cũ có chỗ khác nhau. Tuy vậy người đời sau vẫn cho rằng bản của Chu Hy là bản có sức thuyết phục nhất, giới chuyên môn dùng để đọc và nghiên cứu. Trong lịch sử Trung Quốc, Đại Học là sách có nhiều bản nhất.

Ngày 14 tháng 8 năm 2002

DƯƠNG HỒNG

Chương 1

THÁNH KINH

1. Đạo học lớn cốt để biết phát huy đức sáng đức tốt đẹp của con người, đổi mới khiến lòng dân bỏ cũ theo mới, bỏ ác theo thiện, khiến mọi người đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất. Có hiểu được phải đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất thì mới kiên định chí hướng. Chí hướng kiên định rồi, tâm mới yên tĩnh. Tâm yên tĩnh rồi, lòng mới ổn định. Lòng ổn định rồi, suy nghĩ sự việc mới có thể chu toàn. Suy nghĩ sự việc chu toàn rồi, mới có thể xử lý, giải quyết công việc được thỏa đáng.

Vạn vật đều có đầu có đuôi, có gốc có ngọn. Vạn sự đều có bắt đầu và kết thúc. Biết làm cái gì trước cái gì sau, tức là đã tiếp cận với nguyên tắc của đạo rồi.

2. Thời cổ đại, phàm những thánh nhân muốn phát huy tính thiện của con người đến khắp thiên hạ, trước hết phải lãnh đạo tốt nước mình, bang mình.

Muốn lãnh đạo tốt nước mình, bang mình, trước hết cần chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc của mình.

Muốn chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc mình, trước hết phải tu dưỡng tốt phẩm đức bản thân mình.

Muốn tu dưỡng tốt phẩm đức bản thân mình, trước hết phải làm cho tâm tư của mình ngay thẳng, đoan chính. Muốn cho tâm tư của mình ngay thẳng, đoan chính, trước hết phải có ý nghĩ thành thật. Muốn có ý nghĩ thành thật, trước hết phải có nhận thức đúng đắn. Mà con đường nhận thức đúng đắn chính là nghiên cứu đến nơi đến chốn, lĩnh hội được cái nguyên lý của sự vật.

3. Có lĩnh hội được nguyên lý của sự vật, nhận thức mới đúng đắn, ý nghĩ mới thành thực. Ý nghĩ thành thực, tâm tư mới ngay thẳng. Tâm tư ngay thẳng, phẩm đức bản thân mới tu dưỡng tốt. Phẩm đức bản thân tu dưỡng tốt, mới chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc của mình. Chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc mình, mới lãnh đạo tốt nước mình. Lãnh đạo tốt nước mình, thiên hạ mới được thái bình (mới bình trị được thiên hạ).

4. Từ vua thiên tử đến người bình dân, ai ai cũng phải lấy tu dưỡng phẩm đức làm gốc.

Một cây, cái gốc đã mục nát rồi, mà cái ngọn còn tốt tươi là điều không thể có. Xem nhẹ cái căn bản đáng phải xem trọng, coi trọng cái chi tiết vốn là thứ yếu, xưa nay chưa từng có bao giờ.

Trên đây là bài kinh gồm những nguyên tắc và lời bàn luận của Khổng Tử do học trò là Tăng Tử truyền lại bằng miệng. Còn mười chương tiếp theo là kiến giải của Tăng Tử, do học trò của Tăng Tử ghi chép lại. Bản gốc

có nhiều nhầm lẫn. Bản hiện nay do Trình Di đính chính, tôi (Chu Hy) lại tiếp tục khảo chứng các kinh sách khác nữa, rồi phân thành chương tiết.

Lời bình:

Cương lĩnh "trị quốc bình thiên hạ" do Nho gia đề xướng, là "tam cương, bát mục".

"Tam cương" là ba cương lĩnh:

- Minh minh đức.

- Tân dân.

- Chỉ ư chí thiện.

"Minh minh đức" là phát huy đức sáng, tính tốt, tính thiện của nhân dân, yêu cầu giai cấp thống trị phát huy quan niệm đạo đức, luân lý truyền thống Nho gia để duy trì trật tự xã hội, đề xướng thực hành đường lối đức trị.

"Tân dân" là đổi mới lòng dân, đổi mới cách suy nghĩ của dân, bỏ cũ thay mới, bỏ ác theo thiện, yêu cầu mọi người thực hiện đạo đức của Nho gia, phát huy cao độ đạo đức trời đã phú cho con người lúc mới sinh để làm thay đổi tư tưởng con người, khiến mọi người có thể từ bỏ điều xấu mà làm điều tốt, từ bỏ điều ác mà làm điều thiện.

"Chỉ ư chí thiện" là đạt đến đạo đức hoàn thiện nhất. Nho gia cho rằng chỉ khi nào việc tu dưỡng đạo đức của con người đạt đến mức độ hoàn thiện nhất, thì nước mới

được hưng thịnh phát đạt, không còn tiềm ẩn nguy cơ bị diệt vong.

"Bát mục" là tám bước cụ thể để thực hiện ba cương lĩnh nói trên. Đó là:

- Cách vật (nghiên cứu thấu đáo sự vật).
- Trí tri (hiểu biết sâu sắc, có kiến thức rõ rệt).
- Thành ý (có ý nghĩ thành thật với chính mình).
- Chính tâm (giữ lòng dạ ngay thẳng).
- Tu thân (sửa mình trở thành người tốt).
- Tề gia (chỉnh đốn tốt việc nhà).
- Trị quốc (khiến cho đất nước yên ổn).
- Bình thiên hạ (khiến cho thiên hạ thái bình).

Trong tám bước đó, tu thân là gốc. Muốn tu thân, trước hết phải "cách vật trí tri", nghĩa là phải nghiên cứu kỹ để hiểu cho hết cái nguyên lý của sự vật, tìm hiểu kỹ điều kiện khách quan, chủ quan, bản chất của sự vật để không ngừng nâng cao nhận thức đối với sự vật.

Nhận thức được thế giới khách quan, chủ quan của sự vật, hiểu được nguyên lý của sự vật, tiếp đó thực hiện được "thành ý", "chính tâm", "tu thân", thì mọi người trong gia đình, gia tộc được yên ổn, hòa thuận.

Gia đình, gia tộc yên ổn, nước nhà sẽ yên ổn, thiên hạ sẽ thái bình.

Trong tám bước đó, bốn bước đầu nói về phương pháp tu thân, ba bước sau nói về mục đích của tu thân.

Tám bước này nhấn mạnh phải nâng cao nhận thức để phát huy đức sáng, tính thiện của con người, yêu cầu con người tự khôi phục lại bản tính thiện trời phú cho lúc mới sinh để phòng ngừa những sai lệch trong cảm tính cá nhân, những dục vọng sai trái, loại trừ những tình cảm không ổn định, theo đuổi đức sáng để tự hoàn thiện mình.

Chương 2

KHANG CÁO

Khang Cáo là một thiên trong sách Chu Thư có câu: "Có thể phát huy được tính tốt của mọi người".

Thái Giáp là một thiên trong sách Thượng Thư có câu: "Nên nghĩ đến những tính tốt mà trời đã ban cho mọi người".

Đế Điển là một thiên trong sách Ngu Thư có câu: "Có thể phát huy được đại đức".

Ba lời ấy đều muốn nói mọi người phải tự mình phát huy đức sáng của mình.

Lời bình:

Đây là chương đầu tiên ghi chép về những kiến giải của Tăng Tử. Ông trích dẫn lời nói trong các điển tích, để nói lên người xưa đã rất quan tâm đến việc phát huy đức sáng của con người và khẳng định là có thể phát huy được.

Đức sáng trời phú cho là đức sáng có sẵn, ta phải gìn giữ và phát huy để cho cách nói, cách nghe, cách nhìn, cách làm của mỗi người phù hợp với đạo đức luân lý Nho gia. Được như vậy thì xã hội ổn định.

Chương 3

BÀN MINH

Trên chậu tắm của vua Thành Thang có khắc mấy chữ: "Mỗi ngày nếu có thể làm cho mình được mới hơn, thì ngày nào cũng nên tự đổi mới, đã đổi mới rồi, càng mới hơn nữa".

Thiên Khang Cáo có câu: "Nên khuyến khích nhân dân đổi mới".

Kinh Thi có câu: "Triều Chu tuy là nước cũ, nhưng là mang sứ mạng mới".

Cho nên người quân tử nên tận dụng hết mọi biện pháp ráng sức đạt đến cõi đạo đức hoàn thiện nhất để cầu được tự đổi mới.

Lời bình:

Nho gia chủ trương thi hành tư tưởng "tân dân", có nghĩa là đổi mới lòng dân, bỏ cũ theo mới, bỏ ác theo thiện.

Cốt lõi của vấn đề là đổi mới để thống nhất tư tưởng, vì vậy giai cấp thống trị đồng thời với tự hoàn thiện

mình, phải tìm mọi biện pháp tuyên truyền đạo đức luân lý Nho gia trong dân chúng, khiến mọi người đều đổi mới, đạt đến hoàn thiện nhân cách, phẩm đức.

Chương 4

BANG KỲ

1. Kinh Thi có câu: "Thiên tử cai quản một cõi đất vuông vức nghìn dặm, là nơi ở của nhân dân".

Kinh Thi có câu: "Con chim vàng hót líu lo, nó đậu bên gác núi".

Khổng Tử bình câu này nói: "Con chim vàng còn biết chọn chỗ mà đậu, chẳng lẽ người ta không bằng con chim sao?".

2. Kinh Thi có câu: "Ôi Văn Vương! Đức hạnh của Người sâu xa biết mấy, to lớn biết mấy! Vừa quang minh chính đại, vừa cung kính làm trọn chức phận của mình". Làm vua thì hết mình thực hiện đức nhân. Làm bề tôi thì hết mình thực hiện đức kính. Làm con thì hết mình thực hiện đức hiếu. Làm cha thì hết mình thực hiện đức từ. Cùng người trong nước quan hệ với nhau phải hết mình thực hiện đức tín.

3. Kinh Thi có câu: "Kìa! Xem bên đoạn ngoặt của sông Kỳ, tre xanh rậm rạp, tốt tươi; có người quân tử lịch sự, thanh nhã, như cắt như gọt thật chăm chỉ, như

mài như dũa thật tinh tế. Trang nghiêm thay! Cương nghị thay! Quang minh chính đại thay! Vĩ đại thay! Người quân tử lịch thiệp, thanh nhã như vậy, người ta trọn đời không bao giờ quên".

"Như cắt như gọt" là muốn nói đến thái độ học tập của người quân tử.

"Như mài như dũa" là muốn nói về công phu tu dưỡng của người quân tử.

"Trang nghiêm thay! Cương nghị thay!" là muốn nói về thái độ nghiêm túc cẩn thận của người quân tử.

"Quang minh chính đại thay! Vĩ đại thay!" là muốn nói về dáng vẻ bộ mặt uy nghiêm nhưng chân thành, sáng sủa của người quân tử.

"Người quân tử lịch thiệp, thanh nhã như vậy, người ta trọn đời không bao giờ quên" là muốn nói đức hạnh của người quân tử đã đạt đến cõi chí thiện chí mỹ, nên dân chúng không bao giờ quên.

4. Kinh Thi có câu: "Hỡi ôi! Những vị vua đời trước thì người ta chẳng quên".

Người quân tử ca ngợi các vị vua đời trước mà trở nên tôn trọng người hiền, cũng như yêu quý những người thân của mình.

Còn kẻ tiểu nhân cũng nhờ công đức của các vị vua đời trước mà hưởng thụ những niềm vui, hưởng thụ những lợi ích.

Vì vậy, dù các vị vua đời trước đã qua đời, nhưng mọi người vĩnh viễn không bao giờ quên.

Lời bình:

Muốn phấn đấu đạt đến đạo đức hoàn thiện nhất thì phải thực hiện tốt năm đức: nhân, kính, hiếu, từ, tín. Mỗi người từ bậc thiên tử đến kẻ bình dân mà thực hiện theo yêu cầu của năm đức này thì quốc gia mới được củng cố, nhân dân mới được an cư lạc nghiệp.

Chương 5

THÍNH TỤNG

Khổng Tử nói: "Thẩm tra xét xử công án thì năng lực của ta cũng như người khác thôi. Điều mà ta mong muốn tâm đắc nhất là người ta đừng có đi kiện tụng nữa". Phải để cho những kẻ giấu giếm sự thực không dám khua môi múa mép, không dám cậy thế đè người, ức hiếp, hãm hại người hiền; khiến cho dân chúng hoàn toàn tâm phục. Thế mới gọi là hiểu được cái gốc của đạo lý.

Lời bình:

Khổng Tử chủ trương giải quyết vấn đề nên giải quyết từ gốc. Theo ông, xử kiện chỉ là giải quyết đằng ngọn. Giáo dục nhân dân hiểu đạo lý, hiểu pháp luật đừng để xảy ra kiện tụng mới là cái gốc.

Cái gốc là đức trị. Nó đòi hỏi một sự giáo dục toàn diện, nghiêm khắc đối với mọi tầng lớp, nâng cao ý thức

tuân thủ pháp luật cho mọi người, để duy trì và củng cố cơ sở chính trị của chế độ.

Chương 6

TRI BẢN

Trong chương thứ sáu của sách Đại Học, tức là chương thứ năm trong mười chương của Tăng Tử viết, có giải thích rõ về ý nghĩa của "cách vật trí tri", nhưng chương này đã bị thất lạc. Tôi (Chu Hy) vận dụng quan điểm của Trình Di bổ sung như sau:

Muốn có nhận thức đúng đắn thì cốt lõi là ở chỗ "cách vật trí tri", tức là nghiên cứu để hiểu rõ lý tận cùng của sự vật. Muốn có nhận thức đúng đắn đối với bất kỳ sự vật nào, phải tiếp xúc với sự vật để nghiên cứu kỹ cả bên ngoài lẫn bên trong của sự vật, bản chất của sự vật, điều kiện khách quan, chủ quan của sự vật phát sinh, phát triển, tồn tại và diệt vong.

Nói chung, trí tuệ con người rất cao siêu, không có ai không có năng lực nhận biết, chỉ khác nhau ở mức độ mà thôi, còn vạn vật trong thiên hạ không có cái nào không bao hàm cái lý của nó. Chỉ vì chúng ta đối với sự vật, chưa nghiên cứu hết điều tận cùng, cho nên nhận thức chưa được đầy đủ đó thôi.

Cho nên, sách Đại Học, trước hết yêu cầu các học giả khi tiếp xúc với bất cứ sự vật gì trong thiên hạ, phải căn

cứ vào cái lý mình đã nhận thức được sự vật đó, để tiếp tục nghiên cứu cái lý tận cùng của sự vật, để đạt đến đỉnh điểm của nhận thức.

Nếu chúng ta bỏ đúng công sức, kiên trì như vậy, thì sẽ có một ngày ta thông hiểu hết cái sâu kín bên trong lẫn cái hiển hiện bên ngoài của sự vật, từ tinh vi đến thô thiển, không có chỗ nào mà không biết được một cách cặn kẽ. Đến lúc đó, nhận thức của chúng ta về tổng thể, về khái quát, về vận dụng cụ thể sẽ không có chỗ nào không rõ. Đây gọi là "cách vật trí tri", tức là nhờ phân tích mổ xẻ nên đã hiểu hết lý tận cùng của sự vật. Như vậy gọi là đã đạt đỉnh điểm về nhận thức.

Lời bình:

Hai câu đầu tiên ở chương này, lúc đầu là ở cuối chương đầu tiên trong mười chương của Tăng Tử, tức là ở chương thứ hai sách Đại Học. Chu Hy rút ra để vào chương này, tiếp đó Chu Hy đưa phần giải thích "cách vật trí tri" vào, vì sách Đại Học chưa có giải thích về "cách vật trí tri".

Chu Hy giải thích "cách vật trí tri" như sau:

"Cách" là nghiên cứu, truy cứu. "Vật" là sự vật, chỉ tất cả mọi sự vật, hiện tượng tự nhiên cũng như xã hội. "Trí" là cực, tận cùng, đến cùng. "Tri" là biết, nhận thức.

Chu Hy cho rằng, con người ta ai cũng có năng lực nhận biết, mà bất cứ sự vật nào đều có cái lý, bản chất *riêng của sự vật đó.* Không hiểu tận cùng cái lý, bản

chất của sự vật thì không thể có nhận thức đầy đủ về sự vật đó được. Muốn có nhận thức đầy đủ, đạt đến đỉnh điểm, khi tiếp xúc với sự vật phải nghiên cứu tận cùng cái lý của nó.

Theo giải thích của Chu Hy, "cách" là thủ đoạn của "trí".

Nhưng sự vật mà Chu Hy nói tới, không những là hiện tượng vật chất tồn tại khách quan, mà còn chỉ những hoạt động xã hội do con người chủ trì tổ chức. Cho nên "cách" trong "cách vật" không những chỉ sự nghiên cứu khảo sát sự vật trong thực tiễn, trong tự nhiên, trong xã hội; mà còn chỉ những thể nghiệm tâm lý lấy thành ý, chính tâm làm nội dung. Vì không thành ý, chính tâm cũng không thể hiểu hết sự lý, mặt trái, mặt phải của sự vật, của vấn đề, nhất là các hiện tượng xã hội, tệ hơn nữa vì không thành tâm mà bóp méo sự thật.

Muốn thành ý, chính tâm, ngoài sự tự giác của mỗi con người ra, vẫn phải đề cao sự giáo dục tuyên truyền nhắc nhở mọi người tự hoàn thiện mình, tự khôi phục bản tính đạo đức ban đầu của mình.

Nho gia đề xướng "cách vật trí trì" là để giáo dục mọi người đề phòng những thiên lệch trong cảm tính, sai trái trong dục vọng, loại trừ nhân tố bất lương, theo đuổi tự hoàn thiện mình, tự điều chỉnh mình, để tu dưỡng đạo đức của cá nhân phù hợp với nhu cầu của sự phát triển xã hội.

Chương 7

THÀNH Ý

1. Thành ý là khiến cho ý niệm được thành thật. Muốn cho ý niệm của mình thành thật, trước hết mình không được lừa mình dối mình. Như vật gì hôi thì mình ghét, vật gì đẹp đẽ thì mình lại ưa. Đây là muốn nói mình thật sự thỏa mãn theo ý mình, biểu lộ tình cảm, ý niệm của mình.

Cho nên, người quân tử khi ở một mình cũng cần phải giữ mình hết sức cẩn thận.

2. Kẻ tiểu nhân, khi người khác không nhìn thấy thì làm việc xấu ngay, không việc xấu nào mà không làm. Nhìn thấy người quân tử thì kẻ tiểu nhân trốn trốn tránh tránh, mắt la mày lét, cố ý che giấu cho được hành vi không tốt, mà xun xoe, khoe khoang bộc lộ hành vi tốt của mình. Kỳ thực, mọi người nhìn kẻ tiểu nhân như thấu cả ruột gan, tim phổi rồi, thì kẻ tiểu nhân không thành thật như vậy phỏng có ích gì? Thế gọi là sự thật ở bên trong nhất định biểu lộ ra ngoài. Cho nên người quân tử khi ở một mình vẫn phải giữ mình hết sức cẩn thận, tự kiểm tra, chất vấn bản thân mình, làm chủ bản thân.

3. Tăng Tử nói: "Rất nhiều mắt nhìn, rất nhiều tay chỉ,như vậy không đủ nghiêm khắc rồi sao?". Vì vậy nên *phải giữ mình.*

4. Tài sản có thể làm đẹp nhà cửa. Đức hạnh có thể làm đẹp bản thân. Tâm tư quảng đại thì cử chỉ, thái độ thong dong, thoải mái. Cho nên, người quân tử lúc nào cũng phải làm cho ý niệm của mình được thành thật.

Lời bình:

Thành ý là làm cho ý niệm của mình thành thật, tư tưởng thuần chính. Muốn làm được điều này, phải bỏ ra nhiều công phu, lúc nào ở đâu cũng phải có ý thức về lời nói và hành động của mình; dù cho chỉ có một mình mình làm, một mình mình biết, cũng không được một lúc nào giả dối, ngụy trang. Thông thường, những ý niệm ác thường nảy sinh khi người ta ở một mình; mà những điều tưởng chừng như có thể giữ kín trong lòng lại hiện ra qua nét mặt, cử chỉ và thái độ, nên mọi người rất dễ nhận ra. Vì vậy khi ở một mình, người quân tử càng phải giữ mình cẩn thận, ý niệm của mình phải chân thực, hành động của mình phải đúng đắn.

Chương 8

CHÍNH TÂM TU THÂN

1. Nếu muốn tu dưỡng phẩm cách đạo đức, trước hết phải giữ cho lòng mình ngay thẳng. Đạo lý ở chỗ nào?

Nếu như mình tức giận, thì lòng mình không thể giữ ngay thẳng được.

Nếu như mình lo sợ, thì lòng mình không thể giữ ngay thẳng được.

Nếu như mình quá vui vẻ, thích thú, thì lòng mình không thể giữ ngay thẳng được.

Nếu như mình lo lắng, buồn phiền, thì lòng mình không thể giữ ngay thẳng được.

2. Một khi lòng mình chẳng được ngay thẳng thì có nhìn cũng không thấy, có nghe cũng không hay, có ăn gì cũng không biết mùi vị.

Đạo lý tu dưỡng phẩm đức trước hết cần phải giữ lòng mình ngay thẳng là như vậy.

Lời bình:

Chính tâm là giữ cho lòng mình ngay thẳng. Chính tâm tu thân là chỉ sự tu dưỡng phẩm đức từ nội tâm mình.

Lấy tu thân làm trung tâm để nhấn mạnh giữa tu thân với trị quốc, bình thiên hạ là hoàn toàn thống nhất với nhau. Chính tâm là cơ sở của tu thân. Muốn tu thân phải chính tâm.

Bất kỳ suy nghĩ thiếu thiện chí nào, những dụng ý xấu xa nào như thích, ghét, giận, vui, buồn quá mức đều ảnh hưởng đến tu thân của mình. Cho nên tu thân ở chỗ giữ cho lòng mình ngay thẳng đã trở thành một phương pháp hoàn chỉnh trong rèn luyện, bồi dưỡng phẩm đức mỗi con người.

Chương 9

TỀ GIA

1. Tề gia tức là chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc mình, chủ yếu ở chỗ mình tu dưỡng tốt đạo đức. Bởi vì con người ta đối với người mình thân thích thì thường có sự thiên lệch; đối với người mình kính sợ, thường có sự thiên lệch; đối với người mình thương hại, thường có sự thiên lệch; đối với người mình khinh miệt, cũng thường có sự thiên lệch.

Cho nên ưa thích ai lại biết được khuyết điểm của người ấy, khi ghét bỏ ai lại biết được ưu điểm của người ấy, người làm được như vậy là hiếm có trong thiên hạ.

2. Vì vậy ngạn ngữ có câu: "Người ta không ai biết được tật xấu của con mình, không có ai cho rằng mạ ở ruộng mình tốt cả" (Vì thương yêu con, nên thấy cái gì con cũng tốt. Vì sợ người ta xin hay lấy trộm mất, cho nên không dám nói mạ nhà mình tốt. Ý nói tính thiên lệch của con người là một tồn tại khách quan - ND).

Thế gọi là tự bản thân mình không tu dưỡng tốt thì không lấy gì chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc được.

Lời bình:

Muốn "tề gia" phải "tu thân". Nhưng bản tính của con người thường có sự thiên lệch. Đối với người thân thích mình yêu mến thì lại càng yêu mến. Đối với người thân thích mình ghét thì lại càng ghét. Tính thiên lệch

này không có lợi cho sự đoàn kết mọi người trong gia đình, gia tộc, trong làng xã. Nếu suy rộng ra toàn xã hội, tính thiên lệch này có ảnh hưởng xấu nghiêm trọng, chẳng hạn như thân quen thì ưu tiên bổng lộc nhiều, việc gì cũng giải quyết trước, địa phương mình thì quan tâm hơn,... dần dần làm cho xã hội mất công bằng, mất ổn định.

Vì vậy, bất kỳ ai cũng không nên thiên lệch về một bên nào, phía nào, ngành nào. Tất cả đều theo trung dung mà xử lý, theo trung thứ mà đối xử với người. Có như vậy, tự bản thân mới có sự tu dưỡng tốt, mới tề được gia.

Chương 10

TRỊ QUỐC

1. Muốn trị quốc tốt trước hết phải chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc mình. Bởi vì người trong gia đình, gia tộc mình giáo dục không được, mà lại có thể giáo dục được người khác thì đây là điều không thể có.

Cho nên người quân tử không cần ra khỏi nhà mà vẫn giáo dục tốt dân một nước.

2. Đức hiếu với cha mẹ là nguyên tắc để thờ vua.

Đức đễ (kính) với anh là nguyên tắc để đối xử với người trên.

Đức từ (yêu thương, độ lượng) với các con là nguyên tắc để sai khiến, sử dụng dân chúng.

3. Thiên Khang Cáo có câu: "Vua yêu thương chăm lo cho dân giống như người mẹ chăm sóc bảo vệ trẻ sơ sinh vậy".

Nếu thành tâm tìm hiểu, nỗ lực chăm sóc bảo vệ trẻ sơ sinh, tuy là không thể hoàn toàn đạt ý nguyện của đứa trẻ, nhưng sai sót cũng không là mấy. Chưa hề thấy cô gái nào học cách nuôi con trước rồi mới đi lấy chồng.

4. Một nhà thực hiện nhân ái, có thể dấy lên cả nước một phong trào nhân ái.

Một nhà thực hiện khiêm nhường, có thể dấy lên cả nước một phong tục khiêm nhường.

Còn nếu một người tham lam tàn bạo, tất dấy lên cả nước phạm thượng, làm loạn.

Mối liên hệ tương quan chặt chẽ chính là như vậy. Đó gọi là một lời có thể làm hỏng cả công việc, một người có thể làm yên được nước nhà.

5. Vua Nghiêu, vua Thuấn dùng nhân ái để quản lý thiên hạ. Nhân dân theo đó mà thực hiện nhân ái.

Vua Kiệt, vua Trụ dùng bạo lực để quản lý thiên hạ. Dân chúng cũng theo đó mà làm loạn.

Ra lệnh cho dân chúng thực hành nhân ái, nhưng mình lại tàn bạo, thì dân nhất định chẳng nghe theo.

Cho nên người quân tử, trước hết nên yêu cầu mình có điều thiện, sau đó mới yêu cầu người khác; yêu cầu mình đừng làm điều ác, rồi sau đó mới cấm chỉ người khác.

Nếu bản thân mình che giấu những hành vi không phù hợp với đạo trung thứ, mà lại giáo dục được người làm theo đạo trung thứ,. từ trước đến nay chưa có ai làm được. Cho nên muốn trị nước tốt, trước hết phải chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc.

6. Kinh Thi có câu: "Cây đào đẹp biết bao nhiêu! Lá xanh tươi tốt xum xuê. Kìa cô gái bước chân về nhà chồng, nhất định khiến cả nhà hòa thuận". Một nhà hòa thuận mới có thể giáo dục cả nước hòa thuận.

Kinh Thi có câu: "Anh em phải hòa thuận với nhau". Anh em có hòa thuận mới có thể giáo dục người trong cả nước.

Kinh Thi có câu: "Lễ tiết nghi thức không để sai sót, thì có thể giáo dục tốt người khắp thiên hạ". Bậc vua hiền xử sự ở địa vị một người làm cha, làm con, làm anh, làm em đều trở thành một tấm gương cho cả gia tộc noi theo, thì nhân dân mới noi theo.

Như vậy là muốn nói trị quốc tốt trước hết là ở chỗ chỉnh đốn tốt gia đình, gia tộc mình.

Lời bình:

Nho gia chủ trương muốn trị quốc thì phải tề gia.

Thế nào là tề gia? Tề gia là chỉnh đốn gia đình mình cho tốt.

Muốn chỉnh đốn tốt gia đình, phải đem đức hiếu của con cái đối với cha mẹ, đức đễ của em đối với anh, đức từ của cha mẹ đối với con cái làm quy phạm đạo đức cơ bản để duy trì quan hệ nội bộ gia đình.

Mọi gia đình mà cha mẹ hiền từ với con cái, anh chị em đều có sự tôn trọng lẫn nhau, kính trên nhường dưới, con cái hiếu thuận với cha mẹ, quan hệ tốt đẹp như vậy thì việc duy trì đoàn kết nội bộ gia đình chẳng có gì là khó khăn cả.

Nguyên tắc để điều hòa những mối quan hệ trong gia đình cũng thích ứng với điều hòa những mối quan hệ trong xã hội giữa bề tôi với vua, giữa vua tôi với dân chúng... Ngày nay, đem những đức hiếu, đễ, từ, trong gia đình, gia tộc vận dụng vào sinh hoạt chính trị của nước nhà thì thật là có ý nghĩa to lớn.

Lòng hiếu thuận với cha mẹ là cơ sở để xây dựng lòng trung thành, hết mình phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.

Biết kính trọng, nghe lời và nhường nhịn anh em là cơ sở để hình thành thái độ đối xử với người trên, để từ đó biết kính trọng người cao tuổi, tôn trọng cấp trên, nhường nhịn bạn bè, đồng nghiệp.

Có tấm lòng thương yêu của cha mẹ đối với con, đem lòng từ ái đối với mọi người khác mới khiến người ta tin phục, có giao phó việc gì người ta mới sẵn lòng nghe theo.

Làm được như vậy, các mối quan hệ phức tạp trong nội bộ nước nhà cũng được điều hòa tốt đẹp, chế độ chính trị mới được củng cố.

Nho gia chủ trương tu thân tốt rồi mới tề gia, tề gia tốt rồi mới trị quốc, trị quốc tốt mới bình được thiên hạ. Tề gia là cơ sở của trị quốc chính là như vậy.

Chương 11

HIỆT CỦ

1. "Bình thiên hạ ở chỗ trị nước mình" có nghĩa là muốn thiên hạ thái bình thì phải lãnh đạo tốt đất nước mình.

Nếu người trên có hiếu với cha mẹ, thì trong nhân dân nhất định dấy lên một tập quán, phong tục hiếu kính cha mẹ.

Nếu người trên tôn trọng bậc huynh trưởng, thì trong nhân dân nhất định dấy lên một phong tục, tập quán tôn trọng anh em.

Nếu bề trên thật lòng thương xót kẻ côi cút cô đơn góa bụa, thì nhân dân cũng thương xót kẻ côi cút cô đơn góa bụa. Vì vậy người quân tử phải nắm vững đạo "noi theo khuôn phép" này.

2. Ghét những điều không tốt mà người trên đối với mình, thì mình cũng đừng lấy điều đó đối xử với cấp dưới.

Ghét những cách làm không tốt của cấp dưới đối với mình, thì mình cũng đừng dùng những cách đó để đối xử với cấp trên.

Ghét những việc làm không tốt của người trước đối với mình, thì mình cũng đừng đem những việc đó đối xử với người sau mình.

Ghét những việc làm không tốt của người sau đối với mình, thì mình cũng đừng đem những việc đó đối xử với người trước mình.

Ghét những việc làm không tốt của người bên trái đối với mình, thì mình cũng đừng đem những việc đó đối xử với người bên phải mình.

Ghét những việc làm không tốt của người bên phải đối với mình, thì mình cũng đừng đem những việc đó đối xử với người bên trái mình.

Đấy gọi là đạo "noi theo khuôn phép".

3. Kinh Thi có câu: "Người quân tử hiền hòa, nhân đức là cha mẹ của dân".

Người quân tử yêu thích điều dân yêu thích.

Người quân tử ghét điều dân ghét.

Như vậy gọi là làm cha mẹ của dân.

4. Kinh Thi cũng có câu: "Kìa Nam Sơn hiểm trở, sừng sững non cao, đá núi trập trùng! Uy nghiêm thay quan thái sư họ Doãn! Nhân dân đều ngưỡng vọng, mến mộ ngài".

Làm người cai trị quốc gia không thể không cẩn thận. Nếu để sơ suất một phân ly, không noi theo khuôn phép, tất sẽ bị nhân dân loại bỏ ngay.

5. Kinh Thi còn có câu: "Khi nhà Ân chưa để mất lòng dân thì còn xứng đáng để thụ mệnh thiên tử. Nên soi vào tấm gương diệt vong của nhà Ân để biết rằng, giữ được thiên hạ không phải là dễ". Đây là muốn nói đạo trị dân: nếu được lòng dân là được nước, mất lòng dân là mất nước.

6. Vì vậy người quân tử trước tiên phải cẩn thận tu dưỡng đức tính của mình. Hễ mình có phẩm đức tu

dưỡng tốt là được lòng dân, được lòng dân là có đất đai, có đất đai là có tài sản, có tài sản mới có thể sử dụng.

7. Đức là gốc, tài sản là ngọn. Nếu như bỏ gốc mà lấy ngọn, thì sẽ cùng tranh lợi với dân, cướp bóc dân. Vì thế, nếu chỉ lo góp nhặt tài sản thì dân chúng sẽ xa rời ngay; biết phân phát tài sản thì dân chúng sẽ quy thuận ngay. Nếu ở trên phản lại lòng dân, chỉ biết phát ra những mệnh lệnh trái lẽ, thì dân chúng sẽ đối xử lại bằng những điều trái nghịch. Nếu ở trên phản lại lòng dân, chỉ lo tích tụ tài sản châu báu ngọc ngà, thì dân chúng cũng sẽ đối xử lại bằng hành động bội nghịch, khiến cho tài sản của vua ngày một khánh kiệt.

8. Thiên Khang Cáo có câu: "Mệnh trời không thể trước sau như một được". Câu này muốn nói có đức thiện mới có được mệnh trời, nếu không có đức thiện thì sẽ mất mệnh trời ngay.

9. Sách cổ nước Sở có câu: "Nước Sở chẳng có cái gì làm trân châu bảo ngọc cả. Chỉ đem người có đức thiện làm trân châu bảo ngọc mà thôi".

Ông Phạm, cậu vua Tấn Văn Công có nói một câu: "Người vì mất nước mà phải chạy ra nước ngoài, không còn xem cái gì là trân châu bảo ngọc cả; chỉ đem lòng nhân ái, yêu thương con người làm vật báu mà thôi".

10. Thiên Tần Thệ trong sách Chu Thư có câu: "Giả thử có được một đại thần rất thành thực, dù chẳng có tài năng nào khác, nhưng có tấm lòng quảng đại, bao dung; thấy người khác có tài năng, đại thần đó xem như

mình có; biết người khác thông minh, hiền đức, đại thần đó chẳng những hết sức tán thưởng ra lời mà còn vô cùng kính phục từ trong tâm, thì bậc đại thần như vậy có thể dung nạp người hiền tài, nên có thể che chở cho con cháu, xã tắc và nhân dân của ta. Đại thần đó đối với ta rất có ích lắm thay!

Còn kẻ làm tôi thấy người khác có tài năng thì đem lòng đố kỵ, ghen ghét; biết người khác hiền đức, thông minh liền làm điều khó dễ, gây trở ngại, khiến cho người ấy không được vua biết tới, không thành công trong mọi việc, thì loại người này không có lòng bao dung, do đó không thể che chở cho con cháu, xã tắc và nhân dân của ta. Loại người này đối với ta là hết sức nguy hiểm!".

Chỉ người có đức nhân mới có thể đem loại người đố kỵ ấy mà đày đi nơi xa, không cho chúng cùng sống chung với hiền thần tại đất Trung Nguyên.

Đây là muốn nói, chỉ người có đức nhân mới biết yêu người, ghét người. Vì vậy cái yêu, cái ghét của thánh nhân đều chính đáng cả.

11. Phát hiện người có tài đức mà không đề bạt cất nhắc, đề bạt cất nhắc rồi mà không trọng dụng, đây gọi là khinh rẻ người có tài đức vậy.

Phát hiện người bất lương làm sai trái mà không bãi chức, bãi chức rồi mà lại không đuổi ra ở nơi xa xôi hẻo lánh, đây gọi là dung túng cho kẻ bất lương vậy.

Ưa thích cái mà mọi người ghét bỏ, ghét bỏ cái mà mọi người ưa thích, thế gọi là làm trái bản tính con người, tai họa nhất định giáng xuống kẻ ấy.

Cho nên, làm người quân tử cần nhớ kỹ đạo lý lớn này: phải dựa vào trung tín mới được thiên hạ, còn nếu kiêu ngạo, phóng túng thì nhất định mất thiên hạ.

12. Muốn tích tụ được của cải cũng có nguyên tắc: người làm ra của cải thì đông mà hưởng thụ của cải thì ít; làm ra của cải thì nhanh mà tiêu dùng của cải thì chậm. Có như vậy thì tài sản mới một ngày một dồi dào sung túc.

Người nhân dùng của cải của mình để hoàn thiện phẩm đức. Kẻ bất nhân dùng sinh mệnh của mình để vơ vét thêm của cải. Chưa từng có bậc vua nào ưa thích điều nhân mà dân chúng lại không yêu điều nghĩa. Chưa từng có người nào hiểu điều nghĩa mà lại làm việc không hết lòng. Cũng chưa từng có bao giờ của cải trong kho lẫm lại không phải là của cải của người nhân.

13. Mạnh Hiến Tử có nói: "Người có xe bốn ngựa kéo thì không nên nghĩ đến việc nuôi gà nuôi heo. Nhà có khả năng dùng nước đá ướp lễ vật để cúng tế thì không nên nghĩ đến việc nuôi dê, nuôi bò. Ở địa vị làm quan có đến hàng trăm cỗ xe thì chẳng nên nghĩ đến việc nuôi thêm gia thần nhằm bòn mót tiền tài của dân chúng. Thà là có kẻ bề tôi ăn cắp của mình còn hơn là có kẻ bề tôi bòn rút tiền tài của dân cho mình".

Điều này muốn nói lên rằng một nước không nên xem tài sản là lợi ích, mà nên xem nhân nghĩa là lợi ích.

14. Nếu bậc vua cai trị một quốc gia mà chỉ nặng về coi trọng tài sản, nhất định có kẻ tiểu nhân xúi giục. Kẻ

ấy lại còn tán thưởng việc làm trên của vua là tốt. Kỳ thực, nếu để kẻ tiểu nhân tham gia quản lý quốc gia, nhất định dẫn đến thiên tai nhân họa, dù cho về sau dùng lại người hiền đức cũng không cứu vãn nổi.

Đây là nói về đạo trị quốc: không nên xem tài sản là lợi ích, mà nên xem nhân nghĩa là lợi ích vậy.

Trung Dung

LỜI DẪN

Trung Dung là sách luân lý học của phái Nho gia Tử Mạnh (Tử Tư và Mạnh Tử). Đến thời Hán, sách Trung Dung đã trở thành một thiên trong sách Lễ Ký. Đến đời Tống, học giả Chu Hy rút ra, chỉnh biên lại và chú giải, rồi hợp cùng các sách Luận Ngữ, Đại Học, Mạnh Tử thành bộ Tứ Thư. Từ đời Tống về sau, sách Trung Dung trở thành sách giáo khoa cơ bản trong chương trình giáo dục của chế độ phong kiến Trung Quốc.

Sách Trung Dung không quá ba nghìn chữ. Sau khi chỉnh lý xong, Chu Hy phân ra 33 chương để dễ bề chú giải. Đến đời Thanh, học giả Trương Đại chọn mấy chữ ở mỗi chương để đặt tên cho từng chương. Kết cấu của Trung Dung chặt chẽ, nghiêm túc, cẩn thận; lời văn ngắn gọn nhưng điêu luyện, sắc bén.

Nội dung sách có thể chia ra hai phần:

Phần thứ nhất là những giải thích của Khổng Tử về trung dung và con đường, biện pháp đạt đến trung dung.

Phần thứ hai gồm những ý kiến mà Tử Tư đã kế thừa và phát triển tư tưởng trung dung của Khổng Tử, trong đó nội dung quan trọng nhất là chí thành.

Trong Luận Ngữ, Khổng Tử đã đưa ra khái niệm trung dung. Tư tưởng trung dung nêu ra trong Luận Ngữ là kế thừa và phát triển quan niệm trung hòa trước đây.

Sáng tạo lớn nhất của Khổng Tử là sau chữ "trung" lại thêm chữ "dung". Từ đó nâng quan niệm "trung hòa" lên tầm triết học. Chữ "dung" có hai nghĩa:

Nghĩa thứ nhất là dụng, là dùng, tức là nắm chắc hai đầu mút, hai cực đoan của hai mặt đối lập, tìm cho ra biện pháp phù hợp để giải quyết mọi mâu thuẫn trong xã hội; làm gì ở đâu cũng luôn luôn áp dụng điều trung.

Nghĩa thứ hai là bình thường, tức là coi vận dụng đạo trung trở thành việc làm hàng ngày của mọi người.

Khổng Tử sống ở cuối thời kỳ Xuân Thu, lúc giao thời giữa chế độ phong kiến đang bắt đầu hình thành, chế độ tông pháp ở trong tình trạng lễ băng nhạc hoại, những hiện tượng tranh bá đồ vương, chém giết lẫn nhau tàn khốc xảy ra, khiến xã hội đã mất hết những chuẩn tắc để duy trì các mối quan hệ, xảy ra nhiều hiện tượng thất trung. Cho nên Khổng Tử mới đề xướng đạo trung dung. Mục đích là mong muốn giữa người với người có mối quan hệ hài hòa, để chế độ đẳng cấp không bị phá sản.

Đã có nhiều người hiểu lầm về ý nghĩa của trung dung, cho rằng chữ "trung" trong "trung dung" là "chiết trung", là "điều hòa". Thực chất, "trung" trong "trung dung" và "trung" trong "chiết trung" đều là một chữ "trung", nhưng hàm ý hoàn toàn khác nhau.

Chiết trung, nguyên ý lúc đầu là: "chiết" là phán đoán, quyết đoán, còn "trung" là tiêu chuẩn. Ở thời nhà Tần, chiết

trung có nghĩa là phân biệt tiêu chuẩn, phân biệt phải trái, đúng sai, thật giả; đối với sự tranh chấp hai bên có ý kiến chính xác, thì phải có phán quyết xác đáng. Đến hậu thời kỳ phong kiến, chiết trung đã mất đi ý nghĩa ban đầu, dần dần diễn biến thành điều hòa, tức là không nói đến nguyên tắc, không nói đến phải trái. Đó là một sự suy diễn hoàn toàn sai lệch.

Khổng Tử cho rằng, cục diện xảy ra ở thời đại Khổng Tử là do thiên hạ vô đạo, tức là không có đạo trung dung, không có chuẩn tắc đạo đức luân lý để có thể giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội thời đó. Cho nên phải dựa vào đạo trung dung, tìm ra những biện pháp phù hợp, giải quyết tốt mâu thuẫn với mọi đối tượng trong các mối quan hệ để giữ vững được ổn định xã hội.

Trung dung không phải là trung hòa một cách đơn giản theo phép trung bình số học, mà là tìm cho được biện pháp, đường lối phù hợp, không thái quá hoặc bất cập.

Khổng Tử không chỉ nêu ra lý luận về đạo đức trung dung mà còn tìm ra biện pháp, con đường để thực hiện đạo trung dung. Theo ông, học lý thuyết chỉ khi nào chuyển hóa thành phương pháp, chuẩn mực và nguyên tắc hoạt động mới phát sinh hiệu quả xã hội. Khổng Tử đã từng nêu ra: "Nói không được quá lời, làm không vượt quá nguyên tắc. Không chiếm hết công lao, không đùn đẩy sai lầm. Không nên thiên, không nên lệch về bên nào. Không được thái quá hay bất cập".

Đó là những nguyên tắc cơ bản để thực hiện đạo trung dung, cũng là phương pháp cơ bản để đối xử với tự nhiên, xã hội, để xử lý mối quan hệ giữa người với người. Những chuẩn mực, nguyên tắc nói trên càng chứng tỏ trung dung không

phải là trung gian, không phải là điều hòa, càng không phải là chiết trung, mà là muốn con người ta đừng nên có lối suy nghĩ cực đoan, làm việc một cách cực đoan, đi từ cực đoan này sang cực đoan khác. Có như vậy mới tránh được nguy hiểm mà ta không lường trước được. Khi một mâu thuẫn xảy ra, phải giải quyết thống nhất mâu thuẫn, tìm một cân bằng mới. Đó là tư tưởng trung dung.

Tư tưởng trung dung của Khổng Tử đã trở thành một phạm trù triết học. Trong đó, tư tưởng thái quá và bất cập được thể hiện rõ nhất. Nó bao hàm nhân tố tư tưởng rất phong phú của phép biện chứng. Khổng Tử rất tôn trọng tính quy luật khách quan của mâu thuẫn, coi trọng sự liên kết dựa vào nhau mà tồn tại của hai mặt đối lập trong cùng sự vật. Theo ông, mâu thuẫn hai bên đến một lúc nào đó sẽ xảy ra bài xích lẫn nhau, để rồi đạt tới một sự cân bằng của mâu thuẫn, để mâu thuẫn lại được thống nhất. Đặc biệt khi luận chứng về làm thế nào để đạt được sự cân bằng hai bên, làm thế nào để duy trì cân bằng, Khổng Tử đã có những kiến giải rất giá trị làm phong phú, sâu sắc thêm về những ý nghĩa bao hàm của phép biện chứng. Đây là một cống hiến to lớn của Khổng Tử trong lịch sử phát triển nhận thức của nhân loại.

Bàn về chính trị, Khổng Tử chủ trương nhân chính đức trị, muốn cho các giai cấp trong xã hội đều có chỗ đứng của mình, ai theo phận nấy, hy vọng các giai cấp có thể điều hòa được lợi ích, để cho xã hội không gặp phải những tổn thất nghiêm trọng về sức người, sức của, các triều đại kế tiếp nhau lấy cái hay, bỏ cái dở, tuần tự tiến lên.

Bàn về đạo đức, luân lý, Khổng Tử coi trung dung là đức sáng, là chân đế của đạo đức. Cho nên, ông chủ trương:

Về thái độ đối với người: cầu cạnh nịnh bợ là thái quá, coi thường là bất cập, cùng yêu thương nhau là hợp với trung dung.

Về xã giao: ngạo mạn là thái quá, tự ty sợ sệt là bất cập, thành thực là hợp với trung dung.

Về xử sự: thô bạo là thái quá, nhu nhược là bất cập, dũng cảm là hợp với trung dung.

Về sử dụng đồng tiền: xa hoa lãng phí là thái quá, hà tiện là bất cập, khảng khái là hợp với trung dung.

Tư tưởng trung dung được những bậc thánh nhân, những nhà hiền triết cổ đại không chỉ ở Trung Quốc, mà còn ở Ấn Độ và cổ Hy Lạp... đều cùng đề xướng. Nguyên nhân sâu xa là đạo lý trung dung đã mang lại cho con người một lý tưởng sống chính đáng nhất, một biện pháp, một cách giải quyết phù hợp thống nhất được hai cực đoan làm cho cuộc sống giữa con người với con người hài hòa và vui vẻ, nhân loại nhờ đó không dẫn đến bị hủy diệt hay tan rã. Trong hội nghị của các nhà khoa học được trao giải Nô-ben hòa bình tổ chức tại Pa-ri, mọi người đã tuyên bố: "Nhân loại nếu muốn sinh tồn trong thế kỷ XXI, phải hướng về học thuyết chung sống hài hòa của Khổng Tử - người của hơn hai nghìn năm trăm năm về trước".

Cho nên, khi nghĩ đến trung dung là phải nghĩ đến một sự sắp xếp tốt nhất trong một điều kiện, một không gian, một thời gian nhất định. Không nên nghĩ rằng vì bất lực nên phải dựa vào trung dung, hay trung dung là nhường nhịn "chín bỏ làm mười".

Trung dung là một tư tưởng giúp cho con người tìm được sự hoàn mỹ, hoàn hảo nhất; không thiên không lệch về bên

nào; hòa khí với mọi người nhưng không a dua hùa theo người; không kéo bè kéo cánh; hòa nhưng không đồng hóa; hội nhập mà không hòa tan; hòa mình vào quần chúng nhưng không theo đuôi quần chúng, mà để hướng dẫn, giáo dục quần chúng. Trung dung không phải là thỏa hiệp, nhượng bộ, bảo thủ, lạc hậu, mà là một đức sáng giúp con người tự hoàn thiện mình đạt tới phẩm chất đạo đức cao nhất.

Sách Trung Dung là sự kế thừa và phát triển quan trọng tư tưởng trung dung của Khổng Tử, khiến cho trung dung không chỉ là quy phạm đạo đức mà trở thành phương pháp tư tưởng để quan sát thế giới, xử lý các vấn đề, thậm chí trở thành thế giới quan của con người.

"Trung ư! Trung là điều cơ bản lớn nhất trong thiên hạ.

Hòa ư! Hòa là chuẩn tắc phổ biến nhất trong thiên hạ.

Trung hòa mà đạt đến tột cùng thì mọi cái trong trời đất đều ở vị trí thỏa đáng, vạn vật sẽ sinh sôi nảy nở".

Về sau, các nhà Nho không ngừng giải thích bổ sung và phát huy trung dung. Với Trình Tử và Chu Hy, Trung Dung chẳng những trở thành phương pháp cơ bản để nhận thức thế giới và chuẩn mực cơ bản để xử thế của Nho gia mà còn thấm sâu vào tâm lý xã hội của con người nói chung.

Ngày 14 tháng 8 năm 2002

DƯƠNG HỒNG

Chương I

THIÊN MỆNH

1. Mệnh mà trời ban riêng cho từng người thì gọi là tính. Thuận theo tính mà đối nhân xử thế, làm mọi việc thì gọi là đạo. Tu dưỡng theo nguyên tắc của đạo để đối nhân xử thế, làm mọi việc thì gọi là giáo.

2. Đạo là điều mà con người không được xa rời dù chỉ trong giây phút; nếu có thể xa rời được thì không phải là đạo. Vì vậy, người quân tử phải hết sức răn mình cẩn thận về những điều không ai nhìn thấy, e sợ những việc không ai nghe thấy. Không có cái gì dễ hiện ra bằng điều giấu giếm, không có cái gì dễ lộ ra bằng điều nhỏ nhặt.

Cho nên người quân tử khi xử thế một mình, từ lời ăn tiếng nói đến việc làm cụ thể càng phải cẩn thận, chu đáo hơn bao giờ hết.

3. Khi tình cảm như: vui mừng, hờn giận, đau thương, khoái lạc chưa biểu hiện ra thì gọi là trung; biểu hiện ra rồi nhưng phù hợp, đúng mức thì gọi là hòa.

Trung ư! Trung là điều cơ bản lớn nhất trong thiên hạ.

Hòa ư! Hòa là chuẩn tắc phổ biến nhất trong thiên hạ.

Trung hòa mà đạt đến tột cùng thì mọi cái trong trời đất đều ở vị trí thỏa đáng, vạn vật sẽ sinh sôi nảy nở.

Lời bình:

Đây là chương đầu tiên của sách Trung Dung. Tác giả nêu ra một số phạm trù luân lý và phạm trù triết học của Nho gia như: thiên mệnh luận, nhân tính luận, giáo hóa, quân tử, thận độc và trung hòa.

Thuyết thiên mệnh: Khổng Tử đã từng nói "sợ thiên mệnh", "năm mươi tuổi mới hiểu rõ thiên mệnh"... Vì vậy có người cho rằng đây là phản ánh tư tưởng duy tâm chủ nghĩa của Khổng Tử, của Nho gia. Nhưng cũng có người cho rằng, thiên mệnh mà Khổng Tử đề cập là nói về quy luật tự nhiên, quy luật khách quan.

Tuy nhiên, bất kể có nội dung ra sao, thiên mệnh vẫn là một nội dung quan trọng trong hệ thống học thuyết Nho gia.

Nhân tính: Đây là bản chất phổ biến của con người. Nhân tính là tổng hợp mối quan hệ xã hội.

Các nhà tư tưởng thời cổ đại đã có rất nhiều quan điểm về bản tính con người. Bản tính con người là thiện, bản tính con người là ác, bản tính con người vừa thiện vừa ác, bản tính con người không thiện không ác... Riêng Nho gia chủ trương bản tính con người là thiện. Nho gia cho rằng bản chất thiện đã có sẵn khi con người

mới sinh ra, là đạo đức trời phú cho; nhưng đồng thời cũng công nhận bản chất, phẩm chất con người có thể thay đổi xấu đi hay có thể bồi dưỡng tốt đẹp hơn lên.

Tư tưởng giáo hóa: Nho gia cho rằng, trong dân chúng, ngoài số ít người có hiểu biết ra, còn lại phải chịu sự giáo hóa của người có hiểu biết. Khổng Tử đã từng nói, dân giàu rồi vẫn phải tiếp tục giáo dục họ; mục đích là để cho họ có tri thức, hiểu lễ phép, biết sống lễ độ. Nho gia không những chủ trương cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân, làm cho dân giàu mà còn chủ trương giáo hóa nhân dân, ràng buộc họ thực hiện đúng yêu cầu về quy phạm đạo đức luân lý, để trật tự xã hội được yên ổn.

Về khái niệm quân tử: Theo Nho gia, người quân tử là người có lý tưởng, có hoài bão, có nhân cách cao thượng, là hình tượng của những người hết lòng vì dân vì nước, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, biết khổ trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Nho gia rất tôn trọng người quân tử.

Thận độc tức là giữ mình cẩn thận khi ở một mình: Nho gia luôn coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, nêu ra phương pháp tu thân tóm tắt trong "giữ mình cẩn thận khi ở một mình". Hơn nữa, tu dưỡng đạo đức chính là để hình thành nên lòng tin đối với đạo đức, từ đó đạt đến đạo đức cao nhất. Vì vậy, người ta khi ở một mình, dù không ai hay biết, không ai giám sát, thúc đẩy thì vẫn kiên trì lòng tin vào đạo đức, tự giác theo chuẩn tắc đạo đức mà làm việc tốt, việc thiện, không làm việc xấu, không tắc trách, qua loa đại khái.

Tu thân mà biết "giữ mình cẩn thận khi ở một mình" có nhân tố rất hợp lý. Nó nhấn mạnh chỉ khi nào con người ta có một lòng tin tuyệt đối vào đạo đức cao thượng, hiểu thấu được nét đẹp của đạo đức, mới có thể tự giác làm điều thiện, điều tốt, không làm điều xấu. Làm điều thiện mà không phải để phô trương cho người ta xem thì đấy mới là đạo đức cao quý.

Vấn đề trung hòa: Trung hòa là tư tưởng luân lý của Nho gia. Nho gia cho rằng, đối với những vấn đề xã hội, nên khuyên người ta chọn con đường trung dung, hết sức trung hòa, tránh xu thế cực đoan thì mới có lợi cho sự ổn định xã hội, đoàn kết mọi người, mọi tầng lớp.

Chương 2

THỜI TRUNG

Khổng Tử nói: "Lời nói và việc làm của người quân tử thì phù hợp chuẩn tắc trung dung. Lời nói và việc làm của kẻ tiểu nhân thì phản lại chuẩn tắc trung dung.

Lời nói và việc làm của người quân tử phù hợp với chuẩn tắc trung dung, vì người quân tử luôn giữ được trạng thái trung hòa, không để thái quá hay bất cập.

Lời nói và việc làm của kẻ tiểu nhân phản lại chuẩn tắc trung dung, vì kẻ tiểu nhân không hề lo sợ, nể nang hay e dè gì ai hết, nên cách nói năng và hành động của kẻ tiểu nhân không thái quá thì cũng bất cập".

Lời bình:

Để hiểu thêm ý của trung dung, cần phân biệt rõ trung hòa và trung dung. Trung hòa và trung dung có chỗ giống nhau nhưng có chỗ khác nhau. Trung hòa chỉ việc tu dưỡng đạo đức đạt đến một giới hạn hài hòa nào đó. Còn trung dung là chỉ tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong việc tu thân đạt tới chỗ không thiên không lệch, không thái quá hay bất cập.

Về sau, một thời có người hiểu trung dung theo nghĩa hẹp, cho trung dung là bình thường, là bảo thủ, thỏa hiệp, thiếu đấu tranh. Hiểu như vậy là trái với tư tưởng trung dung của Khổng Tử.

Chương 3

TIỂN NĂNG

Khổng Tử nói: "Đạo trung dung thật cao quý, tuyệt vời thay! Đã lâu, trong dân chúng rất ít người có thể thi hành được đạo này".

Lời bình:

Trung dung là không thiên không lệch về bên nào, là điểm cân bằng của hai thái cực. Trung dung chính là trung dụng, nghĩa là biết sử dụng chữ trung, điều trung để đạt đến điều tốt nhất, hay nhất, không để cái gì thái quá hay bất cập.

Đạo trung dung yêu cầu lúc nào cũng sử dụng điều trung, ở đâu cũng áp dụng điều trung. Cho nên tư tưởng trung dung đã trở thành tư tưởng điều hòa muôn vật. Điều hòa và cân bằng là một trạng thái trong quá trình phát triển của xã hội và tự nhiên. Khổng Tử đã giải thích rõ được trạng thái này và khái quát thành đạo trung dung. Đây là một cống hiến trong lịch sử nhận thức của nhân loại. Về mặt luân lý mà nói, tư tưởng, ngôn luận, hành vi của con người không thể thiên về cực đoan (cực tả hay cực hữu). Đó là một kiến giải có tính hợp lý và khái quát cao.

Chương 4

HÀNH MINH

Khổng Tử nói: "Đạo sở dĩ không được thực hành, ta biết nguyên nhân của nó rồi. Người thông minh có trí tuệ thì thực hành thái quá; còn người kém hiểu biết thì bất cập.

Đạo sở dĩ không được phát huy làm sáng tỏ, ta biết nguyên nhân của nó rồi. Nhận thức của người hiền tài thì thái quá, còn nhận thức của người kém hiểu biết thì bất cập.

Người ta chẳng có ai không ăn, không uống, nhưng ăn uống mà có thể phân biệt được mùi vị, liệu có được mấy người?".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng: đạo là nguyên tắc cơ bản để đối nhân xử thế, là đạo lý để trị quốc an dân. Nhưng bây giờ không thể thực hành được nữa rồi, là vì người ta khi thực hiện đều hoặc thái quá hoặc bất cập, không xác định được độ chuẩn mực của trung dung. Người có tài thì cho rằng đạo trung dung không có gì khó, nên chẳng cần suy xét; còn kẻ tầm thường thì cho là khó, nên chẳng học. Vì vậy, dẫu tài giỏi hay ngu dần cũng không hành đạo được; dẫu hiền hay bất hiền cũng không hiểu rõ đạo được. Thật ra, người ta không rõ, không theo, không biết "mùi" đạo là tại họ không quan tâm, gắng sức đó thôi. Cũng giống như mọi người trong chúng ta, ai cũng ăn, cũng uống, mà chẳng để ý tới món mình ăn, mình uống thì chẳng có mấy người biết phân biệt được mùi vị. Điều đó nói rằng người lĩnh hội được chân tơ kẽ tóc của đạo trung dung còn rất ít, không mấy ai đạt được.

Trong vấn đề trị quốc, đối nhân xử thế... nếu thái quá hay bất cập đều không phù hợp với đạo trung dung. Thái quá sẽ phá hoại nguyên tắc trị quốc, nguyên tắc làm người, có trở ngại lớn cho ổn định xã hội. Điều đó cũng nghiêm trọng không kém gì bất cập.

Nắm vững hai trạng thái cực đoan là thái quá và bất cập thì mới xác định được đâu là mức phải, hợp lý để đem áp dụng vào việc lãnh đạo đất nước, đối nhân xử thế, thực hiện một chủ trương chính trị đúng đắn.

Thế gọi là đạo trung dung đã được làm sáng tỏ.

Chương 5

BẤT HÀNH

Khổng Tử nói: "Đạo có lẽ không thể thực hành được nữa rồi".

Lời bình:

Đạo, theo Khổng Tử là một thế giới quan, một nhân sinh quan, một chủ trương chính trị, một hệ tư tưởng nhất định. Đạo có phép tắc có nội dung của nó. Người ta thông qua học tập, suy nghĩ và hành động mới có thể đạt đến đạo. Khổng Tử nhấn mạnh rằng con người trong xã hội phải giữ đạo, thích đạo và học đạo; cho rằng con người phải tuân thủ một quy tắc, quy phạm nhất định, mới trở thành người có ích cho xã hội.

Nhưng ở thời đại Khổng Tử, xã hội biến động kịch liệt, hiện tượng thiên hạ vô đạo ngày một gia tăng. Tận mắt chứng kiến những hiện tượng đó, Khổng Tử không tránh khỏi thốt ra lời than vãn này.

Chương 6

ĐẠI TRÍ

Khổng Tử nói: "Vua Thuấn là người có trí tuệ cao siêu nhất. Vua Thuấn ham hỏi han, hơn nữa còn để tâm suy xét cả những lời thiển cận bình thường. Có ai bày tỏ

làm điều gì xấu thì vua Thuấn bỏ qua cho, ai nêu lên được điều gì tốt thì vua Thuấn tán dương phát huy triệt để. Trong số những ý kiến, vua Thuấn nắm chắc hai thái cực, chọn lấy cái đúng đắn, hợp lý (trung dung) để lãnh đạo, quản lý dân chúng. Đó là nguyên nhân để ông Thuấn trở thành vua Thuấn ngày ấy chăng?".

Lời bình:

Theo quan niệm của Khổng Tử thì trung dung không những là quy phạm đạo đức cao thượng nhất, chuẩn tắc cơ bản nhất để tu dưỡng đạo đức con người, mà còn là tư tưởng chỉ đạo để trị quốc.

Các bậc vua sáng tôi hiền, thánh nhân quân tử được xem là có trí tuệ hay không, có đạo đức hay không, ngoài căn cứ vào những tiêu chuẩn khác ra, còn xem có theo đạo trung dung hay không. Theo Nho gia, những thánh hiền, vua sáng thời cổ đại và người có đức trong lịch sử đều có sẵn đạo trung dung, hết lòng thực hiện đạo trung dung.

Chương 7

DƯ TRÍ

Khổng Tử nói: "Mọi người ai cũng nói mình là người có trí tuệ, nhưng khi bị dồn đuổi đến khu vực có lưới bủa vây, có gài bẫy, có hầm hố chông gai được ngụy trang, lại không biết đường tránh.

Mọi người đều nói mình là người có trí tuệ, đã chọn được đạo trung dung rồi, thế mà chỉ chưa đầy một tháng đã không thể kiên trì được nữa".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, chỉ có kiên trì giữ trọn đạo trung dung mới là người thực sự có trí tuệ, nếu không kiên trì thì không thể xem là người có trí tuệ được. Chẳng phải nhiều người có trí tuệ nhưng vì không giữ trọn đạo cho nên vẫn bị sa bẫy trong đường đời, đường công danh đó sao?

Trong sự biến động kịch liệt ở bất kỳ xã hội nào, đều có một bộ phận người cấp tiến luôn phản đối thủ cựu, muốn thúc đẩy xã hội tiến nhanh hơn. Họ là những người thiếu kiên trì, nôn nóng, nên thường áp dụng thủ đoạn cực đoan duy ý chí, dẫn đến đồng thời với thúc đẩy xã hội phát triển, cũng gây nên những tác dụng tiêu cực nguy hiểm không kém, làm cho xã hội bị thụt lùi. Những dẫn chứng như vậy trong quân sự, ngoại giao, trong lịch sử cải cách xã hội không thiếu. Cho nên nói câu nói này của Khổng Tử có giá trị trường tồn.

Chương 8

PHỤC ƯNG

Khổng Tử nói: "Nhan Hồi khi còn sống đã chọn đạo trung dung để theo. Mỗi khi đã nắm chắc được một điều

đúng thì cẩn thận giữ lấy, nhớ kỹ trong lòng, chân thành tín phục, vĩnh viễn không để mất đi".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử tán dương Nhan Hồi là học trò yêu quý nhất của mình. Khổng Tử muốn khuyên mọi người học tập Nhan Hồi, lĩnh hội cho được tinh túy của trung dung, ghi nhớ kỹ trong lòng, không để mất nó đi.

Chương 9

KHẢ QUÂN

Khổng Tử nói: "Các quốc gia trong thiên hạ có thể bình trị được, quan tước bổng lộc có thể khước từ được, gươm giáo sắc nhọn có thể dẫm đạp lên mà đi được, nhưng làm việc phù hợp với đạo trung dung thì thật không dễ chút nào".

Lời bình:

Quan niệm của Khổng Tử về đạo trung dung rất rõ ràng: Đủ tài bình trị được đất nước là người *nhân*. Từ chối được quan tước, bổng lộc là người *trí*. Biết quên thân mình trước hiểm nguy là người *dũng*. Làm được như ba trường hợp trên đây là rất khó và đáng khâm phục, nhưng giữ nổi đạo trung dung còn khó và đáng khâm phục hơn.

Nho gia đề xướng trung dung. Khổng Tử tiếp tục phát triển như trên là muốn nhấn mạnh, thực hiện đạo trung dung rất khó, mong cho mọi người có sự coi trọng cao độ, cùng nhau kiên trì giữ vững và phát triển đạo trung dung.

Chương 10

VẤN CƯỜNG

Tử Lộ hỏi về sức mạnh.

Khổng Tử nói: "Ngươi hỏi về sức mạnh của người phương Bắc hay sức mạnh của người phương Nam, hay là hỏi về sức mạnh của riêng ngươi?

Thông qua con đường khoan dung, mềm mỏng để giáo dục người; đối với kẻ làm điều xằng bậy thì tha thứ mà không báo thù, đấy là sức mạnh của người phương Nam. Người quân tử nên có phẩm chất này.

Còn ngày đêm làm bạn cùng giáp bền gươm sắc, dẫu phải xông vào chỗ chết cũng không hối hận, đấy là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ thượng võ, hiếu đấu nên có phẩm chất này.

Người quân tử sống hòa khí với mọi người, nhưng không buông trôi theo thói tục của người đời, đấy mới là sức mạnh chân chính.

Giữ trọn đạo trung dung, không hề thiên lệch bên nào, đấy mới là sức mạnh chân chính.

Khi quốc gia yên ổn cũng không thay đổi chí hướng của mình thời còn cùng khốn, đấy mới là sức mạnh chân chính.

Khi quốc gia loạn lạc, có chết cũng không thay đổi chí hướng của mình, đấy mới là sức mạnh chân chính".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử giảng cho Tử Lộ là học trò của mình về sức mạnh chân chính.

Trong quan niệm của Khổng Tử, sức mạnh có nhiều loại hình, có sức mạnh của người phương Nam, có sức mạnh của người phương Bắc, sức mạnh của người này người kia... Nhưng như vậy chưa đủ. Phải đem sức mạnh của riêng mình kết hợp với đạo trung dung, sẽ có sức mạnh to lớn nhất, không thành trì nào mà không phá nổi, không khó khăn nào mà không vượt qua. Sức mạnh chân chính mà Khổng Tử nói tới là bốn điểm nêu ở trên. Làm được bốn điểm đó mới là có sức mạnh chân chính.

Chương 11

TỐ ẨN

Khổng Tử nói: "Có người tìm những điều bí ẩn trong lễ chế nhà Chu, những điều trái với lễ chế nhà Chu để

làm những việc quái dị, mong cho hậu thế nhắc tới mà ca ngợi mình, riêng ta không bao giờ làm như vậy. Người quân tử phải theo đạo mà đi, chứ còn nửa đường bỏ dở thì riêng ta không làm như vậy. Người quân tử chỉ một lòng theo đạo trung dung thôi. Còn như phải trốn đời ở ẩn nơi rừng sâu núi thẳm không ai biết tiếng cũng không bao giờ hối hận, thì chỉ có thánh nhân mới làm được như vậy".

Lời bình:

Khổng Tử mở rộng thêm ý nghĩa khi nói về trung dung, trên cơ sở không bao giờ tách rời với nguyên tắc của lễ chế nhà Chu. Ông phê phán những người dưới danh nghĩa là những nhà sáng tạo đạo đức mới đã làm những việc khác thường, thái quá không phù hợp với lễ chế nhà Chu, để mong được nổi danh hậu thế. Khổng Tử cho rằng cách làm này chẳng những vi phạm lễ chế nhà Chu mà còn vi phạm đạo trung dung. Đây là việc Khổng Tử không bao giờ làm và không thể tiếp thu được.

Người quân tử là người kiên quyết tuân thủ, kiên trì giữ trọn đạo trung dung, không nửa đường bỏ dở. Khổng Tử là người kiên trì tuân theo đạo trung dung, mục tiêu của ông cũng chỉ là khuyên người ta phấn đấu làm người quân tử, noi theo đạo trung dung, được như vậy chẳng phải đất nước sẽ phát triển ổn định, thiên hạ thái bình sao?

Chương 12

PHÍ ẨN

Đạo của người quân tử vừa to lớn bao la, vừa vô cùng nhỏ bé. Những người đàn ông, đàn bà ngu dốt cũng có thể hiểu được, nhưng đạt tới chỗ cao sâu nhất thì đến thánh nhân cũng có điều chưa thể hiểu hết. Những người đàn ông, đàn bà kém cỏi cũng có thể làm được, nhưng đạt đến mức độ cao sâu nhất thì đến thánh nhân cũng có điều chưa làm nổi.

Trời đất rộng bao la như thế mà vẫn còn có người chưa vừa lòng, vẫn có điều bất mãn, chê bai. Cho nên, người quân tử nói đạo to lớn bao la, thì thiên hạ không có cái gì chứa nổi; nói đạo vô cùng nhỏ bé thì thiên hạ không có cái gì để phân tích, mổ xẻ nó được nữa.

Kinh Thi có nói: "Diều hâu bay lượn ngang dọc trên trời cao, cá tung tăng bơi lượn dưới vực sâu". Đây là muốn nói đạo người quân tử có thể quán triệt từ trên trời xuống đến dưới đất.

Đạo người quân tử có thể bắt đầu từ những điều bình thường của những người đàn ông, đàn bà kém hiểu biết mà đạt đến cõi cao sâu nhất. Cho nên nói đạo bao quát, chi phối khắp trời đất.

Lời bình:

Quan niệm của Nho gia cho rằng đạo là một thực thể tinh thần không nơi nào không tồn tại, nó bao la rộng lớn vô cùng, nhưng cũng là những cái rất nhỏ bé.

Đối với hàm ý bề ngoài của đạo, nội dung sơ bộ của đạo, dân chúng nói chung có thể có hiểu biết đôi chút. Nhưng đối với cõi cao sâu nhất của đạo, chẳng những người kém hiểu biết khó nắm bắt, mà đến thánh nhân cũng không thể tinh thông hết được. Điều này nói lên đạo vừa giản dị bình thường, lại vừa cao sâu khôn lường.

Ở một góc độ khác mà nói, tác giả muốn có những điều chỉnh, thay đổi khi nói về đạo của Nho gia, không còn nhấn mạnh ở chỗ cao sâu khôn lường một chiều nữa.

Họ nói đạo to lớn đến mức thiên hạ không chứa nổi; nhỏ bé tới mức thiên hạ không thể mổ xẻ phân tích ra nhỏ hơn được nữa; cao sâu tới mức thánh nhân cũng không thể biết hết; nhưng lại nói những đàn ông đàn bà kém hiểu biết cũng có thể biết và có thể làm theo. Đó là tác giả đã áp dụng chuẩn tắc trung dung.

Nếu chỉ nhấn mạnh rằng đạo cao sâu khôn lường thì sẽ đi vào cực đoan, khiến con người cảm thấy thất vọng, dẫn đến không ai dám theo đuổi đạo.

Nếu chỉ nhấn mạnh rằng đạo dễ hiểu, dễ thực hành, đến những người kém hiểu biết cũng có thể hiểu được, làm được, thì cũng sẽ đi sang một cực đoan khác, khiến con người cảm thấy quá dễ dàng, muốn đắc đạo chẳng cần phải bỏ ra bao công sức, thậm chí chẳng cần phải theo.

Để tránh xảy ra hai thái cực nói trên, tác giả phát biểu quan niệm về đạo của mình, nhằm thích ứng trào

lưu tư tưởng đương thời, tình hình xã hội đương thời, để cho thánh nhân cũng như những người thường đều có nhu cầu theo đuổi đạo, cầu mong xã hội thái bình.

Chương 13

BẤT VIỄN

1. Khổng Tử nói: "Đạo không thể xa lánh người. Nhưng có người muốn thực hành đạo, thế mà vẫn xa lánh người, như vậy thì không thể thực hành được đạo.

Kinh Thi có nói: "Chặt gỗ làm cán rìu đi! Chặt gỗ làm cán rìu đi! Hình dạng cán rìu đã nắm chắc ở trong tay, thấy rất gần, hình dung rất rõ. Cầm rìu chặt gỗ làm cán rìu, nghiêng mắt nhìn cán rìu ở trong tay, ngắm đi ngắm lại vẫn thấy cán rìu mình đang đẽo còn xa mới được như cán rìu cầm trong tay".

Cho nên người quân tử dùng cái đạo lý vốn sẵn có ở người để giáo dục người, lấy cải sửa làm chính, giáo dục mãi cho đến khi thành người mới thôi. Cũng như ta trau chuốt cán rìu vậy, trau chuốt đến mức thành cán rìu mới thôi. Người ta có lỗi mà biết sửa là được rồi, không xa lánh họ nữa.

2. Chuẩn tắc trung thứ rất gần đạo, không trái đạo. Phàm cái gì làm cho mình mà mình không thích, thì cũng đừng đem áp dụng vào người khác.

3. Đạo lý làm người quân tử có bốn điều, nhưng ta đến một điều cũng chưa làm được.

Lấy điều mình yêu cầu ở người con để mình phụng thờ cha mẹ, ta chưa làm được.

Lấy điều mình yêu cầu ở bề tôi để mình thờ vua, ta chưa làm được.

Lấy điều mình yêu cầu ở người em để mình đối xử với anh, ta chưa làm được.

Lấy điều mình yêu cầu ở người bạn để mình đối xử với bạn bè, ta chưa làm được.

Còn về việc thi hành những đạo đức bình thường và việc thận trọng khi nói năng thường ngày, nếu còn có chỗ chưa tròn bổn phận, ta không dám không nỗ lực để làm cho đầy đủ hơn; biết nói ra không làm được, sẽ không dám nói hết lời. Cho nên, khi nói phải nghĩ đến khi làm, khi làm phải nhớ đến lời đã nói.

Người quân tử há chẳng phải thành tâm, thành thật thi hành điều đó hay sao?".

Lời bình:

Khổng Tử nhấn mạnh về đạo lý làm người. Khổng Tử cho rằng nguyên tắc hành động của người quân tử phải phù hợp với đạo nhân. Một trong những nguyên tắc đó là trung thứ. Thế nào là trung thứ? Đơn giản mà nói thì trung thứ là từ mình suy ra người khác.

Những cái gì làm cho mình mà mình không muốn thì cũng đừng đem áp dụng vào người khác. Điều gì mình không muốn làm thì đừng bắt người khác làm.

Phàm mình muốn thành đạt, thì cũng để người khác thành đạt.

Đối với thành tích và công lao, không bao giờ độc chiếm một mình. Đối với khuyết điểm và sai lầm, không bao giờ đùn đẩy cho người khác.

Khổng Tử đề xướng, mỗi người cần thực hiện đạo trung thứ để giải quyết tốt mối quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Trước tiên, ai cũng phải làm hết trách nhiệm, nghĩa vụ trong quan hệ vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Có như vậy, trên sẽ làm hết trách nhiệm, nghĩa vụ đối với dưới; dưới làm hết trách nhiệm, nghĩa vụ đối với trên.

Trong cuộc sống thường ngày, người ta phải nghiêm túc cẩn thận trong lời nói và việc làm. Nói phải có chữ tín, làm phải có kết quả, nói và làm phải đi đôi với nhau. Như vậy chẳng xứng đáng là một người quân tử trung hậu, thành thật sao?

Chương 14

TỐ VỊ

1. Người quân tử nên dựa vào địa vị hiện tại của mình mà làm việc, không nên ham những cái ngoài bổn phận của mình.

Nếu mệnh trời sắp đặt ở địa vị giàu sang, thì dựa vào địa vị giàu sang mà làm việc.

Nếu ở vào địa vị nghèo hèn, thì dựa vào địa vị nghèo hèn mà làm việc.

Nếu ở vào địa vị di địch (mọi rợ) thì dựa vào địa vị di địch mà làm việc.

Nếu ở trong cảnh khó khăn, hoạn nạn thì dựa vào địa vị khó khăn, hoạn nạn mà làm việc.

Người quân tử ở bất kỳ hoàn cảnh nào đều có thể điềm nhiên tự tại, bình tĩnh tự đắc, không kêu ca phàn nàn.

2. Khi ở địa vị cao, không lăng mạ chèn ép người dưới; khi ở địa vị dưới, không nịnh bợ cầu cạnh người trên; lúc nào cũng giữ bản thân ngay thẳng, chẳng cầu mong xin xỏ người khác, được như vậy thì trên không oán trời, dưới không trách người.

Cho nên người quân tử luôn ở địa vị ổn định để chờ mệnh trời. Còn kẻ tiểu nhân buộc phải mạo hiểm để theo đuổi chức vụ, địa vị ngoài khả năng của mình.

3. Khổng Tử nói: "Phép bắn cung cũng giống như đạo người quân tử vậy. Khi mũi tên không trúng đích, phải trở lại tìm nguyên nhân ở chính bản thân mình".

Lời bình:

Nho gia chủ trương xã hội có đẳng cấp, mọi người trong xã hội cần đứng đúng chỗ của mình, làm việc và cư xử theo đúng chức danh của mình.

Ngày nay chúng ta nói sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, hoàn thành nhiệm vụ theo trách nhiệm và quyền hạn để tạo nên sự phát triển ổn định.

Không phân biệt hoàn cảnh địa vị hay nghề nghiệp nào, mọi người đều tuân theo yêu cầu chức trách mà làm việc. Nói như vậy là muốn cho mọi người ở địa vị khác nhau, hoàn cảnh khác nhau vẫn phát huy hết được khả năng sức lực, trí tuệ theo đúng danh phận, địa vị của mình mà làm việc có kết quả. Con người biết làm việc theo hoàn cảnh và địa vị của mình thì trật tự xã hội sẽ ổn định, đất nước sẽ trường tồn.

Chương 15

HÀNH VIỄN

1. Đạo người quân tử ví như đi đường xa vậy, phải bắt đầu từ nơi gần.

Đạo người quân tử cũng ví như leo cao vậy, phải bắt đầu từ nơi thấp.

2. Kinh Thi có nói: "Vợ con hòa thuận thì giống như gảy đàn hợp xướng, toát lên khúc nhạc ăn khớp với lời ca êm tai thánh thót. Anh em hòa thuận với nhau thì có niềm vui muôn màu muôn vẻ. Gia đình hòa thuận thì cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu trong nhà luôn đầm ấm, hạnh phúc".

3. Khổng Tử nói: "Được như vậy là cha mẹ vui lòng lắm rồi".

Lời bình:

Trong xã hội đẳng cấp tông pháp, bị ràng buộc bởi quan hệ máu mủ ruột thịt thì gia đình là tế bào cơ bản của xã hội. Mối quan hệ giữa ông bà, cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cái có tác dụng quan trọng đối với sự đoàn kết hòa thuận trong gia đình.

Nho gia rất quan tâm đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Giải quyết hài hòa mối quan hệ này chẳng những là nền tảng của gia đình hạnh phúc, là cơ sở để cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, mà còn là nền tảng để ổn định xã hội.

Ở thời Chiến Quốc, chế độ tông pháp huyết thống này ở nhiều nước chư hầu bị đả kích mãnh liệt. Chế độ hưởng lộc cha truyền con nối, đời đời khanh tướng đại phu đã bị hủy bỏ, quan hệ gia tộc đã bắt đầu lỏng lẻo. Cho nên, những nhà nho sau này đặc biệt nhấn mạnh quan hệ trong gia đình và điều này đã trở thành một mặt rất quan trọng trong hệ tư tưởng Nho gia.

Ngày nay, vấn đề duy trì mối quan hệ ruột thịt trong gia đình vẫn rất cần thiết, vì gia đình là tế bào của xã hội, là nhân tố quan trọng để ổn định xã hội. Cho nên vấn đề giải quyết điều hòa các mối quan hệ giữa các thành viên trong một gia đình phải luôn luôn được duy trì và bổ sung nội dung cho phù hợp với thời đại.

Chương 16

QUỶ THẦN

Khổng Tử nói: "Sức mạnh của quỷ thần to lớn biết bao! Vừa nhìn thấy lại vừa không nhìn thấy! Vừa nghe thấy lại vừa không nghe thấy! Quỷ thần thể hiện trong vạn sự, vạn vật, không chỗ nào không có, không thể sót thứ gì. Nhờ vậy đã khiến cho người trong thiên hạ biết tắm gội, ăn chay, làm sạch lòng mình, mặc áo đẹp để chỉnh tề khi tế quỷ thần. Linh khí của quỷ thần dường như ở khắp mọi nơi, như ở trên đầu mọi người, lại như ở xung quanh mọi người.

Kinh Thi có nói: "Quỷ thần đến lúc nào, không thể đoán trước được. Thế thì tại sao ta lại bất kính với quỷ thần?".

Quỷ thần vừa lẩn khuất kín đáo, lại vừa biểu hiện rõ rệt. Sự thành thật là không làm sao che giấu được. Chẳng phải nó cũng giống như quỷ thần vậy sao, tuy không thấy mà cứ hiện ra như thật".

Lời bình:

Khổng Tử nói về đức tính, sức mạnh của quỷ thần, nhưng không phải đề cao thuyết có quỷ thần, mà là muốn nói về một loại đức hạnh uyên thâm, khó diễn đạt, đó là sự thành thật của con người.

Thành thật là chuẩn mực đạo đức của Nho gia. Thành thật là bản tính con người, người ta khi sinh ra

đã có lòng thành thật. Và chỉ có thành tâm như khi cúng tế quỷ thần, thì bản tính, tư tưởng và giáo dục mới phát huy hết tác dụng.

Chương 17

ĐẠI HIẾU

Khổng Tử nói: "Vua Thuấn thật là bậc đại hiếu! Về đạo đức, vua Thuấn đáng được xưng tụng là thánh nhân. Về địa vị tôn quý, vua Thuấn là bậc vua thiên tử. Vua Thuấn có cả Trung Nguyên, chết rồi được thờ cúng ở tông miếu, con cháu đời sau chẳng bao giờ quên!

Cho nên người có đức lớn tất có địa vị xứng đáng, tất được hưởng lộc xứng đáng, hưởng danh xứng đáng và hưởng thọ lâu dài.

Trời xanh nuôi dưỡng muôn vật, tất phải căn cứ vào tài chất của muôn vật để bồi dưỡng, nếu đáng vun trồng thì bồi đắp, còn nghiêng đổ thì vùi lấp đi.

Kinh Thi có nói: "Người quân tử làm điều thiện, điều hay, bao giờ cũng tràn đầy niềm vui, có đức sáng thật rạng rỡ khiến cho trăm họ và bách quan đều sống hòa hợp với nhau, cùng nhau làm điều thiện. Vì vậy người quân tử được bổng lộc của trời, được trời bảo hộ, được trời giao cho làm vua thiên tử".

Cho nên, người có đức lớn, nhất định được trời ban cho chức vụ để làm việc có ích cho đời".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, vua Thuấn là người đại hiếu nhất, tuy là vua thiên tử mà vẫn thực hiện đạo đức, vẫn giữ trọn đạo hiếu với cha mẹ.

Mặt khác, tác giả đem vấn đề đạo đức luân lý gắn liền với tư tưởng mệnh trời. Điều này cốt cổ vũ động viên mọi người theo đuổi đạo đức, khắc khổ tu dưỡng, khuyên mọi người hướng thiện, sẽ được trời ban cho nhiều phúc.

Chương 18

VÔ ƯU

Khổng Tử nói: "Người không có nỗi ưu sầu, may ra chỉ có vua Văn Vương! Vương Quý là cha của vua Văn Vương. Vũ Vương là con của vua Văn Vương. Cha đã mở mang sự nghiệp, con kế thừa được sự nghiệp của cha.

Vua Vũ Vương kế nhận sự nghiệp của cố nội là Thái Vương, của ông nội là Vương Quý, của cha là Văn Vương, diệt được triều Ân, giành được thiên hạ.

Vua Vũ Vương không đánh mất danh tiếng của mình trong thiên hạ, được suy tôn là vua thiên tử, có tài sản của cả nước, chết rồi được mọi người thờ cúng trong tông miếu. Sự nghiệp của vua Vũ Vương do con cháu của vua Vũ Vương kế nhận. Những năm cuối đời, vua Vũ Vương mới được thụ mệnh trời làm vua thiên tử. Sau khi vua

Vũ Vương mất, em là Chu Công lên thay, tiếp tục hoàn thành sự nghiệp của vua Văn Vương và vua Vũ Vương, truy phong cố nội Cổ Công Đán Phụ làm Thái Vương, phong ông nội Quý Lịch làm Vương Quý, dùng lễ tế thiên tử để cúng tế liệt tổ liệt tông. Loại lễ này được thực hiện từ vua thiên tử đến khắp các vua chư hầu, quan đại phu, kẻ sĩ và thứ dân.

Nếu cha là quan đại phu, con là kẻ sĩ, khi cha chết thì dùng lễ của quan đại phu mà chôn cất cha, dùng lễ của kẻ sĩ thờ cúng cha.

Nếu cha là kẻ sĩ, con là quan đại phu, khi cha chết thì dùng lễ của kẻ sĩ mà chôn cất cha, dùng lễ của quan đại phu thờ cúng cha.

Phép để tang đầy năm thực hiện từ thứ dân đến quan đại phu.

Phép để tang ba năm thực hiện từ thứ dân cho đến vua thiên tử.

Để tang cha mẹ phải là ba năm, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, tất cả đều như nhau".

Lời bình:

Khổng Tử lấy vua Văn Vương, vua Vũ Vương, ông Chu Công làm ví dụ để nói rõ quá trình triều Chu phát tích và hưng thịnh. Nhưng trọng điểm là giải thích mối quan hệ huyết thống tông pháp.

Chế độ đẳng cấp tông pháp là cơ sở chính trị của xã hội cổ đại Trung Quốc. Cho nên việc thờ cúng, tang lễ

đối với bậc vua, cha mẹ, anh em, họ hàng, xa gần, sang hèn có quy định giới hạn rất nghiêm ngặt. Việc thực hiện lễ chế là một phần rất quan trọng trong việc duy trì chế độ đẳng cấp tông pháp, duy trì chế độ chính trị thời cổ đại.

Nhưng cuối thời Xuân Thu, đầu thời Chiến Quốc, lễ chế nhà Chu đã bị nhiều chư hầu phỉ báng. Cho nên Khổng Tử nhắc lại rất kỹ vấn đề này là muốn phục hồi lễ chế nhà Chu để bảo vệ chế độ đẳng cấp được tồn tại lâu dài.

Chương 19

ĐẠT HIẾU

Khổng Tử nói: "Vua Vũ Vương và em là Chu Công có thể xem là hai người con làm tròn đạo hiếu nhất. Sở dĩ đạt được hiếu là vì khéo kế nhiệm xuất sắc chí hướng của ông cha, khéo hoàn thành sự nghiệp của ông cha". Cụ thể là:

1. Khi tế trời đất, tế tổ tiên vào mùa xuân và mùa thu, đã biết sửa sang lại nơi cúng tế, bày đặt đồ vật tế, áo quần của người xưa; cúng tiến hoa quả, thực phẩm đúng theo mùa vụ.

2. Khi cử hành tế lễ ở tông miếu, đã biết sắp xếp bài vị đúng thứ tự ở giữa, bên trái, bên phải, theo đẳng cấp thứ bậc tước vị đã được ông cha quy định, nhằm phân biệt rõ *công lao, đức độ, tài năng.*

3. Khi mọi người cùng ngồi uống rượu thì người ít tuổi, thứ bậc thấp mời người nhiều tuổi, thứ bậc cao trước. Mục đích là đem lễ nghĩa về chữ hiếu quán triệt đến người ít tuổi.

4. Khi mọi người cùng ngồi ăn yến thì theo màu sắc của tóc mà phân định chỗ ngồi. Mục đích là để phân biệt người cao tuổi, người ít tuổi, nhằm giữ vững sự tôn trọng người cao tuổi.

5. Người có hiếu đúng mực thì giữ được địa vị đúng theo cấp bậc của tổ tiên, làm đúng việc tế lễ do tổ tiên quy định, diễn tấu nhạc do tổ tiên lưu truyền lại, tôn kính người tổ tiên yêu mến, phụng thờ người đã chết như khi còn sống, kính trọng vong linh người đã khuất như khi người đang còn. Thật là hiếu đến tột bậc vậy!

6. Lễ tế trời vào ngày hạ chí và lễ tế thần đất vào ngày đông chí là lễ tế trời đất.

Lễ tế ở tông miếu là lễ tế tổ tiên vào bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

Hiểu rõ được ý nghĩa của việc tế trời đất, tế tổ tiên, thì cai trị đất nước cũng dễ như nắm một vật trong bàn tay vậy.

Lời bình:

Muốn làm tròn đạo hiếu, theo Khổng Tử là phải tuân thủ lễ chế nhà Chu, trong đó quan trọng bậc nhất là tuân thủ lễ tế trời đất và cúng tế tổ tiên.

Từ trên xuống dưới tuân thủ được như vậy thì xã hội nhất định ổn định, thiên hạ thái bình. Do đó việc trị nước sẽ dễ dàng như đưa một vật từ bàn tay này sang bàn tay kia, không có gì khó khăn cả.

Ở đây phản ánh tư tưởng tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của Nho gia.

Nhưng trong hiện thực xã hội, những lễ tế này càng về sau càng giảm, hoặc bỏ đi không dùng nữa. Đây chỉ là sản phẩm của thời đại đương thời, nó thích ứng với quan niệm đạo đức của con người và điều kiện lịch sử của xã hội đương thời.

Chương 20

VẤN CHÍNH

1. Vua Lỗ Ai Công hỏi về việc trị nước.

Khổng Tử thưa: "Biện pháp trị nước của vua Văn Vương, vua Vũ Vương đều được ghi chép trong sử sách. Người đời nay theo lễ chế nhà Chu mà nắm quyền thì biện pháp này được thực hiện. Nếu đời nay còn người không theo lễ chế nhà Chu nắm quyền thì biện pháp này sẽ bị bỏ đi, không được thực hiện.

Người lãnh đạo dân chúng có tài đức thì đất nước mau hưng thịnh, cũng như đất màu mỡ thì cây cối mau tốt tươi. Việc chính sự phát triển nhanh như cây lau, cây sậy. Vì vậy thi hành biện pháp trị nước, cốt ở con

người. Chọn dùng được người là cốt ở mình. Muốn vậy phải đề cao tu thân.

Muốn tu thân phải tuân theo đạo lý. Muốn tuân theo đạo lý, phải thực hiện "nhân". Nhân tức là tính người, là kính yêu người trong thân tộc, yêu nhân dân của mình. Đó là điều lớn nhất trong chữ "nhân".

Còn "nghĩa" tức là cư xử cho hợp lẽ. Biết tôn kính người hiền tài là điều lớn nhất trong chữ "nghĩa".

Yêu kính người thân cũng có mức độ khác nhau. Tôn kính người hiền tài cũng phải phân theo đẳng cấp. Đó là nguyên nhân vì sao phải đặt ra chế độ, ra lễ chế. Cho nên người quân tử không thể không tu thân trước.

Muốn tu thân tốt không thể không kính thờ cha mẹ. Muốn kính thờ cha mẹ, không thể không hiểu rõ đạo người. Muốn hiểu rõ đạo người, không thể không hiểu rõ đạo trời.

Đạo lý thông thường quy định trong thiên hạ có năm mối quan hệ, và để thực hiện được thì phải nhờ đến ba đức tính.

Năm mối quan hệ đó là: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Năm mối quan hệ này mọi người trong thiên hạ từ vua thiên tử đến thứ dân đều phải thông hiểu.

Còn ba đức tính đó là: trí, dũng, nhân. Đây là ba phẩm đức mà mọi người trong thiên hạ phải phấn đấu đạt cho được, mục đích là để thực hiện tốt năm mối quan hệ nói trên, nên tuy là ba nhưng cũng như một.

Đạo về năm mối quan hệ ấy, có người sinh ra đã biết, có người học rồi mới biết, có người phải trải qua vấp ngã

rồi mới biết. Nhưng đến lúc họ đã hiểu rồi thì đều như nhau.

Đạo về năm mối quan hệ ấy, có người vì ham muốn lợi ích mà thực hiện, có người miễn cưỡng mà thực hiện. Nhưng đến lúc họ đã thành công rồi thì đều như nhau".

2. Khổng Tử nói: "Tự nguyện học tập làm theo lễ chế nhà Chu, như vậy đã tiếp cận với *trí*. Tận lực thi hành lễ chế nhà Chu như vậy đã tiếp cận với *nhân*. Biết làm trái lễ chế nhà Chu là điều sỉ nhục, như vậy đã tiếp cận với *dũng*.

Hiểu rõ ba điều này là biết được phương pháp tu thân.

Biết được phương pháp tu thân, sẽ biết được phương pháp lãnh đạo dân chúng.

Biết được phương pháp lãnh đạo dân chúng, sẽ biết được biện pháp lãnh đạo quốc gia.

3. Phàm việc trị nước nói chung có chín nguyên tắc lớn là: tu dưỡng bản thân, tôn trọng hiền tài, yêu quý người thân, kính trọng đại thần, săn sóc quần thần, quan tâm đến dân, khuyến khích bách nghệ, trọng đãi người nước ngoài, vỗ về chư hầu.

Tu dưỡng bản thân, thì đạo đức được xác lập (phù hợp lễ chế nhà Chu).

Tôn trọng hiền tài, thì không bị mê hoặc, ngu tối.

Yêu quý thân tộc, thì chú bác, anh em không oán hận.

Kính trọng đại thần, thì công việc ít phạm sai lầm.

Săn sóc quần thần, thì kẻ sĩ tận lực báo đáp.

Quan tâm đến dân, thì dân chúng khuyến khích cổ vũ, thực hiện tốt mọi điều bề trên đề ra.

Khuyến khích bách nghệ phát triển, thì vật dụng, hàng hóa buôn bán đủ đầy, sung túc.

Trọng đãi người nước ngoài đến nước mình làm ăn sinh sống, thì bốn phương quy thuận.

Vỗ về chư hầu, thì khắp thiên hạ sẽ kính phục.

4. Cụ thể có chín biện pháp như sau:

Trước khi cúng tế phải ăn chay, tắm rửa sạch sẽ, làm sạch lòng mình, áo mũ chỉnh tề đoan trang; không làm việc gì trái với đạo đức, với lương tâm, trái với lễ chế nhà Chu. Đây là phương pháp tu thân.

Lánh kẻ tiểu nhân hay siểm nịnh, nói lời thị phi, gây rối làm mất đoàn kết nội bộ; xa việc nữ sắc xa hoa; coi thường của cải mà coi trọng đạo đức. Đây là biện pháp động viên cổ vũ hiền thần.

Nâng cao tước vị, tăng thêm bổng lộc cho người trong thân tộc, cùng người trong thân tộc chung niềm yêu ghét công bằng. Đây là biện pháp động viên cổ vũ người trong thân tộc thương yêu nhau.

Gia thuộc, bề tôi của các đại thần được lưu ý đúng mức, cất nhắc đề bạt đúng tài năng. Đây là biện pháp để động viên cổ vũ đại thần.

Những người có lòng trung được tin dùng và tăng thêm tước vị, bổng lộc hậu trọng. Đây là biện pháp để động viên cổ vũ kẻ sĩ.

Sử dụng lao dịch đúng lúc nông nhàn để không ảnh hưởng đến thời vụ sản xuất; giảm bớt tra xét, bắt bớ, giảm nhẹ đóng góp thuế má. Đây là biện pháp để động viên cổ vũ dân chúng.

Thường xuyên kiểm tra khảo sát tình hình bách nghệ, căn cứ vào kết quả công việc mà cấp thêm lương cho xứng đáng với công lao. Đây là biện pháp động viên cổ vũ bách nghệ gia tăng phát triển.

Tiễn cũ đón mới đúng nghi thức, ban thưởng hậu hỹ cho người làm tốt, thương xót giúp đỡ người kém năng lực. Đây là biện pháp động viên, cổ vũ người nước ngoài ở xa tới sinh sống lập nghiệp.

Đặt người nối dõi cho những dòng họ quý tộc (chư hầu) đã bị tuyệt thế, khôi phục lại nước đã bị diệt vọng, bình định kịp thời họa loạn, chống đỡ kịp thời nguy nan, triều kiến tiếp đón đúng lúc, giảm nhẹ cống nạp, tăng thêm ban thưởng. Đây là biện pháp động viên cổ vũ chư hầu.

Phàm việc nước có chín nguyên tắc và chín biện pháp như vậy. Nhưng cốt lõi để thực hiện chín nguyên tắc, chín biện pháp này chỉ có một điều, đó là *thành thật.*

5. Mọi việc phải có sự chuẩn bị thì mới thành công, không có sự chuẩn bị sẽ thất bại.

Trước khi nói mà có sự chuẩn bị thì không bao giờ vấp váp.

Trước khi làm mà có dự định thì không gặp phải khó khăn bất trắc.

Trước khi hành động mà có phép tắc thì không sai lầm.

Trước khi hành đạo mà có phép tắc thì không có gì không thông suốt.

6. Phàm ở địa vị cấp dưới, nếu không được bề trên tin dùng thì không được lòng dân, không lãnh đạo được dân chúng. Muốn được bề trên tin dùng, cũng có cách của nó: nếu không được bạn bè tin cậy thì sẽ không được bề trên tin dùng. Muốn được bạn bè tin cậy, cũng có cách của nó: nếu không hiếu thuận với cha mẹ thì sẽ không được bạn bè tin cậy. Hiếu thuận với cha mẹ cũng có cách của nó: nếu tự xét bản thân không thành thật thì sẽ không hiếu thuận được với cha mẹ. Muốn bản thân thành thật cũng có cách của nó: nếu không hiểu rõ thế nào là đức thiện, tính thiện, thì cũng không thể bồi dưỡng cho mình có lòng thành thật với bản thân.

7. Thành thật tự nhiên vốn là đạo trời. Còn tự mình nỗ lực đạt đến thành thật là đạo người.

Bậc thành thật tự nhiên không phải cố gắng cũng tự nhiên thích hợp với đạo, không phải suy nghĩ cũng hiểu được đạo, cứ ung dung mà hợp với đạo trung dung, đó là bậc thánh nhân.

Còn người tu tập để đạt tới thành thật thì phải chọn lấy điều thiện mà kiên trì theo đuổi. Muốn vậy, phải học tập cho sâu rộng, hỏi han cho kỹ lưỡng, suy nghĩ cho thận trọng, phân biệt cho sáng tỏ, thực hành cho thấu đáo.

Đại Học

Chỉ trừ trường hợp không chịu học, còn nếu đã chịu học mà chưa hiểu thì chưa dừng lại.

Trừ khi không chịu đi hỏi, còn nếu đã chịu hỏi mà chưa rõ thì chưa dừng lại.

Trừ khi không chịu suy nghĩ, còn nếu đã chịu suy nghĩ mà chưa tìm ra giải pháp thì chưa dừng lại.

Trừ khi không chịu tranh luận, còn nếu đã chịu tranh luận mà chưa ra nhẽ thì chưa dừng lại.

Trừ khi không chịu làm theo, còn nếu đã chịu làm theo rồi mà chưa tốt thì chưa dừng lại.

Người khác làm một lần mà có thể đạt được, còn mình hãy bỏ công một trăm lần.

Người khác làm mười lần mà thành được, mình hãy bỏ công một nghìn lần.

Nếu chịu làm theo phương pháp này, thì dù cho có ngu độn đến mấy cũng trở thành thông minh, dù cho có nhu nhược đến mấy cũng trở nên cứng rắn".

Chương 21

THÀNH MINH

Do có lòng thành thật từ lúc mới sinh ra mà hiểu đức thiện một cách rất tự nhiên dễ dàng, nên gọi là tính.

Do có sự tu dưỡng mà sau mới hiểu được đức thiện, từ đó mới có lòng thành thật, nên gọi *là giáo dục.*

Đạt đến có lòng thành thật là hiểu rõ đức thiện, tính thiện. Hiểu rõ đức thiện, tính thiện là đạt đến có lòng thành thật.

Lời bình:

Thành thật là ở đức thiện, tính thiện của mỗi người. Chỉ có tự giác phát huy tính thiện trong tâm, chỗ sâu kín nhất của con người mới trở thành người có đạo đức.

Chương 22

TẬN TÍNH

Chỉ có người có được đức thành tối cao trong thiên hạ mới có thể phát huy đầy đủ bản tính trời phú cho mình.

Phát huy đầy đủ bản tính của mình là có thể phát huy đầy đủ bản tính của mọi người.

Phát huy đầy đủ bản tính của mọi người là có thể phát huy đầy đủ bản tính của vạn vật.

Phát huy đầy đủ bản tính của vạn vật là có thể giúp cho trời đất giáo hóa, giáo dục vạn vật.

Có thể giúp đỡ trời đất giáo hóa, giáo dục vạn vật là có thể đứng hàng thứ ba sau trời đất.

Lời bình:

Chương này bổ sung thêm nội dung cho chương trước.

Với đức thành thật là xuất phát điểm, tác giả muốn nhấn mạnh tính năng động chủ quan của con người, phát huy triệt để lực lượng tinh thần chủ quan của con người để cải tạo thế giới vật chất, điều khiển sử dụng thế giới vật chất. Đây là tư tưởng tích cực tham gia cải tạo xã hội của Nho gia. Muốn cải tạo thế giới khách quan, trước hết phải cải tạo thế giới chủ quan của con người, bởi vì trong vạn vật thì con người đứng đầu tất cả. Trước hết, một người có đạo đức lương thiện, tố chất tâm lý lương thiện, có lòng tin vào sức mạnh có thể cải tạo thế giới, thì mới trở thành chúa tể của vạn vật.

Quan điểm này phù hợp với tư tưởng của Nho gia đề xướng, coi tự nhiên với con người là một thể thống nhất: thiên - địa - nhân hợp làm một.

Chương 23

TRÍ KHÚC

Những chương trước nói về những việc lớn. Còn đối với những việc nhỏ, cục bộ thì cũng không thể lơ là xem nhẹ, mà phải bỏ công sức thời gian nghiên cứu để giải quyết cho tốt.

Đối với việc nhỏ mà dám bỏ công sức học hỏi, suy nghĩ, xem xét và thi hành đạo lý thì cũng xem như đã đạt đến thành thật. Có lòng thành thật thì sẽ biểu hiện ra ngay. Biểu hiện ra rồi thì sẽ hiện rõ ngay. Hiện rõ ra rồi thì sẽ sáng chói. Sáng chói thì sẽ cảm động đến lòng

người. Cảm động đến lòng người thì sẽ khiến mọi người chuyển biến. Mọi người chuyển biến thì sẽ có thể giáo dục vạn vật. Chỉ có người có đức thành thật cao cả trong thiên hạ mới có thể giáo dục vạn vật.

Lời bình:

Theo quan điểm của Nho gia, sự tự tu dưỡng của con người là rất quan trọng. Nho gia cho rằng trừ bậc thánh nhân ra, còn mọi người bình thường muốn tu dưỡng tốt đạo đức phải bỏ công ra từ những việc nhỏ nhất, rồi thông qua sự tự điều chỉnh mình để mở rộng ra mà làm điều thiện, không làm điều ác; làm từ nhỏ đến lớn, sẽ đạt đến đức thành thật cao cả để có thể giáo hóa vạn vật.

Như vậy, để đạt đến đức thành thật cao cả thì không phải là đóng cửa để tu dưỡng mình, mà là phải bỏ công sức ra làm từ những việc nhỏ nhất để rèn luyện tu dưỡng mình, làm cho mình tự giác ngộ. Điều này cho thấy, ngay từ xưa, Nho gia đã chú tâm đến sự tu dưỡng bản thân, lấy đó làm cơ sở tiến thân vào xã hội.

Chương 24

TIỀN TRI

Bậc quân tử có đức thành thật cao cả có thể dùng cái đức sáng suốt của mình để dự đoán được tương lai. Nước

sắp hưng thịnh nhất định có những điềm tốt đẹp báo trước. Nước sắp suy vong nhất định có những điềm quái gở báo trước. Mọi điềm tốt xấu đều có thể biết được nhờ thông qua bói cỏ thi và mai rùa, cũng có thể quan sát từ cử động của chân tay.

Họa phúc sắp đến, nếu là tốt cũng dự đoán được, nếu là xấu cũng dự đoán được. Cho nên bậc quân tử chí thành sáng suốt như thần vậy.

Chương 25

TỰ THÀNH

Thành thật là để cho mình hoàn thành sự nghiệp. Còn đạo là để hướng dẫn chỉ đạo mình noi theo.

Thành thật là gốc và ngọn của vạn vật, là nơi đầu tiên và chỗ cuối cùng của vạn vật, không có thành thật thì không có muôn vật. Cho nên người quân tử quý trọng thành thật hơn cả.

Thành thật không chỉ dùng để hoàn thành sự nghiệp của riêng mình, mà còn dùng để hoàn thành cho muôn vật.

Mình tự hoàn thành cho mình thì gọi là nhân. Mình hoàn thành cho muôn vật thì gọi là trí. Nhân và trí là phẩm đức cố hữu trong bản tính con người, là nguyên tắc cơ bản đem ngoại vật và nội tâm hợp làm một. Cho nên, sử dụng lòng thành thật lúc nào cũng đều thích hợp cả.

Lời bình:

Chương này tiếp tục giải thích thêm về đức thành thật cao cả. Có thành thật rồi, nhưng nếu chỉ biết lo cho mình có thành tích, thành tựu thì cũng chưa đủ, mà phải đem lòng thành thật đó lo cho vạn sự, vạn vật, cho mọi người xung quanh cũng đạt thành tích, thành tựu như mình.

Đức thành thật cao cả kết hợp với nhân và trí, mới phát huy hết sức mạnh để cải tạo và xây dựng xã hội.

Chương 26

VÔ TỨC

Cho nên, người đã đạt đến đức thành thật cao cả là không bao giờ ngừng nghỉ. Đã không ngừng nghỉ thì sẽ được bền lâu. Đã bền lâu thì tất biểu hiện ra ngoài. Biểu hiện ra rồi thì sẽ càng vươn xa bền lâu. Càng vươn xa bền lâu tức là càng rộng lớn thâm sâu. Càng rộng lớn thâm sâu thì càng cao minh tỏa sáng.

Rộng lớn thâm sâu là để chứa đựng vạn sự, vạn vật.

Cao minh tỏa sáng là để bao trùm vạn sự, vạn vật.

Vươn xa bền lâu để hoàn thành sự sinh trưởng của vạn sự, vạn vật.

Rộng lớn thâm sâu của đức thành thật có thể so với đất.

Cao minh tỏa sáng của đức thành thật có thể so với trời.

Vươn xa bền lâu của đức thành thật có thể trường tồn mãi mãi.

Đạt đến đức thành thật cao cả thì dẫu không biểu hiện ra mà vẫn sáng rõ, dẫu không động mà vẫn biến hóa, dẫu không làm mà cũng thành công.

Đạo trời đất có thể dùng một lời để khái quát được hết, đó là "thành". Chỉ có một lời đó thôi, trời đất chân thành chỉ có một không hai, cho nên có thể sinh ra muôn vật nhiều như nước không thể đếm xuể. Đạo trời đất thật là sâu rộng, cao dày, to lớn, sáng chói, bền lâu và vươn xa.

Hãy xem như trời kia, lúc đầu chỉ là một điểm sáng mà thôi. Nhưng đợi đến khi nó khai triển đến nơi vô cùng tận thì mặt trời, mặt trăng, các tinh tú khác đều treo vào đó, muôn vật đều được che chở dưới đó.

Hãy xem như đất kia, lúc đầu chỉ là một nắm đất nhỏ mà thôi. Đợi đến lúc nó tích tụ được vô vàn nắm đất nhỏ lại thành tầng đất vừa rộng vừa sâu, thì mang trên mình bao nhiêu non cao mà vẫn không chê nặng; dung nạp bao nhiêu hồ ao, sông suối, biển khơi mà không để thoát ra một giọt nước nào; vạn sự, vạn vật đều được đất nuôi dưỡng che chở, bao bọc.

Hãy xem như núi kia, lúc đầu chỉ là một hòn đá bằng nắm tay. Đợi đến khi nó tích tụ nổi lên cao lớn như hiện nay, thì cỏ cây mọc trên đó, cầm thú cư trú ở đó, bảo ngọc đá quý cũng từ đó mà ra.

Hãy xem như nước kia, lúc đầu chỉ là một gáo nước nhỏ thôi. Đợi đến khi nó tích tụ lại thành một chỉnh thể rộng lớn vô bờ, sâu đến mức không thể nào đo được, thì cá, tôm, cua, rùa, giao long,... sinh tồn ở đó; biết bao là châu báu cũng từ đó mà ra.

Kinh Thi có nói: "Duy chỉ có mệnh trời là sâu xa đến mức không có giới hạn". Đây là muốn nói, sở dĩ gọi là đạo trời vì huyền bí và biến hóa như trời vậy.

Kinh Thi còn nói: "Ôi, sáng suốt biết bao! Đạo đức của vua Văn Vương thật là thuần khiết". Đây là muốn nói, vua Văn Vương sở dĩ được gọi tên thụy là Văn vì đạo đức của vua Văn Vương hết sức thuần khiết, trong sáng.

Chương 27

ĐẠI TAI

Vĩ đại thay! Đạo của thánh nhân tràn đầy khắp nơi, khiến cho vạn sự, vạn vật sinh sôi và nảy nở một cách đầy đủ. Đạo cao quý như trời vậy.

Đầy đủ mà phong phú thay! Đại cương của lễ có hơn ba trăm điều lễ nghi. Quy tắc chi tiết có hơn ba nghìn điều uy nghi. Phải đợi đến khi xuất hiện người có đức hạnh cao nhất mới có thể thực hiện được. Cho nên nói rằng, nếu không phải là người có đức hạnh cao nhất thì đạo lý cao cả ấy cũng không thể hoàn thành được.

Vì vậy, người quân tử vừa ra sức coi trọng đạo đức vốn có của mình, vừa ra sức chăm lo học tập; vừa phấn đấu đạt đến tầm rộng lớn của đạo, vừa nắm hết chỗ tinh vi tận cùng của đạo. Muốn có được đạo đức cao minh, phải thông hiểu đạo lý trung dung, ôn tập những kiến thức đã nắm chắc, từ đó mà thu hoạch thêm những kiến thức mới; trung hậu, chất phác, giản dị lại ham chuộng lễ nghi nghiêm túc.

Cho nên, người quân tử khi ở ngôi cao không kiêu ngạo, khi làm kẻ dưới thì chẳng dám gây điều trái nghịch, bất chấp lễ nghĩa.

Khi nước có đạo, người quân tử có thể ra giúp nước, nghĩ mưu kế để khiến nước nhà hưng thịnh.

Khi nước không có đạo, người quân tử có thể dựa vào trí sáng suốt của mình, tránh cho mình khỏi bị tai ương họa hại.

Kinh Thi có nói: "Vừa thông hiểu đạo lý, vừa phải rất sáng suốt, mới có thể bảo toàn tính mệnh". Lời ấy chẳng phải nói về điều vừa nêu trên hay sao?

Chương 28

TỰ DỤNG

Khổng Tử nói: "Kẻ ngu dốt ngoan cố, tự phụ mà hay tự ý làm càn; kẻ ty tiện mà lại hay chuyên quyền độc đoán; *kẻ sống trong thời đại ngày nay* mà lại muốn quay

về theo lễ chế ngày xưa, ba hạng người như vậy nhất định sẽ gặp phải tai họa.

Không phải là bậc vua thiên tử thì đừng bàn luận lễ nhạc; đừng đặt ra chế độ, nghi lễ; đừng sửa chữa thay đổi văn tự. Thiên hạ đời nay, xe cộ đã đi chung một đường, chữ viết trên sách đã cùng một loại, tiêu chuẩn đạo đức luân lý đã thống nhất.

Dẫu cho có địa vị vua thiên tử nhưng nếu không có phẩm đức của thánh nhân thì không dám tự mình đặt ra lễ nhạc. Tuy có phẩm đức của thánh nhân, nhưng nếu không có địa vị của thiên tử, cũng không dám tự mình đặt ra lễ nhạc".

Khổng Tử còn nói: "Ta có thể nói rõ lễ nhạc của nhà Hạ, nhưng nước đời sau của nhà Hạ là nước Kỷ tìm không ra chứng cớ rõ ràng. Ta học tập lễ của triều Ân, nhưng nước Tống là nước đời sau nhà Ân cũng chỉ còn giữ được phần nào. Ta học tập lễ nhà Chu, đó là lễ mà các nước hiện nay đang thực hiện, cho nên ta tán thành theo lễ của nhà Chu".

Chương 29

TAM TRỌNG

Cai trị thiên hạ, nếu nắm vững được ba điều quan trọng nhất thì có thể ít phạm sai lầm. Đó là: lễ nhạc, luật lệ và văn tự.

Lễ chế các quân vương đời trước đặt ra, tuy tốt đấy nhưng đã không thể khảo chứng. Không khảo chứng được thì người ta sẽ không tin. Không làm cho người ta tin, thì dân chúng sẽ không phục tùng.

Lễ nghi mà các bậc hiền nhân không có địa vị để xướng thì dẫu tốt đẹp, nhưng không thể có địa vị được người ta tôn kính. Không có địa vị được người ta tôn kính thì cũng không thể làm cho người ta tin tưởng. Không thể khiến cho người ta tin tưởng, thì dân chúng cũng không phục tùng.

Cho nên đạo của người quân tử, cơ bản nhất là lấy đạo đức của mình làm gốc, dùng hành động của mình làm cho nhân dân tin tưởng; đem đối chiếu với lễ chế của ba vị vua là vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương, vua Văn Vương nhà Chu thấy rằng không có gì sai lầm; đem thực hiện trong trời đất không có gì trái nghịch, đem đối xét với quỷ thần cũng không có điều gì nghi ngại, đợi cho đến bậc thánh nhân xuất hiện ở trăm đời về sau xem xét vẫn không có điều gì mơ hồ, nhầm lẫn.

Đối xét quỷ thần cũng không có điều gì nghi ngại, chứng tỏ người đặt ra lễ chế đã hiểu được đạo trời vậy.

Đợi thánh nhân xuất hiện ở trăm đời về sau xem xét vẫn không có điều gì mơ hồ, chứng tỏ người đặt ra lễ chế đã hiểu rõ đạo người vậy.

Vậy nên người quân tử nhất cử nhất động đều làm gương cho thiên hạ đời đời noi theo, mọi hành vi đều trở

thành phép tắc cho thiên hạ đời đời ngưỡng mộ, mọi lời nói đều trở thành khuôn vàng thước ngọc cho thiên hạ đời đời học tập. Kẻ ở xa nghe nói thì đem lòng ngưỡng vọng. Người ở gần thì nhìn mãi cũng không biết chán.

Kinh Thi có nói: "Chỗ kia không có ai ghét, chỗ này không có ai chán. Từ sáng đến tối đều làm được như vậy thì vĩnh viễn duy trì được thanh danh". Người quân tử nếu không làm như vậy thì làm sao sớm được tiếng thơm trong thiên hạ.

Chương 30

THUẬT TỔ

Khổng Tử tôn sùng tiếp nối đạo đức của vua Nghiêu, vua Thuấn; noi theo và làm sáng tỏ phép tắc của vua Văn Vương, vua Vũ Vương, trên thuận thiên thời, dưới hợp địa lý. Đức của Khổng Tử vĩ đại như trời đất, không có cái gì không chứa nổi, không có cái gì không che chở; lại giống như bốn mùa thay nhau luân chuyển, như mặt trời, mặt trăng thay nhau tỏa sáng.

Vạn sự, vạn vật đều được trời đất nuôi dưỡng, sinh trưởng mà không xâm hại lẫn nhau. Trời đất vận hành mà không hề trái ngược nhau. Đức nhỏ thì như nước sông chảy mãi không ngừng, đức lớn thì cao sâu giáo hóa, nuôi dưỡng muôn vật. Đó chính là nguyên nhân khiến trời đất trở nên vĩ đại là như vậy.

Chương 31

CHÍ THÁNH

Chỉ có bậc chí thánh trong thiên hạ mới có đủ:

1. Tài trí thông minh, nhìn xa thấy rộng, thông đạt mọi điều, đủ sức để cai trị thiên hạ.

2. Có lòng khoan dung độ lượng, ôn hòa, nhu thuận, đủ để bao dung dân chúng, bao dung vạn vật.

3. Tính tình cương nghị, quyết đoán đủ để cầm nắm tất cả mọi công việc chính sự.

4. Thái độ đoan trang, trung hòa, ngay thẳng, để mọi người kính nể.

5. Văn chương điển lý tinh tế, sáng suốt, cẩn thận, chu đáo, xét đoán minh bạch, đủ để phân biệt phải trái.

Đạo đức của bậc chí thánh vừa rộng lớn vừa sâu xa vô bờ bến, bất kỳ lúc nào cũng có thể biểu hiện ra. Nó vừa bao la rộng lớn như trời cao, vừa sâu như vực thẳm. Hễ xuất hiện, dân chúng không ai không mến phục. Hễ nói ra, dân chúng không ai không tin cậy. Hễ hành động, dân chúng không ai không thích thú, hài lòng.

Cho nên danh tiếng của thánh nhân truyền khắp cõi Trung Nguyên, lan ra bốn phương. Phàm những nơi xe cộ, thuyền bè có thể đến được; những nơi con người có thể đặt chân tới; những nơi trời có thể bao phủ, đất có thể chứa đựng; những nơi mặt trời, mặt trăng có thể chiếu sáng; những nơi sương mù có thể rơi xuống được,

phàm những người có khí huyết không ai không tôn trọng thánh nhân, gần gũi thánh nhân.

Cho nên nói rằng đức của bậc chí thánh sánh bằng trời vậy.

Chương 32

KINH LUÂN

Trong thiên hạ chỉ có bậc thánh nhân có đức thành thật cao cả mới có thể soạn ra được cương lĩnh, biện pháp lớn để quản lý thiên hạ, xây dựng bồi đắp cái gốc lớn cho thiên hạ, thông hiểu hết đạo lý trời đất nuôi dưỡng vạn vật. Bậc thánh nhân chỉ dựa vào sức mình, không nương nhờ ai cả. Nhân ái của bậc thánh nhân có đức thành thật cao cả thật thuần khiết, thành khẩn biết bao! Trí tuệ của người xiết bao uyên bác, thâm thúy! Thiên tính của người đàng hoàng, cao rộng như trời. Nếu không phải là người vốn đủ thông minh, thánh trí, thông đạt thiên đức, thì ai có thể hiểu được đạo thành thật cao cả này?

Chương 33

THƯỢNG CÁCH

Kinh Thi có nói: "Khi mặc áo gấm hoa, nên mặc thêm áo choàng đơn ra ngoài". Câu đó ý nói rằng ghét màu sắc lòe loẹt của gấm hoa làm khó chịu mắt người. Cho nên, đạo người quân tử là che đậy đức hạnh đi,

không để lộ ra ngoài, nhưng nó càng ngày càng tỏa sáng thêm. Đạo của kẻ tiểu nhân thì sặc sỡ, cố để lộ ra ngoài, nhưng nó mỗi ngày một mất dần, mỗi ngày một lu mờ đi.

Đạo người quân tử bình dị nhưng không làm cho người ta chán, tuy giản dị nhưng có văn nhã, tuy ôn hòa nhưng có lý lẽ. Nếu hiểu đạo lý muốn đi xa phải bắt đầu từ nơi gần, hiểu phong tục được sinh ra là có nguồn gốc, hiểu được cái nhỏ nhất, sâu kín nhất vẫn có ngày hiện lộ ra, được như vậy là có thể tiến vào cõi chí thiện của thánh nhân rồi.

Kinh Thi có nói: "Dù lặn rất sâu vẫn có thể nhìn thấy rõ".

Cho nên người quân tử tự xét nơi lương tâm của mình, nếu thấy có ma tà quỷ ám, có nghĩ đến làm điều ác, thì tự mình mình biết hổ thẹn. Người quân tử khi sửa mình mà thấy điều bất cập thì chỉ mình biết, chứ người bình thường không thể nhìn thấy được.

Kinh Thi có nói: "Khi vào phòng của ai, dù ở góc mà người khác không nhìn thấy, cũng không hề có ý nghĩ gì xấu xa làm hổ thẹn đến lương tâm". Cho nên người quân tử chưa hành động mà vẫn được người ta tôn kính, chưa nói ra mà người ta đã tin theo.

Kinh Thi còn nói: "Khi diễn tấu nhạc ở trong tông miếu, hãy lặng thinh, đừng nói năng gì cả, tự nhiên người ta theo mình mà không ồn ào tranh cãi". Cho nên, người quân tử không ban thưởng mà dân chúng vẫn cảm thấy như được sự động viên, được cảm hóa, đua nhau làm theo điều thiện; không cần phẫn nộ mà dân chúng đã kính sợ hơn cả hình *phạt bằng búa rìu.*

Kinh Thi còn nói: "Đức của vua thiên tử không lộ ra, nhưng các vua chư hầu đều theo nhau bắt chước". Cho nên, người quân tử giữ mình một cách thành thật, thì tự nhiên thiên hạ sẽ thái bình vô sự.

Kinh Thi còn nói: "Ta thường tưởng nhớ đến đức sáng tỏ của vua Văn Vương, bởi vì vua Văn Vương chẳng cần to tiếng ra lệnh hoặc làm nghiêm sắc mặt bao giờ".

Khổng Tử cũng nói thêm: "Nếu gào thét và nghiêm sắc mặt để giáo hóa dân chúng đó là hạ sách, là điều ngọn vậy".

Kinh Thi còn nói: "Đức nhẹ tựa lông hồng". Lông hồng tuy nhẹ nhưng vẫn còn có trọng lượng, vẫn có thể so với vật khác. Còn: "Đạo trời sinh ra vạn vật vừa không có tiếng lại không có hơi", đó mới là mức độ tuyệt vời chí cao vô thượng.

Lời bình:

Quan điểm của Nho gia chủ yếu là đề cao đức trị. Nhưng theo quan niệm của chúng ta ngày nay, bất kể xã hội nào chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa đức trị và pháp trị thì việc giáo dục nhân dân mới đạt hiệu quả thiết thực. Chỉ nhấn mạnh một chiều đức trị hay một chiều pháp trị là không thỏa đáng.

Luận Ngữ

LỜI DẪN

Khổng Tử là nhà tư tưởng, nhà văn hóa lớn của phương Đông và thế giới, đã được mệnh danh là bậc Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư tức là người thầy cực kỳ tài giỏi của Trung Quốc. Trong kho trí tuệ đồ sộ mà Khổng Tử cống hiến cho nhân loại, phải kể đến Luận Ngữ.

Luận Ngữ nguyên nghĩa là bàn về lời nói. Gọi là sách Luận Ngữ vì sau khi Khổng Tử mất, các học trò mới cùng nhau chép lại và bàn luận lời của Khổng Tử trả lời học trò và người đương thời cùng những lời của học trò hỏi đáp lẫn nhau để hiểu đúng và rõ ràng lời dạy của thầy. Có thể nói, toàn bộ tư tưởng triết học của Khổng Tử nằm trong Luận Ngữ, đi sâu lý giải mọi vấn đề chính trị, xã hội, luân lý, đạo đức... một cách sâu sắc và uyên thâm.

Xuyên suốt tư tưởng của Khổng Tử là đạo nhân tức là đạo làm người, đạo vì con người. Khổng Tử cho rằng người ta trước phải tu thân, tề gia, sau mới nói đến trị quốc, bình thiên hạ được.

Trong việc tu thân, tề gia, người ta cũng phải gắn với đức nhân tức là tu dưỡng rèn luyện nội tâm để đạt được nguyên tắc đạo đức tối cao bao gồm những đức như trung, thứ, hiếu, đễ, cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Đạt được như vậy, người ta đã xác lập được nhân cách tiêu chuẩn là người quân tử. Khi ấy, con người ta sẽ biết coi trọng luân thường đạo lý, biết sống có trách nhiệm, biết đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân, tránh được chủ nghĩa cá nhân làm sa đọa con người và xã hội.

Để trị quốc, bình thiên hạ, người cầm quyền phải tu thân, tề gia rồi mới thi hành đức trị theo lễ giáo, từ đó mà cảm hóa dân chúng, khiến cho dân chúng phục tùng sự cai trị của mình. Đặc biệt, Khổng Tử rất chú trọng về lễ, tức là trật tự trong trị nước. Ông đã đề ra thuyết chính danh yêu cầu "vua trọn đạo làm vua, tôi trọn đạo làm tôi, cha trọn đạo làm cha, con trọn đạo làm con", coi chính danh là biện pháp lớn để trị nước. Một tư tưởng lớn khác của Khổng Tử là "không lo của cải ít, chỉ lo phân phối không đều; không lo dân không đông, mà chỉ lo lòng dân không yên", để từ đó mà xây dựng nên thế giới "đại đồng". Ở thời ấy mà Khổng Tử đã nêu ra tư tưởng như vậy, thực có giá trị cho tới tận mai sau.

Quan điểm của Khổng Tử về chân - thiện - mỹ cũng phản ánh rõ tư tưởng triết học và đạo đức của ông. Khổng Tử chủ trương phải thống nhất giữa mỹ và thiện mà thiện phải đặt ra trước hết, hình thức và nội dung của văn học nghệ thuật phải đạt tới sự thống nhất hài hòa.

Nội dung của Luận Ngữ thật là sâu sắc trong mọi phương diện học tập, giáo dục, xử thế và trị nước an dân. Lời văn của Luận Ngữ thật trong sáng, cô đọng thành những danh ngôn bất hủ, nói rất sinh động, dễ tiếp thu. Vì vậy, ngày nay Luận Ngữ vẫn không mất đi giá trị chân thực mà ngày càng có ảnh hưởng rộng rãi, trở thành viên ngọc quý trong kho tàng văn hóa phương Đông và nhân loại.

Chính vì ý nghĩa ấy, trong quá trình chú dịch, tác giả đã biên soạn lời bình nhằm gắn kết lời dạy của thánh nhân với cuộc sống hôm nay, mong bạn đọc tìm thấy được giá trị đích thực đối với bản thân mình.

Mùa hè năm 1998

VƯƠNG THÀNH TRUNG

Chương 1

HỌC NHI

1. Khổng Tử nói: "Học được điều gì, lại có thể thường xuyên ôn tập, không phải là điều đáng vui mừng đó sao?

Có bạn bè từ phương xa tới, không phải là điều vui sướng nhất đó sao?

Người không hiểu ta mà ta chẳng oán giận họ, như vậy không phải là người quân tử ư?".

Lời bình:

Theo ý Khổng Tử, học có nghĩa là làm theo, noi theo, noi gương.

Học là quá trình không ngừng ôn luyện. Đối với những tri thức đã học được, phải nghiêm chỉnh làm theo để thúc đẩy quá trình tự giác lĩnh hội; phải thường xuyên ôn tập để không ngừng phát hiện ra điều mới mẻ, củng cố nâng cao sự nhận thức, hiểu biết của mình. Mỗi lần ôn tập là mỗi lần có thêm hiểu biết mới, thể nghiệm mới, trình độ mới.

Học là giai đoạn đầu tiên để nhận thức sự vật, còn ôn tập hay thực tập là giai đoạn củng cố điều đã học và đem áp dụng vào cuộc sống, hình thành và củng cố vững *chắc kỹ năng, kỹ xảo của công việc đã học, củng cố được*

tri thức, giúp mình trở thành một con người có tài đức trong xã hội. Và cũng vì trở thành một con người như vậy, nên làm cho mình thấy vui mừng. Học đưa lại niềm vui, điều hay, không phải là chỗ đó ư?

Khổng Tử chủ trương bản tính con người là thiện, nên phải lấy tinh thần của thiện để cảm hóa người, làm cho người ở gần mình trong lòng vui sướng mà tự nguyện học theo mình; còn người ở xa mình, được tinh thần của thiện cảm hóa, bị lôi kéo bởi sức hút của thiện mà vui vẻ tự nguyện đến với mình.

Một người có tu dưỡng thì người ở gần luôn luôn bên cạnh mình, còn người ở xa nghe thấy tiếng mà thật lòng mến mộ đến với mình. Bạn phương xa đến thăm, có thể cùng nhau đàm đạo về đạo lý, động viên nhau, chia sẻ cho nhau, cảm hóa lẫn nhau. Được như vậy không phải là điều vui sướng nhất đó sao?

Trong cuộc sống, một con người có thể gặp lúc không được ai hiểu mình hoặc để ý đến mình. Trong trường hợp như vậy, nếu cứ suy bì tỵ nạnh, tính toán thiệt hơn, tất sẽ ảnh hưởng đến học tập và công tác. Người có đức hoặc có tư tưởng khoáng đạt cởi mở, thì không bao giờ để tâm vào vấn đề này. Vì vậy, Khổng Tử cho rằng, học tập hay không học tập đều tự ở mình cả, còn hiểu mình hay không là ở người khác.

Một người nỗ lực học tập tu thân theo điều thiện đạt đến trình độ văn hóa tinh thần nào đó, sẽ cảm thấy yên tâm phấn khởi, tự tin, tự cảm thấy tin tưởng chắc chắn vào tài năng của mình sẽ được sử dụng, tiền đồ sự

nghiệp sẽ thành công. Còn việc người ta có biết mình hay không thì không quan hệ gì đến động cơ học tập của mình cả. Đâu có phải vì để người khác biết tiếng thì mình mới học tập tu thân. Tự mình học tập, tuy người khác không hiểu mình, nhưng thế giới tâm linh và thế giới tinh thần của mình vẫn phong phú, sâu sắc, ổn định, không oán không hận, không phẫn nộ ai cả. Được như vậy không phải là hành vi của người quân tử ư?

2. Hữu Tử nói: "Người biết hiếu thuận với cha mẹ, có nết đễ (kính trọng) với người lớn tuổi hơn mình mà lại thích cãi cọ, va chạm, xung đột mạo phạm với cấp trên là rất hiếm thấy. Người không mạo phạm cấp trên mà lại thích làm phản làm loạn là không có. Người quân tử là người chuyên tâm nắm vững cái gốc của tu thân. Nắm vững được cái gốc của tu thân thì đạo lập thân xử thế tự nhiên phát sinh ra trong lòng mình. Hiếu đễ là cái gốc của việc làm đạo nhân".

Lời bình:

Luận Ngữ từ rất nhiều góc độ bàn luận về điều nhân. Hữu Tử cho rằng nhân là gốc của tu thiện. Ở trong gia đình, cùng những người có quan hệ ruột thịt, điều thứ nhất là phải hiếu kính cha mẹ, thứ hai là phải tôn kính anh chị và người lớn tuổi hơn mình, nếu ai làm được việc đó thì không bao giờ để xảy ra mạo phạm với người trên. Trước người trên, có phong thái nhã nhặn lịch sự, lễ phép, cung kính phục tùng, con người như vậy không bao giờ có tư tưởng làm phản, làm loạn.

Hữu Tử chỉ rõ rằng nhận thức đối với người ta cần bắt đầu từ nơi gần nhìn đến nơi xa. Nơi gần là ở trong nhà, biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính anh chị thì không để xảy ra phạm thượng. Ở cương vị chức trách không phạm thượng thì sẽ không bao giờ làm phản loạn. Người con có hiếu ra làm quan thì đa số là trung thần. Nghịch tử ra làm quan thì đa số là nghịch thần.

Về tiêu chuẩn cơ bản của một người tốt, theo Hữu Tử, phải là người có hiếu đễ. Hiếu đễ là gốc để thực hiện đạo nhân.

Hữu Tử cho rằng muốn tu dưỡng tâm tính không thể tu dưỡng được tất cả mọi mặt trong một lúc. Công việc có to có nhỏ, có lớn có bé, phải làm dần từng việc một; tức là phải nắm vững mâu thuẫn chủ yếu, nắm vững cái gốc của làm người, cái gốc của nhiệm vụ người quân tử. Sự việc có mặt lớn mặt nhỏ. Tất cả mặt nhỏ đều do mặt lớn quyết định. Tu thân cũng như vậy, có chủ có thứ, có gốc có ngọn, có đại tiết, tiểu tiết. Đại tiết được xây dựng thì tiểu tiết sẽ được giải quyết. Người quân tử chuyên tâm vào mặt lớn, mặt cơ bản. Mặt cơ bản được giải quyết thì có thể quản lý tốt các mặt thứ yếu, giải quyết tốt các mặt nhỏ. Thế gọi là xác lập được cái gốc của tu thân, thì đạo nhân có thể phát sinh và phát huy triệt để.

3. Khổng Tử nói: "Dùng những lời lẽ hay ho để nịnh hót, làm vừa lòng người và ra vẻ mặt hiền lành, như vậy không phải là người có lòng nhân".

Lời bình:

Người mà phải dùng lời lẽ hay ho làm vừa lòng người, lại làm ra vẻ hiền lành, thì người ấy đã phải lo đến cái vẻ bên ngoài để làm theo ý muốn của người, còn đức ở trong lòng đã mất. Bởi vì có lúc, không kể có bộ mặt ra sao, miệng nói những lời gì, nếu có thiện tâm thì dù lời nói có vụng về, thô thiển, sắc mặt có nghiêm túc cũng là có nhân rồi. Nếu không có nhân thì dù có nói hay đến mấy, dễ nghe đến mấy, sắc mặt có vẻ hiền lành đến mấy cũng không phải là người có nhân.

Khổng Tử có thái độ dứt khoát đối với kẻ tâng bốc nịnh hót và hết sức đề phòng loại người này.

Trong cuộc sống hiện thực, chúng ta nhìn thấy loại người nịnh hót không ít. Nhận biết được loại người này không phải là người có đức nhân thì xem như đã bắt đầu hiểu được đức nhân rồi.

4. Tăng Tử nói: "Tôi mỗi ngày tự xét mình ba điều. Mưu việc cho người khác đã dốc hết sức lực tâm trí chưa? Cùng kết giao với bạn bè đã thật giữ điều tín chưa? Tri thức thầy truyền cho đã ôn tập cẩn thận, chu đáo chưa?".

Lời bình:

Tự xét mình nghĩa là nhắc nhở mình phải tỉnh táo sáng suốt. Tăng Tử cho rằng thường xuyên ngày nào cũng nêu ra mấy vấn đề để nhắc nhở mình, dùng hình thức tự hỏi mình để giữ cho mình luôn luôn tỉnh táo

sáng suốt; lấy tiêu chuẩn của nhân để tự soi chiếu, có sai thì sửa, không sai thì tự động viên mình, khiến cho mình bỏ điều ác theo điều thiện. Theo đó, Tăng Tử nêu ra ba điều để mỗi ngày tự xét mình, nhắc nhở mình, quất vào sai trái của mình và sửa mình. Ba điều đó là:

Mưu việc cho người khác phải dốc hết sức lực tâm trí: Mưu là đề xuất ý kiến, nghĩ cách hoặc làm việc cho người khác. Người có lòng nhân bao giờ cũng có tình thương yêu người. Mưu lợi ích cho người chính là lòng yêu người được biểu hiện ra bằng hành động cụ thể ở bên ngoài. Nho gia chủ trương giúp đỡ mọi người, làm việc gì cũng phải tận tâm tận lực, nhất tâm nhất ý. Nếu mỗi ngày đều có thể nêu một điều để hỏi mình, cứ duy trì mãi mãi, sẽ trở thành một con người có đạo đức, sẽ trở thành một con người biết lấy việc giúp đỡ người làm niềm vui của mình. Chúng ta yêu cầu người khác giúp đỡ mình, có được việc cũng cảm ơn họ, không được việc cũng cảm ơn họ, chỉ cần người ta thành tâm thành ý là cảm ơn rồi. Điều này đã trở thành đức tính tốt đẹp của các dân tộc phương Đông trong đó có dân tộc ta.

Cùng bè bạn kết giao với nhau phải giữ được chữ tín: Giao là chơi bời, đi lại kết bạn với nhau. Tín là thật thà, trung thực đáng tin cậy. Con người không thể sống cô lập trong xã hội, cách biệt với mọi người chung quanh, mà thường phải kết bạn với nhau, giao lưu, tiếp xúc, đồng tâm hiệp lực giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng nên các mối quan hệ xã hội mới có thể tiến hành mọi hoạt động xã hội bình thường. Kết giao bạn bè cần giữ điều tín; cùng làm việc với bạn bè đồng sự phải thành tâm; đã

nói là phải làm, làm phải có kết quả, đây là chuẩn mực tối thiểu trong phép đối nhân xử thế.

Chúng ta kết giao bạn bè cùng làm việc với nhau, thường xuyên tự hỏi mình, có điều gì lừa dối bạn bè không? Làm được như vậy, mới có thể trở thành tri ân tri kỷ của bạn bè, mới xứng đáng là bạn của người khác.

Tri thức thầy truyền cho phải ôn tập cẩn thận, chu đáo: Truyền theo nghĩa của nhà nho là tâm truyền, là sự tu dưỡng nội tâm, truyền bá đạo nhân, trao nhau lời hay ý đẹp, quảng bá điều thiện. Vì vậy mà những lời thầy dạy chẳng những phải chăm chú lĩnh hội mà còn phải thường xuyên suy xét ôn luyện, cứ mãi mãi làm được như vậy sẽ có ngày đạt đến đạo nhân.

Nếu biết tự xét mình chân thành, cẩn thận như thế thì đã tạo được cái gốc vững chắc của việc học rồi.

5. Khổng Tử nói: "Quản lý lãnh đạo một quốc gia có nghìn cỗ xe, phải xử lý nghiêm túc, cẩn thận, chu đáo tất cả mọi công việc, phải đặc biệt giữ điều tín đối với dân, tiết kiệm chi tiêu, yêu mến dân, sử dụng sức dân trong thời gian thích hợp".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng muốn lãnh đạo quản lý một quốc gia lớn cần phải làm tốt năm điều sau đây:

Phải xử lý nghiêm túc, cẩn thận, chu đáo: Chúng ta thường nói tinh thần yêu nghề, kính nghiệp chính là tinh thần chuyên tâm nhất ý làm tốt sự nghiệp hay nghề nghiệp của mình.

Công việc của một quốc gia, mỗi ngày phải giải quyết hàng vạn thứ, việc nào cũng phải làm ngay, nhiều công việc phức tạp, không có việc nào không đến tay lãnh đạo giải quyết. Người lãnh đạo cần phải tập trung giải quyết tốt bất cứ một việc gì khi đã đến tay, không thể viện cớ vì việc công bận mà giải quyết qua loa cho xong chuyện. Việc nước, việc công thì không có việc gì nhỏ, mà việc nào cũng phải xử lý cẩn thận như nhau, không thể việc này sơ sài, việc kia lơi lỏng.

Giữ điều tín đối với dân: Nước có thể nâng thuyền, nước có thể lật thuyền. Dân có thể lập nước, có thể diệt nước. Chính quyền một nước được ổn định hay không, mấu chốt là lòng dân có hướng theo hay không. Người được lòng dân thì được cả thiên hạ, người mất lòng dân thì mất cả thiên hạ. Lòng dân là gốc của quốc gia yên ổn, chính quyền củng cố.

Làm thế nào để được lòng dân? Mấu chốt là được dân tín nhiệm. Làm thế nào để được dân tín nhiệm? Mấu chốt là chính quyền phải thực sự có thành tích đối với dân, cải thiện điều kiện sống mọi mặt về vật chất và tinh thần cho dân.

Tiết kiệm chi tiêu: Muốn lãnh đạo tốt một quốc gia, được sự ủng hộ của dân chúng, phải nghiêm khắc tiết kiệm trong chi dùng. Ở thời cổ đại, lực lượng sản xuất thấp kém, của cải vật chất có hạn nên làm bất cứ việc gì đều phải lượng tài, lượng sức, lượng thu chi mới làm, ăn mặc phải lượng khả năng từng gia đình. Đó là xuất phát *từ chính là đạo lý này.*

Ở thời đại hiện nay, lực lượng sản xuất phát triển, của cải vật chất phong phú hơn, đời sống nhân dân được cải thiện, nhưng vẫn phải chú trọng nguyên tắc phấn đấu làm ra nhiều của cải, vật chất, mà cần kiệm trong chi dùng mọi mặt.

Nếu không nghĩ đến tiết kiệm, cái gì cũng phô trương lãng phí, vung tay quá trớn, chi tiêu không rõ ràng, sẽ dẫn đến đóng góp của nhân dân thêm nặng, lâu dần sẽ dẫn đến nhân dân ca thán, phàn nàn, bất mãn đến đỉnh điểm thì tức nước vỡ bờ, mất ổn định là không tránh khỏi, chính quyền sụp đổ là điều tất nhiên.

Yêu mến dân: Người lãnh đạo một quốc gia thực sự có lòng thương yêu dân hay không, việc làm có đưa lại niềm hạnh phúc, ấm no cho dân hay không, điều đó quyết định tất cả. Đạo yêu dân của Khổng Tử là đạo trị nước.

Sử dụng sức dân trong thời gian thích hợp: Thời cổ đại có lao dịch, đi phu xây dựng lâu đài thành quách, thời nay có nghĩa vụ đóng góp công dân, xây dựng công ích. Quốc gia sử dụng dân công phải chọn thời gian thích hợp khi nông nhàn. Có như vậy mới không để lỡ thời vụ gieo trồng thu hoạch, không làm trở ngại đến sản xuất, đến lợi ích chính đáng của dân.

6. Khổng Tử nói: "Tuổi trẻ muốn nên người, ở nhà cần phải hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài phải tôn kính người hơn tuổi mình, hành vi phải cẩn thận, lời nói phải giữ điều tín, yêu thương rộng rãi mọi người, biết gần gũi

người có đức nhân. Làm được như vậy rồi, nếu còn dư năng lực, thời gian thì học tập tri thức".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra sáu yêu cầu đối với lớp trẻ trong việc tu dưỡng để thành người.

Ở nhà phải hiếu thuận với cha mẹ: Hiếu là quan niệm trọng tâm, là tư tưởng quan trọng của văn hóa Nho gia. Quan niệm này yêu cầu thanh thiếu niên ở gia đình phải tôn kính cha mẹ, đối xử phụng dưỡng cha mẹ tử tế. Đây được xem là nguồn gốc, nguyên tắc duy trì trật tự và hòa mục trong gia đình. Chỉ khi ở nhà làm trọn đạo hiếu thuận với cha mẹ, thì khi ra ngoài xã hội mới biết tận trung với quốc gia.

Ra ngoài xã hội phải tôn kính người hơn tuổi mình: Có tôn trọng người hơn tuổi mình mới có thể duy trì trật tự trên dưới, khiến mọi thành viên trong xã hội có sự tôn trọng lẫn nhau, làm tốt việc đoàn kết toàn dân, cả nước một lòng.

Hành vi phải cẩn thận, lời nói phải giữ điều tín: Trong mọi hành động phải giữ trước sau như một, tuân thủ nghiêm khắc quy phạm hành vi của xã hội, như vậy gọi là cẩn thận. Giữ điều tín là thành thực, thực tế, thực sự cầu thị, không nói suông, không nói dối, không nói hai lời. Nho gia chủ trương lời nói và hành động phải đúng đắn, nói đúng và làm đúng, nói đi đôi với làm. Đó là yêu cầu quan trọng phải tu dưỡng từ sớm.

Yêu thương rộng rãi mọi người: Đây là tinh thần yêu thương rộng rãi mọi người của Khổng Tử. Tự do, bình

đẳng, bác ái, trong đó quan niệm bác ái chính là tình yêu rộng rãi mọi người mà Khổng Tử đã nói tới. Yêu rộng rãi mọi người theo cách nói ngày nay là yêu nhân dân.

Gần gũi người có đức nhân: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, cho nên gần gũi người có đức nhân là để tiếp thu ảnh hưởng của họ, từng bước nâng cao sự tu dưỡng về đạo đức của mình, để trở thành người có đức nhân.

Còn dư năng lực, thời gian thì học tập tri thức: Làm được năm điều trên chủ yếu là về mặt phẩm chất, mặt đạo đức. Do đó có thể biết nhà giáo Khổng Tử đem đức dục đặt vào vị trí đầu tiên. Đức dục là số một như ta thường nói *tiên học lễ*. Nếu năng lực có dư, như có thời gian, có điều kiện vật chất, thì Khổng Tử khuyên lớp trẻ nên học thêm văn hóa, về các tri thức để có thêm tài năng cụ thể. Tài năng là thứ hai như ta thường nói *hậu học văn*. Chủ trương của Khổng Tử là muốn giáo dục bồi dưỡng một lớp người mới có đức có tài.

7. Tử Hạ nói: "Biết tôn trọng người hiền tài thay cho tôn trọng nữ sắc; biết đối đãi với cha mẹ tận tâm tận lực; biết thờ vua với tinh thần liều chết quên mình; giao lưu cùng bạn bè biết nói lời tín thật. Những người như vậy tuy không được học vẫn xem như là người đã có học rồi".

Lời bình:

Học tập mà Khổng Tử nói không chỉ là học tập trong sách vở, học những tri thức cụ thể, mà cả rèn luyện

phẩm đức cao thượng, học làm người có đức nhân. Tử Hạ đã lĩnh hội được ý đó, phát biểu quan niệm của mình. Bốn việc mà Tử Hạ nêu ra là bốn việc lớn trong luân thường của con người. Muốn làm bốn việc ấy phải có lòng thành, nếu không có tư chất hơn người thì cũng phải rất chăm chỉ rèn luyện.

Vì vậy, Tử Hạ cho rằng người làm được bốn điều nói trên là một người toàn diện, hoàn mỹ về đạo đức, là người cao thượng. Không biết rèn luyện để làm người có đức nhân, làm người cao thượng, thì có học xem như không có học, học mà không được cái gì, hoặc học rồi cũng vô dụng. Làm người biết thực hiện luân thường để có đức nhân, thì không được học cũng xem như người đã có học rồi.

8. Khổng Tử nói: "Người quân tử nếu không có thái độ trang trọng thì không giữ được uy nghiêm, có học tập cũng không củng cố được thành quả đã học. Làm người phải lấy trung tín làm chính. Không kết giao bạn bè với người chẳng như mình. Có sai lầm, không sợ sửa chữa".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra ba yêu cầu đối với con người:

Người quân tử nếu không có thái độ trang trọng thì không giữ được uy nghiêm: Muốn nên người, trong mọi công việc đều phải có thái độ nghiêm túc, tự giác và hết mực coi trọng. Tư thế thái độ là hình thức biểu hiện bên ngoài của thế giới nội tâm, là sự phản ảnh cụ thể trạng thái tinh thần của con người. Nếu làm người không có

thái độ trang trọng, xem việc gì cũng không quan trọng thì tu dưỡng nội tâm chưa đạt, thiếu sự uy nghiêm để ràng buộc mình. Đối với học tập cũng vậy, không trang trọng thì không giữ được nghiêm túc, dù có học tập cũng chẳng thể thành công được.

Làm người phải lấy trung tín làm chính, không kết giao bạn bè với người không như mình: Trung thành và trung thực là tiêu chuẩn tối thiểu để kết giao bạn bè. Người chẳng trung tín, việc làm không thành thật. Làm việc ác dễ, làm việc thiện khó. Vì vậy người nghiên cứu học vấn phải lấy trung tín làm chủ và phải biết kết giao với người có đạo đức, người cao thượng. Chỉ có quan hệ với người có đạo đức, mới có thể nhanh chóng nâng cao phẩm đức, tự hoàn thiện mình. Căn cứ vào yêu cầu tu dưỡng, Khổng Tử chủ trương không kết giao bạn bè với người không như mình là vậy.

Có sai không sợ sửa chữa: Con người, trong cuộc sống không thể không phạm sai lầm. Mọi quan niệm cho rằng con người có thể không bao giờ phạm phải sai lầm là không đúng. Chỉ có trẻ sơ sinh và người đã chết mới không phạm phải sai lầm. Khổng Tử không yêu cầu con người không phạm sai lầm, chỉ yêu cầu khi phạm sai lầm phải dám nhận và biết sửa chữa. Đấy mới là thái độ của người có đức nhân.

9. Tăng Tử nói: "Phải cẩn thận làm tốt tang lễ cho cha mẹ khi qua đời; thành tâm, thành ý khi cúng tế tổ tiên. Được như vậy, dân chúng được cảm hóa, phong tục đạo đức của dân chúng ngày một tốt đẹp và thuần hậu".

Lời bình:

Muốn xây dựng đạo đức cho con người thì phải từ hai mặt. Một mặt là phải tu dưỡng đạo đức của từng cá nhân - thành viên của xã hội. Mặt khác là xây dựng nền tảng cơ bản của đạo đức xã hội, mặt bằng đạo đức của quần chúng. Tăng Tử hiểu rõ về mặt tu dưỡng đạo đức cá nhân, tự mỗi người phải nghiêm khắc yêu cầu mình; về mặt xã hội phải làm rất nhiều việc mới có thể xoay chuyển được tệ hại, sai trái, hủ tục, làm sạch bầu không khí đạo đức xã hội.

Việc thì nhiều nhưng Tăng Tử nêu ra hai việc: Khi cha mẹ mất, người ta hay làm không đúng lễ, nhưng mình phải cẩn thận để làm cho đúng lễ. Người ta dễ quên tổ tiên từ đời xưa, nhưng mình phải tế tự tổ tiên theo lòng thành.

Người quân tử, người lãnh đạo làm được hai việc này thì đức của mình trở nên trung hậu lại hợp lễ, có thể cảm hóa dân noi theo, từ đó tác phong, phong tục của dân nhất định sẽ được nâng cao theo hướng tốt đẹp. Mặt bằng xã hội được nâng cao lại thúc đẩy sự tu dưỡng đạo đức của mỗi thành viên. Cứ như vậy, làm cho đạo đức xã hội ngày càng phát triển hoàn thiện.

10. Tử Cầm hỏi Tử Cống rằng: "Thầy Khổng Tử của chúng ta mỗi khi đến một nước nào đều được tham dự vào công việc chính sự của nước đó. Đây là do thầy chúng ta yêu cầu hay người ta chủ động mời thầy nghe?".

Tử Cống nói: "Thầy chúng ta có đức tính ôn, lương, cung, kiệm, nhường, nên mới được vinh dự đặc biệt đó.

Phương pháp đề xuất yêu cầu được tham gia chính sự của thầy chúng ta hoàn toàn khác với phương pháp xin việc của người khác".

Lời bình:

Tử Cống nêu lên năm đặc trưng xử sự của Khổng Tử là ôn, lương, cung, kiệm, nhường.

Ôn là ôn thuận, ôn hòa. Khổng Tử khi làm việc với ai đều hết sức ôn hòa, giữ thái độ ân cần nồng hậu; luôn luôn có nét mặt dễ gây thiện cảm, hễ đối phương nhìn thấy là có cảm tình, có lòng tin, biết là người đáng tin cậy. Cho nên đối phương sẵn sàng tự nguyện kết giao cộng sự, bằng lòng cùng trao đổi bàn bạc với Khổng Tử.

Đây là điều kiện tiên quyết mà Khổng Tử đã kiên trì tu dưỡng để được chủ động mời tham gia bàn luận công việc chính sự.

Lương là lương thiện. Khổng Tử lúc nào cũng lương thiện. Trong cuộc sống có thể giúp được người hay không là một vấn đề, còn lương tâm tốt hay không là một vấn đề khác. Trong xử sự với người, nếu lòng dạ bất lương thì chỉ có khả năng lừa người ta được một lần, không thể lừa người ta được mãi mãi.

Tính tình lương thiện, lúc đầu có thể người ta chưa hiểu hoặc hiểu lầm, nhưng về sau càng hiểu người ta sẽ càng tin và sẵn sàng cùng chung sống hòa bình với mình. Tính tình lương thiện luôn có động cơ lành mạnh là làm điều thiện cho người và luôn lấy đó làm niềm vui.

Đây là điều kiện cơ bản Khổng Tử đã thường xuyên tu dưỡng để được mời tham gia bàn luận công việc chính sự.

Cung là cung kính. Tính tình lương thiện, chiếm được thiện cảm của mọi người, thì càng không thể hành động ngạo mạn, bắt bí người; mà phải lễ độ tôn kính, tôn trọng người. Cử chỉ nét mặt có vui vẻ, lễ độ, người khác mới vui vẻ tiếp thu, chịu ngồi nghe mình nói.

Đây là điều kiện quan trọng Khổng Tử đã tu dưỡng được để ý kiến của mình được tiếp thu, được tham gia bàn luận công việc chính sự.

Kiệm là cần kiệm và dè dặt. Mỗi khi đến một nước nào, địa phương nào, Khổng Tử hết sức chú ý đến nguyên tắc cần kiệm. Nếu tự mình phô trương lãng phí, tiêu pha bừa bãi, ăn uống no say, người ta nhìn vào sẽ không có thiện ý; hoặc nếu tự mình có đòi hỏi gây tốn kém đến tiền bạc của người thì nhất định không được đối xử đúng theo lễ. Nếu không dè dặt trong lời nói thì không hiểu người mà dễ thành ba hoa, khoa trương, như thế người ta khó tin cậy mình. Như vậy mục đích tham gia bàn luận công việc chính sự cũng không thể đạt được.

Nhường là khiêm tốn, nhường nhịn. Muốn tham gia bàn luận công việc chính sự thì không thể theo kiểu ngồi trên cao chỉ thị xuống, không thể trực tiếp nói thẳng, càng không thể một lúc thao thao bất tuyệt, phô trương hết nhuệ khí, tài thao lược của mình, hoặc ngang ngạnh chỉ huy cho rằng không có mình là không xong

việc; mà phải khiêm tốn, nhường nhịn, thành khẩn, tâm tư bình tĩnh, không nôn nóng, vội vàng, với tinh thần cùng mưu đại nghiệp, mới có tác dụng, có hiệu quả để đối phương chủ động mời mình tham gia vào công việc chính sự.

11. Khổng Tử nói: "Khi người cha còn sống thì quan sát chí hướng của người con, khi người cha chết thì quan sát hành vi của người con. Nếu ba năm sau khi cha mất, người con không thay đổi những quy tắc của đạo làm con đối với cha, như vậy được gọi là người con có hiếu vậy".

Lời bình:

Xã hội tông pháp cổ đại đề xướng bề tôi phải trung với vua, con phải hiếu với cha mẹ. Khi tuyển dụng đề bạt nhân tài hay quan lại, người xưa đều rất coi trọng tiêu chuẩn hiếu và liêm chính. Người như vậy thường là bề tôi trung với vua. Cho nên xã hội cổ đại đặc biệt tôn trọng người có hiếu. Điều đó được thể hiện khi cha mẹ còn sống, người con không có quyền quyết định, nhưng có thể bộc lộ chí hướng của mình. Khi cha mẹ mất, người ta có thể thấy rõ nết cư xử của người con có giữ được đạo hiếu đối với cha mẹ đã chết hay không. Nếu người con không giữ vững mà dám thay đổi những quy tắc, quy phạm của xã hội đương thời quy định, thì việc làm dù thiện cũng không thể gọi là người có hiếu. Do đó có thể biết, người cổ đại chọn trung thần từ người có hiếu cũng có đạo lý riêng.

12. Hữu Tử nói: "Tác dụng của lễ đạt được sự thống nhất, hài hòa mới là đáng quý. Phương pháp trị nước của những bậc vua hiền thời cổ đại có đúng đắn là ở chỗ này: việc lớn việc nhỏ đều tuân thủ nguyên tắc hài hòa. Nhưng có điều không nên làm: chỉ biết hài hòa là quý, rồi trong mọi việc chỉ biết hài hòa, không lấy lễ nghĩa để tiết chế thì làm việc gì cũng không xong".

Lời bình:

Ở đây Hữu Tử nêu lên tác dụng giáo hóa của lễ là ở chỗ khiến cho các mối quan hệ trong xã hội được thống nhất hài hòa, đạt mục đích thiên hạ ổn định, bốn phương yên bình.

Những thánh nhân cổ đại có được nhân dân suy tôn là ở chỗ làm việc gì đều lấy duy trì sự thống nhất hài hòa trong xã hội làm mục đích cao nhất. Xã hội thống nhất hài hòa, chính trị thông suốt, nước nhà ổn định, nhân dân đoàn kết đồng tâm cùng nhau sống hòa mục, hiệp lực khắc phục khó khăn để phát triển sản xuất là nguyên tắc cao nhất.

Nhưng hài hòa không thể đi theo một chiều. Bởi vì, lễ mà nghiêm quá thì khô khan và dễ chia lìa, nên lấy hòa làm quý. Nhưng nếu chỉ hòa thôi thì lễ lại mất nghiêm. Theo mức trung thì lấy nghiêm mà rộng rãi, hòa mà chừng mực là tốt nhất. Khi mặt nào đó mất cân đối, không hài hòa, vẫn phải dùng lễ nghĩa để tiết chế giáo hóa, phát huy tác dụng của giáo dục, công năng của cảm hóa, công năng của lãnh đạo, hướng dẫn, chỉ đạo, từng bước khiến cho xã hội đạt đến hài hòa. Không có

giáo hóa của lễ nghĩa, không có sự thống nhất tư tưởng, không có văn minh tinh thần, thì không thể thống nhất hài hòa được.

13. Hữu Tử nói: "Giữ được chữ tín là đã tiếp cận với nghĩa, có như vậy lời hứa mới thực hiện được. Giữ được cung kính là đã tiếp cận với lễ, có như vậy mới tránh xa được điều sỉ nhục. Người đáng tin cậy là người mình có thể thân cận được. Được như vậy, sự nghiệp của mình thật sự có chỗ dựa vững chắc".

Lời bình:

Đoạn này Hữu Tử nói về ba yếu tố cần có để sự nghiệp thành công:

Giữ chữ tín: Vì chữ tín phù hợp với lễ nghĩa, mà phù hợp với lễ nghĩa thì lời nói nhất định có tác dụng, có hiệu quả.

Phải cung kính tôn trọng người: Trong khi xử sự với người mà biết tôn trọng người thì sẽ không mang lại điều nhục nhã.

Dùng người phải đáng tin cậy: Dùng những người một lòng một dạ với mình, không dùng kẻ hai lòng.

Làm được ba điều đó thì sự nghiệp nhất định thành công. Còn nếu cẩu thả ba điều đó, sẽ phải hối hận nhiều.

14. Khổng Tử nói: "Người quân tử có chí học đạo, không theo đuổi việc ăn uống no say, không cầu ở thật

thoải mái và sống cuộc đời an nhàn, làm việc với tinh thần mẫn cán, lời nói hết sức cẩn thận, luôn gần gũi người có đức để không ngừng sửa chữa khuyết điểm của mình. Làm được như vậy, có thể nói là người ham học và học đạt kết quả tốt".

Lời bình:

Khổng Tử giải thích thế nào là người có đạo đức, người quân tử. Ông nêu ra năm điều, nếu ai làm được năm điều này thì xem như đã trở thành người có đạo đức, người quân tử. Năm điều đó là:

Không theo đuổi việc ăn uống no say: Đây là một tiêu chuẩn quan trọng để đo lường đạo đức của người quân tử. Nếu quá coi trọng ăn uống, đặt tiêu chuẩn ăn uống quá cao, những con người như vậy thường là không có chí khí, không có tiền đồ.

Không cầu ở thật thoải mái, sống cuộc đời an nhàn: Cuộc sống quá an nhàn sẽ không có chí khí phấn đấu, mà sẽ nuôi dưỡng tư tưởng cầu an, hưởng thụ, đẻ ra thư sinh yếu đuối, trái với đạo quân tử. Đây là tư tưởng nhất quán của Nho gia.

Làm việc phải mẫn cán: Cuộc sống đời người có hạn, thế sự lại vô cùng. Phải tranh thủ thời gian làm việc cho đời, làm việc có ích cho dân, cho nước. Lúc đó cuộc sống của con người ta mới thực sự có ý nghĩa.

Lời nói phải hết sức cẩn thận: Lời nói là công cụ giao lưu tư tưởng, diễn đạt tình cảm. Một lời nói hay thì làm ấm lòng người. Một lời nói đúng thì làm sáng lòng

người. Một lời nói sai thì làm băng giá lòng người. Lời nói có thể dẫn đến mọi người hợp tác đoàn kết cùng chung sức phấn đấu, nhưng cũng có thể làm tan đàn sẻ nghé, tan tác phân ly, ai sống mặc ai không quan tâm, hơn thế còn gây nên thù hận tương tàn. Một lời có thể dựng nên sự nghiệp, một lời có thể làm tan một quốc gia. Thế mới biết việc giao lưu ngôn ngữ giữa mọi người với nhau cần có thái độ thận trọng biết chừng nào! Phàm những người học theo đạo quân tử đều cảm nhận được "lời nói phải hết sức cẩn thận" là một yêu cầu vô cùng quan trọng trong cuộc sống đời thường cũng như trong đời sống chính trị.

Gần gũi người có đức: Gần gũi và học tập người có đạo đức để không ngừng bổ sung điều chưa đủ của mình, sửa chữa sai lầm của mình, chỉnh hướng đi đúng đạo, để dần dần đắc đạo trở thành người có đạo đức, người quân tử.

Trong việc học, nếu làm được năm điều ấy thì có thể coi là đã dốc chí và ra sức thực hành rồi. Thế mới gọi là ham học.

15. Tử Cống hỏi: "Nghèo hèn mà không nịnh bợ người, giàu có mà không kiêu căng khinh miệt người, như vậy đã được chưa?".

Khổng Tử nói: "Có thể được, nhưng không bằng nghèo hèn mà vẫn lạc quan, giàu có mà lại chuộng lễ nghĩa".

Tử Cống hỏi: "Trong Kinh Thi có câu: "Giống như đối với xương, với sừng, với ngà voi, với ngọc thạch phải mài

dũa nó, cắt gọt chạm trổ nó". Câu ấy có phải có ý như vậy không?".

Khổng Tử nói: "Đáng khen thay! Bây giờ ta có thể cùng bàn luận với ngươi về Kinh Thi rồi, bởi vì mới bảo cho ngươi biết chuyện quá khứ mà ngươi có thể đoán biết được chuyện tương lai rồi".

Lời bình:

Đây là đoạn Khổng Tử và học trò là Tử Cống bàn luận về trau chuốt, mài dũa nhân cách.

Tử Cống cho rằng khi một người lâm vào thế bần cùng thì chỉ cần không nịnh bợ quỳ gối, một người giàu sang phú quý mà không kiêu ngạo, không khinh miệt người là được rồi. Đây là tiêu chuẩn nhân cách của Tử Cống đề ra.

Khổng Tử đề ra tiêu chuẩn nhân cách cao hơn. Khổng Tử cho rằng làm người trong xã hội, dù nghèo cũng phải có khí tiết, có ước mơ, lạc quan, phải phấn đấu để cho không còn nghèo nữa. Ở trong bất kỳ tình trạng nghèo hèn nào, cũng không để mất đi ý chí, tinh thần lạc quan và nhân cách. Giàu có rồi, phú quý vinh hoa rồi cũng không nên thỏa mãn với đời sống vật chất, mà nên tiếp tục bồi dưỡng đời sống tinh thần ngày một cao hơn, yêu quý tôn trọng thực hành lễ nghĩa, chú trọng văn minh tinh thần. Nếu làm được như vậy sẽ đạt nhân cách cao hơn.

Trong bàn luận, Tử Cống nêu ra yêu cầu nhân cách cá nhân, Khổng Tử thừa nhận và tiến thêm một bước,

mở rộng cho Tử Cống hiểu được yêu cầu cao hơn về nhân cách cá nhân. Đây cũng ví như sự cắt gọt, mài dũa để chạm trổ tác phẩm mỹ thuật trên sừng, trên xương, trên ngà voi, trên ngọc thạch, làm cho phẩm đức ngày càng hoàn thiện.

16. Khổng Tử nói: "Không sợ người không hiểu ta mà chỉ sợ ta không hiểu người".

Lời bình:

Trong đoạn đầu của phần này có câu: "Người không hiểu ta, ta vẫn bình thản, không lo sợ hoảng hốt, không giận dữ ai, như vậy không phải là người quân tử ư?". Còn câu: "Không sợ người không hiểu ta mà chỉ sợ ta không hiểu người" là câu cuối cùng của phần này, bổ sung thêm một ý: chỉ sợ mình không hiểu người. Không hiểu sở trường của người khác thì không thể biết được điều cần để học tập người. Không hiểu sở đoản của người khác sẽ không biết được điều cần để giữ mình. Không hiểu người sẽ không biết dùng người, sẽ xảy ra sai sót làm hỏng việc. Đây là điều đáng sợ nhất.

Chương 2

VI CHÍNH

1. Khổng Tử nói: "Cầm quyền lãnh đạo quốc gia cần phải dựa vào đạo đức thì dân chúng đều quy thuận. Tự

mình giống như sao Bắc Đẩu vậy, ở cố định một nơi, còn các vì sao khác đều chầu quay quanh nó".

Lời bình:

Theo Khổng Tử thì đạo trị nước trước hết là nắm được chính quyền quốc gia. Đối với người lãnh đạo quốc gia mà nói, trị nước phải dựa vào lực lượng chính quyền, nhưng dễ quên mất một điều là trị nước còn phải dựa vào đạo đức, sức mạnh giáo hóa của lễ nghĩa, của văn minh tinh thần. Nếu chú trọng xây dựng mặt đạo đức, chủ trương phát huy tác dụng của quy phạm đạo đức xã hội, người lãnh đạo quốc gia sẽ giống như sao Bắc Đẩu ngự ở một góc trời, còn dân chúng thiên hạ thì giống như các hành tinh khác đoàn kết xung quanh người lãnh đạo. Người lãnh đạo có đức sẽ được nhân dân ủng hộ, thiên hạ thái bình. Người lãnh đạo thất đức sẽ bị nhân dân phản đối. Cho nên trong lịch sử Trung Quốc, gọi tư tưởng chính trị của Khổng Tử là đức chính.

2. Khổng Tử nói: "Kinh Thi có ba trăm bài, có thể dùng một câu để khái quát là: trong đó không có tư tưởng xấu và tư tưởng tà ác".

Lời bình:

Kinh Thi có ba trăm bài là chỉ số chẵn, kỳ thực có ba trăm linh năm bài, phân ra ba phần: phong, nhã, tụng. Các bài trong Kinh Thi có nội dung khác nhau, phong cách khác nhau, nhưng đều từ nhiều góc độ phản ánh

bộ mặt kinh tế - chính trị của xã hội thời nhà Chu, ca tụng cái hay cái đẹp, cái cao thượng, tao nhã của xã hội đương thời. Khổng Tử bình luận Kinh Thi không dài, chỉ khái quát một câu là trong đó không có tư tưởng tà ác. Không có tư tưởng tà ác mới trở thành kinh điển, trở thành tác phẩm tinh hoa, để tiếng thơm muôn thủa. Rất nhiều tác phẩm hiện nay của chúng ta cung cấp món ăn tinh thần cho nhân dân đã có thể không có điều tà ác chưa? không lưu lại tư tưởng xấu độc, sai trái chưa?

Cho nên ngày nay chúng ta mới dùng lý luận khoa học để vũ trang cho nhân dân, dùng dư luận chính xác để hướng dẫn nhân dân, dùng tinh thần cao thượng để sáng tạo nhân vật, dùng tác phẩm ưu tú để cổ vũ nhân dân là vậy.

3. Khổng Tử nói: "Dùng mệnh lệnh pháp luật để hướng dẫn chỉ đạo dân, dùng hình phạt để quản lý dân, làm như vậy tuy có thể giảm được phạm pháp, nhưng người phạm pháp không biết xấu hổ sỉ nhục. Dùng đạo đức để hướng dẫn chỉ đạo dân, dùng lễ nghĩa để giáo hóa dân, làm như vậy chẳng những dân hiểu được thế nào là nhục nhã khi phạm tội, mà còn cam tâm tình nguyện sửa chữa sai lầm của mình tận gốc từ mặt tư tưởng".

Lời bình:

Đây là quan điểm cực kỳ quan trọng về tư tưởng *chính trị của Khổng Tử.*

Quản lý lãnh đạo quốc gia có hai tay. Một tay là pháp chế, một tay là giáo dục tư tưởng đạo đức. Nếu chỉ dùng pháp luật, pháp lệnh, pháp quy để quản lý dân chúng, dùng hình phạt để ràng buộc dân chúng, như vậy sẽ giảm được phạm tội, nhưng dân chúng không biết phạm tội là điều đáng sỉ nhục. Người không biết sỉ nhục là người không có nhân cách, là người không được giáo dục, không có văn minh tinh thần, tuy có thể nhất thời không dám làm ác để tạm tránh khỏi hình phạt, nhưng lòng không quên làm ác. Quản lý như vậy không giải quyết được căn bản vấn đề.

Nếu lấy đạo đức ràng buộc dân, quản lý dân, dùng lễ nghĩa cảm hóa dân, giáo dục cổ vũ mọi người, làm cho mọi người hiểu được phạm tội nhục nhã như thế nào, từ đó nâng cao sự tự giác tu dưỡng nhân cách để trở thành người có đạo đức, có ý thức tư tưởng trong sạch, văn minh tinh thần được nâng cao, nền tảng đạo đức được củng cố. Như vậy thì thiên hạ thái bình, bốn phương vô sự, con người có thể hoàn toàn tự giác tránh được phạm tội.

Đây chính là tư tưởng chính trị của Khổng Tử. Người nắm quyền cai trị nước mà chỉ dùng pháp luật, hình phạt, ấy là cậy ở nơi ngọn; còn nếu dùng đạo đức và lễ nghĩa giáo hóa dân, ấy là dò đến tận gốc vậy.

4. Khổng Tử nói: "Lúc mười lăm tuổi, ta đã để chí nỗ lực học tập. Ba mươi tuổi đã xác định được chí hướng. Bốn mươi tuổi đã hiểu được sự lý, không còn bị mê hoặc. Năm mươi tuổi đã hiểu được mệnh trời. Sáu mươi tuổi nghe người khác nói đều thuận tai cả. Bảy mươi tuổi đã

có thể theo lòng muốn nhưng không hề vượt ra ngoài khuôn phép".

Lời bình:

Đây là câu nói nổi tiếng trong Luận Ngữ, là sự trải nghiệm và tổng kết của Khổng Tử, khắc họa chân thực một đời trải qua bao sương gió, vất vả, gian nan của ông và đã trở thành triết học nhân sinh, kinh điển của phái Nho gia.

Khổng Tử khái quát cuộc đời của mình rồi phân ra sáu giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất - Lúc mười lăm tuổi mới bắt đầu có chí nỗ lực học tập: Chí là sự đam mê ham muốn, là mục tiêu phấn đấu. Chỉ có xác định được chí mới có thể lúc nào cũng tâm niệm vào mục tiêu đó, phấn đấu không mệt mỏi. Mười lăm tuổi, Khổng Tử bắt đầu có chí học tập đạo của thánh hiền, đạo của tiên vương. Đó là nền tảng để cho Khổng Tử học tập cả đời không mệt mỏi.

Giai đoạn thứ hai - Ba mươi tuổi xác định được chí hướng: Có lập được hướng mới có thể kiên trì không mệt mỏi. Có người lập được hướng nhưng không bền chí, hôm nay theo đuổi cái này, mai theo đuổi cái khác, kết cục là ngày tháng trôi qua không đạt được gì cả. Chỉ có xác định được chí và hướng, kiên trì lâu dài mới đạt được mục đích cuối cùng.

Giai đoạn thứ ba - Bốn mươi tuổi đã hiểu được sự lý, không còn bị mê hoặc: Càng đến tuổi trung niên, sự đời đã từng trải, đương nhiên đã có cách nhìn đối với sự vật,

nên không còn bị mê hoặc bởi bên ngoài, tức là không còn hồ đồ, không còn bàng hoàng do dự nữa. Từ đó đầu óc đã tỉnh táo, ý chí đã kiên định, chỉ có dũng cảm tiến lên chứ không chịu quay đầu.

Giai đoạn thứ tư - Năm mươi tuổi đã hiểu được mệnh trời: Mệnh trời là quy luật vận hành của trời đất, của vạn sự vạn vật, là quy luật khách quan, tính tất nhiên của sự vật. Nắm bắt được mệnh trời tức là hiểu được tính tất nhiên, tức là biết thuận theo trào lưu, thuận theo đại cục.

Giai đoạn thứ năm - Sáu mươi tuổi nghe người khác nói đều thuận tai: Người khi còn non trẻ, va chạm ít, từng trải chưa nhiều, thiếu kinh nghiệm sống, nên nhìn hay nghe cái gì khác đi đều không thấy thuận mắt lọt tai, không ưng ý, không thoải mái. Tuổi đã qua sáu mươi nhìn cái gì cũng thấy thuận mắt, nghe cái gì cũng thấy thuận tai. Chỉ có những người đã trải qua nhiều biến cố trong đời mới có được kinh nghiệm xử thế phong phú, chủ động tự kiềm chế, để có thể nhìn đời lúc nào cũng thấy thuận mắt, thuận tai.

Giai đoạn thứ sáu - Bảy mươi tuổi theo lòng muốn nhưng không hề vượt ra ngoài khuôn phép: Bảy mươi tuổi là tuổi "cổ lai hy" xưa nay hiếm, nhìn nhận sự đời đã thực sự chín muồi, nên lòng muốn như thế nào là có thể làm được như thế ấy, làm việc gì cũng không vượt quá sự lý của nó, không vượt quá quy tắc, quy phạm của xã hội.

Lịch trình nhận thức, tư tưởng của con người là không ngừng vươn lên. Con người không chỉ dừng lại ở

một trình độ, mà không ngừng đột phá, không ngừng tiến bộ nâng cao, không ngừng phấn đấu đạt đến trình độ mới. Vì vậy câu nói trên của Khổng Tử đã trở thành triết lý nhân sinh.

5. Mạnh Ý Tử hỏi về đạo hiếu.

Khổng Tử nói: "Không được vi phạm lễ".

Có một lần Phàn Trì đánh xe cho Khổng Tử, Khổng Tử kể lại với Phàn Trì rằng: "Mạnh Ý Tử có hỏi ta về đạo hiếu, ta trả lời là không được vi phạm lễ".

Phàn Trì hỏi lại: "Đây là có ý như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Cha mẹ lúc còn sống, phải theo lễ mà đối xử phụng sự. Cha mẹ chết, phải theo lễ mà an táng, theo lễ mà cúng tế".

6. Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu.

Khổng Tử nói: "Làm cha mẹ chỉ lo sợ con mang bệnh tật mà thôi".

7. Tử Du hỏi về đạo hiếu.

Khổng Tử nói: "Ngày nay, thấy ai có thể nuôi dưỡng được cha mẹ, thì người ta gọi là có hiếu. Nhưng đến như giống chó ngựa thì người ta cũng nuôi được vậy. Cho nên nếu không có lòng hiếu kính cha mẹ trong khi nuôi dưỡng, thì nuôi cha mẹ và nuôi chó ngựa có gì khác nhau?".

8. Tử Hạ hỏi về đạo hiếu.

Khổng Tử nói: "Điều khó nhất là con cái đối với cha mẹ có giữ được vẻ hòa vui mãi mãi hay không. Chứ còn

như có việc gì cần làm, con cái làm thay cho cha mẹ, có gì ngon thì mời cha mẹ ăn, đây chắc gì đã là có hiếu?".

Lời bình:

Đây là bốn mẩu chuyện của thầy trò Khổng Tử bàn về các khía cạnh khác nhau của đạo hiếu.

Hiếu là quan niệm trọng tâm của tư tưởng Khổng Tử, là một trong những chủ đề chính của phái Nho gia.

Qua bốn mẩu chuyện trên ta thấy rõ:

Làm con không được vi phạm lễ nghĩa mới là có hiếu: Khổng Tử cho rằng đối xử với cha mẹ không được vi phạm lễ, khi cha mẹ còn sống phải theo lễ mà đối xử, khi cha mẹ mất phải theo lễ mà an táng, rồi những khi cúng tế cũng phải giữ đủ lễ phép nghiêm trang, thành kính như khi cha mẹ còn sống vậy. Thế gọi là có hiếu, là điều cơ bản của đạo hiếu.

Làm con phải biết giữ gìn thân thể của mình cũng là có hiếu: Cha mẹ vô cùng yêu quý con, rất lo sợ, đau buồn nếu con mình mắc phải bệnh tật. Vì vậy, phận làm con phải biết giữ gìn thân thể của mình cho khỏe mạnh để tránh nỗi lo lắng, đau khổ cho cha mẹ. Như vậy mới giữ trọn được đạo hiếu.

Làm con nuôi dưỡng được cha mẹ mà không kính trọng thì chưa phải là có hiếu: Theo Khổng Tử, cha mẹ có công sinh thành và nuôi con khôn lớn. Khi cha mẹ già yếu mất sức lao động, người con đương nhiên phải nuôi dưỡng cha mẹ, làm việc thay cho cha mẹ,... Đó là nói có thể nuôi dưỡng được cha mẹ, nhưng đây mới chỉ là yêu

cầu tối thiểu. Khổng Tử cho rằng điều quan trọng hơn phải có lòng hiếu kính, bởi vì nuôi chó ngựa cũng phải cho chúng ăn, thế thì nuôi cha mẹ mà không kính trọng với nuôi chó ngựa có gì khác nhau?

Làm con đối với cha mẹ phải luôn giữ được vẻ hòa vui là đã thực hiện được đạo hiếu: Đối xử với cha mẹ, việc cho ăn cho uống là dễ làm, làm việc thay cho cha mẹ cũng dễ dàng. Riêng đối với cha mẹ, bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều giữ được nét mặt vui vẻ là điều hết sức khó khăn. Đối xử với cha mẹ, không có sự quan tâm tự đáy lòng được xem là hiếu ư? Cho ăn cho mặc mà đối xử vô lễ, được gọi là hiếu ư? Làm thay công việc cho cha mẹ, nhưng không nhẫn nại, không tử tế, được xem là hiếu ư? Cho nên Khổng Tử cho rằng hiếu chân chính là đối với cha mẹ luôn luôn giữ được vẻ vui tươi, chân thành, từ nội tâm đến biểu hiện ra ngoài hoàn toàn thống nhất, không để cho cha mẹ ưu tư, phiền muộn bực mình, không đưa lại phiền phức cho cha mẹ.

9. Khổng Tử nói: "Ta cả ngày dạy Nhan Hồi học. Nhưng từ trước tới nay, Nhan Hồi chưa hề thắc mắc một ý nào trái với ý ta, nó giống như một kẻ ngu đần vậy. Nhưng ta đã quan sát điều ăn nết ở riêng của trò Hồi, phát hiện thấy trò Hồi phát huy hết mức những điều ta đã giảng. Nhan Hồi đâu phải là kẻ ngu đần!".

Lời bình:

Khổng Tử là nhà giáo dục. Trong học trò của mình, Khổng Tử quý nhất là Nhan Hồi. Nghe Khổng Tử dạy,

Nhan Hồi im lặng nghe, im lặng suy nghĩ, chưa bao giờ nêu ra ý kiến bất đồng. Khổng Tử lúc đầu tưởng rằng Nhan Hồi là kẻ ngu đần. Kỳ thực Nhan Hồi đã hiểu rõ, đã thông suốt, tỏ rõ ra được bằng hành động của mình. Khổng Tử sau khi quan sát hành vi của Nhan Hồi thấy chẳng những Nhan Hồi làm theo đúng lời giảng, mà việc nào cũng có phát huy riêng của mình. Có ngu chăng thì đó là lối ngu của kẻ "đại trí giả ngu".

10. Khổng Tử nói: "Nhìn kỹ cách người ta làm, xét người ta làm vì cái gì, rồi xét kỹ người ta có vui lòng mà làm hay không. Như vậy, người ta không có cái gì có thể giấu được, làm sao mà giấu được?".

Lời bình:

Đây là phương pháp xét người, được chia làm ba bước.

Bước thứ nhất là quan sát cách làm việc của người đó xem việc làm giỏi hay kém, thiện hay ác. Đây là điều biểu hiện ra ngoài, ai cũng thấy.

Bước thứ hai là xem động cơ thúc đẩy thông qua mục đích của công việc mà người đó làm (cho ai, vì cái gì...). Dù người đó làm việc thiện nhưng ý nghĩ chưa được thiện thì cũng là chưa được.

Bước thứ ba là xét kỹ thái độ làm việc. Nếu người đó làm việc thiện mà chẳng vui lòng thì còn bụng dối trá. Nếu người đó làm việc ác mà có ý miễn cưỡng thì cũng không có bụng làm điều ác. Biết hai loại người như vậy để sau có cách cải hóa họ.

Một khi đã xét đầy đủ như vậy, sẽ nắm được phương thức, động cơ và nguyện vọng của người đó, như vậy thì người đó không thể giấu ta điều gì được nữa.

11. Khổng Tử nói: "Ôn tập những tri thức đã học mà có thêm hiểu biết mới, như vậy là có thể làm thầy được rồi".

Lời bình:

Tri thức là tổng kết khái quát kết quả của khoa học tự nhiên và xã hội. Tri thức mà Khổng Tử nói đến là tri thức thuộc về đạo, tri thức về lễ. Đây là thành quả văn minh tinh thần của loài người. Trong lịch sử văn minh nhân loại, mỗi khái niệm hay quan niệm được hình thành, mỗi loại tư tưởng được đúc kết nêu ra, mỗi nền văn hóa được xây dựng hình thành, đều trải qua một quá trình tích lũy lịch sử lâu dài. Từ đời này qua đời khác, con người không ngừng học tập, không ngừng kế thừa, từ nông cạn đến sâu dần, tuần tự tiệm tiến. Cho nên học không chỉ một lần là đủ, mà phải không ngừng ôn tập tri thức đã học để có thêm lý giải mới, hiểu biết mới, lĩnh hội mới. Đây gọi là ôn cũ biết mới. Ôn cũ là tiền đề của biết mới, biết mới là kết quả của ôn cũ. Điều này đã trở thành phương châm bất biến của Nho gia. Ngày nào cũng ôn cũ thì sẽ ngày càng biết thêm nhiều cái mới, con người như vậy làm sao không trở thành thầy được?

12. Khổng Tử nói: "Người quân tử không thể giống như *khí cụ là chỉ có một tác dụng*".

Lời bình:

Một khí cụ chỉ có một tác dụng. Nếu một người chỉ có một tài, một nghề, một kỹ thuật của một bộ môn cụ thể thì chỉ có thể trở thành nhân tài của một chuyên môn, một phương diện. Khổng Tử cho rằng người quân tử là người học rộng đức dày nên không chỉ có một tài cụ thể, mà là toàn tài; đạo đức phải sáng tỏ thông suốt mọi điều; không có việc gì không hiểu và không làm được.

13. Tử Cống hỏi: "Thế nào là người quân tử?".

Khổng Tử nói: "Trước hết thực hành lời mình nói đã, sau mới nói ra", và nói thêm: "Người quân tử đoàn kết rộng rãi với mọi người, chứ không phải chỉ câu kết phe cánh. Kẻ tiểu nhân chỉ biết câu kết phe cánh, chứ không biết đoàn kết rộng rãi với mọi người".

Lời bình:

Theo Khổng Tử người quân tử là người làm trước nói sau, thực hành có kết quả rồi mới nói, nên phát huy được điều tín, thiên hạ sẽ tin phục, ủng hộ, noi theo. Ngược lại, nói lắm, huênh hoang nhiều mà làm ít, thì bất tín, lòng dân sẽ hoang mang, thiên hạ sẽ biến loạn.

Người quân tử là người luôn tìm cách đoàn kết rộng rãi với mọi người, tạo nên môi trường văn hóa lành mạnh, trong sạch, cuộc sống thân thiện chan hòa, gia đình êm thấm, đất nước ổn định, thiên hạ thái bình. Ngược lại, kẻ tiểu nhân câu kết bè phái gây mất đoàn kết, tạo cơ hội "đục nước béo cò", mưu kiếm lợi riêng. Trong lịch sử, phàm những kẻ theo bè phái đều là kẻ

tiểu nhân gian ác, lắm âm mưu quỷ kế. Cho nên, khi lo việc đời, người quân tử thì thành công, kẻ tiểu nhân thì thất bại.

14. Khổng Tử nói: "Học mà không suy nghĩ sẽ chẳng có thu hoạch gì, chỉ suy nghĩ mà không học thì rất nguy hiểm".

Lời bình:

Khổng Tử chủ trương cần phải gắng sức học tập, đồng thời chịu khó suy nghĩ. Có suy nghĩ mới biến được cái đã học thành kiến thức của mình. Có kiến thức rồi mới biết vận dụng vào thực tế để phụng sự đất nước. Nếu chỉ học mà không suy nghĩ thì đạo lý không thông đạt, đạo lý đã không thông đạt thì hành đạo không thấu đáo, nên chẳng giúp ích gì cho đời. Còn nếu không học thì không hiểu biết, không hiểu biết mà suy nghĩ vẩn vơ thì hành động sẽ sai lầm, không những gây hậu quả tai hại cho sự nghiệp chung, mà còn làm nguy hại đến bản thân.

Vì vậy, học đạo trước hết phải thành tâm, thật ý theo đuổi không mệt mỏi, học phải chuyên tâm suy nghĩ kỹ để hiểu đạo lý thánh hiền, như vậy mới có kết quả. Đấy chẳng phải là đạo học của người quân tử hay sao?

15. Khổng Tử nói: "Dám mạnh dạn đấu tranh phê bình chỉ trích tệ hại thói hư tật xấu thì tự nhiên họa hại sẽ tiêu tan".

Lời bình:

Trong mặt trận tư tưởng văn hóa, việc đấu tranh phê bình và chỉ trích những tư tưởng sai trái đã có từ xa xưa. Không phê phán tư tưởng sai trái thì tư tưởng đúng đắn không thể đứng vững được. Đây chính là điều ngày nay chúng ta thường nói: "đấu tranh tư tưởng, chỉnh đốn tắc phong".

Trong quá khứ, việc đấu tranh tư tưởng có khi làm quá tả, có lúc đấu sai, phê phán quá mức, khuếch đại quá lớn; có lúc đem vấn đề tư tưởng thành vấn đề chính trị một mất một còn, đem phong trào phê phán tư tưởng sai trái thành phong trào chỉnh người. Làm thế là không đúng, nhưng không vì vậy mà bác bỏ đấu tranh phê phán.

Cần phê phán tư tưởng sai trái ở từng cá nhân cũng như những tư tưởng, hành động đã thâm nhập lan tràn trong xã hội. Không phê phán tư tưởng sai trái thì tư tưởng đúng đắn không xây dựng được quyền uy, lý luận đúng đắn không thể biến thành hành động tự giác của quần chúng, truyền thống văn hóa đạo đức tốt đẹp của xã hội sẽ không được hình thành. Nếu thường xuyên cảnh giác, kịp thời phê phán những tư tưởng sai trái, kịp thời bài trừ khuynh hướng bất lương, thì nhất định mọi họa hại sẽ tự nhiên bị tiêu diệt.

16. Khổng Tử nói: "Trò Do! Ta dạy ngươi đạo lý như thế nào được gọi là biết, ngươi đã hiểu chưa? Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, như thế cũng là người thông minh có hiểu biết rồi vậy".

Lời bình:

Học tập tri thức, đạo lý thánh hiền là vấn đề rất cẩn trọng, không hề có tính giả dối. Biết là biết, không biết là không biết. Không biết mà giả bộ biết, biết ít mà cho là biết nhiều, như vậy là thiếu thật thà và tự dối mình. Đã theo học mà giấu dốt thì lại càng dốt hơn. Trong việc học tập nâng cao tri thức mà cứ giữ thái độ này thì đối với bất cứ ai, trong bất cứ điều kiện nào, chỉ có hại chứ không có lợi.

17. Tử Trương hỏi Khổng Tử cách học để cầu có chức tước bổng lộc.

Khổng Tử nói: "Phải nghe nhiều, có điều gì nghi ngờ thì phải giữ lại, những điểm nào thấy minh bạch chắc chắn thì nói một cách thận trọng, như vậy sẽ giảm được oán trách.

Phải quan sát nhiều, nếu có điều gì nguy hại thì dẹp lại một bên, đừng làm; còn những điều gì xét thấy chắc chắn, đảm bảo thì làm một cách thận trọng, như vậy nhất định giảm được nhiều điều hối hận.

Nói ít phạm sai lầm, không có ai oán trách; làm không để xảy ra điều gì phải hối hận thì quan tước, bổng lộc đã tự có ở trong đó rồi".

Lời bình:

Khổng Tử giảng phương pháp học tập để làm quan hưởng bổng lộc có bốn điều:

Nghe nhiều: Một người ở quan trường phải giải quyết rất nhiều công việc, điều quan trọng là phải nghe nhiều. Nghe nhiều tiếng nói khác nhau, nghe đủ các loại ý kiến từ mọi phía, cần đặc biệt nghe những ý kiến mà bình thường mình không thể nghe được.

Lời nói hay cũng nghe, dở cũng nghe. Lời nói ủng hộ cũng nghe, phản đối cũng nghe. Như vậy mới có điều kiện đem so sánh đối chiếu, đề xuất được ý kiến, quyết sách đúng đắn để có thể giải quyết tốt việc công, việc nước.

Tai chỉ nghe một phía, trong lòng chỉ có một loại ý kiến thì không tránh khỏi thiên lệch.

Điều gì hoài nghi thì phải giữ lại: Khi thi hành phận sự, thường phải giải quyết sự tranh chấp nhân sự, công việc chính trị nhiều, tình hình các ngành nghề phức tạp. Nhưng con người ta không thể cái gì cũng biết, cái gì cũng hay. Khổng Tử đề xướng làm việc gì cũng đều phải luôn tự hỏi: "Vì sao? Như thế nào?"; đối với những vấn đề đã hiểu rõ, có thể đưa ra ý kiến của mình, nhưng khi nói phải hết sức thận trọng; đối với những vấn đề chưa rõ, chưa hiểu thì phải giữ lại để tìm hiểu ngọn ngành đầu đuôi, tránh phát ngôn tùy tiện, bừa bãi.

Đây là thái độ nghiêm túc, thái độ cẩn trọng đối với công việc.

Làm không để xảy ra điều gì phải hối hận: Giải quyết công việc phải có trách nhiệm, đừng để khi làm phạm sai lầm, dẫn đến nhiều người oán trách. Khổng Tử chủ trương giải quyết chính sự phải chắc chắn. Mỗi

khi định làm một việc gì, phải có chủ trương đúng đắn, chuẩn bị cẩn thận, có tinh thần trách nhiệm với kết quả công việc, thì sẽ không xảy ra điều gì phải hối hận. Nếu trước khi làm mà thiếu thận trọng, thiếu chuẩn bị chu đáo, giữ thái độ tắc trách đại khái, vội vàng ra mệnh lệnh chỉ thị thì sẽ hối hận không kịp.

Hối hận nhiều, oán trách nhiều, khuyết điểm sai lầm lắm thì nhất định sẽ làm hỏng chính sự.

Phải quan sát để tận mắt học hỏi nhiều điều trong thực tế: Có như vậy khi giải quyết vấn đề mới thấu tình đạt lý. Trên thuận đạo trời, dưới hợp đạo người, thì nắm chắc sự thành công, lập nên thành tích. Quan tước bổng lộc đều ở trong đó cả.

18. Vua Lỗ Ai Công hỏi: "Làm thế nào để dân phục?".

Khổng Tử thưa: "Cất nhắc người ngay thẳng đặt lên trên kẻ tà ác, dân chúng sẽ tôn phục. Nếu cất nhắc kẻ tà ác đặt lên trên người ngay thẳng thì dân không phục".

Lời bình:

Trong công tác tổ chức xây dựng chính quyền vững mạnh, điều quan trọng là việc dùng người. Dùng người thỏa đáng hay không, có quan hệ đến việc nhân dân có phục hay không, công việc quốc gia thành hay bại. Đề bạt người ngay thẳng thì nhân dân nhất định tôn phục mà thuận theo. Đề bạt người không ngay thẳng thì *nhiều người sợ vạ lây, người tốt sẽ xa mình, nhân dân*

nhất định không phục. Cho nên vấn đề dùng người là vấn đề lớn. Dùng người thỏa đáng mới được lòng dân, chính quyền được củng cố, thiên hạ thái bình.

19. Quý Khang Tử hỏi: "Làm thế nào để khiến dân kính trọng ta, trung thành với ta, và tự động viên, cổ vũ lẫn nhau làm điều tốt?".

Khổng Tử đáp: "Có thái độ nghiêm túc, đoan chính đối với mọi việc của dân chúng thì dân chúng kính trọng. Hiếu thuận với cha mẹ, hiền từ với già trẻ, gái trai thì dân chúng sẽ trung thành. Sử dụng cất nhắc người tốt, giáo dục người không có năng lực thì dân chúng sẽ tự động viên, cổ vũ lẫn nhau làm điều tốt".

Lời bình:

Quý Khang Tử là trọng thần của nước Lỗ, người tin cậy của vua Lỗ Ai Công. Ông muốn được nghe Khổng Tử bàn về làm thế nào để được nhân dân kính trọng và trung thành với ông; dân chúng có thể tự cổ vũ lẫn nhau, khuyến khích khuyên bảo lẫn nhau làm điều tốt.

Khổng Tử trả lời ba điều:

Giữ được thái độ nghiêm túc, trang trọng với tất cả mọi vấn đề dân nêu ra thì dân nhất định kính trọng: Người nắm quyền có phận sự giải quyết công việc, khi người khác có việc đến tìm mình hoặc nhân dân đề xuất vấn đề, thì cần phải có thái độ nghiêm túc, trang trọng; việc có thể giải quyết được ngay thì tận tâm, tận lực giải quyết; việc tạm thời chưa giải quyết được thì đợi điều kiện chín muồi sẽ giải quyết; đã nỗ lực mà chưa làm thì

khi trả lời phải có thái độ quan tâm, có trách nhiệm, không thể qua quýt cho xong việc. Nếu làm được như vậy, nhân dân sẽ kính trọng.

Hiếu thuận với cha mẹ, hiền từ với nhân dân, biết lấy mình làm gương, thì nhân dân nhất định trung thành: Không hiếu thuận với cha mẹ thì chẳng còn biết thương yêu ai được cả. Vì vậy, bản thân người nắm quyền hiếu thuận với cha mẹ, mở rộng ra thì yêu mến dân, tự nhiên nhân dân sẽ trung thành với ta mà thôi.

Sử dụng cất nhắc người tốt, dạy bảo người yếu kém: Muốn nắm quyền cho tốt, cần phải chọn người tài đức giúp việc. Dưới sự lãnh đạo của mình, người có phẩm chất năng lực được đề bạt sử dụng, người năng lực kém được giáo hóa, giáo dục nâng cao. Như vậy sẽ hình thành nên một môi trường xã hội lành mạnh, trong đó quần chúng nhân dân sẽ cùng nhau cổ vũ, khuyến khích lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

20. Có người hỏi Khổng Tử: "Tại sao Khổng Phu Tử không ra làm quan, tham dự hoạt động chính trị?".

Khổng Tử nói: "Sách Kinh Thi có nói: "Chỉ có hiếu thuận với cha mẹ, thân ái với anh em, đem tinh thần này phổ biến ra nơi chính trường". Như vậy cũng là đã tham dự chính trị rồi, vì sao cứ phải ra làm quan mới là tham dự chính trị?".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng: trong xã hội tông pháp, một người ở nhà hiếu thuận với cha mẹ, thân ái với anh em,

như vậy đã đạt được điều cơ bản của đạo làm người. Đem tinh thần hiếu thuận phổ biến cho mọi người, đó chính là trung với vua. Đem tinh thần yêu quý anh em phổ biến cho mọi người, đó chính là yêu dân. Làm cho mọi người trung với vua, yêu thương lo lắng cho dân là làm việc chính trị, là đã tham dự chính trị vậy. Như thế, tề gia tức là cư xử trong gia đình cho phải đạo, rồi lại biết mở rộng đạo ấy ra ngoài xã hội tức là trị quốc, đó là làm việc chính trị từ nhà mình.

21. Khổng Tử nói: "Một người không có chữ tín, không biết có thể làm gì được. Cũng giống như xe lớn không có chốt, xe nhỏ cũng không có chốt, thì làm sao có thể đi được?".

Lời bình:

Con người trong cuộc sống phải cố kết với nhau trong một quan hệ xã hội nhất định để tồn tại và phát triển. Muốn duy trì được mối quan hệ bền vững, quy tắc tối thiểu là phải giữ được chữ tín. Tín là lời nói phải thành thực, không có sự lừa dối, nói phải có đảm bảo chắc chắn; không thể nói xong nuốt lời, làm cho người khác mất lòng tin. Tín là tuân thủ lời hứa, tuân thủ điều đã cam kết, tuân thủ hợp đồng, tuân thủ hiệp ước. Đây là điều tối thiểu để con người giữ vững được danh phận của mình trong quan hệ hợp tác với nhau.

22. Tử Trương hỏi: "Có thể biết được chế độ lễ nghĩa mười đời về sau không?".

Khổng Tử nói: "Nhà Ân dựa theo chế độ nhà Hạ mà bỏ bớt hoặc thêm vào, điều đó cũng có thể hiểu được. Nhà Chu dựa vào chế độ nhà Ân mà bỏ bớt hoặc thêm vào, điều này cũng có thể hiểu được. Vì vậy tương lai người kế nghiệp nhà Chu, cầm quyền thay nhà Chu, hoặc dù cho đến một trăm đời sau cứ theo đó mà suy ra vẫn có thể biết trước".

Lời bình:

Trong lịch sử, có người nói Khổng Tử có thể biết trước một nghìn năm và sau một vạn năm. Đâu phải vì Khổng Tử có trí tuệ và năng lực siêu nhân, mà là vì Khổng Tử có phương pháp xem xét đúng đắn.

Nên khi nghe Tử Trương hỏi, Khổng Tử nói hoàn toàn có thể biết được, không chỉ mười đời mà cả trăm đời về sau cũng có thể suy đoán ra. Bởi vì lịch sử là quá trình kế thừa và phát triển liên tục, kế tiếp nhau. Mỗi thời đại mới, đều kế thừa thời đại trước đó, đều có đổi mới phát triển, nhưng kế thừa là phần lớn. Đổi mới, thay đổi, phế bỏ và bổ sung đều chỉ giới hạn ở một số mặt và ở mức độ nhất định.

Nhà Ân kế thừa nhà Hạ, tuy có phế bỏ và có bổ sung, có điều có ích và có điều có hại, nhưng đại thể kế thừa là chủ yếu. Nhà Chu đối với nhà Ân cũng như vậy. Đời sau đối với đời trước chủ yếu là kế thừa. Điều này quyết định tính ổn định tương đối của cải cách trong lịch sử. Theo đạo lý, nếu biết đời trước thì có thể biết đời sau, thậm chí có thể biết mười hoặc một trăm đời sau. Đây là

phương pháp xem xét khoa học của Khổng Tử để dự đoán tương lai.

23. Khổng Tử nói: "Không phải tổ tiên mình mà mình lại cúng tế, như vậy là siểm nịnh. Nhìn thấy việc chính nghĩa không dám làm, là không có dũng khí".

Lời bình:

Trong quan niệm tư tưởng, Khổng Tử phản đối mạnh nhất là siểm nịnh và rất coi thường kẻ nịnh bợ, tâng bốc. Khổng Tử không những phản đối kẻ nịnh hót người sống mà còn phản đối kẻ nịnh hót người đã chết. Khổng Tử thấy rất rõ siểm nịnh người đã chết là để cho người sống xem nên vẫn là siểm nịnh người sống. Bình sinh Khổng Tử không hề nịnh bợ ai.

Nhìn thấy hành vi chính nghĩa mà không dám làm, không dám ủng hộ, Khổng Tử cho đó là người không có dũng khí. Mạnh Tử từng nói: "Sự sống là điều ta muốn, việc nghĩa cũng là điều ta muốn, nếu hai điều ấy không thể chung được trong ta, thì ta sẵn sàng bỏ sự sống mà làm việc nghĩa".

Thấy chính nghĩa dám làm, dám ủng hộ thì đó là con người sẵn sàng vì lợi ích quốc gia, lợi ích tập thể, lợi ích dân tộc, lợi ích cộng đồng, mà dám hy sinh lợi ích cá nhân. Trong lịch sử có biết bao nhân vật thấy chính nghĩa đã dũng cảm ra tay hành động, để lại bao sự tích anh hùng đáng ca tụng. Nhưng trong cuộc sống xã hội hiện nay, người thấy chính nghĩa mà vẫn im lặng,

không dám đứng về phía chính nghĩa, không dám bảo vệ chính nghĩa vẫn còn tồn tại không ít. Cho nên câu nói này của Khổng Tử không phải là không có ý nghĩa hiện thực.

Chương 3

BÁT DẬT

1. Khi bàn về họ Quý, Khổng Tử nói: "Ông ta dám dùng tám đội nhạc (là lễ của vua thiên tử) để nhảy múa ca hát ở trong nhà. Việc này mà chấp nhận được thì còn việc nào không chấp nhận?".

Lời bình:

Họ Quý là quan đại phu nước Lỗ. Theo quy định đương thời, trong các ngày lễ lớn, cuộc vui lớn, có thể tổ chức vũ hội và ca nhạc nhưng phải theo một quy định rất nghiêm ngặt. Mỗi đội hát đội múa chỉ có tám người. Vua thiên tử tổ chức cuộc vui được sử dụng tám đội là sáu mươi tư người, vua chư hầu tổ chức cuộc vui được sử dụng sáu đội, quan đại phu được sử dụng bốn đội, quan sĩ được sử dụng hai đội. Mọi người ai ai cũng phải chấp hành quy định theo đẳng cấp này, không được vượt quá. Họ Quý, với thân phận là đại phu chỉ được dùng bốn đội, thế mà dám tổ chức ca hát vũ hội là tám đội theo nghi thức vua thiên tử. Đây là hành vi phạm thượng không thể tha thứ được, mà đã dám làm như vậy thì

chẳng có việc gì là không dám làm cả. Để tỏ rõ sự phẫn nộ của mình, Khổng Tử nói: "Việc này mà chấp nhận được thì còn việc nào không chấp nhận?". Điều này chứng tỏ Khổng Tử có lập trường kiên định trong duy trì chế độ đẳng cấp ở xã hội đương thời.

2. Ba nhà Trọng Tôn, Thúc Tôn và Quý Tôn, sau khi cúng tổ tiên xong, dám cho hát bài Ung để hạ cỗ. Khổng Tử nói: "Bài hát Ung có hai câu mở đầu: "Trợ tế là vua chư hầu. Thiên tử chủ tế ra vào uy nghiêm". Nay ba nhà này dám cho hát bài Ung khi cúng tế tổ tiên là ý nghĩa gì vậy?".

Lời bình:

Lễ chế nhà Chu quy định bài hát Ung chỉ dùng để tụng khi bậc vua thiên tử tế xong, còn các vua chư hầu không được phép dùng bài này. Thế mà ba nhà này chẳng phải ở ngôi vua thiên tử, cũng không phải là bậc vua chư hầu, thế mà dám vượt quy định, làm như vậy có nghĩa gì? Phải chăng là để tỏ lòng tôn kính, hâm mộ tổ tiên?

Đời Tần có một câu chuyện còn lưu truyền đến ngày nay. Khi Lưu Bang, Hạng Vũ còn trẻ, có lần may mắn gặp được Tần Thủy Hoàng đi ra ngoài thị sát. Cờ trống âm vang, đất lở trời rung đến hàng mấy chục dặm. Hạng Vũ thấy thế nói với Lưu Bang: "Mình sẽ lật đổ cướp ngôi mà thay ông ta". Hạng Vũ dám bộc lộ ý đồ lật đổ triều đại nhà Tần ra ngoài mặt. Lưu Bang nghe vậy chỉ nói: "Làm đại trượng phu là phải như thế". *Trong sự*

hâm mộ Tần Thủy Hoàng của Lưu Bang có bao hàm dụng ý gì không thì chỉ có một mình Lưu Bang biết. Sự thực, về sau Lưu Bang đã lật đổ triều Tần và thu được thắng lợi. Do đó có thể biết lời nói của Lưu Bang khi mới nhìn thấy Tần Thủy Hoàng thật là súc tích.

Ba nhà Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn cho hát bài này có ngụ ý gì? Theo Khổng Tử thì hành vi của ba nhà đã có những biểu hiện tiếm quyền. Khổng Tử thấy rõ được ý đồ của ba nhà này nên đã lên tiếng cảnh báo.

3. Khổng Tử nói: "Một người không có lòng nhân sao có thể hành được lễ? Một người không có lòng nhân sao có thể tấu được nhạc?".

Lời bình:

Theo Khổng Tử thì nhân là nhân tâm, nhân ái. Vì vậy, nhân là ở bên trong, là tấm lòng thương yêu người. Lễ nhạc là ở bên ngoài, là cái nhìn thấy được, nó có thể diễn đạt tư tưởng, tình cảm trạng thái tâm lý con người. Nhưng lễ thì gốc ở kính, nhạc thì chủ ở hòa. Nếu không có lòng nhân mà lại dụng lễ, tấu nhạc phô trương thì chẳng thể cung kính hòa hợp được.

Theo tư tưởng trọng tâm của Khổng Tử thì nhân mới là chủ yếu, là yếu tố chủ quan căn bản nhất. Có nhân tâm mới có nhân đức, có nhân đức mới có hành động cao cả. Tấm lòng có nhân thì mới có lễ nhạc, nếu không lễ nhạc trở nên giả dối, không có tác dụng gì, chẳng che đậy nổi điều bất nhân.

4. Lâm Phóng hỏi về gốc của lễ.

Khổng Tử nói: "Vấn đề ngươi hỏi thật quá lớn! Lễ nói chung đi kèm với xa hoa lãng phí thì không bằng tiết kiệm. Nghi thức mai táng mà cầu kỳ, lòe loẹt thì không bằng trong lòng thật sự đau buồn".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử luận về tiết kiệm. Các nước phương Đông rất coi trọng lễ nghĩa văn minh, xem khách là người đáng quý, đáng tôn trọng. Nhưng Khổng Tử cho rằng lễ nghi đối đãi khách quá xa hoa sang trọng thì không bằng tiết kiệm. Người ta ngỡ rằng bày đặt đón tiếp sang trọng, linh đình mới gọi là lễ, nhưng gốc lễ theo Khổng Tử lại ở chỗ "hòa", không xa xỉ mà cũng chớ bủn xỉn.

Hiện nay, chúng ta chiêu đãi khách, tổ chức bữa tiệc có khi tốn đến hàng chục triệu, một bữa bằng cả con trâu. Thử hỏi làm sao mà nhân dân không phàn nàn, oán trách. Cứ nhìn xem lịch sử những quốc gia, gia đình hưng thịnh đều từ cần kiệm mà ra, không lẽ chúng ta không nên ôn lại những bài học của lịch sử?

Trong tang lễ, Khổng Tử cho rằng thực hiện nghi lễ thật to, thật lạ cố thể hiện tận hiếu, tận lễ cũng không bằng trong lòng thực sự đau buồn, thương xót. Đối với người đã khuất, việc tang lễ phải tiết kiệm, đủ để ký thác nỗi đau thương. Lời dạy học trò của Khổng Tử đến nay, đối với chúng ta vẫn còn nguyên giá trị.

5. Khổng Tử than rằng: "Các dân tộc Di Địch lạc hậu ở khu vực biên giới xa xôi còn có vua, không như các dân tộc Hoa Hạ ở Trung Nguyên cứ như thể chẳng có vua gì cả!".

Lời bình:

Khổng Tử sống trong thời loạn lạc, vua chư hầu lấn quyền vua thiên tử, quan đại thần lộng quyền chiếm đoạt ngôi vua chư hầu, dẫn đến cảnh chém giết nhau hỗn loạn, mất hết cả đạo lý, kỷ cương phép nước. Đau lòng, buồn giận trước cảnh đất nước suy tàn, đạo lý suy vi, Khổng Tử đã thốt lên những lời này.

6. Họ Quý đi cúng tế ở núi Thái Sơn.

Khổng Tử nói với Nhiễm Hữu: "Nhà ngươi không thể can ngăn được sự tiếm lạm của ông ta sao?".

Nhiễm Hữu thưa: "Không thể ngăn được".

Khổng Tử nói: "Than ôi! Không lẽ thần núi Thái Sơn lại không bằng Lâm Phóng sao?".

Lời bình:

Núi Thái Sơn nằm trong phạm vi nước Lỗ. Đương thời có lệ vua thiên tử phái vua chư hầu thay mặt mình đến những nơi sông núi linh thiêng để cúng tế trời đất, gọi là lễ Lữ. Họ Quý chỉ là một đại phu của nước Lỗ, dám đến núi Thái Sơn cúng tế, đó là hành vi vượt lễ. Khổng Tử biết được tin này, không kịp khuyên bảo, ông đã than rằng: "Than ôi! Không lẽ thần núi Thái Sơn không bằng Lâm Phóng sao?". Lâm Phóng còn biết gốc

của lễ, chẳng lẽ thần núi Thái Sơn lại thụ hưởng cuộc cúng tế trái lễ kia sao? Ý muốn nói thần núi Thái Sơn không bao giờ tiếp thu việc cúng tế phi nghĩa lễ này của họ Quý.

7. Khổng Tử nói: "Người quân tử không việc gì phải tranh đua. Nếu có việc đáng tranh đua thì chỉ có ở cuộc thi bắn cung. Khi đọ tài bắn cung cũng phải giữ lễ, vái chào lẫn nhau trước rồi sau đó mới bắn cung. Bắn cung xong ngồi nâng chén chúc mừng lẫn nhau. Đây là điều đáng tranh đua của người quân tử".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, người có đức phải khiêm nhường chứ không nên đua tranh, tranh giành vô lối; không tranh danh lợi, không tranh cao thấp với người khác, không bàn luận về trên dưới. Người quân tử nếu có phải tham gia tranh đua thì chỉ giới hạn ở cạnh tranh, đua tranh trong kỹ thuật, trong tài nghệ, nghệ thuật ví như đua tranh bắn cung... Bởi vì ở những môn này, khi đọ tài vẫn phải đúng lễ tức là dùng phương pháp cạnh tranh chính đáng, văn minh, bày bố trận địa có cờ hiệu rõ ràng, nghiêm túc chu đáo, không nghiêng lệch về bên nào. Tranh là để rèn dũa kỹ thuật, thúc đẩy lẫn nhau, chứ không phải để cao hơn người một bậc. Cũng như ngày nay ta nói "thứ nhất là hữu nghị, thứ hai mới đọ tài hơn thua", cũng là có ý tứ như vậy.

8. Tử Hạ hỏi: "Kinh Thi có câu: "Nụ cười tươi trông thật là đẹp, đôi mắt đẹp trông thật là duyên. Trên nền

trắng vẽ bức tranh muôn màu". Mấy câu này có ý tứ như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Phải có nền trắng trước đã, sau mới có bức họa đẹp".

Tử Hạ hỏi tiếp: "Có phải lễ nhạc cũng ở sau nhân?".

Khổng Tử nói: "Tử Hạ đúng là một học trò đã phát huy được ý của ta, bây giờ ta có thể cùng ngươi thảo luận Kinh Thi được rồi".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng: nhân là nội tâm, lễ nhạc ở bên ngoài. Nhân đức có trước, lễ nhạc có sau. Đây giống như người con gái đẹp trước hết phải có khuôn mặt đẹp, sau đó nụ cười mới có duyên; có đôi mắt đẹp sau mới có cái nhìn duyên dáng, đáng yêu. Cũng giống như vẽ tranh, trước hết phải có tờ giấy trắng sạch sẽ, sau mới có thể vẽ nên bức họa đẹp. Quan hệ giữa nhân và lễ nhạc cũng như vậy. Nhân là nội tâm, là thế giới tinh thần, là kết cấu tâm lý. Lễ nhạc là hình thức bên ngoài diễn đạt nhân tâm, thể hiện nhân tâm. Không có nhân tâm, lễ nhạc chỉ còn là trống rỗng mà thôi.

Tử Hạ hiểu được tư tưởng của thầy một cách đúng đắn, sâu sắc, nêu được thí dụ thỏa đáng. Học trò tất nhiên không bằng thầy, nhưng có thể phát huy được tư tưởng của thầy thêm sâu sắc hơn, đủ sức cùng bàn luận về Kinh Thi. Trong quá trình dạy và học, thầy trò cùng mài dũa, cắt gọt, nâng cao trình độ cho nhau, thật là một niềm vui lớn trong đời.

9. Khổng Tử nói: "Lễ nghĩa đời Hạ thì ta có thể nói ra được, nhưng nước Kỷ là nước đời sau của nhà Hạ không còn đủ văn hiến nữa, nên ta nói ra không đủ căn cứ để chứng minh cũng không chinh phục được lòng người. Lễ nghĩa triều Ân thì ta cũng có thể nói ra được, nhưng nước Tống là nước đời sau của triều Ân cũng không giữ được văn hiến đầy đủ, nên ta nói ra cũng không có đủ căn cứ để chứng minh. Đấy là do văn hiến lịch sử của những nước này đều không giữ được đầy đủ. Nếu văn hiến của những nước này có đầy đủ, ta có thể dựa vào đó để chứng minh, lời nói của ta có thể chinh phục được lòng người".

Lời bình:

Như phần trước đã nói, nhà Ân căn cứ vào chế độ nhà Hạ mà thêm bớt. Nhà Chu căn cứ vào chế độ nhà Ân mà thêm bớt, đời này truyền đời nọ. Khổng Tử có thể nói một cách khái quát, vì hai nhà này giữ lại được đầy đủ văn hiến, tài liệu lưu trữ của quốc gia. Còn nước Kỷ là nước đời sau của nhà Hạ, nước Tống là nước đời sau của nhà Ân vì không quan tâm đến bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa, truyền thống của nước mình, để thất lạc văn hiến, cho nên lịch sử, văn hiến về hai nước này ngày một mất dần đi. Điều này thật nguy hiểm vô cùng! Một dân tộc, một đất nước để mất đi nền văn hóa, thì dân tộc đó đã tự hủy diệt chính mình. Khổng Tử ý muốn nhắc nhở rằng một đất nước muốn có sự phát triển bền vững, trường tồn thì cần phải biết trân trọng bảo vệ truyền thống lịch sử, giữ gìn các giá trị tinh hoa

văn hóa của đất nước mình. Bởi vì chỉ có hiểu được quá khứ con người mới hiểu được hiện tại và tin tưởng vào tương lai.

10. Khổng Tử nói: "Lễ nghĩa của lễ tế Đế ư? Sau khi chúc rượu lần thứ nhất thì ta đã không muốn xem nữa rồi".

Lời bình:

Tế Đế là lễ tế long trọng nhất, chỉ có vua thiên tử mới đủ tư cách làm chủ tế. Nhưng vua nước Lỗ khi cúng tổ tiên đã lạm dụng nghi thức của lễ tế Đế. Đây là hành vi vượt lễ nghiêm trọng. Cho nên Khổng Tử nói khi tham dự lễ tế tổ tiên của vua nước Lỗ, chỉ xem đến lần chúc rượu thứ nhất đã không muốn xem nữa rồi. Thực tế, ý Khổng Tử muốn phê phán hành vi tiếm lễ là việc làm của kẻ bất nhân, không thể chấp nhận được.

11. Có người hỏi về đạo lý tế Đế.

Khổng Tử nói: "Ta không biết. Người nào biết được ý nghĩa điều đó thì việc cai trị thiên hạ cũng dễ dàng như đưa vật vào chỗ này vậy", Khổng Tử vừa nói vừa chỉ vào bàn tay.

Lời bình:

Vua nước Lỗ lạm dụng nghi thức tế Đế để tế tổ tiên nhà mình. Khổng Tử không chấp nhận hành vi vượt lễ này. Khi được hỏi về đạo lý của tế Đế, Khổng Tử trả lời không biết là có ý tỏ thái độ khiển trách vua nước Lỗ

dám phạm vào lễ. Đây là tiếng nói duy trì và bảo vệ chế độ đẳng cấp của Khổng Tử.

Hiểu đạo lý tế Đế, thực hiện đúng lễ sẽ làm gương cho cả nước noi theo. Bậc quân tử hiểu đạo lý, làm đúng đạo lý thì việc cai trị thiên hạ há chẳng dễ dàng sao? Khổng Tử nói như vậy, ý muốn nhắc nhở vua nước Lỗ muốn cai trị tốt nước mình, phải biết giữ mình theo lễ chế nhà Chu.

12. Khổng Tử khi cúng tổ tiên thì rất cung kính như có tổ tiên đang đứng trước mặt mình. Khi tế thần cũng rất mực cung kính cứ như có thần đang đứng trước mặt mình. Khổng Tử nói: "Nếu ta không đứng ra cúng tế thì cũng giống như không cúng tế vậy".

Lời bình:

Khổng Tử không bao giờ tùy tiện nói về quỷ thần. Có quỷ thần hay không, ông không bao giờ tỏ thái độ khẳng định hay phủ định. Khổng Tử nói: *Tế thần như thần tại*, tức là nếu thành tâm tế thần thì thần đúng như đang ở trước mặt. Muốn cúng thì phải tự đứng ra cúng tế, không thể để người khác cúng thay. Còn nếu không tự cúng thì xem như không cúng vậy. Việc này, gốc của lễ là ở chỗ *thành tâm*.

Khổng Tử không nói nhiều về quỷ thần, nhưng qua thái độ của ông cho thấy, ông là người rất tôn trọng những tập quán, tín ngưỡng, tôn trọng niềm tin của nhân dân. Đây là thái độ hết sức nghiêm túc và chân thành của bậc thánh nhân.

13. Vương Tôn Giả hỏi: "Tục ngữ có câu: "Nịnh thần Áo chẳng bằng nịnh ông Táo còn hơn", câu này có ý nghĩa như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Không đúng, nếu đắc tội với trời thì còn nơi nào để cầu khấn, xin tha nữa".

Lời bình:

Thần Áo là thần thờ ở nhà trên. Ông Táo, ông Bếp là thần thờ ở nhà bếp. Thần là lực lượng tự nhiên, thần bí khôn lường, mà năng lực con người có hạn nên khiến cho con người sinh ra đủ loại quan niệm về thần.

Trong điều kiện sức sản xuất quá thấp, con người thường xuyên ăn đói mặc rét, liền nghĩ đến thờ thần ông Táo, chẳng qua là muốn cầu mong được ăn no mặc ấm. Nhưng thần Áo hay ông Táo chỉ là thần một mặt. Đại biểu cho lực lượng tự nhiên thần bí là thần chí cao vô thượng, đó là trời. Cao sâu khôn lường gọi là trời. Đắc tội với thần thánh nào đó có thể đến cầu khẩn trời xin phù hộ che chở. Còn nếu đắc tội với trời thì còn chỗ nào nữa để mà kêu cứu? Theo Khổng Tử, đã thờ thần thì không phân biệt ông nào hơn ông nào kém. Đạo đức phải được thể hiện ở mọi nơi mọi lúc, chứ không phải nơi này thì thực hiện còn nơi kia thì không.

14. Khổng Tử nói: "Lễ chế nhà Chu dựa vào lễ chế hai triều Hạ, Ân mà định ra, thật là phong phú rực rỡ biết bao! Ta theo lễ chế nhà Chu".

Lời bình:

Khổng Tử tôn sùng nhất là lễ chế nhà Chu vì cho rằng đầy đủ, rõ ràng tường tận, phong phú đa dạng có

tác dụng giáo hóa dân chúng và duy trì xã hội phát triển ổn định. Tất nhiên lễ chế nhà Chu tốt đẹp như vậy là nhờ có sự kế thừa và chọn lọc qua sự tích lũy lâu dài của hai triều Hạ, Ân, rút kinh nghiệm lấy hay bỏ dở rồi mới hình thành nên. Vì vậy, Khổng Tử tỏ thái độ dứt khoát theo lễ chế nhà Chu, khâm phục chế độ lễ nghĩa nhà Chu.

15. Khổng Tử đi vào thái miếu của nước Lỗ, thấy việc gì cũng đều hỏi tỷ mỷ.

Có người thấy vậy nói: "Ai nói con trai nhà Lương Thúc Ngật (cha Khổng Tử) là người biết lễ? Nó đến thái miếu cái gì cũng không biết, cái gì cũng hỏi".

Khổng Tử nghe được như vậy, nói rằng: "Đó là biết lễ vậy".

Lời bình:

Từ thuở nhỏ, Khổng Tử đã nổi tiếng là người biết lễ, nhưng thời đó người ta chưa gọi ông là Khổng Tử mà gọi là con nhà Lương Thúc Ngật. Có một lần, Khổng Tử đến thái miếu nước Lỗ thấy gì cũng đều hỏi. Có người không hiểu chê ông. Khổng Tử nói đó là lễ vậy, nghĩa là dù biết cũng hỏi đến nơi đến chốn thế mới chính là biểu hiện sự rất kính cẩn, không có sự cung kính nào lớn bằng. Không biết mà dám hỏi, ấy là đạo học. Biết rồi mà vẫn hỏi với thái độ cung kính, ấy là lễ. Đó chẳng phải là đạo học của người quân tử hay sao?

16. Khổng Tử nói: "Thi bắn cung, không nhất thiết phải xuyên qua bia (tấm da), bởi vì sức lực của mỗi người không giống nhau, đây là quy tắc bắn cung thời cổ".

Lời bình:

Mấu chốt của tập bắn cung là bắn trúng đích. Bởi vì sức khỏe của mỗi người khác nhau, cho nên không nhất thiết phải xuyên qua bia mới cho là trúng đích. Câu này cốt để làm thí dụ. Năng lực con người có mạnh có yếu, chỉ cần tận tâm tận lực là được rồi. Người ta chỉ cần có đức nhân, toàn tâm toàn ý với công việc của mình, không kể làm được đến mức độ nào thì đều là người cao thượng, người có đạo đức.

17. Ngày mồng một, đưa lễ vào cúng tế miếu tổ, Tử Cống muốn bớt đi một con dê sống.

Khổng Tử nói: "Đáng khen thay! Ngươi tiếc dê của ngươi, còn ta thì tiếc lễ của ta".

Lời bình:

Thời cổ đại Trung Quốc có một quy định là khi cúng tổ tiên vào ngày đầu tháng phải tiến một con dê sống làm vật hy sinh. Tuy nhiên, ở nước Lỗ từ đời vua Lỗ Văn Công không chịu tế nữa nhưng vẫn bắt phải nộp dê. Tử Cống kiến nghị từ nay nên bỏ tục này, không dùng dê sống để cúng nữa. Khổng Tử không đồng ý, vì ông cho là nộp dê để nhắc người ta nhớ đến lễ ấy. Lễ là thể hiện của nhân, là hình thức của nhân, cho nên

Khổng Tử rất trọng lễ. Khổng Tử nói như vậy là tỏ thái độ rõ ràng, kiên trì thực hiện lễ.

18. Khổng Tử nói: "Phụng thờ vua ta hoàn toàn làm theo lễ tiết, thế mà người khác cho ta là siểm nịnh".

Vua Lỗ Định Công hỏi Khổng Tử: "Vua sai khiến sử dụng bề tôi, bề tôi phụng thờ vua như thế nào mới tốt?".

Khổng Tử thưa: "Vua sử dụng bề tôi phải theo lễ, bề tôi phụng thờ vua phải theo trung".

Lời bình:

Đây là Khổng Tử giảng về đạo vua tôi. Vua sai khiến, sử dụng bề tôi phải dựa vào lễ. Bề tôi đối với vua ngoài tận lễ ra còn phải trung thành. Có như vậy mới có trật tự vua tôi, trên dưới. Tư tưởng này của Khổng Tử được Mạnh Tử phát huy: "Vua xem bề tôi như chân tay, thì bề tôi xem vua như người tâm phúc". Mối quan hệ giữa vua tôi không phải không có điều kiện, mà là có điều kiện, đó là lấy lễ làm nguyên tắc. Cho nên tận lễ không có nghĩa là siểm nịnh, mà là đạo vua tôi.

19. Khổng Tử nói: "Bài thơ Quan Thư trong Kinh Thi đưa đến niềm vui mà không quá buông tuồng, mang lại nỗi buồn mà không đến mức đau thương".

Lời bình:

Trong nội dung bài thơ Quan Thư có đoạn: "Yểu điệu thục nữ. Quân tử hảo cầu. Cầu chi bất đắc. Triển

chuyển phản tắc", tạm dịch là: "Hỡi cô gái dịu dàng, xinh tươi. Có chàng tài ba muốn tìm hiểu. Không gặp được cô. Năm canh cứ trằn trọc, trở mình".

Vần điệu của bài thơ, đọc nghe rất vui, nhưng niềm vui này có mức độ, không quá đáng, nên gọi là vui mà không quá buông tuồng.

Người quân tử rất mong có được người con gái đẹp như vậy, nhưng cầu mà không được nên ít nhiều buồn bã, trằn trọc năm canh. Nỗi buồn này là nỗi buồn man mác, nhớ nhung, càng xa càng nhớ, càng lắc càng đầy, chứ không dẫn đến đau thương, sầu muộn sâu sắc. Đây gọi là *ai nhi bất thương*. Khổng Tử quan niệm trong đời có thể có niềm vui hay nỗi buồn, nhưng nên có chừng mực, có mức độ. Khổng Tử đánh giá bài thơ này rất cao, đã đạt đến giới hạn "hòa" trong niềm vui và nỗi buồn của con người.

20. Vua Lỗ Ai Công hỏi Tể Ngã: "Lập đàn xã thì dùng cây gì?".

Tể Ngã thưa: "Đời Hạ dùng cây tùng. Đời Ân dùng cây bách. Đời Chu dùng cây lật, là có ý để làm cho dân chúng nhìn thấy cây lật mà sợ hãi".

Sau khi Khổng Tử nghe được câu nói này, trách Tể Ngã rằng: "Việc đã thành, không nên nói đi nói lại. Việc nhất định xảy ra, không nên can. Việc đã qua, không nên trách".

Lời bình:

Xã là nơi thờ thần thổ địa. Triều đại nào thích cây gì thì trồng trên đất thờ ấy. Vua Lỗ Ai Công hỏi Tể Ngã,

Tể Ngã có trả lời. Nhưng khi Khổng Tử nghe được câu trả lời của Tể Ngã, đã trách Tể Ngã vì ông sợ rằng Tể Ngã xui vua Lỗ Ai Công điều bất nghĩa làm dân chúng sợ.

Người xưa trồng cây hợp với chất đất chứ không phải lấy ý nghĩa chữ tên của cây. Tể Ngã nói như vậy đã không đúng với nghĩa gốc của việc lập đàn xã, lại khuyến khích thêm lòng ham đánh giết của vua. Nhưng vì lời đã nói ra không sửa kịp được, nên Khổng Tử mới trách để về sau phải cẩn thận khi nói năng.

Ý của Khổng Tử rất rõ ràng là không tán thành giáo dục dân bằng biện pháp khiến cho dân sợ hãi. Tư tưởng cơ bản của Khổng Tử là nhân chính, đức chính, dựa vào giáo dục lễ nghĩa để chỉ đạo, dắt dẫn dân chúng, chứ không phải dùng biện pháp dọa dân chúng.

21. Khổng Tử nói: "Bụng dạ của Quản Trọng quá hẹp hòi".

Có người hỏi tiếp: "Hay là Quản Trọng là người tiết kiệm?".

Khổng Tử nói: "Quản Trọng có ba điều có thể quy kết được. Một là trong nhà Quản Trọng thu được rất nhiều thuế má của dân thị thành; hai là người giúp việc trong nhà quá nhiều; ba là mỗi người mỗi việc không ai kiêm nhiệm cả. Như thế làm sao có thể nói Quản Trọng tiết kiệm được?".

Có người hỏi tiếp: "Quản Trọng có biết lễ không?".

Khổng Tử nói: "Trước cửa nhà của vua chư hầu dựng một bình phong; trước cửa nhà Quản Trọng cũng dựng một bình phong. Vua chư hầu khi tiếp các nước khác dự yến tiệc có dùng giá úp chén, Quản Trọng khi mời khách dự yến tiệc cũng dùng giá úp chén. Nếu nói Quản Trọng biết lễ thì còn ai không biết lễ?".

Lời bình:

Quản Trọng là nhà đại tư tưởng thời Xuân Thu, có ảnh hưởng rất lớn đối với hậu thế. Khổng Tử phê bình Quản Trọng không biết tiết kiệm và không biết lễ. Khổng Tử nêu ra ba dẫn chứng là thu về nhiều tô nhiều thuế, dùng người rất nhiều, không có ai kiêm nhiệm. Đối với nhân lực, vật lực, tài lực như vậy là không tiết kiệm.

Quản Trọng là tể tướng của Tề Hoàn Công, là trọng thần của triều đình, không phải là vua của một nước thế mà dựng bình phong trước nhà mình giống như của vua, nghi thức tiếp khách cũng giống như vua. Đây là hành vi vượt quyền, phạm lễ, cho nên Khổng Tử không tán thành. Khổng Tử tỏ ra cương quyết phản đối Quản Trọng ở mặt xa hoa và tiếm lễ thôi, chứ ông vẫn biết ơn Quản Trọng, vì có lần ông phải thừa nhận rằng nếu không có Quản Trọng thì người Trung Hoa đã bị xâm chiếm, biến thành man rợ hết cả rồi.

22. Khổng Tử nói với quan nhạc nước Lỗ: "Nhạc ta cũng biết chút ít. Bắt đầu diễn tấu âm luật phải tương hợp, ăn khớp tiếng nhạc lời ca, tiếp tục khai triển ra

thuần thục hài hòa, âm thanh rõ ràng, trong sáng, liên miên bất tuyệt, như vậy mới là bản nhạc hay".

Lời bình:

Đoạn này nói về nhận thức âm nhạc của Khổng Tử. Diễn tấu một khúc nhạc, tiếng hát lúc mới cất lên và tiếng nhạc của đàn tấu phải hoàn toàn tương hợp, ăn khớp với nhau, tiếp tục phát triển đến thuần thục, hài hòa, tiết tấu phân minh, kế tiếp liên tục. Vậy âm nhạc là gì? Theo Khổng Tử: hài hòa là âm nhạc, thuần thục là âm nhạc, tiết tấu phân minh là âm nhạc, dư âm thánh thót là âm nhạc. Khổng Tử thực đã hiểu sâu sắc đến chân - thiện - mỹ của âm nhạc.

23. Vị quan trấn nhậm ấp Nghi xin yết kiến Khổng Tử, nói rằng: "Người quân tử các nước đến đây, chưa có người nào mà tôi không được tiếp kiến".

Các học trò liền đưa vào gặp Khổng Tử. Khi trở ra, vị quan đó nói với học trò của Khổng Tử: "Các ông đừng buồn về việc Khổng Phu Tử mất chức. Thiên hạ đã có quá nhiều điều vô đạo lắm rồi, nên trời đem Khổng Phu Tử làm cái mõ để thức tỉnh người đời đó".

Lời bình:

Chuyện xảy ra khi Khổng Tử từ bỏ chức tướng quốc nước Lỗ để đi chu du. Khi đến nước Vệ, Khổng Tử cùng học trò dừng ở ấp Nghi là ấp giáp biên giới. Quan coi giữ ấp Nghi muốn xin được gặp Khổng Tử.

Câu có ý nghĩa quan trọng nhất ở trong đoạn này là: "Trời đem Khổng Phu Tử làm cái mõ để thức tỉnh người đời". Thời cổ đại khi truyền chính lệnh, đánh mõ để phát lệnh hô hào, hiệu triệu nhân dân, nhắc nhở, thức tỉnh nhân dân. Tiếng mõ như ngọn đèn chiếu sáng con đường tiến lên của nhân dân. Vị quan khuyên học trò của Khổng Tử đừng buồn, đừng lo vì không có chức tước, địa vị gì, bởi vì vinh dự được đi theo Khổng Tử để xây dựng sự nghiệp tải đạo mới là điều là vô cùng vĩ đại. Câu nói trên nói lên sự sùng bái và tôn kính Khổng Tử của nhân dân thời đó, đồng thời cũng khẳng định một điều rằng giá trị con người không phải là ở quyền cao chức trọng mà được khẳng định ở chính sự nghiệp và sự cống hiến của mỗi con người.

24. Nhận xét về bản nhạc Thiều, Khổng Tử nói: "Âm luật cực chuẩn, nội dung rất tốt và hay".

Nhận xét về bản nhạc Vũ, Khổng Tử nói: "Âm luật cũng rất chuẩn, nhưng nội dung có kém một chút".

Lời bình:

Đây là đánh giá của Khổng Tử đối với hai bản nhạc Thiều và Vũ, nêu ra hai nguyên tắc đánh giá chất lượng bản nhạc là phải tận mỹ, tận thiện. Mỹ là nói về nhạc phải hay, thiện là nói về lời phải tốt, nội dung phải đứng đắn. Âm luật hài hòa uyển chuyển là ở khúc điệu, thiện là ở lời ca. Sự thống nhất giữa thiện và mỹ mới là cái gốc của âm nhạc, nghệ thuật.

25. Khổng Tử nói: "Người bề trên đối với kẻ dưới không khoan dung rộng lượng, chấp hành lễ không nghiêm túc kính cẩn, cử hành tang lễ không đau buồn, thương xót, làm sao mà ta có thể chịu được?".

Lời bình:

Khổng Tử nói ra ba điều người quân tử không thể chấp nhận:

Người bề trên không có tấm lòng khoan dung, rộng lượng đối với người bề dưới thì bất nhân. Theo Khổng Tử, người bề trên cần khoan dung, độ lượng, nới rộng ân huệ, đưa lại lợi ích cho dân, đưa lại điều hay, điều tốt, niềm vui cho dân, không nên quá khắc bạc vô tình.

Khi thực hiện lễ không nghiêm túc thì bất lễ. Khổng Tử suy tôn lễ chế nhà Chu, coi trọng phép tắc và lễ nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước; chủ trương tất cả mọi việc đều phải có quy tắc, quy phạm. Phàm những việc không có quy tắc, không hợp lễ nghĩa, trái kỷ cương thì Khổng Tử không tán thành.

Khi tổ chức tang lễ không có thái độ, tấm lòng thương xót, không động lòng thương tiếc, thì thất đức.

Phàm đã là người bề trên mà bất nhân, bất lễ và thất đức, thì người và trời đất đều không dung thứ.

Từ ba điểm trên có thể nhận biết tư tưởng nhất quán của Khổng Tử là trọng nhân, trọng đức, trọng lễ.

Chương 4

LÝ NHÂN

1. Khổng Tử nói: "Cư trú ở nơi có nhân đức mới tốt. Chọn nơi không có nhân đức để ở, làm sao có thể nói là người có đức trí được?".

Lời bình:

Bàn về ảnh hưởng tốt xấu của môi trường đối với con người, Khổng Tử nói rằng: "Muốn làm người quân tử có nhân có đức cần phải chọn môi trường có bầu không khí nhân đức". Môi trường ảnh hưởng đến con người, có tác dụng đào tạo cải biến con người. Nơi ở tốt là nơi có phong tục tập quán làm điều nhân. Ở trong bầu không khí nhân đức, người ta sẽ được truyền cảm, tiếp thụ được điều nhân đức, nhân đức được bồi dưỡng sẽ trở thành người có nhân đức.

2. Khổng Tử nói: "Người không có đức nhân, không thể ở lâu trong cảnh cùng khốn, cũng không thể ở mãi trong môi trường an nhàn sung sướng. Người có đức nhân luôn luôn yên tâm làm điều nhân. Người có đức trí ham muốn làm được điều nhân".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử luận về điều nhân. Theo Khổng Tử, người bất nhân không thể mãi mãi giữ đúng được lòng mình, lời hứa của mình, khi gặp cảnh khốn cùng không thể chịu đựng lâu dài. Bởi vì kẻ bất nhân gặp cảnh bần

cùng lâu dài sẽ cảm thấy cùng đường, trở thành liều lĩnh, quên mất lời hay lẽ phải, quên cả lễ nghĩa mà làm điều xằng bậy. Và dù cho kẻ bất nhân có ở trong hoàn cảnh sung sướng thì cũng không giữ mãi được như vậy, vì cuộc sống an nhàn có địa vị tôn quý, đời sống quá dư dật, trong óc lại không có chí lớn, không có việc gì làm, lâu dần say đắm rồi cũng biến thành kẻ phóng túng.

Người có đức nhân, lúc nào cũng giúp cho mọi người biết yêu người, yêu đời, lòng dạ luôn thanh thản; không kể ở đâu, lúc nào, làm việc gì cũng đều tự giác tôn trọng nguyên tắc của nhân. Đây gọi là người có đức nhân luôn yên tâm làm điều nhân.

Người có đức trí biết rất rõ làm điều nhân đức đưa lại cho mình nhiều điều tốt lành, đưa lại niềm vui tinh thần cuộc sống trở nên hòa thuận, thân ái, cho nên rất muốn làm được điều nhân. Người có đức trí, theo Khổng Tử là người có đức nhân hoặc hướng theo mục tiêu trở thành người có đức nhân.

3. Khổng Tử nói: "Chỉ có người có đức nhân mới có thể hay yêu người và hay ghét người".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng nhất cử nhất động của người có đức nhân đều rất tự nhiên và rất phù hợp với nguyên tắc của nhân; yêu hay ghét đều dựa vào tiêu chuẩn đức nhân rất đúng đắn. Vì vậy, người có đức nhân mỗi khi gặp những trường hợp cụ thể đều căn cứ vào tiêu chuẩn của nhân thể hiện thái độ yêu ghét rất rõ ràng.

Người không có đức nhân thì tự thân cũng không có tiêu chuẩn để đánh giá; vui buồn, hờn giận, yêu ghét có hiện ra thì cũng rất phiến diện, sai lầm. Cho nên người không có đức nhân không thể biết là nên ghét hay nên yêu ai cho đúng; rất có thể ghét người tốt, yêu người xấu.

4. Khổng Tử nói: "Người lập chí thực hành điều nhân thì không thể làm được điều gì xấu".

Lời bình:

Theo Khổng Tử thì đạo nhân toát ra tinh thần thực sự thương yêu người, lấy cống hiến cho đời làm niềm vui, là thăng hoa của linh hồn, là chuẩn tắc, mục tiêu cao nhất để làm người. Bất kể đối với ai, bất kể làm điều gì, có lòng nhân sẽ không bao giờ để xảy ra điều bất nhân. Làm điều gì đều có nhân, như vậy cả đời sẽ không bao giờ làm điều xấu.

5. Khổng Tử nói: "Giàu và sang, điều này ai cũng thích. Nếu không dùng phương pháp hợp đạo lý để giành được giàu sang, người quân tử không bao giờ làm.

Nghèo và đê hèn, điều này ai cũng ghét. Nhưng nếu không dùng biện pháp hợp đạo lý để thoát khỏi nghèo hèn, người quân tử không bao giờ muốn.

Người quân tử xa rời đạo nhân làm sao có thể xứng với danh được. Người quân tử không bao giờ xa rời đạo nhân, dù chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn. Dù cho ở hoàn cảnh bức bách khốn cùng, phải phiêu bạt nơi

đất khách quê người, cũng không bao giờ xa rời đạo nhân".

Lời bình:

Học thuyết của Khổng Tử là đạo nhân. Khổng Tử suy tôn nhất là đức nhân, cho rằng đức nhân là nguyên tắc cao nhất của lòng người. Ai mà chẳng thích giàu sang phú quý, nhưng nếu phải dùng phương pháp bất nhân để có được, thì người quân tử không bao giờ làm. Không ai thích bần tiện và nghèo hèn, nhưng nếu phải dùng phương pháp bất nhân để thoát khỏi nó, thì người quân tử không bao giờ làm. Người quân tử nhờ điều nhân mà có thanh danh, có vinh dự; xa rời nguyên tắc của đạo nhân thì không còn cách nào có được thanh danh. Người quân tử xem nhân là gốc của lập thân, là sinh mệnh của mình, không một phút nào xa rời nguyên tắc của nhân. Không chỉ riêng gì lúc bình thường trong cảnh lựa chọn giàu sang hay nghèo hèn, mà ngay cả lúc quẫn bách tan cửa nát nhà cũng hết sức mình giữ vững đạo nhân. Nhân và mạng sống của người quân tử tuy hai nhưng chỉ là một.

6. Khổng Tử nói: "Ta chưa thấy người thích điều nhân và ghét điều bất nhân. Người thích điều nhân là người coi điều nhân trên hết. Người biết ghét điều bất nhân, trong thực tế sẽ luôn làm điều nhân, không bao giờ chịu ảnh hưởng xấu của điều bất nhân.

Có ai trọn ngày dốc toàn tâm toàn lực cho điều nhân chăng? Ta chưa thấy người nào đạt đến nhân mà không

tốn sức tốn công rèn dũa. Người không mất sức mà đạt đến nhân, đại khái cũng có thể có, nhưng ta chưa gặp bao giờ".

Lời bình:

Khổng Tử tiếp tục bàn về đạo nhân. Nếu con người cảm nhận được điều nhân là điều đáng quý nhất, thì sẽ không giờ phút nào không theo đuổi làm điều nhân, tôn trọng điều nhân, yêu thích điều nhân. Nếu con người nhận thức được bất nhân có nguy hại lớn đối với bản thân mình, thì có thể kiên quyết loại trừ điều bất nhân.

Khổng Tử nói chưa gặp ai thật thích điều nhân mà còn biết ghét bất nhân. Đây là muốn nói do chưa có nhận thức sâu sắc đối với điều nhân, thích điều nhân phải ghét bất nhân. Làm điều nhân là tốt, nhưng phải biết chống kẻ làm điều bất nhân. Một con người muốn làm tốt điều nhân, từ tâm can cũng phải ghét điều bất nhân. Được như vậy mới không bị ảnh hưởng xấu của bất nhân.

Một con người không lúc nào không theo đuổi điều nhân, đây là vấn đề phẩm chất tư tưởng, ý thức tư tưởng, chứ không phải là vấn đề năng lực. Nhân là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất. Chỉ có suốt ngày theo đuổi, nỗ lực không ngừng làm điều nhân, chống điều bất nhân, mới có thể dần dần đạt đến đạo nhân.

7. Khổng Tử nói: "Sai lầm mà người ta mắc phải có quan hệ đến loại người. Loại người như thế nào, thì sẽ

phạm sai lầm như thế ấy. Xem sai lầm của một người đã phạm, có thể biết người đó có đức nhân hay không?".

Lời bình:

Vật tụ lại theo loài, người phân theo quần thể. Một hạng người bao giờ cũng có đặc điểm giống nhau. Thuộc tính chung bao giờ cũng nằm trong cá biệt, tính cộng đồng bao giờ cũng có ở trong mỗi con người. Hiểu đặc trưng giống nhau của một hạng người, trên một chừng mực nào đó có thể hiểu được đặc trưng của một người thuộc hạng đó. Khổng Tử cho rằng sai lầm của một người thuộc hạng người nào đó cũng thường thuộc vào sai lầm của hạng người đó. Trình Tử nói rõ thêm: "Lỗi của người ta thuộc về từng loại. Người quân tử thường có lỗi vì quá hận, kẻ tiểu nhân thường có lỗi vì khắc bạc. Người quân tử có lỗi vì yêu thương, kẻ tiểu nhân có lỗi vì nhẫn tâm".

Vì vậy, từ sai lầm của một người, có thể nhìn thấy người đó bất nhân ở điểm nào, ở điểm nào xa rời đạo nhân. Nhìn thấy sai lầm của một người có thể nhìn thấy sai lầm của hạng thuộc người ấy. Đây là phương pháp của Khổng Tử để quan sát, đánh giá con người.

8. Khổng Tử nói: "Buổi sáng biết được chân lý, thì dù cho buổi chiều có chết cũng cam tâm".

Lời bình:

Câu nói của Khổng Tử đã trở thành danh ngôn trong lịch sử văn hóa Trung Quốc. Ông đã nêu ra mục tiêu cao

nhất của mình. Vì sự nghiệp và lý tưởng đạo nhân, với tinh thần quên mình, Khổng Tử đã phấn đấu suốt cả một đời đi đến khắp mọi nơi để tìm cho ra chân lý đạo nhân. "Buổi sáng biết được chân lý, buổi chiều chết cũng cam tâm", câu ấy đã diễn đạt được tinh thần hy sinh vĩ đại của Khổng Tử trong sự nghiệp lập chí vì đạo nhân.

9. Khổng Tử nói: "Kẻ sĩ lập chí vì đạo nhân mà cảm thấy nhục nhã khi ăn đói, mặc rách, người như vậy không đáng để cùng bàn luận đạo nhân".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, một người lòng muốn tìm đạo nhân mà hổ thẹn vì đồ ăn, thức mặc không bằng người, thì sự hiểu biết thấp kém, sao đủ để cùng bàn đạo nhân. Vậy, kẻ sĩ trong cuộc sống phải cần kiệm đơn giản, không chạy theo thỏa mãn nhu cầu vật chất mới có thể lập nên đại nghiệp.

Người ta trong sinh hoạt, cuộc sống thua kém một tí đã kêu ca phàn nàn, không chịu nổi, thì làm sao có chí lập nghiệp được.

Con người sống cần phải có hoài bão và lý tưởng cao đẹp. Trong sự nghiệp nên so sánh và học tập người đạt cao hơn mình, như vậy mới trở thành kẻ sĩ chân chính.

10. Khổng Tử nói: "Người quân tử đối với mọi việc trên thế gian, không nhất định phải làm việc này hoặc

không nhất định không làm việc kia, mà xem việc đó có hợp nghĩa hay không, nếu hợp nghĩa là làm".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra khái niệm nghĩa.

Mặc Tử cũng giảng về nghĩa. Ông coi nghĩa tức là chỉ lợi ích của nhân dân lao động, xem sự chiếm đoạt thành quả lao động của người sản xuất nhỏ là bất nghĩa. Mặc Tử bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, nên phản đối kẻ không làm mà có ăn, kẻ làm điều bất nghĩa mà có thu nhập.

Khổng Tử nêu ra khái niệm nhân, người có nhân lúc nào cũng yêu người. Cho nên khái niệm nghĩa của Khổng Tử nêu ra là nghĩa của tự bản thân mỗi người. Theo Khổng Tử rất khó quy định việc nào nên làm, việc nào không nên làm, và nên làm như thế nào, không nên làm như thế nào. Mấu chốt là xem việc ấy có nghĩa hay bất nghĩa; xem tâm tư của mình có chính hay bất chính. Nếu tâm tư chính đáng, và việc ấy đối với người khác có lợi mới nên làm. Tâm tư bất chính, và việc ấy đối với người khác không có lợi là không làm.

11. Khổng Tử nói: "Người quân tử quan tâm đến đạo đức, kẻ tiểu nhân khao khát ruộng vườn nhà cửa. Người quân tử quan tâm đến phép tắc, kẻ tiểu nhân cầu mong ân huệ".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử, từ độ cao của đạo nhân bàn về sự khác nhau giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân, sự khác

nhau giữa người có đạo đức với người không có đạo đức. Người có đạo đức phấn đấu vì sự nghiệp cao cả, hết mình thực hiện đạo nhân, tôn trọng xây dựng những giá trị văn hóa tinh thần. Khát vọng của họ là đại nghiệp thành công, lễ nghĩa pháp luật hoàn thiện, vươn tới chân - thiện - mỹ. Người quân tử không ham thích đòi hỏi thỏa mãn của cải vật chất, ăn ngon mặc đẹp, mưu cầu lợi ích cá nhân. Còn người chỉ biết chạy theo cuộc sống vật chất tầm thường, theo đuổi ân huệ của người khác ban cho mình mà quên mất tu dưỡng đạo đức, xem nhẹ đời sống tinh thần thì sẽ trở thành con người vì lợi quên nghĩa, suốt đời sẽ không thành công trong sự nghiệp.

12. Khổng Tử nói: "Chỉ biết làm việc vì lợi ích của mình, nhất định sẽ chuốc lấy nhiều oán hận".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra nguyên tắc quan trọng để giải quyết quan hệ giữa quyền lợi cá nhân mình với người khác. Một người chỉ biết làm việc vì lợi ích của mình, lúc nào, ở đâu cũng tìm mọi cách thu vén cho mình, không hề nghĩ đến lợi ích của người khác, thì sẽ bị cô lập, bị nhiều người oán. Mọi người chung quanh mình đều oán hận mình, xa lánh mình, thì sống mà xem như đã chết. Cho nên, khi làm điều gì đều phải tự chất vấn mình, nếu chỉ có lợi cho mình mà hại đến người thì dứt khoát không làm. Thế gọi là đạo quân tử vậy.

13. Khổng Tử nói: "Có thể dùng lễ nhượng để trị quốc không? Nếu được thì trị quốc còn khó khăn nào nữa không? Nếu không thể dùng lễ nhượng để lãnh đạo quản lý nhà nước, như vậy lễ còn có tác dụng gì?".

Lời bình:

Tư tưởng nhất quán của Khổng Tử là nhân chính. Lễ nhượng trị quốc là một quan điểm quan trọng của Khổng Tử. Trong điều kiện chính quyền ổn định, xã hội yên ổn, quan hệ giữa vua và tôi, giữa trên và dưới, giữa các địa phương, giữa muôn dân trăm họ, nên lấy lễ để nhường nhịn, hiểu biết tôn trọng lẫn nhau, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, sẽ hình thành nên một xã hội hài hòa, thống nhất. Đây là tác dụng của lễ, cũng chính là lễ trị.

14. Khổng Tử nói: "Không sợ buồn vì không có chức vụ địa vị, chỉ buồn vì không có đức tài để làm tròn chức vụ địa vị ấy. Không sợ người khác không biết mình, mà phải cầu mong làm sao có năng lực làm cho người khác hiểu mình".

Lời bình:

Con người ta không nên buồn vì không có địa vị trong xã hội, chỉ nên buồn vì không có năng lực để đứng vững chân trong xã hội. Đừng sợ người khác không hiểu mình, mà sợ mình không có bản lĩnh làm cho người khác hiểu mình. Chúng ta thường thấy ở một số người không chú ý đến tu dưỡng bản thân, bồi dưỡng mình để

nâng cao năng lực của mình, mà chỉ biết oán người không hiểu mình.

Người không thể tự lập, nếu không có đề xuất gì, không có đạo đức, không có học vấn, không có tài cán, không có bản lĩnh, mọi người biết người ấy để làm gì? Mà có biết thì đặt người ấy ở vị trí nào được?

Cơ hội là để cho con người có sự chuẩn bị. Người không có đức có tài, dù cho có cơ hội, có người hiểu cũng không thể làm nổi trò trống gì.

Cho nên người ta trước hết phải trau dồi đức tài, biết đợi chờ cơ hội tốt để ra đảm trách cương vị, thi thố tài năng phụng sự đất nước. Đây không phải là đạo lý dễ hiểu ư?

15. Khổng Tử nói: "Trò Sâm! Đạo của ta quán xuyến một quan điểm cơ bản".

Tăng Tử thưa: "Đúng vậy".

Sau khi Khổng Tử đi ra, một học trò khác hỏi Tăng Tử: "Lời của thầy có ý tứ như thế nào?".

Tăng Tử nói: "Đạo của thầy khái quát mà nói chỉ trung thứ mà thôi".

Lời bình:

Học thuyết của Khổng Tử là đạo nhân. Toàn bộ hệ thống tư tưởng đạo nhân của Khổng Tử xuyên suốt một tư tưởng chỉ đạo là trung thứ.

Trung là trung thành với đạo với đức nhân, tức là việc gì cũng tận trung, cái gì mình đạt rồi cũng muốn

cho người khác đạt (kỷ dục đạt nhi đạt nhân). Thứ là suy từ lòng mình ra, ý muốn nói cái gì mình không muốn thì cũng đừng bắt người khác làm (kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân). Đạo của Khổng Tử là đạo nhân, tức là đạo trung thứ.

Học đạo thánh hiền phải nghiên cứu kỹ từng câu từng chữ của thánh nhân là cần thiết, nhưng không được thiên lệch. Mấu chốt là phải nắm vững đạo nhân, đạo trung thứ. Nắm chắc được điểm này xem như nắm được cốt lõi của nhân học.

16. Khổng Tử nói: "Người quân tử chỉ biết điều nghĩa, kẻ tiểu nhân chỉ biết điều lợi".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra một điểm khác nhau giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân.

Nghĩa tức là lợi ích vì người khác, lợi ích vì dân tộc, xã hội và quốc gia. Lợi tức là tư lợi, lợi nhỏ của cá nhân. Nghĩa tức là nói lợi ích trong phạm vi lớn, lợi tức là nói về tư dục trong nhân tình thế thái. Người có đạo đức cao thượng, suốt đời phấn đấu cho sự thành công của sự nghiệp chung, lợi ích của tập thể. Người không có đạo đức chỉ biết đến lợi ích cá nhân, theo đuổi những dục vọng thấp hèn. Người quân tử làm việc bao giờ cũng thủy chung. Kẻ tiểu nhân thấy lợi là tranh giành nhau, hết lợi thì hết tình nghĩa.

Quan sát thái độ đối với nghĩa và lợi, sẽ phân biệt rõ người quân tử và kẻ tiểu nhân.

17. Khổng Tử nói: "Nhìn thấy người hiền tài liền nghĩ đến noi gương phấn đấu kịp bằng họ, nhìn thấy người chẳng hiền tài thì phải tự kiểm tra lại mình (xem mình có sai sót như người ấy không)".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra phương pháp tu thân. Tu thân chẳng những lă mục tiêu quan trọng, mà còn là quá trình không bao giờ ngừng nghỉ trong cuộc đời mỗi con người. Tu thân không phải vì người khác, không phải là từng đợt gián đoạn mà là lúc nào cũng phải nghĩ tới. Nhìn thấy người có đạo đức cao thượng, phải suy nghĩ tìm cách học tập, noi gương họ, xem đây như là động lực thúc đẩy mình. Nhìn thấy người khiếm khuyết về đạo đức, phải tự hỏi mình, đối chiếu, kiểm tra lại mình, đây cũng xem như mình nhắc nhở mình, cảnh giác mình, tự quất vào sai trái của mình.

Lúc nào cũng tu luyện đạo đức, sẽ không xa đạo và dần dần sẽ đắc đạo, ngộ đạo.

18. Khổng Tử nói: "Phụng dưỡng cha mẹ phải nhẹ nhàng khuyên giải, can ngăn. Nếu cha mẹ không chịu nghe thì vẫn phải cung kính, không được trái ý nguyện của cha mẹ, đừng để cha mẹ bận tâm gây nên oán hận".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử giảng về đạo hiếu. Câu này với câu "điều khó nhất đối với cha mẹ là có giữ được vẻ hòa vui hay không" đã nói ở phần Vi Chính là hoàn toàn giống nhau. Phụng dưỡng cha mẹ cái gì là khó nhất? Cho ăn cho uống không khó, làm việc thay cho cha mẹ không

khó, dưỡng lão rồi lo việc mai táng không khó, khó nhất là giữ được nét mặt hòa vui trước cha mẹ, nhẹ nhàng khuyên giải, can ngăn cha mẹ.

Khổng Tử không cho rằng cái gì cha mẹ cũng đúng cả. Làm cha mẹ cũng có cái không đúng, có điều không hợp thời. Đối với điều chưa đầy đủ của cha mẹ, kẻ làm con không phải là không được có ý kiến, mà có thể khuyên giải can gián. Nhưng lời khuyên giải can gián này nên nhẫn nại nhẹ nhàng, giữ được nét mặt vui tươi. Làm được như vậy mới xem là có hiếu.

19. Khổng Tử nói: "Cha mẹ già còn sống, không được đi chơi xa, nếu có đi phải nói rõ nơi nào cụ thể".

20. Khổng Tử nói: "Ba năm không thay đổi truyền thống, quy phạm, quy tắc đối xử với cha mẹ, có thể xem là đã có hiếu".

21. Khổng Tử nói: "Tuổi tác của cha mẹ, không thể không nhớ kỹ ở trong lòng. Một là vì cha mẹ trường thọ mà vui mừng, hai là biết lo toan chuẩn bị hậu sự khi cha mẹ về già".

Lời bình:

Ba câu này đều giảng về đạo hiếu, ý tứ rõ ràng không cần bình luận thêm. Chỉ nói rõ hai ý:

Cha mẹ già yếu không nên đi xa là sợ cha mẹ ở nhà lo lắng, ăn không ngon ngủ không yên, có xảy ra chuyện gì không có ai lo toan.

Nhớ kỹ tuổi cha mẹ là vì thông thường người tuổi quá bảy mươi, sống một năm không bằng một năm.

Tuổi quá tám mươi thì một tháng không bằng một tháng. Tuổi quá chín mươi, một ngày không bằng một ngày. Cho nên làm người con không thể không biết mà chú ý lo toan kịp thời.

22. Khổng Tử nói: "Người xưa không để khinh suất khi nói ra, bởi sợ xấu hổ vì không thực hiện được lời mình đã nói".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng con người đừng vội nhẹ dạ nói ra. Bởi vì người trọng danh dự đã nói là phải làm được, đã hứa với ai điều gì phải toàn tâm toàn ý thực hiện cho được. Người xưa rất cẩn thận, luôn sợ nói ra không thực hiện được.

23. Khổng Tử nói: "Người biết ràng buộc gìn giữ mình mà phạm sai lầm là rất ít thấy".

Lời bình:

Ràng buộc đây là lấy nhân đức để ràng buộc mình, quy phạm mình, có như vậy mới ít phạm sai lầm, không vi phạm điều nhân. Một người có đạo đức, nên tự giác tiếp thu sự giám sát của quần chúng nhân dân, xem đấy như một việc làm không thể thiếu được để giúp mình tránh được sai lầm. Không có gì ràng buộc mình, tự do phóng túng muốn làm gì thì làm, nhất định sẽ dẫn đến phạm sai lầm.

24. Khổng Tử nói: "Người quân tử nói năng phải chậm rãi, thận trọng; làm việc phải siêng năng, nhanh nhẹn".

Lời bình:

Câu này đã nói ở phần trước, Khổng Tử nhấn mạnh giải quyết công việc cho người cần làm được hai điều:

Nói năng phải suy nghĩ chín chắn, nói câu nào chắc câu đó, bởi vì nói ra thì dễ mà làm thì khó.

Giải quyết công việc phải siêng năng nhanh nhẹn, có tính tích cực, có hiệu suất cao, bởi vì làm đã khó, mà làm đúng như đã nói thì lại càng khó hơn.

Nói như vậy, để thực hiện được hai điều trên thật không dễ.

25. Khổng Tử nói: "Người có đạo đức không bao giờ bị cô lập, nhất định có bè bạn gần gũi thân thiết".

Lời bình:

Một người có bạn bè hay không, có quan hệ tốt với người xung quanh hay không, mấu chốt ở chỗ có hay không có quan niệm đạo đức. Chúng ta thường thấy có người sống rất cô độc, không hợp với ai cả, nhưng cũng không bao giờ tự hỏi mình vì sao, không tự kiểm điểm hành vi đạo đức của mình. Người có đạo đức, có nhân cách cao thượng, không bao giờ bị cô lập, nhất định có nhiều bạn bè ở khắp nơi.

26. Tử Du nói: "Phụng thờ vua, nếu chỉ biết luôn luôn can gián vua thì sẽ chuốc lấy nhục nhã. Đối đãi với

bè bạn, nếu cứ luôn luôn góp ý kiến cho bạn thì bạn sẽ xa mình".

Lời bình:

Khổng Tử xử sự rất thực tế, rất có tình người. Câu nói của Tử Du được Khổng Tử chấp nhận, trở thành đại biểu cho quan điểm của Khổng Tử.

Con người ta không thể đánh giá người quá thấp, nghe một câu nói không đúng là chì chiết giảng đạo lý, thậm chí là không cùng chơi bời với nhau.

Con người ta không thể đánh giá người quá cao, cho rằng họ nói gì cũng đúng, có thể mãi mãi chơi bời với nhau không thể xa nhau được.

Làm bề tôi thì chức phận can gián vua là cần thiết, nhưng nếu không xét đến hoàn cảnh, xét đến những điều đáng khuyên can, mà vấn đề gì cũng can gián, chỗ nào cũng đưa ra góp ý kiến của mình, cố chấp, đơn độc thì nhất định gặp phải tai họa. Góp ý cho bạn bè với sự chân thành là điều đáng quý, nhưng nếu một khi nhấn mạnh ý kiến của mình, cưỡng ép bạn bè, can thiệp thô bạo vào ý nghĩ riêng tư của bạn thì tất sẽ dẫn đến sự xa nhau.

Làm bề tôi cũng vậy, làm bạn bè cũng vậy, phải biết lời nào đáng nói, lời nào không đáng nói, nói đến mức độ nào. Bởi vì, phàm nói nhiều thì lời nói không quý mà người nghe cũng chán. Người ta nên nắm được điều đó, nhưng thực hiện thật không dễ dàng.

Chương 5

CÔNG DÃ TRÀNG

1. Khổng Tử nói: "Công Dã Tràng, con người này có thể đem con gả cho. Tuy đã bị ngồi tù, nhưng tội này không phải do trò đó gây ra".

Vì vậy Khổng Tử đem con gái gả cho Công Dã Tràng.

Lời bình:

Công Dã Tràng là học trò của Khổng Tử, đã từng bị ngồi tù. Khổng Tử vẫn bằng lòng đem con gái mình gả cho Công Dã Tràng. Vì sao? Theo Khổng Tử, phạm tội mà vi phạm điều nhân là kẻ vô đạo thất đức, phạm tội mà không vi phạm điều nhân là người đáng thương. Công Dã Tràng tuy có tội, nhưng không vi phạm điều nhân. Cho nên vẫn là con người có nhân, kiên trì phấn đấu sẽ đắc đạo (về sau được tôn lên bậc tiên hiền), Khổng Tử quyết gả con gái cho Công Dã Tràng để thể hiện lòng tin của mình vào học trò.

2. Khổng Tử nói về Nam Dung: "Nước nhà thái bình cũng không bị phế truất. Nước nhà loạn lạc cũng không bị khiển trách, bị hình phạt".

Vì vậy Khổng Tử đồng ý đem cháu gái gả cho Nam Dung.

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói về tư tưởng trung dung. Nam Dung phụng thờ vua giữ được đạo trung dung. Nước

nhà thịnh vượng, vẫn được trọng dụng; nước nhà không ổn định cũng không bị chê trách, hành hạ và thác oan. Điều này nói lên Nam Dung chẳng những có tính kiên định giữ trọn điều nhân, mà còn biết giữ đạo trung dung, giữ trọn nghĩa khí của người quân tử.

3. Khổng Tử khen Tử Tiện: "Trò ấy thật đúng là người quân tử! Nếu nước Lỗ không có quân tử, thì Tử Tiện làm sao có được đức tính này".

Lời bình:

Nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử, là nước có lễ nghĩa, là nơi tập trung nhiều chí sĩ nhân đức. Khổng Tử đánh giá Tử Tiện là người quân tử, ý muốn nói người quân tử này do Khổng Tử giáo dục bồi dưỡng, chịu ảnh hưởng của Khổng Tử mà nên. Hơn nữa nước Lỗ phải có rất nhiều quân tử, mới có môi trường đạo đức cao thượng để Tử Tiện so sánh học tập, tôi luyện trở thành người quân tử. Ngược lại, người quân tử có thể ảnh hưởng đến môi trường xã hội xung quanh, khiến cho đạo đức cao thượng ngày một phát huy. Khổng Tử khen Tử Tiện là người có chí theo đạo thánh hiền, cũng khen luôn các bậc trí thức đạo đức của nước Lỗ.

4. Tử Cống hỏi Khổng Tử: "Con đây là người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Ngươi ư! Ngươi giống như một khí cụ".

Tử Cống lại hỏi: "Như khí cụ nào?".

Khổng Tử nói: "Như cái hổ liễn vậy".

Lời bình:

Hồ liễn là cái liễn có nạm ngọc rất đẹp và quý, chuyên dùng đựng các vật cúng tế ở tông miếu thời cổ Trung Quốc. Khổng Tử ví Tử Cống như cái hồ liễn, là muốn nói Tử Cống là một con người tài giỏi có thể làm tốt một loại công việc. Trên thực tế, Tử Cống là một nhà buôn nổi tiếng cuối thời Xuân Thu kinh doanh rất giỏi, có nhiều của cải, đã giúp Khổng Tử rất nhiều khi gặp khó khăn. Khổng Tử ví Tử Cống như cái hồ liễn, ý muốn nói rằng Tử Cống chỉ giỏi có một mặt chứ không phải là người có tài toàn diện, giống như cái hồ liễn, chỉ một tác dụng là để lễ vật cúng tế, mặc dù rất đẹp và quý.

5. Có người nói với Khổng Tử: "Nhiễm Ung là con người có đức nhân, nhưng không biết nịnh, không có tài ăn nói".

Khổng Tử nói: "Cần biết ăn nói, và biết nịnh để làm gì? Nhanh mồm nhanh mép để biện hộ, cãi vã cho người khác, chỉ tổ cho người ta ghét. Nhiễm Ung là người có đức nhân hay không, ta không biết, nhưng mồm mép nhanh nhảu thì có tác dụng gì?".

Lời bình:

Khổng Tử xuất phát từ tư tưởng đạo nhân, luôn luôn đặt phẩm chất đạo đức ở vị trí số một. Trong hai mặt đức và tài thì tài là quan trọng nhưng đức quan trọng hơn. Khổng Tử cho rằng đối với mỗi người, có đức nhân mới là điều quan trọng hơn cả, là tiêu chuẩn để đánh

giá phẩm chất, chứ không phải ở lời ăn tiếng nói có nhanh mồm nhanh miệng hay không, có biết nịnh khéo hay không. Người không khéo nói, năng lực nghiệp vụ vẫn có thể giỏi. Người có đức nhân lại biết ăn nói thì càng phát huy được tác dụng truyền bá đạo nhân. Người bất nhân mà ăn nói giỏi thì lại càng vi phạm điều nhân, càng làm tổn hại đến uy danh, giá trị và lý tưởng của đạo nhân, ảnh hưởng đến hình tượng nhân cách hoàn mỹ của người quân tử.

6. Khổng Tử bảo Tất Điêu Khai ra làm quan.

Tất Điêu Khai nói: "Con chưa tin là con có thể làm quan được".

Khổng Tử nghe nói vậy cảm thấy rất vui mừng.

Lời bình:

Vì sao Tất Điêu Khai trả lời như vậy, Khổng Tử lại vui mừng?

Mừng thứ nhất là học trò của mình rất khiêm tốn. Tất Điêu Khai không giống như những học trò khác, hễ thấy được mời ra làm quan là đi ngay không hề do dự, không để mất thời cơ. Tất Điêu Khai lại nghĩ khác, làm quan có gánh nặng riêng của làm quan. Đó là việc trị nước an dân, đưa lại hạnh phúc cho mọi nhà là việc không dễ. Khổng Tử nhìn thấy học trò của mình có sự chuẩn bị tư tưởng như vậy cho nên rất vui mừng.

Mừng thứ hai là thấy Tất Điêu Khai rất thận trọng. Làm quan phải nghĩ đến quốc kế dân sinh, bao quát

nhiều mặt, lo cho thiên hạ được thái bình, muốn vậy thì phải có người có trình độ, có kinh nghiệm từng trải, mới có thể làm nổi, chứ không phải cứ tùy tiện mà làm. Tất Điêu Khai chưa tin vào mình có thể làm quan được, là sợ mình học chưa đến nơi đến chốn thì sẽ làm không tốt để xảy ra sai lầm, như thế là có lỗi với triều đình với nhân dân. Tất Điêu Khai có thái độ cẩn trọng như vậy, nên Khổng Tử rất vui mừng.

7. Khổng Tử nói: "Nếu đạo của ta không được thực hiện, thì ta sẽ ngồi trên bè gỗ cho trôi ra biển. Đi theo ta có lẽ chỉ có Trọng Do".

Tử Lộ nghe xong rất vui.

Khổng Tử nói tiếp: "Trọng Do! Tinh thần dũng cảm của ngươi vượt hẳn ta, tinh thần này tìm đâu cho có được".

Lời bình:

Đoạn văn trên nói lên niềm tin sắt đá của Khổng Tử kiên trì thực hiện đạo nhân. Có người nói nếu Khổng Tử không thực hiện được chủ trương chính trị của mình sẽ bỏ đi sang nước khác. Nói như vậy là không đúng với chí hướng của Khổng Tử.

Khổng Tử cả đời đem toàn bộ nhiệt huyết của mình theo đuổi sự nghiệp cao thượng, phấn đấu hết sức mình để thực hiện đạo nhân. Thiên hạ thái bình thịnh trị, Khổng Tử tích cực tham gia chính sự, cúc cung tận tụy vì sự nghiệp của trăm họ. Khi thiên hạ hỗn loạn, tiền đồ cá nhân bị mai một, Khổng Tử rời khỏi triều đình, giữ

mình trong sạch, nghĩ kế cho dân. Khổng Tử không bó tay tiêu cực trước thế sự, không cầu mong thành đạt cho riêng cá nhân mình, luôn luôn vì sự nghiệp đạo nhân, vì lý tưởng mà dũng cảm tiến bước. Khổng Tử nói lên điều này để chứng tỏ quyết tâm của Khổng Tử trong thực hiện lý tưởng cao cả của mình.

Còn với Tử Lộ, Khổng Tử cũng nhắc nhở rằng phải tu dưỡng rèn luyện để có đủ ba đức nhân, trí, dũng, bởi vì Tử Lộ mới có được đức dũng để làm việc nghĩa mà thôi. Lời dạy ấy thật nhẹ nhàng mà sâu sắc.

8. Mạnh Vũ Bá hỏi Khổng Tử: "Tử Lộ có phải là người có nhân không?".

Khổng Tử đáp: "Không biết".

Mạnh Vũ Bá lại hỏi tiếp, Khổng Tử nói: "Trọng Do có thể giao cho phụ trách việc quân sự trong một nước có nghìn binh xa. Còn có phải là người có nhân hay không, ta cũng không biết".

Mạnh Vũ Bá lại hỏi: "Nhiễm Cầu là người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Con người Nhiễm Cầu có thể làm quan tể một ấp có nghìn hộ hay đáng được làm quan đại phu quản lý đất phong có một trăm binh xa. Còn Nhiễm Cầu có nhân hay không, ta cũng không biết".

Mạnh Vũ Bá lại hỏi tiếp: "Còn Công Tây Xích như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Công Tây Xích mặc áo lễ phục đứng trong triều đình, có thể phụ trách việc tiếp đãi tân

khách nước ngoài. Còn Công Tây Xích có nhân hay không, ta cũng không biết".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử đánh giá ba học trò của mình. Một là Tử Lộ (Trọng Do), một là Nhiễm Cầu, một là Công Tây Xích.

Tử Lộ có thể điều khiển quân đội một nước có nghìn binh xa.

Nhiễm Cầu có thể làm quan tể một ấp có nghìn hộ, có thể làm tổng quản có đất phong với lực lượng quân sự một trăm binh xa.

Công Tây Xích có thể làm công việc ngoại giao tiếp đãi tân khách.

Đây là những biệt tài khác nhau giữa ba người. Còn ba người này có nhân đức hay không, Khổng Tử đều trả lời không biết.

Ở đây có hàm ý là Khổng Tử biết rất rõ năng lực học trò của mình, hiểu rõ sở trường của họ có thể đi theo sự nghiệp nào, có người làm công tác quân sự, có người làm công tác hành chính, có người làm công tác ngoại giao. Ba người này có ba đặc điểm khác nhau, mỗi người có tài về một phương diện, nếu ai cũng phát huy được sở trường thì sẽ làm nên sự nghiệp.

Theo Khổng Tử, ba học trò này đều có ý muốn ra làm quan. Khổng Tử cho rằng ba người này ra làm quan cũng được, nhưng phải thực hành nhân chính, đức chính. Nòng cốt tư tưởng của Khổng Tử là đức nhân.

Khổng Tử giáo dục học trò của mình, yêu cầu họ làm bất cứ điều gì cũng phải đem đức nhân đặt lên vị trí thứ nhất, phải đem tu dưỡng đạo đức đặt lên hàng đầu. Khổng Tử biết được mỗi học trò của mình đều có năng lực riêng, nhưng theo ông đấy chưa phải là điều quan trọng. Quan trọng là ở chỗ có đức nhân hay không.

Khi được hỏi ba người này có đức nhân hay không, Khổng Tử trả lời không biết là ý muốn nói đức nhân của ba trò này chưa đầy đủ, còn phải tiếp tục tu dưỡng.

9. Khổng Tử nói với Tử Cống: "Thử so sánh ngươi với Nhan Hồi, ai giỏi hơn?".

Tử Cống thưa: "Con làm sao dám so sánh với Nhan Hồi. Nhan Hồi nghe một việc có thể suy ra được mười việc; còn con nghe một việc chỉ có thể suy ra hai việc mà thôi".

Khổng Tử nói: "Không bằng thật! Ta xem ngươi đúng là không bằng Nhan Hồi".

Lời bình:

Đoạn này thể hiện tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Tử Cống và Nhan Hồi là hai học trò của Khổng Tử. Nhan Hồi học một biết mười, Tử Cống học một biết hai. Thế giới rộng lớn bao la vạn tượng, đủ các loại sự lý phức tạp đan xen. Nhưng mỗi sự vật đều có mối liên hệ phổ biến với sự vật khác, nghĩa là mỗi sự vật vừa có tính đặc thù của mình, vừa có tính chung. Nắm được tính chung của sự vật thì nghe một biết hai, thậm chí

nghe một biết mười, từ một sự vật có thể suy ra nhiều sự vật khác. Đây là phép biện chứng của nhận thức luận. Ngày thường, Tử Cống so sánh mình với Nhan Hồi và biết mình không bằng Nhan Hồi, nên nói như vậy. Khổng Tử đánh giá Tử Cống tự biết mình không bằng Nhan Hồi là thái độ rất nghiêm túc, thật đáng tôn trọng.

10. Tể Dữ ngủ ban ngày. Khổng Tử nói: "Gỗ mục không có cách gì đẽo được thành công cụ. Giống như bức tường bằng đất nhỏ, xấu xí thì không bao giờ quét vôi cho mới được. Đối với con người như Tể Dữ, ta trách cứ mà làm gì?".

Tiếp đó, Khổng Tử nói thêm: "Khi trước, ta chỉ nghe nói người khác thì tin vào việc làm. Nhưng nay, ta nghe người khác nói rồi còn phải quan sát việc làm nữa. Chính vì Tể Dữ ngủ ban ngày, mà ta đã thay đổi cách nhìn nhận như vậy".

Lời bình:

Tể Dữ nói hay, nhưng việc làm không đúng như lời đã nói. Khổng Tử dạy học trò phải học tập không mệt mỏi, thế mà Tể Dữ dám ngủ ngày. Từ sự kiện này, Khổng Tử tự sửa chữa sai lầm, thay đổi cách nhìn nhận đánh giá con người, từ "nghe người khác nói mà tin việc làm" sang "nghe người khác nói còn phải xem việc làm". Quan sát một con người không nên chỉ nghe người ta nói, mà phải quan sát hành vi của người ấy thế nào. Không những nghe người ta nói như thế nào, mà còn

phải xem người ta hành động ra sao. Đây là kết luận của Khổng Tử.

11. Khổng Tử nói: "Ta chưa nhìn thấy người kiên cường bao giờ".

Có người trả lời rằng: "Thân Tranh chính là con người như vậy".

Khổng Tử nói: "Thân Tranh, con người này dục vọng quá nhiều, làm sao có thể xếp vào loại người kiên cường được?".

Lời bình:

Khổng Tử nói câu này ý muốn nói vô dục là kiên cường. Theo Khổng Tử, một con người chỉ khi nào thắng được dục vọng mới có thể là người kiên cường (vô dục tắc cương). Vì sao Khổng Tử nói như vậy?

Mọi người đều biết, thói thường con người có nhiều ham muốn, chưa có thì theo đuổi, có rồi lại muốn có nhiều hơn... Nhưng xét đến cùng, con người được thỏa mãn dục vọng thì ít, không thỏa mãn thì nhiều, điều đó càng làm cho con người theo đuổi không biết đến bao giờ, thậm chí trở thành nô lệ của dục vọng. Người như vậy sao có thể gọi là kiên cường được?

Ngược lại, người thắng được dục vọng là người kiên cường. Nếu không có dục vọng về đồng tiền thì chẳng bao giờ cầu xin cho mình được phú quý. Nếu không có dục vọng về danh lợi thì chẳng cay cú với những người đang cầm quyền. Nếu không có dục vọng về nữ sắc thì

chẳng phải chết vì đàn bà. Trên ý nghĩa đó, Khổng Tử mới cho rằng loại trừ được dục vọng cá nhân mới có thể trở thành đại trượng phu kiên cường.

Thân Tranh vốn là người có thái độ kiêu hãnh, quá yêu bản thân mình, người không biết thì ngờ đó là kiên cường, nhưng thực ra đó cũng chỉ là một thứ dục vọng vậy.

12. Tử Cống nói: "Con không thể để người khác đem những sự việc không tốt đổ vào đầu con; con cũng không muốn đem những sự việc không tốt đổ cho người khác".

Khổng Tử nói: "Này trò Tứ (Tử Cống)! Điều đó không phải là điều ngươi có thể làm được".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng mọi người không ai muốn người khác đưa việc xấu đổ cho mình, đây là thiên tính của con người, điều này tương đối dễ hiểu. Còn không đưa việc xấu đổ cho người khác, điều này chỉ người có đức nhân thì mới làm được. *Đạo nhân* là vấn đề có phạm vi rất rộng lớn, Khổng Tử không muốn đề cập tới, nên ông mới cho rằng Tử Cống không theo kịp.

13. Tử Cống nói: "Những hiểu biết của thầy về mặt văn chương, chúng ta đã được biết. Còn những luận bàn về nhân tính và đạo trời thì chúng ta chưa được nghe".

Lời bình:

Khổng Tử thường bàn luận về những học vấn trong Kinh Thi và Sách Trung Thứ (có tên gọi là Thư), còn về nhân tính và đạo trời thì Khổng Tử rất ít đề cập đến.

Khổng Tử không có những lời nói trực tiếp bàn về nhân tính, chỉ có một câu ý là bản tính con người lúc đầu là rất giống nhau, nhưng vì tập quán về sau khác nhau cho nên càng khác nhau. Đây là muốn nói về quan hệ bản tính lúc đầu với tập quán chịu ảnh hưởng về sau.

Đối với đạo trời, Khổng Tử lại càng ít nói tới, chỉ cảm thán có một câu: "Về trời biết nói thế nào đây! Về trời biết nói thế nào đây!".

Bản tính của con người, bản chất của đạo trời là hai vấn đề thuộc triết lý cao xa, ít người lĩnh hội được nên Khổng Tủ ít giảng giải, thành thử học trò có khi không được nghe thấy. Khổng Tử làm như vậy là căn cứ vào khả năng nhận thức của trò mà dạy. Đến lúc này, Tử Cống mới được nghe, nên thốt lên khen như vậy.

14. Tử Lộ nghe được nhận một việc gì, nếu chưa đi làm ngay, thì lại sợ nghe phải nhận thêm một việc khác.

Lời bình:

Tử Lộ là một con người ham đức dũng, cấp tính, muốn mau xong việc, nóng nảy. Người như vậy hễ nghe được một việc gì là lập tức muốn đưa toàn bộ sức lực của mình ra làm ngay, đưa toàn bộ tâm trí làm tốt việc này; làm chưa xong việc này đã sợ nghe được việc khác thì

làm chẳng kịp. Sợ đây là sợ không đủ nhân tâm để làm tốt việc khác, sợ lực bất tòng tâm, sợ không làm tròn trách nhiệm. Chẳng bù cho những kẻ khác ôm đồm nhiều quá, mà rồi chẳng làm được việc gì cho đến nơi đến chốn.

15. Tử Cống hỏi: "Khổng Văn Tử vì duyên cớ gì mà được đặt tên thụy là Văn?".

Khổng Tử nói: "Ông ta thông minh lại ham học, không cho là nhục khi phải hỏi người dưới mình. Cho nên đặt tên thụy là Văn".

Lời bình:

Phàm người thông minh thì ít chịu học ở người khác. Phàm người ở địa vị cao thì không bao giờ chịu hỏi kẻ dưới. Khổng Văn Tử thì khác hẳn, chẳng những tư chất thông minh mà còn chịu khó học tập, hơn nữa dám bỏ vẻ quan cách cao sang mà khiêm tốn học hỏi mọi người, kể cả người không bằng mình. Phẩm đức đó trở thành tấm gương sáng cho mọi người noi theo. Cho nên mẫn cán, ham học, không xấu hổ khi hỏi người cấp dưới, đã trở thành điều kiện tất yếu cho sự nghiệp thành công.

16. Khổng Tử khen Tử Sản: "Tử Sản có bốn điều phù hợp đạo người quân tử: Thái độ thì cung kính, khiêm tốn, trang trọng, uy nghiêm. Phụng thờ vua thì cẩn thận, chu đáo, làm hết chức trách của mình. Nuôi dân thì biết vỗ về, đưa lại nhiều ân huệ cho dân. Sử dụng, sai khiến dân thì hợp tình hợp lý".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử tổng kết bốn kinh nghiệm về việc lãnh đạo quản lý quốc gia.

Thái độ xử sự khiêm tốn, cung kính, trang trọng, uy nghiêm: Trong công việc của quốc gia, xã hội, mỗi người khi nhận một nhiệm vụ phải có thái độ nghiêm túc, cẩn thận khi giải quyết công việc, có tinh thần trách nhiệm cao độ để làm tròn trách nhiệm được giao. Nếu không có thái độ khiêm tốn, cung kính, nghiêm túc sẽ tắc trách, tùy tiện, qua loa xong chuyện, hời hợt không sâu sát, như vậy không thể hoàn thành việc dân, việc nước được giao.

Phụng thờ vua cẩn thận, chu đáo, làm hết chức trách: Khổng Tử đề xướng lễ chế, chủ trương làm bề tôi, làm cấp dưới phải tận tâm tận lực, làm tròn bổn phận, trách nhiệm để hoàn thành sứ mệnh được giao.

Biết vỗ về dân, đưa lại nhiều ân huệ cho dân: Lãnh đạo quản lý một phạm vi, một đơn vị phải nghĩ cách đem lại lợi ích thiết thực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho dân. Muốn vậy phải đem hết sức phục vụ nhân dân, toàn tâm toàn ý mưu lợi ích cho dân, tức là đưa lại ân huệ cho dân. Chỉ có mưu cầu lợi ích cho dân, mới được nhân dân ủng hộ.

Sử dụng, sai khiến dân hợp tình hợp lý: Phải biết phân biệt thời gian, địa điểm, phải nắm chắc nguyện vọng của dân, phải động viên được tính tích cực của dân, không để ảnh hưởng đến thời vụ sản xuất của dân.

Sử dụng công sức của dân là để phục vụ cho dân, mưu lợi ích cho tập thể, cho toàn cục.

17. Khổng Tử nói: "Án Bình Trọng giỏi về kết giao bạn bè. Mặc dù chơi bời đi lại quan hệ với nhau lâu ngày mà ông ấy vẫn giữ sự tôn trọng lẫn nhau".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói về đạo bạn bè của Án Bình Trọng. Kết bạn với nhau cần phải tôn trọng nhau. Người ta nói chung, lúc mới kết bạn với nhau đều có thể tôn trọng lẫn nhau, nhưng lâu dần trở thành bạn cũ thì sự tôn trọng nhau cũng mai một. Do đó quan hệ bạn bè dễ dẫn đến xa nhau. Nếu bạn cũ lâu rồi vẫn kính trọng nhau, tình nghĩa sâu nặng đến mấy vẫn tôn trọng, quan tâm lẫn nhau như lúc ban đầu, như vậy đó chẳng phải tình bạn thủy chung lâu dài hay sao?

18. Khổng Tử nói: "Tang Văn Trọng dựng riêng một ngôi nhà để nuôi một con rùa lớn, quanh cột nhà chạm núi non, xà nhà có khắc hình rong biển. Con người như vậy sao lại gọi là người trí?".

Lời bình:

Tang Văn Trọng là đại phu nước Lỗ, người đương thời đồn rằng ông ta là người trí. Với thân phận là quan phụ mẫu của nhân dân, Tang Văn Trọng không quan tâm đến việc dân việc nước, không quan tâm đến dân, chỉ biết chăm lo đến nhà cửa cho đẹp, trang trí cầu kỳ.

Ông ta dựng riêng một căn nhà để nuôi một con rùa lớn, vì tin rằng rùa lớn là linh vật mang lại nhiều phước lành. Khổng Tử cho đây là hiện tượng hủ bại, là hành động của kẻ mê tín dị đoan, chứ đâu phải của người trí. Hiện nay cũng có một số ít người, với thân phận là người phụ trách một mặt nào đó, lo cho bản thân quá nhiều, nhận tiêu chuẩn quá cao, xe kiểu này kiểu nọ, lợi dụng việc công đi du lịch khắp nơi, khấn vái, cầu đảo tứ phương, dùng phương tiện công để giải quyết việc riêng tư,... Đây không phải là hiện tượng hủ bại ư? Khổng Tử chủ trương nhân chính, dân chính, nên rất phản đối những ai không chăm lo đến công việc chính của mình, mà chỉ lợi dụng địa vị để mưu tính riêng tư.

19. Tử Trương hỏi: "Tử Văn nhiều lần làm quan lệnh doãn nước Sở, không hề tỏ ra vẻ vui mừng; nhiều lần bị bãi quan vẫn không hề tỏ ra oán hận. Mỗi lần thay đổi chức vụ, đều đem tất cả mọi công việc chính sự đã làm hoặc đang làm dở dang bàn giao đầy đủ cho quan lệnh doãn mới thay. Con người này nên đánh giá như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Có thể đánh giá là một trung thần của quốc gia".

Tử Trương hỏi ngay: "Có thể đánh giá là một người có nhân được không?".

Khổng Tử nói: "Ta không biết! Làm sao có thể đánh giá là người có nhân được?".

Tử Trương hỏi thêm: "Khi Thôi Tử giết vua Tề Trang Công, Trần Văn Tử có mười cỗ xe bốn ngựa kéo, dám

vứt bỏ đi mà rời nước Tề đến nước khác, ở được một thời gian nói: "Người chấp chính ở đây cũng giống như đại phu Thôi Tử nước chúng tôi". Nói rồi lại bỏ đi sang nước khác, ở được một thời gian lại nói: "Cũng giống như đại phu Thôi Tử ở nước chúng tôi". Nói rồi lại bỏ đi sang nước khác. Vậy nên đánh giá con người này như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Con người này rất trong sạch".

Tử Trương nói: Có thể đánh giá là người có nhân không?

Khổng Tử nói: "Không biết! Làm sao có thể đánh giá là người có nhân được?".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử bàn về trung thần, trong sạch và người có nhân.

Tử Văn nhiều lần giữ chức quan trọng là lệnh doãn nước Sở, nhưng cũng nhiều lần bị bãi chức. Cuộc đời làm quan của Tử Văn lúc lên lúc xuống, nhiều trắc trở gian nan, thế mà vẫn không oán hận. Tử Văn xem mỗi lần trắc trở gian nan là một dịp để tôi luyện mình. Con người như vậy được xem là trung thần. Nhưng Khổng Tử cho rằng, người trung thần và người có nhân là hai khái niệm khác nhau, trung thần chưa chắc đã là người có nhân.

Trần Văn Tử có bốn mươi con ngựa, lúc đầu làm quan cùng Thôi Tử ở nước Tề. Vì Thôi Tử giết vua Tề Trang Công, nên Trần Văn Tử tức quá mà bỏ nước Tề đi sang nước khác. Liên tiếp đi đến hai nước nhưng Trần

Văn Tử đều có nhận xét là người chấp chính của hai nước này cũng chả khác gì Thôi Tử, cho nên lại bỏ đi. Khổng Tử cho rằng Trần Văn Tử không có tính nịnh hót, là người rất thanh bạch, trong sạch. Khi Tử Trương hỏi liệu Trần Văn Tử có phải là người có nhân không thì Khổng Tử trả lời không phải. Như vậy theo Khổng Tử, người trong sạch và người có nhân vẫn là hai hạng người khác nhau.

Tử Văn và Trần Văn Tử, một người Khổng Tử cho là trung thần, một người cho là trong sạch, đều là người tốt cả, nhưng có phải là người có nhân không, thì Khổng Tử trả lời là không biết. Trong mắt Khổng Tử thì người có nhân phải là người có nhân cách hoàn thiện nhất.

Theo Khổng Tử, nhân là tiêu chuẩn cao nhất của tu dưỡng đạo đức; nhân yêu cầu đối nội có nhân cách hoàn mỹ, đối ngoại thực hiện được tu dưỡng mình yên tâm làm điều nhân. Hai điều đó kết hợp lại là sự thống nhất giữa tu dưỡng nhân cách cá nhân và gánh vác nhiệm vụ lịch sử trọng đại. Xuất phát từ quan điểm này, Khổng Tử lần đầu tiên đã đề ra cho nhân loại hình tượng nhân cách hoàn mỹ trong lịch sử văn hóa thế giới, nâng *nhân* lên tầm cao nhất của sự tu dưỡng phẩm đức con người.

20. Quý Tử Văn làm việc gì đều nghĩ đi nghĩ lại rất nhiều lần.

Khổng Tử nghe được vậy nói: "Nghĩ được hai lần là đủ rồi".

Lời bình:

Con người ta làm việc gì đều có chỉ đạo của tư tưởng, đều có một mục đích.

Có người làm bất cứ việc gì cũng không hề động não, không suy nghĩ chín chắn, không có chuẩn bị về mặt tư tưởng về các vấn đề có thể xảy ra, có khi vì mù quáng mà dẫn đến thất bại.

Có người làm bất cứ việc gì cũng suy đi tính lại rất nhiều lần, lo lắng, do dự không quyết định được, rụt chân bó tay dẫn đến trở thành người nói suông.

Khổng Tử chủ trương suy nghĩ cẩn thận nhưng không tán thành nghĩ rồi lại không quyết, quyết rồi mà không làm, không ra tay hành động. Đối với một sự việc nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ mãi mà không làm, ý riêng phát ra trở thành nghi hoặc sẽ để lỡ mất cơ hội. Cho nên Khổng Tử nói: nghĩ thêm một lần nữa thôi là đủ. Vậy nên người quân tử gặp việc gì phải xét cho hết lẽ, lại cần quyết đoán, không nên nghĩ ngợi quá nhiều.

21. Khổng Tử nói: "Ninh Vũ Tử, khi nước nhà yên ổn thái bình được tiếng là người có đức trí, khi nước nhà loạn lạc bị mang tiếng là ngu đần. Trí như Ninh Vũ Tử thì người khác có thể theo kịp, chứ còn giả ngu đần như Ninh Vũ Tử thì thiên hạ không có cách nào đuổi kịp".

Lời bình:

Khi thiên hạ yên ổn thái bình, con người ta dựa vào trí tuệ thông minh của mình, đưa sức ra phục vụ đất

nước, là điều rất dễ làm. Khi thiên hạ loạn lạc mất ổn định thì khắp nơi đầy rẫy nguy cơ, vấn đề phải giải quyết tích lại thành núi... Lúc đó người tài giỏi, thông minh phải đối mặt với những vấn đề gay cấn, khó khăn tệ hại, nêu ra những chủ trương sắc bén mong cứu vãn thời thế, nên gặp phải muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, thậm chí mang họa vào thân. Những người như vậy thường bị người đời chê là ngu đần. Ninh Vũ Tử là người "ngu đần" như vậy.

Khổng Tử nói ngu đần như Ninh Vũ Tử thì thiên hạ chẳng ai có cách nào đuổi kịp. Đó là lời khen dành cho *cái ngu của kẻ đại trí.*

Lời nói của Khổng Tử thật quả là sâu xa.

22. Khi còn ở nước Trần, Khổng Tử nói: "Về đi! Về đi! Những học trò của quê hương ta, chí hướng thì rất cao xa mà việc làm thì rất giản lược, không câu nệ tiểu tiết; về văn chương đều có thể có thành tích khả quan. Nhưng họ chẳng biết xét lựa, sửa mình theo đạo trung dung".

Lời bình:

Câu này thể hiện mối quan tâm, tình cảm nồng hậu của Khổng Tử đối với học trò cùng quê hương.

Khổng Tử đi chu du liệt quốc để truyền bá đạo nhân, gặp rất nhiều khó khăn gian khổ, phải lang thang góc bể chân trời, nhưng Khổng Tử lấy khổ làm vui, trung thành với sự nghiệp mà ông đã theo đuổi. Khi thấy người ta chẳng chịu thi hành theo đạo của mình, Khổng

Tử muốn trở về quê hương dạy học để truyền đạo. Ở đó, học trò tuy chưa theo được đạo trung dung, nhưng có chí cao thượng, nếu được dạy bảo cũng có thể tiến đến đạo lý. Lời nói trên là lời nói đầy lương tâm đầy nhiệt huyết của Khổng Tử đối với học trò của mình, đối với sự nghiệp của mình.

23. Khổng Tử nói: "Bá Di, Thúc Tề, hai người này thường cho qua những thù hận cũ nên người oán hận họ rất ít".

Lời bình:

Bá Di, Thúc Tề là hai người con của vua nước Cô Trúc. Sau khi cha mất, hai người nhường ngôi vua cho người khác, đi đến chỗ vua Văn Vương. Khi Vũ Vương khởi binh phạt Trụ, Bá Di, Thúc Tề kiên quyết phản đối. Sau khi triều Chu giành được thiên hạ, hai người không chịu ăn cơm gạo nhà Chu, cự tuyệt việc cấp phát lương thực của triều Chu, chịu chết đói ở Thủ Dương Sơn. Hai ông rất khí khái, bất khuất, ghét người làm điều ác, nhưng khi kẻ ác biết hối cải thì lại không nhắc đến chuyện cũ, mà cởi mở quan tâm giúp đỡ người lỗi lầm đã sửa chữa. Vì vậy người oán hận Bá Di, Thúc Tề rất ít.

Trong cuộc sống, ta thường thấy một số người ghét kẻ ác như kẻ thù, thấy người có lỗi lầm có khuyết điểm đã sửa mà vẫn còn thành kiến với họ, vẫn còn cố chấp đối với họ,... Nếu cứ như vậy há chẳng phải chuốc lấy oán hận vào thân hay sao?

24. Khổng Tử nói: "Ai bảo Vi Sinh Cao là người thẳng thắn? Có người đến nhà xin tí dấm, nhà không có, không dám nói thẳng là không có, lại đi sang láng giềng xin về cho người ta".

Lời bình:

Khổng Tử thông qua một việc nhỏ, đánh giá một con người. Ai cũng nói Vi Sinh Cao thẳng thắn, nhưng người khác đến nhà xin dấm, nhà không có, Vi Sinh Cao vội sang láng giềng xin về cho người ta, nói là của mình. Khổng Tử chê cách làm ơn như vậy, ông cho rằng đấy không phải nết của người chính trực, thẳng thắn, khó tránh khỏi tiếng là người lắt léo "mượn hoa cúng phật". Theo Khổng Tử, đấy còn là vấn đề chính danh. Vì vậy, chúng ta cũng nên suy nghĩ trước khi hành động, đừng coi là chuyện nhỏ.

25. Khổng Tử nói: "Những người dùng lời lẽ trau chuốt ngọt xớt, giả bộ hiền lành, cung kính thái quá, loại người này theo Tả Khâu Minh là rất đáng sỉ nhục. Khâu ta cũng cho là rất đáng sỉ nhục. Đem oán hận giấu kín ở trong lòng nhưng bề ngoài vẫn giả bộ hữu hảo với người, loại người như vậy Tả Khâu Minh cũng cho là đáng sỉ nhục. Khâu ta cũng cho là đáng sỉ nhục".

Lời bình:

Đoạn này phản ánh nhận thức tư tưởng của Khổng Tử tức Khổng Khâu.

Khổng Tử không tán thành hạng người mồm mép *ngon ngọt nịnh hót, quá mức cung kính*. Nhân là đạo

đức nội tại. Không chú trọng tu dưỡng từ nội tâm mà cứ dựa vào dẻo mồm, dẻo mép, giả bộ nịnh hót, thì đây là loại người bất nhân đáng sỉ nhục.

Con người ta nên trong tâm can và ngoài bộ mặt nhất trí với nhau. Tâm thành, bộ mặt cũng thành. Đây là người có nhân. Nếu nội tâm giận dữ, ngoài mặt giả bộ hiền lành, đây là giả nhân giả nghĩa.

Cả hai loại người này đều là giả dối, rất đáng sỉ nhục.

26. Nhan Uyên, Tử Lộ theo hầu Khổng Tử. Khổng Tử nói: "Các ngươi cứ nói nguyện vọng của mình xem sao?".

Tử Lộ thưa: "Con muốn đem xe ngựa, áo da của con cho các bạn cùng dùng, dù dùng đến hỏng cũng không oán hận".

Nhan Uyên thưa: "Con nguyện không phô trương ưu điểm của con, không tỏ rõ công lao của con".

Tử Lộ thưa với Khổng Tử: "Chúng con rất muốn nghe thầy nói về nguyện vọng của thầy".

Khổng Tử nói: "Nguyện vọng của ta là muốn cho người già được nuôi dưỡng đầy đủ, bạn bè tin cậy lẫn nhau, trẻ nhỏ được quan tâm chăm sóc".

Lời bình:

Thầy trò Khổng Tử nói về chí hướng, với ba trạng thái biểu hiện khác nhau, từ thấp đến cao, từ nông đến sâu, làm rõ tầng thứ của đạo *nhân.*

Tử Lộ hiểu về nhân là rộng rãi, khảng khái, không chỉ hưởng thụ một mình, không chỉ lo lợi ích cá nhân; có xe ngựa, áo quần, đồ dùng, thoải mái cho các bạn mượn, dùng hỏng cũng không kêu ca phàn nàn. Tử Lộ nghĩ như vậy đã có nhân đức chưa? Khẳng định là có nhưng chưa đủ.

Nhan Uyên hiểu về nhân là không phô trương tài cán, không biểu lộ công lao của mình. Đây đã phải là nhân chưa? Phải, nhưng còn quá hạn hẹp.

Khổng Tử hiểu về nhân là người già được nuôi dưỡng tử tế, bạn bè tin cậy lẫn nhau, trẻ nhỏ được quan tâm chăm sóc, nuôi nấng dạy dỗ. Khổng Tử đem tình yêu dành cho mọi người. Đây là *nhân* rất cao quý.

27. Khổng Tử nói: "Hết rồi, chẳng còn gì nữa! Ta chưa từng thấy người nào có thể phát hiện sai lầm của mình, lại còn biết tự kiểm điểm sai lầm của mình từ tâm can".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu thêm một biện pháp tu thân: người nào biết lỗi mà trong lòng tự trách phạt tức là hối ngộ rất sâu, chắc chắn sửa lỗi được. Khổng Tử chủ trương: có sai phải tự kiểm điểm, tức là tự triển khai đấu tranh từ nội tâm, tiến hành tự phê bình nghiêm túc. Đây là một biện pháp tu thân có hiệu quả. Thủ tiêu đấu tranh tư tưởng, thủ tiêu tự phê bình là không thể tiến bộ được. *Cá nhân không tự kiểm* điểm thì sa ngã.

Tổ chức đoàn thể không tự đấu tranh phê bình thì tan rã, mất sức chiến đấu.

28. Khổng Tử nói: "Một thôn có chục nhà thì nhất định có một người có phẩm chất trung tín như ta, chỉ có khác là không được ham học như ta".

Lời bình:

Khổng Tử rất khiêm tốn. Khổng Tử nói như trên, trung là trung với đạo nhân, tín là tín với đạo nhân. Người trung tín với đạo nhân và yêu thích đạo nhân rất nhiều, nhưng nhân học là môn đại học vấn, là nhân sinh quan, chỉ mới có trung tín với đức nhân thì chưa đủ, mà còn phải nỗ lực học tập không mệt mỏi, tích lũy dần dần mới có thể lĩnh hội, thể nghiệm, dần dần ngộ đạo, đắc đạo từng bước đạt đến *đạo nhân.*

Chương 6

UNG DÃ

1. Khổng Tử nói: "Nhiễm Ung, con người này có thể ngồi ngoảnh mặt về hướng nam".

Lời bình:

Ngồi ngoảnh mặt nhìn về phương nam, là nơi có nhiều ánh sáng nhất, tượng trưng cho quang minh chính đại, có ý ngồi ở ghế quan chức. Thời cổ đại, nơi làm việc của quan chức đều tựa lưng vào phía bắc, mặt

hướng về phương nam, cửa Ngọ môn hướng về phía nam cũng là ý như vậy.

Theo Khổng Tử, Nhiễm Ung, học trò của Khổng Tử, tự là Trọng Cung, là người khoan dung độ lượng, chất phác, uy nghiêm, có năng lực, có đức của người quân tử, con người như vậy có thể bổ nhiệm làm quan.

2. Trọng Cung hỏi Khổng Tử về Tang Bá Tử.

Khổng Tử nói: "Được, con người này làm việc biết giữ đúng lời hứa, chất phác giản dị".

Trọng Cung hỏi tiếp: "Nếu trong lòng biết kính trên nhường dưới, nghiêm túc cẩn thận, chất phác giản dị, giữ đúng lời hứa, không gây phiền hà cho dân, người như vậy lãnh đạo nhân dân chẳng tốt sao? Còn như trong lòng chỉ có giản dị, hơn nữa lại dùng phương pháp đơn giản để làm việc, như thế chẳng phải đơn giản thái quá chăng?".

Khổng Tử nói: "Ý của ngươi rất đúng".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu nguyên tắc làm việc phải giữ đúng lời hứa, giản dị không gây phiền hà cho dân chúng. Chúng ta thường nêu ra việc tang việc hỷ nên tổ chức chu đáo mà đơn giản tiết kiệm, có nghĩa là làm phải có nguyên tắc vừa độ, đó đều từ ý của Khổng Tử mà ra. Khổng Tử chủ trương lãnh đạo quản lý đất nước bao gồm nhiều vấn đề quan trọng, nên làm việc gì cũng phải xuất phát từ lương tâm, tính toán tỷ mỷ, nghiêm

túc cẩn thận thì trong lòng có chủ trương mà giải quyết thấu đáo được. Đối với dân, thủ tục đơn giản, giữ đúng lời hứa, không gây phiền phức, không để lãng phí nhân lực, vật lực, tài lực, tinh lực, đây là nguyên tắc quan trọng để lãnh đạo đất nước cũng như làm bất cứ việc gì. Còn người nào trước đã tự cư xử giản dị, thì trong lòng dễ giản đơn, không có chủ trương rõ ràng, giải quyết công việc sơ suất. Làm việc hệ trọng mà lại giản dị, sơ suất, như thế chẳng phải là sơ lược, giản dị thái quá chăng?

3. Vua Lỗ Ai Công hỏi: "Trong học trò của ngài có ai ham học nhất?".

Khổng Tử thưa: "Có một học trò tên là Nhan Hồi rất ham học. Trò ấy, khi giận ai thì không bao giờ giận qua người khác; đã phạm sai lầm nào thì không bao giờ tái phạm nữa. Có điều bất hạnh là mệnh của trò ấy quá ngắn, chết mất rồi. Bây giờ không có ai được như thế và cũng chẳng bao giờ nghe được có con người ham học như vậy nữa".

Lời bình:

Khổng Tử nêu lên nhận xét đối với học trò của mình là Nhan Hồi. Trong lời bình này thể hiện ba tư tưởng chủ yếu:

Nhan Hồi ham học: Khổng Tử cho rằng, người trung tín có rất nhiều trong thế gian, nhưng trung tín chưa đủ, mà còn phải học tập tu dưỡng nữa. Trong con mắt Khổng Tử, người ham học không nhiều, thực sự ham

học ở thời đó chỉ có một mình Nhan Hồi. Học ở đây là học điều nhân đức, lập chí thực hiện điều nhân.

Nhan Hồi không giận lây qua người khác: Giận dữ là nói về thái độ đối xử với một cá nhân. Nhưng nghĩa rộng còn là đem phẫn nộ, giận dữ trút sang người khác, phía khác. Người có đức nhân thì mừng giận đều là tại việc cả. Nhan Hồi giận vì việc chứ không phải vì mình nên chẳng lây đến người. Khổng Tử cho rằng, con người ta nên cố gắng học lấy điều nhân, theo tư tưởng của nhân mà yêu cầu mình, làm bất cứ việc gì đều phải quyết theo nhân chính, gặp việc bất nhân có thể phẫn nộ. Còn mọi trường hợp khác đều không nên phẫn nộ với người.

Nhan Hồi phạm sai lầm rồi không bao giờ tái phạm: Người thông minh (tri giả) không phải là không phạm sai lầm, mà là ở chỗ không tái phạm. Kẻ sĩ có nhân, cũng khó tránh khỏi sai lầm, nhưng phạm rồi thì biết sửa chữa, đồng thời biết rút ra bài học bảo đảm về sau không tái phạm nữa. Đấy là đạo của người quân tử vậy.

4. Tử Hoa đi sứ sang nước Tề.

Nhiễm Hữu thưa với Khổng Tử, tiện xe đi Tề cho mẹ Tử Hoa một ít lương thực. Khổng Tử nói: "Cho một vò gạo".

Nhiễm Hữu nài xin thêm một ít nữa. Khổng Tử nói: "Cho thêm một dũ, khoảng bốn đấu hai thăng nữa".

Nhưng Nhiễm Hữu mang cho năm binh, khoảng tám mươi đấu. Khổng Tử thấy thế nói: "Công Tây Xích (Tử Hoa) đi sứ nước Tề, ngồi xe có ngựa kéo, mặc áo da vừa

nhẹ vừa ấm. Ta thường nghe nói: người quân tử chỉ cứu tế cho người nghèo, không bao giờ cứu tế cho người giàu".

Lời bình:

Học trò của Khổng Tử là Công Tây Xích tự Tử Hoa đi sứ nước Tề. Nhiễm Hữu xin Khổng Tử mang cho mẹ Tử Hoa một số lương thực. Khổng Tử chỉ cho phép mang một ít thôi. Vì sao? Theo Khổng Tử thì Công Tây Xích đi sứ nước Tề ngồi xe sang trọng, mặc áo đẹp đẽ, không phải là người nghèo. Khổng Tử chủ trương chỉ cứu tế giúp đỡ cho người nghèo, đặc biệt là những người có khó khăn. Còn người giàu, cuộc sống không gặp khó khăn, tất nhiên không cần cứu tế. Thế mà Nhiễm Hữu lại nhân việc ấy để xin lúa, nhưng Khổng Tử khoan dung không muốn từ chối nên cho một ít để tỏ thái độ không nên cho. Nhiễm Hữu không hiểu lại nài thêm, ông cũng cho ít, càng tỏ rõ làm như vậy không nên. Khi biết Nhiễm Hữu cho nhiều, Khổng Tử đã phê phán nghiêm khắc. Tư tưởng *công bằng* của Khổng Tử thật hợp với đạo trời vậy.

5. Nguyên Tư làm tổng quản cho nhà Khổng Tử. Khổng Tử cho bổng lộc tiền lương là chín trăm đấu. Nguyên Tư cảm ơn không nhận. Khổng Tử nói: "Đừng từ chối, cứ lấy về mà cho người nghèo trong thôn".

Lời bình:

Khổng Tử là một tấm gương sáng chói trong thực hiện đạo nhân. Ông trước sau như một đều nghĩ đến

người nghèo, đồng tình với người già cả. Lời nói hết sức mộc mạc đã toát ra được nhân đức của Khổng Tử bao trùm cả thiên hạ.

6. Khi bàn đến Trọng Cung, Khổng Tử nói: "Con bê là con của con bò lang, mọc lông màu đỏ, hai sừng cân đối ngay ngắn. Người ta cho là vì mẹ nó lang nên không định dùng nó làm vật tế. Nhưng thần núi, thần sông có nỡ bỏ rơi nó đâu?".

Lời bình:

Trọng Cung có người cha hèn hạ, lại độc ác, nên những nhà cầm quyền không muốn dùng ông. Khổng Tử nói câu này nhằm làm ví dụ và an ủi Trọng Cung. Thời cổ đại rất suy tôn màu đỏ, khi tế thần núi thần sông nhất định phải dùng bò lông đỏ để làm vật hiến tế. Bò lang ở đây dùng để ví với cha Trọng Cung. Ý muốn nói, cha của Trọng Cung là người thấp kém, nhưng có con là Trọng Cung, một người có tài có đức, có thể ra làm quan (ví như con bò lông đỏ dùng để làm vật tế thần).

Ý của Khổng Tử rất sâu sắc, phản đối quan niệm cha truyền con nối. Ông không cho rằng chỉ con nhà dòng dõi mới nối tiếp được bước cha anh. Mặt khác, là người có tư tưởng dân chủ, ông cho rằng dù là con của người nghèo, chỉ cần có tài "trị quốc an dân" thì có thể làm quan.

Thái độ của Khổng Tử còn toát lên tư tưởng coi trọng sự giáo dục của gia đình và xã hội. Theo ông, con người

ta sinh ra không phải là đã biết tất cả, mà phải nhờ được học tập, giáo dục dần mới nên người. Tài cán của con người không phải khi sinh ra đã có đầy đủ, mà phải từ trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn bồi đắp nên.

7. Khổng Tử nói: "Nhan Hồi ư! Lòng dạ của trò ấy trong ba tháng không lúc nào xa rời đạo nhân. Các trò khác không được như vậy, chỉ là ngẫu nhiên làm việc nhân thôi".

Lời bình:

Đây là nhận xét của Khổng Tử đối với Nhan Hồi và những học trò khác. Nhan Hồi dù bất kỳ lúc nào ở đâu cũng không vi phạm điều nhân, thời gian càng dài, đức nhân của Nhan Hồi càng sáng tỏ.

Nhân là đạo đức cao nhất. Con người giữ được mình không vi phạm điều nhân là có thể *vô tư vô dục*. Không có dục vọng, không phải ưu phiền thì mới là người nhân đức. Nhan Hồi học và hiểu được đạo nhân, bồi dưỡng cho mình có nhân tâm, thực hành nhân nghĩa. Cho nên không bao giờ vi phạm điều nhân.

Các trò khác không được như vậy. Tuy có làm điều nhân nhưng ngẫu nhiên mà thôi. Cho nên một người làm việc tốt không khó, mà khó nhất là toàn tâm toàn ý, hết lòng vì đạo nhân, suốt cả một đời chỉ làm việc tốt hợp với đạo người và đạo trời.

8. Quý Khang Tử hỏi Khổng Tử: "Trọng Do có thể giao cho làm quan quản lý chính sự được không?".

Khổng Tử nói: "Trọng Do làm việc quả đoán, quản lý chính sự có gì là khó khăn?".

Quý Khang Tử lại hỏi: "Đoan Mộc Tứ có thể giao cho làm quan quản lý chính sự được không?".

Khổng Tử nói: "Đoan Mộc Tứ thông hiểu sự lý, quản lý chính sự có gì là khó khăn?".

Quý Khang Tử lại hỏi tiếp: "Nhiễm Cầu có thể giao cho làm quan quản lý chính sự được không?".

Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu đa tài đa nghệ, làm quan quản lý chính sự có gì là khó khăn?".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng người có một trong ba loại phẩm đức dưới đây có thể đề bạt làm quan. "Quả" là quả đoán, quyết đoán. "Đạt" là thông đạt, thông hiểu sự lý. "Nghệ" là đa tài đa nghệ.

Công tác quản lý chính sự là một loại công việc hết sức phức tạp, cho nên cần một tập thể nhân tài rất lớn. Công tác quản lý chính sự cần đủ mọi loại hình, mọi phẩm vị chức tước, ngoài ra còn cần đủ mọi loại năng lực khác nhau.

Công tác quản lý chính sự bao gồm nhiều mặt như chính trị, kinh tế, quân sự, dân sự, ngoại giao,... không những là phức tạp mà còn khẩn cấp. Xử lý công việc mà do dự không quyết đoán thì không thể làm bất cứ việc gì. Cho nên Trọng Do làm được quan vì có tính quả đoán.

Công tác quản lý chính sự có quan hệ đến quốc kế dân sinh, có quan hệ đến các vấn đề phức tạp đan xen, đến các loại mâu thuẫn tập trung một chỗ. Có lúc, vấn đề bộc lộ ra rất rõ ràng, có lúc lại rất kín đáo. Có lúc có thể nhìn rõ chân tướng của sự vật, có lúc chỉ nhìn rõ hình tượng giả của sự vật. Chỉ có cẩn thận chọn lọc, trừ giả lấy thật, trừ thô lấy tinh, thông qua cái này biết cái kia, từ bề ngoài nhìn thấu bên trong, mới có thể nắm chắc bản chất của sự vật, mới có thể giải quyết đủ loại mâu thuẫn một cách hợp lý đúng đắn. Cho nên Đoan Mộc Tứ làm được quan vì thông đạt nhiều sự lý.

Làm công tác quản lý chính sự chẳng những phải chú ý toàn cục, đại sự, mà những việc thuộc từng lĩnh vực cụ thể cũng phải biết cặn kẽ, lại phải trao đổi gặp gỡ tiếp xúc đủ loại người, giải quyết đủ loại vấn đề, đủ loại công việc. Cho nên chẳng những phải có những người có tài chuyên môn riêng biệt, nhưng thế vẫn chưa đủ, mà còn phải có người biết nhiều chuyên môn, biết sâu, biết rộng, tức là loại người đa tài đa nghệ. Cho nên Nhiễm Cầu làm được quan vì đa tài đa nghệ, không có cái gì Nhiễm Cầu không biết. Người như vậy được làm quan tất sẽ phát huy được nhiều mặt.

9. Họ Quý cho người mời Mẫn Tử Khiên làm quan tể đất Phí (đất được phong của họ Quý).

Mẫn Tử Khiên nói với người đến báo tin: "Xin ông khéo từ chối giùm tôi, nếu còn có người đến triệu tôi ra làm quan lần nữa, thì tôi nhất định lên thượng nguồn sông Vấn mà ở vậy".

Lời bình:

Mẫn Tử Khiên không muốn ra làm bề tôi cho nhà họ Quý vì ông trách họ Quý là người lộng quyền tiếm lễ. Ở với kẻ bất nghĩa mà có quyền thế, thì người cương trực hẳn mang họa, người nhu thuận hẳn chịu nhục. Mẫn Tử Khiên chẳng lẽ không biết như thế mà dự liệu ư? Hơn nữa, Mẫn Tử Khiên là học trò của Khổng Tử, có chí lập nhân, có chí hoàn thiện nhân cách của mình, không hề nghĩ đến làm quan.

Mỗi người có chí hướng riêng của mình, không thể cưỡng ép. Nếu người ta đã không thích mà buộc người ta làm tất nhiên là điều không tốt.

10. Bá Ngưu bị ốm, Khổng Tử đến thăm.

Qua cửa sổ, Khổng Tử cầm tay Bá Ngưu, nói: "Chết mất thôi, đây là mệnh rồi! Không ngờ người tốt như vậy lại mắc bệnh này! Người tốt như vậy lại mắc phải bệnh này!".

Lời bình:

Đây là tiếng than của Khổng Tử khi thấy Bá Ngưu mắc bệnh. Lời than này có hai ý:

Khổng Tử than rằng người tốt như thế chẳng đáng có bệnh lại mắc bệnh này, thật là không biết nói như thế nào nữa. Lời ấy biểu hiện sự thương tiếc của Khổng Tử đối với Bá Ngưu.

Khổng Tử coi như thế là tại mệnh cả. Mệnh ấy là mệnh trời. *Đã là mệnh thì không còn cách nào tránh*

được. Mắc bệnh hiểm nghèo, không có biện pháp nào chữa được, thì đó là mệnh, chứ không phải do chẳng đề phòng cẩn thận mà sinh ra.

Bá Ngưu được khen là người có đức hạnh ngang với Nhan Uyên và Mẫn Tử Khiên. Vì vậy, Khổng Tử than như vậy là tỏ ý rất thương tiếc.

11. Khổng Tử nói: "Nhan Hồi hiền đức biết bao! Một bương cơm, một bầu nước, ở trong một lều nhỏ, người khác không đủ kiên nhẫn để sống trong cảnh này, riêng Nhan Hồi vẫn không thay đổi niềm vui của mình. Nhan Hồi thật là hiền đức!".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nói về cuộc sống an bần lạc đạo của Nhan Hồi. Câu danh ngôn "Khổng Nhan lạc xử" được sinh ra từ tích này. Nhan Hồi ham học, đem lý tưởng đạo nhân hòa quyện trong máu của mình, quán xuyến trong ngôn hành của mình, lấy đức nhân làm mục tiêu sống ở đời trước khi về cõi chết. Nhan Hồi không cầu mong giàu sang phú quý, chỉ một bầu nước, một bương cơm mà vẫn vui vẻ lạc quan theo đuổi đạo nhân. Đây là giá trị tinh thần cao đẹp của Nhan Hồi.

Bản tính con người là chạy theo cái sướng, tránh xa cái khổ; ai cũng theo đuổi phú quý vinh hoa, an nhàn sung sướng; rất ít người muốn sống cảnh thanh bần để bảo đảm được khí tiết thanh cao. Trong khi mọi người đua đòi đời sống vật chất cao sang, thì việc đề xướng

tinh thần chấp nhận gian khổ vì sự nghiệp phục vụ nhân dân, đất nước làm niềm vui chân chính, là biểu hiện cụ thể tinh thần của đạo nhân trong thực tiễn.

Ngày nay, hàng nghìn, hàng vạn thanh niên trí thức tình nguyện xung phong đến chỗ khó khăn gian khổ nhất để giúp đỡ đồng bào vùng sâu vùng xa, vùng ít người,... cũng chính là những con người như vậy.

12. Nhiễm Cầu thưa: "Không phải con không thích đạo của thầy, mà là sức lực của con không đủ đấy thôi".

Khổng Tử nói: "Nếu sức lực không đủ, nửa đường sẽ phải bỏ dở. Như vậy ngươi đã tự vạch ra mốc giới để hạn chế mình, về cơ bản là không muốn tiến lên nữa".

Lời bình:

Ý kiến trung tâm của đoạn này là thích hay không thích đạo nhân. Đó không phải là vấn đề năng lực mà là vấn đề thái độ. Trên con đường tìm hiểu đạo nhân, không tồn tại vấn đề năng lực có đủ hay không, mà là có lập chí làm điều nhân hay không? Chỉ cần nỗ lực học tập và thực hiện trong thực tế, lúc nào cũng theo tiêu chuẩn của đức nhân để yêu cầu mình, thì nhất định đạt tới điều nhân. Nếu tự mình thấy năng lực không đủ, không theo đuổi được, coi như nửa đường bỏ dở, như vậy là tự mình hạn chế mình.

Chúng ta thấy một số người về mặt tu dưỡng đạo đức không có mấy tiến bộ hay tiến bộ chậm, đó là vì những người ấy không muốn tiến bộ, không nghiêm khắc yêu cầu mình mà thôi.

13. Khổng Tử nói với Tử Hạ: "Ngươi nên trở thành một người học trò thuộc loại quân tử chứ không nên trở thành một người học trò thuộc loại tiểu nhân".

Lời bình:

Câu này yêu cầu học trò trở thành một phần tử có tri thức có đạo đức, chứ không phải là một kẻ tiểu nhân có học vấn.

Ở đây Khổng Tử nêu ra yêu cầu đối với học trò trên ý nghĩa thống nhất đức và trí. Đức và trí từ trước đến nay đều thống nhất với nhau. Một người có tri thức, có học vấn, còn cần phải có đạo đức. Chỉ có sự thống nhất giữa đạo đức và học vấn, đạo đức cao thượng và học vấn tinh sâu mới là một con người toàn diện, thực sự giúp ích cho đời. Đấy là đạo học của hạng quân tử.

Nếu chỉ học lấy tri thức, mà không chú ý tu dưỡng đạo đức, thì chỉ là hạng tiểu nhân mà thôi, vì tri thức đó chỉ là thứ trang sức che giấu hành vi bất nhân của mình. Học vấn như vậy có tác dụng gì?

14. Tử Du làm quan tể ấp Vũ Thành.

Khổng Tử hỏi: "Ngươi làm ở đây có phát hiện ai là người cộng sự tài giỏi không?".

Tử Du thưa: "Có một người tên là Đam Đài Diệt Minh, đi đường thì không đi lối tắt, không vì việc công thì không bao giờ đến chỗ con".

Lời bình:

Đây là bàn luận về nhân tài giữa Khổng Tử và Tử Du. Tử Du phát hiện một nhân tài. Người này có hai đặc điểm.

Đi đường không đi lối tắt: Người như vậy hẳn không theo tà đạo, không quỵ lụy luồn lách, làm việc quang minh chính đại, không xa rời đạo nhân, lại có ý làm việc gì cũng cẩn thận đến nơi đến chốn chứ không muốn vội vàng cho xong.

Không có việc công không đến cửa quan: Đến cửa quan là để báo cáo công việc, bàn bạc góp ý kiến về đại sự; vì việc công mà cũng là vì điều nhân. Không vì việc công mà cứ đến cửa quan, thường là vì tư lợi. Qua đó đủ thấy Đam Đài Diệt Minh là con người hết sức thẳng thắn, có nhân cách, không chịu quỵ lụy để theo người.

Xem hai việc nhỏ của ông Đam Đài Diệt Minh mà có thể biết đấy là người hiền tài, như thế Tử Du cũng đáng là bậc quân tử. Đời sau, không chịu đi theo đường tắt, dễ bị xem là người câu nệ; chẳng đến nhà cấp trên, dễ bị cho là giản lược. Cho nên, nếu không học đạo thánh hiền thì làm sao biết được người như Đam Đài Diệt Minh là người tài mà dùng?

15. Khổng Tử nói: "Mạnh Chi Phản không bao giờ thích phô trương công lao của mình. Khi quân đội thất bại phải rút lui, Mạnh Chi Phản ở cuối cùng đoàn quân. Khi về đến cửa thành của mình, Mạnh Chi Phản dùng

roi quất vào ngựa nói: không phải là ta dám ở đằng sau, mà là vì ngựa không chịu tiến lên đấy!".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử khen ngợi người không thích phô trương thành tích của mình. Mạnh Chi Phản ở đằng sau là nhằm yểm hộ người khác rút lui, đấy là thành tích của mình nhưng lại đổ cho ngựa không chịu tiến. Thật là một hình ảnh hết sức khiêm tốn, không đề cao công lao của mình. Thật xứng đáng là hành động của người quân tử, luôn sẵn sàng xả thân vì mọi người, vì đất nước. Ngược lại, những ai chỉ biết mình mà không biết người khác, sẽ không hiểu được quy luật tự nhiên, tất sẽ không có sự nghiệp thành đạt.

16. Khổng Tử nói: "Nếu không có mồm mép nói dễ nghe như Chúc Đà và vẻ đẹp như công tử Triều nước Tống thì đời nay khó mà tránh được người ta ghét bỏ, xa rời".

Lời bình:

Đây là lời nói biểu thị sự phẫn nộ cảm thương của Khổng Tử đối với xã hội đương thời. Khổng Tử đề xướng đạo nhân, cho rằng kẻ không có đức nhân mà chỉ giỏi mồm mép nịnh hót, lấy sắc đẹp để mua chuộc người là bất nhân. Thời ấy trong xã hội đang suy, người ta chẳng quan tâm đến đức nhân, chỉ ưa nịnh hót và sắc đẹp. Cho nên Khổng Tử cảm khái nói thời ấy nếu không có mồm

mép, không có bộ mặt đẹp thì sẽ bị người ta chán ghét, xa rời.

17. Khổng Tử nói: "Ai mà không phải đi qua cửa rồi mới ra khỏi nhà? Vậy mà tại sao không có ai đi theo đạo (làm người) này?".

Lời bình:

Khổng Tử nói câu này có ý tứ rất sâu sắc. Người ta biết ra khỏi nhà phải qua cửa mà không biết ra đời phải có đạo lý. Như thế là người ta đã tự xa rời đạo lý rồi. Đạo nhân của Khổng Tử là đạo lý lớn trong thiên hạ, là đạo trung quân để trị nước, là đạo hiếu kính cha mẹ để trị gia, là đạo để anh em hòa thuận, trên dưới nhường nhịn lẫn nhau. Không đi theo đạo lý này, không thực hành nhân nghĩa thì làm sao giải quyết công việc của người được? Làm sao có thể xây dựng được sự nghiệp thành công?

18. Khổng Tử nói: "Chất phác mà bỏ qua văn vẻ thì thô tục. Văn vẻ mà bỏ qua chất phác thì phù phiếm. Văn vẻ và chất phác hài hòa với nhau mới là người quân tử".

Lời bình:

Khổng Tử bàn về mối quan hệ giữa chất phác và văn vẻ trong bản tính con người. Khổng Tử phân bản tính con người ra hai loại. Một loại là bản chất của bản tính. Đây là bản tính có trước, bản tính nội tại, bản tính tự

nhiên của con người. Một loại nữa là do sự tu dưỡng giáo dục sau này của con người mà hình thành, tức là hình thức của bản tính biểu hiện ra bên ngoài, như tác phong, dáng vẻ, điệu bộ lịch sự. Nếu mặt nội tại tương đối chất phác, mà mặt tu dưỡng văn hóa kém, thiếu hình thức biểu hiện nội tại, thì sẽ sinh ra thô thiển, thô tục. Nếu bản tính nội tại chưa thật chất phác mà sự trau chuốt bên ngoài lại có dư, văn hoa lịch sự lắm, thì dễ sinh ra giả dối, phù phiếm, thiếu thực chất bên trong. Chỉ khi hai mặt chất phác và văn vẻ kết hợp hài hòa, nội dung và hình thức song song, điều hòa phối hợp thích đáng, mới là một người có đạo đức cao thượng.

19. Khổng Tử nói: "Con người ta sống được là nhờ ngay thẳng. Kẻ không ngay thẳng tuy nhiên cũng sống được, nhưng chẳng qua nhờ may mắn mới tránh được tai họa đó thôi".

Lời bình:

Khổng Tử rất coi trọng ngay thẳng, coi trọng đến mức đem ngay thẳng xem là sinh mệnh của mình. Ngay thẳng ở đây là thi hành đạo nhân nghĩa. Giá trị của mạng sống là ở chỗ nào? Giá trị của mạng sống là ở chỗ ngay thẳng, ở chỗ nhân nghĩa. Nhân nghĩa là giá trị của sinh mệnh.

Một kẻ bất nhân bất nghĩa, trên không tín nhiệm, dưới không phục, ở nhà không đoàn kết hòa mục với anh em, ở xã hội bị mọi người xa lánh, thì sẽ gặp phải

trắc trở thất bại ở khắp mọi nơi. Kẻ như vậy sẽ không sống nổi, nếu có sống được chỉ là nhờ gặp may mắn mà thôi.

20. Khổng Tử nói: "Đối với đạo, hiểu đạo lý không bằng ham thích đạo lý, ham thích đạo lý không bằng thi hành đạo lý mà lấy đó làm niềm vui".

Lời bình:

Đối với đạo nhân, Khổng Tử cho rằng có ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất là hiểu đạo lý: Đó là nhận biết về điều nhân, hiểu đạo nhân. Cụ thể mà nói là biết được tầm quan trọng của đạo nhân, biết nội dung cụ thể của đạo nhân, biết được mục đích của đạo nhân, biết được phương pháp thực hiện đạo nhân. Loại biết này mới xem đức nhân là một loại tri thức, một loại học vấn để hiểu.

Giai đoạn thứ hai là ham thích đạo lý: Đó là rất yêu thích đức nhân, thích theo đuổi đức nhân, xem đức nhân là mục tiêu cao quý nhất của cuộc đời, phấn đấu không mệt mỏi để đạt cho được đạo nhân.

Giai đoạn thứ ba là vui thích thực hiện điều nhân: Đó là hưởng thụ tinh thần của mình, hưởng thụ cái đẹp của mình, hưởng thụ cái văn minh của đời người, theo đuổi và thực hiện đến cùng điều nhân, đạt đến chí chân, chí thiện, chí mỹ.

Tóm lại, đối với đạo nhân, người ta có thể hiểu nó là đạo lý hay xem nó là mục tiêu để theo đuổi, hoặc là xem

thực hiện được điều nhân là niềm đam mê của mình. Ba tầng thứ đó, tầng sau cao hơn tầng trước một bậc. Đây là ba giai đoạn khác nhau trong đạo học của người xưa, phải chăng vì thế mà biết phấn đấu không khi nào ngơi nghỉ?

21. Khổng Tử nói: "Người có trí lực bậc trung trở lên có thể dạy cho họ những đạo lý cao sâu. Người có trí lực từ bậc trung trở xuống không thể dạy cho họ những đạo lý cao sâu".

Lời bình:

Về mặt trí lực, Khổng Tử đem người phân ra làm ba loại. Một loại đặc biệt thông minh, gọi là thượng đẳng. Một loại là người trung bình, gọi là trung đẳng. Một loại là người kém cỏi ngu đần, gọi là hạ đẳng. Theo Khổng Tử, chỉ có người bậc trung trở lên mới có thể truyền thụ cho họ đạo lý cao sâu. Còn người hạ đẳng không thể truyền thụ cho họ đạo lý cao sâu.

Khổng Tử đem trí lực con người phân ra ba loại, mục đích là để căn cứ khả năng nhận thức của từng hạng người mà có cách giáo dục phù hợp (nhân tài thi giáo), giúp cho người học tiến dần đến bậc cao hơn.

Nhưng cũng có những nhà tư tưởng Nho gia như Vương Dương Minh không tán thành cách phân loại khả năng nhận thức theo loại người như vậy, mà cho rằng khắp đường phố đều là thánh nhân, mọi người ai ai cũng có thể tu dưỡng mình trở thành người có đạo đức, có trí tuệ. Ý kiến như vậy nếu đem mà áp dụng cho

dạy học, sẽ dẫn đến tệ dạy vượt bậc, khiến cho người học hiểu không thấu được.

22. Phàn Trì hỏi Khổng Tử về đức trí.

Khổng Tử trả lời: "Đưa hết tâm trí, sức lực làm tốt mọi việc cho dân. Tôn kính quỷ thần nhưng phải tránh xa quỷ thần. Được như vậy có thể gọi là người có đức trí".

Phàn Trì hỏi tiếp về đức nhân.

Khổng Tử trả lời: "Người có đức nhân là người trước hết biết chịu đựng gian khổ, làm những việc khó khăn, rồi sau mới thu hoạch. Được như vậy mới gọi là người có đức nhân".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, người được gọi là có đức trí phải đạt được hai mặt: Thứ nhất là phải làm tốt mọi việc cho dân. Có nghĩa là người có đức trí phải biết quan tâm đến dân, phải lo nghĩ đến ăn mặc, nhà ở và việc đi lại của dân, hiểu được lòng dân, yêu quý dân, phải hiểu được hiện nay dân ăn như thế nào, mặc áo gì, nhà cửa ở ra sao, đắp chăn gì, dùng thuốc nào,... tất cả đều phải vì dân mà nghĩ, mà làm tốt cho dân. Thứ hai là phải tôn kính quỷ thần, nhưng phải tránh xa quỷ thần. Quỷ thần có hay không, còn là vấn đề chưa giải quyết được, người tin vào quỷ thần thì bị mê hoặc, người không tin quỷ thần thì lại không kính trọng. Vì vậy, giữ thái độ tôn kính nhưng tránh xa quỷ thần, mới gọi là người có đức trí vậy.

Khổng Tử cho rằng người có đức nhân là người phải nỗ lực chịu đựng gian khổ lao động rồi sau mới có thu hoạch, tức là không làm điều gì bất nghĩa, sống bằng sức lao động chính đáng của mình. Nếu bất nghĩa mà có được, không làm mà có ăn thì đấy là kẻ không có đạo đức, là kẻ bất nhân. Vậy nên ông Phạm Trọng Yêm đời Tống đã nói rõ thêm ý của Khổng Tử: "Lo trước khi thiên hạ lo, vui sau khi thiên hạ vui". Thiết nghĩ, đời nào cũng vậy, ai làm được như thế thật đáng khâm phục.

23. Khổng Tử nói: "Người có đức trí ưa thích nước, người có đức nhân ưa thích núi. Người có đức trí thì động, người có đức nhân thì tĩnh. Người có đức trí thì vui vẻ lạc quan, người có đức nhân thì trường thọ".

Lời bình:

Khổng Tử so sánh người có đức trí với người có đức nhân. Con người có nhiều loại, nên tính cách cũng khác nhau, hứng thú cũng khác nhau, tư tưởng, suy nghĩ, nguyện vọng cũng khác nhau.

Con người thích cái gì, thích vật gì thì cái đó, vật đó là biểu hiện bên ngoài của tâm linh, tâm hồn người đó. Người có đức trí thông suốt lý lẽ của mọi việc, nhận thức sự việc nhạy bén, không ngừng trệ, giống như nước, nên người có đức trí rất ham thích nước.

Người có đức nhân nói chung đều có tính cách ổn định, tinh thần cao cả, có tính thận trọng không đổi dời, giống như núi, nên người có đức nhân ham thích núi.

Người có đức trí ưa thích hành động, hiếu kỳ, thích tìm tòi điều mới lạ, sự vật mới lạ.

Người có đức nhân ổn định, trầm tĩnh, đối với sự vật thường có tư lự trầm tư.

Người có đức trí có hứng thú trong cuộc sống, tự tại lạc quan.

Người có đức nhân thì lúc nào cũng giữ được bình tĩnh, trước sóng gió không kinh hãi, tính tình trầm tư, không hoang mang, dao động, thường thường có thể trở thành người trường thọ.

Nếu không phải là bậc chí thánh, không thể nào hình dung được người có đức nhân, người có đức trí như thế!

24. Khổng Tử nói: "Đem chính sách của nước Tề thay đổi một bước thì có thể giống như nước Lỗ hiện nay. Đem chính sách của nước Lỗ thay đổi một bước thì có thể đạt đến trình độ văn minh, đúng như đạo của tiên vương".

Lời bình:

Khổng Tử chủ trương nhân trị. Theo Khổng Tử, nước Tề lúc ấy đã quá xa đạo, đã để lễ chế nhà Chu mất đi quá nhiều. Nước Lỗ còn trọng lễ giáo, lễ chế nhà Chu còn được duy trì, mà lễ chế nhà Chu là nhân. Khổng Tử cho rằng: nước Tề chỉ cần thay đổi một số chính sách là có thể đạt được như nước Lỗ, nước Lỗ chỉ cần thay đổi một số chính sách là tiếp cận được với đạo nhân rồi. Câu

nói trên chứng tỏ Khổng Tử hết sức ủng hộ và duy trì đạo nhân, ủng hộ duy trì lễ chế nhà Chu.

25. Khổng Tử nói: "Cái bình đựng rượu không có cạnh góc gì cả! Đây cũng là bình đựng rượu ư? Đây cũng là bình đựng rượu ư?".

Lời bình:

Khổng Tử dùng cái bình đựng rượu để nói về lễ chế nhà Chu, về chính danh. Khổng Tử hết sức suy tôn lễ chế nhà Chu, chủ trương không được thay đổi lễ chế nhà Chu hoặc giả danh lễ chế nhà Chu để làm điều vô đạo. Bình đựng rượu đã không ra cái bình đựng rượu nữa rồi, tức là hữu danh mà vô thực rồi. Đồ dùng ở thời đại nhà Chu đã bị thay đổi hình dáng, thể hiện nhiều mặt của lễ chế nhà Chu đã thay đổi nên Khổng Tử không vừa lòng. Vấn đề này thật không nhỏ, vì thiếu gì kẻ lợi dụng danh nghĩa để làm khác đi, làm điều xằng bậy. Gọi là bình đựng rượu mà có phải bình đựng rượu đâu?

26. Tể Ngã hỏi Khổng Tử: "Nếu nói với người có đức nhân rằng: có một người rơi xuống giếng, thì anh ta có dám nhảy xuống cứu vớt không?".

Khổng Tử nói: "Sao phải làm như vậy? Người quân tử là người tìm cách cứu người, chứ không thể nhảy xuống giếng mà hại thân. Người quân tử có thể bị lừa bởi những điều có lý, nhưng không thể bị hãm hại bởi những lời xằng bậy vô lý".

Lời bình:

Đoạn này nhân việc Tể Ngã hỏi, Khổng Tử bàn về đạo của người quân tử. Tể Ngã nêu ra một ví dụ, có người rơi xuống giếng, người nhân có nên nhảy xuống để cứu không?

Khổng Tử cho rằng: nếu nhảy xuống, mà có năng lực vớt người lên, được như vậy là rất tốt. Đó là không quản nguy hiểm, quên mình để cứu người. Nhưng nếu nhảy xuống giếng, mà không có đủ năng lực, không vớt được người lên, thậm chí có thể bị chìm nghỉm trong nước, thì vì sao lại phải nhảy xuống? Theo Khổng Tử, một người có đạo đức nên nghĩ cách cứu người, phải tùy theo tình hình cụ thể lúc ấy mà quyết đoán, tìm trăm phương nghìn kế, không tiếc sức mình để cứu người. Đồng thời Khổng Tử cũng bác bỏ giải pháp của Tể Ngã nêu ra, bởi vì làm như vậy chỉ là rước lấy tiếng nhân (thương người) ngu muội. Khổng Tử chủ trương nhân, trí, dũng phải bổ túc cho nhau và áp dụng theo đúng hoàn cảnh và bổn phận, đạt được mục đích của mình. Như vậy mới thật sự đúng đắn, sáng suốt.

27. Khổng Tử nói: "Người quân tử học rộng về văn chương, lại biết dùng lễ để chế ước ràng buộc mình, được như vậy sẽ không bao giờ xa Kinh phản Đạo".

Lời bình:

Người quân tử muốn học cho rộng, nên về văn chương thời cổ đại (thi thư, lục nghệ) không cái gì không xét đến. Nhưng nếu học rộng về văn chương mà chẳng

dùng lễ để chế ước ràng buộc mình thì dễ hư xấu, lãng mạn; còn biết giữ lễ làm chuẩn mực để noi theo thì có thể không trái với đạo lý. Vì vậy Khổng Tử mới nói: học tập văn hóa truyền thống, thông hiểu lịch sử nước nhà, lại biết giữ mình theo lễ nghĩa đạo đức thì sẽ không bao giờ xa Kinh phản Đạo.

28. Khổng Tử đến gặp nàng Nam Tử, Tử Lộ thấy thế không vui. Khổng Tử thề rằng: "Nếu ta làm việc gì không hợp lễ thì trời sẽ trừng phạt ta, vứt bỏ ta!".

Lời bình:

Nam Tử là vợ của vua Vệ Linh Công. Thời ấy, thực quyền nước Vệ nằm trong tay Nam Tử, người đàn bà này rất đẹp, nhưng nhiều tai tiếng. Theo phong tục nước Vệ thì người nào muốn làm quan đều phải đến ra mắt vợ vua. Nhưng Khổng Tử đến, Tử Lộ lại không vui tý nào. Từ điều này có thể biết Tử Lộ rất trung thực, thẳng thắn, trong lòng không vui là tỏ ra không vui, cho dù là thầy của mình. Mặt khác, Tử Lộ đánh giá thầy rất cao, chỉ sợ Khổng Tử gặp nàng Nam Tử rồi để lại tiếng xấu chăng. Khổng Tử phải thề với học trò là mình có làm điều gì xấu thì sẽ bị trời trừng phạt, vứt bỏ. Khổng Tử cẩn thận thề như vậy, chứng tỏ Khổng Tử rất tôn trọng và hiểu học trò của mình, nhưng cũng vì việc công mà chẳng nề hà đến gặp Nam Tử.

29. Khổng Tử nói: "Đạo đức trung dung này rất mực tốt đẹp. Từ rất lâu, dân chúng đã thiếu hẳn đạo đức này".

Lời bình:

Trung dung là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của Khổng Tử. Đạo Khổng Mạnh là đạo nhân, là đạo trung dung. Trung ở đây là không thiên không lệch bên nào. Dung ở đây có nghĩa là dụng, sử dụng. Trung dung chính là trung dụng, biết sử dụng chữ trung, điều trung để đạt đến điều tốt nhất, không để lại cái gì thái quá hoặc bất cập. Đạo trung dung yêu cầu lúc nào cũng sử dụng điều trung, ở đâu cũng áp dụng điều trung, việc nào cũng áp dụng điều trung, nhờ vậy mới tránh được cực đoan, mới có được tính toàn diện.

30. Tử Cống hỏi: "Giả dụ có một người đưa lại nhiều điều tốt đẹp cho dân chúng, lại có thể giúp đỡ mọi người có cuộc sống ấm no, người như vậy có thể xem là người có đức nhân không?".

Khổng Tử nói: "Người như vậy, không chỉ là người có đức nhân mà còn là bậc thánh nhân nữa! Vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó mà làm được như vậy! Còn như người có đức nhân là người biết mình đã lập nên sự nghiệp rồi, cũng muốn người khác lập nên sự nghiệp; mình thành đạt cũng muốn người khác thành đạt; phàm làm việc gì cũng biết lấy mình để đối chiếu, lấy mình làm thử để hiểu biết ý muốn của người. Đó là phương pháp để trở thành người có đức nhân vậy".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, để trở thành bậc thánh nhân là một việc khó thực hiện, và không thực tế. Nhưng để trở

thành người có đức nhân, thì ai cũng có thể làm được và như vậy đã quý lắm rồi. Để trở thành người có đức nhân cần có những điều kiện nào? Khổng Tử nói cần có ba điểm:

Mình đã làm nên sự nghiệp, cũng muốn người khác làm nên sự nghiệp: Con người ta thường mắc phải bệnh hại người để lợi mình. Mình muốn có địa vị, chỗ đứng trong xã hội lại thường bài xích người khác, lật đổ người khác, triệt phá người khác. Khổng Tử cho rằng: điều mà người khác không vượt qua được thì tất nhiên mình cũng rất khó vượt qua. Chỉ có mình muốn thành đạt, trước hết hãy mong cho người thành đạt, sau đó mình mới đạt được mục đích.

Mình muốn thành đạt cũng muốn người khác thành đạt: Con người ta thường mắc phải bệnh đố kỵ, ghen ghét người có, cười chê người không có; chỉ biết vui mừng khi thấy mình hưng thịnh, mà không vui mừng khi thấy người hưng thịnh. Loại người này tính đố kỵ rất mạnh. Nhưng thường thì đố kỵ người, người cũng sẽ đố kỵ lại, như vậy người khác cũng không được việc mà bản thân cũng không được việc. Cho nên Khổng Tử chủ trương: mình muốn thành đạt cũng nên để cho người khác thành đạt.

Phàm làm việc gì cũng biết lấy mình để đối chiếu, lấy mình làm thử để hiểu biết ý muốn của người: Một người đối với mọi người, nhân hay bất nhân, có thể nhìn rất rõ từ bản thân mình. Người ta thường nói "lấy mình làm gương", "lấy mình làm nguyên tắc". Mình muốn được thì

trước hết cũng mong cho người khác được. Mình có khó khăn rất mong người khác đến giúp đỡ; người khác có khó khăn, tốt nhất mình đưa tay ra giúp đỡ trước. Đây chẳng phải là việc của người có đức nhân hay sao?

Chương 7

THUẬT NHI

1. Khổng Tử nói: "Ta chỉ thuật lại mà không sáng tác. Ta tin tưởng và hâm mộ văn hóa cổ. Ta trộm ví mình như Lão Bành".

Lời bình:

Khổng Tử cả đời phụng sự sự nghiệp giáo dục. Khổng Tử chỉ giải thích trình bày, chứ không sáng tác tùy tiện đem ý riêng của mình làm sai lạc đạo của người xưa, vì theo ông đạo thánh hiền (văn hóa cổ) là chân lý, là những điều tốt đẹp cả rồi, chỉ cần hiểu và thực hiện nữa thôi. Trước trí tuệ và sự nghiệp cao cả của ông, mọi người đều kính trọng và coi ông như bậc Chí Thánh. Nhưng Khổng Tử rất khiêm tốn, ông thường tự ví mình như ông Bành Tổ thời cổ đại, sở dĩ được mọi người thương yêu vì hiền lành và sống lâu như ông Bành.

2. Khổng Tử nói: "Im lặng nhớ kỹ những điều đã học được; kiên trì học tập không biết chán, dạy bảo người khác không biết mệt mỏi. Trong ba việc này ta đã làm được việc nào?".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nêu ra ba yêu cầu đối với mình:

Im lặng nhớ kỹ những điều đã học được: Điều này Khổng Tử muốn nói rằng có hai phương pháp đọc sách và học tập kiến thức và do đó sẽ có hai kết quả. Một phương pháp là im lặng đọc, im lặng học sẽ làm cho mình hiểu kỹ và nhớ sâu. Một phương pháp là đọc to, đọc to là lĩnh hội cho được vần điệu, phong cách ý cảnh. Khổng Tử chủ yếu đọc sách lịch sử, sách về lễ chế nhà Chu, cho nên Khổng Tử chủ trương im lặng đọc và học.

Kiên trì học tập không biết chán: Học tập cần phải có sự nỗ lực cố gắng lâu dài, dần dần mới nắm vững và lý giải thông suốt. Nhất là đối với đạo nhân, những tri thức về mặt luân lý đạo đức, cần không ngừng lĩnh hội và thực hiện trong thực tiễn, rồi lại lĩnh hội từ thực tiễn, mới biến thành hành động tự giác của mình. Cho nên cần có thái độ học tập không thỏa mãn mới đạt đến thành công.

Dạy bảo người không mệt mỏi: Cả đời Khổng Tử trung thành với sự nghiệp giáo dục, yêu sự nghiệp giáo dục, quan tâm và yêu mến học trò của mình. Muốn được như vậy phải có thái độ dạy bảo người không mệt mỏi.

Ba việc này chưa phải là những điều hay rất mực của thánh nhân, thế mà ông còn luôn soi xét trong lòng, lời đã khiêm tốn lại càng khiêm tốn hơn.

3. Khổng Tử nói: "Đức hạnh không tu dưỡng, học vấn không giảng giải, nhìn thấy việc nghĩa không làm, tự có

điều sai (bất thiện) không chịu sửa chữa, những điều này là nỗi lo của ta".

Lời bình:

Đoạn này nói về bốn nỗi lo của Khổng Tử: lo về mặt tu dưỡng đạo đức không có mấy tiến bộ; lo những điều đã học được của mình và mình cho là rất đúng không được thường xuyên giảng lại cho học trò, truyền thụ cho học trò; lo nhìn thấy việc nhân nghĩa, biết đó là việc nhân nghĩa mà bó tay không thể thực hiện được; lo mình có sai mà không sửa chữa được.

Bốn điều lo của Khổng Tử là bốn điều lo của bậc thánh nhân, của người có đức. Chúng ta thường thấy một số người lo không được thăng quan tiến chức, lo không phát tài, lo thân thể mắc bệnh, lo ăn không ngon, ngủ không yên, lo không có danh lợi, lo công tác không được sắp xếp thỏa đáng... Đã có mấy người lo tu dưỡng đạo đức, lo không được giảng dạy học vấn, lo thấy việc nhân nghĩa mà bó tay, lo mình có sai không sửa được? Khổng Tử là bậc thánh nhân còn lo như vậy, huống hồ là kẻ sĩ?

4. Khi Khổng Tử ở nhà dáng dấp rất thoải mái, trên mặt biểu lộ thần thái hết sức hòa vui.

Lời bình:

Câu này miêu tả tâm thái dung dị, thoải mái khi Khổng Tử nhàn rỗi ở nhà. Bậc thánh nhân khi nhàn rỗi, sống rất thoải mái, bình dị; không vì nhàn rỗi mà cảm

thấy cô quạnh, phiền não. Người ta khi nhàn rỗi thường phóng túng dẫn tới "nhàn cư vi bất thiện" hoặc quá nghiêm túc mà mất vẻ thoải mái, hòa vui.

Vì thế, giữ được tâm thái dung dị, thoải mái trung hòa khi nhàn rỗi thì chỉ có bậc thánh nhân mới làm được.

5. Khổng Tử nói: "Ta già yếu lắm rồi! Đã từ rất lâu, ta không còn mộng thấy Chu Công nữa!".

Lời bình:

Khổng Tử rất sùng bái Chu Công, biểu hiện lòng tin khôi phục lại lễ chế nhà Chu. "Ta già yếu lắm rồi! Đã từ rất lâu, không còn mộng thấy Chu Công nữa!", câu nói này biểu thị nỗi lo lắng của Khổng Tử khi thấy lễ chế nhà Chu không được phục hồi, lo lắng không kế nhiệm nổi truyền thống văn hóa cổ đại.

6. Khổng Tử nói: "Lập chí vì đạo, giữ vững lấy đức, noi theo điều nhân, vui chơi trong lục nghệ".

Lời bình:

Đoạn này nói về chí hướng của Khổng Tử.

Một là lập chí vì đạo nhân: Đó là đem đạo nhân làm mục tiêu phấn đấu suốt đời của mình. Không kể khó khăn, gian khổ đến mấy, phiêu bạt khắp góc bể chân trời, mục tiêu này trước sau không bao giờ thay đổi.

Hai là kiên trì giữ vững đạo đức: Đức là quy phạm của hành vi, là đưa đạo đức vào thực tiễn. Một người có

nhân, còn phải có đức, biểu hiện đức nhân trong hành động, biến nhân tâm thành hành động tự giác của mình.

Ba là noi theo điều nhân: Đó là tuân thủ đạo đức, không vi phạm phản bội điều nhân. Nội dung của nhân là trách nhiệm mà trong mối quan hệ giữa con người với nhau phải có tác dụng làm cho người ta yêu mến lẫn nhau. Nhân của Khổng Tử là trách nhiệm của mọi người trước sau phải gánh vác, là yêu mến lẫn nhau.

Bốn là vui chơi giải trí trong "lục nghệ": "Lục nghệ" là chỉ: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư và số. Đây là những nội dung Khổng Tử thường dạy bảo học trò của mình. Những việc ấy đều hợp lẽ, thường dùng hàng ngày. Nếu sớm tối vui chơi những việc ấy thì giúp ích cho nhiều việc mà lòng không phóng đãng.

7. Khổng Tử nói: "Chỉ cần tự mình dâng lên một xâu thịt khô làm lễ xin học, thì ta chưa từng bao giờ từ chối ai làm học trò của ta".

Lời bình:

Người ta sinh ra ai cũng có tính tốt trời phú cho, nên Khổng Tử đối với mọi người, không có ai mà không muốn đưa vào đường thiện. Khổng Tử ý muốn nói rằng ông không quan tâm tới lễ vật, chỉ cốt có lòng thành, bởi kẻ sĩ chỉ có thành tâm mới theo học đạo lý tới cùng được.

8. Khổng Tử nói: "Kẻ nào không ấm ức vì chưa hiểu được, thì ta chẳng gợi mở cho mà thông hiểu được. Kẻ

nào không hậm hực vì không bày tỏ ý kiến ra được, thì ta chẳng hướng dẫn cho mà nói được. Người học đã biết rõ một góc mà chẳng biết xét để biết ba góc kia thì ta chẳng dạy kẻ ấy nữa".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nói về cách dạy học trò.

Đối với học trò, khi chưa khổ công học tập đến mức hiểu được vấn đề thì đừng vội gợi ý ngay. Trong quá trình dạy học, thầy phải suy nghĩ cách gợi ý cho học trò. Chỉ có sự gợi ý đúng lúc mới làm cho học trò chịu khó suy nghĩ. Đó là khi trong nhận thức học trò đã cảm thấy cầu thông hiểu mà ấm ức vì vẫn chưa hiểu được, lúc ấy mới gợi ý, giúp đỡ thì học trò sẽ thông suốt.

Học trò khi muốn nói mà không nói ra được, thì đừng vội thay trò nói ra. Chỉ đến lúc trò đã cố gắng hết sức mình, nhận thức đạo thánh hiền đã gần sáng tỏ tới mức muốn nói ra mà nói chưa rõ ràng, lúc đó thầy mới gợi ý, mới nói thay cho học trò.

Một cái ghế có bốn góc, đã chỉ bảo cho trò một góc mà trò không biết để suy ra ba góc kia, học không chuyên tâm suy nghĩ như vậy, thì không nên dạy nữa. Bất kỳ một vấn đề phức tạp nào, đều có chỉnh thể và bộ phận, toàn cục và cục bộ, cả dây chuyền liên hoàn và từng khúc tiết, từng mắt xích, có đủ các mối liên hệ phổ biến và đặc biệt,... Nếu học trò chịu để tâm suy nghĩ, biết suy xét lại một vấn đề thì chỉ cần dạy cho một mặt của vấn đề là có thể suy ra cả chỉnh thể, dạy cho cục bộ là có thể

suy ra toàn cục; dạy một mắt xích là có thể suy ra cả dây chuyền.

Khổng Tử chủ trương cách dạy học nên có tính chất gợi mở nhằm khuyến khích học trò phát huy tính sáng tạo của mình. Thầy không chỉ giảng giải liên miên, mà phải nêu vấn đề để gợi mở cho học trò, khai thác năng lực suy nghĩ vận dụng, sự chăm chỉ học hành, phương pháp suy luận để nhận thức đúng đắn và giải quyết vấn đề một cách thấu đáo. Nếu làm ngược lại, thì lời thầy chỉ "từ tai nọ qua tai kia" thôi. Lời dạy của Khổng Tử hẳn là có ích cho cả người dạy và người học.

9. Khi ăn uống ở nhà có tang, Khổng Tử không bao giờ ăn no.

10. Hôm nào Khổng Tử đi phúng viếng đám tang, thì suốt ngày hôm đó không đàn hát nữa.

Lời bình:

Khổng Tử là người có tấm lòng nhân hậu luôn đồng cảm với nỗi đau của con người, đến đám tang thì thương xót nên chẳng ăn no, trong một ngày chưa quên sự thương xót nên chưa thể đàn hát. Những biểu hiện của Khổng Tử rất thành thật, chứ không kiểu cách giả dối. Chỉ có bậc chí nhân mới đạt đến như vậy.

11. Khổng Tử nói với Nhan Hồi: "Dùng ta thì ta giúp làm nên sự nghiệp; không dùng thì ta ở ẩn; chỉ có ta và ngươi có thể làm được điều này mà thôi".

Tử Lộ hỏi: "Nếu thầy thống lĩnh quân đội đi đánh giặc, thì thầy chọn ai theo?".

Khổng Tử đáp: "Kẻ tay không mà dám đấu với hổ, không dùng thuyền mà dám lội qua sông, chết mà không tiếc thân, thì ta chẳng thể chọn người như vậy theo giúp ta. Người theo giúp ta phải là người nghiêm túc, cẩn thận, biết lo lắng khi đối mặt với công việc, biết mưu tính để đạt thành công".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng thiên hạ thái bình, vua sáng tôi hiền, thì các nhà nho nên tích cực xuất thế, vì đất nước, vì nhân dân, vì dân tộc gánh vác sự nghiệp. Nếu thiên hạ loạn lạc, hôn quân vô đạo, gặp điều bất như ý thì lui thoái, ẩn cư. Ra làm việc không phải vì tham địa vị, ẩn cư cũng chẳng phải để giữ tiếng tốt riêng mình, mà đều thuận theo hoàn cảnh vậy. Đây là thái độ xử thế của nhà nho trong cuộc sống, thái độ đó được tóm tắt trong hai chữ "hành tàng". Trong trường hợp trên, Khổng Tử khen Nhan Hồi có sự hành tàng giống ông.

Khi Tử Lộ thấy Khổng Tử chỉ khen riêng Nhan Hồi, lại tự phụ mình có đức dũng, nên hỏi vậy và nghĩ rằng Khổng Tử đem quân ra trận tất phải dùng đến mình. Khổng Tử nói như trên là có ý hạn chế dũng khí của Tử Lộ. Khổng Tử cho rằng làm việc gì cũng phải biết mưu tính, còn nếu chỉ dựa vào sức mạnh và gan dạ không thôi, thì muôn sự không thành. Ôi! Lẽ đời, chẳng mưu tính thì không thành công, chẳng nghiêm túc và cẩn trọng thì hẳn thất bại. Việc nhỏ còn như thế, huống gì là việc hành quân?

12. Khổng Tử nói: "Nếu giàu có có thể cầu được thì dù cho có phải làm kẻ đầu sai thấp kém, ta cũng làm. Nếu không thể cầu được thì ta chỉ làm việc ta thích mà thôi".

Lời bình:

Đạo của Khổng Tử không xa rời con người. Khổng Tử đã từng nói: để thực hiện đạo nhân thì dẫu phải ở địa vị bần cùng cũng không oán hận. Nhưng Khổng Tử cũng cho rằng phú quý rất quan trọng, con người ta cũng nên theo đuổi phú quý. Vì phú quý, Khổng Tử sẵn sàng làm bất cứ nghề nghiệp kém cỏi nào. Ông cho rằng người ta nên làm những việc mà mình có thể làm được, nhưng nếu đem nghề nghiệp mình thích so với phú quý, thì phú quý vẫn là quan trọng hơn. Do đó có thể biết theo đuổi phú quý, theo đuổi nâng cao đời sống vật chất và tinh thần là sự theo đuổi truyền thống của các dân tộc phương Đông, là việc nên làm trong cuộc đời mỗi con người, trên cơ sở lấy nhân nghĩa làm đầu. Điều đó biểu hiện nhân cách rất cao thượng của Khổng Tử.

13. Ba việc mà Khổng Tử hết sức thận trọng là: trai giới, chiến tranh và bệnh tật.

Lời bình:

Vì sao phải thận trọng khi thực hiện trai giới? Trai giới là một loại nghi thức liên quan tới tín ngưỡng, là hình thức ăn chay, giữ mình trong sạch để tỏ rõ sự thành tâm, sự tôn kính, thành ý của mình trong việc

thờ cúng. Thần minh có phù hộ hay không, đều do việc trai giới quyết định.

Vì sao phải thận trọng với chiến tranh? Chiến tranh là quái vật làm cho nhân loại tàn sát lẫn nhau từ xưa đến nay, có nguy hại rất lớn đối với loài người. Chiến tranh gây mất mát, đau khổ cho cả nhân dân hai phía. Chiến tranh dẫn đến cảnh điêu tàn, thây chất thành núi, máu chảy thành sông, nhân dân phiêu bạt. Cho nên Khổng Tử nhấn mạnh phải có thái độ hết sức thận trọng đối với chiến tranh, cân nhắc cẩn thận khi quyết định chiến tranh.

Vì sao phải thận trọng với bệnh tật? Cuộc đời con người, ngoài uy hiếp của chiến tranh ra, thì uy hiếp của bệnh tật cũng rất lớn. Bệnh tật làm cho con người bị thương tổn, bị thống khổ, bị tử vong. Ngoài thiên tai nhân họa, con người ta đại đa số đều chết vì bệnh tật. Không bệnh mà chết, già yếu tự nhiên chết là rất ít. Bệnh tật là sự cảnh cáo đối với con người, nó uy hiếp sinh mệnh con người.

Vì vậy, ba việc ấy không thể không cẩn trọng.

14. Ở nước Tề, Khổng Tử được nghe diễn tấu nhạc Thiều, sau một thời gian rất dài ăn thịt không thấy mùi vị gì cả, vì vậy mới nói: "Không ngờ âm nhạc thời vua Thuấn đạt được trình độ điêu luyện, hay đến mức như thế".

Lời bình:

Bản nhạc Thiều có nội dung như thế nào, âm luật ra làm sao, hiện nay ta không biết được, nhưng Khổng Tử

nghe say sưa đến nỗi trong một thời gian rất lâu ăn thịt không cảm thấy mùi vị. Như vậy có thể biết bản nhạc Thiều thực là có cả tình lẫn văn, tận thiện tận mỹ, rung động lòng người biết mấy. Câu này nhắc lại ý của Khổng Tử khen nhạc Thiều: "Hay hết sức, lại vô cùng tốt lành". Từ điểm này có thể nhìn thấy Khổng Tử không chỉ là một người có tâm hồn cao thượng, mà cũng là một người có tình cảm phong phú.

15. Nhiễm Hữu nói: "Có phải thầy ta giúp vua nước Vệ không?".

Tử Cống nói: "Thế à! Để tôi hỏi thầy xem".

Tử Cống đến gặp Khổng Tử thưa: "Bá Di, Thúc Tề là con người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Là người hiền thời xưa".

Tử Cống hỏi tiếp: "Họ làm như vậy có oán hận gì không?".

Khổng Tử nói: "Theo đuổi điều nhân mà được điều nhân, còn phải oán hận gì nữa?".

Tử Cống đi về nói: "Thầy ta chẳng giúp vua nước Vệ đâu".

Lời bình:

Bá Di, Thúc Tề là con của vua Cô Trúc đều tranh nhau nhường ngôi vua cho người để bỏ đi nơi khác. Khổng Tử cho rằng hai người này là bậc người hiền thời cổ đại. Nhưng ở nước Vệ sau khi Vệ Linh Công mất, *cháu trưởng* của vua Vệ Linh Công là Khoái Hối (con

của Khoái Quý) lên làm vua. Con trưởng của vua Vệ Linh Công là Khoái Quý âm mưu với một số người tìm cách tranh ngôi vua. Hai cha con tranh nhau ngôi vua như vậy là bất nhân. Nhưng Khổng Tử và Tử Lộ không trực tiếp nói điều bất nhân của vua Vệ mà thông qua Bá Di, Thúc Tề để diễn đạt quan điểm của mình.

Điều này thể hiện thái độ xử thế của Khổng Tử và Tử Lộ rất thận trọng.

16. Khổng Tử nói: "Ăn cơm gạo thô, uống nước lã, khi ngủ co cánh tay mà gối đầu, niềm vui cũng ở trong đó rồi. Còn như dùng phương pháp không chính đáng để đạt được giàu có và phú quý, ta coi như đám mây trôi vậy".

Lời bình:

Như phần trước đã nói, Khổng Tử rất trọng phú quý, nhưng phải là phú quý theo đúng đạo lý. Khổng Tử chủ trương dùng phương kế chính đáng hợp pháp, lao động cần cù để giành cho được địa vị phú quý. Còn như bất nghĩa mà phú quý, thì như đám mây trôi chẳng mấy chốc mà tan, như vậy chả có ý nghĩa gì. Khổng Tử luôn đặt nhân nghĩa trên phú quý. Nho gia quan niệm cuộc sống vật chất đối với con người rất quan trọng, nhưng đời sống tinh thần đối với họ còn quan trọng hơn.

17. Khổng Tử nói: "Nếu trời để cho ta sống thêm mươi năm nữa, thì ta sẽ đọc thông Kinh Dịch. Năm

mươi tuổi mới học Kinh Dịch cũng có thể không mắc phải sai lầm lớn".

Lời bình:

Kinh Dịch là bộ sách lạ trong lịch sử Trung Quốc. Nó góp phần tạo nên hệ thống văn hóa thần bí phương Đông. Từ xưa đến nay, Kinh Dịch là sách chỉ dùng trong cung đình, nó bao gồm vũ trụ quan, nhân sinh quan, cũng bao gồm dự đoán về nhân sự, về chính trị, về quân sự, về kinh tế,... Khổng Tử cho rằng đọc Kinh Dịch có thể biết rõ về lẽ tốt, xấu, tiêu, trưởng; về đạo tiến lùi, còn, mất cho nên giảm được sai lầm trong cuộc đời. Vì lẽ Khổng Tử thấy rõ đạo Dịch là vô cùng, nói như thế để dạy người, khiến người ta biết không thể không học, lại không thể cho Kinh Dịch là dễ được.

18. Khổng Tử thường hay nói về Kinh Thi, Kinh Thư và thực hành Kinh Lễ đều là những lời thanh nhã cả.

Lời bình:

Kinh Thi sửa đổi tính tình, tu dưỡng tâm hồn thuần hậu, thanh cao. Kinh Thư mở mang kiến thức, dạy đạo trị quốc an dân. Kinh Lễ dạy cách giữ phép tắc. Lời lẽ trong các kinh đó đều thanh nhã. Lời của Khổng Tử cũng vậy, các nho sĩ đời sau đều nhất trí noi theo. Trong cuộc sống hiện thực, một người có học tập, được giáo dục, thường khi ăn nói đều chuẩn mực, đúng quy phạm. Ngày nay, trong sự nghiệp giáo dục chúng ta càng phải *quan tâm đến chuẩn mực* và cái đẹp của ngôn ngữ.

19. Nghiệp Công hỏi Tử Lộ về Khổng Tử. Tử Lộ không trả lời.

Khổng Tử biết thế nói với Tử Lộ: "Tại sao ngươi không nói: thầy của ngươi là người hết lòng vì đạo nhân, miệt mài hành đạo quên cả ăn, vui với đạo quên cả sầu muộn, tuổi già đã đến rồi mà không hề hay biết".

Lời bình:

Khổng Tử là một người rất chuyên tâm đến sự nghiệp, có ý chí ngoan cường thực hiện đạo nhân, có lòng tin khôi phục lễ chế nhà Chu. Ông quên mình phấn đấu không mệt mỏi cho mục tiêu cao cả của mình, chưa hiểu được đạo lý thì tức bực quên ăn, hiểu được thì vui vẻ quên lo, chăm chú vào việc ấy mà quên cả số tuổi đã nhiều. Gương ham học ấy của thánh nhân cũng thật đáng để người đời noi theo.

20. Khổng Tử nói: "Ta không phải là người khi sinh ra đã biết tất cả, mà do hâm mộ đạo nghĩa đời xưa, nên cần mẫn học tập mà có được tri thức như hiện nay".

Lời bình:

Đoạn này từ ba mặt phản ánh thái độ học tập và phương pháp học tập của Khổng Tử.

Khổng Tử không thừa nhận mình sinh ra đã có tri thức, đã biết hết. Như vậy Khổng Tử đã phủ nhận thuyết thiên tài bẩm sinh. Theo ông, biết được không phải là do từ trước mà do sau này giáo dục, học tập mà nên.

Yêu thích đạo nghĩa đời xưa là động lực quan trọng giúp cho việc tiếp thu kiến thức của các thế hệ đi trước, duy trì và phát triển tinh hoa văn hóa dân tộc.

Mẫn cán khi làm việc, mẫn cảm với thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm trực tiếp trong quá trình làm việc, có như vậy mới không ngừng nâng cao kiến thức của mình.

Khổng Tử thường nói mình ham học mà nên, hiểu được những biến đổi của xã hội từ xưa mà chứng nghiệm vào thực tiễn. Nói như vậy, Khổng Tử muốn khuyến khích mọi người học và hành.

21. Khổng Tử không bao giờ bàn luận những chuyện quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần.

Lời bình:

Khổng Tử là người thực sự cầu thị, có thái độ trân trọng đối với cuộc đời.

Khổng Tử không bàn luận về chuyện quái dị, dễ làm mê hoặc phân tán lòng người, đối với trị quốc an dân không có gì lợi.

Khổng Tử không bàn đến bạo lực, vì Khổng Tử chủ trương lấy nhân nghĩa làm đầu, phản đối chiến tranh, phản đối cậy thế lấy thịt đè người. Khổng Tử cho rằng dùng bạo lực để giải quyết vấn đề có thể gây nên tình trạng dân chúng xâu xé, chém giết lẫn nhau, ảnh hưởng đến an ninh xã hội.

Khổng Tử không nói đến chuyện phản loạn. Ông cho rằng nếu cứ tùy tiện nói chuyện nhiều về những hành vi

phạm pháp trong xã hội, sẽ có ảnh hưởng tiêu cực, dễ khiến cho dân chúng bắt chước làm theo đi vào con đường phạm pháp.

Khổng Tử không nói chuyện quỷ thần, vì đối với quỷ thần chưa nghiên cứu cho hết lẽ thì chưa thể hiểu hết được, nên Khổng Tử rất thận trọng về vấn đề này, không dễ dàng đem ra để bàn luận với người ta.

Thái độ không nói đến những chuyện về "quái, lực, loạn, thần" của Khổng Tử đối với ngày nay vẫn có ý nghĩa hiện thực. Bàn luận những chuyện đâu đâu đưa lại cho nhân dân, bạn bè, người thân của mình ý nghĩa gì; đưa lại cho đất nước, cho gia đình, cơ quan mình lợi lộc gì là điều mọi người luôn phải suy nghĩ.

22. Khổng Tử nói: "Ba người cùng đi với nhau, trong hai người thế nào cũng có một người đáng làm thầy ta. Ta chọn điều tốt để học theo, còn điều không tốt thì biết để sửa chữa".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng ba người cùng đi với nhau, trong hai người thế nào cũng có một người đáng làm thầy ta. Đây là câu nói rất nổi tiếng. Bạn bè với nhau, mỗi người đều có ưu điểm, nhược điểm riêng. Vậy hai người cùng đi với mình đều là thầy của mình. Lão Tử có nói: người thiện là thầy giáo của người bất thiện, người bất thiện là người cung cấp nêu ra giáo huấn kinh nghiệm cho người thiện, người bất thiện là vốn liếng của người

thiện. Vì vậy, trong cuộc sống phải học cả điều hay, phải biết cả điều dở để giữ mình.

23. Khổng Tử nói: "Trời đã phú cho ta phẩm đức, Hoàn Đồi kia còn có thể làm gì được ta?".

Lời bình:

Khổng Tử dạy học trò về lễ dưới một gốc cây lớn. Quan tư mã nước Tống là Hoàn Đồi muốn giết Khổng Tử, sai người chặt cây ấy. Khổng Tử nói câu ấy biểu hiện lòng tin mãnh liệt vào sự nghiệp truyền bá đạo nhân của mình. Khổng Tử nói "trời đã phú cho ta phẩm đức" là ý nói con người sống không thể không có đạo, đây là quy luật tất yếu của lịch sử (đạo trời) và lịch sử đã giao phó sứ mệnh đó cho Khổng Tử, vì vậy không một thế lực nào có thể cản trở được.

24. Khổng Tử nói: "Các ngươi cứ tưởng ta còn giấu các ngươi điều gì sao? Ta đâu có giấu điều gì. Ta không có điều gì làm mà không cho các ngươi biết. Ta, Khổng Khâu là con người như vậy".

Lời bình:

Khổng Tử rất coi trọng đạo nhân và luôn giữ mình theo đức nhân, nên Khổng Tử rất thành thật, vui vẻ giúp đỡ học trò. Khổng Tử không để xảy ra bất cứ điều gì vi phạm điều nhân, nên cũng không giấu giếm học trò điều gì. Có việc cần phải suy nghĩ, Khổng Tử đều gợi ý cho học trò bàn bạc và dạy bảo đến nơi đến chốn, *nhưng*

trò chưa để tâm xét rõ, cho nên Khổng Tử nói câu này nhằm khẳng định chủ trương dạy học của ông: "Chỉ cho một góc mà không chịu để tâm suy ra ba góc kia, thì không nói nữa" chứ Khổng Tử không hề giấu điều gì.

25. Nội dung giáo dục của Khổng Tử đối với học trò có bốn mặt là văn, hạnh, trung, tín.

Lời bình:

Bốn nội dung giáo dục của Khổng Tử cho học trò:

Văn chính là văn hiến lịch sử. Người xưa lấy đồng làm gương, nước lấy sử làm gương. Khổng Tử dạy cho học trò đạo "trị quốc an dân", cho nên không thể không dạy cho học sinh những giáo huấn của lịch sử.

Hạnh là đức hạnh. Giáo dục học trò không chỉ yêu cầu nâng cao nhận thức, sự hiểu biết văn chương, điển lý mà phải có yêu cầu nghiêm khắc trong tu dưỡng đạo đức. Đạo Nho, đạo Phật, Đạo giáo đều có một yêu cầu chung như vậy. Chỉ có đức hạnh mới giúp cho tài năng phát triển, con người đối xử với nhau mới có lễ nghĩa, xã hội mới yên bình.

Trung là trung thành, làm bề tôi phải trung với vua, làm người phải trung với bạn bè bằng hữu. Khổng Tử không bằng lòng với ai bất nghĩa, bất nhân, bất trung, bất hiếu.

Tín là giữ chữ tín, lời nói phải trung thực, không sai lời hứa, trước sau như một, lời nói với việc làm phải đi

đối với nhau, có như vậy mới luôn luôn được mọi người tin cậy, tín nhiệm.

Bốn nội dung ấy hẳn là gốc để người ta tu thân vậy.

26. Khổng Tử nói: "Bậc thánh nhân, ta chưa được nhìn thấy, còn người quân tử thì ta đã nhìn thấy rồi".

Khổng Tử nói tiếp: "Bậc thiện nhân (người hoàn thiện mọi mặt) ta cũng chưa được nhìn thấy, mới chỉ nhìn thấy hằng giả tức là người giữ được tấm lòng sắt son, thủy chung không thay đổi. Còn như không có mà giả làm có, thiếu thốn mà giả bộ đầy đủ, nghèo hèn mà giả bộ phú quý, con người như vậy chẳng thể giữ được tấm lòng thủy chung, sắt son không thay đổi".

Lời bình:

Bậc thánh nhân là chí nhân, chí thiện không thể lường được. Người quân tử là bậc có tài đức hơn người. Bậc thiện nhân là người hoàn thiện, hoàn mỹ. Hằng giả là người không thay đổi tấm lòng, giữ được thủy chung.

Người giữ được thủy chung so với thánh nhân cao thấp cách xa nhau lắm, nhưng chưa có người nào trở thành bậc thánh nhân lại không phải là người giữ được tấm lòng son sắt, thủy chung. Khổng Tử nói chưa nhìn thấy thánh nhân, chưa nhìn thấy thiện nhân, mới nhìn thấy người quân tử, và người có tiết tháo, không thay lòng đổi dạ, ý nghĩa là như vậy. Khổng Tử nói người tiết tháo không phải là loại người không có lại nói có, thiếu thốn mà giả bộ đầy đủ, nghèo hèn mà giả bộ phú quý. Ngụ ý là dạy người ta muốn bước vào cửa tu đức, làm

người có nhân cần phải thể hiện rõ thực chất con người của mình, thủy chung trước sau như một, không giả dối, như vậy mới có thể tu dưỡng mình dần dần trở thành một người có đức nhân.

27. Khổng Tử câu cá mà không bao giờ đánh bằng lưới, khi bắn chim không bao giờ bắn con đã về tổ nghỉ ngơi ấp trứng.

Lời bình:

Ở đây đức nhân của Khổng Tử đã theo hướng phát huy tinh thần bác ái, không những yêu rộng rãi mọi người mà yêu cả loài vật như cá, chim muông, dã thú.

Nhân và bất nhân ở đây chỉ là một khoảng cách rất ngắn, một giây lát hay một tích tắc mà thôi. Người có đức nhân vui chơi giải trí, đi câu, đi bắn vẫn không mất đi điều nhân. Còn nếu vì lòng tham vô đáy mà quăng lưới vét cá, bắn con chim đang ngủ không có cách gì tự vệ, kẻ như vậy là bất nhân rồi.

Chỉ xem một việc ấy, biết được tấm lòng người nhân đối với vật, có thể suy ra mà biết được cách đối đãi với người. Xem việc nhỏ có thể biết được việc lớn.

28. Khổng Tử nói: "Cũng có một loại người như thế này, cái gì cũng không biết, mà cứ tỏ vẻ ra cái gì cũng biết. Ta không thuộc loại người như vậy. Phải lắng nghe nhiều phía, nhiều mặt, chọn điều hợp lý mà làm; phải quan sát nhiều phía, nhiều mặt, ghi nhớ kỹ trong tâm can, như vậy rồi sau đó mới có được tri thức".

Lời bình:

Đoạn này nói lên quan điểm của Khổng Tử về mặt nhận thức và thực tiễn.

Không tán thành quan điểm không biết mà cứ mù quáng làm bừa: Khổng Tử tự nhận mình không thuộc loại người không biết mà cứ mù quáng làm càn. Khổng Tử muốn khuyên mọi người phải gắng sức học đạo lý, biết rõ rồi mới thi hành mà khi thi hành cũng cần phải rất cẩn thận. Tư tưởng này phù hợp với nhận thức luận của chủ nghĩa duy vật.

Lắng nghe nhiều phía, chọn điều hợp lý mà làm: Lắng nghe nhiều phía mới có thể tiếp xúc được nhiều sự vật phức tạp, cung cấp cho mình nhiều tư liệu phong phú để nhận biết đầy đủ sự vật, hiện tượng. Nghe nhiều rồi, đem những sự tình, sự việc đã nghe được đối chiếu với điều nhân trong tâm mình, cái gì phù hợp với điều nhân thì làm. Như vậy, không phải đã giúp chúng ta hiểu biết sự vật càng phong phú, càng chính xác hơn đó ư?

Quan sát nhiều mặt, nhớ kỹ trong lòng: Quan sát nhiều mới biết được người khác học điều nhân, làm điều nhân như thế nào để noi theo. Muốn làm được điều nhân, phải tự mình hiểu, tự mình làm. Khổng Tử đề xướng nghe nhiều, quan sát nhiều, và nên ghi nhớ để tiện việc tham khảo; như thế dù chưa thật biết rõ các lẽ cũng có thể gần như biết vậy.

29. Người làng Hỗ Hương rất khó cùng trò chuyện. Một đứa trẻ làng ấy đến yết kiến Khổng Tử xin vào học.

Học trò của Khổng Tử cảm thấy nghi hoặc không hiểu nổi. Khổng Tử nói: "Ta tán thành ủng hộ mặt tiến bộ của họ, không tán thành mặt yếu kém, thoái bộ của họ, chẳng việc gì mà đối xử quá đáng với họ. Người ta thanh khiết tốt đẹp đến với mình, thì nên tán thành sự thanh khiết tốt đẹp của họ, không nên cứ truy cứu việc quá khứ của họ".

Lời bình:

Khó cùng trò chuyện thì nguyên nhân có thể rất nhiều. Có thể là tính cách không thích hợp; do nguyên nhân địa phương, ngôn ngữ bất đồng khó tiếp xúc nói chuyện. Có thể do trình độ văn hóa cao thấp khác nhau cho nên khó gặp nhau. Hoặc do nhận thức, ý kiến, tư tưởng khác nhau cho nên khó bắt chuyện với nhau. Khó bắt chuyện, nói chuyện với nhau tức là khó giao lưu trao đổi, khó đối thoại. Bây giờ người ta đã chủ động đến với mình, như vậy là điều kiện đối thoại giao lưu đã có. Vì sao không tỏ thái độ hoan nghênh sự tiến bộ của họ?

Ngày nay, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai, tham gia giao lưu hội nhập để cùng nhau phát triển bền vững đã và đang là xu thế trên thế giới. Do đó có thể nói rằng Khổng Tử là một con người rất hiểu biết thời thế, linh hoạt, quyền biến, không cố chấp. Người muốn lập nên đại nghiệp cần có tầm nhìn như vậy.

30. Khổng Tử nói: "Không lẽ điều nhân xa chúng ta như vậy ư? Ta nghĩ muốn đạt được điều nhân thì điều *nhân sẽ đến*".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng nhân là gốc của làm người, nhân là chuẩn tắc tối cao để tu thân. Nhân xa lắm ư? Nhân cao sâu quá ư? Nhân khó đạt lắm ư? Không! Nhân ở ngay bên cạnh chúng ta, nhân ở trong lòng chúng ta, nhân ở trong cuộc sống bình thường của chúng ta. Nhân vừa là mục tiêu lớn, xa xôi vừa rất thực tế, gần gũi; là kim chỉ nam thiết thân của mỗi người. Nhân là điều mà những người kém hiểu biết trong đám đàn ông, đàn bà đều có thể làm được. Vấn đề là ở chỗ có toàn tâm toàn ý theo đuổi đức nhân hay không mà thôi. Bỏ mà không tìm, cho nên lấy làm xa; nếu toàn tâm toàn ý thì nhân ở trước mắt chúng ta đó thôi.

31. Quan tư bại chuyên coi việc án nước Trần hỏi Khổng Tử: "Vua Lỗ Chiêu Công có biết lễ không?".

Khổng Tử trả lời: "Biết lễ".

Sau khi Khổng Tử đi ra ngoài, quan tư bại vái chào Vu Mã Kỳ một vái, mời Vu Mã Kỳ đến trước mặt nói: "Ta nghe nói người quân tử không thiên vị bên nào, thế mà một người quân tử như Khổng Tử vẫn còn thiên vị sao? Vua Lỗ cưới con gái của nước Ngô là người cùng họ với mình nên gọi bà ấy là Ngô Mạnh Tử. Nếu vua Lỗ biết lễ thì còn ai không biết lễ nữa?".

Vu Mã Kỳ thưa lại với Khổng Tử về ý kiến của quan tư bại, Khổng Tử nói: "Ta thật may mắn, giả dụ có sai lầm thì người ta cũng biết được".

Lời bình:

Theo lễ của thời cổ đại thì người cùng họ không được lấy nhau. Vua Lỗ Chiêu Công lấy người cùng họ làm vợ. Việc này Khổng Tử không được biết, nên khi có người hỏi vua Lỗ Chiêu Công có biết lễ không, Khổng Tử trả lời là biết lễ. Trả lời như vậy là sai. Sai lầm này nhờ có quan tư bại nước Trần chỉ ra. Khổng Tử thật lòng nói: "Ta thật là may mắn, giả dụ có sai lầm thì người ta cũng biết được".

Khổng Tử lấy làm vui khi được người khác chỉ ra cái sai của mình chứ không tức giận xấu hổ. Đấy là phẩm hạnh của người có đức nhân, thấy sai thì sửa.

32. Khổng Tử cùng ngồi hát với người khác, nếu phát hiện ai hát hay thì nhất định mời họ hát lại một lần nữa, để mình cùng được hát theo.

Lời bình:

Khổng Tử rất khiêm tốn, ham học và yêu thích ca nhạc. Ông là người hiểu hơn ai hết một bài hát hay là một bài học giáo dục sinh động, cổ vũ lòng người phấn đấu vươn tới giá trị cao đẹp: chân, thiện, mỹ.

Khổng Tử thấy bài hát hay, mời người ta hát lại để cùng được hát theo, qua đấy đủ thấy phẩm chất của bậc thánh nhân thành tâm, khẩn thiết đã khiêm tốn lại kỹ càng, tôn vinh những cái hay của người khác. Một việc nhỏ đã phản ảnh bao điều thiện của một bậc chí nhân, chí đức.

33. Khổng Tử nói: "Về tri thức văn hóa, thì ta cũng chỉ bằng người khác. Nếu nói về làm một người quân tử tu thân hành đạo trong thực tiễn, thì ta vẫn chưa làm được bao nhiêu".

Lời bình:

Khổng Tử khiêm tốn tự đánh giá trình độ văn hóa của mình cũng chỉ bằng người khác mà thôi, còn đem hiểu biết của mình tu dưỡng, rèn luyện, vận dụng trong thực tiễn thì chưa làm được mấy.

Khổng Tử rất coi trọng sự vận dụng đạo thánh hiền trong thực tiễn. Khổng Tử cho rằng đạo nhân là môn đại học vấn, không chỉ nói nghe hay mà phải làm sao thực hiện được trong xã hội. Đối với đạo nhân, phải tự mình thực hành trong thực tiễn mới là một người có đức nhân.

34. Khổng Tử nói: "Nếu khoác cho ta hai chữ thánh nhân, ta đâu dám nhận. Nhưng thực hiện theo công việc của bậc thánh và bậc nhân thì ta từ trước đến nay chưa biết chán, dạy học trò chưa bao giờ biết mệt mỏi, chỉ có vậy thôi".

Công Tây Hoa nói: "Đây là những điều mà học trò chúng con không học nổi".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng bậc thánh và bậc nhân là hình tượng nhân cách hoàn mỹ nhất. Khổng Tử định ra tiêu chuẩn của bậc thánh nhân và người có đức nhân rất

cao. Đấy cũng là mục tiêu, lý tưởng phấn đấu suốt đời của nho sĩ. Cho nên Khổng Tử không bao giờ tự nhận mình là thánh nhân hay người có đức nhân.

Khổng Tử cả đời chỉ biết thực hiện điều nhân không mệt mỏi, dạy người không biết chán, không tiếc sức mình truyền bá đạo nhân, thực hành điều nhân, lấy đức nhân để giáo dục người. Đây há chẳng phải là việc của bậc thánh nhân sao?

35. Khổng Tử bị ốm nặng, Tử Lộ định làm lễ cầu cúng thần.

Khổng Tử nói: "Có việc như vậy ư?".

Tử Lộ trả lời: "Có. Trong sách Lụy đời vua Văn Vương nhà Chu có nói: Chúng tôi cầu khấn với trên trời, dưới đất, thiên thần và địa kỳ".

Khổng Tử nói: "Ta đây đã cầu khấn từ lâu rồi".

Lời bình:

Thói thường, con người ta cả đời chạy theo danh lợi, chẳng kể đến đạo đức; đến khi ốm đau, sắp chết thì cầu khấn thần linh, ăn năn sám hối hy vọng được che chở phù hộ. Còn Khổng Tử trọn đời theo đạo nhân, sửa chữa điều lỗi, chú tâm làm điều nhân đức. Như vậy hợp với trời đất, thần linh: tức là Khổng Tử đã từng cầu đảo rồi, mà thần linh cũng phù hộ.

36. Khổng Tử nói: "Xa xỉ, rộng rãi quá thì không thuận mắt. Tiết kiệm quá thì trở nên keo kiệt bủn xỉn. *Nếu không có đủ để rộng rãi thì thà tiết kiệm* còn hơn".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử bàn về quan điểm tiếp đãi khách. Tiếp đãi khách quá xa xỉ, rộng rãi thì sẽ có điều không thuận mắt, khó xử cho khách. Tiếp đãi quá hậu hỹ thì sẽ gây cho khách tâm lý mất bình thường, không tự nhiên, cảm thấy khó xử. Nhưng nếu tiếp đãi quá keo kiệt bủn xỉn thì khách sẽ cảm thấy bị đánh giá thấp, quan hệ hai bên mất đi sự thông cảm, chan hòa tình bằng hữu. Cả xa hoa cùng bủn xỉn đều mất mực trung. Như vậy thật nguy hiểm lắm thay!

Điều quan trọng là tiếp đãi phải thực tình. Trên cơ sở tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, tạo được sự đồng thuận, khách chủ thoải mái, tránh phô trương xa hoa, không bày biện quá mức, hoặc vay mượn tiếp khách làm ảnh hưởng tới quyền lợi chung.

37. Khổng Tử nói: "Người quân tử luôn thẳng thắn, vô tư. Kẻ tiểu nhân lúc nào cũng lo lắng, ưu sầu".

Lời bình:

Người quân tử, theo Khổng Tử là người có đạo đức cao thượng, còn kẻ tiểu nhân là người có đạo đức thấp hèn.

Người có đạo đức cao thượng thường ôm ấp hoài bão lớn lao, luôn lo nghĩ cho sự nghiệp của nhân dân, của dân tộc. Người như thế luôn vì lợi ích chung của quốc gia, của dân tộc mà tính kế mưu sinh, không bao giờ tính toán cá nhân, được mất của bản thân mà đổi trắng thay đen. Người quân tử luôn thông đạt sự lý, có thể

giới tâm linh sâu sắc, phong phú, ổn định; là người có tinh thần mình vì mọi người, cho nên luôn giữ được thẳng thắn, vô tư là thế.

Người có nhân cách thấp hèn là kẻ thường chạy theo dục vọng cá nhân, bày đặt những âm mưu quỷ kế, gây mất đoàn kết, đấu tranh lung tung, luôn ở trong cảnh lo nghĩ, không ổn định vững chắc, dùng trăm phương nghìn kế để tự bảo vệ mình; là người không vì lợi ích của mọi người, có thể dùng bất cứ thủ đoạn nào để lừa trên dối dưới, nịnh hót bao che, dung túng điều sai trái. Cho nên kẻ tiểu nhân lúc nào cũng phải lo lắng, âu sầu là vậy.

38. Khổng Tử ôn hòa nhưng nghiêm túc; uy nghi nhưng không thô bạo; cung kính mà an nhàn.

Lời bình:

Tư tưởng, ý thức, trạng thái tinh thần của một con người thường được biểu hiện trên nét mặt. Khổng Tử là người có đức nhân, có tình thương yêu người lao động bao la, muốn cho người già có cuộc sống tốt đẹp, muốn cho bạn bè giữ chữ tín với nhau, muốn cho con trẻ được dạy dỗ, chăm sóc nên người. Cho nên, Khổng Tử luôn luôn tỏ ra ôn hòa hiền hậu nhưng nghiêm túc, có uy nghi nhưng không hung bạo, biết kính trên nhường dưới, điều gì cũng giữ mức trung dung, các tính chất điều hòa lẫn nhau. Đấy chính là tư cách của bậc thánh nhân.

Chương 8

THÁI BÁ

1. Khổng Tử nói: "Thái Bá là con người có đức hết mực. Nhiều lần ông ta đem thiên hạ nhường cho người khác, nhưng không để cho dân chúng biết mà ca ngợi công đức của mình".

Lời bình:

Thái Bá là con trưởng của Cổ Công Đán Phụ, một vị vua chư hầu tước công, tổ tiên triều Chu. Cổ Công Đán Phụ có ba con trai là Thái Bá, Trọng Ung và Quý Lịch. Con của Quý Lịch là Cơ Xương (sau này là vua Văn Vương). Vua biết Cơ Xương có đức của bậc thánh đế, vì vậy nhà vua muốn phá bỏ luật lệ, không truyền ngôi cho con cả là Thái Bá, mà muốn truyền ngôi cho con út là Quý Lịch, rồi để sau đó nhường ngôi cho Cơ Xương, vì thấy Cơ Xương đặc biệt thông minh lanh lợi. Thái Bá biết được ý đồ của cha, cùng bàn với em thứ hai là Trọng Ung trốn đến Ngô Việt để cho cha mình thực hiện được ý nguyện truyền ngôi cho em út mình.

Theo Khổng Tử, Thái Bá làm như vậy để nhường ngôi cho em mình, mà không hề để cho thiên hạ biết được thiện ý của mình, hành vi, tung tích của mình. Người như vậy thật đáng gọi là bậc chí đức.

2. Khổng Tử nói: "Cung kính mà không biết lễ thì khó nhọc. Cẩn thận mà không biết lễ thì thành ra sợ hãi. Dũng cảm mà không biết lễ thì xảy ra loạn

nghịch. Ngay thẳng mà không biết lễ thì rất dễ mắc bệnh nóng nảy.

Người quân tử ở ngôi trên nếu biết đối đãi nồng hậu với anh em họ tộc của mình, ắt dân chúng trăm họ sẽ hăng hái theo điều nhân. Người quân tử ở ngôi trên nếu không bỏ bạn bè thân thiết cũ, thì dân chúng cũng không đối xử với nhau bạc bẽo vô tình".

Lời bình:

Theo quan niệm của Khổng Tử, một tiêu chuẩn cao nhất của đạo đức cao thượng là biết lễ.

Lễ là tiêu chuẩn cao nhất của đạo đức. Khổng Tử nói về cung kính, thận trọng, dũng cảm, ngay thẳng (cung, thận, dũng, trực) đều lấy lễ làm chuẩn tắc, làm thước đo. Nhân là thế giới tinh thần, lễ là hành vi cụ thể. Có nội tâm rồi mới có lễ nghĩa, có lễ nghĩa mới giúp cho cung kính, thận trọng, dũng cảm, trung thực đạt đến mức độ phù hợp hài hòa theo đạo trung dung. Nếu không có lễ nghĩa thì nhân tâm dù ở bất cứ dạng thức nào cũng không phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức.

Khổng Tử vạch ra bốn giới hạn:

Giới hạn giữa cung kính và khó nhọc: Đối với người, nếu giữ cung kính, kính trọng là tốt. Nhưng nếu cung kính quá mức lễ nghi cần thiết sẽ xảy ra khó nhọc, mà không được công cán gì.

Giới hạn giữa cẩn thận và sợ hãi: Gặp việc phải cẩn thận là đúng. Nhưng cẩn thận quá mức sẽ sinh ra rụt rè, yếu đuối, để mất thời cơ.

Giới hạn giữa dũng cảm với loạn nghịch: Xử thế dũng cảm là hành vi cao thượng. Nhưng không phân rõ trắng đen, chỉ biết dựa vào dũng khí để xử sự, vượt quá cả quy định cho phép thì dễ sinh ra làm bậy, làm loạn, dễ trở thành kẻ phản nghịch.

Giới hạn giữa ngay thẳng với nóng nảy: Đối với người, thẳng thắn trung thực là tốt. Nhưng nếu vi phạm lễ, cứ một mực ngay thẳng, nói tới nói lui, không tùy lúc, tùy chỗ, tùy người thì dễ sinh ra khắt khe, khắc bạc, tàn nhẫn vô tình. Chân lý nếu đi quá một bước sẽ trở thành sai lầm. Về luân lý học cũng vậy, một hành vi đạo đức đúng đắn nếu đi quá một bước cũng sẽ trở thành hoang đường, vô nghĩa.

Để tránh vượt quá bốn giới hạn ấy, người ta phải biết lễ, tuân theo đạo trung dung mà giữ được mức trung. Như thế hẳn tránh được họa.

3. Tăng Tử ốm nặng sắp chết, cho gọi học trò đến nói rằng: "Hãy xem chân của ta! Hãy xem tay của ta! Kinh Thi có viết: "Vừa nơm nớp, vừa cẩn thận giống như đi bên bờ vực thẳm, như đi trên lớp băng mỏng vậy". Từ nay về sau, ta biết rằng ta không bao giờ còn bị mắc phải tội làm thương tổn thân thể của mẹ cha sinh ra nữa, các trò của ta ơi!".

Lời bình:

Nho gia quan niệm thân thể của mình là thuộc về cha mẹ sinh ra, không được làm tổn thương khiến cha mẹ đau lòng, có như vậy mới tròn đạo hiếu với cha mẹ.

Xuất phát từ tư tưởng đạo hiếu của Nho gia, Tăng Tử cũng thừa nhận như vậy và lúc nào cũng phải giữ cho thân thể mình không bị tổn thương. Nay Tăng Tử bị bệnh nặng khó qua khỏi, đã cho gọi học trò đến để xem tay chân của mình đến lúc chết vẫn giữ được nguyên vẹn, chứng tỏ mình là người con có hiếu.

Đạo làm con đối với cha mẹ, thân thể của mình còn phải giữ gìn cẩn thận như vậy, huống gì tính hạnh lại còn để thiếu sót mà làm nhục cha mẹ hay sao?

4. Tăng Tử ốm nặng sắp chết, Mạnh Kính Tử đến thăm. Tăng Tử nói với Mạnh Kính Tử rằng: "Con chim sắp chết, tiếng kêu đau thương; con người sắp chết, lời nói rất thực".

Tiếp đó, Tăng Tử dặn dò: "Người quân tử giữ đạo lý nên đặc biệt coi trọng ba điều:

Cử chỉ, dung mạo điềm đạm, dáng điệu khoan thai, đàng hoàng sẽ giữ cho mình tránh thô bạo và phóng túng.

Giữ sắc mặt đoan trang sẽ giúp mình giữ được chân thật và thành thực với mọi người.

Nói năng chú ý giữ được điệu bộ, giọng điệu, sẽ giúp mình tránh được thô bỉ và sai sót.

Còn việc lễ tang và lễ nghĩa khác thì đã có quan sứ chủ quản về mặt này quản lý và chủ trì rồi, mình khỏi phải quan tâm".

Lời bình:

Tăng Tử nói: *"Con chim sắp chết tiếng kêu đau thương; con người sắp chết, lời nói rất thực"*. Một người sắp chết là sắp đi hết lịch trình của cuộc đời. Lúc đó mọi hăng hái, khẳng khái không còn nữa; ghen ghét, đố kỵ cũng tiêu tan; mọi đấu tranh với người đều ngừng lại; tất cả mọi đau khổ và phiền muộn đều trở thành quá khứ. Ai cũng vậy: cuộc đời ba chìm bảy nổi, bãi bể cồn dâu đã trải, mặn ngọt đắng cay đã từng, lúc gần đất xa trời mới hiểu rõ giá trị cuộc đời, cho nên lời nói rất thực.

Ba lời dặn dò của Tăng Tử là tổng kết kinh nghiệm cuộc đời của Tăng Tử. Ở mỗi một con người, ý thức tư tưởng, thế giới tinh thần là một tầng thứ; dung mạo biểu hiện ra ngoài là một tầng thứ khác; còn khi nói chuyện, điệu bộ, động tác biểu hiện lại là một tầng thứ khác nữa. Ba tầng thứ đó kết hợp và hỗ trợ cho nhau, nói lên sự thống nhất giữa nội tâm và hình thức, giữa trong và ngoài. Tư tưởng được biểu hiện bằng cử chỉ, sắc mặt và lời nói, cho nên rèn luyện cử chỉ, sắc mặt và lời nói chính là rèn luyện tư tưởng.

Rèn luyện cử chỉ dung mạo điềm đạm, dáng điệu khoan thai, ung dung, từ tốn, đàng hoàng, sẽ không làm cho tư tưởng mình nóng vội, hấp tấp, về hành động cũng không thô bạo, bừa bãi, phóng túng hoặc quá đáng.

Rèn luyện sắc mặt đoan trang, đoan chính, thì về mặt tư tưởng sẽ không sinh ra quỷ kế hại người, về mặt hành động cũng không để xảy ra lừa dối người, làm mất chữ tín.

Rèn luyện nói năng dùng từ chuẩn xác, giọng điệu ôn hòa, thì trong lòng sẽ không sinh ra oán hận, giận dữ, nhờ vậy mà không để xảy ra thô bỉ, vô lễ.

Cho nên nói, quan sát nét mặt của một người thì có thể biết tư tưởng của người ấy, quan sát hành vi của một người thì có thể biết nội tâm của người đó, như vậy chẳng đúng sao?

5. Tăng Tử nói: "Mình làm được lại đi hỏi người không làm được, mình biết nhiều mà lại đi hỏi người biết ít. Có tài học mà lại giống như không, tri thức đầy đủ mà lại như không có gì. Người khác xúc phạm mình mà mình cũng không tranh biện. Bạn của ta từ trước đã từng làm được như vậy".

Lời bình:

Theo Tăng Tử, một quân tử có nhân nên làm được năm điều sau đây:

Mình làm được lại đi hỏi người không làm được: Con người nói chung hay mắc cái tật cho mình là hơn, coi thường người khác; mình làm được cái gì thì lấy làm đắc ý khoe khoang, không chịu học hỏi người khác. Đây là một sai lầm lớn.

Đối với một công việc, người biết làm thế nào cũng có phương pháp và kinh nghiệm riêng của họ. Người không biết làm tuy là không biết, nhưng đôi khi vẫn phát hiện được điều bí ẩn, sai trái hay cách làm kỳ diệu trong đó. *Có lúc người trong cuộc rất bí, người ở ngoài cuộc rất*

sáng suốt, "cờ ngoài bài trong" là như vậy. Cho nên câu nói trên của Tăng Tử rất có lý và sâu sắc.

Mình biết nhiều đi hỏi người biết ít: Đối với một công việc nào đó, cho dù người ta có rất nhiều kiến thức, mặt nào cũng biết, cũng thông hiểu, nhưng cũng không thể biết hoàn toàn. Còn người kiến thức ít, dù chỉ biết một không biết hai, nhưng đôi khi lại nắm chắc được điều quan trọng cần tìm hiểu. Như vậy người có kiến thức vẫn có những điều phải học hỏi ở người ít kiến thức.

Nắm được đạo lý này, thì dù là kẻ sĩ vẫn cần phải học tập người có ít kiến thức.

Có tài học mà lại giống như không: Đối với con người mà nói, điều đáng sợ nhất là mới biết một ít đã cho là biết nhiều, sinh ra tự kiêu, tự mãn. Con người như vậy sẽ tự đóng cửa chính mình, trở thành người không biết. Nếu làm được *có tài học mà lại giống như không* thì sẽ luôn luôn duy trì được tinh thần ham học, ham hiểu biết. Người ta nếu không ngừng đi sâu tìm tòi, khám phá, theo đuổi thì từ chỗ không có kiến thức sẽ trở thành có kiến thức, có kiến thức rồi lại càng phong phú hơn, sâu sắc hơn, tài học rộng hơn.

Tri thức đầy đủ mà lại như không có gì: Tri thức đầy đủ là điều đáng mừng, nhưng thường là một gánh nặng. Tri thức rỗng tuếch là điều không tốt, nhưng thường lại là một động lực thúc đẩy. Có xem như chưa có, thực mà hư sẽ làm cho mình không ngừng bổ sung kiến thức cho mình, khiến hư thành thực, đã đầy đủ càng đầy đủ hơn. Thực mà như hư sẽ khiến cho con người luôn tiến bộ, khiến cho con người càng tiến đến đỉnh cao của kiến thức.

Người khác xúc phạm mình mà mình cũng không tranh biện: Giữa người với người có quan hệ đi lại hữu hảo với nhau, có tình cảm với nhau nhưng cũng có va chạm, xung khắc, mâu thuẫn. Nho gia chủ trương nhân là nguyên tắc xử thế cao nhất. Nguyên tắc này vận dụng trong xử thế, trong kết giao bạn bè, cho dù ai đó xúc phạm đến mình vẫn không gây sự, tranh cãi. Đây là đạo làm người, đạo bằng hữu. Nếu giữa người với người, giữa bạn bè bằng hữu với nhau, hễ có gì sai với nhau là cứ tiếng bấc tiếng chì, gây chuyện với nhau thì cả đời sẽ không có một người bạn nào cả.

6. Tăng Tử nói: "Người có thể ủy thác vị vua còn nhỏ tuổi, có thể giao phó vận mệnh của quốc gia; trong giờ phút nguy hiểm, sống chết kề gần vẫn giữ được khí tiết, người như vậy có phải là người quân tử không? Đúng là người quân tử vậy".

Lời bình:

Tăng Tử hiểu rất sâu sắc học thuyết của Khổng Tử và phát huy thêm được nhiều mặt.

Theo lẽ thường, vua của một nước khi đang cầm quyền, trong tay đầy đủ quyền hành, một lời nói thét ra lửa, thì bề tôi trung thành phục tùng vua là điều không khó mà lại rất nhiều có thể đếm hàng trăm. Chỉ khi nào vua chết, nhà vua kế vị còn nhỏ, kẻ bề tôi có làm hết trách nhiệm với nhà vua nhỏ tuổi hay không, có dám nhận trách nhiệm về vận mệnh của quốc gia hay không *mới là điều khó, có lẽ số người làm được chỉ đếm trên*

đầu ngón tay. Người làm được việc này, kể cả trong nguy nan, trong đột biến, trong giờ phút sinh tử nghìn cân treo sợi tóc, mà vẫn giữ được khí tiết, tiết tháo; giữ được lòng trung thành, kiên định, đó mới là người quân tử chân chính.

7. Tăng Tử nói: "Kẻ sĩ, không thể không có hoài bão lớn lao, ý chí kiên cường, tinh thần kiên nghị. Bởi vì trách nhiệm gánh vác của kẻ sĩ rất nặng mà đường lại còn xa. Gánh điều nhân làm trọng trách của mình chẳng lẽ không phải là quá nặng nề ư? Chỉ đến khi chết rồi mới ngừng nghỉ, chẳng lẽ không phải đường dài lắm đó ư?".

Lời bình:

Tăng Tử đánh giá kẻ sĩ rất cao, rất vĩ đại. Bởi vì kẻ sĩ gánh vác sứ mệnh lịch sử nặng nề, là người xây dựng nên trường thành đạo đức, nâng cao tố chất cho dân chúng, kiến tạo nên kết cấu tâm lý của mỗi dân tộc, xây dựng trên đời sống văn minh tinh thần cho xã hội.

Tăng Tử nói kẻ sĩ lấy việc thực hiện đạo nhân làm trách nhiệm của mình. Nhân là cơ sở đạo đức của con người. Muốn đem tinh thần của đạo nhân truyền thấu khắp nước, khắp mọi dân tộc, khắp mọi người, thì bản thân mình phải gương mẫu làm trước. Trọng trách này chẳng phải thật nặng nề, kẻ sĩ còn hơi thở còn truyền bá, còn thực hiện đạo nhân, chỉ khi chết rồi mới ngừng nghỉ. Suốt cuộc đời mình, kẻ sĩ bất cứ lúc nào và ở đâu cũng phải giảng điều nhân, thực hiện điều nhân làm

gương sáng cho thiên hạ noi theo. Trọng trách theo đuổi suốt đời này chẳng phải đường xa đó sao?

Vậy, kẻ sĩ mà không có hoài bão lớn lao, ý chí kiên cường thì làm sao gánh vác được trọng trách; không có tinh thần kiên nghị, thì làm sao vượt được đường xa?

Ngày nay, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, hun đúc, xây dựng nên trường thành đạo đức cách mạng chẳng phải là sứ mệnh lịch sử nặng nề nhưng vô cùng vẻ vang của các thế hệ tham gia tranh đấu trên mặt trận tư tưởng văn hóa sao?

8. Khổng Tử nói: "Thơ có thể gây hứng khởi tấm lòng ham điều thiện, ghét điều ác. Lễ có thể khiến cho ta lập thân ở xã hội. Âm nhạc có thể giúp ta hoàn thành việc tu dưỡng nhân cách".

Lời bình:

Theo quan niệm của Khổng Tử thì thơ, lễ và âm nhạc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động tích cực tới việc hoàn thiện nhân cách con người.

Thơ có thể làm cho xã hội hưng thịnh, khơi dậy lòng ham muốn làm điều thiện, hướng tới cái đẹp, tránh xa cái xấu; có thể làm cho mọi người đoàn kết, quần tụ bên nhau.

Lễ có thể làm cho mọi người hiểu rõ quy phạm hành vi xã hội, làm cho cốt cách con người thêm vững vàng, *giúp cho người ta đứng vững trong xã hội.*

Âm nhạc có thể ảnh hưởng đến nhân tâm, di dưỡng tính tình của con người, rửa sạch những nhơ nhớp, làm tiêu tan những cặn bã, khiến cho con người hoàn thiện việc tu dưỡng nhân cách, tiến đến chỗ tinh thục về nhân nghĩa đạo đức. Như thế là thành tựu trong sự tu dưỡng vậy.

9. Khổng Tử nói: "Đối với dân chúng thì có thể khiến cho họ theo con đường của ta mà đi, chứ không thể để họ biết vì sao phải như vậy".

Lời bình:

Câu này nguyên gốc là "Dân khả sử do chi bất khả sử tri chi". Nhưng do chữ cổ không có dấu ngắt nên có hai cách hiểu khác nhau tùy theo vị trí của dấu ngắt:

Nếu là "Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi", tức là để dấu phẩy như trên thì sẽ có nghĩa là: Đối với dân chúng chỉ nên cho họ biết cái cần làm, chứ không thể cho họ hiểu tại sao phải làm như vậy, ý muốn nói để dân chúng hiểu biết thì họ sẽ phạm thượng, nên để dân ngu thì dễ cai trị. Nếu như vậy là một quan niệm, một tư tưởng sai lầm, phục vụ cho chính sách độc đoán và thái độ khinh thường dân chúng.

Một học giả Trung Quốc[1] lại đặt dấu phẩy khác đi. Câu trên được sắp xếp là "Dân khả sử, do chi; bất khả

---

1. Trần Chí Lương, tác giả cuốn "Đối thoại với tiên triết về văn hóa phương Đông thế kỷ XXI". NXB ĐHQG Hà Nội, xuất bản năm 1999.

sử, tri chi", có nghĩa là: Nếu dân đồng ý thì để cho họ làm, nếu dân không đồng ý thì phải nói rõ đạo lý, để nhân dân hiểu vì sao phải làm như vậy.

Căn cứ vào tinh thần của Khổng Tử là luôn dạy học trò với tinh thần thuyết phục, chẳng những giảng đạo lý mà còn thực hiện đạo nhân, thì Khổng Tử không thể có tư tưởng đề ra chính sách ngu dân để trị thiên hạ.

10. Khổng Tử nói: "Người thích dũng cảm mà lại căm ghét sự nghèo hèn của mình thì rất dễ làm loạn. Đối với người bất nhân, nếu bị ghét bỏ quá mức thì họ cũng dễ trở thành kẻ làm loạn".

Lời bình:

Khổng Tử nói rất thấu tình đạt lý. Ta thường nói "quân tử cố cùng" là muốn nói trong khó khăn, bần cùng chỉ có người quân tử mới giữ được khí tiết đến cùng. Người thích đấu tranh, dũng cảm đấu tranh lại rất căm giận phận mình nghèo hèn, thì hẳn sẽ làm loạn, đối với loại người này phải đặc biệt chú ý. Còn đối với người bất nhân, người phạm tội, nên dùng đạo nhân để cảm hóa họ, giáo dục họ, không thể xem họ như kẻ thù, vì nếu xem họ như kẻ thù là đẩy họ vào con đường tội lỗi hơn nữa, tất nhiên sẽ trở thành kẻ làm loạn.

Lòng của hai hạng người này, dù thiện ác khác nhau, nhưng sinh ra mầm loạn, thì chỉ có một thôi.

11. Khổng Tử nói: "Giả dụ có một người có trí tuệ, tài năng và kỹ thuật tài nghệ như Chu Công, nhưng nếu

kiêu ngạo và keo kiệt, bủn xỉn, thì không thể sử dụng các mặt khác của người ấy được".

Lời bình:

Chu Công là một nhân vật có tài trị nước, có công đặt ra nghi lễ và thể chế của nhà Chu, được Khổng Tử suy tôn là người có đạo đức cao thượng. Theo quan niệm của Khổng Tử, người quân tử phải là người đủ *nhân, trí, dũng,* nói cách khác là đủ cả tài và đức, không thể thiếu một. Nếu chỉ có tài, thậm chí như Chu Công mà thiếu đức thì cũng chẳng sử dụng được. Thực tế, dù cho năng lực tài giỏi đến đâu, nếu kiêu ngạo và keo kiệt dẫn đến mọi người xa lánh, thì tài năng của người đó không được mọi người ủng hộ và dốc lòng thực hiện. Như vậy tài phỏng có ích gì?

12. Khổng Tử nói: "Học ba năm mà chẳng để chí vào việc cầu bổng lộc, chẳng dễ mà có được người như vậy".

Lời bình:

Khổng Tử không phản đối học để làm quan, cũng không chủ trương học để làm quan. Theo ông, mục đích lớn nhất của sự học là để trở thành người quân tử thực hiện đạo nhân, phát huy đức sáng, đức tốt đẹp của con người. Nhưng có nhiều người hoặc vì muốn phụng dưỡng cha mẹ, hoặc muốn đem tài học của mình ra thi hành nên học để chờ dịp ra làm quan. Còn Khổng Tử phản đối lối học mau chóng để ra làm quan, tận hưởng bổng lộc mà quên mất cả tu dưỡng đạo nhân cho đến nơi

đến chốn. Vì vậy, ông nói câu này có ý cảnh tỉnh học trò của mình.

13. Khổng Tử nói: "Dốc lòng tin tưởng vào đạo và ham học nữa, biết dùng sinh mệnh để bảo vệ sự hoàn thiện của đạo. Không đến những nước đang có nguy hiểm, không ở những nước đang có, loạn lạc. Thiên hạ có đạo thì ra làm quan, thiên hạ vô đạo thì về ở ẩn. Nước nhà thái bình mà mình lại nghèo hèn, như vậy là đáng sỉ nhục. Nước nhà loạn lạc mà mình giàu có, như vậy cũng là đáng sỉ nhục".

Lời bình:

Đây là lời tự bạch của Khổng Tử cũng là yêu cầu đề ra cho học trò gồm năm điểm dưới đây:

Dốc lòng tin tưởng vào đạo và ham học, thà chết để giữ trọn đạo: Khổng Tử yêu cầu học trò phải có sự tín ngưỡng kiên định, dốc hết lòng vào thực hiện đạo nhân; phải thường xuyên ham thích học điều nhân, khi cần thiết phải lấy sinh mệnh của mình để bảo vệ sự trong sáng của đạo nhân.

Nước nguy không đến, nước loạn không ở: Thời Xuân Thu, các chư hầu tranh bá đồ vương gây nên cảnh nhân tình loạn lạc, thế thái suy vi. Vì vậy, có nước chính trị ổn định, xã hội yên bình; có nước chiến loạn khắp nơi, nguy cơ bốn phía. Khổng Tử chủ trương không cư trú ở các nước loạn lạc, có nguy hiểm, vì đến đó đã chẳng thi hành được đạo nhân, có khi còn mang họa vào thân.

Điều này biểu hiện thái độ của Khổng Tử đối với thế tục khi thời thế bất ổn.

Thiên hạ có đạo thì ra làm quan, thiên hạ vô đạo thì về ở ẩn: Một cục diện chính trị, một trào lưu lịch sử khi đã hình thành, thì không một ai có thể thay đổi được tình thế. Cho nên, Khổng Tử chủ trương thiên hạ thái bình, vua hiền tôi trung, nước nhà ổn định, chính trị sáng sủa, thì nên ra làm quan. Thiên hạ loạn lạc, chính trị đen tối, gian thần, loạn đảng tung hoành thì nên ở ẩn, lẩn tránh, sáng suốt, tỉnh táo để bảo vệ mình, chờ đợi thời cơ ra phò vua, giúp nước xây dựng lại cơ nghiệp. Thái độ như vậy của Khổng Tử rất là sâu sắc, tinh tế. Về sau, nó cũng trở thành nguyên tắc xử thế của học phái Nho gia.

Nước nhà thái bình mà mình lại nghèo hèn là điều đáng sỉ nhục: Một người có phẩm đức đoan chính, lại có năng lực thì nên ra tay hành động, đạt thành tích đáng kể. Điều kiện xã hội các mặt đều tốt, thuận lợi, cơ hội hiếm có, tại sao mình không làm nên được trò trống gì, mà vẫn phải cam chịu cảnh nghèo hèn? Điều này chứng tỏ mình quá kém cỏi, đáng sỉ nhục.

Nước nhà loạn lạc mình lại giàu có là điều đáng sỉ nhục: Nước nhà loạn lạc thì quân tử ở ẩn, tiểu nhân đắc chí. Kẻ nào lúc đó mà giàu lên thì chỉ có thao túng quyền hành, cướp của nhân dân, gây phiền hà khó khăn để lấy của người. Giàu có như vậy chẳng phải là điều đáng sỉ nhục ư?

14. Khổng Tử nói: "Không ở vào chức vị nào thì đừng bàn tính về chính sự của chức vị ấy".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói về bổn phận của mỗi người. Người ở cương vị nào thì để tâm lo toan làm tròn trách nhiệm của cương vị ấy, cứ theo đúng thiết chế xã hội có tổ chức, có thứ tự thì nước mới yên, thiên hạ mới gọi là có đạo. Một khi vượt quá quyền lợi cho phép: quan đại phu thì bàn việc vua; thứ dân thì bàn việc quan; cấp dưới bàn việc cấp trên... Như vậy đều là "không ở chức vị ấy" mà "bàn bạc về chính sự của chức vị ấy" cả, dẫn đến vua không ra vua, quan không ra quan, cấp trên không ra cấp trên, cấp dưới không ra cấp dưới. Mọi sự hỗn loạn đều từ đấy mà ra cả.

15. Khổng Tử nói: "Khi nhạc sư Chí mới ra làm quan, tấu bản nhạc phổ theo bài thơ Quan Thư, tới khúc cuối cùng, tiếng nhạc dào dạt, nghe vui thích, thuận tai lắm thay!".

Lời bình:

Khổng Tử là người rất yêu thơ và hay nhạc, ông rất thích bài thơ Quan Thư phổ thành nhạc. Âm điệu và ca từ của bài hát rất hay, làm say đắm lòng người và khơi dậy những tình cảm cao đẹp. Khổng Tử thường hát theo nhiều lần, lấy đó để bồi dưỡng tính tình, bày tỏ tấm lòng. Đây là một hứng thú cao thượng và cũng là một phương pháp rèn luyện, bồi dưỡng nhân cách của bậc chí nhân.

16. Khổng Tử nói: "Cuồng vọng mà không ngay thẳng; ngu dốt mà không thành thực, bất tài mà không

giữ tín nghĩa. Ta không biết loại người này ra hạng người gì!".

Lời bình:

Khổng Tử quan niệm con người ta ai cũng có cái hay cái dở. Thông thường người kém về tri thức thường có lòng trung hậu gỡ lại; không có tài thường chẳng lừa gạt ai, giữ chữ tín rất tốt. Nếu hỏng cả hai mặt trên thì còn làm người sao được! Vì vậy, ông hết sức phàn nàn về loại người nói trên, cho rằng họ là những người không chịu tiếp thu sự giáo dục và cũng không biết hạng người ấy sẽ làm được trò trống gì!

17. Khổng Tử nói: "Khi học tập tri thức thì phải giống như đang đuổi theo một cái gì, sợ đuổi không kịp, và dù cho có đuổi kịp cũng lại sợ mất (những điều đã học) đi".

Lời bình:

Câu này nói lên tâm trạng của người ham học, ham hiểu biết. Quá trình học tập và nỗi lo lắng trong học tập của một con người chính là quá trình sợ không theo kịp người, sợ học không đến nơi đến chốn, sợ không hiểu hết đạo lý thánh hiền. Sự học là quá trình tích lũy dần dần, ngày một gia tăng kiến thức. Muốn học tập có kết quả phải tranh thủ từng giờ, từng phút chứ không thể để đến ngày mai. Trên con đường tìm tòi học hỏi đạo lý, không nắm cho chắc cái đạt được của hôm nay, không bắt đầu tìm hiểu cái chưa đạt từ hôm nay mà cứ đợi đến

ngày mai, sau này; những người như vậy sẽ chẳng bao giờ đắc đạo.

18. Khổng Tử nói: "Cao quý thay vua Thuấn và vua Vũ! Được cả thiên hạ mà vẫn cảm thấy việc này không có gì đáng vui hoặc kiêu hãnh cả".

Lời bình:

Thường người ta khi làm được việc gì, đều cảm thấy vui, đôi khi đắc chí, có vẻ ta đây làm nên sự nghiệp. Con người ta thường có lòng tham không đáy, chưa có thì muốn có, có rồi lại muốn có nhiều hơn, dục vọng không bao giờ thỏa mãn. Khổng Tử chủ trương người có nhân không được tham lam, vua Thuấn và vua Vũ Vương được cả thiên hạ mà vẫn thấy như không, mình chả có liên quan gì cả. Đây là bậc đại nhân, đại thánh nhân.

19. Khổng Tử nói: "Làm vua như vua Nghiêu thật là vĩ đại thay! Thật là cao quý thay! Chỉ có trời là cao lớn nhất, cũng chỉ có vua Nghiêu là người biết dựa vào đạo trời. Công đức của vua Nghiêu to lớn không cùng, dân chúng không thể ca ngợi cho xiết. Công lao của vua Nghiêu vô cùng vĩ đại. Chế độ lễ nhạc do vua Nghiêu đặt ra vô cùng sáng tỏ, chiếu tỏa hào quang khắp mọi nơi".

Lời bình:

Khổng Tử ca ngợi đại nhân, đại đức của vua Nghiêu. Khổng Tử rất sùng bái chế độ nhường ngôi của vua

Nghiêu, vua Thuấn. Không phải tự nhiên Khổng Tử nói câu này. Chẳng qua xã hội lúc ấy đối mặt với sự tranh giành, đánh phạt lẫn nhau giữa các chư hầu, vua tôi giết lẫn nhau, cha con giết lẫn nhau, huynh đệ tương tàn, mà Khổng Tử nói lên lời ca tụng này. Theo Khổng Tử, chỉ có trời là to lớn nhất, trời sinh ra vạn vật, nuôi dưỡng vạn vật, chi phối vạn vật mà có thấy gì đâu. Chỉ có vua Nghiêu tuân thủ được đạo trời, tức là tôn trọng quy luật khách quan làm cho thiên hạ thái bình mà không cho là việc đáng nói ra. Đấy chẳng phải là điều đáng ca ngợi hết lời sao?

20. Vua Thuấn chỉ có năm hiền thần mà thiên hạ được thái bình.

Vua Vũ Vương đã từng nói: "Ta có mười đại thần mà bình trị thiên hạ".

Khổng Tử nói: "Có được người hiền tài rất khó, không phải là như vậy ư? Sau Đường Nghiêu và Ngu Thuấn, chỉ đến thời vua Vũ Vương mới có một phụ nữ, trên thực tế chỉ có chín vị. Vua Vũ Vương được hai phần ba thiên hạ, vẫn giữ khí tiết của một trung thần phụng thờ triều Ân. Đức của vua Vũ Vương có thể nói là đức cao quý nhất".

Lời bình:

Khổng Tử rất tôn trọng người hiền tài trị quốc. Quản lý một quốc gia cần có người hiền tài làm rường cột. Thời vua Thuấn, chỉ có năm hiền thần mà thiên hạ vẫn thái bình, thịnh vượng. *Thời vua Vũ Vương, có mười*

hiền thần mới quản lý được thiên hạ. Một đất nước có đủ các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự,... không có người hiền tài làm rường cột là không được. Người lãnh đạo quốc gia, nhiệm vụ quan trọng nhất là tuyển chọn người hiền tài, bồi dưỡng và sử dụng người hiền tài, khiến cho người hiền tài đưa hết khả năng ra phụng sự tổ quốc, thì mới làm cho đất nước được thái bình, thịnh vượng. Tuyển chọn và bồi dưỡng người hiền tài là mấu chốt cho việc trị nước yên dân.

21. Khổng Tử nói: "Đối với vua Vũ Vương, ta chả có điều gì phải nói nữa. Vua Vũ Vương ăn uống rất đạm bạc, còn tế lễ quỷ thần thì rất thịnh soạn. Bình thường mặc áo quần rất giản dị, sơ sài; còn khi tế lễ thì ăn mặc rất đẹp, mũ miện đầy đủ. Cung thất ở rất chật hẹp, mà đưa toàn tâm, toàn lực ra xây dựng thủy lợi đê điều. Đối với vua Vũ Vương, ta thật không còn có lời nào chê trách được nữa!".

Lời bình:

Khổng Tử ca tụng vua Vũ Vương thật là bậc đại nhân. Những việc làm của vua Vũ Vương là hoàn toàn lo cho dân chứ không lo cho mình, không nghĩ đến hưởng thụ cá nhân; đem tài lực của mình, của quốc gia tập trung cho sự nghiệp "quốc kế dân sinh", quan tâm đến phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân chúng của Đại Vũ.

Một người có nhân phải biết luôn luôn quan tâm đến lợi ích của dân, đặt quyền lợi của đất nước, của nhân dân lên trên quyền lợi của bản thân mình.

Chương 9

TỬ HÃN

1. Khổng Tử ít khi nói đến lợi, mệnh trời và nhân.

Lời bình:

Khổng Tử ít khi nói đến lợi, mệnh trời và nhân. Vì sao?

Khổng Tử ít khi nói đến lợi, vì tính lợi riêng cho mình tất sẽ hại người, hại nghĩa, hại đạo lý. Sự nghiệp một đời của Khổng Tử là truyền bá, nêu cao đạo nhân, lấy nghĩa làm đầu, thường không đặt lợi ở địa vị quan trọng chủ chốt. Khổng Tử lấy nghĩa làm mục đích, là tiêu chí để phân biệt giữa người có đạo đức và người không có đạo đức.

Khổng Tử ít khi bàn luận đến mệnh trời. Bởi vì cái lý của mệnh trời rất tinh vi. Mệnh, số phận con người là không thể lường trước được, không dễ thăm dò được. Người ta thường nói, đây là do mệnh trời, đây là tại số phận, nhưng mệnh trời là cái gì không ai giải thích rõ được. Mệnh là điều tất nhiên của vạn sự, vạn vật; mệnh là điều huyền bí không thể biết, nói nhiều càng khiến người ta giảm chí tiến thủ.

Khổng Tử ít khi bàn luận về nhân là muốn nói Khổng Tử không đi sâu lý luận suông về đạo nhân, bởi vì nhân là một khái niệm hết sức sâu xa, rộng lớn. Chỉ khi Khổng Tử bàn luận đạo nhân mới nói đến đạo lý lớn của nhân, ông thường bắt đầu từ cái lý gần gũi giữa con người với con người, giải thích đức nhân theo từng sự

việc cụ thể, cốt làm sao để thực hiện cho được đạo nhân, ít khi đi sâu về mặt lý luận. Làm như vậy sẽ không gây hiểu lầm, tạo nên sự cách biệt giữa đạo và đời, giữa đức nhân với con người, nên mỗi khi bàn tới điều này, Khổng Tử đều có thái độ cẩn thận và rất dè dặt.

2. Một người ở xứ Đạt Hạng nói: "Khổng Tử thật là vĩ đại, học rộng nhưng rất tiếc lại chẳng có danh tiếng gì!".

Khổng Tử nghe được liền nói với học trò rằng: "Ta làm cái gì? Đánh xe ư? Bắn tiễn ư? Ta làm nghề đánh xe vậy!".

Lời bình:

Người Đạt Hạng khen Khổng Tử vĩ đại, nhưng họ không biết Khổng Tử vĩ đại ở chỗ nào. Vĩ đại của Khổng Tử ở chỗ Khổng Tử sùng bái đức nhân, lấy đức nhân để trị quốc an dân. Đây là đạo lý để nâng cao sự tu dưỡng đạo đức, nâng cao trình độ văn minh tinh thần của dân chúng.

Khi nghe người Đạt Hạng nhận xét, Khổng Tử chỉ nói: "Ta làm nghề đánh xe vậy". Câu này của Khổng Tử có ý khiêm tốn, nhưng lại ngụ ý hướng dẫn, đưa đường chỉ lối cho thiên hạ. Mặt khác, ông muốn khẳng định một danh nhân có đạo hoàn toàn mà đức lại đầy đủ thì không thể yêu cầu phải có một chức danh, một danh tiếng gì. Khổng Tử cho rằng: người quân tử không phải là khí cụ, công cụ nên không nhất thiết phải có chức danh hay danh tiếng.

3. Khổng Tử nói: "Đội mũ bằng vải gai đen là theo đúng lễ xưa, nhưng nay đều dùng mũ bằng vải tơ, rẻ tiền hơn. Vậy ta làm theo mọi người. Còn trong việc bái yết vua, bái từ bậc thềm dưới là đúng lễ. Nhưng đời nay, các quan đều bái ở bậc trên, như vậy là kiêu mạn. Mặc dù trái với mọi người, ta vẫn theo cách bái ở bậc thềm dưới".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, bề tôi phải giữ đúng lễ đối với vua. Bề tôi khi nhìn thấy vua ở công đường là phải quỳ lạy và khi vua thăng đường (bắt đầu làm việc) phải quỳ lạy lần nữa. Lễ này phải nghiêm túc thực hiện, vì thể hiện sự trung với vua. Ngày nay, những hành động tương tự là biểu hiện lòng trung thành với nhân dân, với tổ quốc. Những quy định như vậy phải được tôn trọng.

4. Khổng Tử không bao giờ mắc phải bốn sai lầm này: không dựa vào ý riêng; không phán đoán khẳng định, áp đặt; không cố chấp; không tự cho mình là đúng cả.

Lời bình:

Câu trên nói lên quan điểm về nhận thức luận của Khổng Tử là hết sức thực sự cầu thị:

Không dựa vào ý riêng: Điều này có nghĩa là không dựa vào "số không", không dựa vào ý riêng của mình để suy đoán mà phải có căn cứ. Khổng Tử chủ trương bất luận làm việc gì đều phải xuất phát từ thực tế. Trong

quá trình làm việc, phải hiểu rõ công việc, nhận thức rõ sự vật, tìm ra phương án hợp lý đúng đắn, chứ không thể dựa vào sự phán đoán chủ quan, hoặc không có cơ sở.

Không phán đoán khẳng định, áp đặt: Điều đó có nghĩa là không phát biểu ý kiến khẳng định trước. Khổng Tử cho rằng mỗi khi làm việc gì đều phải hỏi, phải nêu vấn đề; làm việc gì phải hỏi vì sao phải làm, vì sao phải áp dụng biện pháp như vậy,...; điều tra trước, quan sát nghe hỏi trước, rồi sau đó mới suy nghĩ, xem xét, phán đoán, kết luận. Đây mới là thái độ xử sự đúng đắn.

Không cố chấp: Nhận thức của con người là phản ánh đối với sự vật khách quan, là phản ánh sự vật khách quan thay đổi, biến hóa trong thực tiễn. Đối với mọi sự vật, hiện tượng, con người chỉ có thể nhận thức được một trình độ nào đó thôi. Thực tiễn không ngừng phát triển, nhận thức không ngừng tiến bộ. Bất kỳ người nào nếu đem nhận thức đã có, cố định, áp đặt máy móc nhất định sẽ mắc phải sai lầm. Vì vậy, không nên cố chấp ý kiến của mình, làm như vậy là tự phong tỏa nhận thức của mình, hạn chế hoạt động của mình.

Không tự cho mình là đúng cả: Người ta không phải cái gì mình cũng biết cả, đúng cả. Mâu thuẫn nằm trong sự vật cũng như các loại mâu thuẫn khác nhau là rất phức tạp, luôn phát triển biến hóa. Con người trong thực tiễn, có khi nhận thức được một vật này, lại có thể không nhận thức được một sự vật khác; hoặc chỉ nhận

thức được mức độ nào đó, chứ không thể nhận thức hết được toàn bộ sự vật. Cho nên, con người phải tôn trọng thực tiễn, không ngừng nhận thức thế giới, không thể cái gì cũng cho là biết cả, hiểu cả. Ngược lại, sẽ mắc nhiều sai lầm lớn, đồng thời không nhìn thấy cái sai của mình để sửa đổi.

Bốn điều này diễn ra có liên quan chặt chẽ với nhau, trước tiên là dựa vào ý kiến chủ quan, tự cho mình là đúng rồi sinh ra áp đặt, khẳng định chắc hẳn; cố chấp không thay đổi mới thành ra tự cho mình cái gì cũng hiểu cả, giỏi cả. Suy cho cùng, bốn điều này đều do vật dục lôi kéo, xoay vần không cùng mà ra.

5. Khi bị vây khốn ở đất Khuông, Khổng Tử nói: "Sau khi vua Văn Vương mất, tất cả mọi văn hóa, lễ nhạc đều không phải ở nơi ta cả ư? Nếu trời muốn cho nền văn hóa này mất đi, thì sao khi vua Văn Vương chết, lại ủy thác cho ta nắm giữ nền văn hóa này làm gì? Còn nếu như trời đã không muốn để mất nền văn hóa này, thì người Khuông kia làm gì được ta?".

Lời bình:

Khổng Tử là người có lòng tin mãnh liệt vào sự nghiệp truyền bá đạo nhân của mình; tin tưởng vào sự trường tồn của nền văn hóa, văn minh dân tộc Trung Hoa mà Khổng Tử là người đại diện. Các thế lực hắc ám có thể giết chết một con người, tàn phá một quốc gia, nhưng không tài nào hủy diệt được nền văn minh, văn hóa nhân loại. Đấy là quy luật của lịch sử, và sứ mệnh

lịch sử nhân loại đã đặt lên vai Khổng Tử. Ông hiểu rõ hơn ai hết và tin tưởng chắc chắn rằng nếu theo mệnh trời tức là theo quy luật, văn hóa truyền thống của Trung Quốc còn tồn tại và phát triển trong lịch sử thì đến như người Khuông cũng chẳng làm gì được. Đây không phải là chỗ vĩ đại nhất của Khổng Tử đó ư? Đây không phải là nguyên nhân để cho Khổng Tử vĩnh viễn tồn tại trong hàng ngũ danh nhân văn hóa đó ư?

6. Quan Thái Tể hỏi Tử Cống: "Khổng Tử là bậc thánh nhân ư? Vì sao mà nhiều tài nghệ đến như vậy?".

Tử Cống nói: "Đây là do trời để cho Khổng Tử làm thánh nhân, lại cho Khổng Tử lắm tài, nhiều nghệ".

Khổng Tử biết được việc này nói: "Quan Thái Tể làm sao hiểu nổi ta? Lúc nhỏ bị nghèo hèn, ta phải làm nhiều nghề nên biết được nhiều việc nhỏ mọn. Người quân tử cần biết nhiều như vậy không? Không cần biết nhiều nghề như vậy".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử muốn nói tài của Khổng Tử không phải do trời sinh mà do rèn luyện từ nhỏ mà nên.

Lúc nhỏ, gia cảnh của Khổng Tử không giàu có gì. Khi người ta có tang, Khổng Tử phải đi đánh trống thổi kèn. Chính vì phải làm những nghề thấp hèn khiến cho Khổng Tử nuôi chí lớn quyết tâm học đạo thánh hiền để độ thế giúp đời. Đây chẳng phải là phẩm đức của người quân tử sao?

7. Ông Lao nói: "Khổng Tử đã từng nói: vì không được quốc gia trọng dụng nên học được một số công nghệ, kỹ thuật".

Lời bình:

Con người được quốc gia trọng dụng là điều tốt, nhưng cũng có điều bất cập. Người được trọng dụng thì lúc nào cũng bận rộn, kẻ đón người đưa, dễ cảm thấy đắc chí sớm; cho nên nếu không giữ mình cẩn thận thì chủ quan dễ dừng lại, không tiến lên hơn nữa. Người như vậy khi hết quan trở về làm thường dân, nhìn lại mới thấy mình chẳng có lấy một tài cán nghề nghiệp gì.

Nếu như người có chí khí, có tài đức mà không được trọng dụng, không được đãi ngộ, thì sẽ hết sức tìm tòi, nghiên cứu để mưu cầu cuộc sống. Nghịch cảnh tôi luyện con người, bồi dưỡng con người, đẻ ra tài năng. Chỉ có trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ, con người có ý chí mới có cơ hội bộc lộ rõ tài năng, rèn đúc nên phẩm hạnh cao đẹp. Khổng Tử là một người như vậy.

8. Khổng Tử nói: "Ta có nhiều hiểu biết ư? Không! Ta không hiểu biết nhiều. Có một nông dân hỏi ta một vấn đề mà lúc đầu ta không biết một tý nào cả. Nhưng ta đem hai mặt của vấn đề lật đi lật lại, suy nghĩ tìm hiểu, rồi giải thích tường tận cho người ấy hiểu rõ".

Lời bình:

Câu này có hai ý:

Khổng Tử nói mình không hiểu biết nhiều, có nghĩa là không phải cái gì mình cũng biết cả. Vì vậy, Khổng

Tử thường không khăng khăng giữ ý kiến riêng của mình, không áp đặt ý kiến của mình cho người khác. Chỉ có tự nhận mình như vậy rồi mới không ngừng nhận thức được sự vật mới, mới trở thành người có kiến thức đươc. Khổng Tử nói lời như vậy nhưng khi dạy người, dù đối với bậc hạ ngu cũng tận tình dạy bảo cho hết lẽ. Đức khiêm tốn ấy thật là cao cả.

Phương pháp đem hai mặt của vấn đề lật đi lật lại, suy nghĩ tìm hiểu thấu đáo là phương pháp tư tưởng của Khổng Tử để tìm ra được tri thức mới. Bất kỳ sự vật nào cũng có hai mặt đối lập thống nhất. Một sự vật lúc đầu ta không hiểu, nhưng để nhận thức được sự vật, tốt nhất là tìm hiểu mặt này, suy xét mặt kia. Sau khi hiểu rõ, ta sẽ từ chỗ chưa hiểu đến hiểu, từ chỗ biết ít đến chỗ biết nhiều.

Như vậy, mọi điều cao lẽ thấp đều hiểu thông suốt. Khi giảng giải, nói việc gần gũi hàng ngày thì ai cũng có thể hiểu được; còn bàn lẽ cao siêu, thì dù bậc thánh nhân, hiền triết cũng không thể nói thêm gì hơn. Như thế gọi là hai đầu mối, hai mặt của một vấn đề đều rõ hết, không còn gì uẩn khúc nữa. Nếu nói mặt phải mà thiếu mặt trái, nói điều trên mà bỏ sót điều dưới, thì đâu phải lời nói của bậc thánh nhân.

9. Khổng Tử nói: "Chim phượng hoàng không bay đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện đồ thư, một đời ta *thế là hết*".

Lời bình:

Đây là lời cảm thán của Khổng Tử đối với thời thế lúc ấy. Theo truyền thuyết, thiên hạ thái bình thì chim phượng hoàng mới xuất hiện, chỉ có thánh nhân xuất thế thì sông Hoàng Hà mới nổi hà đồ[1]. Thời đại của Khổng Tử sống là thời đại loạn lạc, chư hầu phân tranh, mất hết đạo đức lễ nghĩa, nhân tâm không còn theo lễ chế nhà Chu nữa, phong tục tập quán đã đổi bại. Vì vậy Khổng Tử mới thốt lên lời than vãn này.

10. Khi nhìn thấy người mặc tang phục, người đội mũ miện mặc lễ phục và người mù, mặc dù họ còn rất trẻ thì Khổng Tử cũng nhất định đứng lại, nếu phải đi qua trước mặt họ thì đi rất nhanh.

Lời bình:

Khổng Tử là con người có đức nhân, có tấm lòng của người ngay thẳng, đức thương người có tang, tôn trọng người có phẩm tước, thương người chẳng thành nhân. Đức nhân đó luôn thống nhất với thái độ, hành động bộc lộ ra bên ngoài.

Nhìn thấy người mặc tang phục cũng như người mù, Khổng Tử đều lộ rõ nét mặt nghiêm trang, đoan chính, không thể không mủi lòng, muốn đi qua phải đi rất nhanh. Nhìn thấy người đội mũ miện và mặc lễ phục, Khổng Tử nhất định đứng lại tỏ ý tôn trọng. Những

---

1. *Hà đồ là bản vẽ nằm trong hệ thống bát quái của Kinh Dịch.*

hành động này diễn đạt được tấm lòng nhân hậu, biết giữ lễ của Khổng Tử.

11. Nhan Uyên ngậm ngùi than rằng: "Đạo của thầy càng ngước trông lên càng thấy cao, càng nỗ lực nghiên cứu càng thấy sâu. Mới chiêm nghiệm thấy ở phía trước, đột nhiên lại hiện phía sau lưng. Thầy khéo léo dẫn dắt dần dần từng bước trước sau giảng cho ta thấu triệt. Thầy dùng đủ loại văn chương, làm cho tri thức của ta thêm phong phú, lại biết dùng lễ tiết để đưa hành vi của ta dần vào khuôn phép, khiến cho mình dù muốn thôi cũng không thôi được, đã đưa hết tài lực ra học thế mà vẫn trông thấy đạo của thầy ta như đang đứng sừng trước mặt. Ta dẫu muốn theo đến cùng, mà vẫn không tài nào đạt được như yêu cầu của thầy ta".

Lời bình:

Đây là lời ca ngợi của Nhan Hồi đối với Khổng Tử.

Nhan Hồi nói về tinh thần đặc biệt vĩ đại của đạo nhân. Đạo nhân ngẩng đầu lên ngưỡng mộ vẫn thấy rất cao lớn, như sừng sững đứng trong trời đất; đi sâu nghiên cứu thì thấy nội dung vô cùng phong phú, không dành thời gian dốc lòng học hỏi thì không thể hiểu được; có lúc tưởng như ở đằng trước, có lúc tưởng như ở đằng sau. Ý Nhan Hồi muốn nói rõ đạo của Khổng Tử không cùng tận, không có phương hướng, hình thể nhất định, thấy đạo ngày một gần, mà không sao theo được cho cùng, để người ta thấy rằng: gốc của đạo nhân là ở trong con người, ở chung quanh con người, không rời khỏi con

người một tích tắc. Vì vậy, để làm người, con người phải không ngừng học tập, tu dưỡng đạo nhân.

Nhan Hồi ca tụng Khổng Tử có phương pháp dạy học hay, tuần tự trước sau làm cho hiểu dần, hiểu thấu đáo, biết hướng dẫn học trò. Cách dạy của Khổng Tử là trước hết lấy tri thức văn hóa cổ đại để bổ sung kiến thức cho học trò, làm cho kiến thức của học trò ngày một thêm phong phú; sau đó dùng lễ chế nhà Chu để ràng buộc học trò, khiến cho hành vi của học trò được quy phạm hóa. Như vậy, trước là nâng cao sự hiểu biết, sau là thực hành sự hiểu biết. Bởi vì, hiểu biết rồi thì phải hành động, phải làm theo. Cứ như vậy, Khổng Tử dẫn dắt học trò vượt qua mọi cửa ải, không ngừng tiến đến lẽ cao siêu của đạo nhân.

12. Khổng Tử ốm nặng, Tử Lộ bảo học trò của Khổng Tử làm gia thần lo liệu hậu sự.

Về sau bệnh tình của Khổng Tử thuyên giảm, Khổng Tử thấy vậy liền nói: "Quá lắm rồi! Trọng Do (Tử Lộ) làm cái việc này quá bày vẽ, không thực tế tý nào, lại còn dối trá nữa. Ta nay làm gì có gia thần, mà lại giả làm có gia thần. Ta lừa ai đây? Lừa trời chăng? Vả lại nếu ta chết dưới sự lo liệu của gia thần sao bằng chết trong tay các học trò của ta. Dầu cho không được dùng tang lễ trọng thể để mai táng, thì không lẽ ta chết ngoài đường hay sao?".

Lời bình:

Khổng Tử ốm nặng sắp chết, Tử Lộ bố trí học trò của Khổng Tử làm gia thần để lo liệu hậu sự. Như vậy là

hết sức chân thành tôn trọng thầy, nhưng chưa biết cách suy tôn thầy.

Nhưng khi Khổng Tử biết rõ việc này, Khổng Tử tỏ ra không đồng ý. Vì sao Khổng Tử không đồng ý?

Khổng Tử cho rằng làm việc gì cũng phải chính danh. Ở thân phận nào thì tổ chức tang lễ đúng thân phận ấy. Khổng Tử lúc sống không có gia thần thì sao lúc chết lại bố trí gia thần? Làm như vậy là đẩy Khổng Tử vào chỗ dối người, dối trời. Người mà dối trời, tội không còn gì lớn bằng. Đối với người quân tử, dù là việc nhỏ nhặt nhất thì lời nói và hành động cũng không thể không cẩn thận. Khổng Tử không chấp nhận là có ý trách Tử Lộ vậy.

13. Tử Cống nói: "Ở đây có viên ngọc đẹp, bây giờ đem nó cất giấu ở trong tráp, hay tìm người biết giá trị mà bán đi chăng?".

Khổng Tử nói: "Bán đi! Bán đi! Ta đang đợi người biết giá trị của nó đến để bán đây".

Lời bình:

Một đời Khổng Tử vì thực hiện đạo nhân mà phải bôn ba khắp mọi nơi. Mục đích là để được tin dùng, để Khổng Tử lấy đạo nhân mà trị quốc an dân. Khổng Tử không bao giờ nghĩ đến ẩn cư mà tích cực xuất thế, ngồi địa vị cao ở miếu đường. Tử Cống và Khổng Tử nói câu này chỉ cốt để làm ví dụ. Tuy có tài trị quốc nhưng không có cơ hội thể hiện thì cũng như viên ngọc quý phải cất giấu, có ích gì, có tác dụng gì? Khổng Tử đợi

người biết giá trị để bán, đợi có điều kiện để đưa tài học phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, thực hiện lý tưởng đạo nhân của mình. Đợi người biết giá trị để bán không phải là muốn hưởng nhiều bổng lộc, mà là đợi khi có vua hiền đức, biết trọng nhân tài, biết chăm lo, bình trị thiên hạ thái bình thì sẽ ra làm quan. Còn nếu không gặp vua hiền, thì các ông cũng trọn đời ở ẩn, chứ không chịu làm trái đạo lý để theo người, khoe ngọc tốt để cầu bán được; cầu cạnh người để được tin dùng.

14. Khổng Tử muốn đến đất Cửu Di để ở.

Có người nói: "Ở đó quá lạc hậu, làm sao mà ở được".

Khổng Tử nói: "Có người quân tử ở đó, làm gì còn lạc hậu nữa".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, một địa phương, một khu vực tiên tiến hay lạc hậu, mấu chốt là xem phẩm chất của con người ở đó. Một nơi lạc hậu, điều kiện sống nghèo nàn, nếu có người có đạo đức sống ở đó thì điều kiện sẽ dần dần được cảm hóa mà thay đổi, không thể nói là cứ lạc hậu mãi. Một nơi mà phẩm chất con người kém, thì dù điều kiện nhà ở có tốt cũng không thể nói là nơi ấy tiên tiến được.

15. Khổng Tử nói: "Sau khi ta từ nước Vệ trở về nước Lỗ, mới chỉnh lý lại các bản nhạc, đã khiến cho nhạc *nhã và nhạc tụng mỗi loại có vị trí thích đáng* của nó".

Lời bình:

Mùa đông năm Lỗ Ai Công thứ mười một, Khổng Tử từ nước Vệ trở về nước Lỗ. Lúc ấy, lễ chế nhà Chu vẫn được bảo toàn, nhưng tư liệu văn hiến cổ đại như nhạc nhã, nhạc tụng bị thất lạc quá nhiều. Vì vậy, Khổng Tử quyết tâm tìm kiếm những tư liệu văn hiến đã thất lạc, chỉnh lý lại, khiến cho nhạc nhã, nhạc tụng mỗi loại đều có vị trí thích đáng. Đây xem như là một cống hiến lịch sử của Khổng Tử.

16. Khổng Tử nói: "Ở triều đình thì tôn kính các bậc công khanh; ở nhà thì hiếu đễ với cha anh; gặp việc tang chẳng dám không có lễ tiết cho chu toàn; rượu chè không đến nỗi quá say mà lèm nhèm. Những việc đó, ta đã làm được việc nào chăng?".

Lời bình:

Khổng Tử thường nêu ra bốn yêu cầu nghiêm khắc để tự giám sát, điều chỉnh mình. Đó là ở triều đình thì tôn kính các bậc công khanh, ở nhà thì hiếu đễ với cha anh, gặp việc tang chẳng dám không có lễ tiết chu toàn; rượu chè không đến nỗi quá say mà lèm nhèm.

Khổng Tử lúc nào cũng tự nhắc nhở, tự kiểm điểm mình về bốn mặt này, luôn luôn không vi phạm điều nhân, giữ được mình là người có đạo đức cao thượng.

17. Khổng Tử ngồi trên bờ sông nói: "Thời gian giống như nước sông vậy, ngày đêm không ngừng trôi".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói về tình trạng của đạo (quy luật khách quan). Trong trời đất, hết nóng thì đến lạnh, mặt trời lặn thì mặt trăng mọc, vận động không ngừng. Nhỏ như hạt cát, to như mặt trời, tất cả muôn vật trong vũ trụ đều phát triển vận động và biến đổi. Quan sát sự biến đổi vận động của tự nhiên thì dễ dàng nhất, rõ ràng nhất là dòng chảy của con sông, nước chảy mãi không ngừng. Con người nên tôn trọng quy luật phát triển của thế giới khách quan, nên phấn đấu không ngừng, tự cường không nghỉ. Đem tư tưởng đó vận dụng vào tu dưỡng tâm tính là lúc nào cũng xem xét điều chỉnh mình, luôn luôn như dòng nước chảy, không để lúc nào bị gián đoạn.

18. Khổng Tử nói: "Ta chưa nhìn thấy ai thích đức nhân như thích sắc đẹp".

Lời bình:

Con người sống ở đời có hai chữ tài sắc, cầu tài cầu sắc là bản tính của con người. Khổng Tử nói rằng người tham sắc là có trong thực tế, Khổng Tử đã nhìn thấy. Khổng Tử chưa nhìn thấy người chịu khó tu dưỡng mình. Điều này Khổng Tử yêu cầu mọi người nên khắc phục bản tính hiếu sắc, nỗ lực tăng cường tu dưỡng đạo đức.

19. Khổng Tử nói: "Ví như lấy đất đắp núi, nếu thêm một sọt nữa liền thành núi, *nhưng đột nhiên ta dừng*

không thêm vào nữa, như vậy là do ta tự dừng lại. Lại ví như đắp núi ở nơi bằng, dù vừa đổ xuống một sọt đất, nếu ta tiếp tục tiến lên đắp cho thành núi, đó là tự mình muốn tiến đến thành công vậy".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ví dụ lấy đất đắp núi để so sánh với quá trình tu dưỡng đạo đức của con người. Muốn tu dưỡng trở thành người nắm vững đạo nhân thì giống như đắp một quả núi to, phải hết sức thực tế và bền bỉ, phải tích lũy từng ngày từng tháng, là quá trình không ngừng tu dưỡng. Quá trình tu dưỡng này không có giới hạn, vô cùng, vô tận. Người cần học đạo thánh hiền không ngừng tu dưỡng mình giống như lấy đất đắp núi, đắp đến lúc chỉ cần đổ thêm một sọt nữa là thành núi, thế mà dừng lại, như vậy là nửa chừng bỏ dở. Chỉ vì không đổ thêm một sọt nữa mà núi không thành, như vậy là tự mình bỏ cuộc nửa chừng.

Lại ví người cần học đạo thánh hiền cũng như đắp núi ở nơi đất bằng, phải tốn rất nhiều đất, tốn rất nhiều công sức, phải từng sọt từng sọt đắp mãi vào mới thành quả núi, đạt tới thành công như vậy là tự ta gắng lên vậy.

Người ta trọn đời theo đuổi sự nghiệp, phấn đấu không ngừng nghỉ thì tích lũy ít thành nhiều, nếu giữa đường mà nản chí, thoái lui thì bỏ hết công sức trước đó. Thôi hay tiến đều tại nơi ta, thành công hay thất bại đều tại nơi ta, chứ đâu phải tại người.

20. Khổng Tử nói: "Người có thể nghe và làm được theo lời ta dạy mà chưa lúc nào tỏ ra uể oải, có lẽ chỉ có một mình Nhan Hồi".

Lời bình:

Khổng Tử rất thích Nhan Hồi. Khổng Tử giảng bài, Nhan Hồi ngồi nghe, hiểu thấu đáo lời Khổng Tử giảng, không những theo lời thầy mà còn nỗ lực gấp bội, mà dù khi gấp gáp, vội vàng cũng chưa từng làm trái. Nhan Hồi lĩnh hội kiến thức thầy dạy bảo mà như cây gặp được trời mưa, ngày thêm tươi tốt. Đó là điểm các trò khác không làm được. Quan niệm của Khổng Tử là học đạo rất quan trọng, nhưng hành đạo kiên trì, không mệt mỏi lại càng quan trọng hơn nhiều.

21. Khi nhắc đến Nhan Hồi, Khổng Tử than rằng: "Tiếc thay con người này đã mất. Ta chỉ thấy trò Hồi không ngừng tiến lên, chứ chưa bao giờ thấy ngừng phấn đấu bao giờ".

Lời bình:

Khổng Tử than câu này khi đậy nắp quan tài cho Nhan Hồi. Khổng Tử rất quý trọng Nhan Hồi, nhưng tiếc thay, Nhan Hồi đã mất quá sớm. Đánh giá Nhan Hồi, Khổng Tử không hề nhắc đến trình độ học vấn, tu dưỡng đạo đức của Nhan Hồi ra sao, cũng không nhắc đến cách xử thế của Nhan Hồi, mà chỉ nói lên ưu điểm lớn nhất của Nhan Hồi là không ngừng tiến lên. Trình độ người ta cao thấp, năng lực nhiều ít, học vấn nông

sâu, nhân cách bình thường hay đặc biệt, sự khác nhau này là không tránh khỏi. Vấn đề đáng suy tôn là ở chỗ người ấy có không ngừng đòi hỏi mình tiến bộ hay không. Người có chí tiến thủ sẽ không bao giờ ngừng phấn đấu tiến lên, không kể trình độ cao hay thấp, nếu dẫm chân tại chỗ thì chẳng những không tiến bộ, thậm chí còn thoái bộ nữa.

22. Khổng Tử nói: "Lúa nảy mầm mà không làm đòng nở hoa, có trường hợp nào như vậy không? Làm đòng nở hoa mà không kết hạt, có trường hợp nào như vậy không?".

Lời bình:

Lúa bắt đầu mọc gọi là mầm, bắt đầu làm đòng gọi là tú, kết hạt chắc lại gọi là thực. Mầm lúa mọc tốt tất sẽ ra đòng, đòng tốt tất sẽ nở bông kết hạt. Đấy là quy luật nhân quả. Điều đó cũng giống như người quân tử dốc lòng thực hiện điều nhân thì dân chúng tất dấy lên điều nghĩa, thiên hạ nhất định thái bình.

23. Khổng Tử nói: "Những người sinh sau rất đáng sợ, biết đâu tương lai của họ không bằng hiện nay? Nếu họ đến chừng bốn mươi, năm mươi tuổi rồi mà vẫn chưa có tiếng tăm gì trong thế gian, như vậy là không có điều gì phải sợ họ nữa".

Lời bình:

Hậu sinh khả úy, người sinh sau rất đáng sợ. Đây là chân lý Khổng Tử rút ra trong thực tiễn. Lớp người sau

tuổi trẻ có sức mạnh, đủ để học thêm và nhiều hoài bão, lại được thừa hưởng những tài sản tinh thần, vật chất của ông cha. Vì vậy, lớp người sau một khi nắm được học vấn là lập định chí hướng, nỗ lực thực hiện, lập nên sự nghiệp huy hoàng, sẽ thật đáng sợ nếu được chỉ giáo của bậc tiền bối, biết được thế nào là tu dưỡng mình tiến lên theo mục tiêu của người có đạo đức cao thượng. Nhưng nếu lớp người sau không biết cố gắng, đến bốn mươi, năm mươi tuổi mà chưa thành danh, thì một đời họ cũng chả ra gì.

Khổng Tử nói câu này cốt để khuyên răn lớp người sau nên miệt mài cố gắng học hành, tu tập; nếu có lý tưởng rõ ràng, biết tổng kết bài học kinh nghiệm, bồi dưỡng vững chắc nền tảng, có chí khí vươn lên, nhất định đạt thành công lớn. Người ta luôn cần có sự đột phá, có sáng tạo để tiến lên.

24. Khổng Tử nói: "Lời nói đúng đắn có thể không tiếp thu ư? Nhưng chỉ tiếp thu chưa đủ, mà còn phải sửa chữa sai lầm nữa mới là điều đáng quý. Lời nói mềm dẻo, nhẹ nhàng, từ tốn thì có thể không vui sướng chăng? Nhưng chỉ vui sướng chưa đủ, mà còn phải suy nghĩ mới là điều đáng quý. Chỉ biết vui sướng mà không biết suy nghĩ, chỉ biết tiếp thu mà không chịu sửa chữa, loại người như vậy ta chả còn cách nào nữa".

Lời bình:

Người ta nói với mình những lời rất đúng đắn, không thể không nghe; nhưng quan trọng nhất là nghe rồi phải tiếp thu sửa chữa.

Người ta nói với mình những lời từ tốn, ngọt ngào cung kính; nghe rồi không chỉ biết vui vẻ mà phải biết suy nghĩ, phân tích lời người ta nói để biết được ý nghĩa tinh vi ở trong.

Đây cũng là mài dũa, cắt gọt, lời nói hay cũng nghe, lời nói dở cũng nghe. Mục đích là để chọn điều hay tránh điều dở.

Trong đời có loại người nghe người khác nêu ý kiến, thấy thuận tai bèn chẳng phân tích gì, cảm thấy vui sướng đến tít mắt; nếu không thuận tai, trái với ý kiến của mình, đầu miệng thì giả bộ tiếp thu, thực tế thì không sửa. Loại người như vậy, Khổng Tử cho rằng không còn cách gì hơn nữa để giáo dục họ.

25. Khổng Tử nói: "Làm người phải lấy trung và tín làm chính, không nên kết bạn với người không như mình. Có lỗi, đừng ngại sửa chữa".

Lời bình:

Đây là lần thứ hai Khổng Tử nhắc lại câu này. Ông nêu ra ba yêu cầu làm người.

Trong xử thế cần trung và tín: Trung là trung với vua, trung với bạn bè, trung với mọi người, không lừa dối, không xảo trá. Tín là lời nói trung thực, đáng tin cậy, không thất hứa, nói trước quên sau, nói sai sự thật.

Kết bạn với người như mình: Có nghĩa là nên kết bạn với những người có tài đức hoặc cùng chí hướng với mình mới có thể tạo điều kiện cho mình tiến bộ nhanh

hơn, tu dưỡng tốt hơn. Khổng Tử chủ trương không kết giao bạn bè với người không như mình.

Có lỗi, đừng ngại sửa chữa: Trong thế gian không ai không phạm sai lầm, nhưng nhận ra sai lầm của mình mà kiên quyết sửa chữa thì đấy mới đúng là phẩm đức của người quân tử.

26. Khổng Tử nói: "Có thể cướp cờ, đoạt tướng giữa ba quân, nhưng không thể cướp đoạt được chí khí của một người dân bình thường".

Lời bình:

Giữa chốn ba quân cướp cờ, đoạt tướng là chuyện vô cùng khó khăn, nhưng còn có thể làm được. Song việc áp đặt ý chí của mình lên đầu người khác, dù chỉ một người bình thường cũng không thể xảy ra. Người xưa dạy: "Cái chí không thể bị cướp, nếu chí có thể bị cướp thì không thể gọi là chí được". Đối với Khổng Tử, ông rất tôn trọng nhân cách cá nhân và khuyên mọi người không nên ép buộc chí hướng của người khác theo ý mình. Đây cũng là mấu chốt cho sự nghiệp thành bại. Chúng ta thường thấy, có người không thể đoàn kết với người, không kết giao nổi bạn bè, không dẫn dắt được đội ngũ, nguyên nhân cơ bản là không tôn trọng chí hướng của người.

Thời cổ đại, Khổng Tử đã phát biểu được quan điểm tôn trọng nhân cách, tôn trọng giá trị con người như vậy, thật là bất hủ.

27. Khổng Tử nói: "Mặc áo vải cũ rách đứng chung với người có áo lông hồ lạc mà không cảm thấy hổ thẹn, may ra chỉ có trò Do thôi! Kinh Thi có câu: Không đố kỵ, không tham cầu, làm gì mà chẳng tốt đẹp".

Tử Lộ (Trọng Do) nghe được câu này cảm thấy đắc ý, lúc nào cũng đọc hai câu thơ đó.

Khổng Tử mới bảo: "Chỉ có đọc thuộc như vậy thôi, làm sao có thể đủ tốt đẹp được".

Lời bình:

Khổng Tử lấy thực hiện điều nhân làm mục tiêu cao đẹp nhất của cuộc đời. Khổng Tử không hề xấu hổ khi phải mặc áo vải thô, ăn cơm hẩm để dốc lòng theo đạo Thánh hiền. Vì vậy khi thấy Tử Lộ mặc áo rách đứng chung với người ăn mặc sang trọng mà vẫn giữ được thái độ đàng hoàng, tự tin, Khổng Tử đọc hai câu thơ trong Kinh Thi, khen Tử Lộ không đố kỵ ghen ghét, không ham muốn tham lam. Tử Lộ được Khổng Tử khen như vậy lấy làm đắc chí, lúc nào cũng đọc thuộc hai câu thơ đó.

Khổng Tử thấy thế nói chỉ học thuộc thôi chưa đủ, đạo người quân tử phải thực hành cụ thể điều nhân để giáo hóa dân chúng; đồng thời luôn tu dưỡng, bổ khuyết thêm cho mình, nói điều nhân và làm điều nhân phải đi đôi với nhau.

28. Khổng Tử nói: "Đến mùa giá lạnh, mới biết cây tùng, cây bách rụng lá sau cùng".

Lời bình:

Câu này đã trở thành danh ngôn để nói lên trong hoàn cảnh khó khăn gian khổ mới biểu hiện rõ phẩm cách cao quý của con người. Đường xa mới biết sức ngựa, ở lâu mới biết tình người. Khi thuận buồm xuôi gió cũng là thử thách đối với con người. Khi không thuận buồm xuôi gió lại càng là thử thách của con người. Thành công là thử thách đối với con người. Thất bại, vấp váp lại càng thử thách đối với con người. Chỉ có chịu đựng được khó khăn gian khổ, chịu đựng được mọi phong ba bão táp cuộc đời, ở bất kỳ tình trạng nào vẫn giữ được khí tiết, mới xứng đáng là người quân tử có nhân.

29. Khổng Tử nói: "Người có đức trí không bao giờ nhầm lẫn. Người có đức nhân không bao giờ ưu lo. Người có đức dũng không bao giờ sợ hãi".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói đặc trưng khác nhau giữa ba loại người: người đức trí là người thông minh có trí tuệ, người có đức nhân là người có tấm lòng vì mọi người, người có đức dũng là người dũng cảm.

Người có đức trí không bao giờ nhầm lẫn: Thế giới bao la muôn vàn sự vật, hiện tượng, người có đức trí đến mấy cũng không thể không có nghi hoặc, không thể biết hết và giải thích hết được. Đối với sự vật chưa biết thì từng bước tìm hiểu; những đạo lý không rõ ràng thì dần dần từng bước làm cho rõ ràng. *Người có đức trí không*

phải là ở chỗ cái gì cũng biết, cái gì cũng hiểu, mà là ở chỗ họ có thể không ngừng nhận thức được dần dần sự vật, ở chỗ họ không bao giờ nhầm lẫn mù quáng, làm những việc hồ đồ.

Người có đức nhân không bao giờ ưu lo: Những nỗi lo sợ thường xảy ra trong mỗi người. Học sinh sợ thầy giáo, con trẻ sợ cha mẹ, người đời sợ khó khăn sợ gian khổ, sợ đói cơm rách áo, sợ tai bay vạ gió, đủ các loại sợ... Người ta hoàn toàn không phải lo lắng điều gì là không có. Nhưng người có đức nhân thì lòng thương người bao la, yêu đời nên không bao giờ có nỗi lo không căn cứ, không có nỗi buồn vu vơ.

Người có đức dũng không bao giờ sợ hãi: Dũng mà Khổng Tử nói là dưới tiền đề của đạo nhân, vì đạo nhân mà dũng cảm. Có được dũng cảm sẽ không sợ nghèo hèn, không sợ không có bổng lộc, không sợ phải mặc áo vải thô và ăn cơm hẩm, không sợ kẻ tiểu nhân lừa dối, không sợ kẻ bề trên áp bức đè nén. Đó là tinh thần dũng cảm không sợ hãi của người quân tử.

30. Khổng Tử nói: "Cùng học với nhau nhưng chưa chắc cùng đạt đến đạo như nhau. Có thể cùng đạt đến đạo như nhau nhưng chưa chắc kiên định đạo lý như nhau. Có thể kiên định đạo lý như nhau nhưng chưa chắc xử trí cho hợp hoàn cảnh như nhau".

Lời bình:

Khổng Tử nêu lên ba mức độ của người cùng học với nhau.

Cùng học nhưng chưa chắc cùng đạt đến đạo như nhau: Người ta không kể người như thế nào, chỉ cần chịu học đều có thể cùng ngồi học với nhau. Mặc dù cùng một trường, một thầy dạy, nhưng trình độ hiểu biết, trình độ nhận thức không nhất định như nhau. Rất nhiều người cùng học với nhau, có người chịu khó đi sâu nghiên cứu, có người nửa đường bỏ dở; có người theo con đường đúng đắn, có người theo con đường phản nghịch; có người tiến bộ không ngừng, có người lại tha hóa biến chất trở thành kẻ bị tù tội,... Tóm lại, tuy cùng học với nhau, nhưng đạt tới đạo là khác nhau.

Đạt đến đạo như nhau nhưng chưa chắc kiên định đạo lý như nhau: Theo lẽ thường, có nhiều người đạt hiểu biết như nhau nhưng chưa chắc đã có lập trường kiên định, tiết tháo như nhau. Có người một mực theo đuổi mục tiêu, hoài bão của mình. Có người nửa đường chán nản, bỏ cuộc. Có người trước sau đấu tranh quên mình vì dân vì nước. Có kẻ hoài nghi, run sợ trước khó khăn ác liệt, phản bội đầu hàng. Ấy là do trên con đường cùng phấn đấu, do hoàn cảnh và điều kiện thay đổi mà ảnh hưởng đến cái chí của mỗi người vậy.

Kiên định đạo lý như nhau nhưng chưa chắc xử trí cho hợp hoàn cảnh như nhau: Người ta cùng có nhiệt tình kiên định lập trường chí hướng như nhau, thì trong vận dụng cũng chưa chắc đã có trình độ như nhau. Sự việc, hiện tượng trong thực tiễn xã hội rất phức tạp. Để đạt một mục đích, người ta có thể đi theo những con đường khác nhau, có thể chọn cách vận dụng khác nhau. Khi tiến hành phải có chuẩn bị, cần phải căn cứ

vào thời gian, thời thế; căn cứ vào địa phương, địa điểm; căn cứ vào phong tục, tập quán; căn cứ vào trình độ giác ngộ cao thấp mà định ra sách lược phù hợp. Điều kiện thay đổi thì sách lược thay đổi, biết tùy thời mà vận dụng cho phù hợp là điều không dễ dàng, không phải ai cũng làm được. Đây gọi là phép quyền biến, là kết quả cao nhất của sự học. Người ta phải biết học đến chính đạo, dốc lòng tin theo chính đạo, biết việc làm nên hay không thì mới có thể quyền biến được.

31. Khổng Tử đọc lên bốn câu thơ: "Cây Đường đệ đơm hoa. Nhởn nhơ đung đưa nở rồi lại khép. Anh đâu không nghĩ đến em. Chỉ vì nhà em ở xa quá".

Dứt lời, Khổng Tử liền bình luận: "Vậy là chẳng nhớ gì đâu. Nếu như nhớ thật thì có gì là xa?".

Lời bình:

Câu thơ trên là một câu tỏ tình nhưng xảo ngôn và không thành thật. Trai gái yêu nhau thì làm gì có khoảng cách không gian và thời gian. Thời gian xa nhau càng lâu, không gian xa nhau càng lắm thì tình càng nặng, nghĩa càng sâu, ý tứ càng tinh tế, nồng nàn. Vì vậy, đã yêu nhau thì điều quan trọng hơn là phải thành thật, giữa nội tâm với dáng vẻ bên ngoài phải hài hòa, đồng điệu; tình cảm phải gắn bó với cử chỉ, lời nói; lời nói với hành động phải đi đôi với nhau.

Cũng như thế, người học đạo lý vì chưa thật có lòng *theo đuổi đạo lý nên cho đạo là khó mà chẳng gắng sức.*

Nếu người ta thật lòng theo đuổi đạo lý thì sẽ chẳng thấy xa, chẳng thấy khó khăn gì. Lời dạy thật có ý tứ sâu xa. Đấy chẳng phải là đạo của người quân tử sao?

Chương 10

HƯƠNG ĐẢNG

1. Khổng Tử khi ở quê hương, đứng trước mặt cha anh, bạn bè thì hết sức khiêm tốn, kính cẩn vâng lời, chẳng hề tranh (nói) trước với ai điều gì. Khổng Tử rất ít nói, có lúc tựa như chẳng biết nói năng gì.

Nhưng khi ra nơi tông miếu triều đình, giải quyết công việc, Khổng Tử ăn nói rất lưu loát, mạch lạc, chững chạc, đâu ra đấy; duy có điều lời lẽ rất cẩn thận, không tùy tiện bao giờ.

2. Ở triều đình, khi nói chuyện với quan đại phu dưới quyền, Khổng Tử rất cương nghị, thẳng thắn; khi nói chuyện với quan đại phu bậc trên mình, luôn luôn giữ thái độ hòa nhã. Khi vua đến, Khổng Tử tỏ ra hết sức cung kính rụt rè, trong lòng như có điều gì chưa yên tâm, không thể hiện bất cứ cử chỉ nào thất lễ.

3. Khi vua triệu đến tiếp khách quý, tiếp chỉ xong, sắc mặt Khổng Tử thay đổi ngay, tỏ ra hết sức nghiêm trang. Trước mặt tân khách, Khổng Tử tỏ ra hết sức chu đáo, cẩn thận, chân bước nhanh hơn. Đứng chào khách,

Khổng Tử chắp hai tay cúi đầu chào khách bên trái rồi bên phải, còn áo quần mặc khi tiếp khách thì ngay ngắn, phía sau cũng chỉnh tề như phía trước.

Khi dẫn khách vào, Khổng Tử lanh lẹ đi trước dẫn đường, hai cánh tay đưa thẳng, tựa hồ như chim duỗi cánh.

Khi khách cáo từ ra về, Khổng Tử liền trở vào tâu với vua rằng: "Khách không còn ngoảnh mặt lại nữa", ý muốn thưa rằng mọi việc tiếp đãi, bàn luận đã hết sức chu đáo.

4. Khi bước vào cửa cung điện, nơi vua và đại thần hội họp, Khổng Tử hết sức kính cẩn, hơi có vẻ lo lắng, cảm thấy mình bé nhỏ như không có chỗ dung thân, như chưa xứng đáng với thân phận của mình. Khổng Tử không bao giờ đứng giữa cửa, không dẫm lên ngưỡng cửa; khi đi ngang qua ngai vua, thì sắc mặt hơi đổi, chân bước nhanh hơn, nói năng khe khẽ như không đủ lời.

Khi vén áo bước lên công đường, Khổng Tử cúi mình, nín thở.

Khi trở ra, xuống một bậc thềm thì sắc mặt thư giãn, trở nên vui vẻ thư thái; xuống tới bậc thềm chót, thì rảo bước, đưa hai tay như chim xòe cánh. Khi trở lại chỗ của mình, Khổng Tử lại giữ vẻ cung kính.

5. Khổng Tử lĩnh mệnh vua đi sứ các nước, hai tay *cầm thẻ Ngọc Khuê dâng lên vua chư hầu rất cung*

kính, dường như nâng không nổi vậy. Khổng Tử giơ cao Ngọc Khuê lên như để vái chào, rồi hạ xuống ngang ngực, báo hiệu chuẩn bị dâng lễ; nét mặt tỏ ra kính sợ, chân bước rón rén như phải vịn vào vật gì mới đi nổi.

Khi dâng lễ vật của vua, sắc mặt Khổng Tử tươi tắn, ôn hòa, trang trọng. Khi dâng lễ của riêng mình, thì hết sức thoải mái vui tươi.

6. Khổng Tử không dùng màu xanh da trời và màu đỏ nâu để viền quần áo (vì màu xanh da trời là màu sắc áo quần khi cúng tế, màu nâu đỏ là màu sắc áo quần khi có tang - ND), không dùng màu đỏ và màu tím (vì là màu không chính thống, phụ nữ hay dùng - ND).

Mùa nóng, Khổng Tử mặc áo đơn bằng vải mỏng, nhất định phải có áo lót ở trong.

Mùa lạnh, thì mặc áo da cừu màu đen ở trong, mặc áo dài màu đen ở ngoài; hoặc mặc áo da hươu màu trắng ở trong, thì mặc áo dài trắng ở ngoài; còn nếu mặc áo da cáo màu vàng ở trong thì mặc áo dài vàng ở ngoài. Thường ngày áo da mặc ở nhà, may dài hơn lễ phục một ít, ống tay phải ngắn hơn ống tay trái một ít, để tiện lợi khi làm việc. Khi ngủ, nhất thiết phải mặc áo ngủ, dài bằng một nửa người. Áo da cáo da hạc mặc làm việc ở nhà có lông dày và ấm.

Khi mãn tang thì Khổng Tử thường hay đeo ngọc.

Nếu không là áo xiêm mặc để đi tế lễ và đến công đường làm việc, thì may giản dị hơn.

Không mặc áo da cừu màu đen và đội mũ màu đen đi điếu tang.

Mồng một hàng tháng, Khổng Tử đều mặc triều phục vào chầu vua.

Lời bình:

Khổng Tử rất chú ý đến việc ăn mặc, không phải là chú ý về mặc sang trọng đắt tiền mà chú ý đến lễ chế trong y phục. Ông chẳng những quan tâm đến trang phục sao cho phù hợp với từng loại tính chất công việc, phù hợp với khí hậu, mà còn quan tâm tới sự hài hòa của màu quần sắc áo và quan trọng hơn là phù hợp với lễ (quy định), quan tâm đến tiện lợi và tiết kiệm khi mặc quần áo.

Khổng Tử quan tâm đến kiểu dáng đến màu sắc là quan tâm đến vẻ mỹ quan, đến sự đúng đắn trong ăn mặc, không được quá lòe loẹt, không ngông nghênh tùy tiện. Nhưng điều quan trọng hơn cả là ăn mặc cho đúng mực để thể hiện sự tôn trọng mọi người chung quanh.

7. Đến kỳ trai giới, Khổng Tử giữ mình sạch sẽ, mặc áo vải tinh khiết màu trắng, áo ngủ dài gấp rưỡi thân mình. Khi trai giới, nhất định thay đổi bữa ăn thường ngày, nơi ở cũng thay đổi sang chỗ khác (không ở phòng với thê thiếp).

8. Tuy là không cầu kỳ cao lương mỹ vị, nhưng Khổng Tử đối với ăn uống có yêu cầu rất cao về thực phẩm để hợp với vệ sinh và đạo lý người quân tử.

Khổng Tử thích ăn gạo giã trắng, ăn thịt thái mỏng.

Khổng Tử không ăn tám loại thực phẩm có tính chất dưới đây: Lương thực để lâu ngày đã đổi màu; thức ăn đã ôi thiu, biến chất; rau quả đã úa héo, thịt cá sống đã ngả màu; thức ăn có mùi vị khó ngửi; nấu sống hay nát quá, thức ăn chín quá; thực phẩm không đúng mùa vụ; thức ăn nêm mắm muối gia vị không đúng kiểu cách, không hợp; thịt thái không vuông vắn.

Thức ăn thịt cá trên mâm cỗ nhiều, Khổng Tử không bao giờ ăn quá mức bình thường. Chỉ có rượu là không giới hạn tửu lượng, nhưng yêu cầu giữ mình không được say.

Rượu và thịt khô mua ở chợ về là không dùng.

Mỗi bữa, đều ăn thêm gừng, nhưng chỉ vừa đủ.

Lời bình:

Khổng Tử không những là nhà chính trị, nhà giáo dục xuất sắc mà còn rất chú ý đến vấn đề dinh dưỡng trong ăn uống để bảo vệ sức khỏe.

Khổng Tử nêu ra tám loại thực phẩm không nên ăn như đã nói trên, quả là hết sức khoa học, hợp lý, phù hợp với khoa dinh dưỡng học ngày nay, vừa đảm bảo được sức khỏe, vừa đề phòng được bệnh tật.

Đây là tổng kết của Khổng Tử về dinh dưỡng học cách đây đã hai nghìn năm trăm năm. Thử hỏi chúng ta ngày nay, bao nhiêu người thực hiện được chỉ giáo này của Khổng Tử?

9. Khi dự lễ ở tông miếu, Khổng Tử không để thịt cách đêm. Khi tế tại nhà riêng, Khổng Tử không để lại

thịt tế quá ba ngày, vượt quá ngày quy định là không ăn nữa.

10. Chiếu trải không ngay ngắn không ngồi.

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, người có đạo đức, lòng dạ chính trực phải thể hiện ở bất cứ nơi nào, trong bất cứ việc gì. Dù là việc nhỏ như trải chiếu vẫn có quy củ của nó, người thực hiện vẫn phải nghiêm khắc giữ mình cho đúng phép. Nếu như làm không đúng phép thì việc lớn tránh sao khỏi thất lễ. Thấy làm không đúng lễ mà không phản đối, trái luật mà không xử lý, thì xã hội làm sao ổn định? Vậy nên người quân tử thực hành theo lễ ở mọi lúc mọi nơi, không có gì mệt nhọc mất sức cả, nhưng phải luôn nhắc nhở mình ngăn nắp, chững chạc cho đàng hoàng.

11. Khi ăn cơm, không mạn đàm với người khác. Khi ngủ, không nói chuyện với ai.

12. Dù chỉ ăn cơm canh bình thường, nhưng trước khi ăn nhất định dành một ít để thờ cúng, thành tâm như khi trai giới.

13. Cùng với người trong làng uống rượu, khi uống xong, đợi các cụ cao tuổi rời khỏi mâm rồi mình mới *rời sau.*

14. Khi người làng làm lễ nghênh thần tống quỷ, Khổng Tử mặc triều phục đứng ở thềm phía đông.

Lời bình:

Đối với quỷ thần, Khổng Tử ít khi bàn đến. Nhưng đối với tập quán của dân làng, Khổng Tử vẫn rất tôn trọng. Khổng Tử đứng ở thềm phía đông để tỏ rõ sự tôn trọng này.

15. Khi nhờ người chuyển lời thăm hỏi của mình đến bạn mình ở nước khác, Khổng Tử vái người mình nhờ hai lạy để tiễn người ấy.

Lời bình:

Vái lạy người mình nhờ hai lạy là để tỏ rõ sự tôn trọng, sự thành tâm thành ý của mình. Vái lần thứ nhất để tiễn đưa, lần thứ hai để gửi lời thăm hỏi.

Hiện nay, khi lãnh đạo nhà nước sang thăm hữu nghị nhà nước khác, nhiều quan chức chính phủ ra sân bay tiễn đoàn. Làm như vậy là để tỏ rõ sự tôn trọng đối với lãnh đạo và nhân dân nước sắp đến thăm viếng.

16. Quý Khang Tử tặng Khổng Tử thuốc. Khổng Tử bái tạ cảm ơn rồi mới nhận và nói: "Khâu này chưa rõ tính thuốc thế nào nên không dám nếm".

17. Chuồng ngựa cháy, Khổng Tử từ triều đình về, chỉ hỏi: "Có ai bị thương không?", không hỏi gì đến ngựa.

Lời bình:

Ở thời đại Khổng Tử, vẫn là thời đại chế độ nô lệ đang trong thời kỳ tan rã.

Nô lệ chỉ được xem như là công cụ biết nói, địa vị vô cùng thấp kém. Có nơi một con ngựa đổi được năm nô lệ. Thái độ quan tâm đến thân phận người nô lệ của Khổng Tử như vậy đã phản bác quan niệm bóc lột nặng nề tồn tại hàng nghìn năm đối với con người. Khổng Tử đã nâng thân phận của nô lệ lên địa vị con người. Tư tưởng vĩ đại của Khổng Tử đã góp phần giải phóng con người thoát khỏi ách nô lệ.

18. Vua ban tặng cho Khổng Tử thức ăn chín, Khổng Tử nhất định trải chiếu ngay ngắn rồi mới ăn.

Vua ban tặng cho thực phẩm sống, ông nấu xong, đem cúng tế tổ tiên rồi mới ăn.

Vua ban tặng cho con vật sống, Khổng Tử nhất định giữ lại để nuôi.

Khi ngồi hầu cơm bên vua, trong khi vua đang tế lễ, thì Khổng Tử nếm trước (để kiểm tra).

19. Khổng Tử ốm tại nhà, khi vua đến thăm hỏi, Khổng Tử chuyển đầu hướng về phía đông, đem triều phục đắp lên người, với dây đai ở trên.

20. Khi vua triệu Khổng Tử đến gặp, ông đi bộ tới ngay, *không đợi xe.*

Đây cũng là thể hiện thái độ tôn kính đối với vua của Khổng Tử.

21. Bạn bè mất mà không có ai thân thuộc lo liệu, Khổng Tử nói: "Việc này do ta chịu trách nhiệm".

22. Khi bạn bè tặng lễ phẩm, dẫu quý như xe ngựa nhưng không phải là vật cúng tế được, thì khi nhận, Khổng Tử cũng không bao giờ bái tạ.

23. Khi ngủ, Khổng Tử không duỗi thẳng tay chân như người chết. Bình thường ở nhà, Khổng Tử không trang điểm, trau chuốt dung mạo.

24. Khổng Tử nhìn thấy người mặc áo tang, tuy là quan hệ rất thân cận, vẫn thay đổi thái độ tỏ lòng thương xót.

Khổng Tử nhìn thấy người đội mũ miện, mặc lễ phục hoặc người mù, tuy là thường quen gặp, nhưng vẫn giữ thái độ rất lịch sự để đối xử với họ.

Ngồi xe đang đi trên đường, gặp người mặc tang phục, Khổng Tử cúi người về phía trước gật đầu như muốn chia sẻ nỗi buồn của tang chủ, tay giữ vào thanh gỗ ngang trước xe.

Khổng Tử gặp người cầm sổ sách của nhà nước cũng cúi chào như vậy, để tỏ lòng kính trọng người đang thừa hành công vụ.

Khổng Tử khi làm khách, thấy chủ nhà dọn mâm thịnh soạn, cũng thay đổi thái độ, đứng lên cảm tạ lòng hiếu khách của chủ nhân rồi mới cầm đũa.

Khi có sấm to bão lớn, Khổng Tử cũng thay đổi thái độ, nét mặt hiện rõ nỗi lo lắng, sợ thiên tai gây họa cho dân.

Khổng Tử khi lên xe, nhất định đứng một cách ngay ngắn, vững vàng; sau đó nắm chặt sợi dây vịn rồi mới bước lên xe. Ngồi trên xe, không nhìn ngang nhìn ngửa, không nói chuyện ngay, không giơ tay chỉ trỏ.

Lời bình:

Nguyên tắc chung của Khổng Tử trong đối nhân xử thế là: lễ nghĩa phải đúng mức độ, phải có nhân. Cho nên, lễ chế nhà Chu và nhân nghĩa đã trở thành xuất phát điểm để đối nhân xử thế của Khổng Tử.

Khổng Tử gặp người như thế nào, hoàn cảnh ra sao, đều có thái độ đúng với hoàn cảnh người ấy, hoàn toàn xuất phát tự đáy lòng, không giả tạo, không khách sáo.

25. Con chim thấy có người khí sắc dữ tợn, nó cất cánh bay lên, liệng vòng một lúc rồi đỗ xuống. Thấy vậy, Khổng Tử nói: "Con chim trĩ mái trên sườn núi kia, nó biết thời cơ lắm thay! Nó biết thời cơ lắm thay!".

Tử Lộ giơ tay chực vồ bắt, nó liền kêu lên ba tiếng mà bay đi.

Lời bình:

Con chim khôn ngoan, cảm nhận thấy bị đe dọa, nguy hiểm thì bay lên vài vòng để quan sát, khi thấy người hiền lành cả, mới yên tâm đậu xuống, nên Khổng Tử khen nó là biết thời cơ. Tuy khen con chim nhưng kỳ

thực là ông muốn khuyên học trò khi nhập thế phải chú ý xem xét, nếu nước vô đạo, kẻ ác lộng quyền giam hãm, giết hại trung thần thì phải tránh trước đi; còn ai trọng mình, biết dùng người hiền thì đến với họ. Như vậy là biết thời cơ. Không lẽ làm người há chẳng bằng con chim sao?

Toàn bộ chương Hương Đảng đều diễn tả lại hình thái sinh hoạt của Khổng Tử, thái độ của Khổng Tử đối với mỗi loại người khác nhau, mỗi sự việc khác nhau. Nói theo cách ngày nay là diễn đạt văn hóa giao tiếp, ứng xử cộng đồng của Khổng Tử, nói lên những tập quán sinh hoạt của Khổng Tử. Nó đại biểu cho tinh túy của học vấn Nho gia.

Rốt cuộc, vạn sự đều bắt đầu từ việc làm người. Một con người bất luận làm nghề gì, dù là làm quan, làm cán bộ, đi buôn, chủ doanh nghiệp, thợ cắt tóc, hoặc là người dân bình thường..., đều phải làm con người. Sự nghiệp thăng trầm thành công hay thất bại, không giống nhau, nhưng vô luận thế nào cũng phải làm con người. Chương Hương Đảng ghi lại Khổng Tử đã làm con người như thế nào, chúng ta tự lấy trí tuệ của mình soi xét để nâng cao nhận thức.

Chương 11

TIÊN TIẾN

1. Khổng Tử nói: "Người đời trước đối với lễ nhạc, coi trọng phối hợp thích đáng giữa nội dung và hình thức thì bị coi là lạc hậu quê mùa. Người đời sau đối với lễ

nhạc, coi trọng hình thức hơn nội dung thì lại bảo là người quân tử. Nếu sử dụng lễ nhạc, ta tình nguyện đi theo các bậc tiền bối".

Lời bình:

Lễ tạo nên sự trật tự của mọi việc. Nhạc tạo nên sự hòa hợp của mọi việc. Lễ nhạc là trung tâm của văn hóa Trung Quốc, biểu thị trình độ văn hóa truyền thống dân tộc.

Quá trình phát triển của lễ nhạc là quá trình tiệm tiến. Thời thượng cổ không có lễ nhạc, loài người sống như các động vật khác. Về sau dần dần tích lũy được kinh nghiệm sống, người ta mới từng bước đặt ra lễ nhạc. Người đời trước khi đặt ra lễ nhạc thì coi trọng văn vẻ và chất phác. Đến cuối đời nhà Chu, lễ nhạc được khai hóa mở mang, kinh nghiệm nhiều hơn, phong phú hơn, có điều kiện để chải chuốt hình thức văn vẻ, do đó dần dần mất đi trạng thái chất phác đơn giản mà trời đã ban cho con người. Văn minh nhân loại phát triển, đương nhiên là tốt, nhưng nếu để mất đi cái chân thực, chạy theo kỹ xảo, giả tạo là điều không hay tý nào. Vì vậy Khổng Tử mới nói vẫn thích và tình nguyện đi theo cái chất phác thật thà của người đời trước.

2. Khổng Tử nói: "Những người cùng chịu khổ với ta, bị tuyệt lương thực ở nước Trần, nước Thái, nay không còn ở bên ta nữa.

Về đức hạnh tốt có: Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, *Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung.*

Biết ăn nói ngoại giao có: Tể Ngã, Tử Cống.

Giỏi chính trị có: Nhiễm Hữu, Quý Lộ.

Giỏi văn học, hiểu rõ văn hiến cổ đại có: Tử Du, Tử Hạ".

Lời bình:

Đây là tình cảm của Khổng Tử khi nhớ đến học trò của mình và nhớ đến tài năng của từng người một.

Khi Khổng Tử gặp khó khăn ở nước Trần, nước Thái, rất nhiều học trò vẫn ở lại, không chịu bỏ đi. Sau số học trò này có người làm quan, có người làm việc khác, có người về nhà, không còn ở đây nữa khiến Khổng Tử thương nhớ khôn nguôi. Khổng Tử hiểu rất rõ học trò của mình, ai có ưu điểm về mặt nào đều nắm chắc như lòng bàn tay để theo đó mà dạy bảo và sử dụng. Vì thế trong số học trò của Khổng Tử, có rất nhiều nhân tài lưu danh muôn thuở.

Chúng ta thường nói phải hiểu rõ đặc điểm của từng người, mới lượng được tài năng để sử dụng. Sử dụng người cần phát huy ưu điểm, tránh khuyết điểm. Chọn người, lượng tài mà sử dụng, dùng người thỏa đáng, đó là điều mà Khổng Tử muốn gợi ý cho chúng ta.

3. Khổng Tử nói: "Nhan Hồi không phải là người có thể giúp ta mở mang kiến thức. Không có lời nào ta nói mà trò ấy *không thích*".

Lời bình:

Câu này phản ánh tư tưởng giáo dục "thầy và trò cần phải cùng nâng cao kiến thức cho nhau" của Khổng Tử, chữ Hán gọi là "giáo dục tương trưởng".

Nói chung, học trò là không bằng thầy, nhưng lời thầy giáo nói không nhất định câu nào cũng đúng. Học trò nên căn cứ vào sự hiểu biết của mình nói lên suy nghĩ, nói lên quan điểm của mình, cùng thầy giáo cắt gọt mài dũa. Có như vậy, cả thầy lẫn trò đều nâng cao học vấn của bản thân.

Nhan Hồi nghe Khổng Tử giảng câu nào cũng vừa ý. Khổng Tử cho rằng như vậy là Nhan Hồi không giúp gì được cho Khổng Tử. Tư tưởng này gợi ý cho ta rất nhiều. Nếu chúng ta làm thầy, làm cán bộ lãnh đạo mà học sinh và cấp dưới của mình chỉ biết nói sao nghe vậy, bảo sao hay vậy, thì thầy giáo và người lãnh đạo làm sao động viên được hết trí tuệ của mọi người để đạt hiệu quả dạy học, hiệu quả công tác cao. Học trò đề xuất ý kiến sẽ gợi ý được cho thầy. Thầy lại tìm hiểu kiến thức sâu hơn, giảng cho học sinh với nội dung tốt hơn. Như vậy là cùng nâng cao kiến thức cho nhau.

4. Khổng Tử nói: "Mẫn Tử Khiên thật là hiếu thuận. Lời khen của người ngoài và của cha mẹ không có gì khác nhau".

Lời bình:

Mẫn Tử Khiên là con người rất có hiếu. Mẹ kế của Mẫn Tử Khiên ghét Mẫn Tử Khiên, may áo ấm cho con

riêng của mình toàn là sợi bông, may cho Mẫn Tử Khiên toàn là bông lau. Những người láng giềng thấy vậy khác nhau rất nhiều về chuyện này. Riêng Mẫn Tử Khiên biết rất rõ mẹ kế đối với mình không tốt, nhưng đều bỏ ngoài tai những chuyện dị nghị này, vẫn đặc biệt hiếu thuận với mẹ kế. Khi cha Mẫn Tử Khiên biết chuyện, định đuổi mẹ kế đi thì Mẫn Tử Khiên khóc mà xin rằng: "Dì còn ở lại thì chỉ mình con chịu rét. Dì mà bị đuổi đi thì cả ba anh em đều bị rét cả". Người cha nghe vậy mà cảm động rơi lệ. Mẹ kế nghe chuyện cũng cảm động mà đổi lòng, thương yêu Mẫn Tử Khiên như con đẻ vậy.

Ở đời, chuyện dì ghẻ con chồng thường có nhiều điều để bàn. Dì ghẻ đối với con chồng phần nhiều hay bạc ác, khó mà sửa nổi. Ngay cả con chồng nhiều khi cũng cậy thế hoặc ghen tức mà làm loạn trong nhà. Như câu chuyện của Mẫn Tử Khiên, nếu cứ theo lý mà xử thì người cha bỏ mẹ kế, dẫn đến chồng mất vợ, con mất mẹ, anh em sau này trở thành thù oán lẫn nhau, gia đình sẽ tan nát. Nhờ nết ăn ở của Mẫn Tử Khiên mà cảm hóa được lòng cha, cải hóa được nết xấu của dì ghẻ, anh em cùng cha khác mẹ lại tăng thêm tình thân, gia đình nhờ đó mà hòa thuận. Người như Mẫn Tử Khiên khi được người nhà khen thì ở ngoài chẳng còn ai mà chê được. Thực là tấm gương sáng trong cách cư xử của gia đình có dì ghẻ con chồng.

5. Nam Dung nhiều lần đọc thông mấy câu thơ Bạch Khuê. Khổng Tử liền đem con gái của anh mình mà gả cho.

Lời bình:

Bạch Khuê là viên ngọc trắng. Trong Kinh Thi có bốn câu nói về "bạch khuê", đại ý là: vết nhơ trên viên ngọc trắng có thể mài mất đi được, còn vết nhơ trong lời ăn tiếng nói không có cách nào làm mất được.

Trong số học trò của Khổng Tử, Nam Dung là người có đức hạnh trội hơn, nhiều lần ngâm câu thơ này, chứng tỏ Nam Dung luôn có ý tự nhắc mình cẩn thận về lời nói, đó cũng là tự tu dưỡng phẩm chất đạo đức cao thượng. Căn cứ vào đánh giá thường ngày, căn cứ Nam Dung thường xuyên ngâm câu thơ này, Khổng Tử quyết định gả cháu gái cho Nam Dung. Điều đó có thể biết Khổng Tử hết sức coi trọng việc tu dưỡng đạo đức.

6. Quý Khang Tử hỏi: "Trong học trò của thầy, ai là người hiếu học nhất?".

Khổng Tử nói: "Có Nhan Hồi là người ham học nhất, không may mệnh ngắn quá, chết rồi. Bây giờ chả còn ai nữa".

Lời bình:

Nhan Hồi là học trò của Khổng Tử, vốn gia cảnh bần hàn, chăm chỉ học tập, phải vất vả lao động nhiều nên ốm nặng, mới ba mươi hai tuổi đã chết. Khổng Tử đau lòng quá trước cái chết của Nhan Hồi, và từ đó trở đi ông cho rằng trong số học trò không còn ai hiếu học như Nhan Hồi nữa.

7. Nhan Uyên chết, Nhan Lộ đề nghị với Khổng Tử bán xe để mua một cái quách ở ngoài.

Khổng Tử nói: "Dẫu có tài hay không có tài, nhưng nói chung đều là hàng con cháu của chúng ta cả. Đến như Lý chết rồi cũng chỉ có quan tài, không có quách. Ta không thể bán xe để mua quách được. Bởi vì ta đã từng làm đại phu, không thể đi bộ được".

Lời bình:

Nhan Uyên chết, bởi vì nhà quá nghèo nên không thể mua quách được. Nhan Lộ là cha Nhan Uyên đề nghị Khổng Tử bán xe để mua quách cho Nhan Uyên. Khổng Tử không đồng ý. Ý của Khổng Tử là làm việc tang cũng nên lượng sức mà làm tránh tốn kém, vì đến như "Lý" chết cũng không có quách (Lý là con của Khổng Tử).

8. Nhan Uyên chết, Khổng Tử than rằng: "Chao ôi! Trời giết ta rồi! Trời giết ta rồi!".

Lời bình:

Nhan Uyên là học trò số một của Khổng Tử. Nhan Uyên chết rồi, Khổng Tử sợ không còn ai có thể tiếp nhận đầy đủ và truyền bá tư tưởng của mình nên mới đau lòng mà than lên như vậy. Nhan Uyên chết, xem như trời muốn tiêu diệt học vấn và sự nghiệp của Khổng Tử.

9. Nhan Uyên chết, Khổng Tử khóc thảm thiết.

Người đi theo Khổng Tử nói: "Thầy quá buồn bã".

Khổng Tử nói: "Ta buồn lắm sao? Ta không buồn vì con người này thì còn buồn vì ai nữa?".

Lời bình:

Nhan Uyên là một học trò hiếu học, có chí tiến thủ. Vì vậy, khi Nhan Uyên chết, Khổng Tử buồn cũng là lẽ đương nhiên. Khổng Tử đã biểu thị lòng yêu mến học trò, yêu mến Nhan Uyên, yêu mến người kế tục sự nghiệp và tư tưởng của mình.

10. Nhan Uyên chết, học trò của Khổng Tử muốn chôn cất Nhan Uyên rất trọng thể.

Khổng Tử nói: "Không thể như thế".

Học trò của Khổng Tử vẫn an táng Nhan Uyên rất trọng thể. Khổng Tử nói: "Nhan Uyên xem ta như cha, ta không được đối xử với trò đó như với con ta. Đây chẳng phải là sai của ta, mà là do các trò đứng ra tổ chức".

Lời bình:

Nhan Uyên chết, bạn bè cùng học tổ chức an táng cho Nhan Uyên rất long trọng. Còn Khổng Tử lại cho rằng Nhan Uyên có đức tính cao thượng, cuộc sống đơn giản, cho nên tổ chức lễ an táng cũng nên đơn giản như Khổng Tử đã từng làm lễ táng cho con mình. Theo Khổng Tử, nên theo phẩm hạnh và tập quán của người chết mà an táng, như vậy mới là có sự tôn trọng lớn nhất đối với người đã khuất.

11. Quý Lộ (Tử Lộ) hỏi về việc tế lễ quỷ thần.

Khổng Tử nói: "Chưa biết phụng thờ con người, làm sao có thể phụng thờ quỷ thần?".

Tử Lộ lại hỏi: "Con mạnh dạn hỏi thầy về đạo lý của sự chết".

Khổng Tử nói: "Chưa biết đạo lý của sự sống, sao mà biết đạo lý của sự chết".

Lời bình:

Việc thờ cúng quỷ thần là vấn đề quan trọng của tôn giáo. Nhưng Khổng Tử cho rằng: chăm lo con người chưa giải quyết được, rất nhiều việc trong nhân gian chưa làm tốt, không nên thảo luận vấn đề quỷ thần. Đó chính là tư tưởng hiện thực chủ nghĩa của Khổng Tử.

Sống chết là vấn đề quan trọng nhất trong đời con người. Nhưng vấn đề sự sống mà con người đang trải qua còn chưa biết rõ, làm sao có thể nói đến sự chết, làm sao nói rõ được đạo lý của chết. Nói đến sống, con người được sinh ra, già đi rồi chết. Nhưng làm thế nào để làm chậm sự già lão, kéo dài tuổi thọ, đều là vấn đề rất phức tạp. Vấn đề sinh nói chưa rõ, vấn đề tử càng khó nói rõ ràng hơn. Khi Tử Lộ hỏi, Khổng Tử trả lời thật đơn sơ mà thật ý nhị, vì học thuật của Khổng Tử cốt ở sự thực, mắt thấy tai nghe, việc hàng ngày thường làm, chứ không đi vào cái quá cao xa. Điều này càng phản ánh thái độ rất hiện thực chủ nghĩa của Khổng Tử về vấn đề *sinh và tử, sống và chết.*

Điều sâu xa ở đây là học phải theo thứ tự, không bỏ qua những điều ở ngay trước mắt ta. Đó là ý mà Khổng Tử muốn dạy bảo ta vậy.

12. Khổng Tử nói: "Mẫn Tử Khiên khi ở bên ta luôn luôn giữ được nét mặt hớn hở tươi vui. Tử Lộ thì luôn tỏ vẻ kiên cường cứng rắn. Nhiễm Hữu, Tử Cống thì ngay thẳng, đĩnh đạc, khoan thai, không nóng vội".

Khổng Tử thấy thế rất vui.

Và sau đó Khổng Tử có nhận xét: "Xem con người như Tử Lộ, sợ bất đắc kỳ tử, tức là chẳng chết được yên lành vậy".

Lời bình:

Đây là mấy nhận xét của Khổng Tử đối với mấy học trò của mình.

Mẫn Tử Khiên ăn nói lịch thiệp ôn tồn, có đầu có đuôi, có lý có lẽ. Lời nói là biểu thị của tâm hồn. Đối với một con người, nghe giọng nói là có thể phán đoán được đầu óc họ có sáng suốt hay không, có thấu triệt được mọi lý lẽ không. Theo quan sát của Khổng Tử, Mẫn Tử Khiên ăn nói ôn tồn rõ ràng mạch lạc, chứng tỏ Mẫn Tử Khiên có đầu óc sáng suốt.

Nhiễm Hữu, Tử Cống thì ngay thẳng, đĩnh đạc, khoan thai, không nóng vội, đó là Khổng Tử muốn nói có phong độ để trở thành nhân tài.

Còn riêng Tử Lộ ăn nói chưa được ổn, tỏ ra nóng vội hấp tấp, đứng ngồi không yên, như vậy là chưa có đủ tính cách của một người học trò. Điều Khổng Tử răn dạy

là muốn học giỏi phải suy nghĩ, phải ngồi đọc sách, phải yên tĩnh. Không yên tĩnh để tư duy, làm sao có được sự sâu sắc trong tư tưởng? Mà đã như vậy thì không thể nghiên cứu học vấn được.

Cuối cùng Khổng Tử dự đoán về sau thế nào Tử Lộ cũng chết một cách "bất đắc kỳ tử". Quả nhiên về sau Tử Lộ chết ở nước Vệ, khi xảy ra chính biến.

13. Các quan nước Lỗ muốn xây kho Trường phủ mới.

Mẫn Tử Khiên nói: "Giữ như cũ là tốt nhất, như vậy có được không? Làm gì mà phải thay đổi?".

Khổng Tử nghe được nói: "Mẫn Tử Khiên, con người này đã không nói thì thôi, nói ra là rất trúng".

Lời bình:

Trường phủ là cái kho cất chứa của cải. Làm mới kho tàng thì trước là tốn kém tiền của. Khi đã tốn kém tiền của thì lại phải đánh thuế nặng vào dân. Ngoài ra, dân còn phải bỏ cả việc làm ăn mà đi lao dịch khó nhọc. Mẫn Tử Khiên vì thấy việc tốn kém và làm dân khó nhọc nên mới cho rằng nhân cái kho cũ mà sửa lại thì tốt hơn. Lời nói thật có lý lẽ, lại hợp đạo lý, chỉ có người có đức mới nói được như thế. Vì vậy mà Khổng Tử mới khen Mẫn Tử Khiên đến vậy.

14. Khổng Tử nói: "Trọng Do gảy đàn sắt, sao lại gảy ở nhà thầy?".

Các học trò khác của Khổng Tử nghe việc này, không còn *kính trọng* Tử Lộ (Trọng Do) nữa. Khổng Tử thấy

vậy nói: "Học vấn của Trọng Do đã lên đến nhà rồi (đường), chứ chưa vào được trong phòng (thất) đó thôi".

Lời bình:

Nhà của người Trung Quốc xưa từ ngoài vào lần lượt là cửa (môn), đến phòng chính dùng chung (đường), rồi mới đến các buồng riêng (thất). Khổng Tử cho rằng để học được đạo cũng phải lần lượt như người ta vào nhà vậy.

Tử Lộ học gảy đàn sắt là thứ đàn hai mươi lăm dây, tạo nên âm thanh như của đoàn giặc phương Bắc, không hợp với thái độ trung hòa của Khổng Tử. Vì vậy mà Khổng Tử mới trách Tử Lộ là chưa đạt đến mức trung hòa của đạo học đó thôi.

Khi biết các học trò nghe vậy mà coi thường Tử Lộ, Khổng Tử phải giảng giải là muốn nói kỹ thuật gảy đàn của Tử Lộ đã đạt mức gảy ở chỗ đại chúng (đường) rồi, chứ chưa đạt đến độ uyên thâm (thất) mà thôi. Nói như vậy, một là để cho học trò của mình không còn hiểu lầm Tử Lộ nữa, hai là để động viên Tử Lộ.

Ý của Khổng Tử muốn răn dạy việc học phải theo từng bậc mà đi rồi mới đạt được đạo, không nên thấy một việc còn kém mà vội vàng coi thường, khinh rẻ.

15. Tử Cống nói: "Sư và Thương ai hiền tài hơn ai?".

Khổng Tử nói: "Trò Sư có chỗ hơi quá đi, còn trò *Thương thì có chỗ chưa đạt tới*".

Tử Cống lại hỏi: "Như vậy Sư giỏi hơn phải không?".

Khổng Tử nói: "Quá đi và chưa đạt tới thì đều như nhau".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng việc học và tu dưỡng đạo đức đều có tiêu chuẩn. Trò Sư làm việc có hơi mạnh tay, cứng quá, giải quyết công việc thông thường đều quá tay. Còn trò Thương thì làm việc vội vội vàng vàng, không cẩn thận, thường làm không đến nơi đến chốn. Làm quá đi hoặc chưa đến nơi đến chốn, tức là chưa đúng độ thì đều sai khác với tiêu chuẩn. Vì vậy, Khổng Tử cho rằng làm quá đi và chưa đến mức cũng chẳng khác gì nhau. Đây là đạo trung dung do Khổng Tử đề xướng.

16. Họ Quý giàu hơn Chu Công rất nhiều, thế mà Nhiễm Cầu lại giúp đỡ họ Quý, làm cho của cải của họ Quý ngày một nhiều thêm.

Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu không còn là học trò của ta nữa. Học trò các con có thể công khai chỉ trích Nhiễm Cầu".

Lời bình:

Đây là lời chỉ trích gay gắt, nghiêm khắc của Khổng Tử đối với học trò của mình là Nhiễm Cầu.

Chu Công là bậc chí thân của nhà vua, là người có công lớn. Còn họ Quý chỉ là quan của một nước chư hầu song giàu có hơn hẳn Chu Công. Thế mà Nhiễm Cầu là quyền thần ở nước Lỗ, còn làm thêm chức tổng vụ

trưởng của họ Quý, hết lòng vì họ Quý, tạo nên giàu nghèo quá chênh lệch, không công bằng giữa hai người. Khổng Tử không bằng lòng, công khai hiệu triệu học trò của mình công kích Nhiễm Cầu và nói rằng Nhiễm Cầu không xứng đáng là học trò của mình nữa.

Nho gia cho rằng môn đệ của mình, sau khi thành tài nên ra giúp nước, giúp xã hội, đem tài học của mình cống hiến cho quốc gia, chứ không thể đem tài học phục vụ cho một gia đình, một dòng họ. Đây cũng là một quan điểm trung tâm của văn hóa Nho gia.

17. Khổng Tử bảo: "Trò Sài kém thông minh, trò Sâm chậm chạp, trò Sư cố chấp, trò Do thô bạo".

Lời bình:

Khổng Tử phân tích bốn học trò của mình, đem tính cách con người phân ra bốn loại:

Trò Sài kém thông minh: nghĩa là không phải ngu đần, mà là có tính cách quá mộc mạc đơn giản, cử chỉ chậm chạp, nhưng trung hậu.

Trò Sâm chậm chạp: nghĩa là mộc mạc chất phác, nhưng trong chất phác có cái trực, ngay thẳng, tuy là trực tính nhưng không thô bạo, tính cách trầm tĩnh, không nóng vội, vì vậy mà việc học mới chính xác, có thể đạt tới chỗ thâm thúy của đạo.

Trò Sư cố chấp: nghĩa là không linh hoạt. Người có học vấn, có văn hóa, đại đa số có tính cố chấp, chỗ này *không bằng lòng, chỗ kia cũng không vừa ý.*

Trò Do thô bạo: nghĩa là người này có khí sắc mạnh mẽ, làm việc gì đều nóng nảy hung hăng, hơi thô tục.

Khổng Tử dựa theo bốn tính cách ấy để có cách dạy bảo và truyền đạo. Nhưng điều sâu sắc là Khổng Tử muốn học trò tự biết mình mà cố gắng sửa chữa.

18. Khổng Tử nói: "Nhan Hồi đạo học đã tương đối rồi, thế mà Nhan Hồi vẫn nghèo. Còn Đoan Mộc Tứ không nghe lời thầy, bỏ học vấn đi buôn bán, tính toán hàng họ và thường thường tính trúng".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử đánh giá hai học trò của mình. Một là Nhan Hồi, hai là Đoan Mộc Tứ (Tử Cống).

Khổng Tử cho rằng Nhan Hồi là học sinh có đạo đức cao thượng, yên cảnh nghèo mà vui theo đạo, tay không có một đồng xu mà bụng đều nghĩ về thiên hạ.

Còn Tử Cống thì lại khác, tuy có nghe lời thầy nhưng vận dụng ý kiến của thầy mà hành nghề. Người ta học để thành kẻ sĩ, còn Tử Cống học để thành thương gia. Thầy yêu cầu Tử Cống trở thành một người có học vấn, còn Tử Cống bỏ học vấn đi buôn bán. Khổng Tử cho rằng nghèo giàu là tại trời, Tử Cống làm vậy là không chịu yên theo mệnh trời.

Nhưng Tử Cống buôn bán rất sành, nửa đời về sau của Khổng Tử đều dựa vào tiếp tế của Tử Cống để sinh sống.

19. Tử Trương hỏi về đạo của người thiện.

Khổng Tử nói: "Người thiện là người không theo dấu chân của người khác mà đi, nhưng trình độ học vấn của họ cũng chưa đến mức thật hoàn thiện".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra tiêu chuẩn rất cao của người thiện.

Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Đây là khái niệm phức tạp nhưng cụ thể và cũng là khái niệm có tính lịch sử. Nói phức tạp là vì không có một tiêu chuẩn cố định để phân rõ thiện - ác. Nói cụ thể là vì muốn đánh giá thiện - ác phải đặt nó trong một điều kiện nhất định. Nói nó có tính lịch sử bởi vì mỗi thời đại đều có tiêu chuẩn thiện - ác khác nhau. Cho nên, thiện - ác là một phạm trù cơ bản của luân lý học không dễ gì nói ra là rõ ràng ngay được.

Người thiện, Khổng Tử nêu ra ở đây là người sinh ra sẵn tính hiền lành, người ấy không theo dấu chân của người khác tức là chưa được học đạo thánh hiền, nhưng chẳng hề ăn ở trái nghịch, chẳng làm điều ác. Nghĩa là, người thiện là người có chất tốt nhưng chưa học đến đạo.

Vì vậy, Khổng Tử cũng lưu ý là người thiện dù có phẩm chất tốt rồi, nhưng không chịu học thì cũng chẳng thể theo được đạo của thánh hiền.

20. Khổng Tử nói: "Người bàn luận đạo lý nhiều, cũng phải kiểm tra xem người này có phải là người quân

tử chân chính không? Hay chỉ là người có vẻ ngoài trang trọng?".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nhắc nhở mọi người rằng đối với người, không chỉ quan sát sắc mặt, nghe lời người ta nói mà còn phải xem hành động người ta làm.

Chúng ta nhìn thấy một người có thái độ ôn hòa, nói chuyện lịch thiệp, liền cho rằng người ấy lễ phép, có hiểu biết. Như vậy là hoàn toàn sai lầm, vì không biết người đó làm như vậy là giả bộ hay là thực sự như vậy.

Nhìn thái độ, nghe lời nói, chưa thể phán đoán là người có nhân hay không. Vấn đề mấu chốt là phải quan sát thái độ thực tế, xem hành động thực tế của người ấy trong xử lý công việc thì mới khẳng định được.

21. Tử Lộ hỏi: "Nghe điều phải rồi thì nên thực hành ngay phải không?".

Khổng Tử nói: "Có mặt cha ngươi, làm sao lại có thể nghe rồi thực hành ngay?".

Nhiễm Hữu hỏi: "Nghe điều phải rồi thì nên thực hành ngay, có phải như vậy không?".

Khổng Tử nói: "Nghe được thì phải thực hành ngay".

Công Tây Hoa nói: "Tử Lộ hỏi: nghe điều phải rồi thì nên thực hành ngay chăng? Thầy bảo là cha ngươi có mặt, làm sao có thể tùy tiện nghe rồi thực hành ngay. Nhiễm Hữu hỏi thầy cũng câu như vậy, mà thầy lại trả

lời: nghe rồi phải thực hành ngay. Con chẳng hiểu thế nào cả, dám mạnh bạo hỏi thầy".

Khổng Tử nói: "Nhiễm Hữu làm việc gì cũng sợ không dám tiến, cho nên ta cổ vũ. Còn Tử Lộ dũng khí hơn người, hay áp đảo người, dám làm, cho nên ta kìm bớt".

Lời bình:

Câu này nói lên phương pháp dạy học của Khổng Tử, là căn cứ vào khả năng, năng lực, tư tưởng của từng học trò mà áp dụng cách giáo dục khác nhau.

Với Tử Lộ là người dũng khí, Khổng Tử dạy phải cẩn thận, phải hỏi ý kiến bậc cha mình đã, phải có tinh thần chịu trách nhiệm trước cha mình rồi mới được hành động.

Với Nhiễm Hữu là người thường bằng lòng với hiện tại, Khổng Tử trả lời như đinh đóng: nghe rồi phải làm ngay.

Khổng Tử dạy Tử Lộ phải dịu bớt xuống, dạy Nhiễm Hữu phải biết hăng hái lên, ấy còn là để giữ sự đúng mực, tránh sự vượt quá cũng như sự chưa đạt tới mức chuẩn.

22. Khổng Tử bị vây khốn ở xứ Khuông, Nhan Hồi bị lạc ở phía sau, cuối cùng mới gặp nhau được.

Khổng Tử nói: "Ta tưởng rằng ngươi chết rồi".

Nhan Hồi nói: "Thầy còn sống, con làm sao dám chết".

Lời bình:

Khổng Tử chu du liệt quốc bị vây khốn ở đất Khuông, Nhan Hồi bị lạc, Khổng Tử rất lo lắng. Sau khi thầy trò gặp nhau, Khổng Tử chân tình nói tưởng Nhan Hồi mắc nạn rồi. Nhan Hồi nói: thầy còn sống thì con đâu dám chết. Theo lễ xưa, người ta sinh ra có ba bậc trên là vua, thầy và cha phải thờ như một. Nếu Khổng Tử không may bị nạn, Nhan Hồi vì ân nghĩa hẳn liều chết mà cứu. Nhưng Khổng Tử còn nên Nhan Hồi chẳng dám liều chết mà chống lại sự hung bạo của người xứ Khuông được.

Câu này phản ánh tình thầy trò, sự tôn trọng thầy giáo của Nhan Hồi. Thật là một tình cảm cao thượng chân chất hợp đạo nghĩa.

23. Quý Tử Nhiên hỏi: "Trọng Do và Nhiễm Cầu có thể gọi là đại thần được không?".

Khổng Tử nói: "Ta tưởng hỏi người khác, té ra lại hỏi Trọng Do và Nhiễm Cầu. Được gọi là đại thần, phải là người biết lấy đạo của tiên vương để thờ vua, nếu không làm được như vậy, thì từ chức đừng làm quan nữa. Hiện nay Trọng Do và Nhiễm Cầu, hai người này mới được xem như là đủ đức hạnh để làm quan thôi".

Quý Tử Nhiên lại hỏi: "Thế thì, bọn họ tất cả đều thuận theo họ Quý chứ?".

Khổng Tử nói: "Những việc như giết cha, giết vua, *chúng chả bao giờ chịu thuận theo cả*".

Lời bình:

Khổng Tử nói Trọng Do và Nhiễm Cầu có thể làm quan đại thần là xuất phát từ đạo nhân, cho rằng trách nhiệm của kẻ làm đại thần là phải biết thuyết phục vua thực hành nhân nghĩa, lấy nhân trị quốc, nếu vua không nghe thì thà từ chức chứ tuyệt đối không được bội nhân bội nghĩa. Tử Lộ và Nhiễm Cầu, hai người này cho dù đang làm gia thần cho họ Quý, nhưng thực sự là nhân tài, có năng lực, có tiết khí, có bản lĩnh, có thể bổ sung vào hàng ngũ rường cột của nước nhà. Khổng Tử còn cho rằng, dù họ Quý vốn chuyên quyền, lấn át vua, nhưng nếu bắt Tử Lộ và Nhiễm Cầu giết vua, giết cha anh, phản bội tín nghĩa, mưu hại người không ăn cánh, làm những việc không có tiết tháo, thì họ không bao giờ phục tùng.

Đoạn này Khổng Tử nói về đạo làm quan phải lấy nhân nghĩa làm đầu, thể hiện được tinh thần đạo nhân của Khổng Tử.

24. Tử Lộ cử Tử Cao làm huyện trưởng huyện Phí. Khổng Tử nói: "Thế là làm hại con nhà người ta".

Tử Lộ biện luận lại: "Làm quan thì có dân để cai trị, có thần xã tắc để tế lễ, không cần phải chọn kẻ có học làm huyện trưởng, sau làm mới là học".

Khổng Tử nói: "Cho nên ta rất ghét người ba hoa, khéo mồm, khéo mép".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng việc trị dân và việc thờ thần đều là việc học, kẻ nào nếu chưa học mà vội ra làm quan thì thể nào cũng khinh mạn thần linh, ngược đãi dân chúng. Người xưa học rồi mới ra làm quan chứ không làm quan để học, vì gốc của đạo là phải tu thân rồi mới ra trị quốc. Còn Tử Lộ cho là làm quan để học như thế là làm mất thứ tự trước sau, lẫn lộn gốc ngọn.

Khổng Tử muốn học trò học cho thành tài, sau mới ra làm quan để thực hành điều đã học. Còn đối với kẻ lười học, nửa đường bỏ dở như Tử Cao, lại được cử làm quan, mà lại bao biện cho là làm quan để học, thì Khổng Tử không tán thành.

Theo Khổng Tử, có học trọn vẹn mới đa tài đa năng, tinh thông kim cổ, tinh thông thế sự; có nhiều tài năng mới đủ tài trị quốc. Người làm chức vụ trưởng, chức vụ đầu ngành phải là người có học hành chu đáo. Kẻ sĩ tinh thông đạo lý, hiểu rõ hiện thực, có nhiều kiến thức, nên mạnh dạn đưa họ vào giữ các cương vị chủ chốt. Mặt khác, nếu biết chú ý khắc phục những nhược điểm của kẻ sĩ, thì họ có thể trở thành người tài, có khí phách và thái độ trị quốc an dân bao dung độ lượng.

25. Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa ngồi hầu chuyện Khổng Tử.

Khổng Tử nói: "Ta nhiều tuổi hơn các ngươi, nhưng đừng vì thế mà các ngươi không dám phát biểu ý kiến. Bình thường những lúc ngồi rỗi các ngươi thường bảo:

không có ai biết đến các ngươi. Giả dụ có người biết đến (muốn bổ dụng các ngươi), thì các ngươi định làm gì?".

Lời bình:

Đoạn này biểu hiện phong độ hòa mình cùng học trò của Khổng Tử. Như thế cũng có thể biết được khí hòa, đức khiêm của thánh nhân.

26. Nghe Khổng Tử hỏi vậy, Tử Lộ vội vàng thưa: "Nếu có một nước có một nghìn binh xa, bị kẹp giữa các nước lớn, bên ngoài lại bị nước khác xâm phạm, trong nước lại bị thiên tai đói kém mất mùa, một quốc gia như vậy để cho con quản lý, thì chỉ cần trong ba năm là có thể làm cho dân dũng cảm vùng lên, hơn nữa còn hiểu hết mọi đạo lý".

Khổng Tử nghe xong, mỉm cười.

Lời bình:

Khổng Tử nghe xong mỉm cười là vì khẩu khí của Tử Lộ quá táo bạo, cũng là cười tài cán của Tử Lộ chưa đủ. Khổng Tử cho rằng Tử Lộ chưa có đủ năng lực quản lý nước lớn.

Do đó có thể biết Khổng Tử rất không thích học trò ba hoa, nói thì rất mạnh mà làm thì không nên nổi cơ đồ.

27. Khổng Tử hỏi chí hướng của Nhiễm Cầu.

Thái độ của Nhiễm Cầu rất khiêm tốn thưa: "Nếu một quốc gia có khuôn viên sáu bảy mươi dặm, hoặc nhỏ hơn một ít cũng được, chừng năm sáu chục dặm, để cho

con làm quản lý trong ba năm cũng có thể làm cho dân no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử".

Lời bình:

Lời nói của Nhiễm Cầu rất có lý. Quản lý một quốc gia cần lấy kinh tế làm trung tâm, từ đó làm cơ sở mà phát triển nền chính trị, nền văn hóa. Nói chung, phát triển kinh tế là dễ làm, còn xây dựng thể chế chính trị, xây dựng văn hóa, tức là xây dựng văn minh tinh thần là khó làm, nặng nề gian khổ hơn nhiều. Xây dựng văn minh tinh thần của một đất nước là quá trình lịch sử lâu dài, cần có sự nỗ lực bền bỉ của quảng đại quần chúng, của các bậc hào kiệt tinh anh, tuấn tú, mới có thể từng bước tạo dựng được.

Điều này không thể một sớm một chiều mà thành công được ngay.

28. Khổng Tử lại hỏi chí hướng của Công Tây Hoa.

Công Tây Hoa thưa: "Con không dám nói là có thể làm được, nhưng cũng học theo. Trong những việc tế lễ ở tông miếu hoặc là những việc hội các nước đồng minh, con chỉ muốn được mặc lễ phục, đội mũ lễ, đảm nhiệm một chức quan nho nhỏ giúp vua tế lễ".

Lời bình:

Công Tây Hoa luôn ăn mặc chỉnh tề, dung mạo đoan trang, có phong độ của một nhà ngoại giao, khẩu khí cũng rất khiêm tốn. Công Tây Hoa tự cho mình chả có tài năng gì, chẳng qua chỉ được cái chăm chỉ học tập,

nên nếu được làm việc, chỉ muốn làm những việc đứng đằng sau màn trướng giúp việc mà thôi.

Kỳ thực, chí của Công Tây Hoa là tập trung vào lễ nhạc. Làm việc ấy cũng phải là người toàn tài, càng phải học giỏi, càng phải có tài nhận biết, ăn nói, viết lách, văn hóa; có tài điều hòa phối hợp, có thái độ xử sự khiêm tốn, và như thế cũng phải là người có tài toàn diện.

29. Khổng Tử lại hỏi về chí hướng của Tăng Tích.

Tăng Tích đang gảy đàn, gảy gần hết phần cuối, tiếng đàn đang vang lên hùng hồn, vội bỏ đàn xuống, đứng dậy thưa rằng: "Suy nghĩ của con không giống ba người nói trên".

Khổng Tử nói: "Có gì trở ngại đâu, mỗi người tự nhiên nói lên chí hướng của mình mà".

Tăng Tích thưa: "Tháng ba cuối xuân, mặc trang phục mùa xuân, cùng hẹn với năm sáu bạn trẻ, sáu bảy em nhỏ đến sông Nghi tung tăng bơi lội tắm mát, lên đài cầu mưa Vũ Vu nhảy múa hứng gió, vừa đi vừa ngâm vịnh mà trở về nhà".

Khổng Tử ngậm ngùi than: "Ta tán thành cách suy nghĩ của con".

Lời bình:

Khổng Tử và Tử Lộ, Nhiễm Cầu, Công Tây Hoa đang trao đổi, thì Tăng Tích đang gảy đàn, Khổng Tử hỏi tới Tăng Tích, Tăng Tích bật mạnh dây đàn, tiếng kêu lanh

lảnh hùng hồn hơn, sau đó bỏ đàn xuống đứng dậy thưa thầy về chí hướng của mình.

Mới nghe, so với Tử Lộ, Nhiễm Cầu, Công Tây Hoa, chí hướng của Tăng Tích quá nhỏ nhoi thấp kém. Nhưng từ trong lời nói của Tăng Tích có thể nhìn thấy Tăng Tích biết hòa bình với bạn bè cùng lứa tuổi, hòa mình cùng thiên nhiên, sống cuộc sống sôi nổi hoạt động, xây dựng được hình ảnh một thế giới đại đồng mà Khổng Tử hằng mong muốn. Xét cho kỹ thì cái chí của Tăng Tích thấu suốt được lòng ham muốn của con người, lẽ vận hành của trời đất, biết đầy đủ mọi việc, đó mới là chí lớn. Vì vậy Tăng Tích được Khổng Tử tán thành.

30. Tử Lộ, Nhiễm Cầu, Công Tây Hoa đi ra ngoài.

Tăng Tích ở lại sau hỏi Khổng Tử: "Lời nói của ba người ấy có nghĩa như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Cũng chẳng qua là mỗi người nói về chí hướng của mình mà thôi".

Tăng Tích lại hỏi: "Thầy vì sao lại cười Tử Lộ?".

Khổng Tử nói: "Quản lý nhà nước phải cần đến lễ, đến khiêm nhường, nhưng Tử Lộ nói chả có chút khiêm nhường nào cả, cho nên ta cười".

Tăng Tích lại khỏi: "Những điều Nhiễm Cầu nói đó không phải là việc một quốc gia ư?".

Khổng Tử nói: "Đất sáu bảy chục dặm hoặc năm sáu chục dặm mà không là một quốc gia ư?".

Tăng Tích lại hỏi: "Điều mà Công Tây Hoa nói đó không phải là việc một quốc gia ư?".

Khổng Tử nói: "Có tông miếu, có liên minh với các nước, không phải quốc gia thì là cái gì? Nếu Công Tây Hoa chỉ khiêm nhường xin làm một quan nhỏ thì còn ai có thể làm được quan lớn?".

Lời bình:

Khi Tử Lộ, Nhiễm Cầu, Công Tây Hoa nói về chí hướng của mình, mỗi người có một quan điểm riêng về sự nghiệp quản lý quốc gia. Vì ba người này đều muốn ra làm quan nên Khổng Tử không khen, nhưng đều đánh giá chí hướng ấy là việc thực, không quá cao xa.

Chỉ có Tăng Tích nói chí hướng thì rất nhỏ, mà suy ra là rất lớn. Nói là du ngoạn vui chơi, thực tế là đi tìm tòi cuộc sống vui tươi lành mạnh, hòa mình với thiên nhiên, với đồng loại. Tăng Tích đã nói lên được cái chí của Khổng Tử.

Vì vậy, Khổng Tử mới nói tán thành quan điểm của Tăng Tích.

Chương 12

NHAN UYÊN

1. Nhan Uyên hỏi về đức nhân.

Khổng Tử trả lời: "Khắc phục ham muốn của mình, nói và làm phù hợp với lễ. Một ngày làm *được như thế*,

người trong thiên hạ sẽ cùng theo về đức nhân. Thực hiện đức nhân hoàn toàn ở mình, không lẽ dựa vào người khác hay sao?".

Nhan Uyên nói: "Xin thầy cho biết những chi tiết chủ yếu để thực hiện đức nhân".

Khổng Tử nói: "Những việc không hợp với lễ chớ xem; không hợp với lễ chớ nghe; không hợp với lễ chớ nói; không hợp với lễ chớ làm".

Nhan Uyên nói: "Tuy con chẳng minh mẫn, cũng xin làm theo đúng lời thầy".

Lời bình:

Đây là đoạn Khổng Tử bàn luận về "nhân" tương đối hoàn chỉnh, có năm ý lớn như sau:

Khắc phục ham muốn của mình là muốn nói khắc phục những thói xấu, khắc phục tư tưởng sai trái tà ác, khắc phục những quan điểm thiên lệch của mình. *Nói và làm phù hợp với lễ* là muốn nói phải theo con đường chính đạo. Ai theo chính đạo là đi theo cái hướng chung, mới có thể thực hiện được đức nhân. Một người bình thường nếu khắc phục được ham muốn mà tự tu dưỡng rèn luyện có thể trở thành một người có đạo đức. Ngược lại, một người quá bừa bãi phóng túng, mặc cho tư tưởng xấu ác bành trướng sẽ trở thành một kẻ tiểu nhân. Vì vậy, Khổng Tử cho rằng con người ta phải biết tự đấu tranh với bản thân mình.

Ngày nào cũng nhớ tu dưỡng rèn luyện bản thân, thì mọi người trong thiên hạ đều đi theo đức nhân, cùng

đạt đến sự thống nhất về tư tưởng. Có như vậy, một xã hội tốt đẹp văn minh, một thế giới mà mọi người đều đi theo con đường đức nhân sẽ xuất hiện.

Thực hiện đức nhân hoàn toàn là ở mình nghĩa là Khổng Tử yêu cầu mỗi người tự giác tu dưỡng là mấu chốt, như vậy là hoàn toàn đúng. Có trở nên một con người có đạo đức hay không, ảnh hưởng của điều kiện bên ngoài, ảnh hưởng của người khác, cố nhiên có gây tác dụng, nhưng mấu chốt vẫn là sự tu dưỡng của mình, tu dưỡng một cách tự giác.

Khi Nhan Hồi hỏi *những chi tiết cụ thể để thực hiện đức nhân*, Khổng Tử chỉ trả lời bốn câu: "Không hợp với lễ chớ xem; không hợp với lễ chớ nghe; không hợp với lễ chớ nói; không hợp với lễ chớ làm". Bốn điều ấy là khuyên người ta rèn luyện từ việc nhỏ đến việc lớn, từ thấy, nghe, nói đến hành động, mặt nào cũng yêu cầu nghiêm khắc với bản thân mình.

Nhan Hồi nghe được lời dạy "bốn việc không làm" của Khổng Tử mà hiểu được lẽ phải, lòng người, lại tự biết mình có thể theo được nên nhận theo ngay. Người đời sau muốn học theo thánh nhân cũng nên ghi nhớ những điều ấy.

2. Trọng Cung hỏi về đức nhân.

Khổng Tử nói: "Đi ra ngoài làm việc phải giống như sắp gặp khách quý. Sai khiến dân phải giống như đang làm lễ tế lớn vậy. Việc mình không muốn thì đừng ép người khác muốn. Ở trong nước, ở trong nhà, đừng để có *ai oán hận mình*".

Trọng Cung nói: "Con tuy chẳng minh mẫn, nhưng nhất định làm theo ý của thầy".

Lời bình:

Đoạn trước là Khổng Tử trả lời Nhan Uyên khi hỏi về thực hiện đức nhân, chủ yếu là nói về tu dưỡng tinh thần nội tại. Đoạn này là Khổng Tử trả lời Trọng Cung khi hỏi về thực hiện đức nhân, chủ yếu là tu dưỡng đức nhân khi làm việc ở bên ngoài.

Đoạn này có bốn ý như sau:

Đi ra ngoài làm việc phải giống như sắp gặp khách quý: đó là Khổng Tử yêu cầu một người có đức nhân, khi ra ngoài tiếp xúc với người, phải thật cung kính, thành khẩn, có lễ phép, không được coi thường ai. Đặc biệt, người lãnh đạo càng phải làm như vậy. Đây là đại học vấn vì con người.

Sai khiến dân phải giống như làm lễ tế lớn: là muốn nói đối đãi với nhân dân, sai khiến nhân dân phải thận trọng, có thái độ phụ trách, có tinh thần trách nhiệm như làm chủ tế. Khi tế lễ, người ta hết sức nghiêm túc, thành kính; đối với nhân dân cũng nên có tinh thần thái độ như vậy.

Việc mình không muốn thì đừng ép người khác muốn: đây là nguyên tắc quan trọng trong xử lý mối quan hệ giữa người với người. Thường tình, người ta nói chung cái gì mình không muốn, lại thường muốn đổ dồn cho người khác. Cách xử sự như vậy không đúng. Khổng Tử chủ trương, cái gì mình không muốn thì người khác cũng không muốn, cho nên không được cưỡng ép người

ta muốn. Chỉ có như vậy mới đảm bảo sự đoàn kết giữa mọi người, được lòng người, mới làm tốt mọi việc.

Ở trong nước, ở trong nhà đừng để có ai oán hận mình: đây là kết quả của những điều đã nêu ở trên.

Như vậy, người ta tu dưỡng bản thân phải biết nghiêm trang kính cẩn từ nơi mình rồi thể hiện điều ấy ra ngoài trong cư xử với mọi người. Làm như thế sẽ trở thành người có đức nhân.

3. Tư Mã Ngưu hỏi về đức nhân.

Khổng Tử nói: "Người có đức nhân không nói chuyện một cách tùy tiện, phải nhẫn nại".

Tư Mã Ngưu lại hỏi: "Không nói tùy tiện, như vậy được gọi là người có đức nhân ư?".

Khổng Tử nói: "Làm được đã khó, nói lại có thể tùy tiện được ư?".

Lời bình:

Tư Mã Ngưu vốn là người nói nhiều và hấp tấp. Vì vậy, khi trả lời câu hỏi của Tư Mã Ngưu, Khổng Tử không nói những điều chung về đức nhân, mà bảo rằng, làm một người có đức nhân chẳng những không được ăn nói tùy tiện, mà còn phải nhẫn nại, biết nhẫn nhục nhường nhịn, có ý tứ súc tích, không được nói quá mau, quá chậm. Biết nhẫn nại trong khi nói chuyện cũng là một tu dưỡng quan trọng bước đầu đạt đến đức nhân.

4. Tư Mã Ngưu hỏi về người quân tử.

Khổng Tử nói: "Người quân tử thì chẳng lo, chẳng sợ".

Tư Mã Ngưu lại hỏi: "Chẳng lo, chẳng sợ đã đủ gọi là người quân tử ư?".

Khổng Tử nói: "Tự xét mình chẳng có tội ác thì còn có điều gì phải lo lắng sợ hãi nữa".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra, người quân tử chẳng lo, chẳng sợ, lại là một tiêu chuẩn nữa của đức nhân. Cuộc đời có bao nỗi lo toan sợ hãi. Con người thường sống trong sợ hãi lo toan đấy sao. Lo thì có lo cuộc sống không no đủ, lo công tác không có tiền đồ, lo không lên chức, lo không phát tài... Sợ thì có sợ thiên tai, sợ đói kém, sợ này sợ nọ... Lúc còn nhỏ không biết lọ sợ là gì, nhưng khi bước vào đời bao nỗi lo nỗi sợ chồng chất. Đạt được mức chẳng lo, chẳng sợ tức là đã tu dưỡng được tốt lắm rồi.

Nhưng Khổng Tử cũng nói rõ cho Tư Mã Ngưu biết, nói thì dễ, làm thì khó. Muốn đạt đến độ ấy, con người ta lòng dạ phải luôn giữ được trong sạch, đối với người với việc không xảy ra sơ suất sai sót, không có chỗ nào đáng trách, luôn giữ được quang minh chính đại. Chẳng lo, chẳng sợ là vì đức được vẹn toàn, không có điều lầm lỗi, như thế là người quân tử.

5. Tư Mã Ngưu buồn rầu nói: "Người khác đều có anh em, duy một mình *tôi không có*".

Tử Hạ nói: "Tôi đã từng nghe dạy rằng: sống chết do mệnh, phú quý do trời quyết định. Người quân tử chỉ cần làm việc nghiêm túc cẩn thận, đối xử với người cung kính lễ độ, thì người bốn biển đều là anh em. Người quân tử lo gì không có anh em?".

Lời bình:

Tư Mã Ngưu có anh là Hướng Đồi làm quan tư mã nước Tống. Hướng Đồi mưu phản mắc vào tội chết nên Tư Mã Ngưu buồn vì coi như không có anh em. Tử Hạ nhắc lại lời Khổng Tử nói: người quân tử, người có đạo đức không nên buồn vì không có anh em; phú quý do trời, sống chết do mệnh; người trong thiên hạ rất nhiều, chỉ cần đối xử với họ tốt, không để thất lễ, không để xảy ra điều gì sai trái, thì họ sẽ chan hòa ăn ở thân thiết như anh em bạn bè. Lời Tử Hạ nói để an ủi Tư Mã Ngưu nhưng cũng là lời dạy của Khổng Tử về quan hệ giao tiếp trong xã hội.

6. Tử Trương hỏi về sự sáng suốt.

Khổng Tử nói: "Những lời gièm pha nói xấu ngấm dần, cũng như những lời vu cáo đau nhức đến tận da thịt đều không làm ảnh hưởng gì đến mình, được như vậy có thể nói là người sáng suốt.

Những lời gièm pha nói xấu ngấm dần, cũng như lời vu cáo đau nhức đến tận da thịt đều chẳng có tác dụng gì với mình, được như vậy có thể nói là người nhìn xa trông rộng".

Lời bình:

Lời nói gièm pha thường ngấm dần khiến người nghe bị mê hoặc mà tin là đúng sự thật. Lời vu cáo thường khiến người nghe không kịp suy xét kỹ, mà nóng vội tin theo. Những lời ấy thường rất khó xét do thủ đoạn của kẻ nói. Vì thế người nào xét rõ được mới là sáng suốt, là nhìn xa trông rộng.

Khổng Tử nhắc nhở mọi người, không nên gièm pha nói xấu người khác, khích bác người khác; ngược lại cũng không nên nghe những khích bác gièm pha làm gì, không để cho nó ảnh hưởng đến mình, dù cho đối phương muốn cho mình chịu ảnh hưởng cũng không được.

Làm người trong xử sự nên nhớ kỹ bài học này, có như vậy mới là một con người sáng suốt, không bao giờ chịu ảnh hưởng bởi những lời nói xấu, gièm pha, vu cáo.

7. Tử Cống hỏi Khổng Tử về quản lý chính sự quốc gia.

Khổng Tử nói: "Phải đầy đủ lương thực, đầy đủ binh lực, được nhân dân tín phục".

Tử Cống hỏi: "Nếu buộc phải bỏ đi một trong ba điều đó, nên bỏ điều nào?".

Khổng Tử nói: "Bỏ đi binh lực".

Tử Cống nói: "Nếu buộc phải bỏ đi một trong hai điều còn lại, thì bỏ điều nào?".

Khổng Tử nói: "Bỏ lương thực. Từ cổ đến nay con người ta không ai tránh được cái chết. Nhưng nếu nhân

dân không còn tín phục nữa, thì nước không thể đứng vững nổi".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, muốn có nền chính trị tốt đẹp, sáng suốt anh minh, thiên hạ thái bình, cần làm tốt ba điều:

Thứ nhất là có đủ lương thực đảm bảo cho nhân dân có cuộc sống ấm no, xã hội mới yên ổn. Thứ hai là phải có quân đội đủ mạnh. Thứ ba là phải được nhân dân tín nhiệm.

Trong ba điều đó, Khổng Tử cho rằng sự tín nhiệm của nhân dân là quan trọng hơn cả. Bởi vì, việc trị nước giành được sự tín nhiệm của nhân dân, sẽ tạo nên một sức mạnh không có kẻ thù nào phá nổi.

8. Cức Tử Thành nói: "Ngươi quân tử chỉ cần có chất tốt là được rồi, cần gì đến văn nữa".

Tử Cống nói: "Ngài bàn về quân tử như vậy thật đáng tiếc là không đúng rồi. Một lời nói ra, xe bốn ngựa khó mà đuổi kịp. Văn cũng quan trọng như chất, chất cũng quan trọng như văn. Da hổ, da báo nếu nhổ mất lông đẹp thì làm sao phân biệt được với da chó và da dê?".

Lời bình:

Chất là nói về phẩm chất, tức là nội dung. Văn là nói về lễ tiết và nghi thức, tức là hình thức.

Đại phu Cức Tử Thành người nước Vệ có quan điểm cho rằng một người chỉ cần có phẩm chất tốt là đủ, không cần thiết phải quan tâm đến hình thức.

Tử Cống thì phản đối cách suy nghĩ của Cức Tử Thành, cho rằng nội dung và hình thức đều cần như nhau, không thể không có. Nếu bỏ hết hình thức bên ngoài, chỉ còn nội dung chất phác bên trong thì chẳng phân biệt được người quân tử với kẻ tiểu nhân; cũng như da hổ, da báo mà bỏ mất bộ lông đẹp thì cũng chẳng phân biệt được với da chó, da dê. Điều này có ý nghĩa quan trọng. Giả dụ đem bộ lông hổ khoác lên mình con chó thì con chó chẳng thể thành con hổ được, nhưng chính con hổ mà không có bộ lông ấy thì cũng chẳng thể gọi là hổ được nữa. Vì vậy, phẩm chất là quan trọng nhưng cũng đừng coi thường vẻ bề ngoài.

Hãy lấy ăn mặc làm ví dụ. Không cần dùng vải đắt tiền, chẳng cần chạy theo thời trang, người ta chỉ cần ăn mặc đúng đắn là được. Ăn mặc cầu kỳ, không hợp tuổi tác và nghề nghiệp thì việc giao tiếp xã hội sẽ trở nên khó khăn. Ăn mặc đúng đắn làm cho người đối thoại phải tôn trọng mình, vì chỉ có người đàng hoàng tức là người có trình độ văn hóa mới biết cách ăn mặc đúng đắn.

Vì vậy, người quân tử ngoài phẩm chất tốt, phải biết coi trọng hình thức bên ngoài như ăn mặc đúng đắn, cử chỉ và nói năng khiêm nhường từ tốn mới được.

9. Vua Lỗ Ai Công hỏi Hữu Nhược: "Năm mất mùa, thuế thu được không đủ dùng thì làm thế nào?".

Hữu Nhược thưa: "Tại sao không đánh thuế bằng biện pháp triệt tức là thu thuế một phần mười hoa lợi của dân?".

Vua Lỗ Ai Công nói: "Thu hai phần mười tổng mức thu hoạch, ta dùng chưa đủ, làm sao có thể áp dụng biện pháp triệt?".

Hữu Nhược thưa rằng: "Nếu dân đủ ăn, thì vua làm sao lại không đủ? Nếu dân không đủ ăn thì vua làm sao mà đủ được?".

Lời bình:

Vua Lỗ Ai Công hỏi như vậy là với ý tăng thuế, vì lúc này thu hai phần mười mà chưa đủ dùng. Nhưng Hữu Nhược lại thưa rằng nên áp dụng biện pháp *triệt,* tức là nới rộng và giảm thuế, chỉ thu một phần mười hoa lợi của dân thôi.

Hữu Nhược giải thích đạo lý trị nước an dân cho Lỗ Ai Công nghe, đó là nhà nước nên theo số thu mà định ra số chi, chứ không vì chi nhiều mà thu lắm sẽ trở nên hà khắc với dân, còn thu quá ít sẽ thiếu hụt. Vì vậy, thu thuế không đúng phép, chi dùng không đúng mực thì cả nhà nước và dân đều khốn cùng. Nếu giảm thuế, nhà nước sẽ ổn định, dân hăng hái phát triển sản xuất, đời sống sẽ khá lên, quốc gia sao lại không giàu lên? Nếu dân không đủ ăn, sẽ tha phương cầu thực, bỏ sản xuất, dân sinh ra oán hận, nổi dậy khắp nơi, lúc này quốc gia *còn giàu có,* đầy đủ nữa không?

Khi nói về dự trữ quốc gia, chúng ta thường nói có lương thực trong tay thì không còn lo gì cả. Đạo lý này không phải là không có lý.

10. Tử Trương hỏi cách thức để đề cao được phẩm đức và phân biệt sự mê hoặc.

Khổng Tử nói: "Lấy trung hậu và tín thật làm chính, tận lực làm việc nghĩa, làm được như vậy là đề cao phẩm đức. Yêu ai thì mong cho họ sống, ghét ai thì mong cho họ chết. Vừa mong cho người này sống lại muốn cho người khác chết, như vậy là sự mê hoặc. Kinh Thi có câu: Thực chẳng về giàu, cũng chỉ vì lạ mà thôi".

Lời bình:

Tử Trương nêu một vấn đề rất lớn là đề cao phẩm đức tức là tu dưỡng nội tâm cá nhân, và phân biệt mê hoặc tức là sự tu dưỡng ở bên ngoài trong khi tiến hành công việc.

Thế nào là đề cao phẩm đức? Đề cao phẩm đức là tôn trọng sự tu dưỡng đạo đức, làm trong sạch tâm linh, không ngừng rèn luyện tính tình của mình, khiến cho đức nhân của mình dần dần được nâng cao.

Thế nào là sự mê hoặc? Tử Trương nêu ví dụ về sự mê hoặc của một người là nếu thích ai thì mong cho họ sống, ghét ai thì mong cho họ chết. Khi một vị lãnh đạo chủ chốt thích ai, thì cho dù người khác phản đối đến mức nào, vẫn trăm phương nghìn kế đề bạt họ; khi ghét ai thì tìm đủ mọi cách cho họ chết, dù có *tiền trảm hậu tấu* vẫn cứ làm. Giữa nam nữ với nhau cũng như vậy,

khi yêu thì yêu đến chết đi sống lại, khi ghét thì ghét đến tận xương tận tủy. Theo Nho giáo, người ta sống chết đều có mệnh, không phải muốn mà được. Yêu ghét là chuyện thường tình của người, nhưng vì yêu ghét mà muốn cho người ta sống hay chết là chẳng hiểu mệnh trời tức là bị mê hoặc rồi.

Muốn đề cao phẩm đức thì phải trung hậu, tín thật và làm theo việc nghĩa. Trung hậu là lòng thành thực, có lòng tốt, bụng dạ tốt, tận tâm tận lực khi giải quyết công việc cho mọi người. Tín thật là đáng tin cậy, là nói có chữ tín, lúc nào cũng kiên trì giữ chữ tín, không có lúc nào giở quẻ. Việc nghĩa là chỉ những việc nên làm, việc chính nghĩa.

Khổng Tử nhắc đến hai câu trong Kinh Thi: "Thực chẳng về giàu, cũng chỉ vì lạ mà thôi". Đây là muốn nói, đời sống vật chất của cá nhân đã giàu có, nhưng như vậy chưa đủ. Tu dưỡng đạo đức của một người, đời sống tinh thần của một người cũng là một tài sản vô cùng vô tận, chỉ có vô hình mà thôi. Hiện tại, có một số người có tiền thực sự, có nhiều tài khoản lớn, nhưng cũng chỉ lạ mà thôi, vì họ lại rất nghèo về cuộc sống tinh thần, nghèo đến mức họ chỉ còn tiền mà thôi. Đây không đáng cho ta ngẫm nghĩ đó sao?

11. Vua Tề Cảnh Công hỏi về việc cai trị quốc gia.

Khổng Tử thưa: "Làm vua phải trọn đạo vua, làm tôi phải trọn đạo tôi, làm cha phải trọn đạo cha, làm con *phải trọn đạo con*".

Vua Tề Cảnh Công nói: "Nói như vậy hay quá! Nếu vua chẳng trọn đạo vua, tôi chẳng trọn đạo tôi, cha chẳng trọn đạo cha, con chẳng trọn đạo con, thì tuy có lúa gạo đó, ta có thể ăn được ư?".

Lời bình:

Đây là trả lời của Khổng Tử khi vua Tề Cảnh Công hỏi về việc cai trị quốc gia. Khổng Tử đã nêu ra một tư tưởng nổi tiếng của học thuyết chính danh, tức là làm cho danh phận đúng với thực. Trong đó, vua phải trọn đạo làm vua, tôi phải trọn đạo làm tôi, cha phải trọn đạo làm cha, con phải trọn đạo làm con. Nói cách khác, nước phải có đạo thì mới được như vậy.

Ta hãy suy ngẫm từ xưa đến nay, có nước nào nhà cầm quyền kém sáng suốt, bề tôi gian nịnh mà nước ấy không suy vong? Có nhà nào mà cha mẹ bạc ác bất nhân, con cái ngỗ nghịch bất hiếu mà nhà ấy không suy bại? Nhân tố con người quan trọng hơn tất cả, cho nên mọi người trên cương vị của mình mà làm hết trách nhiệm thì mọi việc trong xã hội mới có thể tốt được.

12. Khổng Tử nói: "Có thể dùng một câu nói đơn giản để phán đoán vụ án, đại khái chỉ có Trọng Do! Trọng Do đã hứa là nhất định thực hiện đúng kỳ hạn".

Lời bình:

Khổng Tử nói Tử Lộ có thể chỉ cần một lời nói là có thể giải quyết tranh chấp giữa hai người, chứng tỏ Tử *Lộ được mọi người* tin tưởng.

Không phải là quan tư pháp, tại sao Tử Lộ lại làm được như vậy? Đó là vì Tử Lộ có tính trung thực, sáng suốt, quyết đoán, hào phóng, có tinh thần hào hiệp cởi mở. Tử Lộ khi xử án đã nêu rõ được trách nhiệm và nghĩa vụ của hai bên, làm cho người ta tin phục, do đó chỉ cần nêu một lời phân tích là đã xử xong một vụ án. Muốn được như vậy, thường ngày Tử Lộ vẫn phải tu dưỡng để giữ được đức tin vẹn toàn.

13. Khổng Tử nói: "Thẩm xét vụ án, ta cũng như người khác đều muốn cho việc kiện tụng không bao giờ xảy ra".

Lời bình:

Xét xử kiện tụng mới là trị cái ngọn. Mục đích chính của xét xử là để làm gương khiến cho nhân dân không tranh chấp kiện tụng lẫn nhau, làm sao có thể bình tĩnh ngồi với nhau nhìn lại sự việc, để hiệp thương giải quyết mâu thuẫn. Theo Khổng Tử, nếu biết dạy cho dân hiểu được nghĩa vụ, biết nhường nhịn, nắm chắc pháp luật mà giữ gìn từ đó mà chẳng có việc kiện cáo nhau, như thế là hơn cả. Bản thân Khổng Tử đã từng làm quan tư khấu ở nước Lỗ, nhờ khéo giáo hóa dân mà ít có việc kiện cáo. Đây là gợi ý của Khổng Tử cho các quan tư pháp.

14. Tử Trương hỏi về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Giữ chức vụ gì không trễ nải, làm *việc gì cốt giữ trung thực*".

Lời bình:

Giữ chức vụ gì không trễ nải là muốn nói trong cương vị công tác được giao, phải đưa toàn bộ tinh lực, toàn tâm để ý vào công tác của mình, không bao giờ kêu ca mệt mỏi.

Làm việc gì cốt giữ trung thực là muốn nói tận trung với công việc, không lơ là biếng nhác, không buông lỏng kỷ cương, xả thân quên mình để làm tròn nhiệm vụ.

Người làm quan phải trước sau như một, không được lạnh nhạt thờ ơ, không được để xảy ra sơ suất thất lễ khi tiếp đãi nhân dân; chấp hành chính lệnh cần phải trung thực, nghĩa là trong lòng và ngoài mặt thống nhất như nhau, không được ăn ở hai lòng.

Khổng Tử dạy lời này vì Tử Trương tính khí mạnh mẽ mà chưa phải là người có đức nhân.

15. Khổng Tử nói: "Người quân tử học tập sâu rộng về văn chương, biết lấy lễ để ràng buộc mình, sẽ không bao giờ trái với đạo lý".

Lời bình:

Người quân tử học tập văn chương một cách sâu rộng, hiểu nhiều biết kỹ, làm cho tri thức uyên thâm thông hiểu các mặt cũng là bình thường. Nhưng nếu chỉ học văn chương mà không giữ gìn theo lễ thì dễ sa vào lãng mạn mà thành ra hư xấu. Vì vậy, điều quan trọng là hành động phải đúng với lễ. Làm được như vậy mới không trái với đạo lý, sẽ không dẫn đến xa Kinh, phản Đạo.

16. Khổng Tử nói: "Người quân tử giúp người làm điều tốt, không giúp người làm điều xấu. Kẻ tiểu nhân thì ngược lại".

Lời bình:

Người có đạo đức đều giúp đỡ bạn bè đồng sự và mọi người trong xã hội làm điều tốt chứ không bao giờ giúp ai làm điều xấu. Người không có đạo đức hoàn toàn ngược lại, thường giúp người khác làm điều xấu mà không giúp người khác làm việc tốt. Cách dụng tâm của người quân tử và kẻ tiểu nhân khác nhau là vậy.

17. Quý Khang Tử hỏi Khổng Tử về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Ý nghĩa chữ chính (cai trị) là chính trực. Ngài gương mẫu giữ đạo chính thì ai dám không chính?".

Lời bình:

Khổng Tử nói chữ chính là chính đáng, chính quy, ngay thẳng. Làm chính trị là lãnh đạo quốc gia, lãnh đạo dân tộc đi theo con đường chân chính, ngay thẳng. Người chấp chính, kẻ làm quan trước hết mình phải *chính* rồi sau đó mới làm được người *chính*, mới có thể dắt dẫn quần chúng đi theo con đường chính được.

Người làm lãnh đạo, quyền lực nắm trong tay, dẫn dắt dân đi theo con đường chính đạo, ai dám không đi theo con đường chính đạo?

Do đó có thể biết, người lãnh đạo biết giữ chính đạo, *chính trực, có quan hệ rất lớn đến vận mệnh quốc gia.*

18. Nước Lỗ thời ấy rất nhiều trộm cướp, Quý Khang Tử lấy làm lo lắng, hỏi Khổng Tử về cách giải quyết.

Khổng Tử nói: "Nếu ngài không quá tham lam thì có ban thưởng cho họ, họ cũng không dám ăn trộm nữa".

Lời bình:

Lời nói của Khổng Tử rất đơn giản nhưng sâu sắc, thể hiện được nguyên tắc quan điểm về quản lý chính sự. Nếu người thống trị ở bên trên coi trọng quá mức vàng bạc châu báu, thì người trong xã hội sẽ sinh ra dã tâm ăn cắp vàng bạc châu báu. Nếu người thống trị mà cần kiệm liêm chính, giản dị không xa hoa, thì dân sẽ theo đó mà học tập, xã hội sẽ yên ổn, trộm cắp sẽ giảm nhiều. Khổng Tử nói như vậy là muốn nhắc Quý Khang Tử sửa mình cho ngay thẳng mới có thể làm gương cho dân. Tiếc là Quý Khang Tử say đắm lợi dục nên không theo được.

19. Quý Khang Tử hỏi Khổng Tử về vấn đề quản lý chính sự rằng: "Giết kẻ vô đạo, để dân biết mà tiến tới có đạo, làm như vậy có được không?".

Khổng Tử nói: "Ngài quản lý quốc gia, cần gì đến việc chém giết? Ngài thực sự làm điều thiện, dân sẽ làm theo điều thiện. Đức hạnh người quân tử giống như gió, đức hạnh kẻ tiểu nhân giống như cỏ. Gió thổi trên cỏ, cỏ nhất định rạp theo chiều gió".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng lấy đạo đức cảm hóa dân thực hành đức nhân, làm việc tốt, thì dân chúng sẽ theo đó

mà làm việc tốt, thực hiện đức nhân; chứ còn dùng biện pháp giết người để trừng trị là không có hiệu quả. Điều này có nghĩa là người lãnh đạo chỉ cần có thiện tâm, sẽ bồi dưỡng nên một xã hội có phong thái cao thượng, lương thiện.

Để khẳng định ý trên, Khổng Tử còn ví đạo đức của người bề trên như gió, đạo đức của người bề dưới như cỏ vậy; gió thổi chiều nào, cỏ rạp theo chiều ấy. Lãnh đạo đưa quần chúng đi đường nào, quần chúng đi theo đường ấy. Sức gió càng mạnh, cỏ càng rạp xuống. Cho nên một người lãnh đạo, một tập thể lãnh đạo thường có ý nghĩa tạo nên một phong thái xã hội. Phong thái xã hội tốt hay xấu được biểu hiện từ trong quần chúng, còn nguyên nhân thì tìm từ trong người lãnh đạo, trong tập thể lãnh đạo. Người bề trên làm điều phải để làm gương thì dân theo, nói điều phải để dạy dân thì dân nhớ.

20. Tử Trương hỏi: "Kẻ sĩ như thế nào mới gọi là đạt?".

Khổng Tử nói: "Đạt mà ngươi nói có ý như thế nào?".

Tử Trương thưa: "Khi làm quan ở triều đình có danh tiếng, ở nhà cũng có danh tiếng".

Khổng Tử nói: "Đó gọi là văn, chứ không phải đạt. Được gọi là đạt, phải có phẩm hạnh chính trực ham làm việc nghĩa, giỏi phân tích lời nói và giỏi quan sát sắc mặt của người khác, đối xử với người khiêm tốn nhường nhịn. Người như vậy làm quan ở triều đình nhất định *đạt, ở nhà cũng đạt.*

Chứ gọi là văn thì bề ngoài tỏ vẻ yêu đức nhân, mà khi làm lại trái đạo nhân, thế mà cứ tưởng mình là người có đức nhân. Loại người này làm quan ở triều đình nhất định có danh tiếng, ở nhà cũng có danh tiếng".

Lời bình:

Tử Trương cho rằng chỉ cần nổi tiếng ở quê hương, nổi tiếng cả nước thì được gọi là đạt.

Khổng Tử dạy rằng Tử Trương hiểu như vậy không đúng. Nổi tiếng cả nước chỉ có thể nói là người có danh tiếng. Người có danh tiếng gọi là văn, không thể gọi là đạt.

Người được gọi là đạt là người phải có đức khiến người ta tin và làm việc gì cũng được. Muốn vậy, người gọi là đạt thì trong lòng phải trung tín, làm việc phải hợp nghĩa, khi giao tiếp với người phải xem xét cẩn thận, biết nhún mình nhường người để nuôi cái đức của mình, lúc nào cũng lo sửa mình mà chẳng cầu người ta biết đến mình. Người tu dưỡng đến độ được gọi là đạt như thế thì đức được sửa sang, người tin cậy mình, ra làm việc đời chẳng có gì khó khăn trở ngại cả.

Kẻ được gọi là văn tức là có danh tiếng thì thường khéo làm ra sắc mặt nhân từ mà việc làm lại trái với đạo nhân, tự cho mình là phải nên chẳng biết kiêng sợ gì, thường vì danh mà học nên giả dối, cho nên được cái danh tiếng suông ấy tuy hay mà đức lại hỏng. Kẻ vì danh và kẻ vì lợi tuy gọi khác nhau nhưng bản chất vì lợi riêng chỉ là một.

Đạt và văn dễ bị nhầm lẫn sang nhau, song thật là khác nhau ở chỗ thành thực và giả dối. Cho nên Khổng Tử dạy người ta phải dốc lòng làm việc thực, như thế mới đến được đạt, còn nếu không chỉ là hư danh mà thôi. Lời dạy này cũng thật là sâu sắc!

21. Phàn Trì theo Khổng Tử đi dạo ở dưới chân đài cầu mưa Vũ Vu, hỏi rằng: "Dám hỏi làm thế nào để tu dưỡng đạo phẩm đức, diệt trừ lòng ác, phân biệt mê hoặc".

Khổng Tử nói: "Câu hỏi hay quá! Làm việc thiện trước mà không nghĩ lợi về sau, đây không phải là tu dưỡng đạo đức ư? Phê bình điều sai của mình, không chỉ trích điều sai của người khác, đây không phải là trừ bỏ lòng ác ư? Chỉ vì nhất thời phẫn nộ mà quên mất chính mình, thậm chí liên lụy đến cả cha mẹ, đây không phải là mê hoặc ư?".

Lời bình:

Khổng Tử trả lời câu hỏi của Phàn Trì về tu dưỡng đạo đức con người. Câu này có ba ý:

Tu dưỡng đạo đức: Đức đây là đức nghiệp, đức tính. Đạo đức là biểu hiện bên ngoài của nhân tâm. Có nhân tâm, đem nhân tâm bồi dưỡng nên người có đạo đức, rồi biểu hiện ra bên ngoài thành phẩm đức, phẩm cách, khí chất phong độ của con người.

Khổng Tử nói phải làm việc thiện trước, không nghĩ lợi sau, tức là lấy nghĩa làm trên, lấy lợi làm dưới. Đó chính là tu dưỡng đạo đức nâng cao đạo đức con người.

Người ta chỉ vì lòng hám lợi thì không tu dưỡng được đạo đức.

Trừ bỏ lòng ác: Lòng ác là chỉ điều tà ác trong nội tâm. Trong thế gian có muôn sự, nên lòng dạ cũng nhiều mặt, nhiều bề. Tuy bộ mặt bình tĩnh có thể che đậy được nội tâm không bình tĩnh, nhưng suy nghĩ trong cõi lòng thì không che giấu được. Nội tâm con người cũng đều có sự đấu tranh giữa điều thiện và điều ác. Trong đời cũng vậy, luôn luôn có sự đấu tranh giữa điều thiện và điều bất thiện, nhân và bất nhân, nghĩa và bất nghĩa, lý trí và cảm tính. Trừ bỏ lòng ác có nghĩa là dẹp điều xấu sang một bên, để cho điều suy nghĩ đúng phát huy chính khí. Người ta không biết lỗi của mình, chỉ biết lỗi của người thì không trừ bỏ được lòng ác; còn nếu chú tâm sửa mình mà không trách người thì điều ác chẳng thể còn nơi mình được.

Phân biệt mê hoặc: Con người ta có thể rất thông minh nhưng có lúc vẫn hồ đồ. Chỉ nhất thời phẫn nộ, trong lòng bực bội lên, làm điều bất nghĩa, tổn thương đến người đến việc, hại đến mình hại đến người thân. Đây chính là mê hoặc. Phân biệt mê hoặc thì phải có trí tuệ để phân biệt rõ tối sáng, trắng đen, đừng để vì được mất của cá nhân chi phối, không vì việc nhỏ để thất thiệt lớn; phải biết nhẫn nhục, nhún nhường những việc nhỏ để tránh âm mưu quỷ kế lớn. Có như vậy mới phân rõ thiện và ác, đúng và sai, nóng nảy và bình tĩnh, để rồi sẽ không còn hồ đồ nữa.

22. Phàn Trì hỏi về đức nhân.

Khổng Tử nói: "Yêu người".

Phàn Trì hỏi tiếp về đức trí.

Khổng Tử nói: "Biết người".

Phàn Trì không làm sao hiểu nổi.

Khổng Tử nói tiếp: "Cất nhắc người ngay thẳng để trên kẻ tà ác, thì có thể biến kẻ tà ác thành ngay thẳng".

Phàn Trì ra về gặp Tử Hạ liền hỏi: "Vừa rồi tôi gặp thầy hỏi về đức trí, thầy nói đem người ngay thẳng để trên kẻ tà ác có thể khiến cho kẻ tà ác biến thành người ngay thẳng. Như vậy có nghĩa là thế nào?".

Tử Hạ nói: "Nội dung câu này rất phong phú. Vua Thuấn được thiên hạ, chọn nhân tài từ trong quần chúng mà cất nhắc ông Cao Dao, kẻ bất nhân dần dần không còn nữa. Vua Thang được thiên hạ, cũng chọn nhân tài từ trong quần chúng mà cất nhắc được ông Y Doãn, kẻ bất nhân dần dần cũng không còn nữa".

Lời bình:

Đây là một đoạn Khổng Tử trả lời Phàn Trì về *nhân* và *trí*. Khổng Tử nói: nhân là yêu người, trí là biết người. Nói yêu người là không chỉ yêu tất cả mọi người, mà còn đặc biệt phải yêu quý nhân tài. Nói biết người là không chỉ hiểu người, mà còn biết cất nhắc người tài lên cương vị xứng đáng. Như thế, trí và nhân không trái ngược nhau mà hỗ trợ cho nhau, nhất là có thể biến kẻ tà ác thành người ngay thẳng.

Tử Hạ đưa thêm hai ví dụ nữa để cho Phàn Trì hiểu rõ hơn lời Khổng Tử nói. Khi ông Thuấn lên làm vua,

chọn ông Cao Dao là nhân tài làm trợ thủ, quản lý tư pháp hành chính, chính trị sáng suốt, phân rõ phải trái cho nên trong triều đình không còn kẻ gian tặc, phỉnh nịnh, cơ hội; kẻ xấu trong thiên hạ cũng giảm bớt dần dần. Thời Thương, vua Thang sử dụng một người rất có tài năng là ông Y Doãn, nhờ vậy được cả thiên hạ. Hai ví dụ này nói lên nhân là yêu người, trí là biết người.

Yêu người và biết người tập trung biểu hiện ở tuyển chọn để bạt sử dụng nhân tài. Cho nên muốn nước mạnh dân giàu, phải tuyển chọn người ngay thẳng tức là người có phẩm cách cao thượng, có đạo đức tài năng ra giúp nước an dân.

Phàn Trì không những muốn biết về lý thuyết, lại muốn biết cả phương pháp và sự việc cụ thể, hỏi thầy không hiểu lại hỏi cả bạn. Học như vậy người ta gọi là thực học.

23. Tử Cống hỏi về cách đối đãi với bạn bè.

Khổng Tử nói: "Thành tâm thành ý khuyên bạn, nhẫn nại chỉ rõ mọi điều hơn lẽ thiệt, mà bạn vẫn không nghe thì thôi, đừng tự mình chuốc lấy nhục nhã".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử giảng về đạo bạn bè. Khổng Tử chủ trương đạo bạn bè phải biết thành thực, lấy tấm lòng nhân nghĩa mà khuyên bảo; phải biết nắm thời cơ, quan sát sắc mặt lời nói, khi bạn có thể tiếp thu mới được khuyên bảo. Nếu khuyên bảo rồi mà bạn không nghe thì

nên chủ động thôi ngay, nói đi nói lại mãi thì sẽ mất tình bạn bè, trở thành đối đầu. Làm bạn với nhau không nên xem nhẹ nguyên tắc này.

24. Tăng Tử nói: "Người quân tử dùng tri thức văn chương để tập hợp bạn bè, dùng sự giúp đỡ của bạn bè để bồi dưỡng nhân đức".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu lên hai nguyên tắc kết giao bạn bè.

Thứ nhất, cần lấy học vấn, văn chương làm tư tưởng chung để giao kết bạn bè. Cùng tư tưởng thì mọi sự giao hữu sẽ thông suốt vì đó là sợi dây, là cầu nối tình bạn giữa mọi người. Có như vậy thì đạo lý ngày càng sáng tỏ.

Thứ hai, kết giao bạn bè không phải là vì quan hệ kinh tế, quan hệ lợi hại hoặc được mất, mà chủ yếu là quan hệ đạo đức. Con người ăn ở với nhau cùng chí hướng, cùng lý tưởng, cùng dắt tay nhau tiến lên. Kết giao bạn bè phải học lấy điều hay của bạn để giúp ích cho đức nhân của mình. Có như vậy thì đức mới ngày càng tăng tiến.

Chương 13

TỬ LỘ

1. Tử Lộ hỏi về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Tự mình làm gương cho dân noi theo. Chịu khó nhọc cùng những công việc khó nhọc của dân".

Tử Lộ xin Khổng Tử dạy thêm.

Khổng Tử giảng tiếp: "Phải bền bỉ, không được mỏi mệt".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nói về ba nguyên tắc trong quản lý chính sự:

Tự mình làm gương cho dân noi theo: Muốn cho dân thi hành những đức tốt như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thì người lãnh đạo phải gương mẫu về mọi mặt, phải lo cái lo trước thiên hạ; tổ chức bất cứ phong trào nào cũng phải là người đi trước, người gương mẫu. Khi đó không cần ra lệnh, dân cũng sẽ làm theo.

Cùng chịu khó nhọc với dân: Muốn khiến dân làm việc khó nhọc về công ích, mình cũng phải cùng khó nhọc với dân chứ không chỉ ra mệnh lệnh. Một người được kinh qua rèn luyện ngày càng kiên cường, càng có sức chịu đựng, càng ngày càng vượt qua mọi thử thách, càng ngày càng có nhiều kinh nghiệm. Nếu người lãnh đạo biết bỏ sức lực trí tuệ ra trước, quần chúng nhân dân mới tự giác làm theo, dù công việc khó nhọc cũng không oán trách.

Phải bền bỉ, không được mỏi mệt: Đây là yêu cầu quan trọng. Người lãnh đạo là người gánh vác trọng trách, gánh thì nặng mà đường thì xa, nên phải có nhiệt tình, bền bỉ không biết mệt mỏi, mới hoàn thành được *nhiệm vụ.*

2. Trọng Cung làm tổng quản cho họ Quý, hỏi về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Trước là giao và kiểm soát công việc của những người dưới quyền. Tha thứ cho những sai lầm nhỏ của họ. Cử người hiền tài ra làm việc".

Trọng Cung hỏi tiếp: "Làm như thế nào biết được người hiền tài để cử ra?".

Khổng Tử nói: "Cử người mà mình biết, còn những người mà mình không biết, người ta có bỏ họ đâu?".

Lời bình:

Trọng Cung làm tổng quản (phụ trách chung mọi việc) cho họ Quý, là quyền thần nước Lỗ, hỏi Khổng Tử về nguyên tắc lãnh đạo. Khổng Tử trả lời có ba điểm:

Trước là giao và kiểm soát công việc: Đây là muốn nói phải phân công nhiệm vụ theo chức vụ của cấp dưới, làm rõ chế độ trách nhiệm trên mỗi cương vị, tránh được tính tùy tiện. Làm công tác lãnh đạo, phải xây dựng được bộ máy hoạt động theo một trình tự nhất định, nếu không sẽ rối loạn. Có như vậy, bản thân không khó nhọc mà mọi việc đều xong cả.

Tha thứ những lỗi nhỏ: Đó là người lãnh đạo phải biết bỏ qua, tha thứ lỗi nhỏ cho cán bộ cấp dưới. Người lãnh đạo phải có tác phong của người đứng đầu, có yêu cầu nghiêm khắc với cấp dưới, ai mắc sai lầm lớn phải xử lý nghiêm túc; nhưng cũng cần có lòng độ lượng bao dung, bỏ qua những lỗi lầm nhỏ của người khác. Con người không phải ai cũng là thánh nhân mà có thể

tránh được các sai lầm. Nếu những sai lầm nhỏ có thể tha thứ được thì tha thứ, như thế sẽ không lạm dụng hình phạt mà khiến cho cấp dưới cảm thấy ấm lòng. Làm được như vậy sẽ thu phục được nhân tâm.

Cử người hiền tài ra làm việc: Đó là chọn lựa để bạt người có tài năng đức độ, tạo điều kiện cho người có đức có tài phát huy hết năng lực của mình. Có như vậy mới tạo nên một không khí thi đua lành mạnh trong cấp dưới, làm cho cấp dưới cảm thấy tiền đồ rộng mở, tích cực chắp cánh để bay cao bay xa. Nhưng làm thế nào để chọn cử được hiền tài? Trước là chọn người mình đã hiểu biết. Còn đối với người mình chưa hiểu, thì đã có dân, có người khác hiểu biết đề cử họ, còn phải lo sợ gì?

3. Tử Lộ hỏi: "Nếu vua nước Vệ mời thầy đi làm quan quản lý chính sự, thầy làm việc gì trước tiên?".

Khổng Tử nói: "Việc trước tiên nhất định phải là chính danh đã".

Tử Lộ hỏi: "Thật thế ư? Thầy nói viển vông đó. Sao lại phải chính danh?".

Khổng Tử nói: "Trò Do (Tử Lộ) sao lại ăn nói thô thiển như vậy? Người quân tử gặp việc mình chưa rõ thì không phát biểu tùy tiện.

Danh phận không rõ ràng, thì nói sẽ không thuận. Nói không thuận thì việc không thành. Việc không thành thì lễ nhạc sẽ mất đi trật tự. Lễ nhạc mất đi trật tự thì hình phạt sẽ không thỏa đáng. Hình phạt không

thỏa đáng khiến cho dân không biết làm như thế nào cho đúng.

Cho nên người quân tử khi định được danh phù hợp với thực, thì có thể nói ra được, mà nói ra là có thể thực hành thông suốt. Người quân tử đối với lời mình nói thì không bao giờ để sơ suất".

Lời bình:

Đoạn này nói về học thuyết chính danh của Khổng Tử, một thuyết có ảnh hưởng rất lớn trong Nho gia. Chính là chính xác, đúng với thực, ngay thẳng. Danh là tên gọi, khái niệm, có thể suy ra là tư tưởng, lý luận. Chính danh là danh đúng với thực, tức là yêu cầu xác định đường lối tư tưởng, xác định cơ sở lý luận đúng đắn. Danh không đúng với thực (danh bất chính) sẽ dẫn tới chỗ lý luận hỗn loạn (ngôn bất thuận). Lý luận hỗn loạn thì tư tưởng con người sẽ hỗn loạn. Tư tưởng con người hỗn loạn thì không phân biệt rõ phải trái, không phân biệt rõ vinh nhục, không khí xã hội sẽ bị bại hoại, vấn đề phát sinh ngày càng nhiều (sự bất thành). Điều đó dẫn đến làm việc chính sự sẽ mất đạo lý, cho nên hình phạt sẽ không theo phép, dân không biết đâu là phải trái. Khi dân đã không biết làm cái gì là đúng, làm như thế nào là đúng, không biết tin ai và theo ai thì không thể tạo cho kinh tế phồn vinh, dân tộc chấn hưng, xã hội ổn định được. Do đó có thể biết, quản lý một quốc gia với trách nhiệm nặng nề, một ngày giải quyết biết bao nhiêu việc, nhưng không có việc nào quan trọng bằng chính danh, bằng việc xây dựng cơ sở lý luận đúng đắn, giải quyết đường lối tư tưởng đúng đắn.

Khổng Tử nêu học thuyết chính danh là nêu như vậy đó. Luận chứng của Khổng Tử từ mắt xích này đến mắt xích nọ, liên hoàn chặt chẽ với nhau, động một mắt là động tất cả. Nguyên nhân cơ bản nhất của quốc gia loạn lạc là danh bất chính.

Tư tưởng chính danh của Khổng Tử cho đến nay vẫn còn nguyên ý nghĩa giáo huấn không chỉ đối với hoạt động chính trị, mà cho tất cả mọi hoạt động khác.

4. Phàn Trì xin học việc làm ruộng. Khổng Tử nói: "Ta không biết bằng người già làm ruộng".

Phàn Trì xin học việc làm vườn. Khổng Tử nói: "Ta cũng không biết bằng người già làm vườn".

Phàn Trì ra ngoài.

Khổng Tử nói: "Phàn Trì đúng là kẻ tiểu nhân! Người bề trên coi trọng lễ, thì dân chẳng ai dám coi thường khinh mạn. Người bề trên coi trọng nghĩa, thì dân chẳng ai dám không phục tùng. Người bề trên coi trọng chữ tín thì dân chẳng ai dám giả dối. Nếu làm được như vậy, thì dân bốn phương nhất định cõng con đến theo mình hết. Cần gì mình phải học việc trồng cấy?".

Lời bình:

Phàn Trì vốn đang làm quan cho họ Quý ở nước Lỗ. Khổng Tử cho rằng Phàn Trì nên học lấy "lễ, nghĩa, tín" để giúp dân cứu nước. Vì vậy, khi Phàn Trì hỏi về kỹ thuật trồng lúa, trồng rau, Khổng Tử nói: vấn đề kỹ thuật trồng lúa, trồng rau nên hỏi các bậc lão nông. Phàn Trì không hiểu nên *không hỏi lại.*

Về đạo trị quốc, Khổng Tử nhắc đến ba điểm:

Người trên coi trọng lễ: Đó là muốn nói người bề trên, người lãnh đạo giữ đúng phép tắc lễ nghĩa, đâu đâu cũng truyền bá phép tắc lễ nghĩa, tuyên truyền nếp sống văn minh, văn hóa tư tưởng tốt thì dân chẳng ai dám coi thường khinh mạn với bề trên. Coi trọng lễ thì sẽ hình thành nên một không khí xã hội nghiêm túc, thành tâm kính trọng lẫn nhau giữa trên và dưới.

Người trên coi trọng nghĩa: Đó là muốn nói người bề trên làm việc gì cũng phải hợp lý lẽ, lúc nào cũng tỏ ra yêu mến dân, biết hy sinh mình giúp đỡ dân, tạo phúc cho mọi người. Dân nhất định chịu ảnh hưởng tốt mà mến phục, tất nhiên sẽ tự giác chấp hành sự lãnh đạo của người bề trên.

Người trên coi trọng chữ tín: Đó là muốn nói người bề trên biết tin mình, tin người, giữ đúng lời hứa, nói và làm như nhau, thì dân mới cảm động mà có tình cảm chân thành với mình, mọi người sẽ đoàn kết xung quanh mình, lãnh đạo và nhân dân cùng một chí hướng, già trẻ gái trai đều ủng hộ.

Phàn Trì nếu nghe hiểu và làm theo ba điều ấy thì cần gì phải lo không có người trồng lúa trồng rau cho mình?

5. Khổng Tử nói: "Học thuộc Kinh Thi ba trăm bài, khi được giao giải quyết chính sự thì làm không nổi; đi sứ nước ngoài thì không ứng đối nổi. Học nhiều như vậy *có ích gì?*".

Lời bình:

Kinh Thi là tập thơ cổ hay nhất ở Trung Quốc. Khổng Tử nói tu dưỡng học thức, về cơ bản đều dựa vào Kinh Thi. Người học mà hiểu ba trăm bài thơ trong Kinh Thi là có thể lĩnh hội đủ loại tri thức về nhân tình thế thái, có thể làm được rất nhiều công việc phục vụ cho quốc gia, cho dân tộc. Thế mà có người học thuộc ba trăm bài thơ trong Kinh Thi rồi, cử làm việc gì cũng không nổi. Vì sao lại vậy?

Đó là vì người học chỉ chuộng hư văn tức là lối học chỉ thuộc những lời trong sách để lòe đời, học chỉ biết cái gốc ở trong sách mà không biết cái thực ở đời. Người như thế thì tuy học nhiều cũng chỉ biết hời hợt qua loa mà thôi, chứ tuyệt nhiên chẳng dùng được vào công việc gì cả. Người học tốt nhất nên chuyên tâm, học cho đến nơi đến chốn thì sự học mới chắc chắn, sâu xa và có giá trị.

6. Khổng Tử nói: "Người bề trên ngay thẳng, dù không ra lệnh, người dưới vẫn làm theo. Người bề trên không ngay thẳng, tuy có mệnh lệnh rất nghiêm, người dưới cũng chẳng theo".

Lời bình:

Câu này đã trở thành danh ngôn khi nói về quản lý chính sự. Người trên phải là người chính trực nhất, mới có được tinh thần tác phong tốt lãnh đạo quần chúng. *Nếu người trên ngay thẳng thì đã tạo nên được bầu*

không khí trong sáng, như thế không cần ra mệnh lệnh, dân cũng rất tự nhiên mà chân thành đi theo.

Nếu người trên không ngay thẳng, làm những việc lạm quyền, tham nhũng, phản dân hại nước, dù có ra lệnh hay tuyên truyền khéo léo thì dân cũng chẳng tin theo. Người xưa có câu *thượng bất chính hạ tắc loạn,* cũng ví như nhà dột từ nóc dột xuống là có ý như vậy. Do đó có thể biết, tư tưởng tác phong đoan chính, đúng đắn của người lãnh đạo có tác dụng quan trọng đến nhường nào!

7. Khổng Tử nói: "Chính sự ở nước Lỗ và nước Vệ giống như anh em vậy!".

Lời bình:

Vua nước Vệ và vua nước Lỗ vốn là anh em ruột. Khổng Tử đã qua những nước này, ở nước Vệ lâu nhất, khi từ nước Vệ trở về nước Lỗ mới bắt đầu chính thức viết sách, chú giải Kinh Thi, đặt ra lễ nhạc. Theo Khổng Tử, nền chính trị văn hóa nước Vệ về cơ bản vẫn giữ được như văn hóa đời Chu, giống như nước Lỗ. Sau hai nước đều loạn như nhau nên Khổng Tử mới than như vậy.

8. Khổng Tử khen công tử Kinh nước Vệ là người khéo cư xử việc nhà.

Vừa mới có của, ông ấy đã bảo: "Như vậy là phù hợp rồi".

Vừa có thêm được một ít, ông ấy bảo: "Như vậy là đầy đủ rồi".

Về sau giàu có, ông ấy bảo: "Thế là sướng quá rồi".

Lời bình:

Đây là đoạn Khổng Tử miêu tả thái độ giản dị của công tử Kinh là con của vua Vệ Linh Công đối với cuộc sống. Dù là một công tử, nhưng cách tu dưỡng đạo đức, thái độ đối với cuộc sống đáng được suy tôn. Khổng Tử nhắc lại lời của công tử để chứng minh.

Người ta nếu quá chăm chú để đạt ham muốn thì sẽ bị lệ thuộc vào bên ngoài, từ đó sinh ra dễ đổi dạ thay lòng. Gặp hoàn cảnh nào, công tử Kinh cũng "cho là được rồi" thì cuộc sống không bị lệ thuộc vào bên ngoài, mà ham muốn cũng dễ thỏa mãn.

9. Nhiễm Hữu đánh xe đưa Khổng Tử đi sang nước Vệ.

Khổng Tử nói: "Dân đông quá!".

Nhiễm Hữu hỏi: "Dân đã quá đông, nên làm như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Phải làm cho họ giàu lên".

Nhiễm Hữu lại hỏi: "Dân đã giàu lên rồi thì nên làm như thế nào nữa?".

Khổng Tử nói: "Phải giáo hóa dân".

Lời bình:

Khổng Tử đến nước Vệ thấy nền chính trị sáng suốt, văn hóa xã hội tiến bộ văn minh, *kinh tế phồn vinh*,

nhưng cũng cảm thấy một điều sâu xa là dân số nước Vệ quá đông. Khổng Tử cho rằng dân đông rồi phải làm cho họ giàu lên, vì nếu không giàu thường sinh bất ổn. Nhưng người ta giàu rồi mà không được giáo dục thì thực hành không đúng khuôn phép về ngôn ngữ, đức hạnh, chính sự. Vì vậy, Khổng Tử cho rằng giàu có lên rồi phải tiến hành giáo dục dân.

Ở đây Khổng Tử đã chỉ rõ phương hướng đi lên của một quốc gia. Thứ nhất là phải làm giàu lên, tức là xây dựng văn minh vật chất. Thứ hai là phải tiến hành giáo dục, tức là xây dựng văn minh tinh thần. Hai mặt đó dựa vào nhau, không được khuyết một mặt nào cả.

Từ hơn hai nghìn năm trăm năm về trước, nhà giáo dục Khổng Tử đã nêu ra được phương châm phương hướng như vậy, thật là một con người hết sức lo lắng đến tương lai vận mệnh của quốc gia, của con người.

10. Khổng Tử nói: "Nếu có người bổ dụng ta làm quan quản lý nhà nước, thì một năm cũng đã tương đối rồi, ba năm nhất định có nhiều thành tích hơn nữa".

Lời bình:

Câu này diễn đạt tư tưởng rất muốn ra làm quan của Khổng Tử, để áp dụng lý tưởng của mình là lấy nhân đức trị nước. Đồng thời đây cũng là lời than của Khổng Tử khi thấy mình chưa gặp được cơ hội.

11. Khổng Tử nói: "Người xưa bảo nếu bậc thiện nhân nối nhau trị nước, sau một trăm năm có thể cảm

hóa kẻ tàn bạo thành lương thiện, không cần gì đến hình phạt chém giết nữa. Lời này thật là hay!".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử trích dẫn lời nói của người xưa, sau đó tán thưởng là rất chí lý. Ý ở đây là người lãnh đạo hiền tài cũng phải bỏ sức ra, các thế hệ kế tục thực hiện đúng theo đường lối của người hiền tài cũng phải mất trên dưới một trăm năm mới đạt kết quả mong muốn.

Lấy nhân trị quốc, vì nhân mà làm điều nghĩa, xây dựng nên một xã hội có phong thái đẹp, kế thừa được tinh hoa văn hóa dân tộc thì có thể ảnh hưởng đến tâm lý quần chúng nhân dân, thay đổi được bộ mặt đất nước.

Nhưng cải tạo xã hội là một quá trình. Không dựa vào sức mạnh để tranh giành phần thắng bại mà lấy đạo lý làm hàng đầu để giải tỏa được tâm lý đấu tranh, thù hận, tàn sát lẫn nhau giữa các dân tộc, thì cần phải có một thời gian giáo dục hàng trăm năm.

Khổng Tử tán thành tư tưởng câu nói của người xưa, chứng tỏ Khổng Tử là người có con mắt xuyên thế kỷ, nhìn rõ thành quả của lịch sử văn hóa không phải một đời làm nên được, mà là rất nhiều đời kế tiếp mới hoàn thành được. Do đó người quản lý muốn thành công ngay là không bao giờ có.

12. Khổng Tử nói: "Nếu có bậc thánh nhân chịu mệnh trời mà cai trị thiên hạ, thì cũng phải sau ba chục năm mới thực hiện được nhân chính".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng thực hiện nhân chính (lấy nhân trị nước) là một quá trình lịch sử lâu dài, muốn nhìn thấy tận mắt thành công là rất khó, phải trải qua mấy đời người nỗ lực mới có thể làm được.

Nhân chính là nhằm suy tôn nhân tâm, truyền bá nhân tâm ra toàn xã hội, xây dựng nên nền văn minh tinh thần cao độ, có sự tu dưỡng văn hóa đạo đức cao độ. Cho nên thực hiện nhân chính phải có sự nỗ lực bền bỉ lâu dài của rất nhiều đời mới làm được.

13. Khổng Tử nói: "Nếu có thể sửa mình ngay thẳng, thì lãnh đạo quốc gia có khó gì? Không sửa được mình ngay thẳng, làm sao có thể làm cho người khác ngay thẳng?"

Lời bình:

Khổng Tử đã từng nói, người làm công tác lãnh đạo phải là người ngay thẳng. Mình có ngay thẳng thì mới có thể giúp đỡ người khác ngay thẳng, làm cho tư tưởng của nhân dân yên tâm, xã hội ổn định phát triển. Có như vậy, mọi người mới đều cùng nhau làm việc theo nghĩa vụ, theo lương tâm, dù có gặp khó khăn cũng vượt qua được. Tục ngữ có câu "Ăn ngay, ở thẳng" là có ý như vậy.

Trái lại, người làm công tác lãnh đạo không theo đường chính lẽ công, cứ mưu cầu lợi riêng, dù nói hay đến đâu cũng không ai theo, không sửa được lỗi của người khác.

Do đó có thể biết, người lãnh đạo, muốn giáo hóa người khác trước hết phải tự sửa mình cho thật ngay thẳng.

14. Nhiễm Hữu từ nhà họ Quý về.

Khổng Tử hỏi: "Sao về muộn vậy?".

Nhiễm Hữu thưa: "Có việc chính sự".

Khổng Tử nói: "Đó chỉ là việc của nhà họ Quý thôi. Nếu là việc chính sự, tuy bây giờ ta không làm quan nữa, nhưng ta vẫn được biết".

Lời bình:

Nhiễm Hữu là học trò của Khổng Tử, làm tổng quản cho họ Quý là quyền thần nước Lỗ. Họ Quý vốn chuyên quyền, thường đem việc nước về nhà cùng gia thần bày mưu tính kế. Nhưng nếu là việc nước, Khổng Tử từng làm quan phải được dự nghe. Vì vậy, nghe Nhiễm Hữu nói lý do về muộn là bận việc nước, Khổng Tử nhấn mạnh việc đã bàn ở nhà riêng không coi là việc nước, mà chỉ là việc thông thường của nhà họ Quý mà thôi. Ấy là lời răn dạy sâu xa đối với Nhiễm Hữu vậy.

15. Vua Lỗ Định Công hỏi: "Một lời có thể làm cho nước hưng thịnh, có phải thế không?".

Khổng Tử thưa: "Lời nói chưa thể có hiệu quả nhanh nhạy như vậy. Nhưng cũng đã có người từng nói: "Làm vua rất khó, nhưng làm bề tôi cũng chẳng dễ". Nếu biết làm vua là rất khó, thì đây chẳng phải là một câu nói có thể làm cho nước hưng thịnh sao?".

Vua Lỗ Định Công lại hỏi: "Một lời nói có thể làm cho nước suy bại, có phải vậy không?".

Khổng Tử thưa: "Lời nói chưa thể có hiệu quả nhanh nhạy như vậy. Nhưng cũng đã có người từng nói: "Ta làm vua chả có cái gì sung sướng, chỉ sướng là khi ta nói ra không có ai dám trái lời". Nếu vua nói phải, không có ai phản đối, như vậy không phải là tốt quá sao? Nhưng nếu vua nói không phải, mà chẳng có ai phản đối, đây chẳng phải giống như một lời nói có thể làm cho mất nước đó sao?".

Lời bình:

Câu nói nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc "một lời hưng thịnh, một lời suy bại" được lấy từ trong câu chuyện giữa vua Lỗ Định Công và Khổng Tử kể trên.

Một người, khi cuộc sống vật chất quá đầy đủ, quá thỏa mãn, ăn, mặc, ở, đi lại quá thoải mái rồi thì nên biết dừng lại. Nhưng thường người ta vẫn muốn có quyền lực mạnh hơn nữa. Đó là vì có quyền lực thì có thể khống chế người khác, có quyền lực mới có thể muốn làm gì thì làm. Nói chung, người có quyền đều có tâm lý như vậy, cho rằng mình nói ra là đúng như pháp luật, ai cũng phải nghe, có thể chi phối tuyệt đối người khác.

Khổng Tử cho rằng, vua nói ra lời nói đúng, cả nước làm theo thì tốt quá. Nếu vua nói sai, không có ai dám phát biểu ý kiến, không có ai dám đứng ra can gián, như thế vua trở thành độc tài chuyên chế, bắt cả nước làm theo điều sai, sẽ đưa lại hỗn loạn, tai họa cho dân tộc. Cho nên, Khổng Tử nhắc nhở vua, nếu nói đúng đắn

thì cần nghiêm túc chấp hành; nếu nói sai thì phải kiên quyết cải sửa.

Khổng Tử cũng khéo léo nhắc vua "biết làm việc nước là khó", để giữ gìn cẩn thận và cố gắng làm việc ích nước lợi dân, nước nhà sẽ hưng thịnh.

Lời của Khổng Tử chắc hẳn có giá trị thực tiễn rất cao.

16. Diệp Công là quan huyện nước Sở hỏi về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Khiến cho người ở gần vui lòng, khiến cho người ở xa đến quy phục".

Lời bình:

Khổng Tử nói lên mấu chốt của vấn đề lãnh đạo quốc gia là thu phục được nhân tâm, lòng người. Lòng dân thuận thì nước nhà yên ổn. Lòng dân không thuận, nước nhà sẽ mất. Khổng Tử nói khuyên người làm chính sự phải thi hành đức chính để được lòng dân, khiến dân ở trong nước vui vẻ, dân các nước khác đều muốn theo về. Có như vậy, nước nhà mới thái bình, hưng thịnh.

17. Tử Hạ làm huyện trưởng Cử Phụ, hỏi Khổng Tử về quản lý chính sự.

Khổng Tử nói: "Đừng muốn nhanh được việc, đừng tham lợi nhỏ mà làm. Muốn nhanh thì việc làm không đến nơi. Tham lợi nhỏ thì việc lớn không thành".

Lời bình:

Đây là một nguyên tắc quan trọng trong lãnh đạo. Người lãnh đạo cần có con mắt nhìn xa trông rộng, suy

nghĩ đến kế sách trăm năm. Xây dựng chế độ, quy hoạch, làm việc gì cũng xuất phát từ kế hoạch lâu dài, vì kế sách trăm năm, không vì lợi ích thiển cận. Nếu mong có hiệu quả nhanh thì sẽ làm việc vội vàng, không có thứ tự, ngược lại sẽ không đạt mục đích. Nếu thấy lợi nhỏ mà đã cho là lợi thì chỉ làm được việc nhỏ mà bỏ mất việc lớn.

Khổng Tử dạy lời này vì Tử Hạ chỉ biết việc gần, chăm chú vào việc nhỏ.

18. Diệp Công thưa với Khổng Tử: "Nơi chúng con có một người rất ngay thẳng. Cha ăn trộm dê, con ra làm chứng".

Khổng Tử nói: "Người ngay thẳng ở chỗ ta khác với người ngay thẳng ở nơi ngươi. Cha che giấu cho con, con che giấu cho cha. Làm như vậy, sự ngay thẳng vẫn ở trong đó".

Lời bình:

Nghe Diệp Công nói, Khổng Tử không bàn luận mà đưa ra trường hợp ngược lại là con có sai lầm thì cha giấu cho con; cha có sai lầm thì con giấu cho cha. Đây là lẽ thường tình, vì giữa cha và con còn có tình người, nên không thể nói là không ngay thẳng.

Khổng Tử nói như vậy là muốn nhấn mạnh mối quan hệ giữa lý và tình. Lý và tình vừa có mặt nhất trí vừa có mặt không nhất trí, là mối quan hệ có mâu thuẫn.

Về lý mà nói, con làm chứng cho cha phạm tội là hoàn toàn đúng đắn, không ai dám nói sai. Nhưng về

tình mà nói, cha giấu tội cho con, con giấu tội cho cha cũng thường hay xảy ra. Quan điểm của Khổng Tử là nên đem lý và tình thống nhất lại với nhau, có như vậy mới phù hợp với thực tế của xã hội Trung Quốc lúc ấy.

19. Phàn Trì hỏi về đức nhân.

Khổng Tử nói: "Cư xử thì lễ độ, đúng mực; làm việc thì nghiêm túc cẩn thận; giúp việc cho người thì tận trung. Dù đi đến đất mọi rợ, cũng không thể để mất đi những phẩm đức này".

Lời bình:

Tư tưởng của Khổng Tử là tư tưởng của đạo nhân. Trong *Luận Ngữ* hầu hết đều nói về đạo nhân, nói gì cũng đề cập đến đạo nhân. Đạo nhân suy cho cùng là đạo vì con người. Khổng Tử hai lần nói về đức nhân từng dạy "người nhân trước phải làm việc thiện mà không tính lợi về sau" hoặc "yêu người là nhân" mà nội dung đều từ những sự việc cụ thể, từ phương pháp giải quyết những vấn đề cụ thể.

Đây là lần thứ ba Phàn Trì hỏi về đức nhân. Khổng Tử nêu ra ba điểm cần có cho một người muốn tu dưỡng đức nhân là cư xử lễ độ, đúng mực tức là khiêm cung; làm việc phải chuyên tâm, cẩn thận tức là kính cẩn; làm việc gì cho ai phải tận trung. Phải nỗ lực trên ba mặt: khiêm cung, kính cẩn, trung thành thì mới hướng được tới đức nhân.

20. Tử Cống hỏi: "Người như thế nào được đáng gọi là kẻ sĩ?".

Khổng Tử nói: "Làm việc trái lễ nghĩa phải biết hổ thẹn. Đi sứ các nước không làm nhục mệnh vua. Người như vậy được xem là kẻ sĩ".

Tử Cống hỏi: "Dám hỏi kẻ sĩ kém một bậc là người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Đó là người mà họ hàng cho là người có hiếu, làng xóm cho là biết đạo anh em".

Tử Cống lại hỏi: "Xin hỏi kém một bậc nữa là người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Đó là người mà lời nói tin cậy, hành động quả quyết. Đây cũng chỉ là những kẻ nhỏ nhen, kiến thức hẹp hòi. Tuy vậy cũng có thể liệt họ vào kẻ sĩ kém hai bậc".

Tử Cống hỏi tiếp: "Thế hiện nay những người đang làm chính sự (ở nước Lỗ) là loại người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Ôi! Những người này bụng dạ hẹp hòi, có cái gì đáng nói!".

Lời bình:

Đây là đoạn Khổng Tử bàn về kẻ sĩ. Xuất phát từ quan điểm của đạo nhân, Khổng Tử phân ra làm ba loại:

Loại một: Loại kẻ sĩ này biết nhục, biết xấu hổ khi có hành vi sai trái, cho nên không bao giờ để cho tâm hồn vấy bẩn mà luôn giữ mình thanh cao, thanh khiết. Những người này khi được cử đi sứ các nước đều hoàn thành nhiệm vụ, không làm nhục đến quốc thể, đến danh dự sứ giả của mình, để lại tiếng thơm trong mối bang giao quốc tế.

Loại hai: Loại kẻ sĩ này ở gia đình họ tộc là người con có hiếu, ở làng nước là người bạn tốt hiền lành, có chữ tín đối với người, đối xử với người khoan dung độ lượng. Đây cũng là đặc điểm chung.

Loại ba: Loại kẻ sĩ này nói có chữ tín, làm việc có kết quả, hiệu quả, thủy chung với mọi người. Tuy nhiên loại này vẫn còn nhiều hạn chế, chưa toàn diện, như vẫn còn tính cố chấp... Nhưng so đi tính lại thì họ cũng là những người tốt.

Khi Tử Cống hỏi đến những người đang làm chính sự ở nước Lỗ, Khổng Tử cho rằng những người này như là cái đấu cái thúng mà thôi, họ làm quan cốt để kiếm miếng ăn nuôi cha mẹ. Trong họ có mấy ai để tâm đến việc quốc gia đại sự, có mấy ai lo đến quốc kế dân sinh, có mấy ai lo cho dân! Đây cũng thể hiện tâm trạng, thái độ riêng của Khổng Tử.

21. Khổng Tử nói: "Ta chẳng gặp được người đạt mức trung dung để truyền đạo, nên buộc lòng phải tìm đến hạng cuồng giả, quyến giả. Cuồng giả có tinh thần tiến thủ mãnh liệt. Quyến giả biết giữ lòng ngay thẳng, không bao giờ làm chuyện bất nghĩa".

Lời bình:

Khổng Tử rất tha thiết muốn được những người theo đúng mức trung dung để dạy bảo. Người có tư tưởng hành vi trung dung là người có chủ kiến của mình, có khả năng hợp tác với nhiều lực lượng, biết điều chỉnh, hòa giải những mâu thuẫn giữa các mặt và các bên,

đúng với đạo của Khổng Tử. Vì số người này rất hiếm có nên Khổng Tử phải chọn người ở mức thấp hơn là cuồng giả, quyến giả.

Cuồng giả là những kẻ sĩ có chí hướng lớn, có tinh thần hướng thượng, chỉ có điều là hành vi và việc làm thường không đúng với lời nói lớn lao, khoác lác của họ.

Quyến giả là những người hiểu biết đạo lý chưa đến nơi, nhưng rất biết giữ bổn phận của mình, không bao giờ làm điều bất nghĩa.

Khổng Tử cho rằng có được quyến giả, cuồng giả để từ chí khí, tấm lòng của họ mà khích lệ dạy bảo họ tiến đến đạo lý, thế cũng đã là tốt rồi.

22. Khổng Tử nói: "Người phương Nam có câu: "Người không có hằng tâm thì không làm thầy cúng, thầy thuốc được". Câu này rất hay".

Kinh Dịch có câu: "Con người nếu không giữ được đức hạnh một cách bền vững thì thế nào cũng chuốc lấy sự hổ thẹn". Kể câu ấy, Khổng Tử nói tiếp: "Ý của câu này muốn nói người không có hằng tâm thì đi bói toán cũng chẳng có ích gì".

Lời bình:

Khổng Tử nói câu này khuyên con người ta phải có hằng tâm. Thế nào là hằng tâm? Hằng tâm là bền lòng, bền chí, bền gan. Người có hằng tâm là người có tâm tính không thay đổi, lúc nào cũng giữ được đức hạnh; là người có lòng kiên trì mãi mãi, chưa đạt mục đích thì chưa chịu dừng lại.

Trái lại, người không có hằng tâm thì không giữ được đức hạnh, nay sốt sắng mai nguội lạnh. Ví như có người thề hy sinh cho dân tộc, nhưng khi gặp phải gian khổ hoặc cám dỗ vật chất thì lại thay lòng đổi dạ, phản nước hại dân - đó là kẻ không có hằng tâm. Khổng Tử cho rằng người không có hằng tâm thì làm việc nhỏ cũng không xong, thường thất bại và bị ô nhục. Thử hỏi nếu không có hằng tâm, không có sự nỗ lực chủ quan kiên định, thì nhờ vào bói quẻ có ích lợi gì? Vì quẻ Hằng trong Kinh Dịch cũng dạy phải như vậy.

23. Khổng Tử nói: "Người quân tử hòa hợp nhưng không a dua; kẻ tiểu nhân a dua mà không hòa hợp".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra hai khái niệm: hòa hợp và a dua.

Hòa hợp là không có lòng ngang trái, không mù quáng đi theo một cách đơn giản. Hòa hợp là sự thống nhất của nhiều sự vật khác nhau.

A dua là cùng nhau, giống nhau đơn thuần, là sự gia tăng đơn giản của sự vật. A dua tức là nói và làm theo người khác để siểm nịnh.

Khổng Tử dùng câu nói này phân biệt người quân tử và kẻ tiểu nhân. Người quân tử chuộng nghĩa nên thường không mù quáng nghe theo ai cả, mà hòa hợp với mọi người để làm việc nghĩa. Còn kẻ tiểu nhân chuộng lợi nên thường a dua theo người để kiếm lợi

riêng, nhưng không hòa hợp với mọi người vì kẻ tiểu nhân quen thói tranh giành, hễ thấy ai hơn mình thì ghen ghét, thấy ai kém mình thì kiêu căng.

24. Tử Cống hỏi: "Người cả làng đều khen, thì người ấy là người như thế nào?'.

Khổng Tử nói: "Chưa hẳn là người tốt".

Tử Cống lại hỏi: "Người cả làng đều ghét, thì người này là người như thế nào?".

Khổng Tử nói: "Chưa hẳn là người xấu. Không bằng người thiện trong làng khen, kẻ ác trong làng ghét, mới có thể cho là người tốt".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu ra ba vấn đề tiêu chuẩn để nhận biết một con người. Người nào được cả làng, kể cả người thiện kẻ ác đều ưa thì là hạng người "ba phải", khéo chiều lòng người, không dám làm việc gì trái với kẻ ác, thậm chí trong hạnh kiểm còn có điều hợp ý với người ác - thế chưa thể là người tốt được.

Người nào bị mọi người trong làng ghét, có khi là vì người đó ngay thẳng, không chịu a dua theo ai làm việc mà người ấy cho là trái - thế cũng chưa thể là người xấu.

Chỉ có người nào mà mọi người thiện ưa, kẻ ác ghét thì mới thật là người tốt. Bởi vì lời nói việc làm của người ấy hợp lẽ phải nên được người thiện ưa; lại chống lại mọi sự bất chính nên bị kẻ ác ghét.

Vì vậy, chỉ có phân tích cụ thể ý kiến của quần chúng, nghe tình hình đủ các phía, mới có thể đưa ra

kết luận đối với một con người. Mà điều khó là phải phân biệt được đâu là người thiện và đâu là kẻ ác.

25. Khổng Tử nói: "Làm việc với người quân tử thì dễ, còn muốn được lòng người quân tử thì rất khó. Nếu dùng cách không chính đạo để lấy lòng người quân tử thì người quân tử chẳng thích. Còn khi dùng người thì người quân tử lại theo tài năng đạo đức mà giao việc.

Làm việc với kẻ tiểu nhân thì rất khó, nhưng muốn được lòng kẻ tiểu nhân lại rất dễ. Để tranh thủ được lòng kẻ tiểu nhân, dù cho có dùng cách không chính đạo thì kẻ tiểu nhân vẫn thích. Còn khi dùng người thì kẻ tiểu nhân lại đòi cho được hoàn hảo".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng làm việc với người quân tử, nếu dùng thủ đoạn bất chính để lấy lòng người quân tử là điều rất khó. Người quân tử đa số đều nhân từ bác ái, bình dị gần gũi người, rất dễ tiếp xúc, dễ ăn ở. Nếu muốn làm cái gì riêng tư, lấy lòng người quân tử thì không dễ dàng vì người quân tử đối với cấp dưới, đối với đồng sự, đối với quần chúng đều độ lượng như nhau, đều lượng tài lượng sức để sử dụng đề bạt cất nhắc. Người quân tử khi dùng người bao giờ cũng phát huy được điểm mạnh, hạn chế được điểm yếu, để cho mọi người đều phát huy được khả năng của mình.

Còn làm việc dưới trướng kẻ tiểu nhân rất khó, nhưng muốn được kẻ tiểu nhân thích lại rất dễ, thậm chí có thể dùng thủ đoạn bất chính để lấy lòng kẻ tiểu nhân mà kẻ tiểu nhân vẫn thích. Kẻ tiểu nhân là người

bất nhân, bản lĩnh có hạn, cái ghế lại quá to, năng lực lại yếu, tỳ vết khuyết tật nhiều, cho nên làm việc với kẻ tiểu nhân rất khó. Nhưng nếu biết nịnh hót, bợ đỡ, khéo mồm mép, thì kẻ tiểu nhân lại thích ngay.

Khổng Tử cho rằng dùng người không nên cầu toàn. Làm người lãnh đạo nên nhớ câu: "Nước quá trong không có cá, người quá sạch không có bạn bè". Đối với người, đừng quá khắc bạc vô tình, không nên yêu cầu quá cao. Người khác có khuyết điểm, nên khuyên răn dạy bảo, không nên làm lớn chuyện. Nếu cứ đòi hoàn hảo cả sẽ không có mấy người theo mình được.

Khổng Tử nói câu trên, chứng tỏ Khổng Tử là con người rõ được việc người, việc đời, và cả việc đạo.

26. Khổng Tử nói: "Người quân tử ung dung khoan thai, nhưng không kiêu ngạo phóng túng. Kẻ tiểu nhân ngạo mạn phóng túng nhưng không có tác phong đàng hoàng".

Lời bình:

Người quân tử là người có đạo đức, trong lòng ôm ấp hoài bão lớn mà luôn thoải mái, ngay thẳng nên tác phong ung dung đàng hoàng, gặp việc gì đều bình tĩnh giải quyết, bao dung, độ lượng. Người quân tử giải quyết công việc trôi chảy, đưa lại nhiều lợi ích cho đất nước, nhưng không bao giờ kể công, tự cao tự đại, ngạo mạn khinh người.

Còn kẻ tiểu nhân là người không có đạo đức, hễ được việc thì dương dương tự đắc, hễ thất bại thì buồn thỉu buồn thiu, vừa kiêu ngạo lại vừa tự ty, tâm tính không

bình tĩnh, bụng dạ hẹp hòi, tất nhiên không thể đàng hoàng ung dung được.

27. Khổng Tử nói: "Người có tính cương trực, chí quyết đoán, lòng chất phác, nói cẩn thận, có đủ bốn phẩm đức này đã gần với đạo nhân".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra bốn đặc trưng tính cách của người có đạo đức. Cương trực là nói người có cá tính mạnh mẽ, có khí phách. Quyết đoán là làm việc dứt khoát không dây dưa kéo dài. Chất phác là thật thà mộc mạc, giản dị, đơn giản trong cuộc sống, trong tiếp xúc, hòa mình gần gũi mọi người. Nói cẩn thận là nói có chữ tín, không lừa dối ai. Cương trực và quyết đoán thì không bị lệ thuộc. Chất phác và nói năng cẩn thận thì không bị bên ngoài cám dỗ. Người ta rèn luyện bốn phẩm đức ấy, theo Khổng Tử là gần với đạo nhân.

28. Tử Lộ hỏi Khổng Tử: "Như thế nào mới được gọi là kẻ sĩ?".

Khổng Tử nói: "Sống chân thành, khuyên bảo nhẹ nhàng, biết vui vẻ hòa thuận, như vậy được xem là kẻ sĩ. Giữa bạn bè biết chân thành khuyên bảo lẫn nhau, anh em biết vui vẻ hòa thuận với nhau".

Lời bình:

Đây là những điều mà Tử Lộ còn thiếu sót. Vì vậy, Khổng Tử cũng nhân đó mà răn bảo. Khổng Tử cho rằng *kẻ sĩ thì lời ăn tiếng nói hòa nhã, nét mặt tươi*

cười, tỏ rõ được tâm tình thành khẩn. Đối với mọi người, phải biết gần gũi ưu ái từ tấm lòng chân thực, khi vui có người cùng hưởng, khi buồn có người cùng lo, luôn có những tấm lòng bầu bạn bên mình. Đối với anh em trong nhà, phải thật sự như chân với tay, giữ đúng tình máu mủ, ăn ở chân tình với nhau, tạo ra được không khí hòa thuận, kính trên nhường dưới, êm ấm trong ngoài. Khổng Tử dạy Tử Lộ học đạo lý thì phải làm đúng như đạo lý, nhưng cũng là dạy chung cho tất cả mọi người.

29. Khổng Tử nói: "Thiện nhân nắm quyền giáo hóa dân bảy năm thì có thể bảo họ ra trận được".

Lời bình:

Ý của Khổng Tử muốn nói là bậc thiện nhân, tức là người hiền tài lãnh đạo nhân dân, chỉ cần thời gian bảy năm là có thể giáo dục nhân dân tự giác chấp hành nghĩa vụ quân sự.

Muốn xây dựng một nền quốc phòng mạnh chỉ có thể dựa vào dân. Nhưng để biết và thực hiện điều đó, người nắm quyền phải là bậc thiện nhân. Người lãnh đạo như vậy sẽ chăm lo dạy cho dân biết lẽ phải, biết yêu quê hương, yêu thương con người, biết sản xuất, thành thạo binh pháp. Có như vậy, dân mới sẵn sàng ra trận hy sinh cho chính nghĩa, cho quê hương được.

30. Khổng Tử nói: "Dùng dân chưa được huấn luyện quân sự đi đánh giặc, ấy gọi là bỏ dân".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng một quốc gia dù bất kể hoàn cảnh như thế nào cũng *không được quên đi mặt quốc*

phòng, không được sao nhãng mặt quân sự. Nếu không giáo dục dân những kiến thức và kỹ năng về quân sự, không củng cố tiềm lực quân sự, thì cũng xem như bỏ mất nước.

Về bề ngoài, Khổng Tử tỏ ra không tán thành dùng vũ lực giải quyết vấn đề, nhưng vẫn cho rằng củng cố tăng cường quân đội là một việc rất quan trọng.

Chương 14

HIẾN VẤN

1. Nguyên Hiến hỏi về sự hổ thẹn.

Khổng Tử nói: "Nước có đạo thì làm quan hưởng thụ bổng lộc; nước không có đạo cũng làm quan hưởng bổng lộc: như vậy là hổ thẹn".

Lời bình:

Người ta thường cho rằng nước có đạo làm quan hưởng bổng lộc là điều quang vinh, đó là quan niệm sai lầm. Khổng Tử cho rằng khi nước ổn định, làm quan chỉ biết hưởng bổng lộc mà chẳng làm được việc gì; khi nước loạn lạc, rối ren, làm quan cũng chỉ lo về bổng lộc, không làm nên được công cán gì, thì cả hai trường hợp đó đều đáng hổ thẹn.

Điều sâu xa mà Khổng Tử dạy là kể cả khi nước thái bình, làm quan không thể an nhàn hưởng bổng lộc, mà phải phấn đấu xây dựng nước nhà đã mạnh lại càng mạnh, thế mới không hổ thẹn với bản thân và với xã hội.

2. Nguyên Hiến hỏi: "Nếu một người tự kìm nén được bốn tật xấu như hiếu thắng, phô trương, oán hận, tham lam thì người đó có thể xem là người có nhân không?".

Khổng Tử nói: "Như thế có thể cho là làm được việc khó. Nhưng có thể xem là người có nhân hay không thì ta không biết".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng kìm nén được bốn tật như hiếu thắng, phô trương, oán hận, tham lam là điều rất khó.

Nếu một người luôn chú ý tăng cường tu dưỡng đạo đức của mình, khắc phục tự mãn, kiêu ngạo, không oán trời, oán người, oán mình, không có quá nhiều tham vọng, như vậy cũng là đang phấn đấu hướng đến đạo nhân. Sở dĩ Khổng Tử đánh giá người biết tự kìm nén bốn tật xấu đó là người hiếm có, đáng quý, nhưng chưa phải là người có nhân, vì như vậy mới chỉ trừ bỏ được ngọn, còn cái gốc của bệnh vẫn tiềm tàng ở trong lòng. Để đạt đến đức nhân, người ta phải từ bỏ hoàn toàn bốn tính xấu đó, muốn vậy thì phải tu dưỡng rèn luyện.

3. Khổng Tử nói: "Kẻ sĩ chỉ biết tìm cách cho được an nhàn thì không đủ tư cách làm kẻ sĩ".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng kẻ sĩ là người có chí lớn, học rộng tài cao, biết đạo lý, cần phải đem khả năng cống hiến cho xã hội mới là làm tròn nghĩa vụ, dù hoàn cảnh nào cũng phải nêu cao giá trị khí tiết con người. Còn những

kẻ chỉ mong cuộc sống an nhàn, sung sướng, không có chí khí làm việc đời, giúp người, không dám dời khỏi lũy tre làng để mưu việc lớn, Khổng Tử cho rằng không đáng được gọi là kẻ sĩ.

4. Khổng Tử nói: "Nước có đạo, thì lời nói ngay thẳng, việc làm đúng đắn. Nước không có đạo thì việc làm phải đúng đắn, còn lời nói phải nhún nhường".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng có nước đạo là nước do những người có đạo đức, sáng suốt anh minh nắm quyền, biết lắng nghe dân làm cho dân được hưởng sự công bằng. Khi ấy, người quân tử có thể nói thẳng và làm thẳng giúp cho người cầm quyền làm việc ích nước lợi dân thì không có vấn đề gì.

Còn nước không có đạo là nước do những người độc tài gian ác cầm quyền, khiến cho tình hình loạn lạc, rối ren, thế sự đảo điên, không có phép nước, không có kỷ cương. Khổng Tử dạy người quân tử làm việc phải theo đường chính lẽ công, không a dua theo kẻ đê tiện; nhưng lời nói phải cẩn thận, không được bừa bãi, cố gắng đừng sinh sự, càng không để kẻ ác ghen ghét gây tai họa cho mình. Đó là cách giữ mình để tránh vạ lây.

5. Khổng Tử nói: "Người có đức nói đều có đạo lý, nhưng người nói có đạo lý chưa chắc đã có đức. Người có nhân nhất định dũng cảm, nhưng người dũng cảm chưa chắc đã có nhân".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nói về quan hệ giữa biểu hiện bên ngoài và phẩm chất bên trong, cụ thể hơn là giữa tài và đức.

Người ta ai cũng cần có đức, đặc biệt là người lãnh đạo càng phải có đức hơn. Đức của một con người quyết định phương hướng của con người ấy. Đức của người lãnh đạo nước có ảnh hưởng đến toàn xã hội, thậm chí ảnh hưởng đến bộ mặt xã hội. Người làm những công việc cụ thể cần có đức lại cần có tài, càng cần hơn về những tài chuyên môn. Trong mối quan hệ giữa đức và tài, đức là quyết định.

Khổng Tử cho rằng, người có đức tu dưỡng chân chính thì mọi sự chứa chất trong lòng đều thuận hòa, nên khi nói ra nhất định nói có đạo lý, mà khi làm cũng vậy.

Nhưng người nói giỏi, không nhất định là người có đức, có khi chỉ là bên ngoài bẻm mép, còn bên trong rỗng tuếch. Có người viết văn rất hay, giảng lý luận lúc nào cũng nói đến đạo đức, nhưng thực tế không phải là người chịu tu dưỡng đạo đức.

Một người có đức nhân, hiếu nhân hiếu nghĩa, có tâm hồn rộng mở, có chí hướng cao xa không vì riêng tư, thấy việc nghĩa là làm, nhất định là người dũng cảm. Dũng cảm đây là vì nhân vì nghĩa, dũng cảm để tạo phúc cho dân, cho nước, cho sự nghiệp chung, chứ không phải là dũng cảm đấu tranh cho ý muốn cá nhân.

Nhưng người dũng cảm không nhất định là người có nhân. Bởi vì, người dũng cảm có khi chỉ vì nông nổi,

nóng nảy nhất thời; còn để đạt đến đức nhân thì phải qua tu dưỡng, rèn luyện. Nếu một người thống nhất được giữa đức và lời nói, nhân và dũng cảm đều tập trung nơi mình, được như vậy là một người có nhân cách hoàn mỹ.

6. Nam Cung Quát hỏi Khổng Tử: "Nghệ bắn rất trúng, Ngạo đánh thủy chiến rất cừ, thế mà cuối cùng phải chết bất đắc kỳ tử. Còn ông Vũ và ông Tắc chỉ biết cần cù làm ruộng mà sau được cả thiên hạ. Tại sao lại vậy?".

Khổng Tử không trả lời. Nam Cung Quát lui ra ngoài. Khổng Tử nói: "Nam Cung Quát thật là người quân tử! Thật là người ham chuộng đạo đức!".

Lời bình:

Nam Cung Quát chính là Nam Dung. Nam Dung vốn bình dị có đủ đức tính nhân, trí, dũng và rất chăm học, thường đọc bài thơ Bạch Khuê, nên được Khổng Tử gả cháu gái cho. Nam Dung là người chịu khó tu dưỡng đạo đức, nêu ra một vấn đề rất lý thú, Khổng Tử không thể trả lời trực tiếp ngay được.

Ý của Nam Dung muốn đem Nghệ, Ngạo là những quyền thần đời trước mà ví với quyền thần thời ấy; đem đức độ của ông Vũ, ông Tắc so với đạo của Khổng Tử. Qua câu hỏi, Nam Dung đã muốn khẳng định rằng những kẻ quyền thần dù có tài sức thì sau cũng bị họa, còn người có đức sau sẽ được hưởng phúc. Khổng Tử *không trả lời câu hỏi của Nam Dung bởi vì trong* câu hỏi

đã bao hàm được sự hiểu biết và tu dưỡng của Nam Dung.

Khổng Tử khen ngợi Nam Dung, bởi vì nêu ra được vấn đề rất tài tình, rất cao kiến. Con người này phẩm đức cao thượng, tư tưởng đoan chính, thật là một người quân tử có nhân!

7. Khổng Tử nói: "Người quân tử chẳng may lỡ làm việc bất nhân là có. Nhưng chưa có kẻ tiểu nhân nào mà làm được một việc có nhân".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói phân biệt việc làm của người quân tử và kẻ tiểu nhân.

Một người quân tử chân chính, có lúc không may làm sai, có một số việc chưa thực hành được nguyên tắc của nhân. Điều đó có thể xảy ra vì người này không phải là thánh hiền, cái gì cũng đúng.

Còn kẻ xấu, kẻ tiểu nhân, động cơ bất chính, bụng dạ xấu, ý thức kém nên đương nhiên không thể làm được việc gì tốt.

Khi xảy ra vụ việc, căn cứ vào bản chất của sự việc là do người tốt hay kẻ xấu gây ra mà có cách xử sự, làm cho người tốt có cơ hội sửa chữa, kẻ xấu không có cơ hội tái phạm.

8. Khổng Tử nói: "Yêu con mà không dạy con phải chịu khó nhọc được ư? Trung với vua mà không khuyên can vua theo đường chính ư?".

Lời bình:

Thật yêu con mình, mà không bắt con lao động để rèn luyện, không phải trải qua khó khăn gian khổ, tưởng là yêu nhưng thực là có hại. Yêu con như vậy chỉ bằng hại con.

Dạy con nên để cho con lao động gian khổ, chủ động rèn luyện, có đủ nghị lực vượt qua phong ba bão táp của cuộc đời, đem sức lực của mình ra làm những việc có ích. Đó là yêu con bằng tình cảm lớn nhất, sâu sắc nhất.

Ngược lại, có người đối với con cái chiều chuộng quá độ, tạo cho con cuộc sống an nhàn hưởng thụ, lười biếng, sợ vất vả khó nhọc, sợ nắng, sợ mưa, sợ gió... Đây không phải là yêu con mà là hại con vì suốt đời con sẽ không làm nổi được việc gì.

Còn trung thành với ai, cũng không thể vì vậy mà không góp ý, không khuyên can họ. Cây có chăm sóc mới mọc thẳng, người có chăm sóc giáo dục mới thành tài. Chính vì vậy, trung mà biết khuyên can thì lòng trung mới càng lớn.

Đạo lý này không phải là quá sâu sắc ư?

9. Khổng Tử nói: "Văn bản ngoại giao của nước Trịnh gửi cho nước khác trước hết do Tỳ Thẩm khởi thảo ra, rồi qua Thế Thúc nghiên cứu nêu ý kiến, sau đó do quan ngoại giao Tử Vũ tu sửa, cuối cùng do Tử Sản trau chuốt lại lời văn".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nói đến quá trình khởi thảo văn bản ở nước Trịnh. Bốn ông *Tỳ Thẩm, Thế Thúc, Tử Vũ, Tử*

Sản đều là quan đại phu nước Trịnh. Ở nước Trịnh, mọi công văn giấy tờ mệnh lệnh được phát ra đều rất nghiêm túc cẩn thận, phải qua tay các vị hiền thần soạn thảo, sửa chữa cẩn thận kỹ lưỡng, cuối cùng đến tể tướng Tử Sản trau chuốt lại mới được phát ra, vì vậy ứng đối với các nước chư hầu ít khi hỏng việc.

Khổng Tử nhắc nhở học trò, nếu có đi làm quan, khi hạ bút viết công văn chỉ thị phải chu đáo cẩn thận, phải luôn luôn giữ thái độ thận trọng, vì văn bản "giấy trắng mực đen" đã phát ra có ảnh hưởng lớn đến lợi ích quốc gia, tập thể và cả với bản thân.

10. Có người hỏi Khổng Tử về Tử Sản.

Khổng Tử nói: "Tử Sản là con người khoan dung và rất yêu dân".

Lại hỏi đến Tử Tây. Khổng Tử nói: "Người ấy...! Người ấy...!".

Lại hỏi đến Quản Trọng. Khổng Tử nói: "Con người này ư? Vua nước Tề lấy ấp Biền có ba trăm nhà của Bá Thị thưởng công cho Quản Trọng. Bá Thị phải ăn uống đạm bạc suốt đời mà không hề oán hận".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử đánh giá ba người.

Đối với Tử Sản, Khổng Tử cho là người khoan dung, yêu dân. Tử Sản khi làm tể tướng nước Trịnh có nhiều cống hiến cho xã hội, cho quốc gia, đưa lại cho dân nhiều ân huệ. Trịnh Tử Sản là một chính trị gia nổi tiếng thời bấy giờ.

Đối với Tử Tây là tể tướng nước Sở, trong thời gian làm việc chả được công ích gì. Khi Khổng Tử đến nước Sở, Tử Tây đem lòng đố kỵ vì sợ vua nước Sở dùng Khổng Tử. Cho nên khi nhắc đến Tử Tây, Khổng Tử chỉ nói có hai chữ "người ấy...!", cũng không có lấy một lời công kích. Do đó có thể biết Khổng Tử là con người rất độ lượng bao dung.

Đối với Quản Trọng, khi Khổng Tử nhắc đến đã hết sức tán dương. Quản Trọng là nhà chính trị lỗi lạc của nước Tề, xử lý chính sự rất tài giỏi. Vua Tề đem đất ấp Biền ba trăm hộ của Bá Thị thưởng cho Quản Trọng, khiến cho Bá Thị nghèo đi nhiều lần mà Bá Thị vẫn không oán. Đó là Bá Thị tâm phục công lao của Quản Trọng đối với quốc gia nên trọn đời không oán trách.

11. Khổng Tử nói: "Nghèo mà không oán hận là rất khó làm. Giàu mà không kiêu ngạo là rất dễ làm".

Lời bình:

Nghèo mà không oán hận: Nghèo ở đây có thể là nghèo về kinh tế, về tri thức, về chí khí. Nghèo mà không oán hận là nghèo mà không oán trời, oán người, oán mình, không bực bội, không bi quan chán nản. Người ta, trong cảnh nghèo túng phải biết cách xử sự, biết mình nghèo nhưng vẫn vui vẻ phấn đấu, lạc quan yêu đời, để ra sức cố gắng nâng cao tri thức, nâng cao đời sống, tạo điều kiện cho mình thoát khỏi cảnh nghèo; nghèo về vật chất nhưng tinh thần không nghèo, dù cho nghèo vẫn *không ngừng tu dưỡng đạo đức* "đói cho sạch,

rách cho thơm", không tha hóa, không làm bừa, làm bậy. Nói thì như vậy nhưng làm được rất khó.

Giàu mà không kiêu ngạo: Một người có địa vị, có danh vọng, có của cải, thành công rồi mà không kiêu ngạo là không dễ dàng gì, nhưng so với cảnh nghèo thì dễ hơn nhiều. Người giàu mà kiêu ngạo là con người thiển cận, không có chí lớn. Xung quanh chúng ta biết bao nhiêu người giàu có, mà họ vẫn chú ý tới tu dưỡng đạo đức, khiêm tốn với mọi người. Đây mới thực sự là tác phong của người giàu có.

"Sông có khúc, người có lúc", người ta phải biết cố gắng làm việc khó, mà cũng không nên sao nhãng công việc dễ.

12. Khổng Tử nói: "Mạnh Công Xước nếu làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy thì tài năng có dư; còn làm đại thần nước Đằng, nước Tiết thì không đủ năng lực".

Lời bình:

Mạnh Công Xước là quan nước Lỗ, vốn có đức nhưng không có tài. Họ Triệu, họ Ngụy là những đại gia có thế lực nhưng không có công việc ở tầm quốc gia. Vì vậy, Mạnh Công Xước, nếu được làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy thì rất tuyệt, có thể xuất sắc. Quan đại thần dù của hai nước nhỏ như nước Đằng, nước Tiết thì có trách nhiệm to lớn khác hẳn với việc của gia thần vì phải trực tiếp quản lý chính sự thì Mạnh Công Xước không thể đủ sức.

Khổng Tử nêu ví dụ để nói rằng: "Biết người có tài mà không dùng tức là uổng phí cái tài của người ấy.

Biết người không có tài mà lại dùng tức là làm hỏng người ấy". Vì thế, dùng người phải rõ tài đức của từng người mà dùng cho đúng nơi, đúng việc, như thế mới khỏi làm hỏng việc.

13. Tử Lộ hỏi về phẩm đức của một người toàn tài.

Khổng Tử nói: "Có trí tuệ như Tang Vũ Trọng, liêm khiết như Mạnh Công Xước, dũng cảm như Biện Trang Tử, tài nghệ như Nhiễm Cầu, lại nắm được lễ nhạc, được như vậy xem như là một người toàn tài".

Khổng Tử lại nói tiếp: "Bây giờ muốn trở thành một người toàn tài thì chẳng cần phải như vậy nữa. Chỉ cần nhìn thấy lợi thì trước hết hãy nghĩ đến nghĩa, gặp việc nguy nan không tiếc thân mình, lời hứa ngày thường dù lâu cũng không bao giờ quên, được như vậy xem như là một người toàn tài rồi".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử giảng cho Tử Lộ về phẩm đức của một người toàn tài. Theo Khổng Tử, một người toàn tài thì trí phải đủ biết mọi lẽ, liêm phải đủ giữ tư cách, dũng phải đủ để ra sức làm việc, tài nghệ phải đủ để ứng phó mọi việc, lại nắm được lễ nghĩa. Khổng Tử cũng cho rằng tiêu chuẩn đặt ra như vậy thì phải là bậc thánh nhân mới có thể làm được.

Để một người như Tử Lộ có thể học và làm theo được, Khổng Tử lại dạy rằng thấy lợi nhớ đến nghĩa, xem lợi này có hợp tình, hợp lý, hợp pháp không; có tinh thần hy sinh vì nghĩa, trong nguy nan có thể hy sinh mình để

hoàn thành sứ mệnh, để bảo toàn danh dự; nói và làm nhất trí với nhau; những lời đã hứa, dù khó khăn gian khổ đến mấy, dù phải trải qua bao sóng gió thử thách cũng phải thực hiện cho được.

Khổng Tử khi dạy học trò cũng để sao cho học trò có thể áp dụng được những điều đã học theo đúng khả năng của mình.

14. Khổng Tử hỏi Công Minh Giả về Công Thúc Văn Tử: "Ta nghe nói Công Thúc Văn Tử không nói, không cười, không nhận cái gì của ai, điều này có đáng tin không?".

Công Minh Giả trả lời: "Đây là do người ta nói quá. Công Thúc Văn Tử chỉ nói lúc đáng nói, nên người ta nghe mà không chán; khi vui mới cười, nên người ta thấy cười mà không chê; của hợp nghĩa mới nhận, cho nên người ta thấy nhận mà không khinh bỉ".

Khổng Tử nói: "Đúng như vậy ư? Không lẽ có thật như thế ư?".

Lời bình:

Đoạn này nói về Khổng Tử tìm hiểu Công Thúc Văn Tử qua Công Minh Giả. Đây là người mà mỗi lần nói, cười, hay nhận tặng vật của người khác đều đưa lại niềm vui, điều tốt đẹp cho mọi người. Ông ta có ba đặc điểm:

Chỉ nói lúc đáng nói: Đây là người biết nói chuyện đúng lúc, đúng chỗ, đúng lập trường, đúng người nghe. Ông ta nói không phí lời, không sáo rỗng, nói có nội

dung bổ ích, đúng dung lượng, điều đáng nói mới nói, điều không đáng nói là không nói. Vì vậy mà chẳng có ai chán ngấy lời ông ta nói.

Khi vui mới cười: Đây là người rất trung thực, thẳng thắn, cởi mở, thực lòng, nói cười rất tự nhiên, cười đúng lúc, đúng chỗ. Vì vậy mà chẳng có ai chê ghét nụ cười của ông.

Của hợp nghĩa mới nhận: Khi người ta đưa lễ vật biếu hợp tình hợp lý, hợp lễ nghĩa, ông ta chân thành nhận ngay, mà nhận là vì nghĩa. Còn những lễ vật biếu vì một mục đích nhất định nào đó, ông ta kiên quyết không nhận. Ông ta không tỏ vẻ ra mình là thanh cao, nhưng của bất nghĩa là không nhận. Vì vậy mà chẳng có ai dè bỉu, chán ghét, chê bai ông.

Khổng Tử nghe Công Minh Giả nói như vậy cho rằng đây hẳn là kẻ sĩ có đức liêm, nhưng vẫn hoài nghi. Điều này chứng tỏ Khổng Tử đối với bất cứ vấn đề gì đều giữ thái độ nghiêm túc thận trọng.

15. Khổng Tử nói: "Tang Vũ Trọng chiếm lấy đất được phong là ấp Phòng để bức vua nước Lỗ cho con ông ta làm chủ ấp ấy. Tuy có người nói ông ta không cậy thế bắt ép vua, nhưng riêng ta thì ta không tin".

Lời bình:

Tang Vũ Trọng là đại phu nước Lỗ, phạm tội bỏ trốn sang nước khác. Nhưng ông ta dựa vào lực lượng của mình đã xây dựng được ở ấp Phòng, nơi đất ông được

vua nước Lỗ phong, yêu cầu vua phong cho con cháu ông vĩnh viễn làm trưởng quan ở đó.

Việc lập người thừa kế trông coi ấp Phòng là việc của vua, thế nhưng Tang Vũ Trọng lại dùng phương pháp chiếm đất để đưa ra yêu sách đối với vua. Đó là kẻ ham dùng thủ đoạn chứ không ham làm theo đạo lý. Đối với việc này, Khổng Tử hoàn toàn không đồng ý, cho đó là có tội.

16. Khổng Tử nói: "Vua Tấn Văn Công xảo trá mà không ngay thẳng. Vua Tề Hoàn Công ngay thẳng mà không xảo trá".

Lời bình:

Vua Tấn Văn Công trước khi trở thành một trong những bá chủ thời Xuân Thu, phải lưu vong mất mười chín năm. Nỗi đau khổ trong mười chín năm lưu vong đã làm cho vua Tấn Văn Công hiểu hết mọi gian truân của một đời người, nếm trải đủ mọi đắng cay trong nhân gian, hiểu được thế nào là tầm quan trọng của quỷ kế. Cho nên khi vua Tấn Văn Công trở nên bá chủ, đã vô cùng quỷ quyệt. Khổng Tử cho là thuộc phái không ngay thẳng.

Còn vua Tề Hoàn Công trực tiếp kế nhận nghiệp tổ, phát triển lên thành bá chủ, không phải trải qua nhiều khó khăn gian khổ. Nên khi trở thành bá chủ, vua Tề Hoàn Công thuộc loại tương đối ngay thẳng, ít âm mưu quỷ kế.

Từ đánh giá của Khổng Tử, chúng ta rút ra được một điều là sự từng trải và cảnh ngộ thời tuổi trẻ có ảnh hưởng lớn đến nhân cách, tức là đến trạng thái tâm lý, phương pháp hoạt động sau này.

17. Tử Lộ hỏi: "Tề Hoàn Công giết em là công tử Củ. Thiệu Hốt vì việc này đã tự sát, còn Quản Trọng không tự sát. Như vậy Quản Trọng không được xem là người có nhân chăng?".

Khổng Tử nói: "Vua Tề Hoàn Công nhiều lần triệu tập chư hầu mà không dùng đến binh lực. Đó là nhờ công sức của Quản Trọng. Như thế còn ai nhân bằng?".

Lời bình:

Khi Tề Hoàn Công và em là công tử Củ tranh chấp kế vị ngôi vua, Quản Trọng và Thiệu Hốt giúp cho công tử Củ. Được tin Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Thiệu Hốt liền tự sát, còn Quản Trọng lại không tự sát. Tử Lộ cho rằng Quản Trọng quên thù của chủ là công tử Củ mà nhẫn tâm làm hại đạo lý, như vậy không được xem là người có đức nhân.

Khổng Tử lại cho rằng Tề Hoàn Công luôn luôn chủ trương liên minh chư hầu để ổn định xã hội, chưa dùng vũ lực để gây chiến tranh. Quản Trọng đã đóng góp tích cực vào việc ấy. Tuy Quản Trọng trong mưu đồ sự nghiệp bị thất bại nhưng góp phần tránh được chiến tranh là giữ được nguyên tắc của đạo nhân, lập nên nhiều công trạng. Vì vậy Khổng Tử đánh giá Quản Trọng là người có nhân.

18. Tử Cống nói: "Quản Trọng không phải là người có nhân chăng? Vua Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng không tự sát lại còn làm tể tướng cho Tề Hoàn Công".

Khổng Tử nói: "Quản Trọng làm tể tướng cho Tề Hoàn Công, giúp Tề Hoàn Công bá chủ chư hầu, làm cho thiên hạ thái bình, đến đời nay dân vẫn còn chịu ơn Nếu không có Quản Trọng, sợ chúng ta hôm nay còn đầu bù tóc rối, áo quần rách rưới lang thang khắp đây đó. Quản Trọng đâu có như người thường, vì việc nhỏ mà tự sát ở khe núi để cho chẳng ai biết đến".

Lời bình:

Quản Trọng từng giúp cho công tử Củ tranh giành ngôi vua với Tề Hoàn Công. Khi công tử Củ bị Tề Hoàn Công giết, đáng lý ra Tề Hoàn Công và Quản Trọng phải là kẻ thù không đội trời chung. Thế mà Quản Trọng lại làm tể tướng phù tá Tề Hoàn Công. Tử Lộ vì thế mà cho Quản Trọng không phải là người có nhân.

Khổng Tử cho rằng Quản Trọng nếu chết giống Thiệu Hốt thì chỉ được tiếng khen là người trung một cách hẹp hòi. Quản Trọng biết tránh cái chết để ra làm tướng giúp vua Tề Hoàn Công cứu dân thoát họa xâm lăng, giúp dân tránh cơn khổ cực, người đời sau vẫn còn nhớ ơn. Dám bỏ lời khen nhỏ để lập công trạng lớn, như thế không phải người thường. Cho nên, Khổng Tử không trách Quản Trọng về sự sống chết, mà khen Quản Trọng về công trạng.

Quản Trọng đã để lại trong lịch sử Trung Quốc tấm gương sáng chói về chính trị, kinh tế, văn hóa và đạo đức, xứng đáng với lời khen của Khổng Tử.

19. Gia thần của Công Thúc Văn Tử là đại phu Soạn nhờ Công Thúc Văn Tử tiến cử mà được thăng chức đại thần.

Khổng Tử nghe được tin nói: "Công Thúc Văn Tử đáng được đặt tên thụy là Văn".

Lời bình:

Chế độ phong kiến nói chung không cho phép người bình dân ra làm quan, nhưng không phải là tuyệt đối. Trong thời thế như vậy, Công Thúc Văn Tử dám tiến cử gia thần là người có địa vị thấp kém vào chức vụ và địa vị ngang hàng với mình. Công Thúc Văn Tử làm như thế, phải là người có ba điều hay: một là biết người, hai là quên mình, ba là thờ vua.

Khổng Tử nghe tin mới khen: Công Thúc Văn Tử nên được đặt tên thụy là Văn mới xứng đáng. Thời Trung Quốc cổ đại, được đệm biệt hiệu là Văn vào tên là rất vẻ vang, là danh hiệu cao quý của vua ban cho. Chỉ có những người học rộng tài cao, có thành tích đặc biệt kinh thiên động địa, chịu khó học tập, cần kiệm liêm chính, đạo đức cao thượng, yêu mến nhân dân, đưa lại nhiều lợi ích thiết thực mới được đặt tên thụy là Văn.

Đối với hành động tiến cử người bình dân làm quan đại phu, Khổng Tử rất lấy làm cảm động và tán thành, cho nên đã đánh giá như vậy.

20. Khổng Tử chê vua Vệ Linh Công là người vô đạo. Quý Khang Tử hỏi: "Dù cho Vệ Linh Công như vậy, thế tại sao nước của Vệ Linh Công không bị diệt vong?".

Khổng Tử nói: "Bởi vì nước Vệ có Trọng Thúc Ngữ giỏi việc ngoại giao tiếp đãi tân khách, Chúc Đà quản lý tốt việc tế lễ tông miếu, Vương Tôn Giả giỏi thống lĩnh quân đội. Biết dùng người như vậy thì làm sao mà mất nước được?".

Lời bình:

Đoạn này nói về sự hưng vong của một quốc gia hoàn toàn do việc dùng người quyết định.

Khổng Tử ở nước Vệ rất lâu. Nhưng vua Vệ Linh Công trước sau đều không sử dụng Khổng Tử. Tuy vậy, Khổng Tử cho rằng: Mặc dù Vệ Linh Công có nhiều khuyết điểm, nhưng ưu điểm lớn nhất của Vệ Linh Công là biết dùng người, Vệ Linh Công sử dụng nhân tài trên ba mặt, đưa nước Vệ trở nên giàu mạnh phồn vinh. Ba mặt đó là:

Nhân tài về ngoại giao: Thời ấy thiên hạ đại loạn, chư hầu phân tranh, tình thế chính trị vô cùng rối ren nghiêng ngả. Trong tình hình như vậy, sử dụng người có tài về ngoại giao để làm tốt quan hệ đối ngoại, quan hệ bang giao, để bảo vệ quốc gia là điều vô cùng quan trọng.

Nhân tài về tế tự tông miếu: Trong xã hội tông pháp cổ đại Trung Quốc, tông miếu là trung tâm của chính trị. Nói là việc của tông miếu nhưng bao gồm đủ các mặt nội chính, văn hóa, giáo dục, văn minh tinh thần.

Công việc nội chính, văn hóa, giáo dục, văn minh tinh thần làm được tốt, nhân dân sẽ có tu dưỡng đạo đức tốt, có tố chất văn hóa tốt, không khí xã hội cũng tốt theo, nhà nước sẽ văn minh giàu mạnh.

Nhân tài về quân sự: Thời ấy, muốn quốc gia độc lập, hùng mạnh thì quân sự được ưu tiên số một. Vua Vệ Linh Công đã sử dụng được nhân tài về quân sự, cho nên đất nước được hòa bình yên ổn.

Vua Vệ Linh Công vô đạo đáng mất ngôi, nhưng vì biết dùng người tài nên giữ được nước. Nếu vua mà có đạo cũng biết dùng người tài thì chắc hẳn làm cho nước được hùng mạnh và thịnh vượng.

21. Khổng Tử nói: "Người nói khoác mà không hổ thẹn, thì khi thực hiện khó đúng như lời đã nói".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử muốn nhắc nhở kẻ sĩ có nhân nói phải ra nói, nói phải làm, làm phải có kết quả. Khổng Tử phản đối nói rồi bỏ đó, nói huyên thuyên nói cho xong chuyện. Bởi vì kẻ khoác lác mà không biết hổ thẹn thì chắc không có chí làm việc ấy, thậm chí còn không tự lượng sức mình có làm được hay không. Nói rồi mà để làm được, quả cũng khó.

22. Trần Thành Tử giết vua Tề Giản Công.

Khổng Tử tắm gội sạch sẽ xong vào triều tâu với vua Lỗ Ai Công: "Trần Hằng (Trần Thành Tử) đã giết hại vua của hắn, xin đề nghị cử binh đánh phạt trị tội".

Vua Lỗ Ai Công nói: "Việc này nên đi hỏi ba đại phu trước đã".

Khổng Tử lui ra nói: "Ta tuy thôi làm quan nhưng vẫn sau hàng đại phu, cho nên khi đã biết việc này rồi thì không thể không đi báo vua, thế mà vua lại bảo cứ đi hỏi ba đại phu kia".

Khổng Tử đến báo cho ba đại phu, nhưng ba người này chẳng ai ưng thuận.

Khổng Tử nói: "Bởi vì ta sau hàng đại phu cho nên khi biết việc này rồi thì không thể không đi báo".

Lời bình:

Khi Khổng Tử ở nước Lỗ, nước Tề xảy ra việc Trần Thành Tử phản nghịch giết vua Tề Giản Công. Khổng Tử cho việc này là một biến cố trái với đạo, theo lẽ trời thì không dung tha được. Theo phép thời Xuân Thu, bề tôi giết vua là kẻ vô đạo, phải trừng trị để giáo dục kẻ khác. Vì vậy, Khổng Tử đã gặp vua Lỗ Ai Công đề nghị đem quân trừng phạt. Kết quả không được như ý vì vua đã bị ba quan đại phu lấn át, ngăn cản.

Dù không được việc, Khổng Tử làm như vậy là cốt tỏ ra bề tôi từng làm quan đại phu, phải có trách nhiệm với vua để giữ đúng đạo. Khổng Tử đem việc ấy ra bàn, ý sâu xa cũng để răn đe ba vị quan đại phu kia giữ đúng đạo vua tôi.

23. Tử Lộ hỏi về đạo thờ vua.

Khổng Tử nói: "Không được lừa dối vua. Nhưng nếu vua lầm lỗi, phải hết sức khuyên can, dù phải xúc phạm đến vua".

Lời bình:

Câu này phản ánh tinh thần trung quân của Khổng Tử. Khổng Tử cho rằng làm bề tôi phải trung thành, có trách nhiệm với vua, tuyệt đối không được lừa dối vua. Điều nguy hiểm là kẻ bề tôi thờ vua nhưng báo tình hình cho vua sai sự thật, thấy vua trái mà khen phải, biết việc dở mà bảo là hay - đó là lừa dối vua.

Mặt khác, nếu lời can gián trung thực, thực sự là đúng đắn, có lợi cho quốc kế dân sinh, cho sự sống còn của đất nước, mà vua không nghe, thì vẫn phải cố khuyên can, cho dù có thể xúc phạm đến vua. Xúc phạm ở đây phải hiểu là dù sắc mặt vua có giận dữ cũng vẫn cứ khuyên can.

Từ câu nói này có thể thấy Khổng Tử vì đạo nhân đã không hề nghĩ đến an nguy của bản thân.

24. Khổng Tử nói: "Người quân tử ngày càng tiến đến nơi cao đạo, kẻ tiểu nhân ngày càng sa xuống nơi thấp hèn".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử bàn về kết cục khác nhau giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân.

Về sự nghiệp: Người quân tử luôn để tâm trí, tinh lực làm việc noi theo đạo đức cao thượng; luôn để tâm vào việc làm nhân nghĩa, việc lớn của quốc gia, vì vậy mà thành quả đem lại cho đời cũng lớn. Ngược lại, kẻ tiểu nhân luôn để tâm trí, tinh lực vào thỏa mãn nhu cầu

thấp hèn trước mắt của cá nhân, cho nên có thể có địa vị cao nhưng thành quả công việc cũng tầm thường.

Về tu dưỡng: Người có đạo đức theo đuổi học vấn, có trí tuệ thông thái, chí hướng chủ yếu làm sao cho đời sống tinh thần của nhân dân được nâng cao trên cơ sở sản xuất phát triển. Từ đó, người quân tử luôn có tầm nhìn xa trông rộng, luôn nghĩ đến tiền đồ lâu dài. Ngược lại, kẻ tiểu nhân theo đuổi lợi ích vật chất cụ thể trước mắt. Vì vậy, kẻ tiểu nhân chỉ theo đuổi những thủ đoạn, kỹ xảo, phương pháp cụ thể nhằm mục đích đưa lại lợi ích thiết thực cho cá nhân mà không biết đến ai, không nhìn xa trông rộng, chỉ biết hôm nay mà không biết ngày mai.

25. Khổng Tử nói: "Người xưa học cho mình. Người đời nay học cho người".

Lời bình:

Khổng Tử nêu ra sự khác nhau giữa người đời xưa và người đời nay về mục đích đi học.

Người xưa đi học trước hết để bản thân tự sửa mình có đủ học vấn và đạo đức, rồi mới ra giúp nước nhằm thực hành những điều đã học. Điều này phù hợp với Nho gia cho rằng người ta trước phải tu thân, sau mới đủ sức trị quốc, bình thiên hạ được.

Còn bây giờ đi học để người ta biết đến mình, có bằng cấp để dễ xuất đầu lộ diện, vì lợi ích thực tế của bản thân, vì danh lợi.

Vì vậy, việc học của người xưa cũng đáng để ngày nay tham khảo lắm chứ!

26. Cừ Bá Ngọc sai sứ giả đến thăm Khổng Tử. Khổng Tử mời ngồi rồi hỏi: "Ngài Cừ Bá Ngọc nay làm gì?".

Sứ giả trả lời: "Ông nhà con rất muốn giảm lỗi lầm của mình, nhưng chưa làm được".

Sứ giả từ biệt ra về. Khổng Tử khen: "Thật là một sứ giả giỏi! Thật là một sứ giả cừ!".

Lời bình:

Cừ Bá Ngọc là đại phu nước Vệ. Khổng Tử khi ở nước Vệ thường trọ ở nhà ông ta. Sau khi Khổng Tử trở về nước Lỗ, Cừ Bá Ngọc cử sứ giả đến thăm hỏi Khổng Tử.

Khi Khổng Tử hỏi thăm, sứ giả lại thưa như vậy là muốn nói Cừ Bá Ngọc tôn trọng lời dạy dỗ của Nho gia, ngày nào cũng kiểm điểm mình mong làm nhiều việc tốt, trừ bỏ sai lầm; tuy tuổi đã già, cuối đời rồi vẫn không ngừng tu dưỡng đạo đức, vẫn không ngừng tiến lên theo mục tiêu của đạo nhân.

Có thể nói sứ giả cũng là người hiểu biết sâu xa về người quân tử, nên lời nói thật là khiêm tốn, đúng mực và sâu sắc, nhưng đức tốt của chủ nhân lại càng thêm rõ. Vì vậy, sứ giả được Khổng Tử khen tới hai lần.

27. Khổng Tử nói: "Không ở chức vị nào thì đừng lo *nghĩ về chính sự của chức vị ấy*".

Tăng Tử nói: "Người quân tử suy nghĩ vấn đề không vượt quá phạm vi chức vị của mình".

Lời bình:

Người xưa cho rằng vua tôi, trên dưới, lớn nhỏ mà ai cũng giữ đúng chức vị của mình, làm đúng chức phận của mình thì thiên hạ được yên. Đây là nguyên tắc cơ bản đối với người làm công tác quản lý chính sự, mà cũng phù hợp với học thuyết chính danh của Khổng Tử.

Câu này có lý riêng của nó. Mình không ở cương vị công tác này thì không thể hiểu rõ những sự tình trong công việc ấy, không thể hiểu hết nội tình công tác ở cương vị ấy. Cho nên người nào hay nghĩ nhiều về việc của người khác, vượt quá phạm vi quyền hạn chức vụ của mình, những việc không giao cho mình quản lý, thì trước là quên mất chức phận của mình, sau là làm cho tình hình chung trở nên hỗn loạn, mà mất đi kỷ cương, nền nếp.

28. Khổng Tử nói: "Người quân tử phải biết hổ thẹn vì lời nói quá so với việc làm".

Lời bình:

Ý của câu này Khổng Tử đã nhiều lần nói tới. Quan điểm của Nho gia là lời nói phải đi đôi với việc làm. Khổng Tử nhấn mạnh người quân tử nói phải cho chắc chắn, nói ra nói, nói được phải làm được; nếu chỉ nói suông mà không làm hay làm không được, thì phải thấy đó là nhục nhã.

Khổng Tử cho rằng người quân tử nên nói ít mà làm nhiều, nói sao mà làm vậy, nói đúng mà làm đúng. Làm được như vậy thì chẳng phải hổ thẹn với bản thân, với gia đình và xã hội.

29. Khổng Tử nói: "Đạo quân tử có ba điều mà ta chẳng làm được một! Người nhân không lo buồn, người trí không nghi hoặc, người dũng không sợ hãi".

Tử Cống thưa: "Thầy tự nói quá khiêm tốn vậy".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng người quân tử cần có ba đức tính là nhân, trí, dũng.

Người nhân vui vẻ làm theo lẽ phải, sẵn sàng chịu đựng khó nhọc hiểm nguy nên chẳng lo buồn.

Người trí hiểu được quy luật khách quan của mọi sự vật, nhìn xa trông rộng, sáng suốt nên không nghi hoặc.

Người dũng vì nhân nghĩa mà làm theo lẽ phải, coi thường sự sống chết nên không sợ hãi.

Người nhân muốn giúp người cứu đời lại cần có trí để xét đoán phải trái, định được cách thức thực hiện điều nhân. Người đã có nhân lại có trí thì phải có dũng để thực hiện cho được mục đích. Người nào có đủ ba đức tính nhân, trí, dũng tức là người hoàn hảo. Khổng Tử cho rằng mình vẫn chưa làm được ba điều đó, chứng tỏ Khổng Tử rất khiêm tốn khi nói về mình, vì Tử Cống *đã tỏ ý xác nhận Khổng Tử có đủ ba đức tính ấy.*

30. Tử Cống bình thường hay so sánh người hơn, người kém.

Khổng Tử nói: "Tử Cống giỏi vậy ư? Ta không nhàn rỗi về chuyện đó".

Lời bình:

Tử Cống tính tình ngay thẳng trung thực, thường bàn luận về ưu khuyết điểm của người, cho nên thường đắc tội với người. Người ta nếu hay so sánh hơn kém như vậy, cho dù để xét mọi lẽ cho đến cùng, nhưng thường dẫn đến so bì hơn thiệt, sinh lòng nhỏ nhen, ghen tỵ, thậm chí mải mê theo đuổi việc ấy mà quên mất tự sửa mình.

Khổng Tử "khen" Tử Cống bằng câu nghi vấn, rồi lại tự chê mình. Đó là lời trách rất sâu xa đối với tính hay so sánh người của Tử Cống. Điều này chứng tỏ Khổng Tử đối với học trò rất nghiêm, lời dạy bao giờ cũng rất thấu đáo.

31. Khổng Tử nói: "Không lo người ta không biết đến mình, chỉ lo mình không có tài đức học vấn để người ta biết đến".

Lời bình:

Khổng Tử nhắc nhở người có đạo đức cao thượng, có tài thực sự thì đừng sợ người khác không biết đến mình. Chỉ cần bản thân có học vấn, có tài thực sự, sớm muộn sẽ được phát hiện, có thể thực hiện được ước mơ của mình. Người xưa có câu "*hữu xạ tự nhiên hương*" là vậy.

Đây là lần thứ tư Khổng Tử nhắc tới điều này, chứng tỏ Khổng Tử muốn học trò chuyên tâm học tập, tu dưỡng đạo đức, nhất định sẽ có cơ hội thể hiện tài năng đức độ của mình.

32. Khổng Tử nói: "Không liệu trước về sự lừa dối của người khác, cũng không nên đoán trước về sự bất tín của người khác, nhưng có thì biết ngay. Như vậy đáng được xem là người hiền rồi".

Lời bình:

Khi giao tiếp với người khác mà cứ hoài nghi người ta sẽ lừa dối mình, hoặc không đáng tin cậy thì sẽ là một sai lầm to lớn. Chúng ta không thể sống trong một môi trường mà chúng ta ngờ vực tất cả mọi người. Nhưng nếu không liệu trước, không đoán trước, kết quả là bị kẻ tiểu nhân lừa dối thì người như thế cũng là tự làm hại mình vậy.

Chính vì thế Khổng Tử dạy rằng ta không nên liệu trước, không nên đoán trước, nhưng khi giao tiếp với người khác, phải biết được ngay về người ấy. Như thế mới được coi là người hiền, người quân tử.

Người xưa có câu: "Biết người, biết ta trăm trận trăm thắng". Các nhà chiến lược quân sự lại cho rằng muốn giành chiến thắng thì: "Ta biết địch mà địch không biết ta". Những lời ấy cũng đều khuyên ta phải biết về người đối thoại, về người giao tiếp, về đối phương cả.

Biết về người, ấy là biết đánh giá đâu là người tốt, đâu là kẻ xấu để tùy theo đối tượng, hoàn cảnh mà

hành động. Người quân tử vốn ngay thẳng chính trực nhưng nắm được nguyên tắc ứng xử đó sẽ linh hoạt ứng phó với mọi đối tượng, mọi hoàn cảnh. Có như vậy, mình mới không làm hại người, mà người cũng chẳng thể làm hại mình.

Lời dạy của Khổng Tử sâu xa là ở chỗ đó.

33. Vi Sinh Mẫu nói với Khổng Tử: "Ông Khâu sao cứ miệt mài theo đuổi giáo hóa người đời như thế? Phải chăng là ông khoe tài ăn nói để lấy lòng người ư?".

Khổng Tử nói: "Tôi không dám khoe tài ăn nói, mà là ghét những kẻ cố chấp không chịu hiểu".

Lời bình:

Sự nghiệp mà một người theo đuổi thường trở thành nhu cầu không thể thiếu được của người ấy. Chúng ta ai cũng có thể nghiệm ra như vậy. Đã theo đuổi một sự nghiệp, một chuyên môn thì người ta thường dành toàn bộ niềm say mê, sức lực và sự sáng tạo của bản thân cho sự nghiệp và chuyên môn ấy. Kết quả là sự hiểu biết của bản thân và xã hội được nâng lên.

Vi Sinh Mẫu là một ẩn sĩ vốn khác người, xa thực tế xã hội, kiêu ngạo và tất nhiên dẫn đến hay cố chấp. Mà kẻ cố chấp thường quyết giữ ý kiến của mình, không chịu thay đổi. Việc Vi Sinh Mẫu gọi Khổng Tử bằng tên húy là "ông Khâu" đã nói lên điều đó.

Khổng Tử chu du khắp thiên hạ, thu nhận học trò, truyền bá đạo. Đó là niềm say mê, là sự nghiệp lớn giúp

người khác tiếp thu tư tưởng mới, bỏ tư tưởng cũ, tức là bỏ tính cố chấp.

Khi Vi Sinh Mẫu hỏi, Khổng Tử nói vì ghét những kẻ cố chấp mà miệt mài đi truyền đạo. Những lời ấy thật cung kính mà thẳng thắn, cũng là để khuyên răn Vi Sinh Mẫu một cách sâu xa vậy.

34. Khổng Tử nói: "Không khen sức lực của ngựa thiên lý mà nên khen phẩm đức của nó".

Lời bình:

Ngựa dùng để kéo xe, để cưỡi... Như vậy, sức lực tức cái tài của con ngựa cũng thật là có ích. Nhưng Khổng Tử lại cho rằng nên khen phẩm đức của con ngựa vì ngựa thuần thục, dễ sai khiến, lại trung thành, "khuyển mã tri tình" là thế. Khổng Tử muốn nói rằng đức là rất quan trọng, người có tài mà không có đức thì không có giá trị gì cả. Lời nói mộc mạc mà thật là sâu xa vậy!

35. Có người hỏi Khổng Tử: "Dùng ân đức để báo đáp oán thù, như thế có được không?".

Khổng Tử nói: "Thế dùng gì để báo đáp ân đức? Nên dùng sự ngay thẳng để báo đáp oán thù, dùng ân đức để báo đáp ân đức".

Lời bình:

Khi phân tích tư tưởng lấy ân đức để báo đáp oán thù của Đạo gia, Lão Tử có nói một câu: "Người tốt với ta, ta tốt với người. Người không tốt với ta, ta vẫn tốt với người".

Còn quan điểm của Khổng Tử lại khác. Khổng Tử chủ trương lấy sự ngay thẳng báo oán thù, là muốn nói phải công bằng, ngay thẳng chính trực, nói thẳng làm thẳng, phải trái rõ ràng. Người tốt với ta, ta tốt với người. Người không tốt với ta, sao ta lại phải tốt với người?

Tư tưởng của Khổng Tử là xuất phát từ thực tiễn xã hội.

36. Khổng Tử than rằng: "Không có ai hiểu ta cả!"

Tử Cống hỏi: "Sao lại không có ai hiểu thầy?".

Khổng Tử nói: "Ta không oán trời, không trách người, ta học việc người từ nơi thấp cạn mà hiểu được lẽ trời là nơi cao siêu. Hiểu ta may ra chỉ có trời!".

Lời bình:

Khổng Tử xuất thân nghèo khó, một đời miệt mài phấn đấu, bôn ba khắp chốn, chịu mọi điều khốn đốn, gian khổ, song không được trời giúp mà không oán trời, không hợp với người mà không trách người. Đó là Khổng Tử tự nói về việc sửa mình, "tiên trách kỷ, hậu trách nhân" như là lẽ trời vậy.

Khổng Tử cho rằng mình cũng như mọi người, cũng học từ nơi thấp là học về việc người, nhưng mình lại thông suốt được lẽ trời. Ấy là vì Khổng Tử khi học biết suy xét đến cùng để hiểu mọi lẽ. Điều giản dị như vậy mà mọi người lại không biết đến, chỉ có trời biết?

Lời dạy sâu xa của thánh nhân là người ta phải học tuần tự nhưng không phải học đâu chỉ biết đấy, mà phải

biết suy xét cho kỹ lưỡng, có như vậy mới thông suốt điều hay lẽ phải, mới học một mà biết mười được.

37. Công Bá Liêu nói xấu Tử Lộ ở nhà Quý Tôn.

Tử Phục Cảnh Bá đến nói với Khổng Tử rằng: "Quý Tôn đã bị Công Bá Liêu mê hoặc rồi, sức của con đủ làm cho Quý Tôn giết Công Bá Liêu, đem xác bêu ngoài chợ để thị uy".

Khổng Tử nói: "Đạo của ta nếu được thực hiện là do mệnh trời. Đạo của ta bị bỏ mất cũng là do mệnh trời. Công Bá Liêu làm sao bằng mệnh trời được?".

Lời bình:

Công Bá Liêu là nhân vật có ảnh hưởng lớn trong xã hội đương thời nước Lỗ, thường nói xấu Tử Lộ ở nhà Quý Tôn, người nắm đại quyền nước Lỗ, mục đích là để công kích, phá hoại chủ trương thực hiện đạo nhân của Khổng Tử.

Học trò của Khổng Tử là Tử Phục Cảnh Bá biết được chuyện này liền báo lên Khổng Tử và muốn thủ tiêu luôn Công Bá Liêu.

Khổng Tử không đồng ý chủ trương này. Khổng Tử cho rằng sự nghiệp mình theo đuổi là sự nghiệp vì nhân loại và khẳng định sự nghiệp này nhất định thành công. Khổng Tử tin tưởng rằng, đây là do mệnh trời tức là do quy luật khách quan quyết định. Nếu sự nghiệp này nửa đường bị bỏ dở, đó là do vận mệnh của thời đại, của dân tộc, của quốc gia mới đạt đến đó mà thôi. Công Bá Liêu có vu cáo bôi đen đến mấy cũng không thể làm tổn *thương được sự nghiệp này.*

Điều này chứng tỏ Khổng Tử có lòng tin kiên định vào đạo nhân của mình.

38. Khổng Tử nói: "Bậc tài đức một số trốn tránh đời vô đạo mà đi ở ẩn; một số trốn tránh nước loạn chạy sang nước khác; một số trốn tránh vì vua không có lễ mạo; một số nữa trốn tránh kẻ tiểu nhân hay nói lời gièm pha".

Khổng Tử nói tiếp: "Những người như vậy đã có đến bảy người".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nói về đạo xử thế, nói đến "bốn tránh" của người hiền tài khi gặp thời thế loạn lạc.

Loại thứ nhất, khi thiên hạ loạn lạc, người hiền tài thoát ly xã hội, thoát ly hiện thực, ẩn giấu nơi sơn lâm để giữ mình trong sạch, chứ không chịu xuôi chiều; không hợp tác với kẻ phản nghịch, kẻ xấu; tránh xa sự tranh giành quyền lực, bảo toàn tính mạng, chờ đợi thời cơ.

Loại thứ hai, khi nước loạn lạc, môi trường không tốt, không khí xã hội bại hoại, không lành mạnh, người hiền tài tìm cách đi sang nước yên ổn thịnh trị để sống.

Loại thứ ba, khi vua không có lễ mạo dẫn đến xã hội rối ren điên đảo, người hiền tài giữ mình bằng thái độ đoan chính, ăn nói cẩn thận, quan sát kỹ càng lời nói sắc mặt của người khác, ăn ở tốt với người láng giềng xung quanh; nếu thấy không ổn cũng tìm cách đi nơi khác.

Loại thứ tư, khi kẻ tiểu nhân nói gièm pha, người hiền tài cũng tránh đi.

Thái độ "bốn tránh" mà Khổng Tử nêu ra là phương pháp xử thế của Nho gia trong bốn cảnh ngộ khác nhau. Làm được như vậy ở thời Khổng Tử mới có bảy người.

39. Tử Lộ nghỉ ở Thạch Môn một đêm, sáng sớm hôm sau vào thành.

Người giữ cửa thành hỏi: "Thầy ở đâu đến?".

Tử Lộ trả lời: "Từ chỗ thầy Khổng Tử đến".

Người giữ cửa thành hỏi: "Có phải là người biết chủ trương của mình không thực hiện nổi thế mà cứ cố làm không?".

Lời bình:

Người gác cổng chắc hẳn là một ẩn sĩ, cho là thời loạn không thể làm được việc gì hay, nên chê rằng Khổng Tử nhìn thấy chư hầu tranh bá, thiên hạ đại loạn, lòng người ly tán, thuần phong mỹ tục tan rã, biết là học thuyết của mình không thể thực hành được mà vẫn cứ cố đi tuyên truyền.

Khổng Tử cho rằng học thuyết của mình chắc chắn là đúng đắn, chỉ do người ta chưa chịu hiểu đó thôi. Vì vậy, Khổng Tử chủ trương truyền bá, truyền bá mãi mãi, truyền bá đời này sang đời khác, người này qua người khác, đến một mức độ nhất định người ta sẽ hiểu ra. Đây chính là biểu hiện ý chí kiên cường, không bị mê hoặc bởi danh lợi, không sợ kẻ xấu bôi nhọ, không lo người đời bàn luận và cũng là điều vĩ đại của Khổng Tử.

40. Khổng Tử ở nước Vệ, có một hôm đang gõ khánh. Một người bán sọt đựng cỏ đi qua cửa nói: "Nghe tiếng khánh, biết người gõ khánh là người có tâm".

Một lúc sau lại nói thêm: "Tiếng khánh sao mà khiêm tốn quá, nhũn nhặn quá! Không có ai biết mình thì chỉ giữ mình mà thôi. Nước sâu thì để cả quần áo mà lội qua, nước cạn thì xắn quần lên mà đi".

Khổng Tử nói: "Thật là kẻ quên đời! Theo cách suy nghĩ của ông này, thì ở đời chẳng có việc gì khó cả".

Lời bình:

Khổng Tử trong tâm can tràn đầy tình thương yêu người, gửi lòng vào âm thanh để biểu lộ ra ngoài. Người bán sọt, chắc hẳn là một ẩn sĩ, đứng nghe biết được người gõ khánh không phải người thường, mà phải là người rất có lòng tự tin, chưa đạt mục đích chưa bao giờ chịu nghỉ ngơi.

Người bán sọt cho rằng Khổng Tử không nên quá cố chấp, nếu có thể cứu vãn được thời thế thì nên tận lực, nếu không thể cứu vãn được thì mặc cho nó trôi qua. Người bán sọt còn dẫn lời trong Kinh Thi đã nói rằng nếu nước sâu thì để cả quần áo mà lội qua, còn nếu nước cạn thì xắn quần lên mà đi, ý nói nên tùy theo thời thế mà sống. Đây cũng là ý kiến của người đương thời khi nói về Khổng Tử.

Khổng Tử lại là người luôn nghĩ đến sự an nguy của dân, đến đại sự trong thiên hạ, không lúc nào quên được. Vì vậy, nghe người bán sọt nói, Khổng Tử mới

than là người đó đã quên đời, mà muốn quên đời như thế thật chẳng khó gì.

Khổng Tử thực quả là có chí theo đuổi thực hiện đạo lý của mình.

41. Tử Trương hỏi: "Kinh Thư viết: "Vua Cao Tông nhà Lương Âm giữ tròn đạo hiếu, ba năm không bàn luận chính trị", đây là ý gì?".

Khổng Tử nói: "Không những vua Cao Tông, mà người xưa cũng đều như vậy. Vua cũ mất rồi, trăm quan các bộ đều chăm lo chức vụ của mình, nghe theo mệnh lệnh của quan tể tướng, vua kế vị để tang ba năm".

Lời bình:

Người xưa cho rằng địa vị dù sang hay hèn, nhưng mọi người đều do cha mẹ sinh ra cả, không khác nhau. Vì vậy người ta quy định từ vua thiên tử đến dân thường khi cha mẹ qua đời đều phải để tang ba năm.

Tử Trương hỏi như vậy vì e là vua cũ mất đi,vua mới để tang ba năm không lo việc nước thì có thể sinh ra họa loạn.

Khổng Tử trả lời đây là vì đạo hiếu đã quy định rằng sau khi vua cũ mất đi, cả nước trên dưới đều kiên trì giữ vững cương vị của mình, ai lo việc nấy, mọi đại sự đều phải phục tùng quan tể tướng, không được vì những chuyện rắc rối thường ngày mà ảnh hưởng đến việc giữ tròn đạo hiếu của vua mới.

Đây chính là làm bề tôi phải trung thành với vua, làm con phải hiếu với cha mẹ.

42. Khổng Tử nói: "Người bề trên coi trọng lễ thì lãnh đạo dân chúng rất dễ".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nêu ra yêu cầu đối với người lãnh đạo. Điều này cũng rất dễ hiểu. Người lãnh đạo đã biết coi trọng lễ thì bản thân biết coi trọng đức nhân, biết định rõ phận sự của mọi người dưới quyền, từ đó mà giữ được kỷ cương phép nước. Dân chúng được cảm hóa và cảm động trước lòng nhân đức của cấp trên mà làm trọn bổn phận của mình. Như thế, việc lãnh đạo dân chúng thật dễ.

Quản lý người, quản lý việc nhất định phải có pháp luật, nhưng phải nhân nghĩa, phải có tình cảm. Ảnh hưởng của quyền lực rất lớn, nhưng cũng có lúc ảnh hưởng của nhân cách quan trọng hơn, có tính chất quyết định.

43. Tử Lộ hỏi: "Thế nào mới được gọi là người quân tử?".

Khổng Tử nói: "Tu dưỡng mình làm người kính cẩn".

Tử Lộ lại hỏi: "Như thế là đủ rồi ư?".

Khổng Tử nói: "Tu dưỡng mình để làm yên người khác".

Tử Lộ lại hỏi: "Như thế là đủ rồi ư?".

Khổng Tử nói: "Tu dưỡng mình để làm yên trăm họ. Việc này đến như vua Nghiêu, vua Thuấn còn khó làm được".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử tiến thêm một bước phát huy ý nghĩa của nhân.

Luận Ngữ là bộ sách bàn về đạo nhân. Khổng Tử nói người nhân có phẩm chất cao quý là yêu người, có tấm lòng bác ái yêu quảng đại quần chúng. Cụ thể mà nói, người nhân đối với bản thân phải tu dưỡng để có nhân cách hoàn mỹ, bằng tri thức và đạo đức của mình đưa lại cuộc sống vật chất và tinh thần ngày một tốt đẹp cho dân, đưa lại ấm no hạnh phúc cho dân, khiến cho đồng bào trăm họ được yêu thương thực sự. Còn việc việc yên dân, yên trăm họ là nhiệm vụ lịch sử của các bậc thánh nhân mà vua Nghiêu, vua Thuấn cũng còn cho là khó làm được.

Khổng Tử dạy Tử Lộ hãy coi việc tu dưỡng đạo đức bản thân là thiết thực, gần gũi đối với mọi người. Nếu tất cả mọi người đều làm như vậy thì mọi sự mới yên vị, thuận hòa, trăm họ mới được yên. Ý nghĩa sâu xa là ở chỗ ấy.

44. Nguyên Nhưỡng ngồi xổm để đợi Khổng Tử. Khổng Tử trách rằng: "Ngươi lúc nhỏ không biết khiêm tốn, kính trọng người hơn tuổi; khi lớn không làm được việc gì đáng khen; khi già mà chưa chịu chết; ấy là làm hại luân thường, phong tục". Nói xong, Khổng Tử lấy gậy gõ vào ống chân Nguyên Nhưỡng.

Lời bình:

Nguyên Nhưỡng là người quen cũ của Khổng Tử, thuộc về dòng phái đạo khác, cư xử không có lễ phép.

Khổng Tử trách Nguyên Nhưỡng từ nhỏ tới già không làm được việc gì tốt; sống lâu ở đời mà chỉ làm bại hoại luân thường, rối loạn phong tục, sống như vậy chẳng có ý nghĩa gì cả. Khổng Tử đã trách lại lấy gậy gõ vào chân Nguyên Nhưỡng để chỉ rõ hành vi ngồi xổm của Nguyên Nhưỡng là vô lễ đúng như lời trách của Khổng Tử.

Khổng Tử luôn muốn mọi người phải biết coi trọng đạo lý là vậy.

45. Một đứa trẻ ở làng Khuyết Đảng được Khổng Tử giao cho truyền đạt lời mình đến các vị khách.

Có người hỏi Khổng Tử: "Đứa trẻ ấy học đã được coi là cầu tiến ư?".

Khổng Tử nói: "Ta nhìn thấy nó ngồi nơi của người lớn, lại thấy đi ngang hàng với người lớn. Nó không phải là người cầu tiến mà là người vội vàng cầu thành người lớn".

Lời bình:

Theo lễ, đứa trẻ theo hầu phải ngồi bên cạnh và đi sau người lớn. Khổng Tử thấy đứa trẻ không theo đúng lễ, chưa biết cầu học cho tiến bộ, chỉ muốn chóng làm người lớn. Vì vậy, Khổng Tử mới sai nó truyền lệnh để cho nó biết thứ bậc lớn nhỏ, từ đó mà biết lễ phép nhún nhường. Có người lại tưởng đứa trẻ đó học đã được nhiều, được coi là biết cầu tiến nên được Khổng Tử tín nhiệm. Nhưng đây là Khổng Tử dạy bảo nó về đức lễ, *chứ không phải là khen nó.*

Thế mới biết, Khổng Tử dạy người rất cẩn thận từ việc nhỏ. Người xưa có câu "tiên học lễ, hậu học văn" cũng có ý như vậy.

Chương 15

VỆ LINH CÔNG

1. Vua Vệ Linh Công hỏi Khổng Tử về việc chiến trận.

Khổng Tử thưa rằng: "Về lễ nghĩa thì tôi thường được nghe, còn việc đánh nhau thì tôi chưa từng được học bao giờ". Ngày hôm sau, Khổng Tử liền rời nước Vệ.

Khi đến nước Trần, do không được cấp lương thực, học trò theo Khổng Tử đều bị đói và ốm đau, lê không nổi.

Tử Lộ buồn bã đến gặp Khổng Tử nói: "Người quân tử cũng có lúc cùng khốn phải không?".

Khổng Tử nói: "Người quân tử gặp khi cùng khốn thì cố giữ gìn chịu đựng, kẻ tiểu nhân gặp khi cùng khốn thì sẽ sinh ra lạm dụng, làm liều".

Lời bình:

Vua Vệ Linh Công vốn vô đạo, hỏi Khổng Tử về việc chiến trận vì muốn phát động chiến tranh. Vì vậy, Khổng Tử từ chối khéo để Vệ Linh Công không mếch lòng. Ngày hôm sau, Khổng Tử rời nước Vệ, đi sang nước Trần. Ở đây rất khó khăn, chẳng có ai cấp cho lương thực mà ăn, rất nhiều học trò sinh bệnh, phần lớn học sinh đều hết sức buồn. Nhưng Khổng Tử lại cho

rằng người quân tử giữ đến cùng được khí tiết, thà an phận chịu cảnh nghèo hèn, chứ không như kẻ tiểu nhân cùng đường thì làm bậy.

Vì vậy, khi Khổng Tử xét việc nên đi để tránh giúp kẻ vô đạo là đi ngay, chẳng phải nghĩ ngợi gì, dù có lâm vào cảnh khốn cùng thì vẫn thấy lòng thanh thản, không có gì oán trách, hối hận. Người quân tử biết giữ khí tiết là thế.

2. Khổng Tử nói: "Trò Tử! Ngươi tưởng ta là người có nhiều học thức ư?".

Tử Cống trả lời: "Thưa, vâng ạ! Chẳng lẽ không phải như vậy sao?".

Khổng Tử nói: "Không phải, ta biết dùng một đạo lý cơ bản để thông suốt hết mọi vấn đề".

Lời bình:

Đây là Khổng Tử nói về tri, tức là về sự hiểu biết.

Học vấn của Khổng Tử không là tri thức khoa học nào khác, mà là đạo làm người và giải quyết công việc. Học thực chất là quá trình tích lũy kiến thức. Nhưng đạo của thánh nhân là vô cùng rộng lớn, nếu dùng sức để học nhiều nhớ kỹ thì cũng chỉ có thể đạt đến mức hẹp hòi mà thôi. Vì vậy, Khổng Tử thường nói là học lấy cái căn bản, từ đó suy xét mà thông hiểu mọi lẽ trời. Học vấn của Khổng Tử lấy đạo nhân làm căn bản, hiểu được đạo nhân là mọi việc đều thông suốt, có việc gì xảy ra đều giải quyết rất mau lẹ thông minh. Nắm được đạo

nhân, như đứng trên cao nhìn xuống, thế mạnh như chẻ tre. Nắm chắc được đạo nhân sẽ nắm chắc được điều cơ bản để làm người.

Khổng Tử đã dạy cho ta phương pháp học tập có giá trị, ngẫm cho kỹ có thể học một mà biết mười để trở thành người có học thức thực sự.

3. Khổng Tử nói: "Trọng Do! Người hiểu được ý nghĩa của đức quá ít".

Lời bình:

Người ta cho rằng Khổng Tử than như vậy khi Trọng Do (Tử Lộ) đến hỏi: "Người quân tử cũng có lúc cùng khốn phải không?".

Thời đại Khổng Tử đang sống là thời Xuân Thu đại biến động. Lúc ấy chiến loạn khắp nơi, nước nào cũng dựa vào thực lực quân sự hòng xưng hùng xưng bá, chẳng hề quan tâm đến lẽ phải, nên đã xuất hiện tình trạng hỗn loạn về đạo đức. Trong tình hình như vậy, người nói về đạo đức thì ít, nói về đánh nhau thì nhiều, xem đạo nhân của Khổng Tử là không thực tế. Học thuyết của Khổng Tử vì vậy mà không được dùng trong thiên hạ. Cho nên Khổng Tử mới có lời than như vậy.

4. Khổng Tử nói: "Không làm gì mà trị yên được thiên hạ, đại khái chỉ có vua Thuấn. Vua Thuấn có làm gì đâu? Chỉ giữ mình trang nghiêm đoan chính, ngồi ngoảnh mặt về hướng nam đó thôi".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử suy tôn quản lý nhà nước nên theo phương châm "vô vi nhi trị" tức là không làm gì mà trị yên được thiên hạ. Cụ thể là quản lý mà như không quản lý, làm như không làm, lãnh đạo người mà không can dự vào việc của người. Muốn làm được như vậy, người lãnh đạo phải có tài cao đức trọng tạo nên uy danh đủ để cảm hóa mọi người, chủ động phát huy hết năng lực của người hiền tài dưới quyền làm cho bộ máy chạy đều, cho nên có lãnh đạo mà cảm thấy như không lãnh đạo, không lãnh đạo mà cảm thấy như lãnh đạo rõ ràng, cụ thể.

Khổng Tử suy tôn phương châm "vô vi nhi trị" của vua Thuấn là vì vua Thuấn đã thực hiện đúng phương châm ấy.

5. Tử Trương hỏi cách cư xử để đi đến đâu cũng được thông suốt.

Khổng Tử nói: "Lời nói phải trung tín, việc làm phải cẩn thận, thì dù đến nước có trình độ văn hóa thấp kém như Man Địch cũng thông suốt. Lời nói không giữ trung tín, việc làm không cẩn thận, thì dù cho ở quê hương mình làm cũng không thông. Khi đứng, như thấy "trung tín, cẩn thận" đang ở trước mặt. Khi ngồi xe, tưởng như "trung tín, cẩn thận" khắc trên thành xe. Có như vậy mới giúp mình thực hành thông suốt".

Tử Trương chép những lời ấy vào dải áo thắt ngang lưng để ghi nhớ.

Lời bình:

Ý của Tử Trương muốn hỏi cách thức để đi đâu cũng trót lọt, không bị ngăn trở. Khổng Tử dạy rằng phải luôn tự xét lại mình cả về lời nói và việc làm, sao cho phải "trung tín, cẩn thận". Khổng Tử cho rằng phải ghi nhớ "trung tín, cẩn thận" không có lúc nào được xa rời, được như vậy thì đi đâu cũng thông suốt.

Khổng Tử cũng dạy người ta theo học phải hết sức cố gắng để hiểu rõ mọi điều, học cho rộng nhưng phải có chí thực hành, hỏi cho cặn kẽ nhưng phải suy nghĩ những điều thiết thực. Muốn vậy, khi đứng như thấy "trung tín, cẩn thận" đang ở trước mặt, khi ngồi xe tưởng như "trung tín, cẩn thận" khắc trên thành xe, được như thế mới là học. Khi kiến thức đã nhuần nhuyễn ăn sâu vào tiềm thức, tạo thành tư chất cao đẹp thì người học mới thực hành có kết quả tốt được.

Việc Tử Trương chép mấy lời ấy vào dải áo thắt ngang lưng để ghi nhớ đã khẳng định lời dạy của Khổng Tử quả là quan trọng đối với người học.

6. Khổng Tử nói: "Sử Ngư quả thật là con người ngay thẳng, khi nước có đạo, ông ngay thẳng như cái tên; khi nước không có đạo, ông vẫn ngay thẳng như cái tên. Còn Cừ Bá Ngọc thật là một con người quân tử, khi nước có đạo thì ra làm quan; khi nước không có đạo thì biết lui về ở ẩn".

Lời bình:

Sử Ngư là quan đại phu nước Vệ. Ông tự cho mình không thể tiến cử được người hiền tài, nên khi sắp chết

còn dặn con đem xác của mình khuyên can vua. Bất kể ở trong hoàn cảnh nào, ông cũng rất ngay thẳng. Ngay thẳng là tốt, ăn ở với người không bao giờ có tâm địa xấu xa. Nhưng ngay thẳng quá, nói không nể mặt ai, thì khiến người ta sợ, chịu không nổi. Người ngay thẳng là người tốt, nhưng thường bị người ta ghét, không thích, thường gặp phải nhiều đả kích, oán hận. Khổng Tử khen Sử Ngư ngay thẳng nhưng ngay thẳng quá thì trái với tư tưởng trung dung, nên cho thế là chưa trọn đạo quân tử.

Cừ Bá Ngọc là người có tu dưỡng đạo đức. Khi thiên hạ thái bình, ông tích cực ra làm quan, vì sự nghiệp của nhân dân và của quốc gia mà đưa hết khả năng ra phục vụ. Khi thiên hạ loạn lạc thì ông lui về ở ẩn, giống như đem bức tranh cuộn lại cất giấu trong tay áo, không hề có một phàn nàn nào, không hậm hực bất mãn, bất bình. Người như vậy tránh được tai họa trong thời loạn. Việc ra làm quan hay lui về ở ẩn của Cừ Bá Ngọc đều hợp với đạo của thánh nhân, nên ông được Khổng Tử suy tôn là người quân tử.

7. Khổng Tử nói: "Người có thể cùng nói chuyện được mà không nói, như vậy là bỏ mất người. Người không có thể cùng nói chuyện được mà lại nói, như vậy là uổng mất lời. Người trí không bỏ mất người, cũng không uổng mất lời".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử khuyên người ta phải hiểu rõ người đối thoại trước khi nói chuyện về đạo lý hoặc một chuyện quan trọng.

Khổng Tử cho là phải xét xem người đối thoại, nếu mình nói mà có ích lợi cho người ấy và cho mình thì mới nói; nếu gặp người đáng nói mà mình không nói tức là mình bỏ phí người tốt. Chẳng hạn có người có điều muốn tâm sự, ta lắng nghe rồi cho họ lời khuyên hoặc ít ra là lời thông cảm, chắc chắn ta sẽ chiếm được cảm tình và người đó sẽ cho ta như người bạn tri âm, tri kỷ.

Trái lại, gặp người không đáng nói mà mình lại nói, không những uổng phí lời nói của mình, có khi còn nguy hại đến thân. Người không đáng nói đó là kẻ tiểu nhân, là kẻ mà bản tính trí trá, lọc lừa, gian tham. Người ta không biết thận trọng khi giao tiếp và nói năng với loại người này, sẽ dễ bị lừa mà thân bại danh liệt.

Điều cần thiết nhất là khi gặp bất cứ ai, qua lần đầu tiếp xúc, chúng ta phải đánh giá được họ là người tốt hay kẻ xấu. Làm được như vậy, chúng ta đã thành công bước đầu là không bị lầm người, còn lại chỉ là cách nói chuyện nữa mà thôi.

Người sáng suốt thông hiểu đạo lý, biết xét người tốt kẻ xấu, chỉ nói những lời đáng nói, đã không bỏ phí người lại cũng không uổng phí lời là như thế.

8. Khổng Tử nói: "Bậc chí sĩ có nhân đức không bao giờ cầu được sống để làm hại đạo nhân, mà có khi còn dám hy sinh thân mình để thi hành đạo nhân".

Lời bình:

Câu này của Khổng Tử đã trở thành danh ngôn, nói lên mối quan hệ giữa tín ngưỡng, tu dưỡng đạo đức với tính mệnh của mình và người thân của mình.

Bậc chí sĩ là người có học thức và có chí khí, quyết tâm làm điều mà mình cho là phải. Bậc chí sĩ có nhân đức là người thường coi việc sống không trọng bằng việc nghĩa, giữ cho đức được toàn vẹn thì lòng mới yên. Vì vậy, có lúc vì để thực hiện lý tưởng của mình, bậc chí sĩ có nhân đức dám hy sinh thân mình.

Tinh thần ý chí sắt đá này được Khổng Tử nêu ra trên dưới hai nghìn năm trăm năm nay, chẳng những có ảnh hưởng rất lớn đối với dân tộc Trung Hoa, mà còn vươn ra cả thế giới, đối với các dân tộc phương Đông có ảnh hưởng cực kỳ sâu xa.

9. Tử Cống hỏi việc làm đạo nhân.

Khổng Tử nói: "Người thợ muốn làm ra sản phẩm có chất lượng tốt nhất, trước hết phải có công cụ tốt. Giống như người ở một nước, phải tôn người hiền đức trong số quan đại phu làm thầy, và kết giao bạn bè với người có nhân đức trong số kẻ sĩ".

Lời bình:

Đây là Khổng Tử nói về phương pháp thực hiện đạo nhân. Khổng Tử nói, muốn làm một cái gì, trước hết phải có công cụ tốt, muốn hoàn thành công việc, phải chú ý phương pháp công tác.

Cũng như vậy muốn đạt mục đích thực hiện đạo nhân, trước hết phải có thầy, có bạn tốt hỗ trợ cho mình, tức là phải học tập người có nhân đức, làm bạn với người có nhân đức. Người xưa đã dạy: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", tiếp xúc nhiều với người có nhân đức,

sẽ chịu ảnh hưởng của họ, tiếp thụ được tinh hoa của họ, từng bước tu dưỡng đạt đến chuẩn mực của đạo nhân.

10. Nhan Uyên hỏi về đạo trị nước.

Khổng Tử nói: "Dùng lịch pháp của nhà Hạ, ngồi xe của nhà Ân, đội mũ miện của nhà Chu, âm nhạc thì theo nhạc Thiều Vũ. Cấm triệt để âm nhạc của nước Trịnh, xa lánh kẻ tiểu nhân nịnh hót; vì âm nhạc của nước Trịnh dâm dật, kẻ tiểu nhân rất nguy hiểm".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nói về năm điểm của đạo trị nước có kế thừa những kinh nghiệm và thành quả của các đời trước.

Dùng lịch nhà Hạ: Đây là vấn đề thời gian, vấn đề lịch pháp. Theo người xưa, người sinh ra ở cung Dần, mà thời giờ dùng vào việc sản xuất nên năm tháng phải lấy người làm đầu mối. Nhà Hạ lấy tháng Dần làm đầu năm, lại có thêm chính lịch ban bố theo thời tiết, phù hợp với tư tưởng trung dung của Khổng Tử. Vì vậy, Khổng Tử chủ trương dùng lịch nhà Hạ là thích hợp nhất.

Dùng kiểu xe nhà Ân: Đây là loại xe làm bằng gỗ đơn giản mà chắc chắn, phân theo thứ bậc rất trang nghiêm. Khổng Tử cho rằng loại xe này không xa hoa, phù hợp để phát triển giao thông.

Đội mũ miện nhà Chu· Nhà Chu đặt ra năm thứ mũ miện đội trong khi tế lễ, khi dùng phải theo nghi thức

rõ ràng, tức là nhà Chu đã đặt ra lễ nhạc là phép trị nước rất có thứ tự, hài hòa. Khổng Tử cho rằng nên dùng mũ miện nhà Chu là muốn nói thực hiện lễ chế của nhà Chu.

Âm nhạc thì theo nhạc Thiều Vũ: Đây muốn nói dùng âm nhạc thời vua Thuấn, vì nhạc thời này có sự thống nhất về nội dung và hình thức. Còn nhạc của nước Trịnh không có tác dụng gì tốt cho xã hội vì chạy theo phong cách sa đọa hưởng lạc, như thế thì chỉ khiến người ta bỏ phép tắc mà thôi.

Vấn đề dùng người: Một quốc gia có ổn định hay không, chính quyền được củng cố hay không, mấu chốt ở chỗ dùng người. Dùng người có tài đức, ngay thẳng thì nước nhà nhất định hưng thịnh. Dùng kẻ tiểu nhân đầy âm mưu quỷ kế thì nước nhà sẽ gặp nguy cơ trùng trùng.

Ngày nay, năm vấn đề chủ yếu của Khổng Tử đã nêu ra: lịch pháp, giao thông, lễ chế, âm nhạc và dùng người, thật sự là những vấn đề có quan hệ và ý nghĩa rất lớn đến hưng suy của một quốc gia.

11. Khổng Tử nói: "Con người ta nếu không có lo nghĩ xa thì nhất định có sự lo buồn gần".

Lời bình:

Ý nghĩa của câu này muốn nói rằng một con người không kể là hoạt động chính trị hay lập nghiệp khác đều phải có con mắt nhìn xa trông rộng; vì nếu chỉ biết lợi ích trước mắt, không có kế hoạch lâu dài thì lo lắng hoạn nạn sẽ đến rất nhanh với mình. Người ta muốn

tránh sự thiếu thốn, tránh rủi ro bất ngờ thì nên phòng bị trước. Còn kẻ chẳng chịu lo xa, cứ bướng bỉnh làm càn thì thường gặp tai họa đau đớn.

Từ tiền đồ cá nhân cũng như vậy, từ vận mệnh của một quốc gia cũng như vậy.

12. Khổng Tử nói: "Thôi hết rồi! Ta chưa nhìn thấy ai ham đức như ham sắc vậy".

Lời bình:

Câu này đã xuất hiện ở phần trước, ở đây lại xuất hiện một lần nữa, nói lên quan điểm nhất quán của Khổng Tử. Ở đời, người ta từ xưa tới nay ai cũng thích đẹp, ham sắc đẹp. Tuy nhiên, sắc đẹp thì có hạn mà đức hạnh thì vô cùng. Những kẻ đã ham sắc đẹp, đến khi sắc đẹp nhạt phai theo năm tháng thì lại đem lòng phụ bạc. Còn những người ham đức hạnh thì cảm hóa được lòng người, làm cho người ta càng thêm yêu mến, kính phục mình suốt đời. Vì vậy Khổng Tử cho rằng ham sắc là bản tính của con người, còn ham đức là sự nỗ lực chủ quan về sau của con người. Lịch sử đã xảy ra nhiều câu chuyện, một số kẻ thống trị chỉ vì mỹ nhân, vì ham nữ sắc mà để mất giang sơn. Ham sắc để nước bại thân vong, sự nghiệp tàn lụi, thì không thể đổ lỗi cho sắc đẹp, mà phải tự kiểm điểm mình không có sự tu dưỡng đạo đức. Người xưa có câu: "Cái nết đánh chết cái đẹp", cũng có ý khuyên người ta biết ham đức là vậy.

13. Khổng Tử nói: "Tang Văn Trọng hình như là kẻ ăn cắp chức vị chứ gì? Người ấy biết rất rõ Liễu Hạ Huệ

thật sự là người hiền tài, thế mà không cử Liễu Hạ Huệ ra làm quan".

Lời bình:

Liễu Hạ Huệ nổi tiếng là người hiền đức, hay giúp dân, người như vậy mà không được trọng dụng. Khổng Tử chê trách Tang Văn Trọng là thân ngồi ở ghế quan cao mà quên hết tất cả, không biết đề bạt trọng dụng nhân tài. Nếu không biết được người hiền, đó chỉ là do không sáng suốt. Nếu biết được người hiền mà không tiến cử, đó là bụng dạ hẹp hòi, che giấu người hiền. Tội không sáng suốt nhỏ, chứ còn tội che giấu người hiền mới là lớn. Như vậy, Khổng Tử cho rằng quên mất trách nhiệm bồi dưỡng nhân tài khi quần chúng đã phát hiện cũng là có tội.

14. Khổng Tử nói: "Nên trách mình nhiều, trách người ít, làm được như vậy không đưa lại oán hận".

Lời bình:

Trách mình nhiều có nghĩa là phải nghiêm khắc tự kiểm điểm mình, có như vậy mới tự sửa mình cho hay, cho tốt, lại tránh được những sai lầm đã vấp phải. Trách người ít thì người ta mới dễ theo mình, làm được như vậy thì ít người oán hận mình. Người xưa còn dạy: "Tiên trách kỷ, hậu trách nhân" cũng là cùng ý nghĩa như vậy.

15. Khổng Tử nói: "Một người trong xử thế không biết nói việc ấy như thế nào, nên làm như thế nào? Đối

với những người như vậy, ta cũng chẳng biết dạy bảo như thế nào được nữa?".

Lời bình:

Câu này của Khổng Tử rất đơn giản, nhưng đã nói lên được một đạo lý sâu sắc. Khổng Tử cho rằng gặp một việc gì mà không chịu khó suy nghĩ, không nghiên cứu cẩn thận, không tìm cách giải quyết, mở mồm ra chỉ biết kêu ca, thì làm việc gì cũng không thành.

Khổng Tử dạy người khi gặp việc nên tìm hiểu cặn kẽ bằng cách tự hỏi mình, chịu khó suy nghĩ, đừng mặc kệ muốn ra sao thì ra, nhất là đừng có làm càn thì mới giải quyết tốt được công việc ấy. Nếu không làm được như vậy thì đến bậc thánh nhân như Khổng Tử cũng không dạy bảo giúp cho được.

16. Khổng Tử nói: "Cả ngày nói chuyện với người, mà chẳng có một câu nào đúng đắn, hợp đạo lý, lại chỉ khéo khôn vặt. Người như vậy thì khó thành người có đạo đức".

Lời bình:

Cuộc đời con người rất ngắn, chẳng mấy chốc đã một trăm năm. Con người sống trên thế gian, gặp nhau phải nói chuyện làm ăn, xây dựng, thế giới quan, nhân sinh quan, sự nghiệp, lý tưởng, giá trị cuộc đời... Thế mà có người chỉ biết ăn no rồi không có việc gì làm, đi ngồi nói chuyện phiếm suốt cả ngày, chuyện không đâu vào đâu cả. *Điều đáng lo hơn là có một số người còn lợi dụng nói*

chuyện phiếm để bàn mưu tính kế, nói xấu người, châm chọc người, bày dạy kiểu khôn vặt để kiếm lợi... Phong thái xã hội như vậy, Khổng Tử nói rằng khó mà làm cho xã hội ổn định, tươi đẹp và có đạo đức được, thậm chí còn gây hại về sau.

17. Khổng Tử nói: "Người quân tử dùng nghĩa lý làm gốc, dùng lễ tiết để thực hành, dùng khiêm tốn để tỏ lộ ra ngoài, dùng thành tín để làm nên công việc. Người như thế thực là người quân tử".

Lời bình:

Khổng Tử nói, một người quân tử chân chính nên coi trọng giá trị con người của mình, thực hiện trách nhiệm của mình, làm được bốn chữ: nghĩa, lễ, tốn, tín.

Nghĩa ở đây là nghĩa lý, là cái gốc cho mọi việc làm. Đây là bản chất của con người, con người ngay thẳng thì làm việc đúng đắn.

Lễ là khi thực hành phải tuân theo đạo đức, nói và làm đều phù hợp với yêu cầu của lễ.

Tốn là khiêm tốn, không kiêu ngạo, không tự mãn, lại còn nhường nhịn.

Tín là xử thế, xử sự có thành thật, lúc nào cũng giữ chữ tín, nói và làm như nhau.

Nghĩa là gốc cho mọi công việc. Lễ là ở bên ngoài dùng trong khi làm việc. Khiêm tốn dùng để biểu lộ ra bên ngoài. Tín là phẩm cách mang lại thành công. Bốn phẩm đức ấy lại phải luôn nhớ lấy nghĩa làm gốc.

18. Khổng Tử nói: "Người quân tử chỉ sợ mình không có tài đức, không sợ người ta không biết mình".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng mọi người nên tập trung tu dưỡng đạo đức, nghiêm khắc đối với bản thân, nỗ lực học tập, bổ sung năng lực cho mình. Bổ sung năng lực cho mình là việc của chính mình, không ai thay được. Còn hiểu mình là việc của người khác.

Theo Khổng Tử, một người tài đức thì ngoài đạo đức và học vấn, còn có khả năng thực hành làm việc gì cũng hay, cũng giỏi, có thể tự lập được, như vậy không nhất thiết phải cầu người khác biết đến mình để dùng mình. Câu nói của Khổng Tử thực sự khuyến khích tinh thần tự lực tự cường cho học trò của mình.

19. Khổng Tử nói: "Người quân tử sẽ mang hận suốt đời nếu không xứng đáng với danh phận của mình".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, người ta sống ở thế gian không để lại được tiếng thơm cho hậu thế thật là điều đáng tiếc. Người quân tử học để tu thân, đủ tài đức để làm việc có ích cho đời nên được người đời nhắc nhở, ngợi khen. Còn kẻ tiểu nhân chỉ biết lợi mình mà hại người nên chỉ để lại tiếng xấu. Vì vậy, muốn để lại tiếng thơm không phải là việc dễ dàng và không có con đường nào khác là phải cống hiến cho dân tộc, cho xã hội, cho quốc gia.

20. Khổng Tử nói: "Người quân tử tất cả mọi thứ đều dựa vào mình. Kẻ tiểu nhân tất cả mọi thứ đều dựa vào người".

Lời bình:

Theo Khổng Tử, một người có đạo đức nên hết sức coi trọng rèn luyện mình, coi trọng sự phát huy năng lực chủ quan. Điều đó tất cả là bắt đầu từ mình, dựa vào bản thân mình. Đây là điểm cơ bản trong tu dưỡng đạo đức luân lý của Nho gia.

Còn tiểu nhân hoàn toàn ngược lại, không cần chú ý tu dưỡng đạo đức, không cần trau dồi học lực, khi cần gì thì dù trái đạo lý cũng làm, chẳng từ thủ đoạn nào, miễn là đạt được nguyện vọng. Như vậy, kẻ tiểu nhân chỉ dựa vào người mà thôi.

21. Khổng Tử nói: "Người quân tử có trang nghiêm mà không tranh giành, hòa với mọi người mà không cấu kết bè phái".

Lời bình:

Một người có đạo đức, một trí thức chân chính cần phải có tính cách trang nghiêm. Trang nghiêm thể hiện bản lĩnh tự tin ở bên trong, thái độ nghiêm túc đúng đắn ở bên ngoài, dám khẳng định lẽ phải mà không kiêu ngạo, coi thường người khác. Do vậy, người quân tử đấu tranh cho lẽ phải mà lại không thành ra tranh giành là thế.

Còn hòa hợp là đoàn kết với mọi người cùng chung sức phấn đấu. Hòa hợp này là trên cơ sở của đạo nhân,

cùng chung sự nghiệp mà đoàn kết, chứ không phải là a dua kết bè kết phái làm việc xấu xa.

22. Khổng Tử nói: "Người quân tử không vì lời nói mà cất nhắc người, cũng không vì người mà bỏ lời nói".

Lời bình:

Ở đây Khổng Tử nêu lên thái độ đúng đắn cần có khi đối xử với người.

Trong xã hội, người ta thường mắc phải sai lầm là đối với người mà mình có ấn tượng tốt thì cái gì cũng hay, nói gì cũng đúng; đối với người mà mình có ấn tượng xấu, thì họ nói gì cũng không nghe, làm gì cũng không thuận mắt. Cách nhìn nhận như vậy không đúng.

Người nói hay chưa chắc đã là người có đạo đức, có tài năng, vì lời nói hay chưa chắc đã đi đôi với việc làm đúng. Vì vậy, người quân tử khi dùng người phải xem xét cả lời nói và việc làm mới xác định chính xác người hiền tài để mà cất nhắc, không nên vì người đó nói một câu đúng rồi cho rằng nói gì cũng đúng.

Ngược lại, dù gặp một người nào đó có điều gì không tốt nhưng có lời nói phải, người quân tử cũng nên nghe theo, chớ nên bỏ qua lời nói phải của người ấy.

Khổng Tử nói rằng không nên vì lời nói mà cất nhắc người, cũng không nên vì người mà phế bỏ lời nói là vậy.

23. Tử Cống hỏi: "Có câu nói nào mà có thể thực hiện *được suốt đời không*?".

Khổng Tử nói: "Đó là "thứ" vậy. Việc mình không muốn thì đừng đem làm cho người khác".

Lời bình:

"Thứ" là đạo trung thứ, tức là việc gì mình không muốn thì đừng đem làm cho người khác. Ví như những việc phá hoại, trộm cướp, dâm loạn, láo lếu mà người ta gây ra cho mình thì mình thấy buồn khổ, vậy thì mình đừng gây những việc ấy cho người khác. Khổng Tử cho rằng câu nói này người ta nên thực hiện suốt đời. Phàm làm việc gì, phải suy bụng ta ra bụng người, lấy tâm so tâm, lấy lòng so lòng. Phàm cái gì mà mình muốn có thì người khác cũng muốn có, nên phải để cho người ta có. Phàm cái gì mà mình muốn đạt được cũng phải để cho người ta đạt.

Điều này nói thì dễ mà làm thì khó. Con người trong xã hội, thường khi mình có thì lại muốn cho người ta đừng có, khi mình không muốn thì đẩy cho người khác.

Khổng Tử cho rằng người ta lập nghiệp hay kết giao bạn bè, chỉ có thực hiện được đạo trung thứ thì mới được mọi người ủng hộ, mới có hy vọng thành công trong sự nghiệp. Đó chính là điều phải thực hiện đến trọn đời.

24. Khổng Tử nói: "Ta đối với người có chê ai và khen ai quá sự thực đâu? Nếu có khen ai, ta phải xem xét thử thách để biết rõ người ấy. Phê phán người đời nay, ta đều theo đạo thẳng của ba đời Hạ, Thương, Chu".

Lời bình:

Khổng Tử muốn nói con người sống ở trên đời bị người khen chê là khó tránh khỏi. Đối với những ai chê

mình, mình cũng nên tự nhiên như không, chẳng cần bàn cãi. Bản thân mình cũng vậy, không nên tùy tiện khen người hoặc chê người. Chê người không đúng là có dã tâm. Khen người không đúng là đã xa rời đạo lý. Khen ai, chê ai phải có căn cứ, có thái độ thận trọng, không được tùy tiện. Người chân chính nên làm được như vậy.

Nói đến khen chê, nên nói thêm một điều. Con người sống trong xã hội, thực tế đang sống trong môi trường của sự khen chê. Người ta thường bình luận đủ điều. Càng là nhân vật cao thượng, nhân vật vĩ đại thì càng được nhiều khen chê. Khen chê thuộc về lòng người ở xung quanh mình, có sức nặng ảnh hưởng đến dư luận xã hội. Cho nên, người ta cần có thái độ thận trọng đối với vấn đề này, cần khen điều thiện và chê điều ác đúng sự thật như ba đời Hạ, Thương, Chu vậy.

25. Khổng Tử nói: "Ta còn được thấy việc quan chép sử bỏ trống những điều nghi vấn, và việc người có ngựa còn cho người khác mượn. Bây giờ không còn loại người này nữa".

Lời bình:

Đây là lời than của Khổng Tử đối với việc đương thời. Quan chép sử thấy những điều còn nghi vấn thì bỏ trống, chứng tỏ quan chép sử rất cẩn thận. Người có ngựa thường cho người khác mượn, đây là tập tục đẹp trong quan hệ của con người với nhau. Đó là hai việc Khổng Tử tận mắt thấy được khi còn nhỏ, thế mà bây *giờ không thấy* nữa. Qua đó thấy rằng, Khổng Tử than

lời này tỏ ý tiếc nhiều điều đã thay đổi khác xa so với trước đó.

26. Khổng Tử nói: "Lời nói xảo trá có thể làm bại hoại đạo đức. Không nhẫn nại việc nhỏ thì có thể làm hỏng việc lớn".

Lời bình:

Lời nói xảo trá là lời nói dễ nghe, dễ lọt tai nhưng dối trá, nịnh bợ, hòng đạt mục đích mưu lợi riêng. Lời nói thuận tai thường làm cho người nghe rối loạn lẽ phải trái, mắc bẫy, trúng kế mà bỏ mất ý định đúng đắn. Khổng Tử cho rằng lời nói xảo trá làm bại hoại đạo đức là vì vậy.

Nhẫn nại có ý nhắc nhở người ta, phàm làm một việc gì phải thận trọng, biết nén chịu, dám nuốt đau khổ vào lòng, nếu không dễ hỏng việc, mà có hại đến mình. Xử sự, xử thế, nếu không nhẫn nại sẽ sinh ra nóng nảy giận dữ. Khi đã giận dữ thì quên hết, dẫn tới nóng nảy liều lĩnh, xem trời bằng vung mà làm hỏng việc lớn.

27. Khổng Tử nói: "Người nào bị mọi người ghét, nhất định mình phải xét xem có thật đáng ghét không? Người nào được mọi người ưa, nhất định mình cũng phải xét xem có thật đáng ưa không?".

Lời bình:

Ở đời, nhiều khi người ngay thẳng bị kẻ tiểu nhân oán ghét vì cản trở những quỷ kế kiếm lợi của họ; còn kẻ tiểu nhân thường được yêu chuộng vì đồng tình với kẻ

ác mà cấu kết với nhau. Vì vậy, người ta không nên vì ai đó nói người này xấu hoặc người kia tốt là tin ngay, mà tự mình phải trực tiếp xem xét xấu tốt ở đâu, xấu tốt lúc nào rồi mới có kết luận cụ thể. Còn thấy mọi người ưa hoặc ghét người nào mà mình không xem xét kỹ, có khi sẽ bị lòng riêng che lấp.

28. Khổng Tử nói: "Người ta có thể khiến cho đạo được mở rộng bổ sung thêm, chứ không phải là dùng đạo để khuếch đại phô trương người".

Lời bình:

Đạo ở đây là đạo nhân, là luân lý đạo đức con người. Theo tư tưởng trung dung, người ta sinh ra vốn có tính lành tự nhiên nơi mình phù hợp với mệnh trời, noi theo tính lành tự nhiên ấy tức là đạo. Vậy đạo là y theo tính mình mà không trái với lý tự nhiên, đã phù hợp với mệnh trời mà lại hoàn thiện được tính người. Khi đã hiểu biết đạo lý, người ta lại đem hiểu biết ấy ra thực hành thì sẽ có đức tính tốt, gọi là có đạo đức. Vì vậy, người ta nếu biết nghiên cứu truyền bá và thực hành đạo thì có thể làm cho đạo rộng lớn thêm ra. Còn nếu người ta không biết tìm hiểu, truyền bá và thực hành thì đạo không thể phát triển được, vì đạo không tự dưng mà làm gì được.

29. Khổng Tử nói: "Có sai lầm mà không sửa, như *vậy mới thật là sai lầm*".

Lời bình:

Đây là cách nhìn của Khổng Tử đối với người phạm sai lầm. Khổng Tử đã từng nói, con người không phải là thánh nhân, không ai tránh được mắc sai lầm, chỉ cần thấy sai lầm mà biết sửa sẽ trở thành không sai lầm. Còn nếu thấy sai lầm mà không chịu sửa, lại biến sai lầm đó thành hiện thực thì chẳng sửa được nữa, đã sai lại càng sai hơn.

30. Khổng Tử nói: "Ta đã từng cả ngày không ăn cơm, cả đêm không ngủ để suy tư. Nhưng vô ích, không bằng đi học".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng suy nghĩ mà không học thì chỉ có nhọc công vô ích, không bằng nén lòng mà đi học có hiệu quả hơn. Trên cơ sở của học tập mà chịu khó suy nghĩ thì mới có kiến thức. Suy nghĩ mà không học, học mà không suy nghĩ thì đều không thực hành được. Chỉ có học tập và suy nghĩ kết hợp chặt chẽ thì mới có tiến bộ trong sự nghiệp.

31. Khổng Tử nói: "Người quân tử chăm lo cầu đạo chứ không cầu ăn. Người cày ruộng gặp mất mùa cũng khó tránh khỏi bị đói bụng. Người chăm học có thể làm quan hưởng bổng lộc. Người quân tử chỉ lo về đạo, chứ không lo về nghèo".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng, người có đạo đức xem xét việc thiên hạ là việc của mình, chỉ lo không thực hiện được

đạo, chứ không lo đến cuộc sống của mình, thậm chí không sợ nghèo đói giày vò.

Ví dụ như người cày ruộng cốt để mưu cầu việc ăn, đã cày bừa kỹ là nhất định có thu hoạch, nhưng khi gặp mất mùa thì chưa hẳn đã được ăn. Còn người chăm học chỉ cần nỗ lực học tập, tăng cường tu dưỡng đạo đức, kiên trì phấn đấu, nhất định được xã hội thừa nhận, như vậy bổng lộc là ở trong việc học, nên chớ vội lo sợ nghèo túng.

Có học vấn, có bản lĩnh thực sự thì không sợ không có tiền đồ, không sợ không có vị trí, không sợ bị xã hội lãng quên.

32. Khổng Tử nói: "Người có trí tuệ đủ biết mọi lẽ; nhưng không giữ đức nhân thì có biết được lẽ gì rồi cũng bỏ mất.

Người có trí tuệ đủ biết mọi lẽ, lại biết giữ lấy đức nhân; nhưng nếu không có thái độ nghiêm túc cẩn thận khi đến với dân thì dân cũng không kính trọng.

Người có trí tuệ đủ biết mọi lẽ, lại biết giữ đức nhân, và có thái độ nghiêm túc cẩn thận khi đến với dân, nhưng nếu không biết dùng lễ tiết kết hợp để cổ vũ dân làm điều thiện thì cũng không thể hoàn toàn tốt được".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nói về điều kiện để có được thành công là phải có đủ bốn phẩm đức.

Có trí tuệ đủ biết mọi lẽ: Điều này muốn nói trong xã hội cần có trí tuệ, có đầu óc, có tầm nhìn, nhìn đúng *nắm chắc mới* đủ năng lực làm việc.

Biết giữ đức nhân: Phàm làm một việc gì, biết dựa vào trí tuệ, nhìn đúng nắm chắc rồi mới bắt đầu thực hiện. Nhưng không có đức nhân thì dễ bị dục vọng cá nhân cám dỗ, chẳng có điều thiện trong lòng. Người không có đức nhân thì dù có trí tuệ cũng là vô dụng.

Thái độ nghiêm túc cẩn thận: Điều này muốn nói phải biết phong tục, tập quán, biết cách cư xử đúng mực, có thái độ trang trọng đối với các vấn đề về cuộc sống thân thiết của mọi người trong xã hội, người ta mới kính phục, kiêng nể, lại không dám khinh nhờn.

Biết dùng lễ tiết cổ vũ dân làm việc thiện: Điều này muốn nói cần phải tạo cho con người làm việc trong xã hội, từ tu dưỡng đạo đức, nghiên cứu học tập đến lập nghiệp, lúc nào ở đâu cũng phải giữ đúng lễ nghĩa, tôn trọng pháp luật, giữ đúng phép tắc, mới có thể đạt được thành công.

Khổng Tử dạy bốn điều đó để thấy rằng, trí và nhân là điều kiện cần thiết, song không thể sao nhãng những điều kiện khác.

33. Khổng Tử nói: "Người quân tử có thể không biết những việc nhỏ nhặt, nhưng có thể đảm đương công việc lớn. Kẻ tiểu nhân không thể đảm đương công việc lớn, nhưng có thể biết những việc nhỏ nhặt".

Lời bình:

Người quân tử có thể không biết việc nhỏ nhặt, nhưng tài đức thì có thể đảm đương việc lớn. Vì vậy, đối với người có đủ tài đức thì không thể thử thách họ từ

những việc nhỏ, không đợi họ có thành tích thật lớn rồi mới dùng, mà phải kịp thời giao cho họ trách nhiệm từ sớm. Từ đạo đức, năng lực học vấn đến sự nghiệp của họ, nếu nhìn thấy tiền đồ phát triển thì phải kịp thời phát hiện bồi dưỡng, ủng hộ, đề bạt, nhất định họ sẽ đảm đương một cách toàn vẹn.

Kẻ tiểu nhân vốn kém về tài đức nên không thể đảm đương công việc lớn, nếu giao cho họ trách nhiệm lớn thì họ sẽ làm chẳng nổi mà dẫn đến thất bại. Đối với kẻ tiểu nhân, về việc lớn không thể giao cho họ, nhưng từ việc nhỏ vừa sức có thể phát hiện được sở trường của họ. Giao việc nhỏ cho kẻ tiểu nhân, mục đích là để động viên được hết mặt tích cực, hạn chế được mặt tiêu cực của kẻ tiểu nhân.

Khổng Tử khuyên người lãnh đạo nên biết lượng sức người mà giao việc là vậy.

34. Khổng Tử nói: "Nhân dân cần đức nhân hơn cần nước và lửa. Ta còn nhìn thấy có người dẫm vào lửa, vào nước mà chết, chứ ta chưa thấy ai dẫm vào đức nhân mà chết bao giờ".

Lời bình:

Đây là lời Khổng Tử khuyến khích người ta phải làm theo đức nhân.

Người ta nhờ có nước có lửa mới sống được, đối với đức nhân cũng thế. Nhưng nước và lửa là những vật ở ngoài, bình thường thì chẳng hại đến thân mình. Còn đức nhân ở trong lòng, nếu *không có đức nhân thì mất*

tấm lòng. Vì vậy mà đức nhân cần thiết hơn nước và lửa. Hơn nữa, nước có thể làm chết người, lửa có thể đốt cháy người, nhưng không có ai vì thực hiện đức nhân, làm việc tốt mà chết cả. Cho nên làm điều nhân, làm nhiều việc tốt thì chẳng có gì mà phải sợ cả.

Nhưng thực tế xã hội vẫn tồn tại một điều là bảo người làm việc xấu thì dễ, nhưng bảo người làm việc tốt thì khó. Vì vậy mà lời của Khổng Tử hẳn cũng giúp người ta suy xét mà tu sửa mình.

35. Khổng Tử nói: "Người chuyên thực hiện đạo nhân, hễ gặp điều nhân thì làm ngay, dù cho thầy mình đi nữa vẫn không nhường".

Lời bình:

Giáo dục của Khổng Tử không phải là giáo dục chuyên chế, mà là giáo dục dân chủ. Học trò và thầy giáo có thể tranh luận, cùng nhau bổ sung, nâng cao học vấn. Chân lý càng bàn càng sáng thì đạo nhân phát huy càng lớn. Hơn nữa về đạo nhân, cả thầy và trò đều có và tự thực hiện được, không cần phải tranh giành với ai, đã không cần tranh giành thì việc gì mà phải nhường nữa?

Khổng Tử muốn động viên học trò của mình, khi thực hiện đạo nhân thì phải dũng cảm, nhất định sẽ thực hiện cho được.

36. Khổng Tử nói: "Người quân tử kiên trì chính đạo, *nhưng không giữ điều tin nhỏ nhặt*".

Lời bình:

Khổng Tử cho đây là nguyên tắc sống của người quân tử. Người quân tử luôn kiên trì giữ vững chính đạo, tức là luôn làm tròn chức phận của mình đối với gia đình và xã hội. Tuy vậy, người quân tử không lúc nào xa rời nguyên tắc đạo nhân nên chẳng có lòng tin tưởng nhỏ nhặt.

37. Khổng Tử nói: "Thờ vua thì phải tận tâm tận lực làm tốt chức trách của mình, sau mới nghĩ đến bổng lộc".

Lời bình:

Người quân tử học để ra làm quan mà thực hành những điều đã học. Vì vậy, làm quan có chức vị thì phải chuyên tâm làm hết phận sự, tận trung với vua, có tinh thần trách nhiệm cao để làm tốt việc được giao, chứ không đem lòng cầu bổng lộc trước.

Chúng ta ngày nay làm việc cũng nên nghĩ đến làm tròn trách nhiệm trước, nghĩ đến bổng lộc sau. Điều này đáng cho ta học tập.

38. Khổng Tử nói: "Người quân tử dạy người, chẳng phân biệt người thiện kẻ ác".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng tính con người ta vốn là tốt lành, *nhưng thiện hay ác là do thói quen mà ra,* nếu có người

dạy bảo sẽ trở nên tốt lành. Vì vậy, Khổng Tử chủ trương dù là người thiện hay kẻ ác, hễ theo học là có lòng hướng thiện rồi. Vì vậy, Khổng Tử không phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, sang hèn, thông minh, dốt nát, chỉ cần bằng lòng đi học là Khổng Tử đều dạy để trở nên tốt lành. Câu này thể hiện tinh thần giáo dục cao cả của Khổng Tử.

39. Khổng Tử nói: "Những người không cùng một đạo lý thì không thể cùng bàn bạc mưu tính công việc với nhau được".

Lời bình:

Ở đời, người chính kẻ tà, người trung kẻ nịnh, người công kẻ tư thì đều do đạo lý khác nhau mà ra cả. Mà đạo lý khác nhau thì hiểu về việc nghĩa tức là việc nên làm cũng khác nhau, như thế thì làm sao mà bàn bạc công việc với nhau được? Khổng Tử cho rằng xuất phát điểm khác nhau, tư tưởng khác nhau, động cơ mục đích khác nhau thì không thể cùng mưu sự nghiệp, chỉ ai đi theo con đường của người ấy. Như vậy, nếu muốn cùng nhau mưu tính công việc dù nhỏ hay lớn, điều quan trọng hàng đầu là phải tạo nên được sự thống nhất về đạo lý.

40. Khổng Tử nói: "Ngôn ngữ đủ để diễn đạt ý tứ là được rồi".

Lời bình:

Ngôn ngữ ở đây là chỉ lời nói và câu văn. Nói chuyện và viết văn chỉ cần diễn đạt được tư tưởng của mình là

được rồi, vì lời nói và câu văn cốt cần ở sự chân thực, dễ hiểu, gần gũi với người nghe, người đọc. Còn nói chuyện và viết văn không cần thiết quá mức trau chuốt, cắt gọt mài dũa, không cần phải có những từ hoa lệ, vì trau chuốt, mài dũa hoa mỹ thì hoặc là sáo rỗng, hoặc là có hàm ý, ẩn ý thậm chí là ác ý trong đó. Vì vậy mà các học giả chân chính thời xưa cũng đều cho rằng "thượng ý chứ không thượng từ", tức là coi trọng ý cần diễn đạt chứ không coi trọng tìm từ hoa mỹ mà sáo rỗng. Nói như vậy nhưng để có lời nói và câu văn đủ để diễn đạt ý tứ là cả quá trình tu luyện mới đạt tới được.

41. Sư Miện là quan nhạc bị mù lòa đến gặp Khổng Tử. Khi đi gần đến bậc thềm, Khổng Tử nói: "Đây là bậc thềm".

Đi đến chỗ ngồi, Khổng Tử lại nói: "Đây là chỗ ngồi".

Đợi mọi người ngồi xong, Khổng Tử mới giới thiệu từng người cho Sư Miện biết: "Người này là..., người này là...".

Sau khi Sư Miện ra về, Tử Trương hỏi Khổng Tử: "Đây là đạo nói chuyện với quan nhạc sư phải không?".

Khổng Tử nói: "Phải, đây là đạo giúp đỡ quan nhạc sư bị mù lòa".

Lời bình:

Sư Miện bị mù lòa, nhưng là quan phụ trách văn hóa, có nhiệm vụ quản lý âm nhạc nghệ thuật. Khổng Tử tiếp đón Sư Miện rất tôn kính và cẩn thận. Theo đạo người xưa, ai cũng phải giúp đỡ người mù lòa, đây lại là

người mù lòa có tài năng được trọng dụng làm quan. Khổng Tử vốn không khinh thường người góa vợ, kẻ góa chồng, không hành hạ người hèn yếu không nơi nương tựa. Khổng Tử đối đãi với Sư Miện như thế không phải là cố ý, mà chỉ là làm theo đạo. Nếu ai cũng biết như thế thì thiên hạ hẳn được yên.

Từ việc nhỏ này, chúng ta học được thái độ đối đãi với người phải cung kính, nghiêm túc và cẩn thận là vậy.

Chương 16

QUÝ THỊ

1. Họ Quý chuẩn bị đánh phạt nước Chuyên Du.

Nhiễm Hữu, Quý Lộ đến gặp Khổng Tử nói: "Họ Quý sắp gây sự với nước Chuyên Du".

Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu! Đây không phải là sai lầm của ngươi ư? Đối với nước Chuyên Du, các vị vua thiên tử nhà Chu đã từng giao cho nhiệm vụ chủ trì lễ tế ở núi Đông Mông, hơn nữa trong khu vực lãnh thổ của nước Lỗ thì đây là bề tôi tin cậy của quốc gia, vì sao lại đánh nước Chuyên Du?".

Nhiễm Hữu nói: "Đây là do họ Quý muốn đánh phạt, còn hai chúng con là gia thần đều không muốn như vậy".

Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu! Quan chép sử Chu Nhiệm đã từng nói: "Có thể tận lực làm bề tôi thì nên giữ chức vụ. Nếu không tận lực được thì nên thôi". Nếu

người chủ gặp nguy hiểm mà không giúp, người chủ sắp ngã mà không đỡ thì người giúp việc, trợ thủ, tướng tá như các ngươi, có tác dụng gì? Vả lại, các ngươi nói sai quá rồi! Kẻ giữ chuồng mà để con hổ, con trâu xổng chuồng; kẻ giữ tráp mà để ngọc quý, mai rùa bị hủy hoại ở trong tráp là lỗi của ai?".

Nhiễm Hữu nói: "Tường thành của nước Chuyên Du kiên cố, hơn nữa lại ở rất gần ấp Phí. Bây giờ không chiếm lấy, sẽ để lại mối lo cho con cháu về sau".

Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu! Người quân tử ghét nhất là kẻ không dám trực tiếp nói ra tham muốn của mình mà lại mượn tìm cớ khác. Ta đã từng nghe nói, những vua chư hầu có nước và quan đại phu có nhà chẳng buồn vì dân quá ít, mà buồn vì sợ của cải phân phối không công bằng, không sợ nghèo mà sợ không yên. Nếu của cải phân phối công bằng thì dân sẽ không nghèo nữa. Dân hòa sẽ không cảm thấy người ít, nước yên sẽ không còn nghiêng ngả nữa. Như vậy, nếu biết người ở nơi xa không quy phục thì phải biết sửa văn đức để làm cho họ đến. Họ đến rồi thì phải nghĩ cách cho họ được yên.

Hiện nay trò Do và trò Cầu phụ tá họ Quý, biết người ở xa không quy phục, mà không biết cách làm cho họ đến; nước nhà chia rẽ phân ly mà không biết cách làm cho được bảo toàn, lại còn muốn gây binh đao trong nước. Ta sợ nỗi lo của họ Quý không phải ở nước Chuyên Du, mà là ở trong nội bộ".

Lời bình:

Thời của Khổng Tử, họ Quý nắm đại quyền nước Lỗ, lấn át cả vua nước Lỗ. Khi họ Quý chuẩn bị đánh chiếm

một nước nhỏ là Chuyên Du, Nhiễm Cầu, Tử Lộ vốn là gia thần của họ Quý biết được việc này nên báo cho Khổng Tử biết, nhưng không dám báo cáo thực tình. Khổng Tử tỏ rõ thái độ kiên quyết phản đối việc đánh phạt nước Chuyên Du, nên đã nói nước Chuyên Du vẫn là bề tôi thân thuộc của nước Lỗ, không thể đem quân mà đánh phạt được. Khổng Tử đối với học trò của mình trước sau vẫn gánh vác trách nhiệm giáo dục. Nhiễm Hữu, Tử Lộ với thân phận là gia thần của họ Quý, không thể không chấp hành mệnh lệnh của họ Quý. Nhưng Khổng Tử với chức trách là người thầy, phải lấy sức mạnh của đạo đức để cảm hóa, khuyên học trò của mình không nên nghe theo họ Quý đánh phạt Chuyên Du mà phải cố gắng khuyên can, nếu không khuyên can được thì phải rời bỏ họ Quý. Khổng Tử thực quả là người thầy mẫu mực hết lòng vì học trò.

Để học trò vững tâm thi hành theo đạo lý, Khổng Tử nêu ra tư tưởng là một quốc gia không sợ thiếu của cải, mà chỉ sợ người quá nghèo người quá giàu thì không thể công bằng được; không sợ nghèo, mà chỉ sợ nội bộ không ổn định. Nếu giàu nghèo giữa các thành viên trong một quốc gia được giải quyết thỏa đáng, nội bộ ổn định, thì nhân dân mới có hạnh phúc, nước nhà mới giàu mạnh. Muốn vậy, không thể dựa vào vũ lực, mà chỉ có thể dựa vào cơ sở chính trị sáng suốt anh minh.

Khổng Tử còn nêu ra quan điểm nổi tiếng: họa xảy ra từ trong nội bộ. Một quốc gia không đoàn kết, ý kiến không thống nhất, đấu đá nội bộ liên miên, thì khó được bảo toàn. Nội bộ ba anh em họ Quý đã không ổn, còn

phát động chiến tranh để gây thêm mâu thuẫn. Như thế thì họa không phải từ phía nước Chuyên Du, mà từ nội bộ ba anh em họ Quý vậy.

2. Khổng Tử nói: "Thiên hạ có đạo, thì lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt đều ở trong tay vua thiên tử. Thiên hạ không có đạo, thì chế độ lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt ở trong tay vua chư hầu. Quyết định do vua chư hầu làm ra được truyền quá lắm đến mười đời là mất nước. Quyết định do quan đại phu làm ra, được truyền không quá năm đời là mất nước. Quyết định do gia thần nắm giữ chính quyền làm ra, được truyền không quá ba đời là mất nước.

Thiên hạ có đạo thì quyền cai trị không thể rơi vào tay quan đại phu.

Thiên hạ có đạo thì người dân thường không có điều gì phải nghị luận".

Lời bình:

Theo chế độ đời xưa, vua chư hầu không được thay đổi lễ pháp, âm nhạc, và việc chinh phạt. Thiên hạ có đạo thì tuân thủ theo lễ chế ấy nên nền chính trị sáng suốt anh minh, xã hội ổn định. Nếu mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục đều do chính quyền trung ương thống nhất ban hành mệnh lệnh thì nước nhà nhất định giàu mạnh. Nếu quyền lực không được tập trung ở trung ương mà bị phân tán, dẫn đến người dưới lạm quyền, mỗi nơi mỗi phách, thì nước nhà chẳng còn hy vọng gì. *Nếu chính quyền không làm hỏng*

việc nước, không làm trái đạo thì dân không bàn luận về việc nước, chứ chẳng thể nào bưng bít nổi miệng dân, khiến dân không dám nói. Nói chung, việc đời không nằm ngoài mấy lẽ ấy. Đây là lời nhắc nhở đối với những người nắm chính quyền hồi ấy phải giữ đúng đạo thì yên dân.

Khổng Tử nhìn thấy rất rõ một nước cần phải tập trung quyền lực cao độ ở trung ương, nếu không rất dễ bị diệt vong.

3. Khổng Tử nói: "Tước lộc không thuộc về vua nước Lỗ đã năm đời rồi. Chính quyền ở trong tay các quan đại phu đã bốn đời rồi. Cho nên con cháu ba nhà đại phu thuộc họ Quý, Mạnh, Thúc hiện nay đang ở giai đoạn suy sụp tàn tạ rồi".

Lời bình:

Đây là dự đoán của Khổng Tử về vận mệnh của ba anh em họ Quý không còn dài nữa.

Vua nước Lỗ mạnh là nhờ được yên ổn. Muốn yên ổn thì chức phận người trên kẻ dưới phải được phân định rõ ràng. Vua nước Lỗ mất lộc, mất quyền lực đã năm đời đó là vì để chính quyền lọt vào tay các quan đại phu. Họ Quý cướp quyền đã bốn đời nhưng cùng với họ Mạnh, họ Thúc đều ép bức người trên, không sai khiến được người dưới. Căn cứ vào quy luật tiến trình lịch sử như Khổng Tử nêu ở mục trước thì quyền lực ấy cũng sắp đến thời kỳ kết thúc. Quả nhiên về sau lịch sử cũng ứng nghiệm như vậy.

4. Khổng Tử nói: "Bạn có ích có ba loại, bạn có hại cũng có ba loại. Bạn ngay thẳng, bạn thành thực, bạn có kiến thức sâu rộng đều là có ích. Bạn giả bộ uy nghi, bạn hay chiều chuộng, bạn khéo siểm nịnh đều là có hại".

Lời bình:

Bạn ngay thẳng thì mình nghe được lỗi lầm của mình mà sửa. Bạn thành thực thì mình học được đạo đức. Bạn có kiến thức thì mình học được nhiều điều hay. Ba loại bạn đó được coi là bạn có ích.

Bạn giả bộ uy nghi thì không ngay thẳng. Bạn khéo chiều chuộng thì không thành thật. Bạn khéo siểm nịnh thì không có kiến thức sâu rộng. Ba loại bạn đó được coi là bạn có hại, trái hẳn với ba loại bạn có ích.

Người ta ở trên đời đều nhờ ở bạn giúp đỡ mà thành đạt. Vì vậy, phải cẩn thận tìm bạn có ích và tránh xa bạn có hại. Người xưa có câu "chọn bạn mà chơi" cũng là như thế.

5. Khổng Tử nói: "Điều thích có ích có ba loại, điều thích có hại cũng có ba loại. Thích nghi thức lễ phép và âm nhạc; thích nói điều hay của người; thích có nhiều bạn hiền, đó là điều thích có ích. Thích nhạc ủy mỵ, ru ngủ, dâm dạc; thích chơi bời bừa bãi phóng túng; thích yến tiệc vui say quá độ, đó là điều thích có hại".

Lời bình:

Người thích nhạc ủy mỵ, ru ngủ, dâm dạc... thường xa xỉ, phóng túng, không biết nghi thức lễ phép. Người thích chơi bời bừa bãi phóng túng thì lười biếng, dối trá,

không biết điều thiện. Người thích yến tiệc vui say quá độ thì chỉ thích giao du với kẻ tiểu nhân. Ba điều thích trên là có hại.

Làm người quân tử, khi ưa thích điều gì cũng phải biết cân nhắc cẩn thận.

6. Khổng Tử nói: "Cùng ngồi hầu chuyện với người quân tử thì dễ mắc phải ba sai lầm này: Chưa đến lúc đáng nói đã tranh nói, đó gọi là hấp tấp. Đến lúc đáng nói lại không nói, đây gọi là giấu giếm. Không nhìn sắc mặt của người quân tử, mà cứ thao thao bất tuyệt, đây gọi là mù quáng".

Lời bình:

Người quân tử vốn là người có đạo đức hay địa vị nên rất coi trọng lễ phép. Khi hầu chuyện người quân tử mà mắc sai lầm hấp tấp, giấu giếm, mù quáng thì chẳng nên câu chuyện. Chẳng hạn như người ta không biết quan sát sắc mặt người khác trong khi nói chuyện thì không thể xét được lời nói của mình có tác động thế nào đến người nghe, như vậy thì sẽ không xác định được là nên nói hay không. Khổng Tử dạy ta khi nói chuyện phải tùy từng lúc, xem xét kỹ lưỡng, đáng nói mới nói thì sẽ không mắc vào ba sai lầm đó.

7. Khổng Tử nói: "Người quân tử có ba việc nên phòng ngừa lấy mình. Lúc còn nhỏ tuổi, huyết khí chưa ổn định, phải phòng ngừa tính ham nữ sắc. Khi đã trưởng thành, huyết khí đã thịnh vượng, phải phòng

ngừa tính ham tranh đấu. Khi về già, huyết khí đã suy, phải phòng ngừa tính ham được hơn người".

Lời bình:

Đây là lời khuyên của Khổng Tử đối với mỗi con người qua từng giai đoạn trong cuộc đời.

Lúc còn nhỏ tuổi, huyết khí chưa ổn định, không được quá ham sắc. Sắc ở đây là muốn nói đến vấn đề tình dục. Tuổi trẻ quá ham mê tình dục sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe cả đời. Nhiều bệnh của người trung niên, người có tuổi là do lúc tuổi trẻ quá ham mê tình dục.

Khi đã trưởng thành, huyết khí thịnh vượng, sức vóc cường tráng nên thường không sợ gì, dễ dẫn đến không phân biệt được phải trái, hay gây gổ đánh nhau, gây nên tai họa cho người và cho mình. Cho nên phải phòng ngừa việc đấu đá lẫn nhau.

Khi tuổi về già, huyết khí suy thoái, tinh lực yếu kém, nên thường bảo thủ, thế thủ mà sinh ra ky cóp, ham được hơn người.

Hình thể người ta đều do khí huyết tạo nên. Huyết khí có lúc thịnh lúc suy mà tạo nên tính xấu là ham nữ sắc, ham tranh đấu, ham được hơn người. Nhưng người ta còn có chí khí, đó là biết phòng ngừa những tính xấu. Chí khí do tự mình nên chẳng lúc nào suy. Nếu người ta biết tu dưỡng đạo đức, tùy tuổi tác mà biết nuôi dưỡng chí khí thì sẽ không bị huyết khí sai khiến. Được như thế thì tuổi càng cao, đức lại càng lớn vậy.

8. Khổng Tử nói: "Người quân tử có ba điều sợ: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời nói của thánh nhân. Tiểu nhân không hiểu mệnh trời nên không biết sợ, khinh thường bậc đại nhân, giễu cợt lời nói của thánh nhân".

Lời bình:

Người quân tử vốn tu học theo đạo thánh hiền nên biết kính sợ những điều cần phải kính sợ.

Mệnh trời là vấn đề triết học rất phức tạp. Người ta cho rằng mệnh trời là những điều đã định sẵn cho từng người được hưởng hay phải chịu, suy rộng ra thì mệnh trời là quy luật vận động của tự nhiên và xã hội không cưỡng lại được. Mà đã là quy luật khách quan, vì thế mà phải sợ.

Bậc đại nhân ở đây không nhất định là quan to. Bậc đại nhân là chỉ bậc tiền bối như cha mẹ, thầy dạy..., bao gồm người có học vấn, có đạo đức, là người từng trải, lịch duyệt, có nhiều kinh nghiệm. Cho nên người quân tử biết lễ phép không thể không kính sợ bậc đại nhân.

Lời nói của thánh nhân là lời nói của bậc thánh hiền, là lời nói của nhân vật lịch sử vĩ đại. Những lời này chủ yếu là khuyên răn, chỉ bảo về cuộc đời, về đạo đức để làm cho con người tỉnh ngộ mà tiếp thụ được những tổng kết kinh nghiệm cuộc đời. Cho nên, người quân tử học để tu thân thì không thể không kính sợ lời nói của thánh nhân.

Trong cuộc đời, người ta nên biết những điều đáng sợ. *Người mà cái gì cũng không sợ thì suốt đời chẳng*

làm được việc gì. Chỉ có biết những điều đáng sợ thì mới có thể tuân thủ phép tắc nội quy, biết giữ gìn cẩn thận trong hành động. Được như vậy thì mới hoàn thành được những việc mà đời giao phó.

9. Khổng Tử nói: "Sinh ra đã biết đạo lý là người bậc trên. Học rồi mới biết đạo lý là người kém một bậc. Dốt mà chịu đi học đạo lý là người kém một bậc nữa. Dốt mà vẫn không chịu đi học đạo lý là loại người bậc dưới vậy".

Lời bình:

Khổng Tử cho rằng trí lực của con người không giống nhau mà phân ra bốn loại, để nói lên cần có biện pháp giáo dục những con người có trình độ khác nhau.

Theo lời Khổng Tử thì sinh ra mà biết, học rồi mới biết, dốt mà chịu học là ba loại dù khả năng khác nhau nhưng về sự hiểu biết lại giống nhau. Vì vậy, người ta nên lấy sự học để biết làm quý.

10. Khổng Tử nói: "Người quân tử có chín điều phải suy nghĩ: Khi xem phải suy nghĩ xem đã rõ ràng chưa? Khi nghe phải suy nghĩ nghe đã thông tỏ chưa? Sắc mặt khi đối đãi giao tiếp người phải suy nghĩ đã ôn hòa chưa? Thái độ đối xử với người phải suy nghĩ đã cung kính chưa? Nói chuyện với người phải suy nghĩ đã thật trung thành chưa? Làm việc phải suy nghĩ đã nghiêm túc chưa? Có nghi vấn đã suy nghĩ đến tìm người hỏi chưa? Khi giận dữ đến mức phẫn nộ đã suy nghĩ đến hậu họa, khó khăn về sau chưa? Khi thấy lợi, đã suy nghĩ lợi này hợp nghĩa hay chưa?".

Lời bình:

Khi xem mà suy nghĩ kỹ thì mọi việc sẽ sáng tỏ, thấy được toàn diện, kể cả những điều bị che khuất, như thế thì xem được rõ ràng.

Khi nghe mà suy nghĩ thì chẳng bỏ sót điều gì, thấy được phải trái, như thế thì nghe được thông tỏ.

Khi đối đãi giao tiếp biết thận trọng, cẩn thận thì mới được ôn hòa.

Khi đối xử với người, có lòng nhân đức thể hiện bằng hành vi cử chỉ đúng, như vậy thì mới thực sự cung kính.

Khi nói chuyện với người chân thành biết người ta, giữ lòng ngay thẳng, như thế thì mới là trung thành.

Làm việc biết xét đoán trước sau, trên dưới, mang hết lòng nhân đức thực hiện cho được, như thế thì sẽ là nghiêm túc.

Có nghi vấn mà biết đi hỏi để làm cho rõ, như thế thì những điều ngờ vực không còn chứa chất lại.

Khi giận dữ mà suy nghĩ đến hậu họa, như thế thì sự tức giận sẽ được ngăn ngừa.

Nghĩ đến việc nghĩa thì làm việc gì được lợi sẽ không cẩu thả.

Trên đây là lời nói, hành động, cử chỉ, phong cách, thái độ do Khổng Tử đề xướng để góp phần tu dưỡng đạo đức con người. Chín điều ấy giúp người ta tự xét mà sửa mình thật thành tâm, làm được thì đạt được tới đạo *trung dung*.

11. Khổng Tử nói: "Nhìn thấy người thiện thì như theo chẳng kịp. Nhìn thấy kẻ bất thiện thì như sợ rờ tay phải nước sôi. Ta đã nhìn thấy có người được như vậy và cũng nghe lời nói xưa như vậy. Ở ẩn là để giữ trọn được chí hướng của mình, làm việc nghĩa là để đạt được cái đạo của mình. Ta nghe được lời nói xưa như vậy, nhưng chưa nhìn thấy người nào được như vậy".

Lời bình:

Nhìn thấy người thiện như theo chẳng kịp, là muốn nói khi nhìn thấy người khác có đức thiện thì biết ham chuộng mà vội vàng muốn học tập ngay, chỉ sợ học tập không kịp hay sợ học tập không được mà thôi. Nhìn thấy kẻ bất thiện như sợ rờ tay phải nước sôi, là muốn nói nhìn thấy việc xấu, những kẻ bất thiện thì phải biết ghét bỏ mà tránh xa. Những lời nói như vậy, người làm được như vậy thì trong cuộc sống hiện thực có rất nhiều.

Người ở ẩn thì một đời không ra khỏi núi, một đời không muốn làm quan, chỉ một lòng giữ tu dưỡng đạo đức, nâng cao học vấn, làm việc của mình, đi theo con đường của mình. Khổng Tử đã được nghe như vậy nhưng con người cụ thể lại chưa nhìn thấy bao giờ.

Do đó, Khổng Tử cho rằng biết rõ thiện ác mà ham chuộng hoặc ghét bỏ cũng là lẽ thường. nhưng rất ít người có thể trốn tránh được cám dỗ của danh lợi.

12. Vua Tề Cảnh Công có nghìn cỗ xe bốn ngựa, nhưng khi chết, dân chẳng thấy có đức hạnh gì để có thể ca tụng. *Bá Di, Thúc Tề chết đói ở dưới chân núi Thủ*

Dương, để lại đạo đức cho đến nay dân vẫn còn ca tụng. Hai câu ấy trong Kinh Thi chẳng là để nói về phẩm hạnh của vua Tề Cảnh Công và của Bá Di, Thúc Tề đó sao?

Lời bình:

Khổng Tử nói vua Tề Cảnh Công cực kỳ giàu có, có nghìn cỗ xe bốn ngựa, thế mà khi chết không có ai tưởng nhớ. Đó là vì Tề Cảnh Công khi sống chẳng có công đức gì.

Còn Bá Di, Thúc Tề đến vua thiên tử cũng không muốn làm. Sau khi nhà Chu diệt nhà Thương, các ông không chịu ăn lương của nhà Chu mà chết đói ở dưới chân núi Thủ Dương, tiếng thơm lưu truyền muôn thuở, dân vẫn còn nhắc đến. Đấy là vì hai ông đã thực hiện được việc nghĩa để đạt cho được đạo.

Khổng Tử nói vậy ý dạy rằng, người ta khen ai không tại sự giàu sang, mà tại có đức hơn người thường.

13. Trần Cang hỏi Bá Ngư là con của Khổng Tử: "Nghe thầy dạy có thấy điều gì lạ không?".

Bá Ngư trả lời: "Chưa! Một hôm cha tôi đứng một mình, tôi lễ phép nhẹ nhàng đi qua sân. Cha tôi liền hỏi: "Đã học Kinh Thi chưa?". Tôi thưa rằng: "Con chưa học". Cha tôi nói: "Không học Kinh Thi thì không lấy gì để nói chuyện". Sau đó tôi lui về học Kinh Thi. Lại có một hôm khác, cha tôi cũng đứng một mình, tôi lễ phép nhẹ nhàng đi qua sân. Cha tôi lại hỏi: "Đã học Kinh Lễ chưa?". Tôi thưa rằng: "Con chưa học". Cha tôi nói:

"Không học Kinh Lễ thì không có cách gì để lập thân". Sau đó tôi học Kinh Lễ. Tôi chỉ nghe thêm hai việc này".

Trần Cang trở về nhà vui mừng nói: "Mình hỏi có một việc mà biết được ba việc. Đó là biết được phải học Kinh Thi, biết được phải học Kinh Lễ, lại biết được người quân tử đối với con mình cũng không thân cận hay dạy dỗ gì đặc biệt hơn".

Lời bình:

Bá Ngư tên là Lý, là con trai đầu của Khổng Tử.

Đoạn này kể câu chuyện Khổng Tử dạy học trò khác như thế nào thì dạy con mình như thế ấy, đều dạy Kinh Thi và lễ nhạc; đều công tâm, công phu, công bằng, công khai như nhau; đều là dạy cho lẽ chính để mà tu thân.

Khổng Tử thường dạy rằng, người làm cha mẹ ai cũng yêu thương con mình; nhưng khi con lớn mà nuông chiều quá sẽ khiến con khinh nhờn, phóng túng; mà nghiêm khắc quá sẽ khiến con xa lánh, khó việc giáo dục. Vì thế, Khổng Tử dạy con cũng như dạy học trò, không có vẻ thiên vị mà cũng không ép con mình học hơn người khác.

Tư duy về giáo dục của Khổng Tử thật đáng xem trọng.

14. Vua nước chư hầu thì gọi vợ mình là "phu nhân". Phu nhân tự xưng với vua là "tiểu đồng". Người trong nước gọi vợ của vua là "quân phu nhân". Đối với các nước khác, vợ vua xưng là "quả tiểu nhân". Người nước khác vẫn gọi vợ vua là "quân phu nhân".

Lời bình:

Chữ "phu" dùng ở đây có nghĩa như chữ "phù" tức là giúp. Vợ vua hay vợ các quan là những người giúp chồng về đạo đức và hành động, nên được gọi là phu nhân. Quân phu nhân là người giúp vua tức là vợ vua. Còn đối với chồng, các phu nhân nhún mình tự xưng là tiểu đồng. "Quả" là ít đức, khi xưng như vậy là tỏ ý khiêm tốn.

Đoạn này là nói về lễ xưng hô thời phong kiến cũ của Trung Quốc. Điều này cho ta thấy phong kiến cũ của Trung Quốc trong thực hiện lễ, kể cả tên gọi cũng rất được chú ý. Khổng Tử đề cao học thuyết chính danh nên dạy học trò sử dụng cho đúng.

Chương 17

DƯƠNG HÓA

1. Dương Hóa muốn gặp Khổng Tử nhưng Khổng Tử tránh mặt, Dương Hóa để lại biếu Khổng Tử một con lợn luộc. Khổng Tử nhân dịp Dương Hóa không có nhà, đến bái tạ Dương Hóa. Không ngờ hai người gặp nhau trên đường. Dương Hóa nói với Khổng Tử: "Lại đây, ta có chuyện muốn nói với ông".

Dương Hóa hỏi: "Có đạo đức nhưng mặc cho quốc gia mê muội, có thể gọi là người có nhân được không?".

Khổng Tử nói: "Không thể".

Dương Hóa lại hỏi: "Thích làm quan nhưng lại luôn *để lỡ thời cơ, có thể nói là người trí được không?*".

Khổng Tử nói: "Không thể".

Dương Hóa nói: "Ngày tháng trôi qua là không bao giờ trở lại, tuổi chẳng cho ta đợi chờ".

Khổng Tử nói: "Được rồi! Tôi sẽ ra làm quan vậy".

Lời bình:

Dương Hóa vốn là gia thần của họ Quý, làm quan đại thần của nước Lỗ, rất muốn đưa Khổng Tử ra làm quan. Khổng Tử không phải không muốn ra làm quan để giúp đời, chẳng qua là không muốn giúp Dương Hóa làm loạn, nên không muốn gặp Dương Hóa, đó là nghĩa. Khi Dương Hóa dùng lễ quan đại phu biếu Khổng Tử một con lợn luộc, Khổng Tử buộc phải đến cảm ơn, đó là lễ. Không ngờ hai người gặp nhau ở giữa đường, Khổng Tử không tránh mặt, đó là không muốn dứt tình. Làm như vậy, Khổng Tử đã giữ mình và đạo luôn là một.

Dương Hóa nêu ra hai vấn đề. Khổng Tử cũng trả lời theo lẽ thẳng, không tranh luận, không bài bác ý kiến của Dương Hóa, cứ như không phải ý kiến của riêng mình.

Từ trong câu chuyện này, ta thấy rằng Khổng Tử không muốn ra làm quan ở trong tình thế nước Lỗ lúc ấy. Khổng Tử có đạo nhân nhưng khi đạo nhân không thể thực hiện được thì Khổng Tử thà giữ mình trong sạch, không chạy theo trào lưu vẩn đục tìm danh lợi.

2. Khổng Tử nói: "Khi mới sinh ra, tính tình của mọi người lành gần giống nhau. Về sau vì tập quán và thói *quen khác nhau mà tính tình mới xa nhau*".

Lời bình:

Câu này Khổng Tử nói về vấn đề bản tính con người. Đây là vấn đề được nhiều triết gia và sử gia bàn luận.

Tuân Tử chủ trương bản tính con người là ác, phải có sự giáo dục về sau mới khiến cho con người cải ác thành thiện.

Hàn Phi Tử là người cực đoan, chủ trương bản tính con người là ác, quá ác. Người làm xe bán, đều mong cho ai cũng giàu có vì chỉ có giàu mới có tiền mua nổi xe. Người bán quan tài cũng mong người khác chết vì có người chết mới bán được quan tài.

Lão Tử chủ trương bản tính con người có thiện có ác, vì cho rằng có thiện là phải có ác; thiện ác đối lập nhau, cùng tồn tại tương quan với nhau.

Khổng Tử cho rằng bản tính con người là không xa nhau lắm. Về sau, vì ảnh hưởng của thói quen nghề nghiệp và giáo dục khác nhau cho nên tính tình người ta mới khác nhau. Lời này không phải là không có lý.

3. Khổng Tử nói: "Chỉ có bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thể thay đổi được".

Lời bình:

Bậc thượng trí là bậc thánh nhân thông minh, cao đạo, có nhân cách. Đã là người như vậy thì lòng hướng về đạo nhân, dẫu chung chạ với kẻ ác cũng chẳng sa ngã theo họ. Loại người này đúng như ý của Khổng Tử là luôn giữ vững chính đạo nên không thay đổi, mà chỉ có sâu sắc thêm.

Bậc hạ ngu không phải là ngu tối, mà về tài sức có khi lại hơn người khác. Có điều là, hạng người này hoặc là kẻ chống lại điều thiện vì không tin vào lẽ phải, hoặc là kẻ bỏ hẳn lẽ phải không chịu làm việc thiện. Khổng Tử cho là loại này mê muội làm điều ác, không biết theo lẽ phải để thay đổi thói hư tật xấu của mình, dẫu gần người hiền đức cũng chẳng chịu cải hóa. Loại người như thế là khó giáo dục.

Ngoài hai loại trên, người trong xã hội còn lại là loại người bình thường. Loại người này thì khí chất không ổn định: gần người hiền thì cảm hóa mà làm lành, gần kẻ dữ thì nhiễm theo mà làm ác.

Trong xã hội, bậc thượng trí và bậc hạ ngu cũng ít. Nếu theo như ý trên của Khổng Tử là lúc sinh ra tính người đều thiện mà quan tâm giáo dục sớm, hướng người ta bỏ điều xấu, theo điều tốt thì những bậc hạ ngu sẽ không còn, tạo nên một xã hội lành mạnh.

Còn với người bình thường theo học đạo thì nên chọn bạn mà chơi, chọn nơi mà ăn ở. Người xưa có câu: "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng" hay "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", cũng đều có ý khuyên răn như vậy.

4. Khổng Tử đến ấp Vũ Thành, nghe được tiếng đàn tiếng hát.

Khổng Tử mỉm cười nói: "Giết gà sao phải dùng đến dao mổ trâu?".

Tử Du thưa rằng: "Trước đây con đã nghe thầy dạy rằng, người quân tử học đạo sẽ biết yêu người, cho tiểu nhân học đạo sẽ dễ sai khiến".

Khổng Tử liền nói: "Các ngươi! Lời trò Yển (chỉ Tử Du) nói phải. Lời ta nói vừa rồi chỉ là đùa đó thôi".

Lời bình:

Ấp Vũ Thành là nơi mà học trò của Khổng Tử là Tử Du làm trưởng quan ở đó.

Khi Khổng Tử đến Vũ Thành, nghe được ở đó có tiếng đàn tiếng hát, mới biết Tử Du dùng lễ nhạc để giáo hóa dân. Để kiểm tra học trò của mình, Khổng Tử nói: "Giết gà sao phải dùng đến dao mổ trâu?", ý muốn nói giáo hóa dân không cần phải dùng đến biện pháp cao cấp là lễ tiết và âm nhạc như vậy.

Tử Du trả lời bằng cách nhắc lại lời Khổng Tử đã từng dạy là người quân tử và kẻ tiểu nhân đều không thể không học lễ nhạc. Suy rộng ra thì cai trị một nước lớn hay một ấp nhỏ cũng đều phải dùng lễ nhạc, vì đạo chỉ là một, cho nên ấp Vũ Thành dù nhỏ cũng phải dạy lễ nhạc.

Khổng Tử rất mừng vì Tử Du đã thực hiện đúng lời dạy của mình, nên nói lời kiểm tra đó chỉ là đùa đấy thôi. Câu chuyện thể hiện truyền thống tốt đẹp của thầy trò Nho gia.

5. Công Sơn Phất Nhiễu chiếm giữ ấp Phí gây chính biến, mời Khổng Tử đến giúp, Khổng Tử chuẩn bị đi.

Tử Lộ không vui nói: "Không có chỗ nào đi thì thôi, sao lại phải đến chỗ Công Sơn Phất Nhiễu?".

Khổng Tử trả lời: "Người gọi ta, đâu để ta ngồi không. Nếu dùng ta, thì ta sẽ làm cho đạo của nhà Chu ở phương Đông phục hưng trở lại".

Lời bình:

Công Sơn Phất Nhiễu làm chính biến ở ấp Phí, định mời Khổng Tử đến giúp. Lúc đầu là Khổng Tử chuẩn bị đi, vì nghĩ nếu họ chịu nghe lời thì có thể phục hồi chế độ xã hội như thời nhà Chu, sẽ lập lại trật tự lễ nhạc. Qua đó có thể thấy Khổng Tử rất sốt sắng, hăng hái muốn đưa đạo nhân ra áp dụng để giúp nước, cứu đời.

Thực tế về sau Khổng Tử không đi do xét thấy không thể cải hóa được lỗi lầm của Công Sơn Phất Nhiễu. Người như Khổng Tử còn biết phục thiện, chúng ta cũng nên như vậy.

6. Tử Trương hỏi về đạo nhân.

Khổng Tử trả lời: "Làm được năm điều mới gọi là người có nhân".

Tử Trương xin Khổng Tử giải thích rõ hơn.

Khổng Tử nói: "Năm điều đó là cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung kính thì sẽ không bị khinh nhờn. Khoan dung thì sẽ được lòng người. Tín thực thì được mọi người tín nhiệm. Mẫn cán thì có công. Ban phát ân huệ thì dễ sử dụng được người".

Lời bình:

Cung: Nghĩa là tự mình có yêu cầu đối với mình, từ ý thức tư tưởng trong nội tâm đến hành vi biểu hiện ra ngoài đều thật sự nghiêm túc, biết tự mình ràng buộc *mình, tự mình quản lý lấy mình. Làm một người lãnh*

đạo biết ràng buộc mình, quản lý mình là điều rất quan trọng, điều mấu chốt để thành công trong sự nghiệp.

Khoan: Nghĩa là khoan dung độ lượng, có thể bao dung cấp dưới, bao dung nhược điểm và sai lầm nhỏ của cấp dưới, có tấm lòng rộng mở đối xử với mọi người.

Tín: Nghĩa là có lòng tự tin, bền lòng kiên định lý tưởng; có lòng tin ở cấp dưới, tin quần chúng, luôn giữ chữ tín, thành thật không lừa dối ai; đã nghi ai là không dùng, đã dùng là không nghi.

Mẫn Nghĩa là mẫn cán, mẫn tiệp, siêng năng cần mẫn, thông minh; gặp việc có phản ứng nhanh, làm việc có hiệu quả cao.

Huệ: Nghĩa là biết đưa lại lợi ích cho cấp dưới, cho nhân dân; có cảm tình thật sự với nhân dân, với cấp dưới; ăn ở với nhau thật sự hòa thuận thân ái, cùng mưu đại nghiệp.

Khổng Tử cho rằng nếu tu dưỡng được năm đức tốt ấy trong đó lấy cung kính làm gốc thì bản thân chẳng những đã giữ được tấm lòng tốt hợp với nghĩa, mà đối với mọi hoạt động sẽ có hiệu quả rất tốt.

7. Phật Hật mời Khổng Tử. Khổng Tử chuẩn bị đi.

Tử Lộ nói: "Ngày trước, con đã từng nghe thầy giảng rằng người quân tử không bao giờ đến chỗ kẻ tự mình làm việc xấu. Phật Hật nay đã làm loạn chiếm cứ Trung Mâu. Thầy lại muốn đi, sao lại như vậy?".

Khổng Tử nói: "Đúng, ta có giảng như vậy. Nhưng một vật cứng hết mức thì dù mài cũng không mòn được;

một vật trắng hết mức thì cũng chẳng nhuộm đen được. Không lẽ ta lại như cái bầu bằng quả dưa, chỉ treo mãi ở đó mà không để cho người ta ăn được sao?".

Lời bình:

Phật Hật là một người nổi tiếng, nhưng là kẻ phiến loạn, muốn mời Khổng Tử đến giúp. Khổng Tử định đi nhưng bị Tử Lộ ngăn cản. Tử Lộ nói rằng trước đây Khổng Tử đã từng dạy, người được giáo dục tử tế không thể giao du đi lại với kẻ xấu, vậy không nên đi vì sợ Phật Hật làm xấu thanh danh của Khổng Tử.

Theo lẽ thường, vật mà mài không mòn, nhuộm không đen thì sau không có cái gì làm cho đổi dời được. Cũng như thế, bậc thánh nhân trong sạch kiên trì chính đạo, ở cùng với người để giúp người làm việc thiện thì chẳng theo người mà làm việc xấu được.

Ngược lại, vật không vững bền và trong trắng mà đem mài thử và nhuộm thử thì ít khi không mòn và không đen được. Cũng như thế, trong thiên hạ không có người nào không thể cảm hóa, cũng không có việc gì mà không thể làm được.

Khổng Tử cho rằng người có hoài bão, nhân đức thì không thể giống như cái bầu bằng quả dưa, chỉ biết treo trên giá mà không để cho người ta ăn. Khổng Tử mong muốn đến một nơi nào đó, lợi dụng quyền thế của người cầm quyền, để thay đổi bộ mặt của nơi đó.

Nhưng cuối cùng, Khổng Tử vẫn không đi, vì biết *rằng Phật Hật không thể cải hóa được, và việc thi hành*

đạo lý cũng không thể làm được. Khổng Tử có lòng nhân muốn cứu đời nhưng có đức trí biết được người là vậy.

8. Khổng Tử nói: "Trọng Do! Ngươi được nghe nói về sáu đức tốt và sáu tệ xấu che lấp chưa?".

Tử Lộ (Trọng Do) thưa rằng: "Dạ, chưa nghe ạ!".

Khổng Tử nói: "Ngươi ngồi xuống! Ta sẽ giảng cho! Ham đức nhân mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là ngu muội. Ham đức trí mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là phóng đãng. Ham đức tín mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là tổn hại. Ham đức trực mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là nóng nảy. Ham đức dũng mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là phản loạn. Ham đức cương mà không ham học hỏi, gặp tệ xấu che lấp là cuồng bạo".

Lời bình:

Lời dạy trên của Khổng Tử là lời dạy sâu sắc và nổi tiếng. Khổng Tử nói về sáu nguyên tắc nhằm thi hành sáu đức tốt mà tránh sáu tệ xấu che lấp.

Ham đức nhân mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là ngu muội: Một người ham đức nhân là tốt, nhưng nếu không ham học thì không có hiểu biết, không có tri thức; chỉ có bụng dạ tốt mà không hiểu thấu đạo lý, như vậy là ngu muội. Người như vậy chỉ có thể là người tốt, chứ không phải là người có đức nhân chân chính. Một người có đức nhân chân chính chẳng những biết yêu người, mà còn biết ghét người, biết chỉ ra khuyết điểm của người khác. Việc chỉ ra khuyết điểm

sai lầm của người khác, nghe qua là bất nhân nhưng thực tế là rất có nhân. Đó là yêu và thực sự giúp đỡ người. Nếu không hiểu rõ điều này, không chịu học tập thì chỉ có thể trở thành kẻ ngu muội mà thôi.

Ham đức trí mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là phóng đãng: Nếu một người biết nhiều, tri thức uyên thâm, nhưng không chịu học tập đạo làm người, thì dễ sinh ra bừa bãi phóng túng, không có chuẩn mực. Kẻ phóng đãng thường cho mình là hơn người, giỏi hơn người khác, tài hoa hơn người khác, dễ coi thường người, hay cậy thế nói bừa, như vậy đã bị tật xấu che lấp mất đức trí rồi.

Ham đức tín mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là tổn hại: Ham đức tín ở đây là quá tự tin. Một người quá tự tin, dễ dẫn đến thích dùng thủ đoạn, dùng âm mưu quỷ kế. Nếu quá tự tin, mà thiếu tu dưỡng dễ biến thành quỷ quái ranh ma, ranh mãnh, cuối cùng tự mình làm hại mình.

Ham đức trực mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là nóng nảy: Trực quá thì cũng giống như sợi dây lạt, vặn chặt quá sẽ đứt. Làm việc không nghĩ đến phương pháp mềm dẻo mà cứ cứng nhắc thì dễ vô tình, lạnh nhạt, khắc bạc, dễ hỏng việc mà hại đến mình.

Ham đức dũng mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là phản loạn: Một người có dũng cảm mà không có mưu kế, hễ động đến là đánh nhau, đánh rồi mới nói chuyện sau, không nghĩ đến hậu quả. Dũng cảm mà không có sự tu dưỡng, dễ xảy ra làm loạn, gây tai họa.

Ham đức cương mà không ham học hỏi thì gặp tệ xấu che lấp là cuồng bạo: Một người chỉ biết cương không biết nhu, cương trực mà không có mưu kế, như vậy dễ xảy ra cuồng loạn, coi thường người. Cương kiểu này dễ gãy.

Nhân, trí, tín, trực, dũng, cương là sáu đức tốt của con người. Nhưng muốn phát huy sáu đức tốt này cần được đặt trên nền móng của sự hiểu biết về tri thức đạo nhân. Nếu xa rời đạo nhân thì sáu đức tốt này sẽ gặp sáu tệ xấu che lấp.

Vì vậy, Khổng Tử dạy rằng ham chuộng đức tốt, lại ham học hỏi để sáng tỏ đạo lý thì sẽ không bị tệ xấu che lấp, mà sẽ càng hướng tới đạo nhân.

9. Khổng Tử nói: "Tại sao các trò không học Kinh Thi? Học Kinh Thi có thể làm phong phú trí tưởng tượng, nâng cao khả năng quan sát, bồi dưỡng tính hòa hợp với mọi người, hiểu biết đúng mực về oán hận. Người học Kinh Thi gần thì có thể biết đạo thờ cha mẹ; xa thì có thể biết đạo thờ vua; lại có thể nhận biết được nhiều tên chim muông, dã thú, cỏ cây nữa".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nói về ích lợi của việc học Kinh Thi. Đây là tập sách đúc kết được tinh hoa của văn hóa cổ đại Trung Quốc. Khổng Tử cho rằng Kinh Thi đề cập đến đạo làm người và nêu ra hai việc quan trọng là thờ cha mẹ và thờ vua, ngoài ra còn đề cập nhiều điều cần thiết khác. Vì vậy, đây là tập sách nên học và nghiên cứu.

10. Khổng Tử nói với con là Bá Ngư: "Con đã học Chu Nam và Triệu Nam chưa? Người nào không đọc Chu Nam và Triệu Nam thì như đứng úp mặt vào tường vậy".

Lời bình:

Chu Nam và Triệu Nam là tên hai bài thơ trong Kinh Thi. Đây là hai bài thơ được sưu tầm ở địa phương Chu Nam và Triệu Nam nói về việc tu thân, tề gia. Khổng Tử dạy Bá Ngư, nếu chưa đọc hai bài này thì việc gần gũi như tu thân, tề gia chưa nắm được, như vậy không thể nắm được những đạo lý sâu xa khác. Điều đó ví như người úp mặt vào tường, chẳng những không biết cái gì ở phía trước mặt, mà thậm chí còn không tiến lên được nữa.

11. Khổng Tử nói: "Lễ có nội dung sâu sắc của nó, chứ không phải những lễ vật lụa là, vàng bạc châu báu như người ta thường nói. Nhạc có nội dung cụ thể của nó, chứ không phải chỉ những nhạc khí chuông trống như người ta thường nói".

Lời bình:

Khổng Tử nói về lễ không phải là lễ vật người ta thường đi biếu xén nhau; nhạc không phải là những dụng cụ trống chiêng đàn sáo. Đây là sai lầm của người đời hay mắc là lấy ngọn làm gốc, lấy phần phụ mà bỏ qua phần chính. Ví như trong việc lễ mà quên phần kính, trong việc nhạc mà bỏ phần hòa, đó là chuộng vật chất mà bỏ tinh thần.

Lễ là lễ nghi, chỉ thứ tự; khi mọi vật được sắp đặt có trật tự thì gọi là lễ. Nhạc là sự phối hợp âm thanh, chỉ sự hòa hợp; khi mọi vật được sắp xếp hòa hợp thì gọi là nhạc. Lễ nhạc là khái niệm chứa đựng nhiều nghĩa lý. Ví như sắp xếp một bộ bàn ghế, chỉ để một cái không ngay ngắn tức là không có thứ tự, dẫn đến ngang trái, mà ngang trái thì không hòa hợp để tạo ra một bộ bàn ghế nghiêm chỉnh được.

Theo Khổng Tử thì không có vật gì, không có nơi nào mà không cần đến lễ nhạc cả, nên có ý nhắc nhở là người ta luôn phải nhớ rõ điều ấy.

12. Khổng Tử nói: "Loại người bề ngoài tỏ ra rất uy nghiêm nhưng trong lòng rất yếu đuối thì ví như kẻ tiểu nhân thôi, họ đại khái giống như thằng kẻ trộm khoét vách trèo tường vậy".

Lời bình:

Có rất nhiều người bề ngoài tỏ ra rất có uy phong, rất ghê gớm, nhưng thực tế rất nhỏ nhen trống rỗng nên lúc nào cũng sợ người ta biết rõ thực chất của mình. Khổng Tử cho rằng loại người này hay làm bộ uy nghiêm nhưng lòng dạ thấp kém giống như kẻ ăn trộm, khi bị bắt thì mồm nói rất cứng nhưng trong bụng rất sợ hãi. Người không có tu dưỡng từ nội tâm, thường có biểu hiện như vậy, lúc nào cũng sợ người ta biết mình.

13. Khổng Tử nói: "Người giả dạng thật thà chất phác để được tiếng khen là kẻ làm hại đạo đức vậy".

Lời bình:

Loại người này vẻ bề ngoài rất có đạo đức, họ hòa đồng với những thói tục hèn hạ, ăn ở có vẻ như trung hậu thật thà, làm việc dường như thanh liêm trong sạch, lúc nào cũng làm đẹp lòng người nên được người xung quanh khen là tốt lành. Loại người này không phân rõ trắng đen, không phân rõ phải trái, làm việc không có nguyên tắc, gặp việc không tỏ rõ thái độ vì chỉ khéo nịnh bợ để được tiếng khen. Khổng Tử cho rằng một người biết phân biệt phải trái mới là người có đạo đức chân chính. Còn loại người chỉ biết mơn trớn vuốt ve là người giống như người có đạo đức mà không phải người đạo đức, trái lại rất có hại cho đạo đức.

14. Khổng Tử nói: "Nghe chuyện ở ngoài đường rồi nói chuyện ở ngoài đường, ấy là bỏ mất cái đức của mình đi vậy".

Lời bình:

Chuyện ngoài đường, kể cả những chuyện rỉ tai ở trong nhà thường là những lời lẽ xuyên tạc phao tin, không có bằng cứ xác đáng. Những lời lẽ đó Khổng Tử cho là chớ nghe, chớ tin. Mà đã không nghe, không tin thì chớ có bàn cãi, nói thêm ở ngoài đường, khiến người ngoài nghe được mà cười chê mình, thậm chí còn làm hại mình. Nghe ngoài đường, bàn cãi ngoài đường sẽ vứt bỏ cái đức của mình là vậy.

15. Khổng Tử nói: "Người bỉ tiện lại có thể cùng ta thờ vua được ư? Khi chưa được chức vị thì cố lo cho

được. Khi được rồi thì lại sợ mất chức vị. Vì sợ mất chức vị thì chẳng có việc gì xấu mà người ấy không làm".

Lời bình:

Người bỉ tiện là loại người tầm thường, hiểm ác, hẹp hòi, hèn kém. Loại người này đến đạo đức tối thiểu cũng không có. Khi chưa nắm được quyền lực trong tay thì lo lắng luồn cúi để nắm cho được, tìm mọi cách để trèo lên ghế quan chức. Một khi trèo lên được rồi, không lo gì quốc kế dân sinh mà chỉ lo mất chức. Đó là kẻ chỉ để chí vào sự giàu sang. Mà người đã để chí về giàu sang thì không có tư tưởng tận trung với nước hay mưu lợi ích cho dân, không có mục tiêu phấn đấu lâu dài, không có nhân cách, thậm chí việc xấu xa đến mấy vẫn có thể làm.

Vì vậy, Khổng Tử cho rằng không thể cùng thờ vua với kẻ chỉ để chí vào sự giàu sang như vậy.

16. Khổng Tử nói: "Người đời xưa có ba tật xấu, có lẽ người đời nay không còn như thế nữa. Người cuồng vọng đời xưa còn hạn chế ở mức thấp; còn người cuồng vọng đời nay không có hạn độ nào. Người kiêu căng đời xưa còn liêm chính, còn người kiêu căng đời nay lại đến mức vô lễ, liều lĩnh. Người ngu dốt đời xưa vẫn còn có mặt ngay thẳng, người ngu dốt đời nay lại đến mức lừa đảo gian trá".

Lời bình:

Đây là lời than vãn của Khổng Tử về sự suy đồi của nhân tình thế thái, đến như những tật xấu cũng đổi khác, trở nên quá mức so với đời xưa.

Người có tính ngông cuồng đời xưa chỉ ngông cuồng có mức độ. Còn người ngông cuồng đời nay không có giới hạn, không bị ràng buộc, phóng túng vô lễ, tác oai tác quái, muốn làm gì thì làm.

Người kiêu căng đời xưa cũng tương đối tự cao tự đại, tự mãn tự túc, nhưng vẫn coi trọng nhân cách của mình, vẫn đòi hỏi nghiêm khắc với bản thân mình. Còn người kiêu căng đời nay thì quá mức, lúc nào cũng tỏ ra phẫn nộ hung hăng, tranh giành hơn thiệt.

Người ngu dốt đời xưa còn thật thà, thẳng thắn. Người ngu dốt đời nay, đến mức không còn thẳng thắn thật thà nữa, đều là cố ý gian trá lừa đảo để che giấu cái xấu xa của mình.

17. Khổng Tử nói: "Ghét nhất là sắc tía cướp mất sắc đỏ. Ghét dùng nhạc nước Trịnh làm rối loạn nhã nhạc chính thống. Ghét người bẻm mép khéo nói dẫn đến bại nước bại nhà".

Lời bình:

Ghét sắc tía cướp mất sắc đỏ: Sắc đỏ là màu đỏ chính thống tượng trưng cho người chân chính. Sắc tía là màu đỏ bị pha tạp quá mức, đỏ đến phát tím phát tía tượng trưng cho kẻ bất chính. Khổng Tử ghét nhất là màu tím át mất màu đỏ chính thống. Nghĩa là trong cuộc đấu tranh giữa người chân chính và kẻ bất chính, Khổng Tử ghét kẻ bất chính lấn át được người chân chính để làm loạn.

Ghét dùng nhạc Trịnh làm rối loạn nhã nhạc chính thống: Nhạc nước Trịnh vào thời bấy giờ thuộc loại âm nhạc hạ lưu, dâm loạn. Khổng Tử rất phản đối dùng âm nhạc nước Trịnh làm ảnh hưởng đến nhạc nhã là nhạc chính thống của cung đình. Âm nhạc là vấn đề quan trọng trong trị quốc trị dân. Từ ca khúc âm nhạc của một nước có thể nhìn thấy phong thái xã hội của nước ấy xấu hay tốt.

Ghét người bẻm mép khéo nói: Người bẻm mép khéo nói có thể lấy trái làm phải, đổi trắng thay đen, tôn vinh kẻ bất lương, hạ nhục người hiền lương. Hạng người này thường dùng lời ngon ngọt, thẽ thọt làm cho vua đẹp lòng mà tin theo, dẫn tới mức nước nhà mọt ruỗng mà nghiêng ngả. Khổng Tử cho rằng loại người này cũng rất đáng ghét.

18. Khổng Tử nói: "Ta muốn chẳng nói gì nữa".

Tử Cống thưa: "Nếu thầy không nói, thì học trò chúng con còn dám truyền bá cái gì nữa".

Khổng Tử nói: "Trời có nói gì đâu, thế mà bốn mùa vẫn vận hành như vậy, vạn vật vẫn sinh trưởng như thế. Trời có nói gì đâu?".

Lời bình:

Trời chẳng nói gì, thế mà bốn mùa vận hành, vạn vật sinh trưởng cứ đúng theo lẽ trời, không đợi trời nói mà vẫn thấy rõ được. Điều đó Khổng Tử muốn khẳng định mọi sự vật đều hình thành và phát triển theo quy luật khách quan, chỉ cần chịu khó quan sát mà thấy được.

Đạo của Khổng Tử sáng tỏ như mặt trời mặt trăng, trong chứa đựng mọi nguyên lý hợp với lẽ trời, không đợi nói cũng đã rõ ràng. Đạo của thánh nhân chẳng cần phải nói mà vẫn lưu hành, khiến người ít lành trở nên lành, kẻ đã lành trở nên lành đúng mức. Lại nữa, thánh nhân giảng đạo cho người nhưng cũng lấy sự tu dưỡng của bản thân làm gương cho người, gương ấy có nói đâu mà mọi người vẫn cứ noi theo. Vì vậy Khổng Tử mới nói: "Ta muốn chẳng nói gì nữa". Song có người được Khổng Tử truyền dạy lẽ trời rõ như vậy mà vẫn không hiểu tại sao lại nói như thế, nên Khổng Tử mới phải lý giải cho rõ như vậy.

19. Nhũ Bi muốn yết kiến Khổng Tử. Khổng Tử từ chối không gặp, nói có bệnh. Người truyền đạt lời nói ra khỏi phòng, Khổng Tử liền cầm đàn gảy lên, cố ý để cho Nhũ Bi nghe thấy.

Lời bình:

Nhũ Bi là người nước Lỗ, từng theo học Khổng Tử, sau chắc trở thành người không tốt đẹp gì, cho nên Khổng Tử không muốn gặp, lấy cớ bị bệnh. Song Khổng Tử lại gảy đàn cố ý để Nhũ Bi biết mình không hề ốm. Đây xem như một bài học không lời rất sâu sắc nhằm răn dạy để cho Nhũ Bi tỉnh ngộ. Sau này Mạnh Tử cũng từng nói: "Không thèm giáo hóa là cách dạy rất sâu xa vậy".

20. Tể Ngã hỏi: "Sau khi cha mẹ chết, con cái phải để tang ba năm, tưởng đủ một năm cũng đã là quá dài.

Người quân tử ba năm không ôn tập về lễ, việc lễ sẽ quên hết; ba năm không giảng tập về nhạc, việc nhạc cũng quên hết. Để một năm lúa cũ ăn hết, lúa mới lại đã chín, những thứ cây để dùi mà lấy lửa cũng đã dùng hết. Vậy để tang đủ một năm cũng được rồi".

Khổng Tử nói: "Trong ba năm để tang cha mẹ, nếu ăn gạo thơm, mặc áo gấm thì ngươi có yên lòng được không?".

Tể Ngã thưa: "Yên lòng".

Khổng Tử nói: "Ngươi yên lòng thì cứ làm như thế! Ôi, người quân tử trong kỳ để tang, ăn đồ ngon mà không biết vị, nghe nhạc hay mà không biết vui, ở nhà cũng cảm thấy không yên, cho nên không để tang trong một năm là như vậy. Còn bây giờ ngươi yên tâm thì cứ đi mà làm!".

Tể Ngã ra về. Khổng Tử nói: "Tể Ngã là kẻ bất nhân. Người ta sinh ra ba năm mới có thể rời khỏi bàn tay ẵm bồng của cha mẹ. Cha mẹ chết để tang ba năm, mọi người đều làm như vậy. Chẳng lẽ Tể Ngã không được cha mẹ yêu quý đùm bọc trong ba năm ư?".

Lời bình:

Tể Ngã nghĩ rằng nếu đủ một năm thì trời đất chuyển vận khắp một vòng, vạn vật đều đã biến đổi, việc để tang cha mẹ đến đó nên thôi vì ba năm thì lâu quá.

Người ta đều là do cha mẹ sinh thành, lúc nhỏ được cha mẹ bế ẵm, chăm bẵm ba năm rồi dưỡng dục mà lớn

lên thành người. Công cha nghĩa mẹ có bao giờ người làm con báo hiếu cho đủ. Thế nên, theo cổ lễ, khi cha mẹ mất đi, người con không được ăn cơm gạo thơm, không được mặc áo gấm, không được vui chơi đàn hát trong ba năm. Khổng Tử đặt ra phép trung dung, cho là ba năm không đủ báo đền ơn cha mẹ nhưng bù đắp được công cha mẹ ẵm bồng, thế mà Tể Ngã không nghĩ đến. Khổng Tử cho thế là bạc bẽo với cha mẹ, nên trách Tể Ngã thật sâu sắc.

Qua câu chuyện trên, người ta ai cũng có phận làm con, nên xét lại mình mà biết giữ lòng hiếu thảo đối với cha mẹ.

21. Khổng Tử nói: "Người nào cả ngày chỉ biết ăn no rồi ở không, chẳng để tâm làm việc gì cả, thì thật khó mà làm nên! Không có việc đánh cờ hay sao? Thà giải trí trong việc ấy còn hơn là ngồi không!".

Lời bình:

Đây không phải Khổng Tử khuyên người ta đánh cờ, mà chỉ là lời than vãn về sự lười biếng của con người. Một người chỉ biết ăn no rồi tán gẫu, không biết suy nghĩ tìm tòi việc mà làm, thì cả đời sẽ trở thành kẻ vô tích sự. Nếu không có việc gì làm, thà tìm người đánh cờ còn hay hơn vì chơi cờ cũng làm cho người ta động não mà khôn ra, tức là cũng có ích.

Khổng Tử muốn nhắc nhở mọi người nên có mục tiêu theo đuổi, có chí phấn đấu, tìm việc để làm; đừng nên rong chơi, lãng phí thì giờ.

22. Tử Lộ hỏi: "Người quân tử có chuộng dũng không?".

Khổng Tử nói: "Người quân tử xem nghĩa là trên hết. Người quân tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn. Kẻ tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì sẽ trở thành kẻ cướp".

Lời bình:

Tử Lộ hỏi câu này có ý cho rằng Khổng Tử chỉ lo về văn mà không lo về võ. Khổng Tử nói cần phải có cả văn lẫn võ, nhưng đầu tiên phải có nghĩa. Nghĩa chính là lẽ phải, là đạo chính, là việc nên làm. Còn dũng là can đảm, mạnh bạo, quả quyết. Nghĩa được đặt lên trên vì việc làm trái nghĩa của người có dũng thì tai hại và nguy hiểm hơn việc làm trái nghĩa của người không có dũng. Người có dũng coi việc nghĩa là trên hết thì dũng càng mạnh và việc nghĩa càng có kết quả tốt.

Khổng Tử nói vậy không chỉ sửa chữa sai lầm nhận thức của Tử Lộ mà còn nêu ra một khuôn phép chung cho mọi người cùng theo.

23. Tử Cống hỏi: "Người quân tử có ghét ai không?".

Khổng Tử nói: "Có ghét. Ghét người đi nói chuyện xấu của người khác; ghét người ở cấp dưới gièm pha người ở cấp trên; ghét người dũng mà không biết giữ lễ; ghét người quả quyết mà không thông sự lý".

Khổng Tử hỏi lại: "*Thế ngươi có ghét ai không?*".

Tử Lộ thưa rằng: "Con ghét người hay rình mò người khác mà lại tự cho mình là người trí; ghét người không khiêm tốn mà tự nhận mình là người dũng; ghét người bới móc điều riêng tư của người khác mà lại cho mình là người ngay thẳng".

Lời bình:

Tử Cống ghét ba loại người, song lại ngờ bậc quân tử có nhân yêu kính tất cả mọi người thì không ghét ai nên mới hỏi để biết rõ phải trái. Khổng Tử ghét bốn loại người, suy cho cùng cũng bao trùm cả những loại người mà Tử Cống ghét.

Khổng Tử cho rằng nói điều xấu của người khác thì không nhân hậu, người dưới gièm pha người trên thì không trung kính, người dũng mà không giữ lễ thì làm loạn, người quả quyết mà không thông sự lý thì cố chấp làm càn. Người như vậy đều đáng ghét cả.

Theo Khổng Tử và đồ đệ của Khổng Tử, tôn chỉ cao nhất là làm người nhân nghĩa, yêu tất cả mọi người nhân nghĩa, nhưng cũng biết ghét những người bất nhân, bất nghĩa.

24. Khổng Tử nói: "Chỉ có hạng tỳ thiếp và hạng tôi tớ là khó đối xử. Nếu thân mật, gần gũi thì bọn họ dễ khinh nhờn. Còn nếu xa cách nghiêm nghị thì bọn họ oán giận".

Lời bình:

Đây là Khổng Tử dạy người ta cách cư xử với người dưới: sâu sắc quá không được mà nông cạn quá cũng không được, gần quá cũng không được mà xa quá cũng không được. Muốn đối xử đúng đắn, phải giữ được khoảng cách tâm lý thích đáng, đó là yêu nhưng không chiều, thân cận gần gũi mà không nhu nhược, xa mà không dứt tình. Người ta đối với người dưới biết cư xử nghiêm trang, nuôi dạy bằng cách hiền từ thì chẳng lo gì những điều đã nêu ở trên.

25. Khổng Tử nói: "Sống đến bốn mươi tuổi rồi mà còn làm điều ác khiến cho người ta ghét, người như vậy trọn đời không tiến lên được nữa".

Lời bình:

Người đến bốn mươi tuổi, kiến thức đã có nhiều, kinh nghiệm đã phong phú, có thể làm được nhiều việc cho đời. Nhưng đối với người đã bốn mươi tuổi mà chưa được người ta thích, người ta mến, như vậy đã thâm căn cố đế rồi, khó mà thay đổi được nữa, nên tiền đồ không có hy vọng.

Khổng Tử nói vậy để khuyến khích động viên người ta từ lúc còn ít tuổi đã nên chăm chú sửa chữa lầm lỗi mà hướng thiện, chịu khó tích đức thì sau khỏi hối hận.

Chương 18

VI TỬ

1. Vi Tử đã từ quan bỏ đi, Cơ Tử bị giáng chức xuống làm nô lệ, Tỷ Cán bị xử tội chết.

Khổng Tử nói: "Triều Ân có ba ông ấy là người nhân".

Lời bình:

Vua Trụ là một ông vua tàn bạo, ăn chơi trác táng, làm cho dân chúng lầm than. Vi Tử, Cơ Tử, Tỷ Cán là những bậc quan chính trực đã đem lời can gián. Vua Trụ không nghe, giết Tỷ Cán, giáng chức Cơ Tử. Vi Tử từ quan bỏ đi. Thời đại suy bại không thể cứu vãn nổi, những người trung thần gặp phải tai họa không giống nhau, nhưng họ đều có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải, cho chính nghĩa để giữ trọn đạo nhân. Vì vậy, Khổng Tử tôn vinh Vi Tử, Cơ Tử, Tỷ Cán là ba người có nhân.

2. Liễu Hạ Huệ làm quản sĩ sư, bị cách chức ba lần.

Có người hỏi: "Sao ông không rời khỏi nước Lỗ?".

Liễu Hạ Huệ nói: "Nếu tôi đem đạo chính trực để thờ người thì đến đâu mà chẳng bị cách chức? Nếu tôi đem đạo không chính trực để thờ người thì cứ gì phải xa rời nước mà cha mẹ tôi đang ở".

Lời bình:

Liễu Hạ Huệ làm quan ở nước Lỗ ba lần được thăng chức, ba lần bị giáng chức. Có người thấy ông là bậc

hiền tài mà gặp cảnh như vậy nên khuyên ông đi sang nước khác làm quan.

Liễu Hạ Huệ đã không chịu đi, lại trả lời rằng không thể dùng đạo bất chính để mưu cầu lợi riêng cho mình. Thật là một con người chỉ biết theo đạo chính trực, không tự dẫn mình vào con đường lầm lỗi. Lối trả lời của Liễu Hạ Huệ thật ung dung, lại không nỡ bỏ tổ quốc mà đi, đúng là một người yêu nước chân chính. Sau này, Mạnh Tử khen Liễu Hạ Huệ là: "Bậc thánh có đức ôn hòa" là như vậy.

3. Vua Tề Cảnh Công nói về tổ chức lễ tiết khi tiếp đãi Khổng Tử: "Lễ tiết tiếp đãi Khổng Tử nếu đúng như vua nước Lỗ tiếp đãi họ Quý thì ta không thể làm được. Ta chỉ có thể dùng lễ tiết vừa phải giữa họ Quý và họ Mạnh để tiếp đãi Khổng Tử mà thôi".

Tiếp đó lại nói thêm: "Ta già rồi, ta không thể dùng Khổng Tử được".

Nghe nói lại mấy lời ấy, Khổng Tử liền rời khỏi nước Tề.

Lời bình:

Khổng Tử chu du liệt quốc đến nước Tề. Lúc đầu vua Tề Cảnh Công rất thích Khổng Tử nên mới bàn việc tiếp đãi. Sau do nhiều nguyên nhân, vua Tề Cảnh Công không dùng Khổng Tử, nên nói là mình già rồi, không đủ khả năng dùng. Khổng Tử nghe xong vội rời khỏi nước Tề ngay, không phải vì việc tiếp đãi trọng hay

khinh, mà vì cho rằng vua Tề Cảnh Công không biết dùng người.

Một đời Khổng Tử gặp phải bao gian truân, bao sóng gió, nhưng không để mất đi ý chí thi hành đạo nhân của mình.

4. Nước Tề tặng nước Lỗ nhiều mỹ nữ hát hay múa giỏi. Quý Hoàn Tử thay mặt vua nhận. Rất nhiều ngày vua không ngự triều. Khổng Tử liền rời khỏi nước Lỗ.

Lời bình:

Khi Khổng Tử còn ở nước Lỗ đã làm quan tư khấu kiêm chức tể tướng, giúp cho nước Lỗ giàu mạnh. Nước Tề muốn đánh nước Lỗ, biết Khổng Tử rất giỏi nên dùng kế mỹ nhân nhằm ly gián vua nước Lỗ với Khổng Tử.

Nước Tề tặng vua Lỗ Định Công nhiều mỹ nữ. Khổng Tử kiến nghị không nhận, sợ nhận sẽ làm cho ý chí của vua Lỗ Định Công tiêu tan, ảnh hưởng đến sự nghiệp trị nước. Nhưng Quý Hoàn Tử là quan đại phu đã xúi vua nước Lỗ nghe theo. Vì hưởng lạc nên nhiều ngày vua nước Lỗ không ngự triều, sao nhãng công việc. Khổng Tử khuyên can không được, chịu không nổi, liền bỏ nước Lỗ đi sang nước khác.

Việc vua quan nước Lỗ nhận mỹ nữ và trễ nải việc triều chính như thế, thấy được rằng họ muốn xa lánh người hiền mà bỏ việc lễ nghĩa, không thể cùng thi hành đạo trị nước được.

Khổng Tử bỏ đi khỏi nước Lỗ là thấy trước những *điều như thế sẽ đến mà làm, chứ không chờ khi nước*

đến chân mới nhảy. Một kẻ sĩ biết bảo vệ gìn giữ danh tiết của mình, không vì danh lợi hay được mất cá nhân mà bỏ quên khí tiết là như thế.

5. Một cuồng sĩ nước Sở tên là Tiếp Dư, đi qua trước xe của Khổng Tử, hát rằng: "Phượng hoàng ơi! Phượng hoàng ơi! Đức hạnh sao mà suy bại đến thế! Việc đã qua không thể cứu vãn, việc sắp tới có thể còn kịp. Thôi! Thôi đi! Làm quan đời nay đã cực kỳ nguy hiểm lắm rồi".

Khổng Tử xuống xe, định cùng Tiếp Dư nói chuyện. Nhưng Tiếp Dư vội vàng bỏ đi, làm cho Khổng Tử không nói chuyện với Tiếp Dư được.

Lời bình:

Tiếp Dư là một nhà hiền triết người nước Sở, vốn rất tôn kính Khổng Tử nhưng khác xu hướng. Khi gặp thời loạn lạc, Tiếp Dư giả làm kẻ khùng để ở ẩn tránh đời. Cho nên khi Khổng Tử đến nước Sở, Tiếp Dư hát mà ví Khổng Tử như chim phượng, thời thịnh trị cũng như thời loạn lạc đều hiện ra là trái đạo; chỉ Khổng Tử không biết ở ẩn là đức đã suy; khuyên Khổng Tử đi ở ẩn vẫn còn kịp. Tiếp Dư cho ý kiến của mình là phải, nhưng việc tránh gặp mặt để nghe ý kiến của Khổng Tử lại chứng tỏ ý kiến của Tiếp Dư là không có cơ sở vững chắc.

Khổng Tử thì trái lại, lúc nào cũng muốn đem đạo nhân để quảng bá và mong thực hiện cho được để giúp đời, dù gặp phải bao gian truân cũng không hề nản.

Lời can ngăn của Tiếp Dư chỉ càng làm cho đức nhân của Khổng Tử thêm sáng rõ.

6. Tràng Thư và Kiệt Nịch đang cùng nhau làm ruộng. Khổng Tử đi qua đó bảo Tử Lộ xuống hỏi thăm đường về bến đò.

Tràng Thư hỏi Tử Lộ: "Người cầm cương ngựa trên xe là ai?".

Tử Lộ trả lời: "Là thầy Khổng Khâu".

Tràng Thư hỏi lại: "Có phải là Khổng Khâu nước Lỗ không?".

Tử Lộ nói: "Phải".

Tràng Thư nói: "Thế thì Khổng Khâu đã biết bến đò rồi!".

Tử Lộ đến hỏi Kiệt Nịch.

Kiệt Nịch hỏi: "Ngươi là ai?".

Tử Lộ trả lời: "Tôi là Trọng Do".

Kiệt Nịch hỏi lại: "Có phải là học trò của Khổng Khâu, người nước Lỗ không?".

Tử Lộ trả lời: "Phải".

Kiệt Nịch nói: "Thiên hạ đã loạn lạc như nước chảy cuồn cuộn, Khổng Tử sẽ cùng ai có thể thay đổi được đây? Mà ngươi đi theo kẻ sĩ chỉ lo việc tránh kẻ vô đạo, không thể bằng chúng ta là kẻ sĩ tránh đời?".

Kiệt Nịch nói rồi vẫn tiếp tục làm ruộng không ngừng. Tử Lộ buộc phải trở về xe thưa lại sự việc cho *Khổng Tử.*

Khổng Tử nghe xong, ngậm ngùi thở dài nói: "Loài chim và loài thú không thể cùng người ta họp bầy. Nếu không sống chung với người trong xã hội thì ta có thể sống chung với ai? Nếu thiên hạ có đạo, Khâu này không cần phải cải cách nữa".

Lời bình:

Tràng Thư và Kiệt Nịch đều là bậc hiền sĩ bỏ đời về làm ruộng mà mai danh ẩn tích. Họ cũng đều biết đạo của Khổng Tử nhưng khác xu hướng, thể hiện qua việc họ đối đáp khi Tử Lộ hỏi thăm đường.

Tràng Thư thì trả lời rằng Khổng Tử đã đi qua nhiều nơi, tự biết bến đò rồi. Ý nói rằng Khổng Tử nắm được đạo trời, hiểu được quy luật xã hội thì sẽ biết tìm con đường đi cho bản thân mình.

Còn Kiệt Nịch thì nói rằng thiên hạ đều loạn như nước chảy cuồn cuộn không quay trở lại được, Khổng Tử sẽ chẳng cùng ai mà chặn đứng được trào lưu lịch sử lúc ấy, nếu có tránh người vô đạo bằng cách sang nước khác cũng vậy thôi, vì đâu cũng loạn cả. Kiệt Nịch còn khuyên Khổng Tử nên tránh đời để quên đi thực tế xã hội mà về làm ruộng.

Khổng Tử ngậm ngùi vì cả hai người nói đều khác với chí của mình. Khổng Tử cho rằng làm người phải họp bầy với mọi người, chứ không thể tránh người trốn đời để làm riêng mình trong sạch được. Khổng Tử lo cho nhân tình thế thái, cho nước, cho dân, vì thế mà bôn ba suốt cuộc đời để lo thực hiện đạo nhân. Chính vì thiên

hạ không có đạo, lòng nhân của Khổng Tử mới quyết chí cố gắng tìm cách giúp đời, đem đạo chính ra làm thay đổi việc đời như thế.

Ý của Tràng Thư và Kiệt Nịch càng làm cho đạo nhân của Khổng Tử trở nên cao thượng.

7. Tử Lộ đi theo Khổng Tử, lạc lại phía sau, gặp một cụ già đang dùng gậy quảy cái cào cỏ trên vai.

Tử Lộ hỏi: "Cụ có thấy thầy tôi không?".

Ông cụ trả lời: "Tay chân thì chả siêng năng gì, chẳng phân biệt nổi năm loại giống lúa, vậy ta biết ai là thầy của ngươi?".

Nói xong, ông cắm gậy xuống đất, bắt đầu làm cỏ. Tử Lộ chắp tay cung kính chờ bên cạnh. Sau đó, cụ già mời Tử Lộ ở lại nghỉ đêm, giết gà làm cơm cho Tử Lộ ăn, còn cho hai con trai ra gặp Tử Lộ.

Ngày hôm sau Tử Lộ đuổi kịp Khổng Tử thuật lại chuyện này. Khổng Tử nghe xong, nói: "Đây là một ẩn sĩ", rồi bảo Tử Lộ đến thăm một lần nữa.

Tử Lộ đến nơi, cụ già đã đi vắng mất rồi. Tử Lộ nói với con ông già: "Không ra làm quan là không hợp với đạo nghĩa. Lễ tiết giữa người lớn và kẻ nhỏ đã không thể vứt bỏ được, thì đạo nghĩa vua tôi sao lại có thể vứt bỏ? Cụ chỉ biết giữ cho mình trong sạch cái bản thân mình, nhưng như vậy là làm loạn đại luân. Người quân tử ra làm quan là để thực hành nghĩa vua tôi. Còn việc *không thực hiện được đạo thì đã biết trước rất lâu rồi*".

Lời bình:

Cụ già này là một ẩn sĩ. Cụ trách Khổng Tử và Tử Lộ không chuyên tâm làm ruộng, năm giống lúa còn không phân biệt được, ý là đạo không thực hiện thì thôi, nên ẩn cư làm ruộng là xong hết mọi sự. Nhưng Tử Lộ đã phát biểu được về đại luân, chỉ rõ cho cụ già cái chí của người quân tử. Luân thường của người ta gồm có năm điều là vua tôi phải có nghĩa, cha con phải có tình thân, chồng vợ phải có riêng biệt, anh em phải có thứ tự, bầu bạn phải có tín thực. Trong đó, nghĩa vua tôi là cao hơn cả. Từ đó, Tử Lộ phân tích được về bất nghĩa, ý nói không tích cực xuất thế, không ra làm quan, không có cống hiến đối với quốc gia là bất nghĩa.

Người ta có thể sống trong cuộc sống hòa thuận, có trật tự trên dưới trong gia đình hưởng niềm vui chung trong luân thường đạo lý. Nhưng trật tự trên dưới trong gia đình không thể xóa bỏ được thì không thể xóa bỏ nghĩa vua tôi. Hưởng thụ niềm vui trong gia đình là việc nhỏ, tận trung với nước mới là việc lớn.

Thường, người ta hay bị mê hoặc bởi cái riêng. Người ở ẩn cho mình là phải, cứ thế mà theo, không chịu ra làm quan. Kẻ làm quan cho mình thành đạt, nhất định không chịu thôi vì ham phú quý. Khổng Tử đề xướng tư tưởng trung dung, dù nước loạn vẫn giữ nghĩa vua tôi, vẫn theo đường chính, có lúc làm quan, khi về dạy học đều không bị mê hoặc, không xa rời chính đạo là vì dân vì nước.

Qua đó thấy rằng một người có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nên cống hiến cho nước nhà, cho xã hội. Bởi vì đây là đại nghĩa trong thiên hạ.

8. Người ẩn dật đời xưa có Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên. Bàn về những người ấy, Khổng Tử nói: "Không chịu khuất nhục và đầu hàng ý chí của mình, không để thân mình bị nhục, đây chỉ có Bá Di và Thúc Tề".

Khổng Tử nói tiếp: "Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên dù phải khuất chí mình, làm nhục thân mình, nhưng lời nói của hai ông hợp lẽ nghĩa, hợp luân lý, hành vi của hai ông hợp với lòng dân. Hai ông chỉ có thế mà thôi".

Khổng Tử lại nói tiếp: "Ngu Trọng, Di Dật tuy là tránh đời ẩn cư, ăn nói phóng túng, nhưng giữ được điều trong sạch. Từ bỏ quan tước, biết bảo vệ mình trọn vẹn là hợp đạo lý quyền biến. Ta không giống với mấy người này, không có cái gì có thể, không có cái gì không có thể".

Lời bình:

Ở đây, Khổng Tử phân tích về những người ở ẩn lánh đời. Họ đều giống nhau là không chịu sự ô nhục, nhưng khác nhau về phẩm chất và phương pháp.

Bá Di, Thúc Tề thanh cao, có ý chí, khí tiết, biết giữ danh tiết mà ở ẩn, được đánh giá cao hơn cả.

Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên dù khuất chí, chịu nhẫn nhục; nhưng không uốn mình a dua, không cầu danh lợi, giữ được lời nói đúng nghĩa lý, việc làm được lòng dân, được coi là kém một bậc.

Ngu Trọng, Di Dật nói năng phóng túng, nhưng giữ được trong sạch, hành động hợp với quyền biến tức là hợp với cái nên làm, *được coi là kém một bậc nữa.*

Chu Trương tuy không được nhắc tới nhưng là người không chịu ra làm quan dù được nhiều người tiến cử, nên coi là dưới một bậc nữa.

Các ẩn sĩ tuy mỗi người một vẻ, nhưng so với những kẻ chỉ biết lao vào vòng danh lợi mà quên mất đạo lý, thì họ đáng được tôn kính.

Còn Khổng Tử cho rằng người quân tử ra làm quan là làm theo nghĩa vua tôi, dù biết không thi hành được đạo cũng không bỏ mà ở ẩn. Khổng Tử còn cho rằng đã là nghĩa thì có lúc nên ở, có lúc nên đi, có việc nên làm, có việc nên thôi, tùy theo hoàn cảnh và điều kiện mà quyết định, chỉ cần làm sao đúng đạo lý để giúp đời là được. Đây chính là điểm khác cơ bản của Khổng Tử so với các ẩn sĩ - những người nhất định không ra làm việc đời.

Cách suy nghĩ của Khổng Tử thật sâu sắc, ta cũng nên học theo mà rèn luyện cái chí của mình.

9. Quan thái sư tên là Chí chạy sang nước Tề. Quan á phạn tên là Can chạy sang nước Sở. Quan tam phạn tên là Liễu chạy sang nước Thái. Quan tứ phạn tên là Khuyết chạy sang nước Tần. Người đánh trống tên là Phương Thúc chạy về vùng Hoàng Hà. Người đánh trống con tên là Vũ đến vùng sông Hán. Thiếu sư tên là Dương, người gõ khánh tên là Tương chạy về miền biển.

Lời bình:

Ở đây nói về thời kỳ nước Lỗ suy bại, một số nhân tài bỏ đất nước ra đi.

Á phạn, tam phạn, tứ phạn là những chức quan coi về việc nhạc mời vua dùng cơm các bữa thứ hai, thứ ba, thứ tư. Nhà Chu suy, lễ nhạc bị bỏ bễ. Khổng Tử từ nước Vệ về nước Lỗ chấn chỉnh lại lễ nhạc, giáo hóa quan lại theo lễ chính, duy trì chính đạo quản lý đất nước giúp cho nước Lỗ trở nên hưng thịnh. Điều đó chứng tỏ câu nói của Khổng Tử: "Nếu biết dùng ta, trong một năm sẽ nên việc", không phải là lời nói suông. Sau vì vua Lỗ Định Công vô đạo, Khổng Tử bỏ đi, nước Lỗ đại loạn, vua bị lấn quyền. Các quan theo lễ chính đều bỏ đi.

Đây không phải là chỉ ghi chép đơn thuần mấy người tài giỏi bỏ đi, mà muốn nói lên một điều là nếu duy trì lễ nhạc theo chính đạo thì sẽ thu hút được nhân tài giúp cho nước nhà hưng thịnh. Còn khi vua vô đạo, lễ nhạc hỗn loạn, gian thần chẳng giữ nổi nhân tài, đất nước sẽ suy vong. Lịch sử nước Lỗ sau đúng như vậy.

Vì vậy, chỉ có thi hành chính đạo mới có thể giúp phát hiện, bồi dưỡng và gìn giữ nhân tài, hướng họ vào mục tiêu xây dựng và phát triển nước nhà được.

10. Chu Công nói với Lỗ Công: "Người quân tử không nên bỏ sót người thân; không để cho đại thần oán hận vì mình không trọng dụng họ; các lão thần nếu không có lỗi gì lớn thì không nên ruồng bỏ họ; đối với mỗi người không nên đòi phải hoàn hảo".

Lời bình:

Chu Công là em ruột vua Vũ Vương, có công giúp vua Vũ Vương lập ra nhà Chu, nên được vua Vũ Vương

đem nước Lỗ phong cho con cháu. Chu Công cho con là Bá Cầm làm nhận chức Lỗ Công. Trước khi Bá Cầm đi làm Lỗ Công, Chu Công đã ân cần dặn Lỗ Công như vậy, đại ý dạy con làm việc nước phải có lòng nhân hậu.

Người quân tử không nên bỏ sót người thân: Đây là tề gia - tiêu chuẩn đầu tiên của người quân tử phải thực hiện mới có thể nói đến "trị quốc, bình thiên hạ" được. Không bỏ sót người thân có nhiều nghĩa. Thứ nhất, bổng lộc được hưởng chia cho người thân không bỏ sót, nếu không sẽ gây nên mầm mống oán hận ngay trong nhà, phạm vào lễ. Thứ hai, giáo hóa người nhà tuân thủ luật pháp không bỏ sót ai, vì một người làm loạn có khi cả họ bị chu di đến ba đời, thậm chí chín đời. Thứ ba, khi người nhà phạm lỗi, không bỏ qua mà phải xử phạt nghiêm minh để làm gương. Chu Công dạy con mình chú trọng thực hiện nhân đức ngay trong nhà mình thì người ngoài mới phục mà tin theo.

Không để cho đại thần oán hận vì mình không trọng dụng họ: Đã sử dụng người giúp việc thì họ phải có chức có quyền trong phạm vi chức trách, còn nếu không xứng đáng thì bãi bỏ, chứ không được biến họ thành bù nhìn. Có như vậy thì mới khuyến khích tính tích cực của cấp dưới, nếu không sẽ dẫn đến oán hận mà gây họa về sau.

Các lão thần nếu không có lỗi gì lớn thì không nên ruồng bỏ họ: Những người cùng mình mưu đại nghiệp, tuổi đã lớn, trí não có thể không linh hoạt, nhưng chỉ cần không có sai lầm gì lớn thì nên tiếp tục sử dụng họ, để cho họ có dịp đề xuất ý kiến, hiến kế sách, phát huy

nhiệt tình của họ. Như thế là có trước, có sau. Người ta sẽ cho là mình biết trả ân nghĩa mà theo.

Đối với mỗi người không nên đòi phải hoàn hảo: Người ta ai cũng có ưu điểm, khuyết điểm, dùng người là dùng ưu điểm của họ, giúp người phát huy ưu điểm mà khắc phục khuyết điểm. Đòi hỏi ai cũng phải hoàn hảo thì sẽ có ít người dám theo và cũng không có nhân tài dám ra giúp nước.

Lời Chu Công dạy con được người nước Lỗ truyền tụng mãi mãi. Lỗ Công vâng theo lời cha mà cai trị nước Lỗ trong bốn mươi sáu năm. Khổng Tử thường lấy lời Chu Công mà nói lại cho học trò nghe.

11. Nhà Chu có tám hiền sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa.

Lời bình:

Đoạn này nói lên lịch sử của nhà Chu có rất nhiều bậc hiền tài ra giúp nước. Ngay như trong một nhà đã có tám vị hiền thần nói trên. Đây là tám vị nhân tài do một bà mẹ sinh đôi trong bốn lần: lần đầu là Bá Đạt và Bá Quát, lần hai là Trọng Đột và Trọng Hốt, lần ba là Thúc Dạ và Thúc Hạ, lần bốn là Quý Tùy và Quý Oa. Họ là cột trụ của quốc gia, là gốc của nước nhà hưng thịnh. Điều này nói lên nhà Chu biết bồi dưỡng, tôn trọng và sử dụng nhân tài, không lãng phí. Vì thế mà nhà Chu hưng thịnh và tồn tại rất dài trong lịch sử.

Chương 19

TỬ TRƯƠNG

1. Tử Trương nói: "Kẻ sĩ khi gặp việc nguy hiểm hợp nghĩa thì dám hy sinh thân mình, thấy lợi thì nghĩ đến nghĩa, khi cúng tế thì nghĩ đến lòng thành kính, khi để tang thì nghĩ đến đau thương. Làm được như vậy mới đáng được gọi là kẻ sĩ".

Lời bình:

Gặp việc nguy hiểm hợp nghĩa thì dám hy sinh thân mình: Khi quốc gia và dân tộc có nhu cầu, đó là việc hợp nghĩa, kẻ sĩ nên chủ động gánh vác trách nhiệm lịch sử, trách nhiệm xã hội, sẵn sàng chuẩn bị tinh thần hiến thân mình cho tổ quốc.

Thấy lợi thì nghĩ đến nghĩa: Khi được lợi ích, được đãi ngộ, được thù lao, trước hết nghĩ đến nên hay không nên lấy; phải có tư tưởng chịu khổ trước sướng sau, cống hiến vô tư cho xã hội, không tính toán thiệt hơn.

Cúng tế thì nghĩ đến lòng thành kính: Ở thời cổ đại Trung Quốc, việc tế trời đất, tế tổ tiên, tế quỷ thần là việc lớn, ai cũng coi trọng. Khi cúng tế phải tỏ ra thật sự thành tâm, cung kính, vì cẩu thả một việc sẽ hỏng nhiều việc.

Để tang thì nghĩ đến đau thương: Người chết, nhà có tang phải cúng tế. Khi tổ chức tang lễ cũng như khi cúng tế nên thực sự có tâm tình thương tiếc tưởng niệm người đã chết, ấy gọi là đạo hiếu.

Tử Trương cho rằng bốn điểm nói trên là phẩm chất khi lập thân, vì một việc làm không đến nơi đến chốn thì những việc khác chắc sẽ chẳng làm được cho tử tế.

2. Tử Trương nói: "Người giữ được đức mà không biết phát huy, tín phục đạo lý nhưng không kiên định làm theo đạo lý. Có người ấy ích gì? Không có người ấy hại gì?".

Lời bình:

Người giữ được đức mà không phát huy để làm cho đức mở mang thì đức đó hẹp hòi, cô lập. Người tin theo đạo lý mà không kiên định, dốc lòng làm theo thì đạo bị bỏ. Người như vậy có cũng chẳng mang lại ích lợi, không có cũng chẳng tổn hại cho xã hội, có cũng như không.

Tử Trương đề xướng, đối với đức phải có sự theo đuổi, đối với đạo phải có lòng tin kiên định. Một người chỉ khi nào về mặt tư tưởng có lòng tin chắc chắn, có chí hướng tới đạo đức cao thượng, có quyết tâm tu dưỡng để mang đạo đức của mình cống hiến cho xã hội thì mới là người thực sự có ích cho đời.

3. Học trò của Tử Hạ hỏi Tử Trương về việc kết giao bạn bè.

Tử Trương hỏi lại: "Thầy Tử Hạ đã nói như thế nào?".

Học trò của Tử Hạ trả lời: "Có thể kết giao thì kết giao, *không thể kết giao thì cự tuyệt*".

Tử Trương nói: "Điều ta đã từng được nghe nói lại hoàn toàn khác. Đó là người quân tử tôn trọng người hiền mà dung nạp người bình thường; khen người hoàn thiện các mặt nhưng cũng thương đến những người năng lực còn yếu kém. Nếu ta là bậc đại hiền tài, thì đối với người khác sao lại không dung nạp họ? Nếu ta không phải là đại hiền tài, người khác có thể cự tuyệt ta, ta làm sao có thể cự tuyệt họ?".

Lời bình:

Đây là Tử Trương cùng học trò của Tử Hạ bàn luận về đạo kết giao bạn bè. Khổng Tử một đời dạy học. Tử Hạ, Tử Trương cũng một đời dạy học.

Tử Hạ chủ trương phải có thái độ dứt khoát, chơi được thì chơi, không chơi được thì thôi. Làm như vậy thì quá cực đoan cho nên chỉ đáng áp dụng vào tìm bạn chí thân mà thôi.

Tử Trương lại chủ trương một người có đạo đức trong việc kết giao bạn bè nên có thái độ khác nhau đối với từng người. Trong vấn đề kết giao bạn bè phải chú ý bốn điểm dưới đây:

Một là tôn trọng người hiền tài: Phải đặc biệt tôn trọng người có đạo đức, có học vấn, tranh thủ hết sức để được kết giao bạn bè với họ, để được sự giúp đỡ của họ, học tập họ.

Hai là dung nạp, bao dung mọi người: Đối với người nói chung trong xã hội, cần làm được có tấm lòng bao dung, giáo dục, cảm hóa, ảnh hưởng tới họ.

Ba là khen người hoàn thiện: Đối với người có đạo đức, có học vấn, người làm việc thiện, nên động viên cổ vũ sự tiến bộ của họ, hoàn toàn ủng hộ họ.

Bốn là thương đến người năng lực còn yếu kém: Đối với người có đạo đức, học vấn tương đối kém, phải có lòng đồng tình với họ, thương họ, chân thành giúp đỡ họ, để cho họ có sự tiến bộ dần dần.

Lời dạy của Tử Trương quá cao xa, vì bậc đại hiền có thể dung nạp mọi người nhưng đối với kẻ ác cũng phải cự tuyệt, đến người bất hiền cũng nên cự tuyệt kẻ làm hại mình. Cho nên, lời của Tử Trương hợp với việc giao thiệp với mọi người, chứ không hợp với việc tìm bạn thân để giao kết.

Khổng Tử cho rằng không có lòng bao dung người là không có đức, không có bản lĩnh. Khổng Tử còn cho rằng yêu khắp mọi người mà thân với người nhân mới thật là hợp lý hợp tình. Ý kiến này mới thật sâu xa hơn hẳn ý kiến của Tử Trương.

4. Tử Hạ nói: "Dù là việc nhỏ cũng nhất định có nghĩa lý đáng xem xét. Nhưng cố suy cứu những việc ấy nhằm đạt được nghĩa lý cao xa, sợ có chút trở ngại. Cho nên người quân tử không làm như vậy".

Lời bình:

Truyền thống nho sĩ Trung Quốc hồi ấy cho việc phò vua trị nước là việc lớn; còn những việc làm ruộng, làm vườn, làm thuốc, bói toán là những việc nhỏ.

Để làm được việc lớn, người ta chủ yếu học về các việc "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", đủ sức để giảng điều tín nghĩa, sửa điều hòa thuận...

Để làm việc nhỏ, người ta cũng phải theo học nghề, tìm hiểu mọi sự lý, rèn luyện làm chủ nghề nghiệp để đạt tới độ tinh xảo thì mới thành công.

Những việc nhỏ cũng có nền tảng lý luận từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp, đòi hỏi người ta bỏ nhiều công sức học tập và rèn luyện mới đạt được những tinh hoa của nghề nghiệp, đúc rút được những kinh nghiệm và tìm ra được quy luật nội tại của sự vật. Để đạt được đến độ như vậy, người ta có khi phải làm việc thật sự suốt cuộc đời.

Tử Hạ cho rằng khi làm việc lớn, có thể quan sát tìm hiểu việc nhỏ cho biết, giúp cho thực hiện việc lớn dễ dàng, chứ không thể từ việc nhỏ mà suy ra cái lớn, thậm chí áp đặt cho cái lớn. Bởi vì, dù nhỏ hay lớn nhưng đó là hai công việc khác nhau, nền tảng lý luận khác nhau, có thể hỗ trợ nhau nhưng không thể thay cho nhau. Mặt khác, khi làm việc lớn mà sa vào làm việc nhỏ sẽ bỏ mất việc lớn.

Ngày nay, người ta không phân ra việc nhỏ, việc lớn như trước. Nhưng lời dạy của người xưa hẳn cũng nên suy ngẫm.

5. Tử Hạ nói: "Mỗi ngày biết thêm những điều mình chưa biết. Mỗi tháng chẳng quên những điều mình đã biết. *Được như vậy gọi là người ham học vậy*".

Lời bình:

Mỗi ngày biết thêm những điều mình chưa biết: Học là quá trình tiếp thu kiến thức từ thấp đến cao, từ chưa biết đến biết. Kho tàng tri thức của nhân loại lại đồ sộ. Nếu người ta không nỗ lực học tập, phấn đấu vươn lên thì không bao giờ làm chủ được tri thức ấy. Mà học lại còn là quá trình tích lũy nên chẳng lúc nào được dừng lại.

Mỗi tháng chẳng quên những điều mình đã biết: Tri thức đã học được thì lại phải nhớ kỹ. Học tập và suy nghĩ lấy trí nhớ làm cơ sở. Không có trí nhớ sẽ không có sự tích lũy. Muốn nhớ được phải thường xuyên ôn luyện, không để tri thức đã học bị quên đi, mà càng phải được củng cố, làm cơ sở vững chắc để tiếp thu kiến thức mới. Tri thức càng tích càng nhiều, càng nắm càng sâu.

Người xưa vẫn thường dạy đạo học là "ôn cố tri tân", tức là ôn cũ mà biết mới, cũng có nghĩa như thế.

6. Tử Hạ nói: "Học rộng mà chuyên tâm nghiên cứu, hỏi điều thiết thực mà nghĩ đến việc gần, đức nhân là ở trong đó vậy".

Lời bình:

Theo Tử Hạ, một người có đạo đức và có tri thức thì cần đặc biệt chú ý nhớ kỹ chữ nhân ở trong lòng. Người ta nói chung, càng có nhiều kiến thức thì càng uyên bác, nhưng không có đức nhân thì càng dễ biến thành người nói lung lung, ngạo mạn, xa hiện thực.

Tử Hạ yêu cầu học rộng còn phải chuyên tâm nghiên cứu để nắm được trọng tâm, phương hướng và cốt lõi của vấn đề, nếu không thì dù có chí lớn cũng chẳng thể thực hành mà mang lại thành công được. Tri thức nhiều, kinh nghiệm phong phú cũng đừng nghĩ là cái gì mình cũng biết hết, nên phải chịu học hỏi. Nhưng hỏi mà sa vào những việc xa xôi, không thiết thực sẽ sinh nhọc lòng, không ích lợi gì. Kinh nghiệm nhiều rồi, phải suy nghĩ liên hệ vận dụng tri thức đã có để giải quyết những vấn đề bức bách trước mắt. Có như vậy, tích lũy kiến thức, tu dưỡng đạo đức mới có hiệu quả cống hiến nhiều cho dân cho nước.

Tử Hạ dạy người ta cách học hỏi, suy nghĩ và liên hệ với thực tế. Người nào làm được như vậy, chẳng những không bị xa rời thực tế, mà biết được điều gì cũng kỹ càng, chín chắn.

7. Tử Hạ nói: "Thợ các ngành nghề phải ở tại nơi làm việc mới hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Người quân tử phải chuyên tâm nghiên cứu mới nắm chắc được đạo lý".

Lời bình:

Ở đây Tử Hạ lấy một ví dụ so sánh để dạy học trò chuyên tâm vào việc học.

Người thợ không tập trung ở công xưởng thì sẽ bị những việc khác tác động dẫn đến làm việc không chăm chú, nghề nghiệp sẽ không tinh, không thể làm ra sản

phẩm thực sự tốt được. Vì vậy, thợ các ngành trước hết phải có nơi làm việc, mới có thể chuyên tâm chuyên ý làm tốt công việc của mình.

Cũng như vậy, người quân tử trước hết phải chuyên tâm để học rộng biết nhiều mới nâng cao được tri thức, từ những tri thức thu nhận được mà suy ngẫm, đối chiếu, liên hệ mới hiểu thấu được cái sâu xa của đạo lý. Người không chuyên tâm nghiên cứu để tiếp thu tri thức sẽ dễ bị ngoại cảnh cám dỗ; từ đó mà suy nghĩ hời hợt, hành động cẩu thả, xa rời đạo lý; giống như một người thợ không có xưởng, không nơi làm việc thì không làm ra sản phẩm tốt vậy. Một người cầu học mà không chuyên tâm để có một tri thức nhất định thì không thể lĩnh hội nghĩa lý chân thực của đạo nhân được.

8. Tử Hạ nói: "Kẻ tiểu nhân hễ thấy mình sai là tìm cách che đậy".

Lời bình:

Người ta không ai tránh khỏi có lúc mắc sai lầm, chỉ khác nhau là lỗi lớn hay lỗi nhỏ, cách nhận thức và sửa chữa.

Người quân tử khi biết mình có lỗi thì dám nhận, hăng hái sửa chữa, từ đó mà biết giữ gìn để không tiếp tục phạm phải.

Kẻ tiểu nhân vốn ngại sửa chữa lỗi lầm, nhưng không ngại dối mình và dối người. Khi phạm sai lầm, kẻ tiểu nhân nghe ai nói đến lỗi của mình còn tức giận, đã

không chịu sửa chữa, mà lại còn tìm cách che giấu cho nhẹ bớt, hoặc bịt đi. Làm như vậy, không bao giờ sửa được điều sai. Phạm sai lầm mà càng che giấu, càng bao che biện hộ thì càng phạm sai lầm nghiêm trọng hơn. Biện hộ sai lầm, sẽ khiến cho sai lầm nhỏ thành sai lầm lớn.

Dám nhận lỗi và sửa chữa lỗi lầm là điều khó nhưng cần thiết, vì chỉ có vậy người ta mới hoàn thiện được mình.

9. Tử Hạ nói: "Người quân tử có ba biến đổi: trông xa thấy vẻ trang nghiêm, đến gần thấy vẻ ôn hòa, nghe lời nói thấy chính xác".

Lời bình:

Người có tu dưỡng đạo đức cao thượng có ba biểu hiện: đứng xa nhìn người quân tử thấy có vẻ rất nghiêm nghị; tiếp xúc với người quân tử thấy hết sức thanh tao, hòa nhã, rất có cảm tình; nghe người quân tử nói, lời ăn tiếng nói rất chính xác.

Biểu hiện ở bên ngoài được như vậy là nhờ ở nội tâm. Không phải là người quân tử thì không làm được như vậy.

10. Tử Hạ nói: "Người quân tử làm quan trước hết phải làm cho dân tin, sau đó mới khiến họ làm việc khó nhọc; nếu dân chưa tin, đã vội sai khiến họ làm việc khó nhọc, dân sẽ cho là mình làm hại họ. Đối với người trên, phải được lòng tin cậy trước, rồi sau đó mới can gián

khuyên ngăn; nếu người trên chưa tin mình mà cứ khuyên răn giảng giải, người trên sẽ cho rằng mình gièm chê họ".

Lời bình:

Làm người bề trên, đối với cấp dưới hay đối với dân, phải xây dựng được quan hệ tín nhiệm lẫn nhau, dựa vào nhau. Đối với dân, phải giành cho được sự tín nhiệm đã, rồi sau mới sai bảo chỉ huy dân. Khi dân đã tin phục thì dù cho có phải bỏ ra bao nhiêu sức lực tâm huyết, dân vẫn cam tâm tình nguyện. Nói vậy nhưng để giành được sự tín nhiệm nơi dân, người lãnh đạo phải có đức nhân mới làm được.

Làm cấp dưới, khi được cấp trên tín nhiệm thì lời can gián mới có hiệu lực, cấp trên nghe mới lọt tai. Nếu cấp trên chưa tín nhiệm, mà cứ mù quáng can gián sẽ bị coi là mình gièm chê hay nói xấu cấp trên. Quan hệ chưa thắm thiết, lời nói không nên sâu; quan hệ bình thường, không được nói chuyện quá thắm thiết. Đạo lý này rất sâu sắc.

11. Tử Hạ nói: "Về việc lớn thì không được vượt qua giới hạn, về việc nhỏ thì có thể thêm bớt một ít".

Lời bình:

Tử Hạ chủ trương con người ta gặp những việc lớn, có nguyên tắc lớn, không được vượt qua quy tắc quy phạm, không được vượt khỏi phạm vi đã cho phép. *Nhưng với những vấn đề nhỏ, có thể vận dụng linh*

hoạt, tùy tiện một tý, không cầu phải hoàn hảo. Khi giải quyết công việc, người ta nên quan tâm đến nội dung lớn có tính chất cốt lõi, đảm bảo đúng đạo lý là được, không nên sa đà quá vào chi tiết vụn vặt làm ảnh hưởng đến mục tiêu chủ yếu. Như thế hẳn sẽ làm được việc lớn. Người xưa có câu "cương cử mục trương" tức là cái giềng lưới đã cất lên thì cái mắt lưới cũng trương lên, cái chủ chốt đã bày ra thì cái nhỏ bé tự nhiên cũng thấy rõ, việc lớn đã thành thì việc nhỏ cũng xong.

Vấn đề lớn cần có yêu cầu nghiêm khắc. Vấn đề nhỏ cần bao dung độ lượng, dù chưa hợp lý nhưng cũng chưa hại gì. Nắm vững đạo lý ấy thì làm việc gì cũng xong.

12. Tử Du nói: "Học trò của thầy Tử Hạ vẩy nước quét dọn giỏi, ứng đáp nhanh, đi lại đúng phép, chỉ có vậy thôi. Nhưng đây chỉ là những việc ngọn, còn việc gốc lại chưa học. Học như thế thì sẽ ra sao?".

Tử Hạ nghe vậy nói: "Ôi! Lời của thầy Tử Du sai rồi! Đạo của người quân tử chẳng phải đem việc ngọn để truyền dạy trước, đem việc gốc truyền dạy sau cho đến mỏi mệt đấy ư? Trình độ học trò ví như cỏ cây, có phân biệt lớn nhỏ. Đạo dạy học của người quân tử làm sao có thể tùy tiện dối gạt được. Giảng điều mở đầu mà biết được kết cục, chẳng phải chỉ có bậc thánh nhân mới được như thế ư?".

Lời bình:

Tử Hạ dạy học trò, trước hết coi trọng dạy những việc: quét dọn, ứng đáp, đi lại đúng phép tức là coi trọng

về dáng điệu, lễ tiết. Nhưng Tử Du cho rằng, Tử Hạ dạy như vậy chỉ là dạy ngọn, chứ chưa dạy được cái gốc làm người.

Tử Hạ không đồng ý với Tử Du, cho rằng phàm vật gì cũng có gốc có ngọn, nhưng không thể phân chia gốc ngọn riêng ra được. Việc quét dọn, ứng đáp, đi lại là việc ngọn mà đã đúng phép như thế, hẳn trong đó đã chứa đựng nghĩa lý sâu xa của việc gốc, mà cũng làm cơ sở lĩnh hội việc gốc.

Người ta tiếp thu kiến thức phải từ nông đến sâu cũng như cỏ cây phân ra lớn nhỏ. Nếu không biết điều đó, cho là trình độ học trò như nhau và đều cao cả, người thầy cứ thế truyền dạy gượng ép, nhồi nhét cả ngọn lẫn gốc, như thế là trái với đạo dạy học. Còn học trò mới nắm chắc phần ngọn, chớ vội trách họ vì chỉ có thánh nhân mới nắm được cả gốc lẫn ngọn.

Vì vậy, người thầy khi dạy học, nên theo thứ tự dạy những việc nhỏ, những điều gần gũi làm cơ sở vững chắc để dạy những việc lớn, điều xa. Còn học trò nên học tuần tự tiến dần, không vì hãnh tiến mà vội vàng bỏ qua việc ngọn để cầu học việc gốc, như vậy không nắm được ngọn mà cũng chẳng hiểu nổi việc gốc.

13. Tử Hạ nói: "Người làm quan còn dư thì giờ, dư sức lực thì nên học thêm. Người học giỏi còn dư thì giờ, dư sức lực thì nên ra làm quan".

Lời bình:

Làm quan hay đi học, người ta đều phải dồn thời gian và sức lực để hoàn thành chức phận của mình.

Người làm quan vốn đã phải học rồi, nhưng làm đầy đủ công việc của mình rồi mà vẫn còn dư sức lực nên đi học thêm, vì việc học sẽ giúp củng cố bổ sung thêm kiến thức, rất có ích cho việc làm quan. Người đi học phải bền chí tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng vươn tới đỉnh cao tri thức, nhưng nếu vẫn còn dư sức lực ra làm quan sẽ có cơ hội thực hành học vấn, thu nhận kinh nghiệm, làm cho kiến thức lại càng thêm được mở mang.

Người ta nói gắn trường học với trường đời là như vậy.

14. Tử Du nói: "Việc tang lễ thể hiện lòng thương xót là được rồi".

Lời bình:

Sống chết là vấn đề lớn trong đời mỗi con người. Tử Du muốn nói việc tang không trọng về bày vẽ bên ngoài, mà trọng về sự buồn bã từ đáy lòng. Điều này ý nói với chúng ta rằng, nếu không có sự đau buồn trong nội tâm thì làm tang có long trọng đến mấy, phô trương đến mấy, cũng không có tác dụng gì, không đúng tinh thần của đám tang.

15. Tử Du nói: "Bạn ta là Tử Trương làm được những việc mà người khác khó làm nổi; nhưng vẫn chưa phải là người nhân".

Tăng Tử nói: "Đúng rồi, Tử Trương thật là con người có dung mạo đàng hoàng uy nghi, nhưng khó cùng người khác làm việc nhân".

Lời bình:

Đây là lời bình luận của Tử Du và Tăng Tử về Tử Trương.

Tử Trương đúng là một người tài giỏi. Những việc người khác không làm được, Tử Trương làm được. Những khó khăn không ai vượt qua được, Tử Trương vượt qua được.

Việc làm của Tử Trương tốt như vậy nhưng phải cái là ít chân thành, được việc mà bỏ qua lòng yêu thương con người, lo việc tự cao tự đại bên ngoài mà bỏ mất tâm tính tốt bên trong. Vì vậy, Tử Trương đã không giúp được người khác làm việc nhân, mà người ta cũng chẳng dám gần Tử Trương để cùng làm việc nhân.

Khổng Tử đã dạy rằng người có tính cương trực, lòng chất phác, nói chậm chạp thì gần với đạo nhân. Nếu theo lời dạy như vậy, Tử Trương thực quả chưa đủ tiêu chuẩn là người nhân.

16. Tăng Tử nói: "Ta nghe thầy Khổng Tử dạy rằng người ta dẫu chưa đem hết tình ra làm những việc khác, nhưng trong việc tang cha mẹ, lại không đem hết tình ra hay sao?".

Lời bình:

Người ta ai cũng nhờ tinh cha huyết mẹ mà được sinh thành, lại được tình yêu thương của cha mẹ che chở, dưỡng dục mà trưởng thành. Công cha nghĩa mẹ đối với con cái chẳng gì đo lường được; lúc còn sống, con

cái chẳng thể nào mà báo hiếu cho đủ, lẽ nào lúc về với tiên tổ, con cái lại cũng chẳng để tình mà lo hay sao?

Ở đời, người ta có thể việc này việc khác không lo được toàn diện. Nhưng với việc tang cha mẹ mà không đem hết lòng thành ra lo, chắc chả có việc gì mà có lòng thành được nữa.

Người ta ai cũng có phận làm con, nên tham khảo lời ấy mà tự răn mình để có lòng thành với cha mẹ ngay từ khi mình bắt đầu có hiểu biết, có như vậy mới làm tròn đạo hiếu của mình.

17. Tăng Tử nói: "Ta có nghe thầy Khổng Tử khen đức hiếu của Mạnh Trang Tử, rằng những điều khác người ta có thể làm theo được, còn điều không thay đổi bề tôi và phép cai trị của cha thì người ta khó mà làm theo được".

Lời bình:

Đây là bình giá của Tăng Tử về đức hiếu của Mạnh Trang Tử. Mạnh Trang Tử là con Mạnh Hiếu Tử. Họ Mạnh cùng họ Quý, họ Thúc là ba họ quyền thế nhất nước Lỗ hồi ấy.

Thời xưa người ta thường bảo "tân quan tân chính sách", tức là người lãnh đạo mới thường theo năng lực, nhận thức, mối quan hệ của mình mà sử dụng bộ máy mới cùng với chính sách mới phù hợp với ý định của mình. Đó là trào lưu chung.

Mạnh Trang Tử là người con có hiếu. Sau khi kế nhận địa vị của cha mình, Mạnh Trang Tử không theo

trào lưu nói trên, vẫn tôn trọng hệ thống cai trị, biết kế thừa cả về chính sách lẫn bộ máy nhân sự mà cha mình đã tín nhiệm.

Biết kế thừa điều hay của người đi trước, đấy chính là điều mà Khổng Tử khen Mạnh Trang Tử.

18. Họ Mạnh bổ nhiệm Dương Phu làm quan sĩ sư coi việc hình pháp. Dương Phu đến hỏi ý kiến thầy mình là Tăng Tử.

Tăng Tử nói: "Người trên lỗi đạo, nhân tâm đã ly tán từ lâu rồi. Nếu xét xử mà hiểu được tình thật của người phạm tội thì nên thương họ, chứ đừng lấy đó làm vui mừng".

Lời bình:

Thời Xuân Thu là thời loạn lạc. Khi ấy, người trên vô đạo không giữ được phép nước, chẳng làm gương cho dân, không giáo hóa nổi dân, dẫn đến lòng người cũng loạn. Người phạm tội, một số do động cơ chủ quan gây nên, còn lại là do hoàn cảnh xã hội hoặc vì không hiểu biết mà phạm tội. Tăng Tử khuyên Dương Phu, khi xử án phải hiểu rõ tình tiết phạm tội, tìm cho được nguyên nhân đẩy họ phạm tội, nếu không phải tự họ chủ động phạm tội thì phải thương xót họ, tuyệt đối không được cho rằng có công xử án mà vui mừng.

Về lý, pháp luật đặt ra là để xử kẻ có tội. Nhưng về tình, bề ngoài giữ phép công minh để xử, nhưng trong còn chút thương xót nhân từ thì kẻ chịu tội dễ tâm phục

khẩu phục, chịu cải tà quy chính về làm người lương thiện. Như vậy, mục tiêu chính là làm cho người ta hướng thiện, tránh xa tội lỗi, chứ không phải chỉ đơn thuần là xử án. Đây chính là tư tưởng yêu khắp mọi người của đạo nhân.

19. Tử Cống nói: "Những điều bất thiên của vua Trụ không đến nỗi quá mức như người ta nói. Bởi vậy, người quân tử rất ghét ở chung chỗ với đám hạ lưu, là vì tất cả mọi điều xấu trong xã hội đều đổ dồn về đó".

Lời bình:

Hạ lưu là địa hình thấp, nơi dòng chảy đổ dồn về đó. Người ta hay dùng từ hạ lưu chỉ những đám người xấu xa, hèn hạ tụ hợp với nhau gây điều xấu cho xã hội, có tính "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã".

Tử Cống là một con người rất thực tế, chẳng trách gì không chịu đi làm quan mà lại đi buôn bán. Trong lịch sử, vua Trụ vốn chỉ thân cận và nghe theo đám tiểu nhân mà Tử Cống coi là hạ lưu. Lẽ thường, vua Trụ làm xấu một, đám hạ lưu nhân đó làm xấu mười, nhưng vua Trụ phải chịu trách nhiệm. Vì thế, vua Trụ quả là một ông vua xấu, nhưng không đến nỗi như người ta truyền cho nhau. Vua bại, thần bị sa thải, người ở vận xúi quẩy thường bị người ta đàm tiếu không còn một chỗ nào không nói tới, thật chẳng khác gì dậu đổ bìm leo.

Bãi bể cồn dâu, đường đời trắc trở, làm người phải cẩn thận, chớ giao du với đám người xấu, những kẻ hạ lưu mà mắc oan tiếng xấu.

20. Tử Cống nói: "Lỗi của người quân tử giống như nhật thực và nguyệt thực vậy. Người quân tử có lỗi, mọi người đều nhìn thấy. Người quân tử sửa được lỗi rồi, mọi người vẫn ngưỡng mộ".

Lời bình:

Người quân tử là người có tu dưỡng đạo đức, tài năng hơn người, hoặc là người có địa vị cao trong xã hội, được ví như mặt trăng, mặt trời, luôn được mọi người ngưỡng vọng. Người ta dù là người quân tử hay kẻ tiểu nhân, ít nhiều đều có lỗi. Kẻ tiểu nhân khi có lỗi lại tìm cách che giấu. Còn người quân tử không che giấu lỗi lầm nên ai cũng nhìn thấy như nhật thực và nguyệt thực vậy. Nhưng người quân tử biết sửa chữa lỗi lầm, nên sau đó thì đạo đức và thanh danh lại sáng tỏ như mặt trời và mặt trăng lại tỏa sáng sau nhật thực và nguyệt thực.

Điều này muốn nói, người ta khi có lỗi nên cương quyết sửa chữa, vì sửa xong rồi vẫn quang minh chính đại, vẫn được mọi người ngưỡng mộ.

21. Đại phu nước Vệ là Công Tôn Triều hỏi Tử Cống: "Ông Khổng Tử học với ai vậy?".

Tử Cống nói: "Đạo của vua Văn Vương, vua Vũ Vương không bị chôn vùi dưới đất, vẫn còn lưu ở trong dân gian. Người hiền tài học biết được việc rộng lớn; người tầm thường học biết được việc nhỏ nhặt. Đạo của vua Văn Vương, vua Vũ Vương chẳng chỗ nào không có. Thầy của tôi không chỗ nào không học, cần gì phải nhất định có một thầy nào?".

Lời bình:

Sinh thời, Khổng Tử học hỏi ở nhiều thầy: về lễ có Lão Tử, về chính sự có Đàm Tử, về nhạc có Tranh Hoằng, gảy đàn cầm có Sư Tương và nhiều danh sư khác nữa. Học rồi, Khổng Tử lại biết suy xét tùy thời thế mà sửa đổi cho phù hợp, học điều nhỏ mà suy ra lẽ lớn ở đời. Khổng Tử chính là nhân vật lịch sử tập trung đúc kết được tinh hoa của văn hóa cổ đại Trung Quốc. Khổng Tử lúc nào cũng chú ý học tập người khác, không có một thầy giáo nào cố định, mà coi tất cả mọi người đều là thầy giáo của mình. Vì vậy, Khổng Tử đã đi khắp mọi nơi, học khắp thiên hạ, dạy khắp thiên hạ, truyền bá đạo lý khắp thiên hạ. Khổng Tử là bậc thánh nhân, quả thực không sai.

Người học biết "tầm sư học đạo" để kế thừa được tinh hoa của người đời, suy xét vận dụng vào cuộc sống, ấy là biết theo cách học của Khổng Tử vậy.

22. Thúc Tôn Vũ Thúc nói với các đại phu ở triều đình nước Lỗ rằng: "Tử Cống có đạo đức, tài năng hơn hẳn Khổng Tử".

Tử Phục Cảnh Bá nói lại với Tử Cống.

Tử Cống nói: "Lấy bức tường cung thất làm ví dụ vậy. Tường của nhà tôi chỉ cao bằng vai, cho nên ai cũng có thể từ phía ngoài nhìn thấy được cái tốt đẹp trong nhà. Còn tường của thầy tôi cao đến mấy trượng, nếu không tìm được cửa để vào thì không ai có thể nhìn thấy được vẻ tráng lệ uy nghiêm, cái đa dạng của kiến trúc

buồng phòng ở trong. Nếu có thì cũng rất ít người có thể tìm được cửa để vào. Thúc Tôn Vũ Thúc nói như vậy, thật chả thích hợp tý nào".

Lời bình:

Khen một người là khó, vì phải nhận thức được rõ người đó đúng như vậy mới khen. Nhưng khen người này hơn người kia thì thực sự khó, vì phải nhận thức được rất rõ cái mạnh, cái yếu của cả hai người, lại còn phải đặt cả hai người trong một hoàn cảnh và điều kiện giống nhau thì lời khen mới chân thực. Nếu không thấu hiểu cả hai người, thường lời khen hay bị thiên lệch. Để tránh được sự thiên lệch đó, người khen phải đủ hiểu biết, lòng dạ phải ngay thẳng mới được.

Thúc Tôn Vũ Thúc khen Tử Cống có đạo đức, tài năng - đó là hiểu được Tử Cống; nhưng bảo Tử Cống hơn Khổng Tử - đó là chẳng hiểu gì về Khổng Tử.

Tử Cống ca ngợi Khổng Tử, vì Tử Cống hiểu rất rõ thầy của mình, hiểu rất rõ tầm vóc vĩ đại của đạo mà thầy mình theo đuổi. Lời ca ngợi của Tử Cống đối với Khổng Tử càng khẳng định sự không hiểu biết mà lại thiên lệch của Thúc Tôn Vũ Thúc.

23. Thúc Tôn Vũ Thúc chê Khổng Tử.

Tử Cống nói: "Làm như thế chẳng có ích gì! Không thể làm mất uy tín của thầy tôi được. Tài đức của người khác có thể ví như cái núi nhỏ mà thôi, nhưng vẫn có thể vượt qua được. Còn tài đức của Khổng Tử cao xa

như mặt trăng mặt trời, chẳng có ai có thể vượt qua được. Có ai đó cố ý đoạn tuyệt với đạo của thầy tôi thì có tổn hại gì đến đức cao cả như mặt trăng mặt trời? Chê như thế chỉ chứng tỏ ông ta không biết tự lượng sức mình mà thôi".

Lời bình:

Chê người tưởng dễ nhưng hóa ra lại rất khó, vì trước hết phải đủ nhận thức để hiểu thấu suốt người đó, sau lại phải có chuẩn mực đúng đắn đối chiếu vào mới có được lời chê cho phải nhẽ. Thế mà ở đây lại chê người ta chỉ vì mình không hiểu nổi người ta, lại còn dám lấy cái nhận thức hẹp hòi của mình bình giá người ta thì thật chẳng đúng với lẽ người quân tử.

Tử Cống coi tầm suy nghĩ và nhận thức của Thúc Tôn Vũ Thúc còn xa mới đủ để hiểu Khổng Tử, nên mới nhắc Thúc Tôn Vũ Thúc không biết tự lượng sức mình là vậy.

24. Trần Tử Cầm nói với Tử Cống: "Anh quá khiêm tốn và cung kính đối với thầy Khổng Tử đó thôi. Thầy Khổng Tử chắc gì đã hơn anh?".

Tử Cống nói: "Người quân tử nói ra một câu có thể biểu hiện được sự thông minh, cũng có thể biểu hiện được sự ngu dốt kém cỏi của mình. Vì vậy phải thận trọng khi nói. Chúng ta không thể theo kịp thầy của mình, như không thể dùng thang để trèo lên trời vậy. Thầy chúng ta, nếu được nắm giữ một nước nào đó thì

sẽ được như lời cổ ngữ: "Gây dựng sinh kế cho dân thì dân tự hiểu lấy lễ mà làm; dắt dẫn dân thì dân sẽ tự đi theo; vỗ về dân thì dân sẽ đến quy thuận; cổ động dân thì dù gặp biến cố, dân cũng nhất định đồng tâm hiệp lực". Thầy chúng ta khi sống được mọi người tôn kính, khi thác được mọi người thương xót. Như vậy còn ai theo kịp thầy chúng ta được?".

Lời bình:

Theo lẽ thường ai đi học cũng phải có thầy, phải có sách, chẳng ai nên người mà bỏ qua hai điều ấy. Nhờ có thầy mà người ta được mở mang tri thức, nâng cao năng lực để thành người có ích, nhỏ thì có ích cho bản thân và gia đình, to thì có ích cho xã hội.

Nhưng kẻ đi học chỉ biết bo bo theo đúng những chữ thầy dạy, theo đúng điều thầy đã giảng thì chẳng bao giờ hiểu được những điều cao siêu trong đó. Mà thường là những điều cao siêu thì nhiều khi miệng chẳng nói ra hết được, bút chẳng thể nào viết ra hết được. Học mà chẳng lĩnh hội được hết cái ý bên ngoài lời thầy giảng thì chỉ làm loạn hiểu biết của mình, như thế gọi là "hư văn".

Kẻ đi học chuộng hư văn ra đời thấy thực tế không như thầy dạy, cho là thầy mình kém. Kẻ như vậy bản thân đã kém về năng lực lại kém cả về đạo thầy trò. Trần Tử Cầm quả đúng là như thế.

Tử Cống thì trái lại, quả là người chuộng thực học, *đã hiểu được đạo lý thầy dạy, lại giữ được đạo thầy trò.*

cho dù mình thành đạt vẫn giữ đúng chữ "kính" đối với thầy của mình.

Lời ca tụng của Tử Cống đối với Khổng Tử thực là khiến cho đời sau không còn lời nào hơn nữa để ca tụng.

Chương 20

NGHIÊU VIẾT

1. Khi vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn đã phán rằng: "Hỡi ngươi Thuấn! Số trời định đã đến lúc ngươi nối ngôi ta mà làm vua. Hãy thành thực chấp hành đạo trung chính. Nếu để dân bốn biển bị khốn cùng thì lộc của trời ban sẽ mất hẳn".

Vua Thuấn khi nhường ngôi cho vua Vũ cũng dùng mấy lời ấy để truyền mệnh như vậy.

Lời bình:

Đây là câu đầu tiên trong quyển Thượng Thư nói về điển tích vua Nghiêu.

Việc nhường ngôi cho vua Thuấn là do ý chí của trời, là xu thế của lịch sử, là sứ mệnh của thời đại, chứ không phải do vua Nghiêu quyết định. Nói như thế, vua Nghiêu muốn nhắc nhở vua Thuấn luôn nhớ đến vai trò lịch sử của mình.

Vua Nghiêu còn căn dặn vua Thuấn khi giải quyết công việc phải nắm chắc nguyên tắc công bằng, kiên trì

đạo trung chính, không được thiên lệch riêng tư, không được dao động mới giải quyết tốt được mọi việc. Đây là nhắc nhở về đạo trị nước.

Vua Nghiêu còn nói nếu để dân bốn biển bị khốn cùng thì lộc của trời ban sẽ mất hẳn. Câu này xem như lời răn của vua Nghiêu đối với vua Thuấn.

Vua Nghiêu là người không bỏ sót người hiền tài, biết lắng nghe lời bàn của dân chúng, dám bỏ ý riêng để theo ý chung, đối xử nhân hậu với mọi người. Đó là vị vua anh minh mà đức hậu. Vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn đã thử tài vua Thuấn trong ba năm, lại truyền lời vàng ngọc như vậy, quả là vị vua cẩn thận và kỹ lưỡng.

Vua Thuấn vốn có đức sáng giống vua Nghiêu, tính thâm trầm mà khôn ngoan, văn vẻ mà sáng suốt, ôn hòa mà cung kính, thật thà mà chất phác. Vua Thuấn biết kế thừa những lời dạy sâu xa của vua Nghiêu, thi hành đạo anh minh, lại không quên truyền lại cho vua Vũ, quả là vị vua có trước có sau.

Về sau, nói Nghiêu Thuấn là nói về gương anh minh, sáng suốt mà lại hiền đức của những vị vua hồi ấy.

2. Vua Thành Thang khi làm lễ lên ngôi, khấn với trời rằng: "Kẻ tiểu tử này tên là Lý, dám dùng bò đực đen để tế lễ, khẩn cầu thượng đế vô cùng tôn kính rằng, Hạ Kiệt có tội, con không dám tha; người hiền đức đáng làm thần tử của thượng đế, con cũng không dám che giấu, bởi vì đó là con làm theo lòng trời".

Tiếp đó, vua Thành Thang lại bố cáo với các nước chư hầu rằng: "Nếu trẫm có tội, xin đừng để liên lụy đến nhân dân muôn phương; nếu nhân dân muôn phương có tội thì chính là tội của trẫm".

Lời bình:

Nhà Hạ suy, vua Kiệt vô đạo bị vua chư hầu là ông Lý đánh đuổi rồi xưng vua, hiệu là Thành Thang. Khi vua Thành Thang làm lễ lên ngôi, trước là tế trời vì vua tự xưng là con trời, sau là bố cáo với các nước chư hầu.

Khi tế trời, vua Thành Thang khẳng định đánh đuổi vua Kiệt là theo ý trời, vì vua Kiệt vô đạo nên không thể tha thứ; còn người hiếu đức thì không che giấu mà xin dùng. Ý vua Thành Thang muốn khẳng định việc trừng trị kẻ ác, phong thưởng người thiện là hợp lẽ trời, hợp quy luật xã hội.

Khi bố cáo với các nước chư hầu, vua Thành Thang lại nói vua có tội chứ không phải do dân gây nên, mà dân có tội cũng là do lỗi của vua không tròn chức phận. Ý của vua Thành Thang trách nơi mình chứ không trách nơi người, khẳng định vai trò và chức phận của vua là người có trách nhiệm thay mặt cho dân.

Lời nói này được phát ra từ người chấp chính, đã nói lên được phẩm chất chính trị quan trọng cần có của một người lãnh đạo. Một người lãnh đạo có sai lầm không thể thoái thác trách nhiệm, không đổ lỗi cho cấp dưới, càng không đổ lỗi cho dân, *nhưng muôn phương dân có*

tội thì người lãnh đạo cũng thấy phần trách nhiệm của mình.

Cách đây trên ba nghìn năm, vua Thành Thang phát biểu được quan điểm như vậy, đã nêu gương sáng cho muôn thế hệ chấp chính về sau.

3. Sau khi diệt được vua Trụ, nhà Chu xuất của cải trong kho phân phát cho khắp cả nhân dân, những người hiền được trọng thưởng mà trở nên giàu có.

Trong khi đem quân đánh vua Trụ, vua Vũ Vương thề rằng: "Dù vua Trụ có nhiều người thân, cũng chẳng bằng ta có nhiều người nhân. Nếu dân trăm họ phạm điều tội lỗi thì chỉ trị một mình ta mà thôi".

Lời bình:

Việc xuất của cải trong kho phân phát cho nhân dân, lại còn chú trọng tới người hiền là điểm rất sâu sắc của thời đại nhà Chu. Nói của cải là trọng nhưng ở đây thì nghĩa lại đáng trọng hơn. Việc nghĩa tức là việc phải, việc từ thiện, việc ân đức có tác dụng sâu xa, làm thắm lòng người, làm cho người ta nhớ lâu. Dân theo nhà Chu từ lúc cơ hàn chịu đựng bao gian khó. Lúc thành đạt, nhà Chu biết trả nghĩa cho dân, vỗ về an dân, để có dân làm nơi nương tựa. Điều sâu xa ấy giúp nhà Chu tồn tại rất lâu trong lịch sử Trung Quốc.

Vua Trụ dùng người thân, vua Vũ Vương dùng người nhân, thật là trái ngược nhau. Dùng người thân dễ nghe lời siểm nịnh, dẫn đến suy vong như vua Trụ. Dùng

người nhân thì lúc sai được nghe lời can gián, như thế nước mới ngày một yên, thiên hạ mới mỗi ngày một quy phục như nhà Chu. Như vậy, người cầm vận mệnh quốc gia biết tín nhiệm hiền tài cùng trừng trị kẻ ác, sửa điều lỗi lầm, làm cho nội trị cũng như ngoại giao trở nên sáng sủa, đất nước mới thanh bình.

Tư tưởng của vua Vũ Vương dám nhận trăm họ có tội lỗi đều là ở nơi mình cũng xuất phát từ những điều nghĩa, điều nhân ở trên, không đổ lỗi cho người mà trách tại nơi mình vậy.

Những tư tưởng về nhân nghĩa sau này có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng của đạo Khổng Tử.

4. Vua Vũ Vương cẩn thận sửa định lại cân và đồ đo lường, định rõ lại phép tắc luật lệ, dùng những quan viên hiền đức bị vua Trụ bãi bỏ. Việc cai trị trong bốn phương đều thông suốt. Khôi phục những nước chư hầu đã bị diệt, cho người nối tiếp những dòng họ bị đứt quãng, cử dùng những hiền sĩ ẩn dật. Vì vậy, người trong thiên hạ đều hết lòng quy phục.

Lời bình:

Việc quản lý hành chính một quốc gia thường cũng phải chú trọng đến đo lường và luật pháp. Thống nhất về cân và đo lường sẽ tránh được sự gian lận. Định rõ phép tắc luật lệ phù hợp với đạo cai trị thì từ vua đến dân cứ theo đó mà thực hiện, ngăn ngừa được tội phạm mà xét xử tránh được oan sai. Những điều đó cũng phù

hợp với học thuyết chính danh của Khổng Tử, đó là việc chính sự cốt nhất là phải làm cho sáng rõ luân thường đạo lý; ở chốn triều đình thì vua hết đạo làm vua, tôi hết đạo làm tôi; ở trong gia đình thì cha hết đạo làm cha, con hết đạo làm con; vua tôi, cha con ai nấy đều làm hết đạo của mình thì chính sự mới hay, mới tốt được. Đồng thời, những điều đó tạo nên được uy quyền thống nhất của nhà nước cai trị trong toàn thiên hạ, đó là lễ.

Vua Vũ Vương còn khôi phục những nước chư hầu bị vua Trụ diệt; phong cho người nối tiếp dòng họ của vua Nghiêu, Thuấn, nhà Hạ, nhà Thương; tha cho ông Cơ Tử khỏi tù đày, phục chức cho hiền thần là ông Thương Dung bị vua Trụ đày ải... Những điều đó hợp lòng người, đạt được ân đức, đó là hòa.

Vua Vũ Vương có được uy, làm được ân, tức là có được lễ và hòa. Vì vậy mà thiên hạ đều quy phục cũng là lẽ thường.

5. Vua Vũ Vương rất chú trọng đến ba việc của dân là lương thực, tang lễ, tế tự.

Lời bình:

Nước quân chủ thì chẳng ai trọng bằng vua, nhưng vua Vũ Vương biết chú trọng đến ba việc của dân, thật là người hiểu thấu được dân.

Dân không có đủ ăn thường đi tìm kế kiếm ăn, vậy là không an cư, dẫn đến sinh loạn. Vậy, lo lương thực cho dân là *việc hàng đầu vì sẽ an dân.*

Người ta ai cũng có cha mẹ, ai cũng phải lo tang lễ khi cha mẹ qua đời. Vậy, lo việc tang lễ cho dân là dạy dân ăn ở với cha mẹ cho hiếu thuận, xây dựng được thuần phong mỹ tục cho xã hội.

Tế trời, tế đất, cúng tế tổ tiên là phong tục lâu đời của dân. Các vùng còn thờ xã tắc tức là thờ thổ thần (thần giữ đất) và cốc thần (thần cho được mùa). Vậy, lo việc tế tự của dân cũng là chăm lo cho đời sống tinh thần của dân.

Chăm lo được ba việc ấy thì dân no đủ, nhà nhà yên ổn, cuộc sống yên lành. Vua Vũ Vương quả là người biết lấy dân làm gốc, hiểu được rằng có dân thì mới có vua mà coi trọng cuộc sống của dân. Chỉ có người hiểu thấu việc trị nước thì mới làm được như vậy.

6. Khoan dung sẽ được dân ủng hộ. Tín thực thì dân nhất định dựa vào mình. Cần mẫn làm việc sẽ thu được thành tích công lao. Công bằng sẽ làm đẹp lòng người.

Lời bình:

Câu trên nói về bốn điểm chủ yếu bàn về đạo của các đế vương.

Khoan dung: Đối xử với dân có tấm lòng nồng hậu, biết ban phát ân huệ cho dân, xử phạt không quá tàn ác, thì sẽ được lòng dân, được dân theo.

Tín thực: Người lãnh đạo trước hết nói ra phải có chữ tín, tức là nói đi đôi với làm thì dân mới tín nhiệm. Nói

phải làm, làm phải có kết quả. Đây là điều kiện quan trọng để dân tin.

Cần mẫn: Phải không ngừng phấn đấu, công tác, làm việc có năng suất hiệu quả cao, mới đạt thành tích xuất sắc.

Công bằng: Thưởng phạt công minh, khó khăn san sẻ, được như vậy thì dân hài lòng, sẵn sàng làm theo.

7. Tử Trương hỏi: "Như thế nào mới làm được quan quản lý chính sự?".

Khổng Tử nói: "Biết tôn trọng năm việc tốt, biết loại trừ bốn việc xấu. Như vậy có thể làm quan quản lý chính sự".

Tử Trương hỏi tiếp: "Thế nào là năm việc tốt?".

Khổng Tử nói: "Người quân tử làm ơn huệ cho dân mà không hao tốn tiền của; khiến dân làm việc khó nhọc mà dân chẳng oán ghét; ham muốn mà không tham lam; trang trọng mà không kiêu ngạo; uy nghiêm mà không hung bạo".

Tử Trương lại hỏi: "Thế nào là làm ơn huệ mà không hao tốn tiền của?".

Khổng Tử nói luôn: "Thuận theo lợi của dân hướng dẫn họ đi làm những việc có lợi, khiến họ có được lợi ích, đây không phải là ban ơn huệ cho dân mà không hao tốn tiền của ư? Chọn việc đáng làm mà vào lúc thích hợp, đúng mùa vụ, đúng thời tiết, đôn đốc dân làm việc khó nhọc, như vậy có ai lại oán ghét mình? Ham muốn

làm việc nhân đức, đây sao gọi là tham lam. Người quân tử xử sự, không kể người nhiều ít, sự việc lớn nhỏ, đều không dám coi thường khinh mạn, đấy chẳng phải là trang trọng mà không kiêu ngạo đó ư? Người quân tử áo mũ chỉnh tề đoan trang, ánh mắt nghiêm túc, thái độ tôn trọng, khiến người nhìn thấy sinh nể sợ, đây không phải là uy nghiêm mà không hung bạo đó ư?"

Tử Trương lại hỏi: "Thế nào là bốn việc xấu".

Khổng Tử nói: "Không tiến hành giáo hóa dân, để dân phạm tội liền giết ngay, gọi là tàn ngược. Không chỉ vẽ hướng dẫn chu đáo mà đòi có thành quả ngay, gọi là thô bạo. Tùy tiện hạ lệnh, lại yêu cầu hoàn thành ngay trong một thời gian gấp rút, gọi là hại dân. Cũng là ban thưởng cho người, nhưng đến khi thưởng lại tỏ ra bủn xỉn keo kiệt, tiếc rẻ, gọi là kẻ giữ nhà kho".

Lời bình:

Đoạn này Khổng Tử nói về năm việc tốt phải làm và bốn việc xấu phải tránh để giúp người làm chính trị theo đó mà tu thân thì mới làm việc trị quốc tốt được.

Người xưa cho rằng, khi ra làm quan thì thân mình là của quốc gia rồi, chẳng có tiếc gì mà không làm trọn vẹn nghĩa vụ đối với dân, với nước. Muốn vậy, người làm quan phải làm những việc tốt đem lại lợi ích thiết thực cho dân. Nếu theo lợi ích của dân, đề ra chủ trương chính sách thiết thực như giúp dân có ruộng cấy, trâu cày... thì chẳng phải hao tốn tiền của mà vẫn có ơn huệ cho dân. Nếu chọn việc đáng làm như đắp đê chống lụt gây mất mùa, trừ sâu hại lúa... để khiến dân làm thì dân chẳng những không oán ghét mà còn ủng hộ nhiệt tình... *Chỉ nêu thử hai ví dụ đó đã thấy lời dạy làm việc*

tốt thật quả là cần thiết để người làm quan theo đó mà làm tròn phận sự.

Khổng Tử lại nói về bốn việc xấu, bốn việc xấu này thường có ở những người làm quan ngày xưa. Nếu ví việc xấu đó như bệnh thì lúc mới phát hiện mà biết chữa trị ngay còn dễ, còn để lâu ngày thì chữa khó hơn, thậm chí nguy hiểm không sao chữa được. Vì vậy, người ta khi biết mình phạm vào những việc xấu đó thì phải biết lo xa mà sửa mình còn kịp; nếu để ngày tháng qua đi thì có muốn sửa cũng chẳng còn lúc nào mà sửa được nữa.

Người ta biết làm những việc tốt, biết sửa những việc xấu thì mới được dân kính trọng, người xung quanh nể vì, thế mới thật là làm quan vì dân, vì nước.

Lời dạy của Khổng Tử thật là đầy đủ, cô đọng; lời giảng giải thật rõ nghĩa dễ hiểu. Người ta nếu đọc lời ấy, lại học theo cách của thánh nhân là suy xét để hiểu thấu được mọi lý lẽ, chắc hẳn sẽ rút ra được nhiều điều sâu sắc, bổ ích cho bản thân.

8. Khổng Tử nói: "Không biết mệnh trời thì không thể làm người quân tử. Không biết lễ thì không tự lập được trong xã hội. Không biết phân biệt lời phải trái thì không thể biết được người".

Lời bình:

Người xưa cho rằng mệnh là quy luật khách quan, là những điều đã định sẵn một cách thần bí cho mỗi người được hưởng hay phải chịu trong đời mình, không cưỡng lại được. Khổng Tử cho rằng người ta phải tu dưỡng rèn luyện để có tài đức, nhưng mệnh vận cũng có ảnh hưởng nhất định, có tài đức chưa chắc đã thành đạt và ngược

lại. đó là tại mệnh cả. Khổng Tử khuyên phải biết mệnh trời là để răn người thành đạt hơn người khác chớ vội khinh người vì chưa chắc đã hơn người ta về tài đức; đồng thời vỗ về người chưa thành đạt chớ nên phàn nàn mà làm lụy đến thân. Điều đó cũng có nghĩa là người ta thấy lợi cũng đừng cố mà chạy đến, thấy hại cũng đừng cố mà tránh cho xa, lúc nào cũng phải biết giữ bản lĩnh của mình mới đúng là theo mệnh. Có lẽ Khổng Tử nói điều đó khi ngẫm về bản thân mình, vì sau đó Khổng Tử thanh thản yên tâm lui về dạy học:

Khổng Tử rất coi trọng lễ, vì biết lễ thì hiểu rõ thứ tự phép tắc. Người đi học mà không biết lễ thì chẳng để tâm mà học được điều hay lẽ phải, hành động chẳng đúng phép tắc. Người như thế chẳng thể lập thân được.

Khổng Tử cũng rất trọng lời nói. Lời nói là biểu hiện bên ngoài của nội tâm. Lời nói lắt léo quanh co thì tâm địa xấu xa, thâm độc. Lời nói rõ ràng mạch lạc thì lòng ngay dạ thẳng. Phân biệt được lời nói phải hay trái sẽ biết được người nói lời ấy là chính hay tà.

Học được ba điều trên, người ta có thể suy xét mà hiểu được nhiều điều khác. Học trò của Khổng Tử chép những điều này ở cuối của phần Luận Ngữ, chắc hẳn lưu ý người ta những điều này sẽ có ích trong học tập và tu dưỡng theo lời dạy của thánh nhân.

Mạnh Tử

LỜI DẪN

Mạnh Tử được coi là người đã kế thừa và phát triển xuất sắc học thuyết Nho gia do Khổng Tử đề xướng. Tuy kế thừa tư tưởng của Khổng Tử, nhưng Mạnh Tử đã phát triển và hoàn thiện, tập trung vào những luận điểm quan trọng là tính thiện, vương đạo nhân chính và nhân nghĩa.

Trong sách Tam Tự Kinh trước đây là sách cho người mới đi học, câu mở đầu là "Nhân tri sơ, tính bản thiện", nghĩa là con người ta sinh ra vốn thiện. Đây chính là tư tưởng của Mạnh Tử về bản tính thiện của con người. Khổng Tử thì chú trọng dạy về cách làm người. Mạnh Tử lại chú trọng truy tìm bản thể phía sau hiện tượng xã hội và tự nhiên, lấy việc hoàn thiện tu dưỡng đạo đức làm khởi điểm cho việc nhận thức chân lý. Đặc biệt, khi bàn về bản tính con người, Mạnh Tử đã đi sâu để bàn về tâm, tổng kết hàng loạt khái niệm trước đó về tâm, làm rõ sự khác nhau giữa tâm với các khí quan khác như tai, mắt... và nêu ra mệnh đề "tâm thì để tư duy". Chính mệnh đề này đã ảnh hưởng rất sâu sắc trong nhận thức, coi tâm là phương tiện truyền tải nhằm thực hiện việc tự mình làm thức tỉnh và hoàn thiện con người, từ đó nêu ra những khái niệm về lòng thương xót, xấu hổ, căm ghét... Trên cơ sở đó, ông khuyên mọi người coi trọng việc tu dưỡng nội tâm, bảo tồn tính thiện để hoàn thiện những phẩm cách tốt đẹp.

Mạnh Tử còn bàn nhiều về vương đạo nhân chính trên cơ sở tiếp thu luận điểm đức trị và lễ giáo của Khổng Tử, nhằm thu phục nhân tâm, thống nhất thiên hạ. Ông khẳng định quan niệm về vương đạo nhân chính là phải biết coi: "Dân quý nhất, thứ đến xã tắc, rồi mới đến vua", và cho rằng nhà vua nên cùng chúng dân chung hưởng lạc thú, tạo điều kiện cho dân làm ăn sinh sống. Như vậy, Mạnh Tử đã nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều giữa vua và dân, tức là ít nhiều đã có yếu tố dân bản; mặc dù yếu tố dân bản đó hình thành trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của nhà cầm quyền.

Mạnh Tử còn bàn sâu về nhân nghĩa, coi nhân là nơi ở rộng rãi nhất, còn nghĩa là con đường lớn nhất, sống phải có nơi ở, đi lại phải có đường, từ đó coi nhân nghĩa gắn bó với con người, là đích để tu dưỡng và rèn luyện.

Những lời thuyết giải của Mạnh Tử với các bậc vua, quan và học trò về những nội dung có tầm vóc lớn như vậy, nhưng ông khéo lý giải những vấn đề phức tạp bằng những ví dụ, ngụ ngôn giàu hình tượng cho nên thật dễ hiểu, hấp dẫn mà đậm chất hùng biện.

Tư tưởng của Mạnh Tử chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống tư tưởng Nho gia, được các triều đại trước đây hết sức tôn trọng coi là đạo lý kinh điển trong việc trị quốc an dân. Trong bộ sách Tứ Thư, có thể coi sách Mạnh Tử là dẫn giải thêm, chú giải thêm cho sách Luận Ngữ, cho nên chiếm nội dung rất quan trọng trong cả bộ sách.

Sách Mạnh Tử chú giải lần này có tham khảo từ nhiều bản chú giải trước đây nhưng sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu và đại chúng hơn để bạn đọc dễ tiếp thu.

Bắc Kinh, mùa hè năm 2002

NHIỆM ĐẠI VIỆN - LƯU PHONG

Chương 1

LƯƠNG HUỆ VƯƠNG CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - MẠNH TỬ VỚI LƯƠNG HUỆ VƯƠNG[1]

1. Mạnh Tử đến gặp vua Lương Huệ Vương.

Vua Lương Huệ Vương hỏi:

- Cụ Mạnh, cụ chẳng ngại đường xa nghìn dặm tới đây, chắc hẳn là đem đến cho nước ta nhiều điều lợi lắm?

Mạnh Tử thưa:

- Thưa đức vua! Vua hễ nói ra là phải nói đến điều lợi ư? Nói nhân nghĩa có hơn không?

Nếu vua cứ hỏi: "Làm thế nào để cho nước ta có lợi?", thì các đại phu cũng có thể hỏi: "Làm thế nào để cho gia tộc ta có lợi?", và kẻ sĩ cùng trăm họ nói chung cũng có

---

1. Vua nước Ngụy thời Chiến Quốc, sinh năm 400 (TCN), năm 369 (TCN) được phong chư hầu, mất năm 319 (TCN), ở ngôi trị vì được 50 năm. Năm 334 (TCN), tự phong vương, dời đô từ Ấp An đến Đại Lương (nay là thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam), gọi là Lương Vương. Sau khi mất, được người đời sau căn cứ vào sự tích một đời của Lương Vương, đặt thêm danh hiệu là Huệ, từ đó có tên là Lương Huệ Vương.

thể hỏi: "Làm thế nào cho bản thân ta có lợi?". Cứ như vậy, từ trên xuống dưới đều theo đuổi tư lợi, nước nhà sẽ nguy to!

Nước có vạn binh xa[1], kẻ giết vua nhất định là hạng đại phu có nghìn binh xa gây nên. Nước có nghìn binh xa, kẻ giết vua nhất định là hạng đại phu có trăm binh xa gây nên. Vua thu thuế cứ mười nghìn lấy một nghìn, một nghìn lấy một trăm, lợi ấy không phải không nhiều.

Nhưng ai cũng tùy tiện coi nhẹ việc nghĩa mà gạt ra sau, coi trọng việc lợi mà đưa lên trước thì chưa cướp đoạt hết của nhau sẽ chưa thỏa lòng mãn nguyện.

Từ trước đến nay, chưa có ai quý điều nhân mà ruồng bỏ cha mẹ, chưa ai trọng điều nghĩa mà dám ngạo mạn với vua. Vì vậy nhà vua nên nói về nhân nghĩa, việc gì cứ phải nói về điều lợi?

2. Vua Lương Huệ Vương đang đứng trên bờ hồ ngắm cảnh, nhìn chim cá bay lượn và hươu non gặm cỏ, thấy Mạnh Tử đến, liền hỏi rằng:

- Người hiền đức như cụ Mạnh có thích cảnh này và cuộc sống như thế này không?

Mạnh Tử thưa:

- Một kẻ sĩ hiền tài, chỉ mong thiên hạ được thái bình. Sau khi mọi người có được niềm vui trong cuộc

---

1. *Vạn binh xa, nghìn binh xa, trăm binh xa* là đơn vị để đánh giá thực lực quân sự thời cổ.

sống rồi mới đi hưởng niềm vui thú trong cảnh sắc phong quang này. Nếu chẳng phải là người hiền tài, dẫu có cảnh đẹp như thế này, cũng không thể có niềm vui thực sự.

Kinh Thi vốn có câu: "Khi mới bắt đầu xây Linh Đài, vua Văn Vương bồn chồn lo lắng, nhưng trăm họ đồng lòng nỗ lực, nên chẳng mấy chốc hoàn thành. Lúc mới khởi sự, vua Văn Vương nói không vội lắm, nhưng trăm họ vẫn dốc sức ra làm, nhờ thế mà chóng xong. Vua Văn Vương ở trong vườn Linh Hựu, thấy hươu cái da lông mịn sáng, béo mập nằm nghỉ thoải mái, chim hạc lông trắng phau phau nhẹ nhàng vỗ cánh. Vua Văn Vương đứng trên bờ hồ Linh Chiểu (hồ linh thiêng), cá đầy hồ tự do tung tăng bơi giỡn với nhau".

Vua Văn Vương trưng dụng sức của trăm họ xây đài cao, đào hồ sâu, thế mà trăm họ vẫn cảm thấy vui sướng khi được làm việc ấy, còn gọi đài cao là Linh Đài, gọi ao sâu là Linh Chiểu. Chim muông dã thú trong vườn hoa cũng vì vua Văn Vương mà cảm thấy vui lây. Những vị vua đời xưa có thể cùng trăm họ hưởng niềm vui chung, cho nên có thể hưởng niềm vui thực sự.

Sách Thượng Thư trong phần Thương Thệ có câu: "Mặt trời kia chừng nào mới mất? Ta nguyện cùng chết với người". Dân vì oán ghét vua Kiệt tàn bạo mà muốn cho vua Kiệt chết đi, dù họ có chết cũng cam. Những kẻ tàn bạo như vua Kiệt không được lòng dân, tuy cũng có đài cao, hồ sâu cùng chim muông dã thú, nhưng chắc gì được độc hưởng niềm vui?

3. Vua Lương Huệ Vương tâm sự với Mạnh Tử:

- Ta đối với việc nước đã tận hết tâm trí và sức lực. Hà Nội[1] gặp lụt lội mất mùa, ta cho chuyển ngay trăm họ sang đất Hà Đông[2], còn đem lương thực từ Hà Đông đến cứu tế Hà Nội. Lúc Hà Đông gặp cảnh tai ương, ta cũng làm như vậy. Nhìn cách cai trị ở các nước láng giềng chưa thấy nơi nào tận lực như ta. Thế mà trăm họ ở đấy cũng chẳng giảm bớt, ở ta cũng chẳng thêm, không biết tại làm sao?

Mạnh Tử thưa:

- Vua ưa thích đánh nhau, lấy việc đánh nhau làm ví dụ. Trống trận tùng tùng, hai bên đao kiếm đấu nhau. Bên thua, binh sĩ vứt áo giáp kéo đao thương mà chạy. Có người chạy một trăm bước rồi mới dừng lại. Có người chạy năm mươi bước đã dừng lại. Những binh sĩ chạy năm mươi bước lại chê cười kẻ chạy một trăm bước là non gan. Thế là thế nào?

Vua Lương Huệ Vương nói:

- Sao lại thế! Những binh sĩ cười người khác chẳng qua là chạy chẳng nổi trăm bước đó thôi. Thực chất cả lũ đều như nhau, đều tháo chạy cả.

Mạnh Tử thưa:

- Nhà vua hiểu được đạo lý này, sẽ không mong trăm họ của mình nhiều hơn nước khác.

---

1. Vùng phía bắc sông Hoàng Hà.
2. Vùng phía đông sông Hoàng Hà.

Nếu không trưng dụng sức dân trong mùa vụ, làm trễ thời vụ, thì lương thực thu về ăn chẳng hết.

Nếu không dùng lưới có mắt dày, bủa vây cá trong hồ ao sông suối, thì cá, ba ba,... cũng ăn chẳng hết.

Nếu người cầm dao rìu vào rừng lấy củi chặt gỗ biết theo thời hạn nhất định, hiểu được cây nào đáng chặt còn cây nào không, thì gỗ lạt cũng dùng chẳng hết.

Lương thực, cá và ba ba ăn không hết; gỗ lạt dùng không hết. Dân nhờ đó mà nuôi dưỡng người sống, chôn cất người chết, chẳng bao giờ tỏ ý phàn nàn.

Nuôi dưỡng người sống, chôn cất người chết không để lại điều gì đáng tiếc, đó là việc đầu tiên của đạo làm vương.

Nếu một nhà được cấp năm mẫu[1] đất để ở, chung quanh vườn biết trồng dâu, thì người năm mươi tuổi đều được mặc quần áo lụa[2].

Nếu nuôi gà, nuôi chó, nuôi lợn mẹ lợn con, biết được một quy tắc nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho nó phát triển sinh sôi theo mùa vụ, không giết mổ tùy tiện, người bảy mươi tuổi vẫn có thịt ăn.

Ruộng đất ngoài đồng được cấp những trăm mẫu, biết trồng cấy theo thời tiết mùa vụ, thì một đại gia đình không thể không đủ ăn.

---

1. Mỗi mẫu bằng 666,66 mét vuông, 15 mẫu bằng 1 héc-ta. Ngày xưa đất rộng người ít, một gia đình quản lý 5 đến 6 héc-ta là bình thường.

2. Người năm mươi tuổi là người đang phải lao động, nên cần mặc áo vải, nhưng vì lụa nhiều nên người năm mươi tuổi vẫn được mặc - *LND*.

Thiết thực mở trường, chăm lo giảng dạy đạo hiếu đễ, thì những cụ già đầu bạc răng long chẳng bao giờ phải tay xách nách mang ngoài đường.

Người bảy mươi tuổi được mặc áo quần lụa, được ăn thịt cá, trăm họ thoát cảnh ăn đói mặc rét, như vậy mà nền cai trị không thịnh vượng lên thì quả là từ trước đến nay chưa có bao giờ.

Ngược lại, nay chó lợn của người giàu có ăn sướng như người mà không biết kiểm tra cấm chỉ; người sắp chết đói ở ngoài đường cũng không biết mở kho để mà cứu tế; người chết đói rồi, vua mới nói: "Đây không phải là lỗi của ta, mà là vì mùa màng quá thất bát". Như thế có khác nào dùng binh khí giết người rồi lại nói: "Không phải ta giết đâu mà là binh khí giết đấy".

Nhà vua không nên đổ tội vào mùa màng xấu kém. Có như vậy, trăm họ trong thiên hạ sẽ đến quy thuận, theo về càng đông.

4. Vua Lương Huệ Vương nói:

- Được tiếp thu sự chỉ giáo của cụ, ta rất mừng.

Mạnh Tử hỏi:

- Giết người bằng gậy và giết người bằng dao, có gì khác nhau?

- Không có gì khác nhau.

- Giết người bằng dao và giết người bằng cách cai trị hung bạo, có gì khác nhau?

- Không khác gì nhau vậy.

Mạnh Tử bèn thưa:

- Trong bếp của nhà vua có thịt béo, trong chuồng ngựa của nhà vua có ngựa mập. Còn dân thì xanh đét, ngoài đồng lại la liệt thi thể người chết đói. Đây chẳng khác gì dẫn dã thú đến ăn thịt người. Dã thú ăn thịt lẫn nhau, người ta còn ghét thay. Huống chi làm bậc cha mẹ của dân, thi hành chính lệnh, lại để dã thú ăn thịt người, sao lại có thể nói là cha mẹ dân được?

Khổng Tử đã từng nói: "Kẻ làm ra hình nộm đầu tiên để chôn theo người chết, kẻ ấy đáng tuyệt tự, tuyệt tôn, tuyệt nòi". Sở dĩ Khổng Tử nói nặng lời như vậy là vì tuy không dùng người sống chôn theo người chết nhưng hình nộm đó vẫn rất giống người, chôn hình nộm vẫn là bất nhân.

Vậy thì người cầm quyền thi hành chính sách hung bạo, đang tâm để dân chết đói có khác gì kẻ tạo ra hình nộm kia chăng?

5. Vua Lương Huệ Vương nói:

- Ngày xưa nước Tấn[1] là nước mạnh nhất thiên hạ, điều ấy chắc cụ đã biết rồi. Nhưng đến thời ta nắm quyền, phía đông phải chịu thua nước Tề lại mất luôn con trưởng; phía tây phải nhượng cho nước Tần bảy trăm dặm; phía nam bị nước Sở làm nhục, cướp mất nhiều thành trì. Ta lấy làm hổ thẹn lắm, rất muốn vì

---

1. Ở đây là chỉ nước Ngụy. Thời Chiến Quốc nước Tấn chia ra ba nước: Hàn, Triệu, Ngụy.

người đã khuất mà báo thù rửa nhục. Vậy nên làm như thế nào?

Mạnh Tử thưa:

- Nước nhỏ có khuôn viên trăm dặm vẫn có thể xưng vương thiên hạ. Nếu nhà vua thực hiện nhân chính, giảm hình phạt, nhẹ thuế khóa; khuyên bảo trăm họ chăm lo việc đồng áng cày sâu cuốc bẫm; khuyên bảo thanh thiếu niên trong thời gian rỗi rãi, học tập đạo lý hiếu để trung tín, biết theo những đạo lý này để ở nhà phụng sự cha mẹ, ra ngoài phụng sự bề trên. Được như vậy, thì trăm họ có thể đồng lòng dốc sức, chỉ gậy gộc giáo mác cũng có thể chống cự nổi quân Tần, quân Sở có đao thương sắc nhọn và có áo giáp rắn chắc.

Vua những nước ấy đã cướp đoạt mất thì giờ sản xuất và nghỉ ngơi của dân, làm cho họ không thể mùa xuân cày cấy, mùa thu thu hoạch để nuôi dưỡng cha mẹ. Cha mẹ họ phải chịu đói chịu rét, anh em vợ con họ phải lưu lạc phân ly. Những kẻ nắm quyền nước Tần, nước Sở đã khiến cho dân chúng lâm vào khổ nạn. Bấy giờ nhà vua đem quân đi chinh phạt, thì còn ai muốn chống lại nhà vua?

Cho nên xưa có câu: "Không ai địch nổi người có đức nhân". Xin nhà vua chớ do dự và hoài nghi câu nói đó.

6. Mạnh Tử đến gặp vua Lương Tương Vương (con của vua Lương Huệ Vương, mới nối ngôi cha), khi ra về nói với mọi người bên cạnh:

- Nhìn từ xa, chẳng thấy ông ấy có tướng mạo làm vua. *Đến gần, chẳng thấy có vẻ uy nghiêm đủ khiến*

mình sợ. Đột nhiên, nhà vua hỏi ta rằng: "Thiên hạ loạn lạc thế này, làm sao cho yên ổn được?". Ta thưa rằng: "Muốn thiên hạ yên ổn thì phải thống nhất thiên hạ, gom về một mối". Vua hỏi tiếp: "Ai có thể thống nhất thiên hạ?". Ta trả lời: "Vị vua nào không ham giết người mới có khả năng thống nhất thiên hạ". Vua lại hỏi tiếp: "Ai có thể chịu nghe theo vị vua này?". Ta trả lời: "Thiên hạ không có ai không theo. Nhà vua có biết mạ sinh trưởng như thế nào không? Giữa những ngày tháng bảy tháng tám, trời hạn không một hạt mưa, mạ vàng úa khô héo. Bỗng nhiên trời nổi mây và đổ mưa, mạ lại phát triển xanh tốt hơn trước. Lúc ấy, chẳng có ai cản trở nổi mạ vươn lên được. Còn bây giờ, vua các nước chư hầu không có ai không thích chém giết người. Nếu có một vị vua không thích chém giết người, trăm họ nhất định quay đầu hướng về vị vua ấy, lòng tràn đầy hy vọng. Nếu có được người như vậy, dân sẽ theo về hết, giống như dòng nước từ trên cao chảy xuống, ào ào như thác đổ, ai có thể ngăn cản được trào lưu này?".

II - MẠNH TỬ VỚI TỀ TUYÊN VƯƠNG

Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Mạnh Phu Tử có thể cho biết về sự nghiệp của vua Tề Hoàn Công và vua Tấn Văn Công[1] được không?

Mạnh Tử thưa:

- Học trò của Khổng Tử không có ai giảng về sự nghiệp của hai ông, cho nên từ sau thời Xuân Thu cũng

---

1. Là hai chư hầu lần lượt xưng bá trong thời Xuân Thu.

không lưu truyền lại. Tôi cũng chưa nghe ai nói bao giờ. Nếu nhà vua muốn nghe, tôi sẽ nói về đạo làm vua, đạo dựa vào đức để xưng vua, như vậy chẳng hơn sao?

- Có đức như thế nào mới làm vua được?

- Biết bảo vệ dân chúng mới có thể làm vua thiên hạ được, không ai cản trở nổi.

- Như ta đây có thể xem là biết bảo vệ dân chúng không?

- Có thể.

- Mạnh Phu Tử dựa vào đâu mà nói ta có thể làm được việc ấy?

- Tôi đã từng nghe Hồ Hột, một bề tôi của nhà vua kể chuyện: Một hôm nhà vua đang ngồi trong sảnh đường, thấy có người dắt bò đi qua, liền hỏi: "Dắt bò đi đâu? Định làm việc gì?". Người dắt bò trả lời: "Chuông đã làm xong, giết bò lấy máu làm lễ treo chuông". Nhà vua thấy vậy liền nói: "Thả nó ra, ta không nỡ nhìn thấy nó run sợ, giãy giụa như người vô tội bị đưa đến chỗ chém đầu như thế kia". Người dắt bò hỏi lại: "Vậy thì phải bỏ lệ tế lễ khi treo chuông saò?". Nhà vua nói: "Sao lại bỏ? Dùng dê thay vào". Không biết có chuyện ấy không?

- Có chuyện ấy.

- Có tấm lòng như vậy đủ để làm vua thiên hạ rồi. Tuy trăm họ có thể cho rằng nhà vua hà tiện, tiếc con bò, nhưng riêng tôi thì tôi biết nhà vua đã có tấm lòng thương xót, không nhẫn tâm làm như vậy.

- Mạnh Phu Tử nói phải đó. Quả thật dân chúng có người nói như vậy. Nước Tề tuy nhỏ, nhưng ta chẳng đến nỗi phải hà tiện một con bò! Đó là vì ta không nỡ nhẫn tâm nhìn thấy nó phát sợ, run rẩy như người vô tội bị đưa đi chém đầu. Vì vậy, ta mới bảo lấy dê thay bò.

- Nhà vua đừng lấy làm lạ khi nghe dân chúng nói nhà vua hà tiện, tiếc một con bò. Nhà vua dùng con thú nhỏ thế mạng con thú lớn, dân chúng làm sao biết được nỗi lòng của nhà vua? Nhưng nhà vua đã thương xót đến con vật vô tội mà phải đưa đến chỗ chết, sao lại còn phân biệt con dê với con bò?

Vua Tề Tuyên Vương cười mà nói:

- Nói thực lúc đó chẳng biết bụng ta nghĩ như thế nào, ta cũng không rõ lắm. Quả thực là không phải tiếc con bò mà thay con dê. Nhưng nhìn bề ngoài, trăm họ nói ta hà tiện, tiếc của, cũng có cái lý nhất định của nó.

Mạnh Tử thưa:

- Điều đó nhà vua không việc gì phải bận tâm. Đạo nhân ái chính là ở chỗ đó, bao giờ cũng được thể hiện trong một hoàn cảnh cụ thể. Chẳng qua là vì lúc ấy nhà vua nhìn thấy con bò đang run sợ mà không thấy con dê đó thôi. Bậc quân tử, đối với chim muông thú vật, nhìn thấy nó sống thì không nhẫn tâm nhìn thấy nó chết; nghe tiếng kêu đau thương của nó thì không nỡ ăn thịt của nó. Cho nên bậc quân tử thường lánh xa nhà bếp là như vậy.

Vua Tề Tuyên Vương nói vẻ hứng thú:

- Kinh Thi có câu: "Tâm tư của người khác như thế nào, ta có thể nắm bắt được". Mạnh Phu Tử chính là con

người làm được như vậy. Còn ta làm việc xong rồi, quay đầu tự hỏi vẫn chưa hiểu thấu đáo bụng dạ của mình. Mạnh Phu Tử đã nói thấu lòng của ta, nên ta rất cảm động. Vậy nội tâm của ta phù hợp với đạo nhân, đạo làm vua ở chỗ nào? Nguyên nhân nào ta chưa đạt?

Mạnh Tử thưa:

- Nếu có người đến tâu với vua rằng: "Sức tôi có thể nâng một vật ba nghìn cân, nhưng chẳng thể cầm nổi một lông chim. Mắt tôi có thể phân biệt rõ phần đuôi lông tơ của chim đang bay trong mùa thu[1], nhưng chẳng trông thấy một cỗ xe chở đầy củi". Vua có đồng ý với mấy lời này không?

- Không đồng ý.

- Nay ân huệ của nhà vua đã chiếu rọi đến chim chóc và thú vật, nhưng công hiệu chẳng tới được dân chúng. Thế là vì sao vậy? Những người không cầm nổi lông chim là vì họ không chịu cầm, không nhìn thấy xe chở đầy củi là vì họ không chịu nhìn đó thôi. Dân chúng không được bảo hộ là vì nhà vua không ban phát ân huệ mà thôi. Cho nên, nhà vua chưa trở nên bậc thánh vương nhân đức là vì chưa chịu làm, chứ không phải không đủ sức làm.

- Không chịu làm và không đủ sức làm có gì khác nhau?

Mạnh Tử thưa:

- Nếu nói dùng nách kẹp núi Thái Sơn vượt qua biển Bắc Hải, việc này có thể nói với mọi người là: "Tôi không

---

1. Mùa thu là mùa ánh sáng không nhiều - ND.

đủ sức làm". Đó đúng là việc mà mình không đủ sức làm.

Nếu cúi mình để chào người nhiều tuổi, việc này cũng bảo với người khác là: "Tôi không thể làm được" thì khó có ai tin. Đây không phải là không đủ sức làm, mà là không chịu làm. Cho nên nhà vua sở dĩ chưa trở thành thánh vương nhân đức, không phải thuộc loại người kẹp núi Thái Sơn vượt biển Bắc Hải, mà thuộc loại người không cúi mình chào người nhiều tuổi. Vấn đề ở chỗ là không chịu làm, chứ không phải là không đủ sức làm.

Mình tôn kính bậc cha mẹ anh chị mình, từ đó mở rộng ra tôn kính bậc cha mẹ anh chị người khác. Mình quan tâm chăm chút con em mình, rồi từ đó mở rộng ra quan tâm chăm chút con em gia đình khác. Theo nguyên tắc này mà làm, thì việc quản lý thiên hạ dễ dàng như trở bàn tay. Kinh Thi có câu: "Vua Văn Vương trước hết tu thân để làm gương cho vợ con, sau mở rộng đến anh em, rồi cuối cùng mà yên trị được từ việc nhà đến việc nước". Đây là muốn nói, lấy tấm lòng nhân đức của mình mà cư xử từ chỗ gần rồi mở rộng ra đến chỗ xa. Người mở rộng ban phát ân huệ, sẽ có đủ sức để giữ yên bốn biển. Còn người chẳng chịu bố thí ân huệ, thì rồi đến vợ con mình, mình cũng không bảo vệ nổi. Các vị vua đời xưa, sở dĩ vượt xa người thường, không phải ở chỗ có tài cán gì đặc biệt đến nỗi người thường không vươn tới, chẳng qua là các vị vua ấy giỏi phát huy hành vi về đạo nghĩa của mình mà thôi.

Nay ân huệ của vua đã rọi đến chim chóc và thú vật, thế mà công hiệu chẳng tới được dân chúng. Vì sao lại có sự thiên lệch như vậy?

Có cân rồi mới biết nặng nhẹ.

Có đo rồi mới biết dài ngắn.

Đối với mọi sự vật đều như thế cả. Lòng người cũng như vậy. Xin nhà vua lượng xét!

Lại nói đến một điều, nhà vua định điều động binh sĩ, bắt họ đi đánh nhau, đưa họ vào vòng nguy hiểm, lại gây nên thù oán giữa các chư hầu. Làm như vậy, nhà vua mới thỏa lòng sao?

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Không! Ta đâu lấy cái đó làm vui. Ta định làm như vậy chẳng qua là muốn cho nguyện vọng lớn nhất của ta được thỏa mãn mà thôi.

Mạnh Tử hỏi:

- Nhà vua có thể cho Mạnh Phu Tử này biết nguyện vọng lớn nhất của mình là gì không?

Vua Tề Tuyên Vương chỉ cười, mà chẳng đáp lại.

Mạnh Tử gặng hỏi:

- Có phải vì thịt béo, thức ăn ngon chưa đủ để hợp khẩu vị của vua chăng? Hay vì áo quần, mỏng mát khi nóng, dày ấm khi rét chưa đạt yêu cầu? Hay là tại hình sắc chưa lộng lẫy, chưa đủ để vừa mắt nhìn? Hay là vì điệu nhạc chưa mỹ miều, chưa đủ để hợp tai nghe? Hay thiếu những kẻ sủng ái để hầu tiếp nhà vua? Thần dân của nhà vua có đủ những thứ này để cung phụng nhà vua. Không có lẽ nhà vua vẫn còn muốn nữa ư?

Vua Tề Tuyên Vương buộc phải trả lời:

- Ta không vì những thứ này.

Mạnh Tử thưa:

- Như vậy thì tôi đã biết nguyện vọng lớn nhất của nhà vua là gì rồi. Nhà vua muốn mở rộng lãnh thổ, muốn nước Tần, nước Sở đến triều cống mình, muốn cai trị toàn cõi Trung Quốc, các dân tộc ở ngoài biên giới bốn phương đến quy phục. Nhưng những việc nhà vua định làm để đạt nguyện vọng của mình, theo tôi nghĩ, chẳng khác nào trèo lên cây bắt cá vậy.

- Đúng là khó như vậy ư?

- Có thể còn khó hơn nhiều lần nữa kia. Trèo lên cây bắt cá, tuy chẳng được cá, nhưng chưa đến nỗi gặp phải tai họa. Còn những việc nhà vua định làm để thỏa mãn dục vọng lớn nhất của mình, có tận tâm tận lực đến mấy cũng không thể thoát khỏi tai họa.

- Có thể kể cho ta nghe được chăng?

- Nếu nước Trâu và nước Sở đánh nhau, nhà vua nghĩ ai sẽ thắng?

- Nước Sở sẽ thắng.

Mạnh Tử liền thưa:

- Cứ theo lời của nhà vua thì nước nhỏ không bao giờ thắng nước lớn, số ít không bao giờ thắng số nhiều, thế yếu không thể thắng nổi thế mạnh.

Hiện nay, đất đai trong bốn biển, những nước có khuôn viên nghìn dặm kể ra đã có chín nước. Nước Tề chỉ là một phần trong số chín phần đó mà thôi. Lấy một nước đi chinh phục tám nước kia, có khác gì nước Trâu nhỏ yếu đánh nước Sở lớn mạnh. Cho nên phải quay về với cái gốc, cái cơ bản để luận bàn là hơn, tức là nhà vua nên noi theo đạo chính mà làm vua thiên hạ, chắc hẳn sẽ đạt được nguyện vọng lớn nhất của đời mình vậy.

Nếu nhà vua thi hành nhân chính, sẽ khiến cho kẻ sĩ trong thiên hạ đều yên tâm phục vụ dưới trướng của mình, dân trong thiên hạ đều muốn cày cấy ở ruộng đất của mình, thương nhân trong thiên hạ đều muốn tập kết hàng hóa ở chợ búa của mình, khách lữ hành phương xa đều muốn đi lại trên đường sá của mình. Lúc đó, những ai chán ghét sự cai trị vô đạo của vua nước họ, sẽ đến tố cáo với nhà vua. Nếu tình hình như vậy, ai có thể cản trở được nhà vua thống nhất thiên hạ?

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Ta thật là tối tăm, chưa nghĩ tới được điều như Mạnh Phu Tử đã nghĩ. Hy vọng Mạnh Phu Tử giúp cho chí hướng của ta, đem lời sáng suốt mà giảng giải cho ta. Tuy ta không thông minh lanh lợi lắm, cũng xin làm theo lời dạy của Mạnh Phu Tử.

Mạnh Tử thưa tiếp:

- Không có của cải bền vững mà vẫn giữ được lòng dạ bền vững, chỉ có kẻ sĩ tin tưởng và một lòng theo đuổi đạo lý mới làm được. Còn đối với thường dân, nếu không có của cải bền vững, sẽ không bao giờ có lòng dạ bền vững. Như vậy, hành vi của họ sẽ dễ vượt ra ngoài khuôn phép, muốn làm gì thì làm, chẳng có việc gì mà họ không dám làm. Đến khi họ phạm tội, người cai trị cứ chiếu theo luật pháp mà xử hình phạt. Đây chẳng khác gì bủa lưới pháp luật để trăm họ tự chui vào. Sao lại có người yêu nhân nghĩa, ngồi ở ngôi vua, lại nỡ gài bẫy để thường dân tự chui vào lưới của pháp luật?

Vì vậy, bậc vua hiền sáng suốt nên định mức sản nghiệp mà chia cho dân chúng. Phải làm được đến mức

sao cho dân trên đủ để phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ để nuôi vợ con; năm được mùa thì cả năm no đủ, năm mất mùa thì không đến nỗi phải chết đói chết rét. Trên cơ sở này, nhà vua mới dẫn dắt dân chúng đi vào con đường lễ nghĩa. Tự nhiên họ sẽ theo lễ nghĩa một cách dễ dàng.

Còn phép quy định sản nghiệp hiện nay khiến cho dân trên không nuôi nổi cha mẹ, dưới không nuôi nổi vợ con, năm được mùa vẫn vất vả khổ sở, năm mất mùa không thoát khỏi cảnh chết chóc. Như vậy, dân chúng quanh năm ngày tháng chỉ mong kiếm ăn để bảo toàn mạng sống, sợ vẫn không xong, còn đâu thì giờ để học tập đạo đức lễ giáo.

Nhà vua muốn thi hành nhân chính, vì sao không bắt đầu từ điều căn bản này? Đó là chăm lo cho người già được mặc áo lụa, được ăn thịt cá, trăm họ thoát khỏi cảnh ăn đói mặc rách. Làm như vậy mà nền cai trị không được thịnh vượng lên thì từ trước đến nay chưa có bao giờ.

Chương 2

LƯƠNG HUỆ VƯƠNG CHƯƠNG CÚ HẠ

I - MẠNH TỬ VỚI TỀ TUYÊN VƯƠNG

1. Trang Bạo, một đại thần của vua Tề Tuyên Vương *đến gặp Mạnh Tử, hỏi:*

- Tôi được nhà vua gọi vào chầu. Nhà vua bảo với tôi rằng nhà vua rất thích âm nhạc. Tôi không biết trả lời như thế nào cả. Tôi xin hỏi Mạnh Phu Tử, một vị vua mà thích âm nhạc thì việc trị nước sẽ ra sao?

Mạnh Tử trả lời:

- Nhà vua quả thực thích âm nhạc, chứng tỏ nước Tề đã khởi sắc, vận hưng thịnh đã đến, việc trị nước đã bắt đầu đúng hướng rồi.

*
* *

Một ngày khác, Mạnh Tử đến gặp vua Tề Tuyên Vương hỏi:

- Nhà vua đã từng nói với Trang Bạo là rất thích âm nhạc. Có phải vậy không?

Vua Tề Tuyên Vương mặt biến sắc, nói:

- Ta đâu đủ tài năng để thưởng thức âm nhạc của các vị vua đời xưa, chỉ mới hiểu và thích âm nhạc thế tục thời nay thôi.

- Nếu nhà vua thật lòng thích âm nhạc, chứng tỏ nước Tề đã bắt đầu khởi sắc, vận hưng thịnh đã tới, việc trị nước đã đúng hướng rồi. Vì nhạc đời nay cũng từ nhạc đời xưa mà ra, đều có chung một tác dụng.

- Đạo lý này như thế nào, có thể nói cho ta nghe được không?

Mạnh Tử hỏi:

- Một mình mình hưởng niềm vui âm nhạc và cùng người khác hưởng niềm vui âm nhạc, bên nào vui hơn?

- Cùng với người khác thưởng thức âm nhạc vui hơn.

- Cùng với một số ít người thưởng thức âm nhạc và cùng với một số đông người thưởng thức âm nhạc, bên nào vui hơn?

- Cùng với số đông người thưởng thức âm nhạc vui hơn.

Mạnh Tử bèn thưa:

- Vậy tôi xin được giải nghĩa về âm nhạc để nhà vua nghe. Giả sử như nhà vua cho đánh trống tấu nhạc ở đây. Trăm họ nghe được tiếng chiêng tiếng trống, tiếng sáo tiếng kèn, mà cảm thấy không khoái chí, không vừa lòng. Họ nhăn mặt nhíu mày bảo với nhau: "Vua chúng ta chỉ lo đàn hát, suốt ngày hưởng lạc trong tiếng chiêng tiếng trống, còn chúng ta thì khổ như thế này đây. Cha con chẳng thấy mặt nhau, anh em chồng vợ phải chia lìa lưu lạc".

Giả sử như bây giờ nhà vua tổ chức đi săn ở đây. Trăm họ nghe tiếng xe chạy ngựa hý, thấy cờ phướn uy nghi, mà cảm thấy không khoái chí, không vừa lòng. Họ nhăn mặt nhíu mày bảo nhau: "Vua chúng ta chỉ thích chơi bời, suốt ngày vui thú với việc săn bắn, để chúng ta khổ cực thế này. Cha con không được gặp nhau, anh em chồng vợ phải chia lìa lưu lạc".

Trăm họ oán thán vua chính là vì vua không cùng chung hưởng niềm vui với dân.

Giả sử như bây giờ nhà vua cho đánh trống thổi kèn, tấu nhạc ở đây. Trăm họ nghe được tiếng sáo tiếng kèn, tiếng chiêng tiếng trống, đều lộ vẻ vui mừng, gương mặt

náo nức, kháo với nhau rằng: "Vua chúng ta nhất định là khỏe mạnh, nếu không sao lại cho đánh trống thổi kèn?".

Giả sử như bây giờ nhà vua tổ chức đi săn ở đây. Trăm họ nghe được tiếng xe chạy ngựa hý, thấy được cờ phướn uy nghi, đều vui vẻ hớn hở, mặt mày tươi tắn bảo với nhau rằng: "Sức khỏe của vua chúng ta rất tốt, nếu không sao lại có thể đi săn?".

Trăm họ hoan nghênh vua chính là vì vua đã cùng chung hưởng niềm vui với dân.

Nhà vua đã cùng chung hưởng niềm vui với dân thì nền cai trị có bề hưng vượng là thế.

2. Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Vườn cây của vua Văn Vương ngày xưa vuông vức bảy mươi dặm, có đúng như vậy không?

Mạnh Tử thưa:

- Trong sử sách có ghi chép như vậy.

- Như vậy có lớn quá không?

- Thế mà trăm họ vẫn cho là còn nhỏ.

- Tại sao vườn cây của ta chỉ vuông vức bốn mươi dặm, mà trăm họ vẫn cho là lớn?

Mạnh Tử bèn thưa:

- Vườn cây của vua Văn Vương vuông vức bảy mươi dặm, người lấy củi cắt cỏ có thể vào, người muốn bắt gà rừng thỏ rừng vẫn có thể vào. Vua Văn Vương cùng chung hưởng với trăm họ. Cho nên trăm họ vẫn

cho vườn ấy là nhỏ, chẳng phải là rất hợp tình hợp lý đó sao?

Khi tôi vừa đến biên cương của nước Tề, tôi đã phải tìm hiểu những điều cấm kỵ nghiêm ngặt của nước Tề rồi mới dám vào. Tôi mới hay rằng, ở góc thành của nước Tề có một vườn cây vuông vức bốn mươi dặm. Nếu ai giết hại một con hươu trong vườn thì bị xử tội như giết một mạng người. Vậy vườn cây vuông vức bốn mươi dặm đó của nước Tề, đối với trăm họ mà nói, đã biến thành cạm bẫy nguy hiểm. Cho nên trăm họ cho vườn ấy là lớn, chẳng phải là rất hợp tình hợp lý đó sao?

3. Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Trong việc giao thiệp, quan hệ với nước gần, có nguyên tắc và phương pháp nhất định phải không?

Mạnh Tử thưa:

- Có: nhân và trí. Chỉ có bậc có nhân mới có thể nhân danh mình là vua một nước lớn đối đãi tốt với vua các nước nhỏ. Vì vậy vua Thành Thang mới giúp vua nước Cát[1] trong việc tế tự, vua Văn Vương mới giúp Côn Di[2].

Chỉ có bậc có trí mới có thể nhân danh mình là vua một nước nhỏ đối xử tốt với vua các nước lớn. Cho nên vua Thái Vương là ông nội vua Văn Vương mới đối tốt với vua Huân Dục[3], Việt Vương Câu Tiễn mới đối tốt với vua Ngô Phù Sai.

1, 2. Tên nước cổ xưa.

3. Vua một dân tộc cổ xưa.

Tự mình là vua nước lớn giúp đỡ vua các nước nhỏ yếu, đó là biết thuận theo mệnh trời.

Tự mình là vua nước nhỏ đối xử tốt với vua các nước lớn, đó là biết kính sợ mệnh trời.

Bậc biết thuận theo mệnh trời có thể giữ yên thiên hạ.

Bậc biết kính sợ mệnh trời có thể gìn giữ nước nhà.

Kinh Thi có câu: "Biết kính sợ uy nghiêm của mệnh trời, có thể giữ cho địa vị của mình được bình an".

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Lời nói của Mạnh Phu Tử thật là cao kiến. Nhưng vì ta có tật quá ham nết dũng, cho nên sợ không có đủ nhẫn nại để thực hiện lời của Mạnh Phu Tử.

Mạnh Tử thưa:

- Xin nhà vua đừng ham mê nết dũng nhỏ nhặt. Này như có một người cầm bảo kiếm trừng mắt dọa rằng: "Ngươi dám cản trở ta sao?", đây chỉ là nết dũng của kẻ thất phu, của người bình thường thôi, chỉ có thể thắng được một người. Xin nhà vua luyện lấy cái nết dũng to lớn hơn mới được.

Kinh Thi có câu: "Vua Văn Vương nổi giận, chỉnh đốn binh sĩ, chặn đứng sự xâm lấn của nước Cử[1], chẳng những củng cố vững chắc lâu dài nền chính trị của nhà Chu mà còn làm gương cho thiên hạ".

Đây là nết dũng của vua Văn Vương. Chỉ nhờ một cơn nổi giận đích đáng mà vua Văn Vương đưa lại sự yên bình cho cả trăm họ.

---

1. Một nước cổ xưa.

Sách Thượng Thư có câu: "Trời sinh ra trăm họ, lại sinh ra người làm vua và kẻ làm thầy để giúp trời bảo vệ trăm họ nên trời thật yêu mến. Dân bốn phương có tội hay vô tội đều do ta chịu trách nhiệm cả. Trong thiên hạ, còn ai dám vượt qua thân phận của mình?".

Vụ Trụ nhà Ân hoành hành vô đạo. Vua Vũ Vương xem đó là điều sỉ nhục cho tiên vương, nên đã ra tay trừng phạt. Đây là nết dũng của vua Vũ Vương. Một khi đến mức phải nổi giận, ấy là lúc vua Vũ Vương đưa lại yên bình cho trăm họ.

Còn bây giờ nếu nhà vua cũng muốn được như vua Văn Vương, vua Vũ Vương, hễ nổi giận là đưa lại bình yên cho trăm họ thì họ kính trọng vua lắm. Nhưng trăm họ lại sợ nhà vua chưa đủ nết dũng chính đáng, đâu có sợ nhà vua quá ham nết dũng.

4. Vua Tề Tuyên Vương đến thăm viếng Mạnh Tử ở Tuyết Cung[1]. Nhà vua hỏi:

- Người hiền tài có nên vui thú cảnh như thế này không?

Mạnh Tử thưa:

- Có. Nhưng người dân không được vui hưởng cảnh này, họ có thể oán trách nhà vua. Không được hưởng cảnh đẹp này mà oán trách nhà vua, như thế là sai. Nhưng là vua của trăm họ mà lại không cùng hưởng niềm vui với trăm họ, như thế cũng là sai nốt.

---

1. Nhà nghỉ của vua Tề Tuyên Vương. Vua Tề Tuyên Vương trọng tài đức của Mạnh Tử, nên bố trí Mạnh Tử ở đó.

Lấy niềm vui của trăm họ làm niềm vui của mình, trăm họ sẽ lấy niềm vui của mình làm niềm vui của trăm họ. Lấy nỗi lo của trăm họ làm nỗi lo của mình, trăm họ sẽ lấy nỗi lo của mình làm nỗi lo của trăm họ.

Làm vua biết vui cái vui của thiên hạ, buồn cái buồn của thiên hạ, như vậy mà vương nghiệp không thành thì quả thực từ trước đến nay chưa có bao giờ.

Thuở xưa, vua Tề Cảnh Công hỏi quan cận thần của mình là Yến Tử: "Ta muốn đến chỗ hai ngọn núi Chuyển Phục và Triều Vũ, rồi men theo ven biển đi dần xuống phương nam, đến xứ Lang Tà. Vậy ta phải đi như thế nào cho giống với cách của các bậc thiên tử ngày xưa?". Yến Tử thưa rằng: "Nhà vua hỏi câu này phải lắm. Vua thiên tử đến các nước chư hầu, người ta gọi là tuần thú[1]. Tuần thú có nghĩa là đi kiểm tra xem xét phần đất thiên tử đã giao cho vua chư hầu trông nom quản lý. Vua chư hầu đến triều bái thiên tử, người ta gọi là thuật chức[2]. Thuật chức có nghĩa là trình bày, báo cáo tình hình cai trị và bổn phận trông nom trong phần đất được giao". Vua thiên tử ngày xưa đi tuần thú hay vua chư hầu đi thuật chức đều có mục đích rõ ràng cụ thể, không bao giờ vô cớ đi ra ngoài.

Mùa xuân thì đi xem xét tình hình cày cấy, để kịp thời giúp đỡ những nhà nông gặp khó khăn.

Mùa thu thì đi xem xét tình hình thu hoạch, để giúp đỡ hỗ trợ những nông hộ thu hoạch kém, mất mùa.

1, 2. Theo lệ xưa, cứ 12 năm thì vua thiên tử thăm viếng các nước chư hầu, cứ 6 năm thì vua chư hầu đến triều bái vua thiên tử.

Ngạn ngữ đời nhà Hạ có câu: "Vua chúng ta không đi ra ngoài thị sát, chúng ta làm sao được nghỉ ngơi? Vua chúng ta không đi ra ngoài tuần thú, chúng ta làm sao được trợ giúp?". Đi tuần thú của vua thiên tử là làm gương mẫu phép tắc cho các vua chư hầu noi theo.

Nay thì chẳng được như vậy nữa. Mỗi lần tuần thú là một lần náo động đến quan quân, nào hộ vệ, nào xa giá tiền hô hậu ủng. Đi đến đâu thì bắt trăm họ cung cấp lương thực thực phẩm đến đó, làm cho người nghèo đói càng không có ăn, người vất vả lại càng thêm vất vả. Dân chỉ còn biết tỏ điều bất mãn, nói lời trách móc, oán hờn nổi giận, từ đó mà sinh làm điều xấu điều ác. Vua chư hầu thì làm trái đạo trời, đày ải dân chúng. Đoàn du hành của vua đi đến đâu đập phá tới đó, phung phí tiền bạc của dân kéo dài liên miên như nước chảy, vướng đủ bốn tật xấu: "lưu, liên, hoang, vong", khiến các vua chư hầu khác phải lo ngại.

Chạy theo ham muốn tình dục, buông thả không biết dừng lại như dòng nước chảy, đó gọi là lưu.

Theo đuổi ăn chơi xả láng, quên mất đường về, như lần theo dòng nước ngược, đó gọi là liên.

Ham săn bắn mà không biết thế nào là chán, để quên việc triều chính, đó gọi là hoang.

Mê say yến tiệc không biết đến lúc nào mới thỏa mãn, đến nỗi để mất nước hại nhà, đó gọi là vong.

Những bậc vua hiền đời xưa không bao giờ chìm đắm vào thú vui như lưu và liên, không bao giờ sa ngã vào *hành động như hoang và vong.*

Nay nhà vua định đi theo cách nào, xin nhà vua khéo suy xét mà định liệu.

Vua Tề Cảnh Công nghe xong, lấy làm vui mừng. Trước hết, vua cho thông báo rộng rãi trong cả nước, sau đó rời khỏi kinh thành về các vùng quê, bắt đầu phân phát cứu tế cho dân chúng có khó khăn. Vua Tề Cảnh Công còn cho gọi quan phụ trách âm nhạc, nói: "Hãy sáng tác cho ta bài ca tả cảnh vua tôi cùng chung hưởng niềm vui". Đó là bài Chủy Thiều và bài Dốc Thiều còn lưu lại đến ngày nay. Lời ca có câu: "Can gián vua thì có tội tình gì? Người can gián vua là có lòng thương vua".

5. Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Mọi người đều nói với ta cần phải bỏ tòa nhà Minh Đường[1]. Vậy có nên phá hay không?

Mạnh Tử thưa:

- Minh Đường là tòa nhà nơi vua thiên tử đời xưa tuyên bố hiệu lệnh cho các vua chư hầu. Nhà vua muốn thực hành theo nền chính trị của các vua đời xưa thì không nên phá.

Vua Tề Tuyên Vương hỏi:

- Về nền chính trị của các vua thiên tử, Mạnh Phu Tử có thể giảng thêm cho ta rõ được chăng?

---

1. Ở đây chỉ nơi vua thiên tử nhà Chu khi đi tuần thú về phía đông tiếp các vua chư hầu đến triều bái. Vì đã lâu rồi, các vị thiên tử chẳng đi tuần thú nữa, nên có người đề nghị phá bỏ.

Mạnh Tử thưa:

- Ngày trước vua Văn Vương cai trị xứ Kỳ đã ban hành luật lệ phép tắc rất cụ thể. Nông dân nộp thuế bằng một phần chín số thu hoạch. Người làm quan hưởng lộc vua, khi qua đời thì con cháu được truyền nối làm quan. Ở nơi chợ búa và cửa ải, người ta chỉ khám xét người qua lại, chứ không thu thuế hàng hóa họ mang theo. Ở hồ ao ngòi lạch, dân tự do đánh cá kiếm ăn. Xét xử tội, chỉ thi hành hình phạt với người có tội, không liên lụy đến vợ con của người ấy. Thời ấy, ông già không vợ gọi là quan, bà già không chồng gọi là quả, già mà không con gọi là độc, trẻ mồ côi cha mẹ gọi là cô. Đó là bốn hạng người cùng khổ nhất, không có nơi nương tựa. Vua Văn Vương thi hành nhân chính, trước hết cứu giúp cho bốn hạng người này. Kinh Thi có câu: "Người giàu có sống còn dễ chịu. Kẻ quan, quả, cô, độc, nghèo khổ không nơi nương tựa mới thật đáng thương!".

Vua Tề Tuyên Vương nghe xong, nói:

- Phải quá!

Mạnh Tử hỏi:

- Nếu nhà vua cho là phải, tại sao không làm theo?

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Ấy vì ta có tật là ham của cải.

Mạnh Tử thưa:

- Thuở trước, ông Công Lưu[1] cũng thích của cải. Kinh Thi có câu: "Ông Công Lưu làm cho rơm rạ tích đầy

---

1. *Một vị tổ nhà Chu.*

ngoài trời; lương thực tích đầy trong kho trong lẫm; lương khô gói ghém trong bao bị, chiêu tập dân chúng mong cho nghiệp nước phấn chấn hưng thịnh. Ông truyền lệnh, binh sĩ cung tên đầy đủ, khiên thương giáo mác trên vai, tiến lên rầm rộ". Người ở nhà đã có đủ lúa trong kho, người ra đi có lương khô đầy đủ, được như vậy mới có thể thống lĩnh binh sĩ cất bước ra đi.

Nhà vua có tật ham của cải, lại cũng theo gương ông Công Lưu, có thể cùng trăm họ dùng chung. Như vậy thì thực hiện nền chính trị theo các vua thiên tử có gì là khó khăn?

Vua Tề Tuyên Vương lại nói:

- Ta còn có một tật nữa, đó là ham sắc.

Mạnh Tử nói:

- Ngày xưa, vua Thái Vương là ông nội của vua Văn Vương cũng rất ham sắc, rất yêu vợ mình. Kinh Thi có câu: "Thuở xưa, vua Thái Vương ở nước Công Đàn Phủ, nhân tránh nạn rợ Địch, một sáng sớm nhảy lên ngựa, theo triền sông phía tây phi đến dưới chân núi Kỳ Sơn. Ông còn mang theo bà vợ họ Khương để chọn đất mới cho nghiệp nước của mình".

Thời vua Thái Vương, nhà nhà có con gái đều chẳng có ai không có chồng, con trai chẳng có ai không có vợ. Nhà vua nếu có tật ham sắc cũng nên theo gương vua Thái Vương, để cho trăm họ đều được như vậy, làm cho mọi người đều có gia thất vẹn tròn. Được như vậy thì thực hiện nền chính trị theo các vua thiên tử có gì là khó khăn?

6. Mạnh Tử hỏi vua Tề Tuyên Vương:

- Giả sử có một bề tôi của vua gửi vợ con mình cho người bạn chăm sóc để đi du ngoạn ở nước Sở, đến khi trở về thấy vợ con mình tiều tụy đói rét, nên xử trí như thế nào?

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Nên tuyệt giao, cắt đứt.

- Nếu một nhà vua cai trị nhân dân không [illegible] loạn, không yên ổn, nên xử trí như thế nào?

Đến mấy lời này, vua Tề Tuyên Vương giả bộ không nghe thấy, nhìn ngang nhìn ngửa, nói lảng sang chuyện khác.

7. Mạnh Tử gặp vua Tề Tuyên Vương, nói:

- Cố quốc mà người ta thường nói tới, không phải vì nước đó có những cây cổ thụ tán cao bóng mát, mà là có những bề tôi đời này qua đời khác lập công lập nghiệp tại đó. Nay nhà vua không có những bề tôi có thể tin cậy được. Thậm chí, những bề tôi ngày trước nhà vua cất nhắc sử dụng, đến nay không biết đã đi đâu hết cả rồi.

Vua Tề Tuyên Vương hỏi:

- Làm sao mà biết được người không có tài năng để loại bỏ họ?

Mạnh Tử thưa:

- Nhà vua sử dụng người phải dựa vào tài năng đức độ của họ. Đó như là bắt buộc, không được chối từ. Nếu không làm được như vậy, sẽ làm cho kẻ hèn hạ nhiều hơn người hiền tài, người không thân cận vượt quá người thân cận. Đây không phải là việc đáng phải thận trọng ư?

Người hầu cận nhà vua nói người nào đó có tài, mình chớ vội tin. Các vị đại phu nói người nào đó có tài, mình cũng chớ vội tin. Người trong nước đều nói người nào đó có tài, chừng ấy mình cũng phải tiến hành quan sát đã. Khi phát hiện người ấy thật sự có tài, lúc đó mới đề bạt.

Người hầu cận nhà vua nói người nào đó không dùng được, chớ vội tin ngay. Các vị đại phu nói người nào đó không dùng được, mình cũng chớ vội tin ngay. Người trong nước đều nói người nào đó không dùng được, chừng ấy mình cũng phải tiến hành quan sát đã. Khi phát hiện người ấy quả thực không tốt, lúc đó mới loại bỏ.

Người hầu cận nhà vua nói, người nào đó đáng chết, mình chớ vội nghe ngay. Các vị đại phu nói người nào đó đáng chết, mình cũng không thể nghe ngay. Người dân trong nước đều nói người nào đó đáng chết, mình cũng phải tiến hành thẩm sát. Khi phát hiện người ấy thật đáng chết, lúc đó mới ra lệnh giết. Đấy là do người trong nước đồng tâm nhất trí giết kẻ phạm tội vậy.

Nếu nhà vua làm được như vậy, mới thật đáng gọi là cha mẹ của trăm họ.

8. Vua Tề Tuyên Vương hỏi:

- Vua Thành Thang lưu đày vua Kiệt[1]. Vua Vũ Vương đánh phạt vua Trụ[2]. Có thật sự như vậy không?

Mạnh Tử thưa:

- Trong sử sách có chép như vậy.

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Làm bề tôi mà giết vua, có nên không?

Mạnh Tử thưa:

- Kẻ chà đạp lên nhân gọi là tặc. Kẻ chà đạp lên nghĩa gọi là tàn. Loại người này chỉ là loại người tầm thường mà thôi. Tôi chỉ nghe nói vua Vũ Vương giết tên Trụ, chứ chưa hề nghe ai nói vua Vũ Vương giết vua Trụ bao giờ cả.

9. Mạnh Tử gặp vua Tề Tuyên Vương, hỏi:

- Muốn xây một tòa nhà lớn, nhà vua trước hết phải cử quan phụ trách công trình đi tìm gỗ to. Khi người ấy tìm được gỗ to, thế nào nhà vua cũng vui mừng, cho rằng cây gỗ ấy đủ sức chống đỡ cho tòa nhà.

Sau đó, người thợ mộc đẽo làm cây gỗ bị nhỏ đi. Nhà vua nổi giận ngay và cho rằng cây gỗ này không thể đảm đương được công việc chống đỡ tòa nhà nữa[3].

---

1. Vua Kiệt là thiên tử cuối cùng của nhà Hạ. Vua Thành Thang diệt Kiệt lập nên nhà Thương.

2. Vua Trụ là thiên tử cuối cùng của nhà Thương. Vua Vũ Vương diệt Trụ lập nên nhà Chu.

3. Hàng sĩ phu ngày xưa được ví như những cây gỗ làm rường cột chống đỡ cho tòa nhà.

Một con người từ nhỏ đã bắt đầu học tập đạo lý tề gia trị quốc của thánh hiền, khi trưởng thành định đem ra giúp nước, nhưng nhà vua lại bảo: "Tạm thời hãy gác lại những kiến thức đã học mà nghe lời ta nói đã". Thế chẳng giống cây gỗ bị đẽo nhỏ đi sao?

Giả sử nay nhà vua có một hòn ngọc chưa qua trau việc cai trị quốc gia là việc rất hệ trọng, thì vua lại nói với các thuyết khách: "Tạm thời hãy xếp lại kiến thức của các ngươi, hãy nghe lời ta đã". Sao trong việc này, nhà vua chẳng làm như việc giao hòn ngọc cho thợ bảo họ mài dũa?

10. Nước Tề đánh nước Yên, thu được thắng lợi. Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Có người khuyên ta đừng chiếm nước Yên. Có người lại khuyên ta nên chiếm nước Yên. Một nước lớn có vạn binh xa đánh một nước lớn có vạn binh xa, chỉ trong năm mươi ngày đã giành được thắng lợi thì nhất định có trời giúp cho, chứ chỉ dựa vào sức người thì không thể được. Vì vậy nên ta không chiếm nước Yên, e là không thuận theo lẽ trời, sẽ bị trời quả báo. Nhưng chiếm nước Yên, hậu quả sẽ ra sao?

---

1. *Dật là đơn vị đo khối lượng ngày xưa, một dật bằng 24 lượng.*

Mạnh Tử thưa:

- Chiếm nước Yên mà người dân nước Yên vui lòng thì nên chiếm. Người xưa đã làm và người ấy là vua Vũ Vương.

Chiếm nước Yên mà người dân nước Yên không vui lòng thì không nên chiếm. Người xưa đã làm và người ấy là vua Văn Vương. Nước lớn dùng vạn binh xa đánh nước lớn có vạn binh xa, thế mà dân chúng nước ấy gánh cơm trong giỏ, xách rượu trong ấm đến tiếp đón binh sĩ của nhà vua, không lẽ họ không có ý đồ gì ư? Chẳng qua là họ muốn tránh khỏi nạn nước sôi lửa bỏng mà họ đang phải hứng chịu, tức là sự bạo ngược của nhà cầm quyền nước họ.

Một khi mức độ nước sôi lửa bỏng này không giảm, chỉ có tăng lên, tức là sự bạo ngược của nhà vua lại vượt nhà cầm quyền lúc trước, tất dân chúng sẽ quay sang nhờ một nước khác cứu giúp chứ chẳng không.

11. Nước Tề đánh chiếm nước Yên. Các nước chư hầu khác mưu tính việc cứu nước Yên.

Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Nhiều nước chư hầu đang mưu tính kế đánh nước Tề. Vậy ta phải ứng phó như thế nào?

Mạnh Tử thưa:

- Tôi nghe nói, với một nước có đất đai vuông vức bảy mươi dặm, vị vua nước ấy có thể thi hành nền chính trị *thống nhất thiên hạ*. Vua Thành Thang là một ví dụ.

Nhưng tôi chưa nghe ai nói vua ở nước có đất vuông vức nghìn dặm như nước Tề lại còn sợ người khác bao giờ.

Sách Thượng Thư có câu: "Vua Thành Thang bắt đầu chinh phạt từ nước Cát. Người trong thiên hạ đều tin và đi theo vua Thành Thang. Quân tiến đến phía đông, người Di ở phía tây trách móc. Quân tiến đến phía nam, người Địch ở phía bắc trách móc. Họ nói: "Tại sao đến với chúng tôi muộn vậy?".

Dân chúng chờ đợi, trông mong vua Thành Thang như trời đại hạn mong mây đen xuất hiện.

Khi vua Thành Thang kéo binh đi chinh phạt, người đi buôn vẫn đi lại, người nông dân vẫn cấy cày bình thường, chẳng có gì sợ sệt. Vua Thành Thang diệt bạo quân, vỗ về dân chúng giống như mưa rào đến sau khi đại hạn, khiến dân chúng đều hết sức vui mừng.

Sách Thượng Thư còn có câu: "Hãy chờ nhà vua của chúng ta, nhà vua đến sẽ cứu sống chúng ta".

Nay, vua nước Yên đã quá bạc đãi dân chúng, nhà vua đưa binh sĩ đến đánh phạt thì dân chúng nước Yên đều cảm thấy như mình được cứu sống từ trong nước sôi lửa bỏng ra. Vì vậy, họ mới đưa cơm rượu đến tiếp đón binh sĩ của nhà vua.

Nhưng nếu nhà vua lại cho giết hại cha mẹ của họ, giam cầm con cháu của họ, phá hủy nhà thờ tổ của họ, cướp đi tài sản quý của họ, làm như vậy có nên chăng?

Các nước trong thiên hạ đều gờm sự lớn mạnh của nước Tề. Nay đất đai mở rộng gấp đôi vì đã chiếm thêm được nước Yên, nhưng lại không thực hiện nhân chính,

tất nhiên dẫn đến các nước trong thiên hạ sẽ hợp sức lại dùng vũ lực can thiệp. Nhà vua hãy mau mau ra hiệu lệnh, truyền thả hết trẻ già trai gái người nước Yên bị bắt, ngừng mang tài sản quý của họ về nước, cùng người nước Yên hiệp thương bàn bạc lập một vị vua mới, sau đó rút quân về nước. Như vậy vẫn kịp tránh cuộc binh đao với các nước chư hầu.

II - MẠNH TỬ VỚI TRÂU MỤC CÔNG

Nước Trâu và nước Lỗ đánh nhau. Vua Trâu Mục Công đến hỏi Mạnh Tử:

- Trong cuộc chiến tranh này, ta có ba mươi ba vị quan võ tử trận, nhưng không có tên lính nào chịu liều chết để cứu bề trên của mình. Nếu ta đem chúng ra giết thì giết không xuể; còn không giết thì ta cứ cảm thấy bực tức mỗi lần nghĩ đến cảnh chúng giương mắt nhìn bề trên bị giết mà không chịu đến cứu. Vậy nên làm như thế nào cho phải?

Mạnh Tử thưa:

- Trong những năm mất mùa, dân của nhà vua những kẻ già yếu thì chết đói nằm ở khắp bãi hoang và khe núi; những thanh niên trai tráng phải phiêu bạt bốn phương kiếm ăn có đến mấy nghìn người. Trong kho lẫm của nhà vua, lương thực vẫn chứa đầy; tài sản, tiền bạc còn dư dật. Thế mà các quan vẫn không báo cho nhà vua biết, như vậy là họ đã lừa dối vua và tàn hại dân chúng vậy.

Tăng Tử đã từng nói: "Phải coi chừng! Phải coi chừng! Mình đối với người khác như thế nào thì người khác sẽ đối với mình như vậy".

Trăm họ nước Trâu nay đang gặp cơ hội để "báo đáp". Xin nhà vua chớ nên trách họ.

Nhà vua nên thực hành nhân chính. Trăm họ sẽ yêu mến bề trên và tình nguyện hy sinh vì bề trên của mình.

III - MẠNH TỬ VỚI ĐẰNG VĂN CÔNG

1. Vua Đằng Văn Công hỏi Mạnh Tử:

- Nước Đằng là một nước nhỏ, lại bị kẹp giữa hai nước lớn là nước Tề và nước Sở. Bây giờ nên theo nước Sở hay theo nước Tề?

Mạnh Tử nói:

- Mưu kế này, tôi chưa tính tới. Nhưng nhà vua vẫn muốn hỏi thì tôi xin hiến một kế. Đó là đào hào cho thật sâu, đắp thành cho chắc, cùng trăm họ đồng lòng ra sức chống giữ. Vua dám hy sinh để giữ nước, dân chúng sẽ liều chết bảo vệ, quyết không bỏ chạy. Đó là biện pháp nhà vua có thể thực hiện được.

2. Vua Đằng Văn Công hỏi Mạnh Tử:

- Người nước Tề đã chiếm nước Tiết và chuẩn bị gia cố thành trì phòng vệ ở đấy. Ta rất sợ. Vậy nên làm như thế nào?

Mạnh Tử thưa:

- Ngày xưa vua Thái Vương ở đất Mân, người Địch đến xâm phạm. Vua Thái Vương liền dời đến dưới chân núi Kỳ. Đó không phải là tự vua Thái Vương thích, mà là do hoàn cảnh bắt buộc, bất đắc dĩ phải làm mà thôi.

Nay nhà vua làm điều thiện, trong con cháu đời sau thế nào cũng có người trở thành bậc vương giả mà nắm giữ thiên hạ. Người quân tử lập công lập nghiệp truyền lại cho con cháu đời sau, là muốn con cháu kế nghiệp mà mở mang ra. Nhưng có thành công hay không còn nhờ mệnh trời.

Nay nhà vua làm sao địch nổi với người nước Tề. Chỉ có một cách là nhà vua nỗ lực thực hiện điều thiện, như thế là đủ rồi.

3. Vua Đằng Văn Công hỏi Mạnh Tử:

- Nước Đằng là một nước nhỏ, đã hết sức hết lòng phụng sự nước lớn, nhưng vẫn không tránh khỏi tai họa. Bây giờ nên làm như thế nào?

Mạnh Tử thưa:

- Ngày xưa, vua Thái Vương còn ở đất Mân, người Địch ở miền Bắc kéo xuống xâm phạm. Vua Thái Vương lấy da thuộc và lụa điều tiến cống cho họ, thế mà vẫn chẳng ngăn chặn được họ xâm phạm. Vua Thái Vương lấy ngựa hay và chó săn cống tiến, vẫn không ngăn chặn được họ xâm phạm. Về sau vua lấy cả ngọc ngà châu báu cống tiến, vẫn không ngăn chặn được họ xâm phạm.

Vua Thái Vương liền triệu tập các già làng, bô lão địa phương lại, nói với họ: "Người Địch chỉ muốn lấy đất đai của chúng ta mà thôi. Đất đai là tài sản để nuôi dân. Ta đã từng nghe nói, người quân tử có đạo đức không nên vì đất nuôi dân mà làm hại đến dân. Các vị đừng lo không có vua, ta sắp rời bỏ đất này mà đi vậy".

Ngày hôm sau vua Thái Vương bỏ đất Mân, vượt qua núi Lương đến dưới chân núi Kỳ, lập thành ấp định cư ở đó.

Dân chúng ở đất Mân bảo nhau: "Đây là một bậc vua có nhân đức. Chúng ta không được để mất người".

Sau đó, dân chúng kéo nhau theo vua Thái Vương, đông như người đi chợ.

Nói như trên là một cách. Còn cách khác nữa, tức là cũng có người nói: "Đất đai là cơ nghiệp đời đời của ông cha để lại, cần phải gìn giữ bảo vệ, không được tự tiện hành động theo ý riêng của mình. Dù có gặp nguy hiểm cũng thà chết bảo vệ đến cùng chứ không bỏ chạy".

Xin nhà vua suy xét mà chọn một trong hai cách ấy.

IV - MẠNH TỬ VỚI LỖ BÌNH CÔNG

Vua Lỗ Bình Công chuẩn bị xuất ngoại. Một viên quan được vua Lỗ Bình Công yêu mến tên là Tang Thương hỏi rằng:

- Thường ngày nhà vua muốn đi đâu cũng đều cho người quản việc biết trước địa điểm. Nay ngựa xe đã thu

xếp xong rồi, thế mà người quản việc vẫn chưa biết nhà vua định đi đâu. Vậy dám xin hỏi...

Vua Lỗ Bình Công nói:

- Ta định đi gặp Mạnh Tử.

Tang Thương thưa:

- Sao nhà vua lại hạ mình như thế, chịu đi gặp một kẻ tầm thường như vậy. Hay là nhà vua cho rằng Mạnh Tử là bậc hiền đức. Bậc hiền đức bao giờ cũng tự mình thi hành đạo đức lễ nghĩa trước để cho người đời bắt chước theo. Còn Mạnh Tử làm lễ tang cho mẹ long trọng gấp mấy lần ngày xưa làm lễ tang cho cha. Đấy được xem là người hiền đức ư? Cho nên nhà vua chẳng nên đi gặp Mạnh Tử.

Vua Lỗ Bình Công nói:

- Thế thì thôi vậy.

*
* *

Nhạc Chính Tử là bề tôi của vua Lỗ Bình Công vào chầu và hỏi rằng:

- Vì sao nhà vua không đi gặp Mạnh Tử?

Vua Lỗ Bình Công nói:

- Có người bảo với ta rằng Mạnh Tử làm lễ tang cho mẹ long trọng vượt quá mức ngày xưa làm lễ tang cho cha. Vì vậy ta không đi gặp nữa.

Nhạc Chính Tử thưa:

- Theo nhà vua thì Mạnh Tử làm lễ tang mẹ vượt lễ nghĩa ở chỗ nào? Hay là tại Mạnh Tử trước tế cha theo

địa vị mình là kẻ sĩ, sau này tế mẹ theo địa vị mình là quan đại phu, tức là trước kia dùng ba vạc[1] thức ăn tế cha, sau này dùng năm vạc[2] tế mẹ?

Vua Lỗ Bình Công nói:

- Không phải! Điều ta muốn nói là ở chỗ Mạnh Tử khi làm tang cho mẹ dùng trong quan ngoài quách, áo quần khâm liệm bằng lụa rất đẹp.

Nhạc Chính Tử thưa:

- Như vậy không thể nói là vượt lễ nghĩa được, chỉ là vì lẽ giàu nghèo mà thôi. Vì khi cha mất thì ông ấy còn nghèo, đến khi mẹ mất thì ông ấy đã giàu hơn, lễ tế tự nhiên có phần long trọng hơn là vậy.

*
* *

Nhạc Chính Tử gặp Mạnh Tử nói:

- Trò Khắc[3] này đã thưa về tài đức của thầy với vua Lỗ Bình Công. Vua Lỗ Bình Công định đến gặp thầy, nhưng có kẻ được vua Lỗ Bình Công yêu mến là Tang Thương đã cản trở, nên vua Lỗ Bình Công không đến gặp thầy nữa.

---

1. Hàng quan sĩ tế cha mẹ ba vạc (tam đỉnh): cá, thịt lợn, thịt khô.

2. Hàng quan đại phu tế cha mẹ năm vạc (ngũ đỉnh): cá, thịt lợn, thịt khô, thịt dê, nem chả.

3. Tên riêng của Nhạc Chính Tử.

Mạnh Tử nói:

- Thói thường, được một việc gì là đều có người dẫn đường tiến cử; không được một việc gì là do có kẻ khác cản trở ngáng đường. Thực ra, được việc hay không được việc đều không phải do nơi sức của kẻ khác quyết định, mà chính do nơi mệnh trời. Ta chẳng gặp được vua Lỗ Bình Công là do trời khiến, chứ con người họ Tang kia làm sao có thể cản trở cuộc gặp ấy được?

Chương 3

CÔNG TÔN SỬU CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU KHI Ở NƯỚC TỀ

1. Công Tôn Sửu là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Nếu như thầy được nắm quyền bính ở nước Tề, liệu thầy có lập nên được công tích và sự nghiệp như Quản Trọng và Yến Tử không?

Mạnh Tử nói:

- Ngươi thật đúng là người nước Tề, nên chỉ biết có Quản Trọng và Yến Tử mà thôi! Trước đây, đã từng có người hỏi Tăng Tây[1]: "Thầy so với ông Tử Lộ, ai tài đức hơn ai?". Tăng Tây bối rối trả lời: "Ông Tử Lộ là người mà cha tôi còn phải kính nể, tôi làm sao dám sánh với

---

1. Con của Tăng Sâm. Tăng Sâm là học trò của Khổng Tử.

ông ấy". Người ấy lại hỏi: "Thế thầy so với ông Quản Trọng, ai tài hiền hơn ai?". Tăng Tây nghe xong lộ vẻ không vui, nói: "Sao dám so sánh tôi với Quản Trọng? Quản Trọng được lòng vua, dường như đó là biệt tài của ông ấy. Quản Trọng gánh vác việc quốc gia dường như là người quen thuộc đã lâu. Lại nữa, Quản Trọng có công lao, dường như là nhờ những cách thấp hèn. Sao lại đem tôi so sánh với ông ấy?".

Mạnh Tử nói tiếp:

- Quản Trọng là người mà Tăng Tây chẳng chịu làm theo, còn ngươi sao lại nghĩ là ta muốn như Quản Trọng?

Công Tôn Sửu nói:

- Quản Trọng giúp vua Tề Hoàn Công xưng bá chư hầu. Yến Tử giúp vua Tề Cảnh Công nổi tiếng thiên hạ. Thế không đáng cho ta học tập Quản Trọng, Yến Tử đó sao?

Mạnh Tử nói:

- Làm cho nước Tề thịnh vượng, xưng bá chư hầu có gì là khó khăn, dễ như trở bàn tay vậy.

Công Tôn Sửu nói:

- Nói như vậy, thì con lại càng không hiểu. Như vua Văn Vương xưa là bậc chí đức, thọ đến trăm tuổi, thế mà vẫn không thống nhất được thiên hạ. Mãi đến đời vua Vũ Vương, ông Chu Công kế nghiệp mới thực hiện được điều ấy, nền đức chính mới được thi hành rộng rãi. Nay thầy nói vương đạo thực hiện dễ như thế, thì phép

cai trị của vua Văn Vương chẳng đáng cho ta học tập nữa ư?

Mạnh Tử nói:

- Về tài chính trị, có ai sánh nổi với vua Văn Vương? Từ vua Thành Thang đến vua Vũ Đinh, bậc vua hiền tài đã xuất hiện có đến sáu bảy vị. Thiên hạ quy phục nhà Ân đã rất lâu, mà lâu nên rất khó thay đổi. Do đó, vua Vũ Đinh lập phép để chư hầu đến triều cống, nên cai trị thiên hạ dễ dàng như trở bàn tay. Triều đại vua Trụ cách vua Vũ Đinh không lâu, những trung thần của vua Vũ Đinh và một số tập tục tốt vẫn còn truyền lại. Hơn nữa lại có những đại thần như Vi Tử, Vi Trọng, Vương Tử Tỷ Can, Cơ Tử, Giao Cách đều là người hiền tài, cùng chung sức giúp đỡ. Vì vậy, vua Trụ tuy vô đạo, vẫn kéo dài được một thời gian lâu rồi mới diệt vong. Cho nên có thể nói lúc đó, không một thước đất nào mà không phải của nhà Ân, không một người nào mà không phải là dân của vua Trụ. Ở trong tình thế ấy, vua Văn Vương khởi nghiệp từ một nước nhỏ, khuôn viên chỉ trăm dặm nên rất khó khăn mà giành được thiên hạ.

Người nước Tề có câu cách ngôn: "Tuy có trí tuệ vẫn không bằng nắm được thời cơ. Dù có công cụ cuốc xới vẫn không bằng đợi đúng thời vụ". Còn thời thế nước Tề hôm nay, muốn thực hiện nhân chính thì dễ dàng lắm rồi. Ở thời thịnh nhất của nhà Hạ, nhà Ân và nhà Chu, chưa có chư hầu nào đất đai vuông vức quá nghìn dặm. Còn bây giờ nước Tề đã được rộng lớn như thế này, tiếng chó sủa và tiếng gà gáy nối nhau vang dội bốn phương trong nước. Đất đã rộng như vậy, dân đã đông như thế

thì chẳng cần mở mang lãnh thổ, cũng không cần tập hợp thêm dân chúng, cứ việc thực hiện nhân chính sẽ dựng được nghiệp vương thu thiên hạ về một mối mà không có ai cản trở nổi.

Vả lại, từ trước đến nay, chưa có thời nào lâu như thời buổi này, đã rất lâu rồi đến nay vẫn chưa thấy bậc vua hiền nào xuất hiện. Nỗi khổ điêu đứng của dân dưới sự cai trị bạo ngược, chưa thời kỳ nào trầm trọng như hiện nay. Thường kẻ đói thì thức ăn nào cũng được, chẳng cần phải kén cá chọn canh; người khát uống nước gì cũng được, chẳng phải cầu kỳ tìm kiếm. Cũng như vậy, nay nếu có bậc vua hiền ra đời thì dân chúng hoan nghênh lắm.

Khổng Tử đã từng nói: "Kẻ truyền đạt giấy tờ, hiệu lệnh của nhà vua ở các trạm dù chạy bộ hay chạy ngựa, tin tức cũng không thể lan nhanh bằng đức cai trị có nhân của bậc vua hiền". Thời buổi này, một nước có vạn binh xa thực hiện phép cai trị có nhân thì dân chúng vui mừng giống như người bị treo ngược mà gặp được người giải cứu vậy. Vì vậy nhà cầm quyền đời nay chỉ cần bỏ công sức bằng một nửa người xưa cũng đã đạt thành tựu gấp đôi người xưa rồi. Riêng chỉ có thời buổi này mới được dễ dàng như vậy mà thôi.

2. Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử:

- Nếu thầy được làm khanh tướng nước Tề, được đem đạo lý nhân nghĩa ra thực hiện, nhờ vậy mà giúp vua Tề *làm nên nghiệp bá nghiệp vương, người ta cũng chẳng*

lấy gì làm lạ. Nếu nói như vậy, liệu thầy có cảm thấy xao động không?

Mạnh Tử nói:

- Không! Từ sau khi ta bốn mươi tuổi, tâm ta chẳng bao giờ còn xao động nữa.

Công Tôn Sửu nói:

- Nếu như vậy thì thầy giỏi hơn Mạnh Bôn[1] rồi.

Mạnh Tử nói:

- Điều này không khó. Cáo Tử[2] còn không bị xao động trong lòng, giữ được bình tĩnh sớm hơn ta rất nhiều.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Muốn được bình tĩnh, không xao động trong lòng, có phương pháp nhất định phải không?

Mạnh Tử nói:

- Có chứ! Có phương pháp của Bắc Cung Ẩu[3] là rèn luyện bồi dưỡng dũng khí: Da có bị rách toác cũng không nhúc nhích, mắt có bị đâm chọc cũng không chớp nháy. Dù chỉ bị thất bại, bị sứt mẻ bởi người ta một chút xíu thôi cũng thấy đau khổ như bị căng nọc đánh trước mặt đông người ở chợ hoặc ở chốn triều đường. Quyết không chịu nín nhịn kẻ áo vải. Chẳng hề tỏ ra lo sợ

---

1. Dũng sĩ nước Tề.

2. Người cùng thời với Mạnh Tử, hoặc sớm hơn một ít, đã cùng bàn luận vấn đề bản tính con người với Mạnh Tử.

3. Người nước Tề, họ Bắc Cung, tên Ẩu.

trước vua một nước lớn. Xem việc giết vua một nước có vạn binh xa cũng bình thường như giết một kẻ thường dân. Đối với vua chư hầu, không hề mảy may sợ hãi, gặp chỉ trích là phản đối ngay.

Còn phương pháp bồi dưỡng dũng khí của Mạnh Thi Xá thì lại khác hẳn. Mạnh Thi Xá nói rằng: "Coi kẻ địch không thể đánh thắng cũng giống như kẻ địch có thể đánh thắng. Nếu cứ tính toán lượng sức địch yếu rồi mới dám tiến, có chắc thắng rồi mới dám xông lên, như vậy là loại người sợ địch. Xá này đâu dám nói nhất định thắng, có điều là ta không hề biết sợ đó thôi".

Cách rèn luyện bồi dưỡng dũng khí của Mạnh Thi Xá lấy điều "không sợ" làm chủ chốt giống như Tăng Tử, còn của Bắc Cung Ẩu lấy điều "tất thắng" làm chủ chốt giống như Tử Hạ. Còn phương pháp rèn luyện bồi dưỡng dũng khí của hai người này ta cũng không biết ai tốt hơn ai[1]. Nhưng phương pháp của Mạnh Thi Xá có tuân theo một nguyên tắc nhất định. Trước đây Tăng Tử đã từng nói với học trò là Tử Tương rằng: "Ngươi thích điều dũng ư? Ta đã từng được nghe thầy ta là Khổng Tử giảng về đạo lý đại dũng như sau: Tự xét thấy lý lẽ của mình không ngay thẳng thì dù đối phương là kẻ thấp hèn, tự mình chẳng khiếp sợ sao? Tự mình hiểu lấy điều ngay lẽ phải, thì dù đối phương có thiên binh vạn mã, mình cũng cứ tiến lên". Xem ra, Mạnh Thi Xá rèn luyện

---

1. Mạnh Thi Xá giống với Tăng Tử ở chỗ: thường tự suy xét để sửa mình. Bắc Cung Ẩu giống với Tử Hạ là có lòng tin với thánh nhân Khổng Tử.

bồi dưỡng cốt để giữ cái dũng khí; không bằng nguyên tắc của Tăng Tử là bồi dưỡng rèn luyện nết đại dũng.

Công Tôn Sửu nói:

- Thầy có thể nói cho con rõ về sự không xao động trong lòng của thầy và của Cáo Tử được không?

Mạnh Tử nói:

- Cáo Tử thường nói rằng: "Lời nghe mà không lọt tai thì đừng bận tâm suy nghĩ nữa; cách đối xử đã làm ta phật lòng thì chẳng cần tìm hiểu khẩu khí ra sao nữa"[1]. Nhưng ta lại nghĩ khác. Cách đối xử đã làm ta phật ý thì chẳng để tâm tìm hiểu lời lẽ khẩu khí của kẻ đã làm ta phật ý, như thế là phải. Còn đối với lời lẽ nghe không lọt tai mà lại chẳng để tâm suy nghĩ tới thì lại là không phải[2].

Cái chí là chủ soái điều khiển cái khí, còn cái khí lưu thông đầy khắp trong thân thể. Cái chí là phần cao hơn cả, còn cái khí là phần kế tiếp đó. Vì vậy người ta nói rằng: "Nên giữ cái chí, chớ nên làm rối loạn cái khí"[3].

---

1. Cáo Tử lấy sự "chẳng cần bận tâm" làm phương pháp chủ đạo.

2. Mạnh Tử dùng đạo lớn chính trực để tu dưỡng tâm tính nên thấu tình đạt lý hơn.

3. Chí ở đây có nghĩa là những điều suy nghĩ trong lòng. Khí ở đây là khí lực ẩn chứa trong người, từ đó mà biểu thị ra vui, buồn, giận... Chí chỉ huy điều hành khí, cân nhắc điều nên hay không nên. Giữ vững cái chí là giữ cho chí theo đạo chính. Chớ nên làm rối loạn cái khí là đừng vui, buồn, giận một cách tùy tiện, thiên lệch.

Công Tôn Sửu lại hỏi:

- Thầy đã dạy là cái chí cao hơn, còn cái khí là phần kế tiếp đó. Sau thầy lại dạy thêm là nên giữ vững cái chí, chớ nên làm rối loạn cái khí. Vậy hai lời dạy đó ý nghĩa là thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Khi cái chí chuyên nhất về một điều nào đó thì nó sẽ tác động đến cái khí. Khi cái khí mà chuyên nhất về một điều nào đó thì nó tác động đến cái chí. Tức là tâm chí và khí lực của con người có liên quan tác động lẫn nhau. Ví dụ như người thì chạy nhanh, kẻ thì chạy chậm, tất cả đều là do vận động khí lực của mình mà làm, nhưng lại tác động đến tâm trí.

Công Tôn Sửu hỏi tiếp:

- Xin mạn phép hỏi thầy, thầy có những ưu điểm nào?

Mạnh Tử nói:

- Ta hiểu biết lời lẽ, tức là ta biết người khác nghĩ gì để nên nói như thế nào cho phù hợp. Ta khéo biết bồi dưỡng cái khí lực hùng hậu tự nhiên của ta.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Thưa thầy, cái khí lực hùng hậu tự nhiên đó là gì vậy?

Mạnh Tử nói:

- Khó lý giải lắm! Khí ấy rất lớn, rất mạnh. Nếu mình lấy chính nghĩa mà bồi dưỡng hun đúc nó, không làm tổn hại đến nó, thì nó lan tỏa khắp trời đất.

Cái khí ấy cần phải được phối hợp với đạo và nghĩa mà phát huy tác dụng; nếu không nó sẽ suy tàn, chả có một sức mạnh nào. Nó là do chính nghĩa được thường xuyên tích lũy mà sinh ra, không phải chỉ dựa vào vài việc nghĩa ngẫu nhiên nhất thời mà sinh ra được.

Nếu làm việc gì không hợp với chính nghĩa, trái với lương tâm, thì cái khí đó sẽ suy giảm ngay. Cho nên ta mới nói Cáo Tử chưa hiểu gì về điều nghĩa, vì Cáo Tử xem nghĩa là vật ở bên ngoài. Cũng cần phải nhớ rằng, muốn nuôi dưỡng cái khí ấy thì phải chăm tích lũy điều nghĩa nhưng đừng có hấp tấp đòi có kết quả ngay; không xao nhãng nhưng cũng đừng nóng ruột muốn thúc cho cái khí ấy sớm hình thành phát triển. Đừng có làm như người nước Tống nọ, lo lắng mạ của mình chậm lớn, nên đã nắm ngọn kéo cao lên, rồi mệt mỏi trở về nhà nói với con: "Hôm nay ta mệt quá, ta làm cho mạ mọc cao hơn nhiều rồi", người con vội chạy ra đồng xem thì mạ đã héo hết cả rồi. Trong thực tế, số người làm theo kiểu người nước Tống này không phải là ít.

Nhiều người cho rằng, cái khí lực hùng hậu tự nhiên của mình chẳng có ích gì nên bỏ bẵng, chẳng chịu bồi dưỡng, như vậy khác nào người trồng lúa chẳng chịu làm cỏ lúa vậy. Còn những kẻ nóng lòng muốn khí lực của mình mau chóng phát triển cũng chẳng khác nào người nước Tống kéo mạ lên cao vậy, chẳng những không có ích, mà còn gặp tai hại nữa.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Xin thầy dạy cho, thế nào là hiểu biết lời lẽ? Làm thế nào để biết được người ta nghĩ gì để nói cho phù hợp?

Mạnh Tử nói:

- Nghe lời nói bao che, thiên lệch, ta biết được tâm địa người nói có điều riêng che giấu. Nghe lời nói phóng túng, ta biết tâm địa người nói đã chìm đắm vào chỗ u mê rồi. Nghe lời nói tà ác, ta biết người nói đã xa rời lẽ phải. Nghe lời nói ngụy biện, biết được người nói đã nghẹn lời cụt lý.

Người cầm quyền nếu để những lời nói này nảy sinh ở trong lòng thì có thể gây nguy hại về chính sự; nếu để nảy sinh trong chính sự sẽ gây nên nguy hại trong mọi việc. Dẫu cho bậc thánh nhân sống lại ở đời này, chắc vẫn tán thành những lời ta vừa nói.

Công Tôn Sửu nói:

- Tể Ngã, Tử Cống là học trò của Khổng Tử, đều giỏi ăn nói. Nhiễm Ngưu, Mẫn Tử, Nhan Uyên cũng là học trò của Khổng Tử, rất có đạo đức và bàn luận rất giỏi về đức hạnh. Khổng Tử có sẵn cả hai mặt ưu điểm như vậy, thế mà Khổng Tử vẫn nói về mình như sau: "Ta chẳng có tài gì về ăn nói". Nhưng thưa thầy! Nay thầy đã có tài hiểu biết lời lẽ, lại còn khéo nuôi dưỡng "cái khí lực hùng hậu tự nhiên" của mình. Như vậy có thể nói thầy đạt đến bậc thánh nhân rồi phải không?

Mạnh Tử nói:

- Kìa! Sao ngươi lại nói vậy? Ngày xưa Tử Cống hỏi Khổng Tử rằng: "Thầy đạt đến bậc thánh nhân rồi ư?". Khổng Tử dạy rằng: "Bậc thánh nhân thì ta chưa dám đạt được. Ta chỉ là người học đạo không biết chán, dạy người không biết mệt đó thôi". Tử Cống thưa rằng: "Học

đạo không biết chán là trí. Dạy người không biết mệt là nhân. Vừa có trí vừa có nhân, thầy là thánh nhân rồi". Ngay đến Khổng Tử cũng không dám nhận mình là thánh nhân, sao ngươi lại dám nói thầy như vậy?

Công Tôn Sửu nói:

- Con trước đây đã nghe nói rằng, Tử Hạ, Tử Du và Tử Trương đều có được một phần tài năng và đạo đức của thánh nhân (Khổng Tử). Còn Nhiễm Ngưu, Mẫn Tử, Nhan Uyên về cơ bản đã đạt được đủ phẩm đức của thánh nhân, chỉ chưa thật tinh sâu đó thôi. Xin hỏi thầy, thầy tự nhận mình ở mức nào?

Mạnh Tử nói:

- Thôi! Không bàn luận việc này nữa.

Công Tôn Sửu lại hỏi:

- Bá Di[1] và Y Doãn[2] là người thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Cách xử thế của họ khác nhau. Chẳng phải là vị vua đáng để phụng sự thì không phụng sự, không phải là dân đáng sai khiến thì không sai khiến cai trị, thời thế thái bình ra làm quan, thời thế loạn lạc thì từ quan ẩn cư, đây là cách xử thế của Bá Di. Bất kỳ vua nào cũng phụng sự, bất kỳ dân nước nào cũng sai khiến,

---

1. Là con trưởng của Cô Trúc Quân triều Ân. Sau khi vua Vũ Vương lên ngôi, cùng em là Thúc Tề quyết không ăn gạo nhà Chu, chịu chết đói ở Thủ Dương Sơn.

2. Là đại thần của vua Thành Thang.

thời thế thái bình cũng làm quan, thời thế loạn lạc cũng làm quan, đây là cách xử thế của Y Doãn. Lúc nên ra làm quan là làm quan, lúc nên từ chức là từ chức, lúc nên ở lâu là ở lâu, lúc cần lập tức kết thúc là kết thúc, đây là cách xử thế của Khổng Tử.

Cả ba vị ấy đều là bậc thánh nhân đời xưa, bản thân ta chưa thể noi theo được, nhưng ý nguyện của ta là học tập Khổng Tử.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Bá Di, Y Doãn và Khổng Tử, có thể xếp ngang hàng với nhau không?

Mạnh Tử nói:

- Không được. Từ khi xuất hiện loài người đến nay, chưa hề có người nào bằng được Khổng Tử.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Nhưng ba vị đó có chỗ nào giống nhau không?

Mạnh Tử nói:

- Có. Nếu ba vị ấy có đất khoảng trăm dặm để làm vua thì cả ba vị ấy đều có thể khiến cho các vua chư hầu đến triều bái, từ đó mà thống nhất thiên hạ. Nhưng nếu làm một việc bất nghĩa, giết một người vô tội để được cai trị thiên hạ, thì ba vị ấy đều quyết không bao giờ làm. Đây là điểm giống nhau của ba vị.

Công Tôn Sửu hỏi:

- *Thưa thầy! Thế ba vị ấy có chỗ nào khác nhau?*

Mạnh Tử nói:

- Tể Ngã, Tử Cống, Hữu Nhược có đủ trí sáng suốt để hiểu và biết được Khổng Tử là bậc thánh nhân. Ba ông ấy chẳng hạ mình để trở thành kẻ a dua tán dương người mà mình thích. Tể Ngã nói: "Ta thấy thầy ta hơn hẳn vua Nghiêu, vua Thuấn". Tử Cống nói: "Xem lễ tiết mà thầy ta chép ra theo từng đời, biết ngay chế độ chính trị của đời đó. Lắng nghe âm nhạc của từng đời do thầy ta biên chỉnh lại, biết ngay đức hạnh của từng vị vua. Dù cho xa cách trăm đời, dù có trải qua cả trăm vị vua, cũng không có ai có thể lọt qua sự nhận xét tinh tường của thầy ta. Từ khi xuất hiện loài người đến nay, chưa có người nào bằng được Khổng Tử". Hữu Nhược nói: "Sự khác nhau không lẽ chỉ loài người mới có ư? Kỳ lân với loài thú, phượng hoàng với loài chim, núi Thái Sơn với gò đống, sông biển với khe suối, đều là một loại cả, nhưng cũng khác nhau. Thánh nhân với người dân bình thường cùng thuộc về nhân loại. Nhưng thánh nhân vĩnh viễn vượt lên trên đồng loại, nổi bật hơn hẳn đồng loại. Từ khi có loài người đến nay, chưa có ai vĩ đại như Khổng Tử".

II - LỜI MẠNH TỬ

1. Một vị vua dùng vũ lực lại giả nhân nghĩa đi chinh phạt các nước, vị vua ấy có thể xưng bá. Làm bá thì nhất định cần có một nước to lớn.

Một vị vua dựa vào đức hạnh lại thực hiện nhân chính, thì người ta tôn là vương. Làm vương chẳng đợi

có một nước to lớn. Như vua Thành Thang đất đai chỉ vuông vức bảy mươi dặm, vua Văn Vương đất đai chỉ vuông vức một trăm dặm nhưng đều từ đó mà nổi lên.

Dựa vào sức mạnh khiến người khác phục tùng thì người ta chỉ chịu phục bề ngoài, chứ tâm người ta không phục, chẳng qua vì người ta không đủ lực lượng để chống lại đó thôi. Còn dựa vào đức hạnh khiến người khác phục thì người ta chịu tâm phục, tức là phục mà trong lòng thật tâm thật ý, giống như bảy mươi vị học trò phục thầy Khổng Tử vậy.

Kinh Thi có câu: "Từ phương tây, từ phương đông, từ phương nam, từ phương bắc, không có chỗ nào không có ai không phục vua Văn Vương". Mấy lời ấy để chứng minh cho sự tâm phục mà ta vừa giảng vậy.

2. Có nhân sẽ được vẻ vang rạng rỡ, bất nhân sẽ gặp phải nhục nhã. Hiện nay, các nhà vua đều sợ mang tiếng nhục nhã nhưng vẫn giống như ghét ẩm ướt mà lại ở chỗ thấp trũng vậy. Nếu thật lòng sợ mang tiếng nhục nhã, tốt nhất là đề cao đạo đức, tôn kính người có học, cất nhắc người có tài đức ở địa vị xứng đáng; giao trách nhiệm cho người có tài năng, nhân lúc nước nhà yên ổn thái bình mà sửa sang việc hành chính và tư pháp. Dẫu cho nước lớn cũng phải kiêng sợ, nếu nước nhỏ biết làm được những việc như vậy.

Kinh Thi có câu vịnh lời con chim: "Ta nhân lúc trời chưa kéo mây, chưa đổ mưa, đi xé vỏ cây dâu về, vừa trang trí vừa che cửa phòng gio. Từ nay về sau, người

sống ở dưới ta ai dám lừa bịp, khinh rẻ làm nhục ta?". Khổng Tử nhân đó nói rằng: "Người sáng tác ra câu nói trên ắt là người hiểu đạo trị nước. Người làm vua có thể cai trị nước nhà, biết phòng họa hoạn khi chưa xảy ra, thì còn ai dám chê bai khinh rẻ mình nữa?".

Hiện nay, trong khi nước nhà yên ổn thái bình, không bị bên ngoài uy hiếp, các nhà vua lại nhân cơ hội này chạy theo hưởng lạc, bỏ bê việc nước mà du ngoạn khắp nơi. Như vậy là tự mình vời họa đến. Họa và phúc không có cái nào là không do mình vời đến. Kinh Thi có câu: "Lúc nào mình cũng phải ăn ở nói năng hợp với mệnh trời, như vậy tự mình sẽ được nhiều phúc". Thiên Thái Giáp trong Kinh Thi có câu: "Họa do trời giáng xuống, mình có thể tránh được. Còn tội lỗi do mình gây nên, muốn tránh cũng không nổi". Mấy lời ấy chính là làm rõ thêm về sự tự mình vời họa đến cho mình vậy.

3. Một khi người hiền tài được tôn trọng, người tài giỏi được sử dụng, người kiệt xuất được ở vị trí xứng đáng thì mọi nhân sĩ trong thiên hạ đều thỏa mãn, phục vụ triều đình hết lòng.

Ở nơi chợ búa, nếu nhà vua chỉ thu tiền đất tiền nhà, không đánh thuế hàng hóa ở trong tiệm, hoặc ban hành luật thương mại mà trong đó không thu tiền đất tiền nhà thì các nhà buôn trong thiên hạ ai cũng vui lòng chứa trữ hàng hóa ở nơi chợ búa của nhà vua.

Ở nơi quan ải, nếu nhà vua ra lệnh chỉ kiểm tra người lạ mặt, nhưng không đánh thuế vào hàng hóa họ

mang theo thì những khách lữ hành trong thiên hạ đều vui lòng thỏa mãn, ai cũng muốn đi lại trên đường sá của nhà vua.

Đối với những nhà làm ruộng, nhà vua thực hiện chế độ tỉnh điền, người làm ruộng chỉ giúp công chứ không phải nộp thuế, thì người làm ruộng sẽ hết sức vui lòng, hăng hái sản xuất.

Đối với những nhà ở thị tứ, nhà vua chỉ thu tiền đất mà không bắt họ nộp phạt vì bỏ làm ruộng đi buôn, thì sẽ làm cho mọi người trong thiên hạ vui lòng, càng muốn đến sống ở trên đất của nhà vua.

Nếu nhà vua làm tốt được năm mặt nói trên thì dân chúng các nước lân cận đều ngưỡng mộ mình, như ngưỡng mộ cha mẹ họ vậy. Nếu nước lân cận khiến họ đến đánh mình, thì tức là giống như bắt con cái đánh lại cha mẹ, như thế thì chỉ có thất bại. Từ khi có loài người đến nay, chẳng ai có thể xúi giục con cái đánh lại cha mẹ mình được cả.

Nhà vua được như vậy có thể nói là vô địch thiên hạ. Người thống trị một quốc gia vô địch thiên hạ gọi là bậc thiên lại, sứ nhà trời vâng mệnh trời mà trị an thiên hạ. Làm được như vậy mà vương nghiệp không thành thì quả là từ trước đến nay chưa có bao giờ.

4. Người ta ai cũng có lòng chẳng nỡ làm những việc có hại cho người khác. Những bậc vua thiên tử đời trước có tấm lòng chẳng nỡ làm việc có hại cho người, nên mới có nền chính trị giàu *lòng thương xót con người. Bởi có*

lòng chẳng nỡ ấy, các bậc vua thiên tử thời xưa mới đem lòng thương xót mà thực hành chính sự, nên cai trị thiên hạ dễ như xoay trở đồ chơi trên bàn tay.

Nói mọi người đều có tấm lòng chẳng nỡ làm việc có hại cho người khác, vậy xin nêu ra ví dụ để chứng minh cho rõ. Giả sử bây giờ có người nhìn thấy một em bé sắp rơi xuống giếng, liền lộ vẻ kinh hãi, thương xót muốn cứu ngay đứa trẻ. Đây không phải vì người ấy muốn nhân cơ hội này để kết giao bạn bè với cha mẹ đứa bé; cũng không phải để được một tiếng khen trong bạn bè đồng hương, cũng không vì sợ mang tiếng xấu là thấy mà không cứu.

Từ việc này mà suy xét, nếu không có lòng thương xót, không thể gọi là người được; không có lòng hổ thẹn, không thể gọi là người được; không có lòng cung kính bề trên nhường nhịn kẻ dưới, không thể gọi là người được; không có tấm lòng phân biệt được phải trái, không thể gọi là người được.

Lòng thương xót là đầu mối của đức nhân. Lòng hổ thẹn là đầu mối của đức nghĩa. Lòng cung kính nhường nhịn là đầu mối của đức lễ. Lòng phân biệt phải trái là đầu mối của đức trí. Con người có bốn đầu mối nói trên, giống như có đủ hai tay hai chân vậy. Có bốn đầu mối nói trên mà lại nói mình không làm được nhân, nghĩa, lễ, trí tức là nói mình không có khả năng làm điều thiện, thì như vậy là tự mình làm hại bản tính tốt đẹp của mình. Lại nói vua của mình cũng không làm được nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là tự mình hại vua của mình vậy.

Hễ mình đã có sẵn bốn đầu mối nói trên, lại biết phát huy mở rộng ra thì giống như ngọn lửa mới bén càng bùng cháy, như nước nguồn vừa chảy càng tuôn trào. Nếu mình biết phát huy mở rộng, hoàn toàn có thể làm cho bốn biển yên ổn. Nếu mình không biết phát huy mở rộng thì đến việc phụng dưỡng cha mẹ làm cũng chẳng xong.

5. Người chế tạo ra cung tên phải chăng bất nhân hơn người chế tạo ra áo giáp? Người chế tạo cung tên có mối lo duy nhất là sợ mũi tên của mình không làm tổn thương người. Người chế tạo ra áo giáp có mối lo duy nhất là sợ áo giáp của mình không che đỡ nổi mà làm tổn thương người. Người thầy thuốc xem bệnh phục vụ người ốm, người thợ làm áo quan phục vụ người chết cũng vậy. Chỉ vì nghề nghiệp không giống nhau nên cách nghĩ khác nhau đó thôi. Cho nên chọn lựa nghề nghiệp không thể không thận trọng.

Khổng Tử nói: "Nơi ở cũng phải chọn nơi có tập quán nhân hậu mới tốt. Không biết chọn nơi ở có tập quán nhân hậu, sao lại nói là sáng suốt hiểu biết được?".

Đức nhân là bản tính tôn quý nhất mà trời ban cho con người, là nơi ở yên lành của con người. Không có ai ngăn trở mà mình ăn ở không có lòng nhân (bất nhân), đó là tại mình không sáng suốt hiểu biết (bất trí) vậy.

Kẻ mà bất nhân, bất trí, vô lễ, bất nghĩa, thì chỉ làm nô dịch, tôi tớ cho kẻ khác. Làm tôi tớ cho kẻ khác mà biết hổ thẹn, cũng giống như người làm cung biết hổ thẹn khi đẽo sai cánh cung, người làm mũi tên biết nhục

nhã khi chuốt hỏng mũi tên. Nhưng đã biết hổ thẹn nghề nghiệp của mình thì chẳng gì bằng học tập làm điều nhân, thực hiện điều nhân.

Người học làm điều nhân cũng như người bắn cung, trước hết phải đứng cho tề chỉnh ngay ngắn rồi mới bật dây cung. Bắn mà không trúng, chớ nên bực bội với người bắn giỏi hơn mình, mà nên tự xét lại bản thân mình mà thôi.

6. Tử Lộ là học trò của Khổng Tử, khi được người khác chỉ ra điều lầm lỗi của mình thì lấy làm vui mừng. Vua Đại Vũ nhà Hạ nghe ai khuyên điều hay liền bái tạ. Vua Đại Thuấn càng vĩ đại hơn, hễ là điều thiện thì chẳng những mình làm trước mà còn khuyên bảo mọi người cùng làm theo. Vua Thuấn dám bỏ điều sai của mình để theo điều đúng của người, vui vẻ học tập điều tốt của người để làm việc thiện. Từ lúc cày ruộng trồng lúa, nặn nung đồ gốm, thả lưới bắt cá, cho đến lúc làm đế vương, không việc gì là không học hỏi điều hay lẽ phải ở mọi người. Học mọi người để làm việc thiện cũng chính là cùng với mọi người làm việc thiện. Cho nên mới nói: đức hạnh cao nhất, nhiệm vụ cao nhất của người quân tử là cùng với mọi người làm việc thiện.

7. Đối với Bá Di, không phải là bậc vua đáng thờ phụng thì ông không thờ phụng; không phải là bạn bè đáng kết giao thì ông không kết giao. Ông đã không đứng ở triều đình của kẻ xấu, lại còn không nói chuyện với kẻ ác. Ông cho rằng đứng ở triều đình của kẻ xấu,

nói chuyện với kẻ ác giống như mặc áo lễ phục, đội mũ lễ phục mà ngồi ở chốn bùn nhơ. Đem tâm lý ghét ác, ghét xấu đó mà suy rộng ra, cách suy nghĩ của ông là: nếu cùng với người đồng hương đứng một chỗ mà thấy người ấy đội mũ lệch thì ông bỏ đi ngay mà chẳng ngoái đầu nhìn lại, như thấy mình sắp bị dính bùn nhơ. Các vua chư hầu nhiều lần bằng lời lẽ khéo léo đến mời ông ra làm quan, nhưng ông không ra. Sở dĩ ông không ra làm quan vì nghĩ rằng gần họ sẽ không giữ được sự trong sạch cho mình.

Ông Liễu Hạ Huệ không cho việc phụng sự bậc vua xấu là việc đáng sỉ nhục, dù được giao một chức quan nhỏ ông cũng chẳng chê. Khi vào triều làm quan, ông không hề giấu giếm tài năng của mình, nhưng nhất định phải theo đạo lý mà làm việc. Khi bị phế truất bãi nhiệm mà lui về ẩn dật, ông không một lời trách móc oán giận. Thậm chí khi gặp cảnh cùng khốn lao đao, ông cũng chẳng buồn. Vì vậy, Liễu Hạ Huệ mới nói: "Ngươi là ngươi, ta là ta, dẫu cho ngươi có lưng trần như nhộng đứng ngồi bên ta, làm sao nhiễm bẩn ta được?". Cho nên Liễu Hạ Huệ rất thích gần gũi với mọi người, chẳng hề mất vẻ tự nhiên của mình. Khi ông sắp từ biệt, có ai nắm tay mà giữ ông lại, ông cũng ở lại. Người ta nắm tay giữ ông ở lại mà ông ở lại, vì ông nghĩ rằng việc bỏ đi là không nên.

Cách xử thế của Bá Di quá nghiêm túc hẹp hòi. Còn cách xử thế của Liễu Hạ Huệ quá xuề xòa dễ dãi. Quá nghiêm túc hẹp hòi, quá xuề xòa dễ dãi, người quân tử *giữ ở mức trung thì chẳng nên như thế.*

Chương 4

CÔNG TÔN SỬU CHƯƠNG CÚ HẠ

I - LỜI MẠNH TỬ

Thiên thời chẳng bằng địa lợi, địa lợi chẳng bằng nhân hòa.

Một thành có bên trong vuông vức ba dặm, bên ngoài vuông vức bảy dặm, đã bao vây chặt rồi mới đánh, thế mà cuối cùng đánh chẳng xong. Đã bao vây rồi mới đánh thì chắc chắn là dựa vào thời cơ tốt, thuận lợi để đánh, thế mà đánh vẫn không thắng. Như vậy thì thiên thời chẳng bằng địa lợi.

Một thành khác, tường không phải là không cao, hào không phải là không sâu, vũ khí không phải là không sắc bén, lương thực không phải là không nhiều. Thế mà địch vừa mới đánh đến thì quân lính đã bỏ thành tháo chạy. Như vậy thì địa lợi chẳng bằng nhân hòa.

Vì vậy người ta thường nói rằng: "Ngăn giữ dân chúng không thể dựa vào biên cương canh phòng nghiêm mật. Làm cho thế nước ổn định vững chắc không thể dựa vào sông núi hiểm trở. Làm cho thiên hạ nể sợ không thể dựa vào vũ khí sắc nhọn". Làm vua mà giữ được chính đạo thì được đa số dân chúng ủng hộ; để mất chính đạo thì có được người giúp cũng thật hiếm hoi. Khi số người giúp đỡ ít đến cực điểm thì ngay cả người thân thích cũng phản bội luôn. Khi số người ủng hộ nhiều đến cực điểm thì mọi người trong

thiên hạ đều phục tùng theo. Đem sức mạnh của người có cả thiên hạ đi theo để đánh với kẻ bị họ hàng thân thích phản bội thì chắc chắn toàn thắng. Vì vậy, bậc vua hiền có đức độ và chính nghĩa không đánh thì thôi, đã đánh là nhất định giành thắng lợi.

II - MẠNH TỬ VỚI CẢNH SỬU

Mạnh Tử chuẩn bị đi gặp vua nước Tề, nhưng vua đã sai người đến chuyển lời, nói với Mạnh Tử rằng:

- Ta đáng ra nên đến thăm Mạnh Phu Tử, nhưng vì bị cảm lạnh, không được ra ngoài gió. Sáng mai, ta ngự triều xử lý công việc. Chẳng biết ta có may mắn gặp được Mạnh Phu Tử không?

Mạnh Tử nói với người truyền đạt:

- Thật chẳng may, tôi cũng đang bị mệt, không thể vào triều được.

Ngày hôm sau, Mạnh Tử phải đi đám hiếu ở nhà quan đại phu nước Tề là Đông Quách.

Công Tôn Sửu nói với Mạnh Tử:

- Hôm qua thầy nói ốm để từ chối gặp vua. Hôm nay thầy lại đi đám hiếu. Như thế có thích hợp lắm không?

- Hôm qua ta ốm, nhưng hôm nay khỏi rồi. Vì sao ta lại không đi đám hiếu được? - Nói xong, Mạnh Tử đi ngay.

Một lát sau, vua nước Tề cử thầy thuốc đến thăm bệnh cho Mạnh Tử. Mạnh Trọng Tử[1] vội nói ngay:

---

1. Con chú bác với Mạnh Tử và là học trò của Mạnh Tử.

- Hôm qua người của nhà vua đến truyền lệnh, nhưng thầy tôi bị ốm, không thể vào triều được. Sáng nay bệnh vừa đỡ, thầy tôi đã vội vào triều rồi, không biết giờ này đã đến chưa?

Mặt khác, Mạnh Trọng Tử cử mấy người đón ở dọc đường, gặp Mạnh Tử nói:

- Xin đừng về nhà trước, đi mau vào triều ngay.

Mạnh Tử không tiện về nhà mà chẳng lẽ lại vào triều, đành phải đến nhà quan đại phu là Cảnh Sửu nghỉ qua đêm.

Cảnh Sửu nói:

- Trong nhà có cha mẹ, ra đời có vua tôi. Đây là mối quan hệ quan trọng nhất trong thế gian. Tình cha con trọng ở báo ơn, tình vua tôi trọng ở tôn kính. Tôi thấy vua rất tôn kính ngài, nhưng chưa thấy ngài tôn kính vua.

Mạnh Tử trả lời:

- Kìa! Sao ông lại nói thế? Người trong nước Tề không có ai chịu đem đạo nhân nghĩa mà khuyên giải vua. Phải chăng họ cho nhân nghĩa là điều chẳng tốt đẹp gì? Chắc họ nghĩ: nói chuyện nhân nghĩa với vua thì có tác dụng gì? Họ làm như vậy là phạm tội bất kính lớn nhất đối với vua. Còn ta, nếu không phải là đạo nhân nghĩa của vua Nghiêu, vua Thuấn, ta chẳng dám đem điều gì nói trước mặt vua. Cho nên có thể nói, người nước Tề không có ai tôn kính vua như ta.

Cảnh Sửu lại nói:

- Không! Vấn đề tôi nói không phải như vậy. Trong Kinh Lễ có câu: "Khi cha có việc gọi mình, mình phải vội

đến ngay chứ đừng hứa hẹn. Khi vua có lệnh triệu mình, mình phải cấp tốc đi ngay không đợi thắng xe". Ngài lúc đầu đã có ý đi vào triều gặp vua, sau đó nghe được lệnh vua, ngài lại không đi nữa. Cách cư xử như vậy của ngài tôi e không phù hợp với những điều đã dạy trong Kinh Lễ.

Mạnh Tử liền trả lời:

- Té ra là như vậy ư? Ngày xưa Tăng Tử có nói: "Sự giàu có của vua nước Tần và vua nước Sở, chúng ta đuổi chẳng kịp đâu. Họ có của cải của họ thì ta có điều nhân của ta. Họ dựa vào tước vị của họ thì ta dựa vào điều nghĩa của ta. Có điều gì mà chẳng bằng lòng nữa?".

Cái mà thiên hạ quý nhất có ba điều là chức tước, tuổi tác và đạo đức. Ở triều đình, chức tước là quan trọng. Ở trong dân chúng làng xã, tuổi tác là quan trọng. Còn phù tá cho vua quản lý thiên hạ, đạo đức là quan trọng nhất. Sao có thể chỉ dựa vào một chức tước tôn quý mà coi nhẹ hai mặt tuổi tác và đạo đức cũng đáng tôn quý kia?

Cho nên thuở xưa, những vị vua sắp làm nên sự nghiệp, nhất định phải có một hạng bề tôi mà tự vua cũng chẳng dám triệu gọi. Nếu vua có việc gì cần bàn bạc thì tự mình đến chỗ hạng bề tôi ấy. Bậc vua nếu tôn trọng đức hạnh và ham muốn việc thực hành nhân chính mà không làm được như vậy, thì chẳng thể có được người có đức có đạo cộng tác với mình để làm nên sự nghiệp. Vì vậy vua Thành Thang đối với Y Doãn, trước hết học tập Y Doãn, tôn làm thầy rồi sau đó mới phong làm quan, nhờ vậy mà không tốn mấy công sức

đã xưng vương thiên hạ. Lại như vua Tề Hoàn Công đối với Quản Trọng, trước tôn làm thầy rồi sau đó mới phong làm quan, nhờ vậy mà không mất bao công sức, đã xưng bá chư hầu.

Như các nước ngày nay, đất đai to nhỏ gần bằng nhau, thế lực gần ngang nhau, thế mà không có nước nào có thể xưng bá. Vì sao lại vậy? Chẳng qua là vì các vua chỉ ưa những hạng bề tôi chịu nghe lời nói của mình, vâng theo mệnh lệnh của mình; không thích những hạng bề tôi có thể chỉ bảo cho mình, nâng cao sự hiểu biết của mình mà thôi.

III - MẠNH TỬ VỚI TRẦN TRĂN

Học trò của Mạnh Tử là Trần Trăn hỏi:

- Khi thầy còn ở nước Tề, vua nước Tề có lần biếu thầy một trăm dật vàng, thầy không nhận. Còn khi ở nước Tống, vua nước Tống biếu thầy bảy chục dật vàng, thầy lại nhận. Ở đất Tiết, vua nước Tiết chỉ biếu năm chục dật vàng, thầy cũng nhận. Nếu nói lần đầu tiên thầy không nhận là phải, thì hai lần sau nhận chắc hẳn là không phải. Nếu nói hai lần sau nhận là phải, thì lần đầu không nhận chắc hẳn là không phải. Trong hai trường hợp đó, thầy nhất định phải có một trường hợp không phải đó!

Mạnh Tử nói:

- Cả mấy lần đều phải cả. Khi ở nước Tống, ta chuẩn bị đi xa. Người đi xa cần có lộ phí. Vua nước Tống nói biếu ta một ít lộ phí. Ta vì sao lại không nhận?

Khi ở đất Tiết, nghe nói trên đường có nhiều nguy hiểm, ta phải cảnh giác đề phòng. Vua nước Tiết nói biếu ta một ít để trả cho quân hộ tống. Vì sao ta lại không lấy?

Còn trước đó khi ở nước Tề, thì ta chả có lý do gì để dùng tiền. Đối với người không có lý do gì để dùng tiền mà lại đem biếu xén người ta thì đúng là dùng đồng tiền để mua chuộc người ta vậy. Đâu có đạo lý dạy người quân tử nhận món vàng của kẻ muốn dụ dỗ mình?

IV - MẠNH TỬ VỚI KHỔNG CỰ TÂM

Mạnh Tử đến đất Bình Lục thuộc nước Tề, nói với trưởng quan ở đây là Khổng Cự Tâm rằng:

- Binh sĩ bảo vệ dưới quyền, trong một ngày ba lần rời bỏ chức trách, ông có đuổi đi không?

- Cần gì phải đợi đến ba lần rồi mới đuổi!

- Thế thì ông đã bỏ chức trách không biết bao nhiêu lần rồi. Năm mất mùa đói kém, dân chúng của ông, người già cả yếu đuối thì chết đói nằm đầy đồng hoang và khe núi, kẻ trai tráng thì phiêu bạt tứ phương đến mấy nghìn người.

- Nhưng việc đó sức tôi không thể làm được.

- Giả thử nay có một người nhận trách nhiệm chăn thả bò dê cho người ta. Người này nhất định phải tìm đồng cỏ và thức ăn cho chúng. Nếu không tìm được đồng cỏ và thức ăn cho bò dê, người ấy có trả lại bò dê cho chủ cũ không? Hay là cứ đứng đấy đợi cho bò dê chết đói?

- Nếu nói như vậy, thì đó chính là tội của tôi rồi.

Qua một thời gian sau, Mạnh Tử gặp vua nước Tề, nói:

- Trong những trưởng quan ở đô ấp nước Tề, Mạnh Phu Tử đã biết được năm người. Nhưng người có thể nhận biết sai lầm của mình, chỉ có một Khổng Cự Tâm mà thôi.

Tiếp đó, Mạnh Tử kể luôn câu chuyện gặp Khổng Cự Tâm cho vua nước Tề nghe.

Vua nước Tề nghe xong, nói:

- Nói như vậy, đây cũng là tội của ta vậy.

V - MẠNH TỬ VỚI TRÌ OA VÀ CÔNG ĐÔ TỬ

Mạnh Tử nói với Trì Oa là quan của nước Tề rằng:

- Ông nên từ chức quan địa phương Linh Khâu mà xin làm một chức quan hình pháp. Như vậy hay hơn. Bởi vì ở chức vụ này, ông có thể có lời tấu trình lên vua. Còn đến nay đã mấy tháng rồi, ông nhận chức trưởng quan Linh Khâu mà chưa hề tấu trình lên vua được một ý kiến nào.

Trì Oa liền tấu trình, tỏ lời can gián với vua, nhưng vua chẳng nghe theo. Trì Oa liền xin từ chức và bỏ đi.

Có người nước Tề thấy vậy nói:

- Mạnh Tử khuyên Trì Oa như vậy là phải, nhưng nếu Mạnh Tử ở địa vị của Trì Oa, không biết Mạnh Tử sẽ làm như thế nào?

Công Đô Tử là học trò của Mạnh Tử đem chuyện này nói lại. Mạnh Tử nghe xong nói:

- Ta đã từng nghe nói rằng người có chức quan mà không có cách gì để làm tròn chức vụ của mình thì nên từ chức; người có trách nhiệm phải can gián vua nhưng không được tiếp thu, cũng nên từ chức. Còn ta, vừa không phải quan chức, vừa không có trách nhiệm can gián vua. Vậy thì sự tiến thoái của ta chẳng những thư thái thoải mái, mà còn đàng hoàng thong thả chứ sao!

VI - MẠNH TỬ VỚI VƯƠNG HOAN

Mạnh Tử làm quan đến chức khanh ở nước Tề, phụng mệnh vua nước Tề đến chia buồn với vua nước Đằng. Vua nước Tề còn cử trưởng quan địa phương huyện Cáp là Vương Hoan đi theo phụ giúp Mạnh Tử.

Vương Hoan ngày nào cũng ở cạnh Mạnh Tử, chẳng kể sớm tối. Thế mà trong quãng đường từ nước Tề đến nước Đằng, Mạnh Tử không hề trao đổi với Vương Hoan một câu nào có liên quan đến chuyến đi này, đến việc chia buồn với vua nước Đằng.

Sau khi biết chuyện, Công Tôn Sửu hỏi Mạnh Tử:

- Chức quan khanh của nước Tề cũng không nhỏ, còn đường từ nước Tề đến nước Đằng cũng không phải là ngắn. Thế mà từ lúc đi đến lúc về, thầy chẳng hề bàn một lời nào với Vương Hoan về chuyến đi này. Đây là tại làm sao?

Mạnh Tử nói:

- Việc của chuyến đi đã có những người khác liệu bàn rồi, ta còn điều gì để nói với ông ta nữa?[1]

VII - MẠNH TỬ VỚI SÙNG NGU

Mạnh Tử từ nước Tề về nước Lỗ làm tang mẹ. Đến khi trở lại nước Tề, có nghỉ lại ở ấp Doanh.

Sùng Ngu là học trò theo hầu Mạnh Tử hỏi:

- Hôm trước thầy chẳng chê Ngu này là vụng về, nên đã giao cho con lo việc chỉ đạo đóng quan tài. Lúc đó công việc bận rộn, nên con không dám hỏi thầy. Bây giờ con xin mạo muội hỏi thầy một điểm: hình như gỗ đóng quan quách quá tốt có phải không?

Mạnh Tử nói:

- Thời thượng cổ người ta không có một quy định nào về đóng quan quách. Đến thời trung cổ người ta đã có quy định gỗ đóng quan trong dày bảy tấc, còn quách ngoài cũng dày gần như vậy là được. Từ vua thiên tử đến dân thường đều làm như vậy, không phải chỉ vì mỹ quan mà còn vì đẹp lòng người muốn tận hiếu. Nếu mình không có chức phận thì mình cũng chẳng lo được cho thỏa tình. Nếu mình không đủ tiền của thì mình

---

1. Vương Hoan vì khéo nịnh bợ mà được phong chức quan khanh. Mạnh Tử cho Vương Hoan là kẻ tiểu nhân nên đối xử *nghiêm, không thân mật.*

cũng chẳng thể làm cho thỏa dạ. Trong điều kiện chức phận và tiền của cho phép, người xưa đều cố gắng tận lực làm như thế, vì sao nay ta lại không làm? Hơn nữa, khiến cho da thịt người chết không phải dính với đất cát, không lẽ lòng người không được an ủi thêm hay sao? Ta đã từng nghe rằng, một người quân tử không thể vì quan điểm của người khác mà bớt chi tiêu tiền trong công việc của người thân.

VIII - MẠNH TỬ VỚI THẨM ĐỒNG

Thẩm Đồng là một quan đại thần nước Tề, lấy tình riêng của mình hỏi Mạnh Tử:

- Có nên đánh nước Yên không?

Mạnh Tử nói:

- Nên đánh. Vì Tử Khoái là vua nước Yên không thể theo ý mình, tự quyền đem ngôi vị nước Yên mà giao cho người khác. Tướng quốc nước Yên là Tử Chi cũng không thể tùy tiện nhận ngôi vị nước Yên từ tay Tử Khoái giao cho.

Giả thử ở đây có một kẻ sĩ, ông rất hài lòng với kẻ sĩ ấy. Ông chẳng báo cáo gì với vua, lại tự quyền đem tước vị, bổng lộc của mình trao cho người ấy. Còn người ấy cũng không được bổ nhiệm của vua nhưng cứ im lặng nhận tước vị từ ông trao cho. Như vậy có được không? Việc nước Yên và việc này có gì khác nhau?

Nước Tề đem quân đánh nước Yên. Có người hỏi Mạnh Tử:

- Ông xúi giục nước Tề đánh nước Yên, có sự việc như vậy không?

Mạnh Tử nói:

- Ta chưa hề làm như vậy. Chẳng qua Thẩm Đồng có hỏi ta: "Có nên đánh nước Yên không?", ta trả lời: "Nên đánh". Mới nghe vậy, vua nước Tề đã cho quân đánh nước Yên ngay. Nếu họ hỏi thêm là: "Ai có thể đi đánh nước Yên?", thì ta sẽ trả lời: "Chỉ có bậc thiên lại tức là quan nhà trời vâng mệnh trời mới có thể đánh phạt nước Yên".

Giả thử hiện nay có một tội phạm giết người, có người hỏi: "Phạm nhân này có nên giết không?", ta sẽ trả lời là: "Nên giết". Nếu người ấy hỏi thêm: "Ai có thể giết hắn?", ta sẽ trả lời là: "Quan trưởng sở hình pháp mới có thể giết hắn".

Còn hôm nay nước Tề và nước Yên đều là những nước chư hầu, đều tàn bạo vô đạo như nhau, nước Tề đánh nước Yên thì cũng như nước Yên phạt nước Yên, vì sao ta lại phải xúi giục nước Tề?

IX - MẠNH TỬ VỚI TRẦN GIẢ

Người nước Yên bắt đầu nổi lên chống lại sự chiếm đóng của nước Tề.

Vua nước Tề than rằng:

- Ta rất lấy làm hổ thẹn với Mạnh Tử!

Nhưng quan đại phu nước Tề là Trần Giả thưa rằng:

- Vua không phải lo. Vua cứ tự so sánh mình với ông Chu Công, về nhân và trí, ai hơn ai?

Vua nước Tề nói:

- Kìa! Sao ngươi lại nói như vậy?

Trần Giả thưa:

- Ông Chu Công khi làm tể tướng cử anh mình là Quản Thúc giám sát nước Ân. Quản Thúc làm ngược lại, thống lĩnh quý tộc nước Ân làm loạn. Nếu ông Chu Công đã biết trước việc này rồi mà vẫn cử Quản Thúc đi, như vậy Chu Công là bất nhân. Nếu ông Chu Công không biết trước được mà cử Quản Thúc đi, như vậy là bất trí. Cả nhân và trí, ông Chu Công đều không làm tròn, huống chi là nhà vua? Xin nhà vua cho phép Giả này đi gặp Mạnh Tử để được giải thích thêm.

Trần Giả đến gặp Mạnh Tử, hỏi:

- Chu Công là người như thế nào?

- Ấy là bậc thánh nhân đời xưa vậy.

- Chu Công cử Quản Thúc đi giám sát nước Ân, Quản Thúc lại thống lĩnh quý tộc nước Ân làm loạn, có chuyện như thế không?

- Có chuyện như vậy.

- Cử Quản Thúc đi, Chu Công có biết trước việc Quản Thúc sẽ làm loạn không?

- Chu Công không biết trước.

- Vậy thánh nhân cũng có sai lầm ư?

Mạnh Tử liền giảng giải rằng:

- Chu Công là em. Quản Thúc là anh. Chu Công tin anh mình, không nghi ngờ anh mình có thể làm loạn,

sai lầm này của Chu Công chẳng phải là sự thường tình sao? Hơn nữa, người quân tử thời xưa, có sai lầm thì lo sửa ngay. Còn người quân tử thời nay, có sai lầm càng thêm sai. Người quân tử thời xưa phạm sai lầm như nhật thực, nguyệt thực, mọi người đều có thể nhìn thấy; khi người quân tử sửa đổi lỗi lầm rồi như mặt trăng mặt trời chiếu sáng trở lại, ai nấy đều ngưỡng vọng như trước. Còn người quân tử thời nay, không những thuận theo lỗi lầm để rồi mình đã sai rồi lại càng thêm sai, mà còn khéo biện hộ bênh vực cho sai lầm của mình nữa.

X - MẠNH TỬ VỚI THỜI TỬ

Mạnh Tử từ chức quan nước Tề để chuẩn bị trở về nước Lỗ.

Vua nước Tề đến gặp Mạnh Tử nói:

- Trước kia muốn gặp Mạnh Phu Tử, mà chẳng có cơ hội gặp được. Đến khi được gần Mạnh Phu Tử và được lời dạy bảo, ta và triều thần rất phấn khởi. Còn hôm nay Mạnh Phu Tử lại bỏ ta mà về quê, không biết lúc nào mới có cơ hội gặp lại được?

Mạnh Tử thưa:

- Về việc này, tôi chả dám hứa trước, nhưng cũng là nguyện vọng của tôi vậy.

Một thời gian ngắn sau, vua nước Tề nói với một viên quan tên là Thời Tử:

- Ta định xây cho Mạnh Tử một ngôi nhà, dùng vạn chung[1] thóc để nuôi dưỡng học trò của Mạnh Tử. Làm

---

1. Chung là đơn vị cân lượng ngày xưa.

như vậy thì quan lại và dân chúng của nước nhà có thầy chung để tôn kính và noi theo. Sao nhà ngươi không thay ta đi bàn việc ấy với Mạnh Tử?

Thời Tử đến gặp Trần Tử vốn là học trò của Mạnh Tử nhờ chuyển lời đến Mạnh Tử.

Mạnh Tử nghe xong, nói:

- Ta biết rồi. Thời Tử làm sao biết được rằng lưu giữ ta ở lại là việc không thể làm được? Giả thử nói ta tham của cải, thế dám khước từ bổng lộc mười vạn chung để lấy bổng lộc một vạn chung, là hám của cải ư? Trước kia quan đại phu Quý Tôn người nước Lỗ đã từng nói: "Tử Thúc Nghi, con người này thật là lạ! Vua chẳng muốn mình làm quan nữa thì thôi đi, trước khi thôi lại còn nài cho em mình được phong chức quan khanh. Người đời ai chẳng muốn được giàu có sang trọng? Nhưng một mình cứ quyết chiếm vị trí cao, lũng đoạn để giành các món lợi lớn thì chỉ có Tử Thúc Nghi".

Thuở xưa, khi lập nên chợ búa, người ta đến đó để lấy cái mình có đổi lấy cái mình không có. Tại nơi chợ búa còn có quan chức chuyên môn giải quyết việc an ninh trật tự cho dân. Thế mà vẫn có những kẻ ty tiện giành lấy chỗ cao rộng hy vọng lũng đoạn hết mọi nơi; kẻ ấy hết nhìn bên này, ngó bên kia, nhằm quơ cho hết món lợi trên thị trường về cho mình.

Mọi người đều cho rằng kẻ như vậy là ty tiện, nên quan chức trong chợ mới buộc kẻ ấy nộp thuế nhiều hơn. Lệ đánh thuế vào người buôn bán cũng bắt đầu từ hành động của kẻ ty tiện này mà ra cả.

Nay nếu ta nhận sự trợ cấp của vua nước Tề thì ta cũng sẽ giống như Tề Thúc Nghi và kẻ lũng đoạn ty tiện kia vậy.

XI - MẠNH TỬ VỚI MỘT NGƯỜI VÌ NƯỚC TỀ

Mạnh Tử ra khỏi kinh đô nước Tề, nghỉ qua đêm ở địa phương có tên là huyện Trú. Có một người muốn vì nước Tề mà tìm cách lưu giữ Mạnh Tử ở lại. Người ấy vào đến nơi, không đợi mời đã ngồi, chẳng đợi hỏi đã nói. Nhưng Mạnh Tử không tiếp, chỉ im lặng nằm trên ghế dài như là đang ngủ.

Người ấy không lấy gì làm vui, nói:

- Hôm qua kẻ học trò này đã trai giới cẩn thận, hôm nay mới dám đến gặp tiên sinh để nói chuyện. Tiên sinh chỉ nằm mà chẳng thèm nghe. Từ nay về sau chẳng dám gặp mặt tiên sinh nữa.

Nói xong người ấy đứng dậy chuẩn bị ra về.

Mạnh Tử bèn nói:

- Ngươi hãy ngồi xuống, ta sẽ nói rõ cho ngươi nghe. Ngày xưa, vua Lỗ Mục Công, nếu thấy không có ai ở bên cạnh để chăm sóc Tử Tư, liền cảm thấy như vậy là không thể làm cho cho Tử Tư an tâm ở lại giúp nước mình được. Còn Tiết Liễu và Thân Tường, nếu không thấy Tử Tư ở bên cạnh vua Lỗ Mục Công để giảng đạo lý cho vua nghe, thì những người này cũng chẳng được yên thân. Nay ngươi vì ta là một trưởng giả mà lo giùm, *nhưng đến việc ngày xưa vua Lỗ Mục Công quan tâm*

Tử Tư như thế nào, ngươi cũng chưa hề nghĩ tới, đã không đi khuyên vua nước Tề thay đổi thái độ, lại dùng lời nói suông để lưu giữ ta. Vậy tự ngươi cự tuyệt ta, hay là ta cự tuyệt thái độ và ý kiến của ngươi?

XII - MẠNH TỬ VỚI DOÃN SĨ

Mạnh Tử rời khỏi kinh đô nước Tề. Doãn Sĩ là một người nước Tề nói với người xung quanh rằng:

- Nếu Mạnh Tử không nhận biết được là vua nước Tề không làm được như vua Thành Thang và vua Vũ Vương, như vậy là ông ấy không sáng suốt. Còn ông ấy biết rõ vua không thực hiện nhân chính mà vẫn đến, như vậy là ông ấy hám bổng lộc. Từ nơi xa nghìn dặm đến gặp vua, rồi chẳng được trọng dụng mà phải ra đi, thế mà còn lưu lại ở huyện Trú đến ba ngày rồi mới lên đường. Vì sao lại chậm trễ, dùng dằng ở lại như vậy? Tôi chẳng thích thú gì khi thấy những cử chỉ ấy.

Cao Tử là một học trò của Mạnh Tử, đem chuyện này nói lại với thầy của mình.

Mạnh Tử nói:

- Doãn Sĩ kia làm sao mà hiểu được tư tưởng của ta. Ta từ nơi xa nghìn dặm đến gặp vua nước Tề, đó là chí nguyện của ta. Ta chẳng được đem đạo lý ra giúp vua trị nước, nên ta mới phải ra đi. Lòng ta đâu có muốn như vậy? Chẳng qua vì buộc lòng mà phải ra đi mà thôi. Ta lưu lại ở huyện Trú ba ngày rồi mới ra đi, mà ta cảm

thấy như vậy vẫn là quá nhanh. Ta hy vọng vua nước Tề có thể thay đổi thái độ. Nếu vua thay đổi thái độ, nhất định sẽ triệu ta trở lại. Ta rời khỏi huyện Trú mà vẫn chẳng thấy vua cho người đuổi theo ta, bấy giờ mới quyết tâm trở về quê hương. Ta tuy làm như vậy, nhưng đâu có muốn bỏ vua nước Tề. Vua nước Tề vẫn có đủ khả năng thực hiện nhân chính. Nếu vua tin dùng ta, thì ta sẽ làm cho chẳng những dân chúng nước Tề được thái bình, mà trăm họ trong thiên hạ cũng được thái bình. Thái độ của vua có thể có thay đổi, đó là điều mà ta mỗi ngày đều trông đợi chờ mong. Ta chẳng lẽ lại có bụng dạ hẹp hòi như những kẻ tiểu nhân kia sao? Kẻ ấy khi có điều can gián mà vua không nghe thì khí giận bốc lên mặt mà bỏ đi, đi đến trọn ngày kiệt sức mới chịu dừng chân. Ta mà lại như vậy sao?

Doãn Sĩ về sau nghe được chuyện này, tự trách rằng:

- Ta thật là một kẻ tiểu nhân vậy!

XIII - MẠNH TỬ VỚI SÙNG NGU TRÊN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC LỖ

Mạnh Tử rời khỏi kinh đô nước Tề. Trên đường đi, một học trò là Sùng Ngu hỏi:

- Dường như thầy có điều gì không vui? Trước đây con có nghe thầy dạy rằng: "Người quân tử không oán trời, chẳng trách người".

Mạnh Tử nói:

- Trước đây khác, bây giờ khác. Thường cứ năm trăm năm thì có một thánh vương ra đời đem lại hưng thịnh cho thiên hạ. Trong thời gian này, nhất định xuất hiện những bậc hiền tài nổi tiếng thiên hạ đem thân mà giúp đời. Từ nhà Chu đến nay đã hơn bảy trăm năm. Theo kỳ hạn năm trăm năm thì đã quá rồi. Từ thời thế mà xem xét, giờ đúng là lúc xuất hiện thánh vương và hiền thần rồi. Cũng có lẽ trời chưa muốn cho thiên hạ được thái bình. Nếu như trời muốn cho thiên hạ được thái bình, thì ở đời nay, trừ ta ra còn có ai nữa. Được như vậy, vì sao ta lại không vui?

XIV - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU TRÊN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC LỖ

Mạnh Tử rời khỏi kinh đô nước Tề, nghỉ lại ở địa phương có tên là Hưu. Công Tôn Sửu hỏi:

- Thưa thầy! Làm quan mà không hưởng bổng lộc, có hợp đạo thời xưa không?

Mạnh Tử trả lời:

- Không hợp. Có một lần ta gặp vua nước Tề ở thành Sùng, sau đó nẩy ra tư tưởng muốn bỏ đi. Vì không muốn thay đổi tư tưởng này, cho nên ta làm quan mà không nhận bổng lộc. Tiếp đó, nước Tề có chiến sự. Thời kỳ ấy, ta chẳng thể xin thôi, đành phải ở lại nước Tề lâu dài. Nhưng đó chẳng phải là chí hướng của ta vậy.

Chương 5

ĐẰNG VĂN CÔNG CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - MẠNH TỬ VỚI ĐẰNG VĂN CÔNG

1. Khi còn là thái tử, vua Đằng Văn Công trên đường đến nước Sở có đi qua nước Tống, nên có dịp gặp Mạnh Tử. Mạnh Tử giảng cho Đằng Văn Công về tính thiện của con người, và khi nói về đạo lý thì chẳng ngớt lời khen vua Nghiêu, vua Thuấn[1].

Lúc từ nước Sở trở về, Đằng Văn Công lại ghé thăm Mạnh Tử một lần nữa. Mạnh Tử nói:

- Thái tử còn nghi ngờ gì nữa về những lời ta đã giảng? Đạo lý thì chỉ có một mà thôi!

Sau đó, Mạnh Tử liền nêu một số ví dụ để cho Đằng Văn Công hiểu hơn:

- Thành Kiến là một quan võ của nước Tề đã từng nói với vua Tề Cảnh Công: "Ông ta là một đại trượng phu. Vì sao mình lại phải sợ ông ta?".

Nhan Uyên là học trò của Khổng Tử cũng thường hỏi: "Vua Thuấn là người như thế nào? Nếu tôi cố sức làm việc thiện thì cũng được như vậy".

---

1. Theo Mạnh Tử thì người ta sinh ra vốn có tính thiện, đều có sẵn lòng nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn. Nhưng vì người đời mải mê theo đuổi dục vọng cá nhân mà quên mất tính thiện của mình. Còn vua Nghiêu, vua Thuấn biết thắng được dục vọng cá nhân nên thực hiện được điều thiện.

Công Minh Nghĩa là người hiền tài của nước Lỗ cũng nói: "Ông Chu Công thường bảo rằng vua Văn Vương đáng là thầy giáo của mình, không lẽ ông Chu Công lại lừa tôi?".

Còn nước Đằng ngày nay, đất đai chẳng vuông vức cho lắm, nếu lấy dài bù ngắn thì mỗi bề được khoảng năm mươi dặm. Tuy vậy, nếu vua cố thi hành được nhân chính thì cũng có thể xây dựng nên một quốc gia tốt đẹp.

Kinh Thi có câu: "Thuốc uống vào mà không làm cho người bệnh cảm thấy tối mắt chóng mặt thì cũng khó mà chữa khỏi được bệnh tật"[1].

2. Vua Định Công là cha của Đằng Văn Công mất. Lúc ấy vua Đằng Văn Công còn là thái tử, thưa với thầy của mình là Nhiên Hữu rằng:

- Trước đây, khi thầy Mạnh Tử còn ở nước Tống đã giảng cho ta nhiều đạo lý, đến nay ta vẫn không quên. Hiện nay chẳng may gặp phải đại tang, ta muốn nhờ thầy đi hỏi thầy Mạnh Tử, rồi sẽ tiến hành tang lễ sau.

Nhiên Hữu thay mặt thái tử đến nước Trâu xin ý kiến Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói:

- Hỏi như vậy chẳng phải tốt lắm sao? Người ta đối với việc tang của cha mẹ mình phải hết tình mới được.

---

1. Muốn làm điều thiện, phải chấp nhận sửa mình như uống thuốc đắng vậy.

Thuở xưa, ông Tăng Tử có dạy rằng: "Khi cha mẹ đang sống, phải theo lễ mà phụng dưỡng. Khi cha mẹ qua đời cũng phải theo lễ mà an táng, lấy lễ mà cúng tế. Làm được như vậy mới đáng gọi là con có hiếu". Riêng lễ nghi ở các nước chư hầu, ta chưa được học qua, nhưng ta đã được nghe nói rằng để tang ba năm, mặc áo tang bằng vải thô không viền, ăn cháo đạm bạc. Từ vua thiên tử đến dân thường trong ba đời Hạ, Thương, Chu đều theo lễ như vậy.

Nhiên Hữu trở về thưa lại. Thái tử liền thực hiện để tang trong ba năm. Nhưng các bậc già lão trong họ tộc và các quan trong triều đều không đồng ý, mà can rằng:

- Nước Lỗ là nước tổ tông của nước ta, các vị vua trước không ai làm như thế. Các vị vua trước của nước Đằng cũng không ai làm như thế. Đến đời thái tử mới thay đổi ra thế này. Như vậy là không được. Hơn nữa trong sách Chí Thư có dạy: "Tang lễ cũng như cúng tế phải theo quy củ của tổ tông". Theo lời dạy ấy thì mình nên giữ những phong tục cũ, chớ nên thay đổi.

Nghe vậy, thái tử liền nói với Nhiên Hữu:

- Ta trước đây chưa được học nhiều, lại chỉ ham cưỡi ngựa múa kiếm. Bây giờ các quan trong triều và các bậc phụ huynh trong họ không vừa lòng, không tin ta có thể thực hiện việc tang theo lễ xưa. Vậy xin thầy thay ta đi hỏi thầy Mạnh Tử lần nữa vậy.

Nhiên Hữu lại đến nước Trâu hỏi Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói:

- Thế là rõ rồi. Việc này thái tử không thể nhờ cậy vào ai được. Khổng Tử đã nói: "Vua chư hầu qua đời,

công việc triều đình do tể tướng giải quyết. Thái tử cứ ăn cháo, cứ giữ sắc mặt sầu thảm, mắt thâm quầng, đứng trước linh vị người đã khuất khóc thảm thiết đến chảy máu mắt, làm cho các quan văn võ trong triều không ai không cảm động. Đó là thái tử tự mình làm gương trước vậy. Người ở bậc trên ưa làm việc gì thì người ở bậc dưới làm theo còn hơn thế nữa. Đức hạnh của người quân tử giống như gió. Đức hạnh của kẻ tiểu nhân giống như cỏ. Gió thổi chiều nào, cỏ rạp theo chiều ấy. Việc này hoàn toàn do thái tử quyết định mà thôi.

Nhiên Hữu về nước thưa lại đúng như lời Mạnh Tử dặn.

Thái tử nói:

- Đúng, việc ấy đúng là quyết định ở nơi ta.

Thế là thái tử ra ở lều tang trong năm tháng, không ban bố mệnh lệnh nào cả. Các quan trong triều và người trong họ tộc đều tán thành, cho rằng như vậy mới gọi là biết lễ. Đợi đến ngày cử hành lễ tang, dân chúng khắp mọi nơi đều đến dự. Họ thấy thái tử sắc mặt buồn rầu, tiếng khóc ai oán. Tất thảy mọi người đến dự đám tang đều hết lòng cảm phục tấm lòng hiếu thảo của thái tử tức là của vua Đằng Văn Công sau này.

3. Vua Đằng Văn Công khi còn là thái tử hỏi Mạnh Tử về cách trị nước.

Mạnh Tử nói:

- Việc của trăm họ yêu cầu giải quyết thì người cầm quyền không được trì hoãn. Kinh Thi có câu: "Ban ngày cắt cỏ, tối đến xe dây bện thừng; tranh thủ vội vàng tu

sửa nhà cửa, đến vụ lo trồng ngũ cốc". Đạo lý trong dân chúng là có của cải bền vững thì sẽ có lòng dạ bền vững, không có của cải bền vững thì sẽ không có lòng dạ bền vững. Nếu người dân không có lòng dạ bền vững thì họ dễ phóng túng làm liều, chẳng có việc xấu nào mà họ không dám làm. Đợi đến khi họ phạm tội, người cai trị cứ theo luật pháp mà trừng phạt, như vậy chẳng khác gì bủa lưới đánh bẫy dân. Người có đức nhân nắm quyền sao lại có thể làm những việc bủa lưới bẫy dân như vậy? Vì vậy, bậc vua hiền sáng suốt nhất định phải cung kính, tiết kiệm, đối xử với bề tôi đúng lễ nghĩa, thu thuế của dân có chừng mực. Dương Hồ là gia thần của họ Quý có nói: "Làm giàu thì bất nhân. Thi hành đạo nhân thì không giàu được".

Thời nhà Hạ, mỗi chủ gia đình được cấp năm mươi mẫu ruộng và chịu thuế theo phép *cống*. Thời nhà Ân, mỗi chủ gia đình được cấp bảy mươi mẫu ruộng và chịu thuế theo phép *trợ*. Thời nhà Chu, mỗi chủ gia đình được cấp một trăm mẫu ruộng và chịu thuế theo phép *triệt*. Ba triều đại lập ra ba phép đánh thuế, tuy tên có khác nhau nhưng thực chất đều là thu một phần trong mười phần hoa lợi mà thôi. Phép *triệt* có nghĩa là căn cứ vào số hoa lợi thực tế để khấu trừ mà thu lấy. Phép *trợ* tức là tám gia đình làm và hưởng hoa lợi ở đất của mình, nhưng phải chung sức mà làm một khoảnh ruộng công, nghĩa là họ đóng thuế bằng công.

Long Tử là bậc hiền tài từ thuở xưa đã nói: "Thuế ruộng hay nhất là phép trợ, ác nhất là phép cống". Phép *cống* là đối chiếu số thu hoạch vài năm trên một thửa

ruộng, xác định mức sản lượng bình quân hàng năm, từ đó định ra mức thu cố định. Năm được mùa, lúa tích hàng đống, bề trên có thu tăng một ít cũng không mang tiếng độc ác; nhưng thực tế lại chỉ thu theo mức cố định. Rồi đến năm mất mùa, thu hoạch chẳng bù đủ công chăm bón, thì bề trên vẫn cứ thu đủ số đã định mức.

Làm bề trên được mang tiếng là cha mẹ của dân mà lại để lòng dân oán hận hiện rõ qua ánh mắt của họ, lại để họ suốt năm vất vả khó nhọc mà chẳng đủ nuôi cha mẹ, họ còn phải đi vay nặng lãi để nộp thuế, dẫn đến cả nhà già trẻ đói khát chết lăn lóc nơi đường mương lỗ cống, như vậy thì đâu còn là cha mẹ của dân nữa? Người làm quan cao đều hưởng bổng lộc đời này qua đời khác gọi là phép thế lộc, việc này nước Đằng đã thực hiện từ lâu. Kinh Thi có câu: "Mong trời mưa trước ở ruộng công, sau mới mưa đến ruộng tư". Chỉ có thu thuế bằng phép trợ, mới còn có ruộng công, từ đó có thể biết, từ đời nhà Chu đã thực hiện thu thuế bằng phép trợ[1].

Tiếp đó, Mạnh Tử nói:

- Trên cơ sở dân đã có của ăn của để, người cai trị nên thiết lập hệ thống nhà trường gồm tường, tự, học, hiệu để giáo hóa dân chúng. *Tường* là bồi dưỡng, là nơi người ta nuôi dưỡng kẻ sĩ và các bậc đại phu đã nghỉ việc, nhờ cậy các vị đó dạy cho dân về kính nhường và phụng sự người già cả. *Hiệu* có nghĩa là dạy dỗ, là nơi dạy về phong hóa đạo đức. *Tự* có nghĩa là bắn, là nơi

---

1. Nhà Chu thực hiện thu thuế theo phép triệt nhưng thực chất cũng như phép trợ của nhà Ân, chỉ khác nhau số mẫu ruộng cấp cho dân.

người ta dạy bắn cung và luyện võ. Đó là những trường ở cấp địa phương mà đời nhà Hạ gọi là *hiệu*, đời nhà Thương gọi là *tự*, đời nhà Chu gọi là *tường*. Còn trường quốc học là trường học ở kinh đô, ba đời đều gọi chung là *học*. Mục đích của các trường này để dạy dân biết rõ về luân thường đạo lý. Nếu bậc trên đều thông tỏ, biết giữ gìn, biết thực hiện phát huy luân thường đạo lý[1], thì dân thường ở bên dưới càng thương yêu đùm bọc nhau.

Vì vậy, muốn trị nước, nhà vua nên thi hành chính sách ruộng đất và thuế má và chính sách giáo hóa dân một cách nhân đức. Sau này nếu có bậc thánh vương xuất hiện, nhất định sẽ học theo. Như vậy là nhà vua có thể làm thầy giáo cho thánh vương rồi.

Kinh Thi có câu: "Nhà Chu tuy là một nước chư hầu cũ nhưng gánh vác sứ mệnh mới mà trời giao cho". Đây là câu thơ tán dương ca tụng sự nghiệp của vua Văn Vương. Thái tử cố gắng thực hiện, sẽ làm cho nước của mình ngày một thay đổi.

*
* *

Một thời gian sau, vua Đằng Văn Công cử bề tôi là Tất Chiến đến hỏi Mạnh Tử về chế độ tỉnh điền[2].

---

1. Luân là thứ bậc gồm năm quan hệ: Vua và tôi, cha và con, chồng và vợ, anh và em, bầu bạn với nhau.

2. Phép chia ruộng theo hình chữ "tỉnh" (#), gồm chín ô. Tám ô ngoài chia cho tám hộ tự cày cấy, là ruộng tư. Ô ở giữa là ruộng công, tám hộ ở ngoài phải chung sức cày cấy để lấy đó mà nộp thuế.

Mạnh Tử nói:

- Vua của nước ông muốn thực hiện nhân chính, chọn cử ông đến hỏi ta. Ông nên cố gắng mà giúp vua. Thực hiện nhân chính nhất định phải bắt đầu từ hoạch định ranh giới ruộng đất. Ranh giới ruộng đất không chính xác thì các phần ruộng trong tỉnh điền phân không đều nhau, dẫn đến phần thu của ruộng để làm bổng lộc cũng không công bằng. Cho nên, những vua bạo ngược và những quan tham ô lại rất muốn cho ranh giới ruộng đất rối loạn, không chính xác để dễ bề ép dân đóng góp cho nhiều. Nếu ranh giới ruộng đất được vạch rõ ràng, đo đạc chính xác thì phân chia ruộng đất, đặt ra chế độ bổng lộc sẽ rất dễ dàng, chẳng phải nhọc công tốn sức.

Nước Đằng tuy đất đai nhỏ hẹp, nhưng vẫn phải có quan lại hưởng lộc để giúp vua và nông phu chuyên việc làm ruộng. Không có quan lại thì chẳng có ai quản lý nông phu. Không có nông phu thì chẳng có ai nuôi dưỡng quan lại. Vì vậy, với người làm ruộng ở thôn quê, xin vua thi hành phép *trợ* là thu một phần chín hoa lợi, còn với người làm ruộng ở kinh thành thì thi hành theo phép *triệt* là thu một phần mười hoa lợi.

Các nhà cùng chung ruộng theo chế độ tỉnh điền, sinh sống trong cùng một làng phải đi lại với nhau, cùng nhau tương thân tương ái, giúp đỡ nhau đề phòng trộm cắp, cũng như khi bệnh tật họa hoạn. Làm được như vậy, trăm họ nhất định đoàn kết hòa thuận. Ở đây tôi xin chỉ nói những nét lớn và đơn giản như vậy.

Còn làm thế nào để bố trí, sắp xếp điều chỉnh là do ông và nhà vua nước ông theo thực tế mà làm.

II - MẠNH TỬ VỚI TRẦN TƯƠNG NGƯỜI NƯỚC TỐNG

Có một người tên là Hứa Hành, tự xưng mình là người làm theo học thuyết Thần Nông[1], từ nước Sở đến nước Đằng, đăng ký xin yết kiến vua Đằng Văn Công rằng:

- Tôi là người từ nơi xa đến, nghe nói nhà vua thực hiện nhân chính, vậy xin được cấp một chỗ để ở lại làm dân của nhà vua.

Vua Đằng Văn Công cấp cho nơi ở. Thầy trò Hứa Hành có khoảng mấy chục người, đều mặc áo đay bện, dựa vào nghề bện thảm, làm dép cỏ để kiếm sống.

Trần Tương là học trò của Trần Lương cùng em tên là Tân cũng mang cả cày bừa từ nước Tống đến nước Đằng, xin gặp nhà vua thưa rằng:

- Nghe nói nhà vua là thánh nhân rồi. Chúng tôi sang đây nguyện làm dân của nhà vua vậy.

Một hôm, Trần Tương gặp được Hứa Hành, nghe cách trò chuyện và thấy cách sinh hoạt của Hứa Hành

---

1. Thần Nông tức là Viêm Đế, một vị vua đời cổ theo truyền thuyết của Trung Quốc. Chính Viêm Đế là người dạy dân cày ruộng trồng lúa, mở mang nông nghiệp nên được tôn là Thần Nông.

thì lấy làm vui vẻ, liền vứt bỏ những thứ đã học được từ Trần Lương mà theo học đạo của Hứa Hành.

*
* *

Sau đó, Trần Tương gặp Mạnh Tử thuật lại học thuyết của Hứa Hành và nói:

- Vua nước Đằng đúng là một bậc vua tài giỏi sáng suốt. Tuy vậy, vua vẫn chưa hiểu được đạo trị nước. Bậc vua hiền nên cùng cày ruộng với dân để lấy cái ăn, tự nấu lấy cơm ăn mà vẫn làm được việc trị nước. Còn như bây giờ, nước Đằng có lương thực đầy lẫm, tài sản đầy kho. Như vậy là đã hại dân để nuôi mình rồi, làm sao có thể gọi là bậc vua hiền được?

Mạnh Tử hỏi:

- Hứa Hành chắc là phải tự mình trồng lúa lấy gạo mà ăn phải không?

- Đúng vậy.

- Hứa Hành chắc phải tự tay dệt lấy vải rồi mới may áo mặc chứ?

- Không phải. Hứa Hành lấy vỏ đay bện thành áo mặc.

- Thế Hứa Hành có đội mũ không?

- Có.

- Đội mũ loại gì?

- Mũ làm bằng loại lụa điều trắng.

- *Lụa ấy tự tay mình dệt ra chứ?*

- Không phải, đem thóc đổi lấy lụa.

- Vì sao Hứa Hành không tự tay dệt lấy?

- Làm như vậy sợ là trở ngại đến việc cày cấy.

- Hứa Hành có dùng nồi đồng, niêu đất nấu cơm, dùng lưỡi cày sắt để cày không?

- Có.

- Tự mình làm ra cả ư?

- Không phải, đem thóc đi đổi.

- Đem thóc đi đổi lấy đồ dùng, điều đó không hại gì đến thợ gốm và thợ sắt cả. Thợ gốm và thợ sắt lấy sản phẩm gốm và kim khí đi đổi lấy thóc lúa, không có lẽ làm hại đến người làm ruộng. Lại nói, tại sao Hứa Hành không tự mình làm luôn việc luyện sắt nung gốm, cái gì cũng tự mình làm ra? Việc gì lại phải mua bán đổi chác với thợ sắt, thợ gốm? Vì sao mà Hứa Hành không kiêm hết tất cả?

- Nếu làm việc của cả trăm nghề ấy thì không thể nào mà cày cấy được.

Mạnh Tử liền nói:

- Thế chẳng lẽ riêng việc trị nước thì có thể vừa cày ruộng vừa làm ư? Có phần việc do quan lại làm. Có phần việc do dân chúng làm. Hơn nữa, muốn cung cấp đủ nhu cầu sinh hoạt của một con người, cần phải dựa vào đủ loại thợ mới được. Nếu như buộc mọi người ai cũng phải tự mình làm ra mọi thứ cho bản thân mình dùng, như vậy sẽ khiến cả thiên hạ phải lo chạy đôn chạy đáo khắp mọi nơi vậy.

Cho nên người xưa có câu rằng: "Có người lao tâm, có người lao lực". Người lao tâm thì làm việc cai trị, người lao lực thì bị cai trị. Người bị cai trị thì nuôi người. Người làm việc cai trị thì được người khác nuôi. Đây là đạo lý thông thường trong thiên hạ vậy.

Ở thời vua Nghiêu trị vì, thiên hạ chưa yên. Vua Nghiêu vì vậy mà cảm thấy lo lắng liền cử ông Thuấn giúp mình lo toan mọi việc trong thiên hạ. Vào thời buổi ấy, ông Vũ phải xa nhà tám năm chuyên lo trị thủy, ba lần có đi qua nhà mà không vào thăm vợ con. Như vậy, dẫu cho ông Vũ thích tự cấy cày trồng lúa thì liệu ông có điều kiện mà làm được không?

Tiếp theo việc trị thủy, ông Vũ lại giao cho ông Hậu Tắc dạy dân cày cấy làm mùa màng, chọn lọc được năm loại giống lúa. Vua Thuấn, vua Nghiêu còn lo lắng về việc giáo hóa dân, liền cử ông Khiết Đan làm quan tư đồ, dạy đạo đức luân lý cho dân giúp họ trở lại với tính thiện của họ rồi nhân đó mà dạy dỗ thêm, ban ân huệ thêm, làm họ phấn chấn làm theo đức hạnh. Thánh nhân lo lắng cho dân như vậy, hỏi còn lúc nào rảnh rỗi mà cày cấy?

Ta chỉ nghe nói thánh nhân dùng văn hóa của Hoa Hạ để thay đổi phong tục lạc hậu của người Di người Địch, chứ chưa nghe ai nói người Hoa Hạ bị người Di người Địch giáo hóa lại. Trần Lương là thầy của ngươi, nguồn gốc sinh trưởng ở nước Sở. Vì hâm mộ đạo lớn của Chu Công và Khổng Tử, nên thầy của ngươi mới lên miền Bắc để theo học. Học giả ở phương Bắc chưa có ai

vượt qua ông ấy vậy. Có thể coi ông ấy là một chí sĩ hào kiệt.

Còn Hứa Hành là một người rợ man di miền Nam, giọng nói líu ríu như tiếng chim, học thuyết của hắn lại chẳng hợp với đạo của tiên vương. Thế ngươi phản bội thầy ngươi mà học đòi Hứa Hành. Ta đã từng nghe nói: "Con chim rời khỏi nơi hang tối, bay lên đậu ở cây cao", chứ chưa nghe nói có con chim nào rời bỏ cây cao mà rúc vào nơi hang tối. Thiên Lỗ Tụng trong Kinh Thi, là bài ca ca tụng nước Lỗ, có chép mấy lời của ông Chu Công rằng: "Phải đánh dẹp rợ Nhung rợ Địch; phải trừng trị nước Kinh nước Thư". Kẻ mà ngươi tôn là thầy đó chính là thuộc những người mà ông Chu Công ngày xưa đánh dẹp. Vậy nay ngươi đổi thay là làm một việc không hướng thiện đó.

Trần Tương thưa rằng:

- Nếu theo học thuyết của Hứa Hành, thì hàng hóa ở chợ sẽ chỉ có một giá, trong nước sẽ không còn xảy ra việc gian dối lừa bịp, dù bảo đứa trẻ con đi mua hàng cũng không còn bị ai lừa. Vải vóc dài ngắn như nhau thì giá tiền như nhau. Tơ bông đay nặng nhẹ như nhau thì giá tiền như nhau. Ngũ cốc nhiều ít như nhau thì giá tiền như nhau. Giầy dép to nhỏ như nhau thì giá tiền cũng như nhau.

Mạnh Tử nói:

- Vật có tinh, thô, hơn, kém tức là không giống nhau. Đây là thuộc tính tự nhiên của chúng. Giá của chúng có thể khác nhau từ một lần đến năm lần, có thứ sai nhau mười lần, có thứ sai nhau cả nghìn lần. Nếu ngươi muốn

cho các vật đều một giá như nhau, như thế là làm loạn thiên hạ vậy. Giầy dép lớn bé xấu tốt, giá tiền đều bằng nhau thì ai chịu làm thứ tốt? Nghe theo học thuyết của Hứa Hành, thì chỉ khiến người ta đua nhau làm những việc lừa bịp dối trá lẫn nhau hơn mà thôi, làm sao mà yên trị nước nhà được?

III - MẠNH TỬ VỚI DI CHI

Một học giả tên là Di Chi theo phái Mặc Tử[1], thông qua mối quan hệ với Từ Tịch là học trò của Mạnh Tử, để xin gặp Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói:

- Ta cũng muốn gặp Di Chi, nhưng nay ta bị ốm. Đợi khỏi rồi, ta sẽ đến gặp ông ấy. Ông ấy không cần phải đến nữa.

Qua một ít ngày sau, Di Chi lại nói với Từ Tịch xin gặp Mạnh Tử. Mạnh Tử nói:

- Hôm ta có thể gặp ông ấy. Nhưng nếu không nói một cách thẳng thắn thì không thể diễn đạt hết đạo lý, cho nên ta sẽ nói thẳng đó. Ta nghe nói Di Chi học theo phái của họ Mặc. Trong việc tổ chức lễ tang, Mặc Tử cho rằng nên làm đơn giản và cho rằng đó là chính đạo. Di Chi cũng cho rằng đạo lý đó có thể làm thay đổi phong tục thiên hạ, làm như vậy mới hợp với đạo. Thực tế, Di Chi làm tang cho cha mẹ rất hậu trọng, thế mà còn nói tổ chức như vậy vẫn thua kém người ta lắm.

---

1. Mặc Địch, một triết gia thời Chiến Quốc.

Từ Tịch đem lời của Mạnh Tử mà thuật lại với Di Chi. Di Chi nói:

- Người đạo Nho thuở xưa cho rằng, người cầm quyền lo liệu cho dân chúng như mẹ giữ gìn con thơ. Nói như vậy có ý nghĩa như thế nào? Ta cho rằng đây là muốn nói đến tình yêu thương giữa người với người không phân biệt hơn kém, nhưng cha mẹ là người ở gần bên ta nên ta thực hiện điều ấy từ cha mẹ trước.

Từ Tịch đem lời nói của Di Chi mà thuật lại với Mạnh Tử. Mạnh Tử nói:

- Di Chi chắc hẳn tin tưởng rằng người ta yêu thương con cháu mình cũng như yêu thương con cháu hàng xóm chứ gì? Di Chi nói như vậy, ý giống như trường hợp đứa trẻ bò tới miệng giếng, sắp rơi xuống giếng, ai cũng có lòng thương xót mà muốn cứu đứa trẻ. Nhưng sâu xa phải hiểu là việc ấy xảy ra không phải tội của đứa trẻ, mà chính là tội của cha mẹ chẳng biết giữ gìn nó. Cũng như thế, dân khờ khạo mà phạm luật nước, đó không phải là tội của họ, mà là tội của người cầm quyền chẳng biết giữ gìn giáo hóa họ. Vì vậy, người ta mới nói rằng người cầm quyền lo liệu cho dân như cha mẹ đùm bọc đứa con thơ. Vả lại, trời sinh ra con người chỉ có một gốc mà thôi, tức là cha mẹ là người yêu thương nhất. Nhưng Di Tử dường như có hai gốc: cha mẹ và người xa lạ đều yêu thương như nhau. Di Tử lầm chỗ đó vậy.

Thời thượng cổ, người ta chưa có tục lệ mai táng người thân. Khi người thân mất, người ta liền đem bỏ vào khe núi. Mấy hôm sau có dịp đi qua, họ nhìn thấy

chó sói đương xé thịt, ruồi nhặng bay hàng đàn, giòi bọ lúc nhúc hút máu khoét thịt. Trán họ tự nhiên đổ mồ hôi, họ quay mặt không dám nhìn thẳng. Mồ hôi chảy ra không phải vì họ xấu hổ với người khác, mà do trong tâm họ đau đớn, hối hận nên lộ ra bên ngoài. Vì vậy, họ về nhà mang cuốc xẻng, quang gánh tới đào đất mà chôn lấp thi thể. Làm như vậy là rất thành tâm, rất đúng. Về sau, khi xã hội con người trở nên văn minh thì người con có hiếu, người có đức nhân, khi mai táng người thân cũng nên tuân theo một lễ phép nhất định vậy.

Từ Tịch đem mấy lời ấy mà thuật lại với Di Tử. Di Tử lấy làm ngậm ngùi, lặng đi một hồi lâu rồi nói: "Chính ông Mạnh Tử đã giúp tôi sáng tỏ đạo lý rồi đó".

Chương 6

ĐẰNG VĂN CÔNG CHƯƠNG CÚ HẠ

I - MẠNH TỬ VỚI TRẦN ĐẠI

Trần Đại là học trò của Mạnh Tử, thưa rằng:

- Lâu nay, thầy thường dạy rằng không nên chủ động đến gặp các vua chư hầu. Con cho nghi thức đó dường như chỉ là một điều nhỏ nhặt mà thôi, có thể bỏ qua được. Còn bây giờ thầy chủ động đi gặp các vua chư hầu một phen, nếu gặp được người có chí hướng lớn, có thể giúp họ xưng vương thiên hạ; nếu gặp người có chí

hướng nhỏ, cũng có thể giúp họ xưng bá chư hầu. Đây cũng như sách Chí Thư có chép rằng: "Khom lưng một thước, đứng thẳng tám thước". Dường như thầy nên tùy thời mà làm theo lẽ ấy vậy.

Mạnh Tử nói:

- Ngày trước, vua Tề Cảnh Công chuẩn bị đi săn, sai người dùng cờ có cắm lông chim ở đầu đến vời quan quản lý vườn săn. Thấy lệnh đòi sai phép, nên quan quản lý vườn săn không đến[1]. Vua Tề Cảnh Công tức giận, định cho chém đầu. Khổng Tử nghe được câu chuyện nói: "Bậc chí sĩ chẳng hề quên rằng có ngày mình cũng phải chết, xác bị vứt ngoài khe núi bờ mương. Trang dũng sĩ chẳng hề quên rằng có ngày mình phải mất đầu".

Tại làm sao Khổng Tử khen quan quản lý vườn săn mà còn so với bậc chí sĩ, trang dũng sĩ? Ấy là vì người đó biết giữ khí tiết, vua vời không đúng lễ thì không chấp hành. Còn ta không đợi vua chư hầu mời mà vẫn cứ đến, như thế nghĩa là thế nào? Vả lại, câu: "Khom lưng một thước, đứng thẳng tám thước" chỉ là nói về việc lợi thôi. Ví như trong việc lợi mà ngược lại, tức là khom lưng tám thước mà đứng thẳng chỉ có một thước, thì người ta có nên làm không? Cũng như vậy, nếu ta khuất mình bỏ đạo quân tử là món lợi lớn để được chức vị là món lợi nhỏ, thì kẻ sĩ chân chính có nên làm không?

---

1. Theo quy định của lễ, muốn vời tướng sĩ phải có hiệu lệnh bằng cung, muốn vời quan quản lý vườn săn phải có hiệu lệnh bằng mũ da, muốn vời quan đại phu phải có cờ cắm lông chim.

Ngày xưa, Triệu Giản Tử làm quan đại phu nước Tống ra lệnh Vương Lương đánh xe cho cận thần của mình có tên là Bế Hề đi bắn chim. Đi suốt một ngày, Bế Hề không bắn được một con chim nào. Bế Hề trở về thưa với Triệu Giản Tử: "Vương Lương là tay đánh xe dở nhất thiên hạ". Có người đem chuyện này nói với Vương Lương. Vương Lương nói với Triệu Giản Tử: "Xin thử một lần nữa". Bế Hề miễn cưỡng đồng ý. Kết quả chỉ một buổi sáng, Bế Hề bắn được mười con chim. Bế Hề trở về thưa rằng: "Vương Lương là tay đánh xe giỏi nhất thiên hạ". Triệu Giản Tử nói: "Thế thì từ nay ta giao cho Vương Lương chuyên đánh xe hầu ngươi", sau đó báo lại cho Vương Lương biết. Nhưng Vương Lương không đồng ý, nói: "Bữa trước, tôi cầm cương đúng phép tắc, cả ngày Bế Hề không bắn được con chim nào. Hôm nay tôi cầm cương trái phép tắc, chỉ một buổi sáng, Bế Hề bắn được mười con. Kinh Thi có câu: "Kẻ đánh xe thì cầm cương đúng phép, còn người bắn cung hễ buông tên thì trúng đích". Tôi không có thói quen đánh xe hầu cho kẻ tiểu nhân. Tôi không đảm nhận nhiệm vụ này".

Một người đánh xe còn biết xem việc làm trái phép tắc cầm cương cho kẻ đi săn là điều đáng sỉ nhục, cho dù bỏ phép tắc mà có thể thu được thú săn chất hàng đống như núi cũng không làm. Thế mà người có học thức lại làm cong cái đạo quân tử của mình để theo một vị vua chư hầu là nghĩa lý gì? Như vậy là ngươi đã nhầm rồi đó. Từ trước đến nay, ta chưa hề thấy ai khom lưng cúi mình mà có thể sửa ngay được kẻ khác bao giờ.

II - MẠNH TỬ VỚI CẢNH XUÂN

Cảnh Xuân nói:

- Công Tôn Diễn[1] và Trương Nghi[2] không đáng gọi là bậc đại trượng phu hay sao? Hai người này hễ tức giận là làm cho các vua chư hầu phải sợ hãi; còn khi ở yên một chỗ thì thiên hạ được thái bình vô sự.

Mạnh Tử nói:

- Như vậy sao lại được gọi là đại trượng phu? Ông chưa học Kinh Lễ à? Khi con trai làm lễ đội mũ[3], người cha dặn dò chỉ bảo về phận sự của kẻ trượng phu. Khi con gái lấy chồng, người mẹ dặn dò chỉ bảo về phận sự của kẻ làm vợ. Tiễn con gái đến cổng, mẹ còn nhắc nhở con rằng: "Con về nhà chồng tức là về nhà của con, thì phải cung kính, cẩn thận, đừng làm trái ý chồng". Lấy nết thuận chồng làm phép chính, đó là đạo làm vợ của người phụ nữ.

Còn kẻ trượng phu thì nên như thế nào? Ở trong đức nhân là chỗ rộng rãi nhất trong thiên hạ. Đứng trên đức lễ là chỗ đứng chính đáng hơn trong thiên hạ. Đi theo đức nghĩa là con đường to lớn hơn hết trong thiên hạ mà ai cũng phải đi. Lúc đạt được chí làm quan làm tướng thì cùng với dân thực hiện những đức nhân, lễ, nghĩa. Khi chẳng đạt được chí thì ẩn dật mà tu thân hành đạo. Nếu giàu có sang trọng thì chẳng hoang dâm phóng

---

1, 2. Thuyết khách nổi tiếng.

3. Chứng tỏ đã trưởng thành.

túng. Gặp cơn nghèo khó thì chẳng dao động thay đổi chí khí. Cho đến uy thế hay vũ lực cũng chẳng làm khuất phục chí khí của mình. Người như thế mới đáng được gọi là bậc đại trượng phu.

III - MẠNH TỬ VỚI CHU TIÊU

Chu Tiêu người nước Tấn hỏi Mạnh Tử:

- Ngày xưa người quân tử có ra làm quan không?

Mạnh Tử nói:

- Có làm quan. Trong sách Truyện có chép rằng: "Khổng Tử nếu ba tháng không được hầu vua thì cảm thấy bồn chồn không yên. Mỗi khi rời khỏi nước này mà đến nước khác, nhất định mang lễ vật để biếu tặng vua khi gặp mặt". Thuở trước Công Minh Nghĩa có nói: "Người quân tử nếu thôi làm quan ba tháng không được thờ vua thì buồn lắm".

- Thôi làm quan ba tháng không được thờ vua mà đã buồn, như vậy có vội quá không?

- Kẻ sĩ mất chức cũng như vua chư hầu mất nước vậy. Trong Kinh Lễ có chép: "Vua chư hầu tự mình cày ruộng để có thóc lúa mà cúng tế, phu nhân tự dệt lụa để có áo quần mặc cúng tế. Vua chư hầu mất nước không chọn được bò dê béo khỏe, không có thóc lúa tinh khiết, không đủ áo tế chỉnh tề thì không dám cúng tế. Kẻ sĩ mất chức vị không có ruộng đất để dùng vào việc cúng tế cũng không dám cúng tế. Chỉ vì bò dê, đồ tế, áo tế

không nghiêm chỉnh đầy đủ mà không dám tổ chức cúng tế, có nghĩa là không dám làm cỗ mà đãi khách. Như vậy không đáng buồn hay sao?

- Mỗi khi Khổng Tử rời khỏi nước này mà đến nước khác, nhất định phải mang lễ để biếu tặng vua khi gặp mặt, như vậy là có ý nghĩa gì?

- Kẻ sĩ làm quan giống như nông phu cày ruộng. Không lẽ nông phu đến nơi khác làm ăn thì vứt bỏ nông cụ của mình ở lại sao?

- Nước Tấn cũng có nhiều người đi làm ở các nước khác. Nhưng tôi chưa nghe ai nói việc các vị ấy cần làm quan gấp đến mức như vậy. Nếu cần làm quan gấp như vậy, bậc quân tử như ngài vẫn chưa được chức vị là tại làm sao?

Mạnh Tử nói:

- Sinh ra con trai, bậc cha mẹ nào chẳng muốn cho nó có vợ. Sinh ra con gái, bậc cha mẹ nào chẳng muốn cho nó có chồng. Tấm lòng đó, bậc cha mẹ nào cũng có. Nhưng làm con cái, nếu không đợi cha mẹ cho phép, chẳng nhờ sự giới thiệu của mối mai, mà cứ tự khoét tường để nhìn nhau, vượt tường để gặp nhau, thì cha mẹ và người khác đều chê cười mình. Người xưa ai nấy đều muốn làm quan, nhưng lại ghét cái thói cầu xin làm quan trái lẽ nghĩa. Nhờ thủ đoạn trái nghĩa để được làm quan, cũng giống như bọn trai gái đê tiện khoét tường để nhìn nhau vậy.

IV - MẠNH TỬ VỚI BÀNH CANH

Bành Canh là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Hiện nay, thầy dắt theo mấy trăm người và mấy chục cỗ xe, đến nước chư hầu nào thì vua nước chư hầu đó phải cấp lương ăn. Như vậy có hơi quá mức không?

Mạnh Tử nói:

- Nếu mình thấy không hợp đạo lý thì đến một bát cơm cũng không dám nhận. Nếu hợp đạo lý, vua Thuấn còn nhận cả thiên hạ của vua Nghiêu cũng chẳng cho là quá mức. Thế ngươi cho là quá mức sao?

- Con chẳng dám nói như vậy, nhưng kẻ sĩ chẳng làm gì cho vua mà lại cứ ăn lộc vua thì chẳng nên vậy.

- Nếu ngươi không đem sản phẩm của mình mà trao đổi với người khác, không lấy cái dư ra mà đổi lấy cái mình còn thiếu, thì nông phu sẽ có quá dư giả lương thực, phụ nữ sẽ quá thừa thãi vải vóc. Còn nếu ngươi có thể khiến cho người này trao đổi với người khác, thì thợ mộc, thợ xe có thể được ăn, được mặc. Giả thử ở đây có một người, ở nhà hiếu kính cha mẹ, ra ngoài biết tôn kính bề trên, kiên trì giữ gìn đạo lý của thánh hiền, lại biết dùng những thứ này để truyền lại cho các học giả ngày mai, thế mà người ấy lại chẳng được ăn được mặc. Tại sao ngươi coi trọng thợ mộc, thợ sắt, mà coi thường kẻ sĩ làm điều nhân nghĩa?

- Chí hướng của thợ mộc, thợ sắt chỉ là kiếm ăn mà thôi. Còn người quân tử làm điều nhân nghĩa, chẳng lẽ chí hướng cũng quay về sự kiếm ăn hay sao?

- Tại sao ngươi lại cứ đem chí hướng ra mà bàn luận vậy? Dù là người làm điều nhân nghĩa hay người lao động thợ thuyền, hễ ai đã bỏ công sức ra thì đều có quyền được nuôi lại, ngươi phải trả công cho người ta. Ngươi trả công cho người ta là vì chí hướng hay công sức của họ?

- Vì chí hướng.

- Giả thử ở đây có một người có chí hướng kiếm ăn mà lại đập vỡ ngói của ngươi, vẽ bậy lên tường của ngươi, thế ngươi có cho người này ăn cơm không?

- Không cho.

Mạnh Tử nói:

- Như vậy, ngươi đã đồng ý là không trả công theo chí hướng mà trả công theo công sức rồi đó.

V - MẠNH TỬ VỚI VẠN CHƯƠNG

Vạn Chương là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Nước Tống là một nước nhỏ, hiện nay muốn thực hiện nhân chính. Nhưng nước Tề, nước Sở hết sức tức giận, định đánh nước Tống. Vậy nên làm như thế nào?

Mạnh Tử liền kể một câu chuyện:

- Thuở xưa vua Thành Thang ở đất Bạc, liền kề với nước Cát. Vua nước Cát là kẻ ngang ngược vô đạo, chẳng chịu làm lễ cúng tế. Vua Thang cử người đến hỏi: "Vì sao không không cúng tế?", vua Cát trả lời: "Ta chẳng có dê bò làm vật phẩm cúng tế". Vua Thang bèn

cử người mang bò dê đến, vua Cát làm thịt dê bò ăn, cũng không cúng tế. Vua Thang lại cử người đến hỏi: "Vì sao ông không cúng tế?", vua Cát trả lời: "Không có lúa gạo làm vật phẩm cúng tế". Vua Thang lại cắt cử dân Hào đến cày cấy cho vua Cát, lại sai người già trẻ con mang đồ ăn cho kẻ làm ruộng. Vua Cát chỉ huy dân nước Cát ra chặn những người mang cơm rượu thức ăn mà cướp hết, ai không chịu đưa liền giết ngay. Có một em bé đưa cơm và thịt cho người làm ruộng cũng bị giết. Sách Thượng Thư có chép: "Vua Cát xem người đưa cơm như thù nghịch", và ghi lại về câu chuyện này.

Vì việc vua Cát giết em bé đưa cơm vô tội ấy, vua Thang đưa quân đánh phạt vua Cát. Người trong thiên hạ đều nói: "Vua Thang đánh vua Cát không phải vì của cải, mà muốn trả thù cho trăm họ". Vua Thang chinh phạt bắt đầu từ nước Cát, sau đó ra quân đánh dẹp mười một vua chư hầu, từ đó trở nên vô địch thiên hạ. Vua Thang đến chinh phạt phía đông, người Di ở phía tây liền trách móc. Vua Thang đến chinh phạt phía nam, người Địch ở phía bắc trách móc. Họ đều trách: "Vì sao không sớm đến chinh phạt ở chỗ chúng tôi?". Dân chúng chờ đợi trông ngóng vua Thang như đại hạn chờ mưa. Khi vua Thang kéo quân đến, họ vẫn tự nhiên chẳng hề sợ sệt: người buôn bán vẫn buôn bán, người đi cày vẫn cày, chẳng ai bỏ dở công việc của mình. Vua Thang giết kẻ bạo tàn và vỗ về dân chúng, giống như mưa tuôn phải lúc khiến trăm họ hết sức vui mừng. Sách Thượng Thư có chép: "Hãy chờ đợi vua của chúng ta. Nhà vua đến rồi, chúng ta không còn bị những vua bạo ngược làm khổ sở nhục nhã nữa".

Cũng thuở xưa, khi còn những nước không chịu thần phục, vua Vũ Vương, liền đông chinh đánh phạt, khiến cho trăm họ được yên ổn. Dân chúng lấy lụa vàng lụa tím đem bỏ đầy giỏ xin được gặp mặt và dâng tặng vua Vũ Vương bày tỏ niềm vinh dự được làm thần dân của nhà vua. Sau đấy, những người quân tử ở đây lấy lụa vàng lụa tím đem xếp đầy giỏ đến hoan nghênh quan văn võ của nhà Chu; còn thường dân thì cơm đựng đầy giỏ, rượu đựng đầy ấm, đến hoan nghênh binh sĩ nhà Chu. Được thế là vì vua Vũ Vương đến đã cứu thoát trăm họ từ nước sôi lửa bỏng, trừ diệt những kẻ tàn hại dân chúng. Trong Thái Thệ có chép lời vua Vũ Vương phán rằng: "Ta định phát huy uy vũ của mình, đánh phạt vua Trụ, chẳng qua ta quyết bắt kẻ tàn hại dân chúng, cho nên mới bỏ công chinh phạt như vậy, đem lại công tích rạng rỡ chẳng kém gì vua Thành Thang".

Qua đó thấy rằng, chỉ ngại vua nước Tống chẳng chịu thực hiện nhân chính mà thôi, chứ còn thực hiện nhân chính thì người trong thiên hạ sẽ ngẩng đầu trông ngóng, lại còn muốn tôn vua nước Tống làm vua cai trị toàn thiên hạ. Làm được như thế thì dù cho nước Tề, nước Sở có mạnh đến mấy, cũng chẳng có điều gì phải sợ.

VI - MẠNH TỬ VỚI ĐỚI BẤT THẮNG

Mạnh Tử nói với quan đại thần nước Tống là Đới Bất Thắng:

- Ông muốn vua của nước ông trở nên có thiện đức phải không? Thế thì tôi xin nói cho ông rõ. Giả sử ở đây có một quan đại phu người nước Sở, muốn cho con ông ta học nói tiếng nước Tề. Vậy phải tìm người nước Tề làm thầy giáo hay tìm người nước Sở làm thầy giáo?

Đới Bất Thắng nói:

- Phải tìm người nước Tề.

Mạnh Tử nói:

- Một thầy giáo nước Tề dạy nó, nhưng lại có nhiều người nước Sở làm ầm ĩ bên cạnh, thì dù cho có đánh nó, buộc nó nói tiếng nước Tề, cũng chẳng được. Nhưng nếu đưa nó đến kinh đô nước Tề ở mấy năm, dù cho lấy roi đánh nó, buộc nó nói tiếng nước Sở, cũng sẽ chẳng được. Ông cho rằng, Tiết Cư Châu là người tốt, cho nên tiến cử một mình ông ta ở trong cung vua để hằng ngày khuyên vua làm điều thiện.

Nếu những người ở trong cung vua, từ kẻ già đến người trẻ, từ bậc cao đến bậc thấp đều tốt như Tiết Cư Châu, thì vua còn có thể cùng với ai làm việc xấu?

Nhưng nếu những người ở trong cung vua, từ kẻ già đến người trẻ, từ bậc cao đến bậc thấp đều chẳng được tốt như Tiết Cư Châu, thì vua còn có thể cùng với ai làm việc tốt?

Từ đó suy ra, chỉ riêng một mình Tiết Cư Châu thôi thì liệu có đủ sức làm cho vua nước Tống trở nên thiện đức được không?

VII - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU

Công Tôn Sửu là học trò của Mạnh Tử hỏi rằng:

- Tại sao kẻ sĩ lại không chủ động đi gặp các vua chư hầu?

Mạnh Tử nói:

- Thời xưa, nếu không làm quan thì không đến gặp vua. Trước kia, ông Đoàn Can Mộc người nước Tấn trèo tường để tránh gặp vua. Lại ông Tiết Liễu người nước Lỗ đóng chặt cửa không tiếp vua. Hai ông ấy làm như vậy là hơi quá. Nếu người nắm quyền nài nỉ, mong muốn thì mình cũng có thể gặp. Dương Hóa muốn Khổng Tử đến gặp, nhưng lại không muốn mình thất lễ, cho nên Dương Hóa đã làm theo lời dạy trong Kinh Lễ: "Khi quan đại phu có gửi lễ vật tặng cho kẻ sĩ, nếu kẻ sĩ lúc đó không có nhà, nhưng đã nhận lễ vật thì không cần quan đại phu vời vẫn có thể tự mình đến nhà quan đại phu để cảm ơn". Khi biết tin Khổng Tử không có nhà, Dương Hóa liền đến tặng Khổng Tử một con lợn luộc, để Khổng Tử theo lễ mà phải đến gặp mình. Khổng Tử vì không muốn gặp Dương Hóa nên cũng nhân lúc Dương Hóa không có nhà, đến cảm ơn Dương Hóa. Lúc đó Dương Hóa giữ lễ mà cứ đến gặp Khổng Tử, thì Khổng Tử làm sao lại không đến gặp Dương Hóa để đáp lễ.

Ông Tăng Tử nói rằng: "Kẻ so vai rụt cổ, cười nịnh a dua thì còn mệt hơn nhiều so với người trồng rau dưới ánh nắng mùa hè". Ông Tử Lộ cũng nói: "Kẻ đứng nói chuyện với người chẳng cùng một ý kiến với mình,

gương mặt đỏ bừng như kiểu thẹn thùng bẽn lẽn, loại người như vậy thật đáng khinh".

Từ đó suy ra, người quân tử có tự mình bồi dưỡng phẩm đức hay không, đều có thể biết được.

VIII - MẠNH TỬ VỚI ĐỚI DOANH CHI

Đới Doanh Chi là quan đại phu nước Tống nói với Mạnh Tử:

- Tôi muốn thực hiện phép đánh thuế mười phần thu một, bỏ các thứ thuế hàng hóa ở chợ cũng như hàng hóa ra vào nơi quan ải. Nhưng xét thấy năm nay chưa thể thực hiện được, chỉ xin tạm giảm bớt phần nào, còn đợi sang năm thực hiện triệt để hơn. Như vậy có được không?

Mạnh Tử nói:

- Ví dụ như hiện nay có người mỗi ngày ăn trộm của người láng giềng một con gà. Có người nói với anh ta: "Đây là hành vi xấu, người quân tử không nên làm". Anh ta trả lời: "Thế thì xin giảm dần, mỗi tháng chỉ ăn trộm một con. Đợi sang năm không ăn trộm nữa".

Nếu biết đó là việc làm không hợp đạo lý, nên dừng lại ngay. Tại sao phải đợi đến năm sau?

IX - MẠNH TỬ VỚI CÔNG ĐÔ TỬ

Công Đô Tử là học trò của Mạnh Tử hỏi rằng:

- Mọi người đều nói thầy ưa tranh luận. Xin phép hỏi thầy vì sao vậy?

Mạnh Tử nói:

- Ta mà ưa tranh luận hay sao? Chẳng qua là vì bắt buộc mà ta phải tranh luận đó thôi. Thiên hạ từ khi có con người đến nay đã lâu lắm rồi, cứ một thời thái bình lại một thời loạn lạc.

Thời vua Nghiêu, vua Thuấn, lụt lội hoành hành. Toàn cõi Trung Quốc ngập chìm trong biển nước, trở thành nơi trú ngụ của rắn, rồng. Con người không có cách gì để yên thân. Kẻ ở chỗ thấp phải làm chòi trên cây cao để trú ngụ. Kẻ ở nơi cao phải đào hang moi chỗ mà nương thân. Sách Thượng Thư có chép lời vua Thuấn rằng: "Nước tràn bờ là đang cảnh cáo chúng ta". Nước tràn bờ là nói về lụt lội đó. Vua Thuấn lệnh cho ông Vũ đi trị thủy. Ông Vũ cho đào kênh mương dẫn nước ra biển, đuổi rắn rồng về nơi đầm lầy khơi dòng nước men theo đất để chảy cho thông suốt. Sông Trường Giang, sông Hoài, sông Hoàng Hà, sông Hán đều được như vậy. Nguy hiểm trở ngại đã được loại trừ, muông thú hại người đã khiếp đảm bỏ chạy, từ đó con người mới được đất bằng mà ở.

Sau khi vua Nghiêu, vua Thuấn mất thì đạo trị nước của thánh nhân cũng dần dần suy bại. Những vị vua bạo ngược nối nhau mà ngất ngưởng trên ngai vàng. Họ phá nhà dân để đào ao sâu hồ rộng, khiến dân chúng chẳng còn chỗ mà nương thân. Họ bỏ ruộng vườn của dân để dựng vườn săn, vườn thảo mộc, khiến dân chúng lại thiếu mặc thiếu ăn. Theo đó, những lời lẽ hoang đường, những hành vi ngỗ ngược cũng nổi lên, trỗi dậy. Vườn săn, vườn thảo mộc, ao sâu hồ rộng càng

nhiều lên thì muông thú nguy hiểm lại càng tụ về, nhiều vô kể. Cho đến đời vua Trụ thì thiên hạ đại loạn đến cực điểm.

Lúc bấy giờ, được ông Chu Công phò tá, vua Vũ Vương diệt vua Trụ, đánh phạt ba năm mới diệt được vua Yêm tàn bạo, đuổi Phi Liêm là kẻ cận thần của vua Trụ đến tận biển rồi giết luôn. Có năm mươi vị vua chư hầu theo nhà Thương chống lại nhà Chu, vua Vũ Vương diệt hết. Hổ, báo, voi, tê giác mà vua Trụ nuôi dưỡng, vua Vũ Vương đem thả và đuổi đến nơi xa nhất. Thiên hạ đều hết sức vui mừng. Sách Thượng Thư có chép: "Huy Hoàng sán lạn thay! Mưu lược của vua Văn Vương vĩ đại biết mấy! Công tích của vua Vũ Vương lừng lẫy biết bao! Hai vị mở đường cho hậu thế thật là chính đại quang minh, không một mảy may khiếm khuyết".

Kế đó, đời lại suy bại, đạo lại suy sụp, lại thêm những luận điệu hoang đường, hành vi tàn bạo lại bắt đầu quay trở lại. Nhân đó, những việc như bề tôi giết vua, con giết cha bắt đầu xuất hiện. Khổng Tử vô cùng lo lắng nên mới soạn bộ Kinh Xuân Thu chép việc của các bậc vua thiên tử, trong đó khen việc thiện, chê việc ác và dạy về phép cai trị. Kinh Xuân Thu đáng lẽ phải do vua thiên tử lo soạn, vì vậy Khổng Tử mới nói: "Người hiểu và trọng ta cũng từ Kinh Xuân Thu, người chê và trách ta cũng từ Kinh Xuân Thu mà thôi". Những người mộ đạo quân tử thì hiểu và trọng vì nhờ Kinh Xuân Thu mà từ bậc vua thiên tử cho tới thường dân đều ăn ở đúng đạo lý, theo phận sự của mình. Còn *những kẻ bạo vương, loạn thần, tặc tử* trách rằng Khổng

Tử chẳng ở địa vị vua mà dám khen, chê và dạy phép cai trị.

Mãi cho đến nay, bậc thánh vương chẳng thấy xuất hiện nữa. Các vua chư hầu càng tự ý làm càn. Những kẻ sĩ có tài không được ra làm quan lại càng ngang tàng bàn luận. Học thuyết của Dương Chu[1] và Mặc Địch[2] lan tràn. Kẻ trong thiên hạ, không theo Dương Chu thì theo Mặc Địch. Phái Dương Chu chủ trương tất cả vì mình, như vậy đó là phái không vua. Phái Mặc Địch chủ trương thương tất cả mọi người, như vậy đó là phái không cha. Người trong mắt không có cha, trong đầu không có vua, như vậy chẳng khác nào loài cầm thú. Ông Công Minh Nghĩa nói: "Trong bếp có thịt béo, ngoài chuồng có ngựa mập, nhưng dân chúng thì mặt vàng da nghệ, thây chết đầy đồng. Đây giống như vua dẫn dã thú về ăn thịt người vậy".

Nếu không ngăn chặn học thuyết Dương Chu và Mặc Địch thì học thuyết Khổng Tử chẳng được phát huy. Từ đó mà những kẻ phô trương học thuyết hoang đường càng tha hồ hoành hành, chẳng những lừa bịp trăm họ, mà còn vùi lấp mất con đường nhân nghĩa. Nhân nghĩa mà bị vùi lấp thì cũng như dẫn dã thú về ăn thịt người vậy. Rồi người với người cũng sẽ chém giết lẫn nhau nữa.

Ta vì cảm thấy lo lắng như vậy, nên phải đứng ra bảo vệ học thuyết của Khổng Tử, phản đối luận điệu xằng bậy của Dương Chu và Mặc Địch, đánh đổ tà

1, 2. Triết gia thời Chiến Quốc.

thuyết ấy để cho những người phát biểu luận điệu này không còn chỗ đứng chân.

Những tà thuyết ấy, nếu được phát ra từ nội tâm sẽ nguy hại đến công việc, nếu được phát ra từ công việc sẽ nguy hại đến nền chính trị. Dẫu cho thánh nhân có xuất hiện cũng phải nghe theo lời ta đã trình bày.

Ngày trước, ông Vũ giúp vua Thuấn chế ngự được lụt lội, nhờ đó mà thiên hạ thái bình. Ông Chu Công giúp vua Vũ Vương thu phục Di Địch, đuổi trừ dã thú, nhờ đó mà trăm họ được an ninh. Khổng Tử soạn Kinh Xuân Thu, nhờ đó mà loạn thần, tặc tử phải kinh sợ. Kinh Thi có chép: "Phải đánh dẹp rợ Nhung rợ Địch, phải trừng phạt nước Kinh nước Thư. Ta đã làm xong việc ấy thì không có ai dám địch với ta nữa". Vậy thì những kẻ trong mắt không có cha, trong đầu không có vua, đều là đối tượng mà ông Chu Công đả kích trừng phạt đó.

Nay ta rất muốn làm cho lòng người trở về chính đạo, đánh đổ tà thuyết hoang đường, đập tan luận điệu xằng bậy, để mong kế tục sự nghiệp của ba vị thánh nhân thuở xưa là ông Vũ, Chu Công và Khổng Tử. Cho nên ta buộc phải đứng ra tranh luận. Ta mà ưa tranh luận hay sao? Chẳng qua là vì bắt buộc mà phải tranh luận đó thôi.

Biết dùng lời lẽ tranh luận mà đánh đổ học thuyết của Dương Chu và Mặc Địch thì mới đáng mặt là học trò của thánh nhân vậy.

X - MẠNH TỬ VỚI KHUÔNG CHƯƠNG

Khuông Chương là một tướng của nước Tề hỏi Mạnh Tử:

- Chẳng lẽ Trần Trọng Tử[1] không phải là một người có đức liêm sao? Khi ở Ô Lăng, Trọng Tử ba ngày không ăn cơm, tai chẳng còn nghe rõ, mắt chẳng còn thấy rõ được gì. Cạnh giếng có cây lê, chỉ còn một quả nhưng sâu ăn hết hơn phần nửa. Ông ta trèo lên hái xuống ăn. Ăn xong ba miếng, tai liền nghe rõ, mắt liền thấy rõ được ngay.

Mạnh Tử nói:

- Trong số kẻ sĩ ở nước Tề, ta đánh giá Trần Trọng Tử là một nhân vật rất đặc biệt. Nhưng Trọng Tử làm sao có thể nói là có đức liêm được? Trọng Tử muốn giữ đầy đủ tiết tháo của mình chắc phải biến thành con giun đất, may ra mới thực hiện được.

Con giun đất ăn đất khô ở trên mặt đất, uống nước ở dưới mặt đất chẳng nhờ vả một ai. Còn nhà mà Trọng Tử ở do một người trong sạch như Bá Di làm cho hay do một kẻ cướp như Đạo Chích[2] làm cho? Thóc lúa mà Trọng Tử ăn do bậc thanh liêm như Bá Di trồng cho hay do tay trộm cướp như Đạo Chích trồng cho? Điều này ta cũng hoàn toàn chưa biết vậy.

---

1. Theo sách Hoài Nam Tử thì Trần Trọng Tử người nước Tề, luôn giữ khí tiết, không ăn gạo bất nghĩa, chịu đói mà chết. Mạnh Tử cho đây là người đặc biệt.

2. Tên kẻ cướp tên Chích, vì chuyên nghề ăn cướp nên người đời quen gọi thành Đạo Chích.

Khuông Chương nói:

- Điều đó có quan hệ gì đến đức liêm? Trọng Tử tự bện lấy giày cỏ. Vợ thì dệt vải gai, đem đổi để sắm nhà cửa, lúa thóc.

Mạnh Tử nói:

- Trọng Tử là người thuộc dòng dõi thế gia nối đời hưởng lộc. Anh của Trọng Tử là Trọng Đới, thu bổng lộc vạn chung thóc ở cấp Cái. Trọng Tử cho rằng, bổng lộc của anh mình có được là của bất nghĩa, nên không chịu ăn; nhà cửa cũng do của bất nghĩa làm ra nên không chịu ở. Trọng Tử bèn tránh anh mình, xa mẹ mình, một mình ra ở Ô Lăng. Một hôm Trọng Tử về nhà, gặp một người đến biếu anh mình một con ngỗng. Trọng Tử cau mày nói rằng: "Tại sao lại lấy con ngỗng kêu ngật ngật này làm lễ vật?". Mấy hôm sau, mẹ Trọng Tử làm thịt con ngỗng đó cho Trọng Tử ăn. Vừa lúc đó Trọng Đới trở về, nói: "Đây chính là thịt con kêu ngật ngật đó!", Trọng Tử liền bỏ ra ngoài, khạc hết thịt ra. Trọng Tử là kẻ mà thức ăn mẹ nấu không ăn, thức ăn vợ nấu lại ăn; nhà của anh ruột không ở, lại đến ở Ô Lăng. Như vậy làm sao có thể làm tròn đức liêm của mình? Chỉ khi nào Trọng Tử biến thành con giun đất mới có thể đầy đủ đức liêm của mình được[1].

---

1. Trần Trọng Tử hành động khác thường, nghĩ là sẽ được người đời khen mình là liêm khiết. Mạnh Tử cho rằng hành động ấy *không hợp nghĩa nên chê là vậy.*

Chương 7

LY LÂU CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - LỜI MẠNH TỬ

1. Dù Ly Lâu[1] có mắt sáng, Chu Công Ban[2] có khéo tay, nhưng nếu không có dụng cụ vẽ vòng tròn và thước vuông góc, cũng không thể vẽ nên hình tròn và hình vuông được. Dù Sư Khoáng[3] có tai tỏ, nhưng nếu không dùng sáu luật[4], cũng không thể hiệu chỉnh được ngũ âm[5]. Dù vua Nghiêu, vua Thuấn là người có đạo đức, nhưng nếu không thực hiện nhân chính, cũng không thể cai trị thiên hạ tốt cho được.

Các vua chư hầu hiện nay, tuy có lòng nhân và được tiếng nhân, nhưng chẳng chịu ban một ân huệ nào cho dân cả. Những vua chư hầu này không thể làm khuôn mẫu cho người đời sau học tập. Đó là vì họ không làm theo đạo lý của các bậc vua thiên tử thuở trước.

Cho nên người ta thường nói: "Chỉ có lòng thiện thôi, cũng chưa đủ sức để làm công việc chính trị. Chỉ có luật pháp thôi thì những luật pháp này cũng không thể đủ

---

1. Người thời Hoàng Đế, có thị lực mạnh, có thể nhìn thấy vật ly ty ở xa trăm bước.

2. Người nước Lỗ, có tên Lỗ Ban, một thợ xây dựng công trình nổi tiếng thời cổ đại, đã làm ra thước Lỗ Ban.

3. Nhạc sư thời Xuân Thu.

4. Sáu luật âm dương tạo thành 12 luật âm nhạc cổ đại Trung Quốc.

5. Năm nốt nhạc cổ Trung Quốc: cung, thương, giốc, chủy, võ.

sức làm người ta tuân theo". Kinh Thi có câu: "Không lầm lỡ, không bỏ quên, nếu theo phép tắc truyền thống". Tuân theo phép tắc truyền thống mà vẫn phạm sai lầm, đây là việc xưa nay chưa hề có.

Những bậc thánh nhân ngày xưa đã tận dụng hết độ sáng của mắt mình, lại còn chế ra dụng cụ như cái quy (com-pa); cái củ (thước góc), cái chuẩn (thước chuẩn), cái thằng (dây mực) để làm ra đủ loại đồ tròn, vuông, bằng, phẳng; nhờ vậy người đời sau có mà dùng mãi. Các vị ấy đã tận dụng hết mức sức tỏ của tai mình, lại còn đặt ra sáu luật hiệu chỉnh ngũ âm; nhờ vậy các loại âm điệu được vận dụng vô cùng vô tận. Hơn nữa, các vị ấy đã đem hết tâm lực của mình ra để suy xét, lại còn đem lòng thương xót để thực hiện chính sự; nhờ vậy lòng thương yêu của các vị đã bao trùm thiên hạ.

Cho nên người ta thường nói: "Xây đài cao phải dựa vào gò đống, đào ao sâu phải nương theo đầm hồ". Cai trị thiên hạ mà không noi theo đạo lý của các bậc vua thiên tử thuở xưa, sao được cho là thông minh, có trí tuệ?

Vì vậy, chỉ người có nhân mới đáng ở địa vị cao thượng. Kẻ bất nhân nếu chiếm địa vị cao thì chỉ có thể gieo rắc tội ác và nết xấu của mình trong dân chúng mà thôi. Nếu bề trên chẳng theo đạo lý mà suy xét, bề dưới chẳng theo phép tắc mà giữ gìn, trong triều đình chẳng giữ đạo tín nghĩa, ngoài châu quận chẳng tuân theo phép tắc, người quân tử thì phạm tiết nghĩa, kẻ tiểu nhân thì phạm tội, một quốc gia như thế mà còn tồn tại thì quả là điều quá may.

Người ta thường nói: "Thành ngoài và quách trong dù chưa hoàn chỉnh, binh khí và áo giáp dù không có nhiều, đó chưa phải là tai họa của đất nước. Đất đai dù chưa mở mang, của cải dù không tập trung, đó cũng chưa phải là nguy hại của đất nước. Nhưng nếu bề trên thiếu lễ nghĩa, bề dưới thiếu giáo dục, lại thêm kẻ làm loạn nổi lên, lúc đó nước sẽ mất ngày nào không biết".

Kinh Thi có câu: "Trời sắp làm cho nước nhà nghiêng đổ, vậy chớ nên bê trễ". Bê trễ thì cũng như là biếng nhác vậy.

Kẻ thờ vua giúp nước chẳng làm trọn đạo nghĩa, tiến thoái chẳng theo lễ, nói ra thì trái đạo lý của các vị tiên vương. Kẻ ấy hẳn là biếng nhác rồi.

Cho nên người ta thường nói rằng: "Người nào biết dùng nhân chính để nhắc nhở vua, được gọi là có nết cung. Người nào biết giãi bày với vua điều hay lẽ thiệt, biết can gián việc làm tà khuất của vua, được gọi là có đức kính. Kẻ nào nói rằng vua mình không có sức thực hiện nhân chính, được gọi là kẻ làm hại vua vậy".

2. Cái quy (com-pa) và cái củ (thước góc) là dụng cụ để người thợ làm các loại đồ dùng hình tròn và hình vuông. Cũng như thế, thánh nhân là mẫu mực để người đời ăn ở theo luân lý đạo đức.

Người làm vua muốn cho trọn đạo làm vua, kẻ làm bề tôi muốn cho trọn đạo bề tôi, nhất định phải theo gương hai vị thánh nhân là vua Nghiêu và ông Thuấn. *Không lấy gương của ông Thuấn phụng sự Nghiêu để*

phụng sự vua mình, như vậy đó là kẻ bề tôi mà bất kính với vua. Không theo phép trị dân của vua Nghiêu để trị dân mình, đó là người làm vua mà hại dân vậy.

Khổng Tử dạy rằng: "Đạo chỉ có hai con đường: nhân và bất nhân đó thôi". Nếu người làm vua mà tàn bạo bạc đãi với dân quá mức, sẽ dẫn đến thân mình bị hại, nhà tan nước mất. Còn nếu làm vua mà bạo ngược với dân không quá lắm thì thân mình cũng nguy khốn, nước nhà cũng bị suy yếu dần.

Làm vua khi chết phải mang tiếng là U Vương hay Lệ Vương[1], thì dù có cháu hiền con hiếu, một trăm đời sau cũng chẳng rửa sạch vết nhơ ấy.

Kinh Thi có câu: "Cái gương để vua Trụ nhà Ân có thể soi mà sửa mình đâu có xa xôi gì cho lắm, chính là đời vua Kiệt nhà Hạ trước đó thôi".

Câu ấy trong Kinh Thi là để chứng minh cho điều ta vừa giảng vậy.

3. Ba triều đại Hạ, Thương, Chu được thiên hạ là nhờ thực hiện đức nhân, để mất thiên hạ cùng vì bất nhân. Các nước chư hầu hưng thịnh hay suy bại, tồn tại hay diệt vong, cũng chính là đạo lý này.

Vua thiên tử mà bất nhân, chẳng có thể giữ nổi bốn biển. Vua chư hầu mà bất nhân chẳng có thể giữ nổi

---

1. Đây là hai vị vua thiên tử nhà Chu vì tàn bạo bạc đãi dân nên người đời không gọi danh hiệu, mà gọi là U Vương (vua tối tăm, u muội) và Lệ Vương (vua lệ hại khắc bạc).

quốc gia. Quan khanh và quan đại phu mà bất nhân, chẳng có thể giữ nổi tông miếu. Kẻ sĩ và thứ dân mà bất nhân, chẳng có thể giữ nổi thân mình.

Hiện nay từ trên xuống dưới có nhiều người ghét sợ cảnh chết chóc và mất mát, nhưng lại ham thích làm điều bất nhân. Đây cũng như người chán ghét sự say mà vẫn cố uống rượu cho nhiều vậy.

4. Mình yêu thương người khác mà chẳng thấy người gần gũi mình, vậy nên tự xét mình đã có đủ lòng nhân hay chưa. Mình quản lý người mà người chẳng phục tùng, vậy nên xét mình đã đủ trí tuệ mưu lược hay chưa. Mình đã lấy lễ đãi người mà chẳng thấy người đáp lại, vậy cũng nên tự xét mình đã thật cung kính với người hay chưa.

Mình làm bất cứ việc gì cũng vậy, nếu thấy chẳng được kết quả theo ý muốn, thì nên tự xét lại mình, tìm xem nguyên nhân ở đâu: Bậc làm vua trước hết phải giữ mình cho chính trực ngay thẳng, sau đó người trong thiên hạ mới theo về. Kinh Thi có câu: "Lúc nào cũng phải ăn ở nói năng cho hợp mệnh trời, như vậy sẽ được nhiều hạnh phúc".

5. Mọi người thường nói: "Quốc gia của thiên hạ". Theo đó mình hiểu rằng gốc của thiên hạ là quốc gia, gốc của quốc gia là gia tộc và nhà cửa, gốc của gia tộc và nhà cửa là chính bản thân mình vậy [1].

---

1. Theo hiểu biết về khoa học lúc ấy, người ta cho rằng trên có trời, dưới là nước Trung Quốc. Ở đây, Mạnh Tử giải nghĩa câu người ta gọi chung cả Trung Quốc bao gồm thiên hạ của vua thiên tử, quốc gia của vua chư hầu, gia tộc của quan và nhà cửa của dân.

6. Trị nước chẳng khó, chỉ cần đừng để các gia tộc lớn oán trách mình. Nếu những gia tộc lớn yêu quý mến mộ mình, thì cả nước đều yêu quý mến mộ mình. Cả nước yêu quý mến mộ mình thì cả thiên hạ cũng sẽ yêu quý mến mộ mình. Chừng đó, đức hạnh và giáo hóa của mình sẽ lan tỏa cuồn cuộn khắp bốn biển.

7. Khi thiên hạ thái bình, người có phẩm đức thấp hầu người có phẩm đức cao, người tài hiền nhỏ hầu người tài hiền lớn. Khi thiên hạ loạn lạc, kẻ có thế lực nhỏ hầu kẻ có thế lực lớn, kẻ yếu ớt hầu kẻ hùng mạnh. Hai tình huống ấy đều quyết định ở mệnh trời. Thuận ý trời thì tồn tại, nghịch ý trời thì diệt vong.

Vua Tề Cảnh Công liệu chẳng địch nổi nước Ngô, bèn họp các quan lại, nói: "Mình không thể ra lệnh cho người, lại chẳng chịu để người ra lệnh, như vậy đành đoạn tuyệt với người nhà cho xong". Nói xong, vua nước mắt lã chã, đem con gái gả cống cho nước Ngô.

Bây giờ vua nước nhỏ trong việc cai trị phải làm theo vua nước lớn, nhưng lại cảm thấy hổ thẹn khi phải tuân theo mệnh lệnh của vua nước lớn. Đây cũng giống như kẻ học trò lại lấy làm hổ thẹn khi phải vâng theo lời dạy bảo của thầy. Nếu đã cảm thấy hổ thẹn khi phải tuân theo mệnh lệnh của vua nước lớn, thì hãy lấy vua Văn Vương làm thầy vậy. Nếu làm theo vua Văn Vương, thì nước lớn chỉ cần năm năm, nước nhỏ chỉ cần bảy năm là đủ cho mình phổ cập điều nhân trong khắp thiên hạ.

Kinh Thi có câu: "Con cháu nhà Thương có đến cả mười vạn người. Nhưng vâng theo mệnh trời, nên họ đã

quy phục nhà Chu. Con cháu nhà Thương quy phục nhà Chu, vì họ thấy được mệnh trời đã thay đổi chuyển dịch. Những kẻ bề tôi của nhà Thương đều là những người thông minh nhạy cảm, biết đến kinh đô nhà Chu hiến rượu và lễ vật cúng tế".

Khổng Tử dạy rằng: "Đối với người có đức nhân thì kẻ đối nghịch dù có đông cũng chẳng làm gì được. Một vị vua thích đức nhân sẽ là vô địch thiên hạ".

Còn bây giờ, các vị vua đều muốn thiên hạ không ai địch nổi mình, nhưng lại chẳng hề nói đến đạo đức nhân nghĩa. Thế thì cũng như kẻ muốn cầm vật nóng mà chẳng chịu dội nước lạnh vậy.

Kinh Thi có câu: "Có ai cầm vật nóng mà lại không nhúng tay vào nước lạnh?".

8. Kẻ bất nhân có thể chịu nghe theo lời phải ư? Họ là kẻ thản nhiên khi thấy người gặp nguy hiểm, họ tìm thấy lợi ích trong tai họa của người, thậm chí họ còn thích những việc làm cho người diệt vong. Kẻ bất nhân, nếu biết nghe lẽ phải thì làm gì có chuyện mất nước bại nhà?

Ngày xưa có đứa trẻ hát rằng: "Nước sông Thương Lang trong, ta dùng mà giặt dải mũ. Nước sông Thương Lang đục, ta dùng mà rửa bàn chân". Nghe câu ấy, Khổng Tử nói với học trò: "Các trò nghe đây! Nước trong thì giặt dải mũ, nước đục thì rửa bàn chân. Đó là tùy *theo sự tốt xấu, trong đục của nước* mà dùng vậy".

Thường thì bản thân tự mình làm nhục mình trước, rồi người khác mới làm nhục mình; trong nhà tự hủy hoại nhà mình trước, rồi sau đó người khác mới hủy hoại nhà mình; trong nước tự phe này cánh nọ, người này kẻ khác đánh nhau trước, rồi nước khác mới thừa cơ đánh phạt nước mình.

Chương Thái Giáp trong sách Thượng Thư có câu: "Tai ương do trời làm ra thì mình có thể tránh được, tai ương do mình gây ra thì mình chỉ có chết". Ý của câu này minh chứng cho mấy lời ta vừa giảng vậy.

9. Vua Kiệt, vua Trụ sở dĩ mất thiên hạ là vì để mất dân chúng. Mất dân chúng là vì để mất lòng dân. Muốn được thiên hạ có đạo lý nên theo là: có được dân là có được thiên hạ. Muốn được dân có đạo lý nên theo là: được lòng dân là có dân. Muốn được lòng dân có đạo lý nên theo là: cái gì dân mong muốn thì nên cung cấp cho họ, cái gì dân chán ghét thì chớ có làm.

Dân chúng kéo nhau theo bậc nhân đức như nước từ chỗ cao chảy xuống chỗ thấp, như dã thú lao về đồng hoang vậy. Cho nên nói đàn cá phải lặn trốn xuống chỗ sâu nhất là vì con rái cá săn mồi; bầy chim sẻ phải bay về rừng là tại con diều hâu đuổi bắt; dân trăm họ theo vua Thang, vua Vũ là vì Kiệt bạo, Trụ ngược vậy.

Hiện nay, trong thiên hạ, nước nào có được một vị vua ham chuộng đức nhân thì dân chúng các nước khác sẽ lánh vua nước họ mà theo về với mình vậy. Lúc đó, dù không muốn thống nhất thiên hạ thì cũng chẳng được nữa. Nhưng ở thời buổi này, người muốn thống

nhất thiên hạ giống như một người mang bệnh đã bảy năm, phải tìm cho được ngải cứu ủ khô qua ba năm để chữa trị vậy. Thứ ngải ấy, nếu bình thường không dự trữ thì trọn đời kiếm chẳng ra. Nếu một vị vua chẳng lập chí làm điều nhân thì trọn đời âu sầu chịu nhục, rồi rơi vào cảnh chết thảm diệt vong. Kinh Thi có câu: "Làm việc gì tốt cho dân được yên lành đây? Chúng ta đành cùng nhau chết chìm mà thôi", chính là nói về thảm cảnh đó.

10. Kẻ tự mình làm hại mình là kẻ chẳng chịu nghe lời phải của ai cả. Kẻ tự vứt bỏ mình là kẻ chẳng làm được việc gì với ai cả. Nói ra lời nói trái lẽ nghĩa, đó gọi là tự làm hại mình. Tự nhận rằng mình không thể làm theo điều nhân việc nghĩa, đó gọi là tự vứt bỏ mình.

Đức nhân là chỗ yên ổn nhất của người đời. Đức nghĩa là con đường đúng đắn nhất của người đời. Nhà yên ổn không ở, đường đúng đắn không theo, thật là đáng buồn biết mấy!

11. Đạo đức vẫn ở bên mình, thế mà có người lại tìm ở xa. Việc thiện vốn rất dễ, thế mà có người lại tìm việc khó. Chỉ cần mọi người ai cũng yêu thương người thân của mình, kính trọng bề trên của mình thì tự nhiên thiên hạ sẽ được thái bình.

12. Kẻ làm quan bậc dưới mà chẳng được sự tín *nhiệm của bề trên, thì chẳng thể làm tốt được công việc.*

Muốn được sự tín nhiệm của bề trên, có đạo lý nên theo là: nếu mình không được sự tin cậy của bạn bè, mình sẽ không được tín nhiệm của bề trên.

Muốn có được sự tin cậy của bạn bè, có đạo lý nên theo là: nếu mình thờ phụng cha mẹ mà không được cha mẹ vui lòng, mình sẽ không được bạn bè tin cậy.

Muốn được cha mẹ vui lòng, có đạo lý nên theo là: nếu tự xét mình thấy rằng mình chưa thành thật, mình sẽ chẳng được cha mẹ vui lòng đó thôi.

Muốn được thành thật, có đạo lý nên theo là: nếu mình không phân biệt được việc tốt với việc xấu, tâm mình không thể khiến cho mình thành thật được.

Cho nên, đức thành thật vốn là đạo trời ban cho mình. Tự mình rèn luyện để trở nên thành thật, đó là đạo lý làm người vậy. Người thành thật bao giờ cũng làm cảm động lòng người, làm cho ai nấy đều tin phục mình. Còn người không thành thật, thì chẳng thể cảm động được ai.

13. Bá Di tránh vua Trụ, lên bờ biển phía bắc ở. Nghe tin vua Văn Vương nổi dậy, ông liền nói: "Vì sao ta không quay về? Ta nghe tin vua Tây Bá[1] có lòng phụng dưỡng người già cả".

Khương Thái Công muốn tránh mặt vua Trụ, đến bờ biển phía đông ở. Nghe tin vua Văn Vương nổi dậy, liền

---

1. Là tước bá ở miền Tây, tước hiệu của vua Văn Vương khi còn là chư hầu.

nói: "Vì sao ta không quay về? Ta nghe tin vua Tây Bá có lòng phụng dưỡng người già cả".

Hai ông ấy là bậc đại lão nhất trong thiên hạ, thế mà hai ông ấy còn về với vua Văn Vương tức là bậc cha mẹ đã theo về rồi vậy. Bậc cha mẹ đã theo về, thì bậc làm con chẳng lẽ lại bỏ đi sao?

Ngày nay trong các vua chư hầu, nếu ai đó chịu thực hiện nền chính trị như vua Văn Vương, chỉ cần trong bảy năm là có thể nắm trong tay thiên hạ.

14. Nhiễm Cầu làm tổng quản cho họ Quý. Ông ấy đã chẳng sửa đổi được tính biển lận xấu xa của họ Quý, lại còn thu thuế tăng gấp đôi so với trước. Khổng Tử nói: "Nhiễm Cầu không được tính là học trò của ta. Các trò có thể cùng nhau mà công kích Nhiễm Cầu". Qua đó có thể thấy, vua đã không thực hiện nhân chính, thế mà những kẻ làm quan còn giúp vua thu vén của cải. Những kẻ như thế đều là hạng người mà Khổng Tử từ bỏ, huống chi là hạng vua còn đem binh lực ra đánh giết cướp của người ấy ư? Một cuộc chiến xảy ra vì tranh giành đất đai, làm cho người chết đầy đồng. Một cuộc chiến xảy ra vì chiếm đoạt thành trì, làm cho người chết đầy thành. Như vậy có thể nói là vì đất đai mà ăn thịt người. Kẻ gây nên chuyện ấy, dẫu có xử chết cũng chẳng thể đền hết tội lỗi. Vì vậy, kẻ giỏi gây chiến đánh nhau nên xử tội nặng nhất; kẻ liên kết với các vua chư hầu để đánh nhau nên xử tội kém một bậc; những kẻ khai thác đất đai cho giặc, bắt dân cày ruộng trồng rau cho giặc, nên xử tội kém một bậc nữa.

15. Quan sát một con người, cốt nhất là nhìn vào con mắt. Bởi vì con mắt không hề biết giấu giếm điều xấu ác của con người. Tâm hồn quang minh chính đại thì con mắt rạng rỡ. Trong lòng bất chính thì con mắt lờ đờ. Nghe người ta nói chuyện, nhìn con mắt người ta thì người ta có muốn giấu giếm điều gì tốt xấu, cũng chẳng thể nào giấu được.

16. Người cung kính chẳng hề coi khinh ai, người tiết kiệm chẳng hề chiếm đoạt của ai. Một vị vua mà coi khinh người khác, và chiếm đoạt của người khác thì lúc nào cũng sợ người ta chống lại mình. Như vậy, làm sao được gọi là người cung kính và tiết kiệm? Muốn trở nên người cung kính và tiết kiệm, chẳng lẽ chỉ dùng giọng nói, tiếng cười và bộ mặt giả tạo sao?

17. Trong các việc cần phụng sự thì việc nào là quan trọng nhất? Việc phụng sự cha mẹ là quan trọng nhất.

Trong những việc phải giữ gìn thì việc nào là quan trọng nhất? Việc giữ gìn thân thể của mình là quan trọng nhất.

Người không hủy hoại thân thể mình một cách vô lý, mà còn biết giữ gìn thân thể mình một cách cẩn thận thì mới có thể phụng sự cha mẹ hết tình, điều này ta đã từng được nghe nói.

Kẻ chẳng biết giữ gìn, lại còn hủy hoại thân thể mình cho đến mang bệnh vướng tật, thế mà lại có thể phụng sự cha mẹ chí hiếu, điều này ta chưa từng được nghe nói bao giờ.

Trong xã hội, việc nào mà chẳng là việc cần phụng sự? Nhưng việc phụng sự cha mẹ là điều cơ bản nhất.

Trên thế gian, việc nào mà chẳng là việc phải giữ gìn? Nhưng việc giữ gìn thân thể của mình là điều cơ bản nhất.

Ngày xưa ông Tăng Tử phụng dưỡng cha mình là Tăng Tích, mỗi bữa ăn đều có rượu thịt. Khi dẹp mâm, ông thường hỏi cha rằng: "Thức ăn còn lại, nên cho ai?". Nếu cha có hỏi: "Thức ăn còn nữa không?", ông luôn luôn đáp: "Còn", vì ông muốn làm vừa lòng cha là đem thức ăn thừa mà cho láng giềng. Đến khi Tăng Tích mất, Tăng Nguyên là con của Tăng Tử phụng dưỡng Tăng Tử, mỗi bữa ăn vẫn có rượu thịt. Nhưng khi dọn dẹp mâm, Tăng Nguyên không hề hỏi: "Thức ăn còn lại nên cho ai?". Nếu Tăng Tử có hỏi: "Thức ăn còn không?" thì Tăng Nguyên trả lời: "Hết rồi", đó là vì Tăng Nguyên muốn để dành thức ăn dọn bữa sau vậy. Cách cư xử của Tăng Nguyên chỉ mới được gọi là nuôi cái miệng và thân thể của cha mình mà thôi. Còn cách cư xử của Tăng Tử mới đáng được gọi là nuôi dưỡng cái chí của cha mình vậy. Phụng dưỡng cha mẹ được như Tăng Tử, có thể nói thực là phải đạo!

18. Đối với vua, mình đừng chỉ trích điều lầm lỗi của các quan chức, mình cũng chớ nói ra sự khiếm khuyết trong việc chính trị. Bởi vì duy chỉ có bậc quan đại thần mới có thể uốn nắn sửa những điều sai của vua mà thôi.

Hễ ở trên vua ăn ở có nhân thì sẽ chẳng có ai cư xử bất nhân.

Hễ ở trên vua noi theo điều nghĩa thì sẽ chẳng có ai dám bất nghĩa.

Hễ ở trên vua giữ mình chính trực thì sẽ chẳng có ai dám bất chính.

Một khi vua đa sửa được mình chính trực, chẳng làm điều gì sai trái, thì nước nhà sẽ được yên ổn.

19. Ở đời, có kẻ làm chẳng nên việc mà lại được khen ngợi, còn người đáng được khen thì lại bị chê bai quá khắt khe.

Người ta hay nói tùy tiện, nói càn vì chẳng ai sửa trách họ.

Mối hại lớn của con người là ở chỗ thích làm thầy người khác.

20. Bất hiếu có ba điều[1], trong đó không có người nối dõi là điều bất hiếu lớn nhất. Ông Thuấn không thưa trước với cha mẹ mà đã lấy vợ[2]. Ông làm vậy là vì sợ không có con cháu nối dõi. Người quân tử cho rằng ở

---

1. Theo Kinh Lễ, người mang tiếng bất hiếu phạm một trong ba điều. Một là làm điều bất nghĩa, cha mẹ bị nhục nhã. Hai là không chịu nâng cao tài lực của mình, quá kém cỏi, quá đau yếu, nghèo hèn, không nuôi nổi cha mẹ khi già yếu. Ba là không lấy vợ, không có con nối dõi.

2. Thường tình lấy vợ mà không xin phép cha mẹ là thất lễ. Nhưng ở hoàn cảnh ông Thuấn, cha thì đần độn, mẹ ghẻ thì độc ác, nếu báo cáo xin phép cha mẹ thì sợ có trở ngại, mà không lấy vợ là không có người nối dõi. Vì vậy ông Thuấn lấy vợ không thưa với cha mẹ mà chẳng có ai trách móc.

hoàn cảnh của ông Thuấn, cho dù chẳng thưa trước thì cũng như là thưa trước mà thôi.

21. Chỗ đích thật của *nhân* là phụng thờ cha mẹ. Chỗ đích thật của *nghĩa* là kính trọng anh chị. Chỗ đích thật của *trí* là hiểu rõ việc phụng thờ cha mẹ, kính trọng anh chị và không bỏ bê hai việc ấy. Chỗ đích thật của *lễ* là khéo sắp đặt tô điểm hai việc ấy. Chỗ đích thật của *nhạc* là vui hòa làm hai việc ấy. Mình đã vui hòa thì việc phụng thờ cha mẹ, kính trọng anh chị sẽ nảy nở niềm vui mừng. Niềm vui đã nảy nở ra là không ngưng dứt được. Hai việc phụng thờ cha mẹ và kính trọng anh chị không ngưng dứt nơi mình, tự nhiên mình hào hứng, khua tay giơ chân, múa rối rít mà mình không để ý là vậy.

22. Dân chúng trong thiên hạ hết thảy đều vui mừng mà kéo nhau đến quy thuận mình. Xem việc thiên hạ vui mừng mà kéo nhau đến quy thuận mình là chuyện nhỏ, chỉ có vua Thuấn mới làm được như vậy mà thôi[1]. Đối với vua Thuấn, dẫu được lòng thiên hạ mà không được lòng cha mẹ thì chẳng thể làm người, không thuận lòng cha mẹ thì chẳng đáng làm con. Vì vậy, vua Thuấn tận tâm tận lực thờ cha mẹ, khiến cha là Cổ Tẩu cảm hóa mà vui mừng. Ông Cổ Tẩu vui mừng khiến mọi người trong thiên hạ được cảm hóa theo. Ông Cổ Tẩu đã vui với con, thì trong thiên hạ nhất định những bậc làm cha và những kẻ làm con cũng theo đó mà vui vẻ cư xử

1. Vì chí của vua Thuấn là mong được lòng cha mẹ.

tròn phận sự của mình. Bởi thế mà người ta khen vua Thuấn là bậc đại hiếu.

II - MẠNH TỬ VỚI THUẦN VU KHÔN

Thuần Vu Khôn là nhà biện thuyết nước Tề hỏi Mạnh Tử:

- Nam nữ thụ thụ bất thân tức là hai bên trai gái không được tự tay trao đồ cho nhau, điều này là lễ phải không?

Mạnh Tử nói:

- Đó là lễ vậy.

- Nếu chị dâu bị té xuống sông sắp chết chìm, mình có nên đưa tay kéo chị dâu lên không?

- Chị dâu té xuống sông sắp chết chìm mà không đưa tay kéo chị dâu lên, người như thế là đồ lang sói. Hai bên trai gái không tự tay trao đồ cho nhau, đây là hợp với lễ. Còn chị dâu té xuống sông mà mình đưa tay ra cứu, đó là phép quyền biến vậy.

- Giờ thiên hạ đương sắp chìm đắm hết rồi, thế mà ngài chẳng chịu đưa tay mà kéo họ lên, vì sao lại như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Người trong thiên hạ chìm đắm, phải dùng đạo lý để cứu mới được. Chị dâu rơi xuống sông có thể dùng tay kéo lên, không lẽ bây giờ ông muốn tôi đưa tay không ra cứu thiên hạ sao?

III - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU

Công Tôn Sửu là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Người quân tử không tự dạy con mình là vì sao?

Mạnh Tử nói:

- Đây là vì tình thế chẳng tiện cho người quân tử làm như vậy. Dạy con thì phải dạy điều chính trực. Dạy điều chính trực mà con chẳng chịu làm theo, tránh sao khỏi tức giận. Đã tức giận là tổn thương đến tình cảm cha con. Con có thể nói: "Cha dạy con toàn là những điều chính trực, nhưng cha có ra đời thi hành những điều chính trực ấy đâu?". Như vậy giữa hai cha con sinh ra xích mích. Cha con xích mích là chẳng phải đạo. Thời trước, các vị quân tử đổi con cho nhau mà dạy. Nhờ cách này mà giữa cha và con không còn tra hỏi, quở trách nhau về việc thiện nữa.

Cha con tra hỏi, quở trách nhau về việc thiện mà xích mích nhau, sẽ xa lánh nhau. Cha con xa lánh nhau, đó là việc chẳng tốt lành[1].

IV - MẠNH TỬ VỚI NHẠC CHÍNH TỬ

Nhạc Chính Tử đi cùng Tử Ngao đến nước Tề, có đến thăm thầy của mình là Mạnh Tử.

---

1. Mạnh Tử dạy mấy lời ấy là cho người quân tử bậc trung. Còn bậc thượng trí như Khổng Tử thuở trước cũng tự dạy con mình là Bá Ngư.

Mạnh Tử hỏi:

- Trò cũng đến thăm thầy ư?

Nhạc Chính Tử giật mình:

- Thầy sao lại nói như vậy?

- Ngươi đến đây đã được mấy ngày rồi?

- Đã một vài ngày rồi ạ.

- Ngươi đến đây đã một vài ngày, ta nói như vậy chẳng lẽ không phải hay sao?

- Vì con chưa tìm được nơi ở.

- Ngươi đã từng nghe nói, có ai cần phải tìm được nơi ở rồi mới đến thăm thầy của mình chưa?

- Con thật là có lỗi vậy.

Mạnh Tử còn trách tiếp:

- Ngươi đi cùng Tử Ngao tới đây, chẳng qua chỉ là vì ăn uống chứ gì? Ta chẳng ngờ rằng ngươi học đạo cổ nhân mà lại lấy việc ăn uống làm trọng.

Chương 8

LY LÂU CHƯƠNG CÚ HẠ

I - LỜI MẠNH TỬ

1. Vua Thuấn sinh ở đất Chư Phùng, sau dời đến đất Phụ Hạ, chết ở Minh Điều, là người Di thuộc dân tộc thiểu số phía đông.

Vua Văn Vương sinh ở đất Kỳ Chu, chết ở đất Tất Dĩnh, là người Di thuộc dân tộc thiểu số ở phía tây.

Theo địa lý, hai người ở cách xa nhau trên nghìn dặm. Theo thời đại, hai người cách xa trên nghìn năm. Nhưng khi đạt được chí để thực hành đạo lý, hai người lại rất hợp với nhau như hai mảnh ở một phù tiết[1] vậy. Phép trị nước của vị thánh đời trước và vị thánh đời sau vẫn là một vậy.

2. Khi Tử Sản cầm quyền hành chính ở nước Trịnh, ông thường cho người đem xe của mình chở dân chúng qua lại trên sông Trăn và sông Vĩ.

Nhân việc này, Mạnh Tử có lời bàn rằng:

- Đây chỉ là ân huệ nhỏ mà thôi. Làm như vậy chứng tỏ Tử Sản chưa biết quản lý công việc hành chính. Đúng ra là vào tháng mười một hằng năm, khi việc ruộng nương nhộn nhịp, thì nhà cầm quyền nên sửa cho xong các cầu nhỏ qua sông để tiện cho dân chúng qua lại thu hoạch vụ mùa. Đến tháng chạp, khi việc thu hoạch đã xong, nhà cầm quyền cho sửa tiếp các cầu lớn qua sông, để giúp cho xe qua lại. Có như vậy, dân chúng mới tránh được nỗi vất vả khi mang xách gồng gánh mà lội qua sông.

---

1. Vật làm tin thời cổ đại. Đa số làm bằng ngọc, cũng có thể làm bằng tre, đồng, sừng. Nói chung có hai phần ghép lại, mỗi bên giữ một phần. Hợp lại mà khớp nhau thì không nghi ngờ gì, đúng là vật làm tin.

Người quân tử trị nước phải có ban phát ân huệ khắp dân chúng; khi đi ra ngoài phải giữ phép tắc để dân chúng tránh đường nhường bước cho xe của mình. Cần gì lấy xe nhà mình chở từng người một qua sông. Người nắm quyền trị nước nếu cứ làm ân huệ riêng cho từng người để họ vui lòng, thì chẳng thể nào có đủ thì giờ vậy.

3. Nếu nhà vua tùy tiện ra lệnh giết kẻ sĩ vô tội, thì quan đại phu nên bỏ đi. Nếu nhà vua tùy tiện ra lệnh giết dân thường vô tội, thì kẻ sĩ nên liệu bề di chuyển.

4. Hễ vua trên ăn ở có nhân, thì chẳng có ai dám cư xử bất nhân. Hễ vua trên noi theo điều nghĩa, thì chẳng có ai dám làm điều bất nghĩa.

5. Nhưng việc lễ mà không hợp lễ, nghĩa mà không hợp nghĩa, thì bậc đại nhân không làm (người quân tử luôn giữ chính đạo, không vì danh và lợi mà làm việc trái lễ, nghĩa).

6. Người trung dạy kẻ bất trung, người tài dạy kẻ bất tài. Vì vậy, người ta lấy làm sung sướng có cha anh là bậc hiền tài.

Nếu người trung bỏ kẻ bất trung, người tài bỏ kẻ bất tài thì người hiền tài và kẻ bất tài cũng chẳng khác nhau là mấy: họ chỉ cách nhau trong gang tấc mà thôi.

7. Người ta trước hết phải phân định được những việc không nên làm, sau đó mới cần biết tới những việc mà mình cần phải làm.

8. Kẻ mà cứ nói việc không tốt của người, có nghĩ rằng rồi đây mình làm sao mà tránh khỏi sự tai hại?

9. Khổng Tử không bao giờ làm những việc thái quá (trọn đời dù trong hoàn cảnh nào cũng vậy, Khổng Tử thường tránh những việc vượt quá phận sự).

10. Người có đức hạnh, khi nói không nhất thiết phải thật quá, khi làm không nhất thiết phải quả quyết, chỉ tùy theo cảnh ngộ mà nói và làm cho hợp với nghĩa là được.

11. Người có đức hạnh không để mất đi tâm tính thuần khiết như trẻ sơ sinh (theo Mạnh Tử, người ta sinh ra tâm tính vốn thiện, đến khi lớn thì vì danh lợi mà tâm tính thay đổi. Người quân tử chẳng nên để mất đi cái tâm tính vốn thiện có từ khi sinh ra ấy).

12. Việc phụng dưỡng cha mẹ chưa được xem là việc lớn. Việc chôn cất khi cha mẹ qua đời mới là việc lớn của người con hiếu thảo[1].

---

1. Nhiều người hiểu lầm lời dạy của Mạnh Tử, nên khi cha mẹ mất thì làm đám tang thật lớn. Thực ra, ý của Mạnh Tử là khi cha mẹ mất, cần phải lo việc tang sao cho thành kính, thể hiện được nỗi niềm thương xót, vì đây là phần việc cuối cùng mà người con lo cho cha mẹ mình. Ý nghĩa của "việc lớn" là ở chỗ ấy.

13. Người quân tử nhờ tu học đạo lý mà trí đức ngày một thêm cao sâu và muốn tu học mãi cho đến khi tự mình đạt được đạo mới thôi. Hễ tự mình đạt được đạo thì người quân tử giữ gìn nó một cách yên ổn. Mà đã giữ được đạo lý yên ổn thì nhất định kho tàng đạo lý được sâu rộng. Kho tàng đạo lý đã được sâu rộng rồi thì bất kể dùng bên này hay bên kia, người quân tử vẫn ở nơi nguồn gốc của đạo lý. Bởi thế nên người quân tử muốn tu học mãi cho đến khi tự mình đạt được đạo là vậy.

14. Người có học vấn cao rộng mà có thể giãi bày một cách rõ ràng kiến thức của mình, thì kế đó người ấy có thể tóm tắt giản lược mà giảng cho mọi người hiểu rõ.

15. Chỉ đơn giản dựa vào việc thiện để buộc người phục vụ mình thì chưa đủ để làm cho người thực sự phục mà theo mình. Phải lấy việc thiện mà giáo dục cảm hóa người, mới khiến cho người trong thiên hạ chịu quy phục mình. Nếu thiên hạ chẳng có lòng tín phục mà có thể xưng vương được, việc ấy từ trước tới nay chưa có bao giờ.

16. Lời nói của quan đại phu không thật thì rất có hại, nhưng cái hại lớn nhất là dùng lời nói để che lấp người hiền tài.

17. Người và cầm thú khác nhau không mấy xa, đó là người có nhân nghĩa. Người bình thường thì vứt bỏ nó, người quân tử thì biết bảo tồn nó. Vua Thuấn sắp

đặt mọi việc một cách rành mạch, thi hành luân lý làm người một cách tinh tường. Đó là vua Thuấn biết noi theo đường lối nhân nghĩa mà làm, chẳng hề bỏ việc thi hành nhân nghĩa.

18. Vua Vũ nhà Hạ chán ghét rượu ngon[1], thích nghe lời nói phải. Vua Thang nhà Ân giải quyết công việc thường giữ mực trung tức là không để thái quá hay bất cập, sử dụng người hiền tài không câu nệ quy định[2]. Vua Văn Vương nhà Chu thì xem dân như người bị thương để vỗ về an ủi, luôn ngưỡng vọng đạo lý và hâm mộ lẽ phải. Vua Vũ Vương con vua Văn Vương thì chẳng khinh rẻ cận thần, cũng không quên thần dân ở xa bốn phương.

Ông Chu Công là em vua Vũ Vương thì học hết điều hay của thánh vương ba đời Hạ, Thương, Chu, để thực hiện theo sự nghiệp của bốn vị thánh là vua Vũ, vua Thang, vua Văn Vương và vua Vũ Vương. Nếu có điều gì chưa phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, ông trầm ngâm suy nghĩ. Ban ngày chưa nghĩ ra, ông lại thức đêm mà truy cứu, nghĩ ra được rồi thì ông ngồi chờ cho tới sáng đợi đem ra thi hành.

---

1. Thời ấy có Nghi Địch nấu rượu rất nổi tiếng. Nghi Địch dâng rượu lên, vua Vũ nếm thử thấy rất ngon, liền nói: "Đời sau thế nào cũng có vị vua vì rượu mà mất nước". Từ đó vua Vũ xa lánh Nghi Địch và bỏ rượu.

2. Chỉ cần thực sự có tài đức, không cần biết ở địa phương nào, làm nghề gì.

19. Sự tích công lao của thánh vương bị lãng quên hết rồi, nên Kinh Thi cũng có nguy cơ bị mất theo. Khổng Tử bèn lược bớt Kinh Thi để giúp việc khuyên lành dữ, rồi soạn ra Kinh Xuân Thu. Cùng một bộ sách này, nước Tấn gọi là Thặng (là cỗ xe luân chuyển vì ghi những mẩu chuyện từ đời này sang đời khác), nước Sở gọi là Đào Ngột (vì ghi chép những chuyện bạo tàn của các vua), nước Lỗ gọi là Xuân Thu (vì ghi chép những việc xảy ra trong mùa xuân và mùa thu). Về việc, bộ sách chép những việc của các vua làm nên nghiệp bá là vua Tề Hoàn Công và vua Tấn Văn Công. Về văn, bộ sách dùng thể văn của các nhà chép sử. Về ý nghĩa, Khổng Tử nói: "Trong Kinh Xuân Thu của ta, cũng lấy những chuyện tích trong ấy, nhưng có sửa chữa và thêm bớt".

20. Ân huệ của nhà cầm quyền có ảnh hưởng đến năm đời mới dứt. Ân huệ của nhà đạo đức không cầm quyền cũng ảnh hưởng đến năm đời mới dứt. Ta không được là học trò của Khổng Tử, nhưng ta được hưởng ân huệ là tiếp thu nền giáo dục của thầy do những vị ngưỡng mộ Khổng Tử truyền lại cho (Mạnh Tử cách Khổng Tử có bốn đời).

21. Khi có người cho vật gì, mình có thể lấy mà có thể không lấy, nếu làm tổn hại đến đức liêm thì không lấy. Khi có người xin vật gì, mình có thể cho mà có thể không cho, nếu làm tổn hại đến đức huệ thì không cho. Khi gặp biến, mình có thể chết mà có thể không chết,

nếu chết để ảnh hưởng đến đức dũng và uy danh thì không chết.

22. Nàng Tây Thi[1] dẫu vốn đẹp đẽ nhưng thân thể dính đầy dơ bẩn thì mọi người đi qua ai cũng bịt mũi. Có người tuy xấu, nhưng biết trai giới làm sạch lòng mình, tắm gội sạch sẽ thì vẫn có thể đứng ra cúng trời được.

23. Người trong thiên hạ bàn về tính chất của vạn vật là để hiểu rõ nguyên cớ sinh ra của chúng. Tìm được nguyên cớ sinh ra sự vật là để thuận theo cái lý tự nhiên của sự vật.

Người ta chán ghét loại kẻ trí hẹp hòi là vì kẻ trí ấy hay xen vào để phụ họa. Nếu kẻ trí được thực tế như vua Vũ trị thủy thì chẳng ai chán ghét cái trí của họ. Vua Vũ trị thủy ở chỗ làm cho nước chảy thuận theo thế nước, thuận theo lẽ tự nhiên, cho nên mọi việc rất thành công. Nếu kẻ trí biết thuận theo lẽ tự nhiên, như vậy cái trí của kẻ ấy mới đáng gọi là rộng lớn, sẽ chẳng việc gì khó nhọc mà vẫn thành công.

Trời cao vời vợi, tinh tú xa lắc xa lơ. Nếu chúng ta biết tìm tòi sự vận hành tự nhiên của tinh tú, thì ngày

---

1. Gái quốc sắc thiên hương thời Xuân Thu. Việt Vương Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai bức hiếp phải cầu hòa, dâng mỹ nữ là Tây Thi cho Ngô Phù Sai. Ngô Phù Sai vì mê Tây Thi mà bỏ bê triều chính. Việt Vương Câu Tiễn thừa dịp đánh nước Ngô, giết được Phù Sai. Tây Thi lại theo tướng Việt là Phạm Lãi đi ngao du Ngũ Hồ. Nhân việc này, hậu thế chê Tây Thi là dơ bẩn.

Đông chí của nghìn năm sau, ngồi ở trong nhà cũng có thể tính ra.

24. Người quân tử khác với người thường ở chỗ biết giữ lòng mình mà thôi (giữ cái tâm tính vốn thiện để không nhiễm thói đời). Người quân tử biết lấy nhân và lễ để giữ lòng mình. Nhân tức là yêu thương người, còn lễ tức là kính trọng người. Mình yêu thương người, thường được người yêu thương lại. Mình kính trọng người, thường được người kính trọng lại.

Giả dụ ở đây có một người đối xử với mình một cách ngang nghịch. Mình là người quân tử, nên tự hỏi: "Chắc là mình còn có chỗ bất nhân và chỗ vô lễ. Nếu không làm sao họ dám cư xử đến vậy?". Tự hỏi rồi, thấy mình vẫn là người có nhân và đã làm đúng lễ, thế nhưng người đó vẫn đối xử ngang nghịch với mình. Mình là người quân tử, lại tự hỏi mình một lần nữa: "Chắc là mình có chỗ bất trung?". Tự trả lời, thấy mình vẫn trung thành, thế mà người đó vẫn đối xử ngang nghịch. Lúc đó, người quân tử có thể nói: "Ngươi chỉ là kẻ ngông cuồng, làm bậy mà thôi. Ngươi làm như thế có khác gì cầm thú?". Kẻ mà đã như cầm thú thì mình còn trách làm gì?

Cho nên người quân tử trọn đời có nỗi lo, nhưng chẳng có lúc nào phải có điều sợ cả.

Nếu như cần phải lo thì nên lo như thế này: "Vua Thuấn là người, còn mình cũng là người. Thế mà vua Thuấn làm gương cho thiên hạ, tên tuổi truyền đời sau. Còn mình, có hơn gì một kẻ quê mùa bình thường". Điều

này mới thật đáng lo. Đã lo rồi thì phải làm gì? Phải học theo vua Thuấn vậy thôi. Được như vậy, nỗi lo của người quân tử sẽ tiêu tan hết.

Còn như với điều lo sợ, người quân tử chẳng hề sợ. Việc bất nhân mình không làm, việc trái lễ mình chẳng động. Một mai, nếu như có xảy ra tai họa hoặc hoạn nạn, người quân tử chẳng vì vậy mà lo sợ.

25. Dưới thời vua Thuấn, trong lúc nước nhà yên ổn, ông Vũ là quan đại thần lo việc trị thủy, ông Tắc là quan đại thần lo việc canh nông. Hai ông mải lo việc nước nên đã ba lần đi qua nhà mà vẫn không vào. Khổng Tử hết sức khen ngợi họ là những bậc hiền tài.

Còn Nhan Uyên là học trò của Khổng Tử lại sống trong thời loạn, phải ở ẩn trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Người ta thường chẳng ai chịu nổi nỗi buồn đó. Thế mà Nhan Uyên vẫn lạc quan. Khổng Tử khen Nhan Uyên là một người hiền.

Ông Vũ, ông Tắc và ông Nhan Uyên đều có chung một đạo lý[1]. Ông Vũ thì nghĩ đến người trong thiên hạ bị nước lũ cuốn trôi, như tại mình làm cho họ bị nước cuốn trôi. Ông Tắc thì nghĩ đến người trong thiên hạ bị đói, như tại mình làm cho họ bị đói. Cho nên, hai ông coi việc cứu giúp trăm họ là việc cấp bách nhất. Nếu ông Vũ, ông Tắc và ông Nhan Uyên đổi địa vị cho nhau, thì ông này cũng làm như ông kia mà thôi.

---

1. Ba ông đều chung đạo lý: Lúc thái bình thì ra làm quan, lúc *loạn lạc thì về ở ẩn.*

Giả dụ như hiện nay, những kẻ ở chung một nhà với mình đánh nhau. Mình vội xõa tóc, buộc mũ đứng ra can ngăn họ, như thế vẫn có thể coi là được. Nhưng nếu kẻ hàng xóm đánh nhau, mà mình vội xõa tóc đội mũ chạy đến can ngăn họ, sẽ bị coi là hồ đồ, thà mình đóng cửa ở nhà còn hơn[1].

Cũng như vậy, ông Vũ và ông Tắc ở thời bình ra làm quan, mà đã làm quan thì phải lo việc người; còn ông Nhan Uyên ở thời loạn thì về ở ẩn, đã ở ẩn thì tránh lo việc người.

II - MẠNH TỬ VỚI TỀ TUYÊN VƯƠNG

Mạnh Tử thưa với vua Tề Tuyên Vương:

- Vua mà xem bề tôi như tay chân, thì nhất định bề tôi xem vua như bụng dạ của mình. Vua mà xem bề tôi như chó ngựa, thì nhất định bề tôi sẽ xem vua như người dưng. Vua mà xem bề tôi như bùn rác, thì nhất định bề tôi sẽ xem vua như giặc thù.

Vua Tề Tuyên Vương nói:

- Chiếu theo lễ thì khi vua cũ qua đời, bề tôi đã rời khỏi chức vị dù có ở nước khác cũng phải để tang. Nhưng vị vua ấy đã đối đãi thế nào để cho họ chịu để tang?

---

1. Người Trung Quốc xưa có tục lệ khi đội mũ phải tết tóc, không được xõa tóc đội mũ. Trường hợp khẩn cấp có thể phá lệ, nhưng chỉ được ở phạm vi trong nhà. Hễ ra khỏi nhà, nhất thiết phải tết tóc rồi mới đội mũ. Nếu không tết tóc, bị cho là vô lễ.

Mạnh Tử thưa:

- Bề tôi khuyên can thì vua làm theo. Bề tôi kiến nghị thì vua nghe theo. Nhờ vậy mà ân huệ của vua tưới khắp trăm họ. Bề tôi vì một lý do nào đó mà phải ra đi, vua cử người tiễn bề tôi ra khỏi biên cảnh. Hơn nữa, vua còn có lời gửi gắm với vua nước mà bề tôi sắp đến, nhờ sắp xếp công việc cho bề tôi. Bề tôi rời khỏi ba năm mà không quay lại, lúc đó vua mới thu hồi nhà cửa điền sản của bề tôi. Đây gọi là vua làm đủ ba việc đúng lễ với bề tôi. Làm được như vậy, bề tôi sẽ phải chịu tang.

Còn bây giờ, bề tôi khuyên can thì vua chẳng làm theo, bề tôi kiến nghị thì vua chẳng nghe theo. Vì vậy mà ân huệ của vua tưới không khắp trăm họ. Vì lý do nào đó mà bề tôi phải ra đi, vua còn bắt họ trói lại. Hơn nữa, nếu bề tôi có thoát thân đến được nước khác, vua còn có lời với vua nước ấy làm cho càng cùng khốn hơn. Bề tôi vừa rời khỏi một ngày, vua đã thu ngay điền sản. Đây xem như vua có cử chỉ của giặc thù. Vua đã cư xử như vậy, vì sao bề tôi phải chịu tang?

III - MẠNH TỬ VỚI TỪ TỊCH

Từ Tịch là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Thuở xưa, Khổng Tử rất nhiều lần khen rằng: "Nước a! Nước a!". Nước có gì hay mà Khổng Tử khen ngợi như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Nước trên nguồn cuồn cuộn chảy xuống, ngày đêm *không nghỉ, chảy tràn đầy nơi thấp xong rồi lại tiếp tục*

chảy về phía trước, đến tận biển mới thôi. Nước có nguồn nên mới được như vậy. Khổng Tử khen nước là nhờ nước có đặc điểm này. Nếu nước không có nguồn, như giữa tháng bảy tháng tám tuy có mưa nhiều, khe mương đều đầy nước, nhưng mưa vừa dứt thì chỉ một lúc sau là cạn hết đó thôi. Cho nên thanh danh, danh vọng, danh tiếng, nếu vượt quá thực tài, người quân tử lấy làm nhục nhã lắm đấy.

Người có thực tài đức, có công với đời thì danh tiếng lưu truyền như nước có nguồn chảy mãi. Kẻ hư danh quá với thực tài thì như nước không nguồn chóng cạn vậy.

IV - MẠNH TỬ VỚI CÔNG MINH NGHI

Bàng Mông theo học phép bắn cung ở Nghệ là người bắn giỏi nhất thiên hạ. Học hết bí quyết của thầy, liền nghĩ rằng: "Trong thiên hạ chỉ có Nghệ là người giỏi hơn ta", vì vậy Bàng Mông bèn giết Nghệ.

Mạnh Tử nói:

- Trong việc này, Nghệ cũng có tội đó.

Công Minh Nghi nói:

- Theo tôi, dường như Nghệ không có tội.

Mạnh Tử nói:

- So với Bàng Mông, tội của Nghệ nhẹ hơn, vô tội sao được? (Bàng Mông giết thầy phản đạo thì tội nặng. Nghệ chẳng biết chọn người trung mà truyền phép thì tội nhẹ hơn, chẳng thể vô tội được).

Để rõ hơn, Mạnh Tử bèn kể rằng:

- Vua nước Trịnh cử võ tướng là Tử Trạc đánh nước Vệ. Nước Vệ cử võ tướng là Dữu Công Chi Tư truy đuổi Tử Trạc. Tử Trạc nói với người đánh xe: "Hôm nay ta bị mệt, không cầm cung được, chắc phải chết". Nói xong, Tử Trạc hỏi người đánh xe: "Ai đuổi ta đó?". Người đánh xe trả lời: "Đó là Dữu Công Chi Tư". Nghe vậy, Tử Trạc liền nói: "Thế là ta sống rồi". Người đánh xe ngạc nhiên hỏi: "Dữu Công Chi Tư là một thiện xạ, thế mà ngài nói sống được là vì sao?". Tử Trạc nói: "Dữu Công Chi Tư học bắn ở Doãn Công Chi Tha, còn Doãn Công Chi Tha là học trò của ta. Đây là người rất đoan chính, nên người ông ta chọn dạy đều là những người rất đoan chính, đúng mực, có tình có nghĩa". Vừa lúc đó, Dữu Công Chi Tư đuổi tới, hỏi Tử Trạc: "Vì sao ngài không cầm cung?". Tử Trạc trả lời: "Hôm nay ta mệt, không cầm cung được". Dữu Cung Chi Tư liền nói: "Kẻ tiểu nhân này học bắn cung ở thầy Doãn Công Chi Tha. Còn thầy Doãn Công Chi Tha lại học bắn ở ngài. Kẻ tiểu nhân này không nỡ nhẫn tâm đem kỹ thuật của ngài trở lại hại ngài. Nhưng việc hôm nay là việc vua giao, kẻ tiểu nhân này không dám bê trễ". Dữu Công Chi Tư liền rút tên ra, đập vào bánh xe cho mất mũi nhọn, bắn bốn phát rồi quay về.

V - MẠNH TỬ VỚI VƯƠNG HOAN

Con Công Hành Tử chết. Quan hữu sư[1] là Vương Hoan đến phúng điếu. Vương Hoan vừa vào cửa, đã có

1. Một chức khanh đời nhà Chu, cánh tay phải của vua.

người đón và chào hỏi ông ta, tiếp đó lại có người đến sát chỗ ngồi của ông ta, chào hỏi và nói chuyện. Riêng Mạnh Tử thì lại chẳng hề tiếp chuyện ông ta. Vương Hoan cảm thấy khó chịu, vẻ không bằng lòng trách rằng:

- Mọi người đều hỏi chuyện ta. Chỉ có Mạnh Tử là chẳng thèm nói chuyện với ta. Như vậy là quá coi thường ta đó.

Mạnh Tử nghe được liền nói:

- Theo lễ đã quy định, ở triều đình không được bỏ chỗ của mình mà đi nói chuyện với người khác, cũng không được vượt cấp bậc mình mà đến vái chào người có cấp bậc khác. Ta muốn làm theo lễ, nhưng Tử Ngao (Vương Hoan) lại bảo là ta coi thường Tử Ngao. Như vậy chẳng lạ lắm sao?

VI - MẠNH TỬ VỚI CÔNG ĐÔ TỬ

Công Đô Tử là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Người cả nước Tề đều nói là Khuông Chương bất hiếu, thế mà thầy lại giao du với Khuông Chương, hơn nữa còn lấy lễ đãi Khuông Chương. Như vậy là vì sao?

Mạnh Tử nói:

- Theo tập tục ở đời mà nói, thì bất hiếu có năm điều[1]:

---

1. Trong Kinh Lễ thì bất hiếu chỉ có ba điều (xem chú thích ở phần trước, trang 670).

Tay chân chẳng chịu cử động mà làm bất cứ việc gì để chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi già yếu, đó là điều bất hiếu thứ nhất.

Ham mê cờ bạc rượu chè mà quên mất việc chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ khi già yếu, đó là điều bất hiếu thứ hai.

Chạy theo của cải, chỉ biết lo cho vợ con mà quên mất việc chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, đó là điều bất hiếu thứ ba.

Thích đàn hát, hám sắc đẹp mà làm những việc để cha mẹ bị nhục nhã, đó là điều bất hiếu thứ tư.

Thích đánh nhau và tranh đấu bạo tợn mà khiến cha mẹ bị tổn thất nguy hại, đó là điều bất hiếu thứ năm.

Trong năm điều ấy, Khuông Chương đâu có phạm vào điều nào?

Này nhé, hai cha con Khuông Chương xảy ra xích mích, xa lánh nhau là vì hay bàn cãi điều hơn lẽ thiệt. Giữa bạn bè với nhau, bàn cãi điều hay lẽ thiệt là hợp đạo lý. Còn giữa cha con với nhau, phân lời phải trái thì dễ hại đến tình cảm. Cũng phải thấy là Khuông Chương chẳng lẽ không muốn có tình nghĩa với vợ mình và con mình ư? Nhưng chỉ vì nghĩ mình chót mắc tội với cha, chẳng được hầu cận bên cha, nên Khuông Chương đã đuổi vợ bỏ con, suốt đời chẳng để cho vợ con nuôi dưỡng. Trong lòng Khuông Chương nghĩ rằng, nếu không làm như vậy thì tội của mình sẽ lại nặng hơn. Đây chẳng qua là vì hoàn cảnh bắt buộc Khuông Chương đó thôi.

VII - MẠNH TỬ VỚI TRỪ TỬ

Trừ Tử là một viên quan nước Tề nói nhỏ với Mạnh Tử:

- Vua nước Tề đang sai người rình ông, xem ông có cái gì khác với người không?

Mạnh Tử nói:

- Ta khác người ở chỗ nào? Vua Nghiêu và vua Thuấn cũng như mọi người, đều có lỗ tai cả đấy thôi.

VIII - MẠNH TỬ ĐÁNH GIÁ TĂNG TỬ VÀ TỬ TƯ

Khi Khổng Tử mất, Tăng Tử trở về quê ở Vũ Thành mà dạy học. Một lần, quân nước Việt cử binh xâm phạm. Có người báo với Tăng Tử: "Giặc đến rồi, sao thầy không chạy đi?". Tăng Tử liền dặn người giữ nhà: "Đừng để cho ai vào trong nhà ta, kẻo họ phá cây cối trong vườn của ta mất", nói xong đi trốn giặc ngay. Khi nghe tin giặc chuẩn bị rút, Tăng Tử nhắn tin về bảo người giữ nhà: "Hãy quét dọn cho sạch sẽ buồng phòng, tường vách cho ta, ta sắp về rồi". Giặc rút hết, Tăng Tử về nhà ngay. Mọi người xung quanh đều nói: "Ai cũng đối xử với thầy Tăng Tử hết sức trung thành và kính cẩn. Thế mà giặc vừa đến thì thầy đã bỏ đi, làm gương xấu cho dân chúng. Giặc vừa rút thì thầy đã quay về. Cử chỉ này không hợp lễ chút nào". Thẩm Du Hành là một học trò của Tăng Tử nghe được, liền nói: "Điều này các anh chẳng thể hiểu được. Trước đây, nhà tôi từng bị giặc cỏ

quấy nhiễu, thầy giáo tôi và bảy tám chục học trò đều phải trốn hết, không có một ai ở lại chống cự cả".

Trái lại, khi Tử Tư cũng là học trò của thầy Tăng Tử ở nước Vệ một lần quân Tề đến xâm chiếm, có người hỏi: "Giặc đến rồi, sao ông không chạy đi?". Tử Tư trả lời: "Nếu ta bỏ chạy, còn ai giúp vua mà giữ thành".

Ông Tăng Tử và ông Tử Tư xử thế như vậy đều hợp đạo lý cả, tức là hai ông xử thế đều đúng với địa vị của mình. Ông Tăng Tử làm thầy, là ở hàng cha mẹ nên không xen vào việc chính trị. Ông Tử Tư làm quan, là bề tôi ăn lộc vua nên phải phò vua giúp nước. Nếu ông Tăng Tử và ông Tử Tư đổi địa vị cho nhau thì người này cũng làm như người kia mà thôi.

IX - MỘT TRUYỆN NGẮN CỦA MẠNH TỬ

Có một người nước Tề có vợ cả và vợ lẽ đều sống chung một nhà. Người chồng thường đi ra ngoài, lúc nào cũng thấy cơm no rượu say, mặt mày đỏ tía rồi mới trở về nhà. Người vợ cả hỏi chồng thường xuyên ăn uống với những ai thì anh ta đều trả lời là ăn uống với người giàu có.

Một hôm, người vợ cả nói với người vợ lẽ: "Chồng chúng ta đi ra ngoài, hôm nào cũng cơm no rượu say, mặt mày đỏ tía, hỏi ăn uống với ai thì bảo ăn uống với kẻ giàu có, nhưng bình thường thì chẳng có người khách giàu có nào đến chơi. Chị sẽ đi rình xem, hư thực thế *nào?*".

Ngày hôm sau, người vợ cả dậy sớm, lặng lẽ theo gót chồng, thấy anh ta đi khắp trong kinh thành mà chẳng dừng lại nói chuyện với ai. Sau cùng, người vợ cả thấy anh ta ra ngoại ô phía đông, rẽ vào một nghĩa trang, xin những người tảo mộ cơm rượu thịt thừa để ăn, mộ này chưa đủ no lại mò sang mộ khác. Lúc này người vợ cả mới biết con đường kiếm ăn của chồng mình là như vậy. Người vợ cả trở về kể hết cho người vợ lẽ biết, rồi than khóc rằng: "Ôi! Chồng là người mà chúng ta hy vọng, nhờ cậy suốt đời, bây giờ mới biết lại là con người như thế này". Kể lể một lúc lâu, hai người thấy tủi thân quá, ôm nhau mà khóc. Thế mà, người chồng nào có hay biết gì, vẫn dương dương tự đắc về nhà, lại còn vênh mặt khoe khoang với hai bà vợ.

Theo đạo quân tử mà xét thì số người dùng thủ đoạn cầu xin giàu sang danh lợi, mà vợ con ở nhà chẳng phải hổ thẹn ôm nhau khóc lóc với nhau, thực sự là ít lắm vậy.

Chương 9

VẠN CHƯƠNG CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - MẠNH TỬ VỚI VẠN CHƯƠNG

1. Vạn Chương là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Ông Thuấn khi đi cày ruộng, thường ngửa cổ lên trời mà kêu van khóc lóc. Vì sao mà phải khóc lóc kêu van như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Đây là vì lòng oán thán và thương nhớ cha mẹ vậy.

Vạn Chương hỏi:

- Cha mẹ thương thì vui mừng và chẳng hề quên cha mẹ. Cha mẹ ghét thì có thể buồn, nhưng không được oán thán cha mẹ. Vậy ông Thuấn có điều gì oán thán cha mẹ chăng?

Mạnh Tử nói:

- Ngày xưa Trường Tức cũng đã hỏi thầy của mình là Công Minh Cao một câu gần như vậy. Trường Tức hỏi: "Việc ông Thuấn đi cày ruộng thì con đã hiểu rồi. Nhưng việc ông Thuấn ngửa cổ khóc lóc với trời cao, với cha mẹ thì con chưa hiểu sao lại như vậy?".

Công Minh Cao trả lời rằng: "Lòng đại hiếu của ông Thuấn, người thường chẳng thể hiểu nổi". Ý của Công Minh Cao là suy từ tấm lòng người con có hiếu, ông Thuấn không thể không buồn đau sầu khổ. Cho nên ông Thuấn than rằng: "Ta đã tận lực cày ruộng, làm tron trách nhiệm một người con, thế mà cha mẹ lại chẳng thương. Vậy ta có lỗi ở chỗ nào đây?".

Trong khi ông Thuấn làm lụng ngoài ruộng, vua Nghiêu sai chín người con trai và hai người con gái cùng các quan đến phụng sự; lại sai người đưa dê, bò lương thực đến phục vụ cho ông Thuấn. Kẻ sĩ trong thiên hạ tới tấp theo về với ông Thuấn.

Về sau vua Nghiêu đã đem cả thiên hạ nhường cho ông Thuấn. Dù ông Thuấn được mọi người quan tâm tín nhiệm như thế, nhưng vì chẳng được thuận lòng với cha

mẹ, nên ông Thuấn vẫn cảm thấy mình như kẻ cùng khổ không biết nương tựa vào ai!

Được kẻ sĩ trong thiên hạ rất hâm mộ và theo về, đó là điều mà mọi người đều mong muốn, nhưng như thế vẫn chẳng đủ để giải nỗi sầu của ông Thuấn.

Được gái đẹp hầu hạ, đó là điều mà mọi người trong thiên hạ đều mong muốn, lại giàu có bậc nhất là được vua Nghiêu nhường cho cả thiên hạ, thế mà vẫn không giải được nỗi sầu của ông Thuấn.

Được sang trọng, đó là điều mà mọi người đều mong muốn, lại sang trọng bậc nhất là làm vua thiên tử, thế mà vẫn không giải nổi nỗi sầu của ông Thuấn.

Mọi thỏa vọng của người đời, từ sự quy thuận của dân, gái đẹp, giàu có cho đến sang trọng đều không thể giải nổi nỗi sầu của ông Thuấn. Chỉ có sự thuận lòng của cha mẹ mới có thể giải được nỗi sầu của ông Thuấn.

Con người ta khi còn thơ ấu thì yêu quý và bám riết lấy cha mẹ; khi đã biết thích sắc đẹp thì hâm mộ thiếu nữ; khi có vợ con lại yêu mến vợ con; khi làm quan thì mong được lòng vua, nếu chẳng được vua sủng ái, tin cậy thì trong lòng bứt rứt khó chịu.

Còn người con có lòng đại hiếu với cha mẹ, trọn đời lúc nào cũng yêu quý cha mẹ, đến năm mươi tuổi vẫn còn yêu quý cha mẹ như hồi còn nhỏ, thì ta chỉ thấy được ở vua Đại Thuấn mà thôi.

2. Vạn Chương hỏi:

- Kinh Thi có câu: "Lấy vợ phải làm như thế nào? Nhất định phải bẩm báo với cha mẹ". Theo câu này,

ông Thuấn phải là người giữ phép tắc hơn ai hết, nhưng tại sao ông Thuấn lấy vợ mà không bẩm báo trước với cha mẹ?

Mạnh Tử nói:

- Nếu bẩm báo trước thì việc lấy vợ sẽ không thành. Trai gái lấy nhau là việc lớn trong luân thường đạo lý. Nhưng nếu bẩm báo rồi mà không được lấy, sẽ bỏ mất việc lớn ấy trong luân thường đạo lý, lại dẫn đến cha mẹ phiền giận. Bởi thế cho nên ông Thuấn không bẩm báo.

Vạn Chương hỏi:

- Việc ông Thuấn lấy vợ mà không bẩm báo cha mẹ, con đã hiểu rồi. Nhưng còn việc vua Nghiêu gả con gái cho ông Thuấn mà chẳng báo cho cha mẹ ông Thuấn biết, đây là vì sao?

Mạnh Tử nói:

- Vua Nghiêu cũng đã biết, nếu có báo thì việc lấy vợ của ông Thuấn sẽ thẳng thành.

Vạn Chương hỏi tiếp:

- Một hôm, cha mẹ sai ông Thuấn sửa lại mái kho thóc. Khi ông Thuấn trèo tới nóc, ở dưới liền cất thang, còn cha ông Thuấn là ông Cổ Tẩu thì châm lửa đốt kho thóc. May mà ông Thuấn thoát chết. Một lần khác, cha mẹ lại sai ông Thuấn đào giếng. Ông Thuấn biết đề phòng, đã đào thêm một ngách để thoát ra. Cha và em ông Thuấn hất đất lấp đầy giếng. Tin rằng ông Thuấn đã chết, Tượng là em khác mẹ của ông Thuấn sướng quá reo lên: "Lập mưu giết được Thuấn là công lao của con. Nay bò dê giao cho cha, kho lẫm giao cho cha. Còn

khiên mộc giáo mác thuộc về con, đàn sáo đều thuộc về con, cây cung có chạm khắc cũng thuộc về con, và hai chị dâu nữa sẽ sửa soạn giường chiếu cho con". Tượng bèn đi đến chỗ ông Thuấn, thấy anh mình đang ngồi trên giường gẩy đàn, Tượng liền chữa thẹn nói: "Em lo cho anh quá", nói xong lấy làm xấu hổ, đỏ cả mặt. Thấy tình cảnh như vậy, ông Thuấn nói: "Này, bá quan và thứ dân của ta đó, nay em thay ta cai trị vậy". Câu chuyện là như thế, nhưng con không hiểu là ông Thuấn có biết em mình định giết mình không?

Mạnh Tử nói:

- Sao lại không biết? Nhưng mà thấy Tượng buồn rầu, ông Thuấn cũng buồn rầu; thấy Tượng vui mừng, ông Thuấn cũng vui mừng.

Vạn Chương hỏi:

- Đây là ông Thuấn giả vui mừng ư?

Mạnh Tử nói:

- Không phải. Ngày xưa có người biếu Tử Sản là tể tướng nước Trịnh một con cá sống. Tử Sản không nỡ ăn, liền giao cho người giữ ao của mình mang thả xuống ao để nuôi. Người giữ ao không thả, mà đem về nhà kho lên ăn. Sau đó, người ấy đến tâu báo với Tử Sản rằng: "Vừa thả xong, nó như dở sống dở chết, một lúc sau thấy ve vẩy vẫy đuôi, đột nhiên quậy một cái, lặn sâu xuống nước". Tử Sản nghe xong, sướng quá, mỉm cười nói: "Thế là nó có chỗ ở tốt rồi! Thế là nó có chỗ ở tốt rồi!". Người giữ ao đi ra nói với mọi người: "Ai bảo Tử Sản là người trí? Cá tôi đã ăn thịt rồi, thế mà còn bảo là nó có chỗ ở tốt rồi, nó có chỗ ở tốt rồi".

Cho nên, đối với người quân tử, chỉ có thể đem những chuyện vặt vãnh nghe có vẻ hợp lý mà lừa dối họ, chứ không thể đem việc trái nghịch đạo lý mà mong dối họ được. Tượng đến nói là vì lo cho anh mà đến. Cho nên ông Thuấn phải tin và vui một cách thành thực, chứ giả dối sao được?

3. Vạn Chương hỏi:

- Ngày ngày Tượng là em khác mẹ của ông Thuấn đều mưu tính việc giết ông Thuấn. Nhưng đến khi ông Thuấn lên ngôi vua thiên tử, lại không trị tội mà chỉ dời Tượng đi xa. Thế là tại làm sao?

Mạnh Tử nói:

- Thực tế là vua Thuấn phong cho Tượng làm vua chư hầu, nhưng cũng có người nói vua Thuấn dùng cách phong đất mà dời Tượng đi xa vậy.

Vạn Chương hỏi tiếp:

- Vua Thuấn đày Cung Công đến U Châu, dời Hoan Đâu lên Sùng Sơn, chém Tam Miêu ở Tam Nguy, giết Cổn ở Vũ Sơn. Vua Thuấn trị tội bốn người ấy, thiên hạ đều rất phục. Đó là vì vua Thuấn giết kẻ bất nhân.

Chính Tượng là kẻ quá bất nhân, vua Thuấn lại đem đất Hữu Tý phong cho Tượng. Như vậy, dân chúng ở đây có tội tình gì mà để cho Tượng cai trị? Người có nhân như vua Thuấn lại cố tình làm như vậy sao? Đối với người khác thì vua Thuấn giết, đối với em mình thì vua Thuấn lại phong đất. Đây là tại sao?

Mạnh Tử nói:

- Người nhân đối xử với em mình thì không chứa mối giận hờn, chẳng đem lòng oán ghét, chỉ một lòng thân mến và thương yêu em mình mà thôi. Đã thân mến thì muốn cho em phú quý. Đã thương yêu thì muốn cho em giàu sang. Vua Thuấn phong cho em đất Hữu Tý là muốn cho em giàu sang vậy. Mình làm vua thiên tử, mà để em mình làm kẻ thất phu, như vậy có thể nói là thân mến và thương yêu em được ư?

Vạn Chương hỏi:

- Xin mạn phép hỏi thầy, còn người nói rằng vua Thuấn làm vậy cũng như là dời Tượng đi xa. Thế nghĩa là làm sao?

Mạnh Tử nói:

- Tuy được phong đất nhưng Tượng không được tự quyền như các vua chư hầu khác. Vua thiên tử cử quan lại đến cai trị thay cho Tượng, trực tiếp thu thuế mà nộp cho Tượng. Vì vậy mới có người nói là dời Tượng đi xa. Như vậy, Tượng làm sao có thể bạc đãi dân chúng? Dù cho như vậy, vua Thuấn vẫn luôn nghĩ đến em mình, cho Tượng chẳng cần chờ lệnh vua thiên tử muốn về triều lúc nào cũng được. Kinh Thi có câu: "Không nhất định đến kỳ triều cống hoặc có việc chính sự cần kíp, vua chư hầu đất Hữu Tý về lúc nào cũng được tiếp rước". Kinh Thi nói như thế là chỉ về việc ta vừa giảng đó vậy.

4. Vạn Chương hỏi:

- Vua Nghiêu đem cả thiên hạ mà nhường cho ông Thuấn, có sự việc ấy không?

Mạnh Tử nói:

- Không có chuyện ấy! Vua thiên tử không thể tự quyền mà đem thiên hạ cho người khác được.

Vạn Chương hỏi:

- Thế ông Thuấn được thiên hạ là do ai cho vậy?

Mạnh Tử nói:

- Trời cho.

Vạn Chương hỏi:

- Trời cho ông Thuấn thiên hạ, vậy trời có dặn dò nhắc nhở gì không?

Mạnh Tử nói:

- Không! Trời chẳng tỏ ra lời, chỉ thông qua đức hạnh và sự nghiệp của ông Thuấn để ngầm biểu thị ý đó mà thôi.

Vạn Chương hỏi:

- Thông qua đức hạnh và sự nghiệp của ông Thuấn để ngầm biểu thị ý đó, nghĩa là thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Vua thiên tử có thể tiến cử một người với trời, nhưng không thể khiến trời giao thiên hạ cho người ấy. Vua chư hầu có thể tiến cử một người với vua thiên tử, nhưng không thể khiến vua thiên tử giao tước vị vua chư hầu cho người ấy. Quan đại phu có thể tiến cử một người cho vua chư hầu, nhưng không thể khiến vua chư hầu giao tước vị đại phu cho người ấy. Ngày trước, vua

Nghiêu tiến cử ông Thuấn với trời, trời chấp nhận; tiếp đó đưa ông Thuấn ra tiếp xúc với dân, dân chấp nhận. Vì vậy mà nói rằng: "Trời chẳng tỏ ra lời, chỉ thông qua đức hạnh và sự nghiệp của ông Thuấn để ngầm tỏ ý trao thiên hạ cho vậy thôi".

Vạn Chương hỏi:

- Xin dám hỏi thầy, vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn với trời, trời chấp nhận; đưa ông Thuấn ra tiếp xúc với dân, dân chấp nhận, ý nghĩa là thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Vua Nghiêu cử ông Thuấn làm chủ tế, các vị thần linh đều thụ hưởng lễ vật, như vậy trời đã chấp nhận. Vua Nghiêu cử ông Thuấn thay mặt mình giải quyết việc nước thì mọi việc được giải quyết tốt, dân chúng đều thỏa mãn, như vậy dân chúng đã chấp nhận. Thế là trời và dân đều chấp nhận giao thiên hạ cho ông Thuấn. Cho nên ta mới nói rằng bậc vua thiên tử chẳng thể tự quyền mà đem thiên hạ cho người được.

Ông Thuấn giúp vua Nghiêu trị nước hai mươi tám năm. Điều này không thể do sức người làm được, mà phải do ý trời. Sau khi vua Nghiêu mất, để tang ba năm xong, ông Thuấn muốn để cho con của vua Nghiêu kế vị, nên đã lánh sang ở phía Nam Hà. Nhưng khi vua chư hầu trong thiên hạ muốn gặp vua thiên tử đều không đến chỗ con vua Nghiêu, mà đến chỗ ông Thuấn. Khi có việc kiện tụng, các bên đều không đến chỗ con vua Nghiêu, mà đến chỗ ông Thuấn phân xử. Đến cuộc lễ ca tụng công đức vua thiên tử, thiên hạ cũng không ca tụng con vua Nghiêu, mà đều ca tụng ông Thuấn. Vì

vậy ta mới nói đó là ý trời. Từ đó mà ông Thuấn mới trở về cung kế ngôi vua thiên tử. Nếu ông Thuấn tự ý chiếm cung thất, ép con vua Nghiêu nhường ngôi, như vậy gọi là cướp ngôi mà được thiên hạ, chứ không phải trời giao cho. Thiên Thái Thệ trong Kinh Thư có câu: "Trời nhìn qua mắt của dân. Trời nghe qua tai của dân". Mấy lời ấy minh chứng cho điều ta vừa giảng đó.

5. Vạn Chương hỏi:

- Có người nói: "Vua Nghiêu nhường ngôi cho hiền thần là ông Thuấn; vua Thuấn nhường ngôi cho hiền thần là ông Vũ. Đến thời vua Vũ, đạo đức đã suy rồi, thiên hạ không còn được truyền giao cho người hiền tài mà truyền giao cho con rồi". Liệu có sự việc này không?

Mạnh Tử nói:

- Không, chẳng phải như vậy đâu. Trời muốn giao thiên hạ cho người hiền tài thì giao cho người hiền tài. Trời muốn giao thiên hạ cho con vua thiên tử thì giao cho con vua thiên tử.

Ngày trước, vua Thuấn tiến cử ông Vũ với trời, mười bảy năm sau vua Thuấn mới mất. Để tang ba năm xong, ông Vũ vì muốn con vua Thuấn kế vị đã lánh sang ở Dương Thành. Nhưng dân chúng đều đi theo ông Vũ, giống như sau khi vua Nghiêu mất thì dân chúng không theo con vua Nghiêu mà đi theo ông Thuấn vậy.

Đến thời mình, vua Vũ đã tiến cử ông Ích với trời. Bảy năm sau, vua Vũ mới mất. Để tang ba năm xong, ông Ích vì muốn con vua Vũ kế vị nên đã lánh sang ở bắc Kỳ Sơn. Nhưng các vua chư hầu muốn gặp vua

thiên tử và người có việc kiện tụng đều không đến chỗ ông Ích mà đến chỗ ông Khởi con vua Vũ, họ đều nói: "Đây là con của vua chúng ta". Thiên hạ ca tụng công đức vua thiên tử, không ca tụng ông Ích mà ca tụng ông Khởi, họ nói: "Đây là con của vua chúng ta".

Con của vua Nghiêu là Đan Chu không có tài đức, con của vua Thuấn là Thương Quân cũng không có tài đức. Ông Thuấn cai trị giúp vua Nghiêu, ông Vũ cai trị giúp vua Thuấn, thời gian trải rất nhiều năm, ân huệ ban phát cho dân cũng lắm. Nhưng đến con vua Vũ tên là Khởi lại rất có tài năng đức độ, có thể kế thừa đạo trị nước của vua Vũ một cách kính cẩn chu đáo. Thêm nữa, ông Ích giúp vua Vũ, thời gian thì ngắn, ban phát ân huệ cho dân lại không nhiều. Như vậy, ông Thuấn và ông Vũ cai trị giúp vua lâu hơn ông Ích, con vua Nghiêu và con vua Thuấn lại chẳng hiền tài bằng con vua Vũ, đó đều là ý trời cả, không phải sức người có thể làm được.

Phàm việc gì mình không cố ý làm mà tự nhiên mình làm, đó là ý trời; mình không mong cầu mà tự nhiên tới, đó là mệnh trời vậy.

Một người bình thường mà có được thiên hạ, thì hành vi phẩm chất đạo đức nhất định được giống như ông Thuấn và ông Vũ, hơn nữa lại còn được bậc vua thiên tử tiến cử. Ngẫm ra, Khổng Tử dù là bậc thánh đức nhưng chẳng được bậc vua thiên tử tiến cử nên không có được thiên hạ là vì vậy.

Tuy nhiên, con cháu nhờ truyền ngôi kế nghiệp mà được thiên hạ, nên nếu trời phế bỏ thì nhất định phải là

vua bạo ngược như Kiệt, Trụ vậy. Còn con cháu vua thiên tử là người hiền thì như ông Ích, ông Y Doãn, ông Chu Công đều không thể có được thiên hạ.

Ông Y Doãn giúp vua Thang thống nhất thiên hạ. Sau khi vua Thang mất, con trưởng là Thái Đinh chưa lên ngôi đã chết, con thứ hai là Trọng Nhâm mới bốn tuổi, con tiếp sau là Ngoại Bính mới hai tuổi. Cháu nội vua Thang, con của Thái Đinh, tên là Thái Giáp lên ngôi đã phá hoại luật pháp của triều Ân. Ông Y Doãn đã đưa Thái Giáp ra phần mộ vua Thang ở ấp Đồng trong ba năm. Thái Giáp biết hối lỗi, tự trách mình, quyết tâm sửa mình. Tại ấp Đồng, Thái Giáp đã làm nhiều việc thiện, biết nghe lời dạy bảo của Y Doãn, sau ba năm được trở về kinh đô ở đất Bạc làm vua thiên tử.

Ông Chu Công là em vua Vũ Vương không có được thiên hạ, cũng cùng một lẽ như ông Ích ở triều Hạ, ông Y Doãn ở triều Ân. Khổng Tử nói: "Vua Nghiêu nhà Đường, vua Thuấn nhà Ngu nhường ngôi cho người hiền. Ba đời Hạ, Ân, Chu truyền ngôi cho con cháu. Tuy sự việc chẳng giống nhau nhưng đạo lý vẫn chỉ là một: đó là đều theo mệnh trời và lòng dân vậy".

6. Vạn Chương hỏi:

- Có người nói: "Y Doãn nhờ tài nấu nướng nên được vua Thang trọng dụng". Có phải như vậy không?

Mạnh Tử nói:

- Không phải. Thực tế không phải như vậy. Lúc đầu, ông Y Doãn chuyên lo cày ruộng ở đất Hữu Sằn, là

người ham mê đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn. Bản tính ông rất đặc biệt. Nếu không hợp nghĩa, không hợp đạo, dù có đem thiên hạ làm bổng lộc mà dâng lên thì ông cũng không thèm nhìn; dù có đem nghìn cỗ xe bốn ngựa mà tặng cho thì ông cũng chẳng thèm ngó. Nếu không hợp nghĩa, không hợp đạo, thì đến một ly ông cũng không cho ai và cũng chẳng thèm xin ai cái gì.

Biết ông Y Doãn là bậc hiền tài, vua Thang đã ba lần cử người mang lễ vật đến biếu. Nhưng ông vẫn thản nhiên như không mà nói: "Ta nhận những thứ lễ vật của vua Thang này mà làm gì? Như thế sao bằng việc ta ở giữa cánh đồng này mà vui thích với đạo lý vua Nghiêu, vua Thuấn?".

Vua Thang đã ba lần cử người đến mời ông Y Doãn. Lần cuối cùng, ông bỗng nhiên thay đổi ý định, nói: "Ta ở giữa cánh đồng này mà vui thích với đạo lý vua Nghiêu, vua Thuấn làm gì nữa? Như thế sao bằng việc ta ra mà khiến vị vua này cai trị theo đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn? Sao bằng việc ta ra mà khiến dân này ăn ở như dân đời vua Nghiêu, vua Thuấn? Sao bằng việc trong đời ta tự mắt ta thấy được mọi thứ được cải hóa theo đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn? Vả lại, trời đã sinh ra loài người, nhất định muốn người hiểu biết trước mở mang cho người hiểu biết sau, người giác ngộ trước dạy dỗ cho người giác ngộ sau. Ta vốn là người giác ngộ trước trong muôn dân, ta sẽ đem đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn mà giác ngộ cho dân chúng. Nếu ta chẳng giác ngộ cho họ, thì còn ai?".

Ông Y Doãn nghĩ rằng: "Nếu dân chúng trong thiên hạ, kể cả những kẻ kém cỏi nhất, mà không được hiểu rõ những ân đức của vua Nghiêu, vua Thuấn thì cũng như mình đẩy họ xuống vực sâu vậy. Cho nên mình phải đứng ra gánh vác trọng trách này". Vì vậy, ông Y Doãn đã đến với vua Thang, thuyết phục vua Thang trừng phạt vua Kiệt vô đạo mà giải cứu nhân dân.

Ta chưa từng được nghe rằng, có ai tự uốn mình mà toan sửa thẳng người khác bao giờ, huống hồ còn tự mình chịu nhục lòng hòng sửa ngay ngắn cả thiên hạ được hay sao?

Hành vi của thánh nhân, mỗi người mỗi khác: có người thích xa lánh việc triều chính, có người thích gần gũi nhà vua; có người muốn ra làm quan, có người không muốn. Nhưng suy đến cùng, ai nấy đều cố giữ cho mình được trong sạch đó thôi.

Ta đã từng nghe nói, ông Y Doãn vì thi hành đạo vua Nghiêu, vua Thuấn mà được vua Thang trọng dụng, chứ ta chưa hề nghe ai nói ông Y Doãn nhờ tài nấu nướng mà được tiến thân vậy. Trong thiên Y Huấn ở Kinh Thi gồm những lời giáo huấn của ông Y Doãn có câu: "Sự trừng phạt của trời đối với vua Kiệt nhà Hạ bắt đầu từ cung Mục, còn ta khởi sự chỉ giúp vua Thang khi mới bắt đầu từ ấp Bạc mà thôi".

7. Vạn Chương hỏi:

- Có người nói: "Khi ở nước Vệ, Khổng Tử nghỉ tại nhà ông thầy thuốc chữa bệnh ung thư. Khi ở nước Tề,

Khổng Tử nghỉ tại nhà hoạn quan Tích Hoàn". Có đúng như vậy không?

Mạnh Tử nói:

- Không đúng. Không phải như vậy. Đây là do kẻ hay bịa chuyện thêu dệt ra. Khi ở nước Vệ, Khổng Tử ở trong nhà quan đại phu tên là Nhan Thù Do, là anh ruột vợ của Di Tử Hạ và vợ của Tử Lộ, cũng đều là chỗ quen thân. Di Tử Hạ vốn là quan cận thần của vua nói với Tử Lộ: "Khổng Tử ở trong nhà anh vợ mình, tôi có thể giúp ông ấy được phong chức vị khanh tướng nước Vệ đấy". Tử Lộ đem chuyện này kể với Khổng Tử, Khổng Tử nói: "Đó là do mệnh trời cả". Cho nên Khổng Tử làm quan thì theo đức lễ, làm dân thì theo đức nghĩa, lúc được hay không được đều nói: "Đó là mệnh trời". Nếu nói Khổng Tử ở nhà ông thầy thuốc chữa ung thư và hoạn quan Tích Hoàn, đó là điều chẳng hợp nghĩa và chẳng thuận mệnh trời vậy.

Sau này, khi ở nước Lỗ và nước Vệ, Khổng Tử cũng chẳng được thuận ý tý nào. Khi đến nước Tống, Khổng Tử lại gặp phải quan tư mã là Hoàn Khôi gây cản trở và định mưu sát, cho nên phải cải trang, lặng lẽ rời nước Tống chạy sang nước Trần. Lúc này Khổng Tử dù gặp phải hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng vẫn chọn nơi ở trọ tại nhà quan tư thành tên là Trinh Tử, vốn làm cận thần vua Trần chư hầu nhà Chu.

Ta từng được nghe nói: "Để đánh giá một viên quan trong triều, chỉ cần xem khách của người ấy. Để đánh giá một vị quan ở xa mới đến, chỉ cần xem chủ nhân mà

người ấy đến ở nhờ". Chiếu theo đó, nếu Khổng Tử thật là ở nhà ông thầy thuốc chữa ung thư và hoạn quan Tích Hoàn, thì sao lại có thể gọi là Khổng Tử được nữa?

8. Vạn Chương hỏi:

- Có người nói: "Bách Lý Hề tự bán mình cho người chăn nuôi gia súc ở nước Tần được năm tấm da dê, làm người chăn trâu để có cơ hội cầu xin tiến thân với vua Tần Mục Công". Sự việc này đáng tin không?

Mạnh Tử nói:

- Không. Chẳng phải như vậy được. Đây cũng do người hay bịa chuyện thêu dệt ra. Ông Bách Lý Hề vốn là người nước Ngu. Có một lần, người nước Tấn đem ngọc bích ở xứ Thùy Cức và xe ngựa sản xuất ở xứ Khuất tặng vua nước Ngu để mượn đường đánh nước Quắc. Cung Chu Kỳ là quan nước Ngu đứng ra can ngăn, nhưng vì vua nước Ngu ham của cải nên chẳng nghe theo. Còn Bách Lý Hề cũng là quan nước Ngu, biết có can thì vua cũng không nghe, nên chẳng tỏ lời khuyên can, mà bỏ đi sang nước Tần. Lúc đó ông đã bảy mươi tuổi. Ngần ấy tuổi đầu mà không hiểu nổi rằng việc phải đi chăn trâu để cầu xin tiến thân với vua Tần Mục Công là việc hết sức nhơ bẩn, người như vậy sao lại có thể gọi là có đức trí được? Biết không thể khuyên can được vua nên không khuyên can, người như vậy có thể gọi là bất trí sao? Biết Ngu Công sắp bị diệt vong nên bỏ đi trước, người như vậy không thể gọi là bất trí được.

Bách Lý Hề được nước Tần sử dụng, ông biết rằng với vua Tần Mục Công thì mình có thể làm được nhiều

việc lớn, nên đã nhận chức tể tướng và tận tâm phò tá vua Tần Mục Công. Người như vậy có thể gọi là bất trí sao?

Làm tướng quốc nước Tần, khiến cho danh tiếng vua nước Tần được hiển vinh trong thiên hạ, hơn nữa còn được lưu truyền hậu thế, người chẳng có tài đức liệu có làm được như vậy không?

Còn như tự bán mình chỉ để làm đẹp lòng vua thì ngay cả những kẻ quê mùa có lòng tự ái cũng chẳng thèm làm, huống hồ một người hiền tài mà lại chịu làm hay sao?

II - MẠNH TỬ VỚI HÀM KHÂU MÔNG

Hàm Khâu Mông là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Người xưa nói: "Người có tu dưỡng phẩm đức cao vời vời, thì vua chẳng được coi người ấy như bề tôi, cha chẳng được xem người ấy như con trẻ". Khi vua Thuấn ngoảnh mặt về phía nam làm vua thiên tử, thì vua Nghiêu thống lĩnh các vua chư hầu đi lên phía bắc triều bái vua Thuấn. Cha vua Thuấn là ông Cổ Tẩu cũng đi lên phía bắc triều bái vua Thuấn. Thấy cha mình, vua Thuấn có vẻ xúc động bối rối. Nhân mấy việc ấy, Khổng Tử nói: "Trong thời kỳ này, thiên hạ đang vô cùng nguy khốn, tình cảnh ngột ngạt lắm thay!". Không biết nói như vậy có đúng không?

Mạnh Tử nói:

- Không đúng. Người quân tử chẳng bao giờ thốt ra lời như vậy. Chẳng qua đó là lời của dân miền Đông

nước Tề mà thôi. Lúc vua Nghiêu đã già, bảo ông Thuấn làm giúp việc cai trị nhưng chưa lên ngôi vua thiên tử.

Thiên Nghiêu Điển trong Kinh Thư có câu: "Ông Thuấn giúp vua cai trị được hai mươi tám năm thì ngài Phóng Huân (vua Nghiêu) mới mất. Trăm họ xem như cha mình chết, suốt ba năm để tang, dân chúng trong bốn biển lấy làm đau đớn mà ngừng ca hát". Khổng Tử nói: "Trời không có hai mặt trời, trăm họ không có hai vua thiên tử. Nếu ông Thuấn lên ngôi vua thiên tử trước khi vua Nghiêu mất, lại thống lĩnh các vua chư hầu để tang vua Nghiêu ba năm, như vậy hóa ra là đồng thời có hai vua thiên tử rồi".

Hàm Khâu Mông hỏi:

- Việc vua Nghiêu không lấy tư cách bề tôi mà triều bái ông Thuấn, con đã nghe thầy giảng rồi. Nhưng Kinh Thi có câu: "Thiên hạ không có chỗ nào mà không phải là đất của vua. Bốn phương không có người nào mà không phải là bề tôi của vua". Con xin hỏi, thế khi ông Thuấn đã là vua thiên tử, cha của ông Thuấn là ông Cổ Tẩu lại chẳng giữ phận bề tôi với vua Thuấn. Vì sao lại như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Câu này có chép trong Kinh Thi nhưng ý nghĩa thì chẳng phải như vậy. Câu này cũng tương tự như có người mải mê lo việc vua việc nước, không có đủ thì giờ để phụng dưỡng cha mẹ, bèn ngâm nga than phận rằng: "Những việc này đều là việc giúp vua, nhưng chỉ một mình ta hiền đức là vất vả".

Cho nên, phàm là kẻ giảng giải văn thơ không thể vì một chữ mà hiểu sai nghĩa câu, cũng không vì một câu mà hiểu sai nguyên ý. Cần phải lấy tâm ý của mình mà suy đoán nguyên ý của tác giả, như thế mới hiểu được đích thực nội dung của lời văn. Giả thử cứ câu nệ vào câu chữ thì câu sau đây ở trong Kinh Thi, nên hiểu như thế nào? Câu ấy như sau: "Dân đen mà nhà Chu lưu lại, chẳng còn sót một người nào". Nếu tin vào nghĩa đen câu này, thì thời nhà Chu chẳng còn sót một người dân nào nữa cả ư?

Ngươi hãy nghe đây! Cái chỗ chí của người con không gì lớn bằng làm cho cha mẹ được tôn trọng, không gì lớn bằng đem cả thiên hạ ra mà phụng dưỡng cha mẹ. Ông Thuấn làm vua, thì ông Cổ Tẩu đương nhiên làm cha của vua thiên tử, như vậy cha mẹ đã được tôn trọng tột đỉnh rồi vậy. Ở ngôi vua thiên tử, ông Thuấn lại đem hoa lợi trong thiên hạ mà nuôi cha, như vậy sự phụng dưỡng này là tột đỉnh rồi. Kinh Thi có câu: "Vĩnh viễn đề cao đạo hiếu, đạo hiếu là phép tắc của thiên hạ". Hai câu ấy trong Kinh Thi là nói về nết hiếu hạnh của vua Thuấn vậy.

Thêm nữa, trong Thượng Thư còn có câu: "Vua Thuấn thờ cha mình là ông Cổ Tẩu thật là cung kính, mỗi khi gặp cha thì thái độ cẩn thận, rón rén, sợ sệt. Ông Cổ Tẩu cũng vì vậy mà được cảm hóa dần, trở nên hòa thuận với con".

Theo đó, người đã tu dưỡng phẩm đức cao vời vợi thì người làm cha chẳng được coi người đó như con là vậy.

Chương 10

VẠN CHƯƠNG CHƯƠNG CÚ HẠ

I - LỜI MẠNH TỬ

1. Ông Bá Di, mắt không thèm nhìn những hình sắc xấu xí, tai không thèm nghe những âm thanh vẩn đục. Chẳng phải là vua mình có thể gửi gắm được thì ông không phụng sự. Chẳng phải là dân mình đáng tin cậy thì ông không sai khiến. Thiên hạ thái bình thì ông ra làm quan. Thiên hạ loạn lạc thì ông từ quan ở ẩn. Nước nào mà nhà cầm quyền thi hành chính sách bạo ngược, địa phương nào mà dân chúng ngỗ ngược, ông không bao giờ chịu ở những nước ấy, địa phương ấy. Ông nghĩ rằng, ở chung với họ chẳng khác nào mặc áo đội mũ triều phục mà ngồi ở chốn bùn than dơ bẩn vậy. Thời vua Trụ bạo ngược, ông lánh lên bờ biển phía bắc ở ẩn, chờ ngày thiên hạ thái bình. Cho nên người nghe tiếng Bá Di có phong độ như vậy, dù là kẻ tham lam cũng trở thành người liêm khiết, kẻ nhu nhược cũng trở nên người có chí khí.

Ông Y Doãn lại nói: "Vua nào mà chẳng là vua mà mình thờ phụng? Dân nào mà chẳng là dân mà mình sai khiến?". Thiên hạ thái bình thì ông ra làm quan. Thiên hạ loạn lạc thì ông cũng chẳng bỏ chức phận. Hơn nữa, ông còn nói: "Trời đã sinh ra loài người, nhất định muốn người hiểu biết trước mở mang cho người hiểu biết sau, người giác ngộ trước dạy dỗ cho người giác ngộ sau. *Ta vốn là người giác ngộ trước trong muôn dân, ta*

sẽ đem đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn mà giác ngộ cho dân chúng". Ông Y Doãn nghĩ rằng, nếu dân chúng trong thiên hạ, kể cả những kẻ kém cỏi nhất, nếu không được hiểu rõ ân đức của vua Nghiêu, vua Thuấn thì cũng như mình đẩy họ xuống vực sâu vậy. Cho nên ông Y Doãn phải đứng ra gánh vác trọng trách ấy.

Ông Liễu Hạ Huệ thì chẳng cảm thấy ô nhục khi phải phụng thờ một vị vua u muội, cũng chẳng chê chức quan nhỏ mà không làm. Ở trong triều, ông chẳng giấu tài năng của mình, nhưng nhất định phải theo đạo lý mà làm việc. Lúc bị phế truất mà lui về ở ẩn, ông cũng không oán hận. Thậm chí, khi gặp cảnh khốn đốn lao đao, ông cũng chẳng buồn rầu lo lắng. Cùng ở với dân quê, ông vẫn tự do thoải mái, không nỡ nhẫn tâm xa rời. Ông Liễu Hạ Huệ còn nói: "Ngươi là ngươi, ta là ta, dẫu cho ngươi có lưng trần như nhộng đứng ngồi bên ta, làm sao mà nhiễm bẩn ta được?". Cho nên nghe được ông Liễu Hạ Huệ có phong độ như vậy, dù là kẻ hẹp hòi cũng trở thành kẻ rộng lượng, dù là người nhỏ nhen lạnh nhạt cũng trở thành người độ lượng nhiệt tình.

Còn Khổng Tử, khi rời khỏi nước Tề, không đợi nấu cơm xong đã mang cả gạo vừa vo xong mà chạy. Nhưng khi rời khỏi nước Lỗ, Khổng Tử nói: "Chúng ta đi chầm chậm thôi, đó mới là thái độ của người buộc lòng phải đi xa tổ quốc". Đáng đi nhanh thì đi nhanh, đáng ở lâu thì ở lâu, đáng về ở ẩn thì về ở ẩn, đáng ra làm quan thì ra làm quan, đó chính là phẩm đức Khổng Tử vậy.

Qua đó thấy rằng, ông Bá Di là bậc thánh có đức thanh khiết, ông Y Doãn là bậc thánh có đức trọng trách nhiệm, ông Liễu Hạ Huệ là bậc thánh có đức ôn hòa, Khổng Tử là bậc thánh có đức thời trung.

Người ta gọi Khổng Tử là bậc thánh có đức thời trung vì Khổng Tử tổng hợp nơi mình đức thanh khiết của Bá Di, đức trọng trách nhiệm của Y Doãn, đức ôn hòa của Liễu Hạ Huệ, ngoài ra còn biết xử sự một cách hợp thời nữa. Đó cũng ví như tổng hợp từng tiếng nhạc lẻ loi lại thành một bản đại hòa tấu vậy.

Trong một cuộc đại hòa tấu, tiếng chuông đồng thì mở đầu, còn tiếng khánh ngọc thì kết thúc. Tiếng chuông đồng nổi lên trước, báo hiệu buổi hòa tấu bắt đầu, các nhạc công bắt đầu hòa nhạc. Tiếng khánh ngọc ngân lên sau cùng, báo hiệu buổi hòa tấu nhạc sắp dứt, các nhạc công đều dừng tay. Tiếng chuông dẫn đầu, tức là việc của bậc trí vậy. Tiếng khánh ngọc kết thúc, tức là việc của bậc thánh vậy.

Bậc trí ví như người khéo léo tinh xảo. Bậc thánh ví như người sức lực mạnh mẽ. Giả sử như đứng ngoài trăm bước mà bắn cung. Muốn bắn xa ngoài trăm bước phải dựa vào sức lực, nhưng muốn bắn trúng đích lại không phải chỉ dựa vào sức lực, vì có sức mạnh mà chẳng khéo léo thì không thể nào bắn trúng đích được[1].

•1. Khổng Tử tổng hợp nơi mình những phẩm đức cao quý, được ví như tạo thành một bản hòa tấu vĩ đại. Vì vậy, người đời tôn Khổng Tử là: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư.

2. Người ta ra làm quan không phải vì cảnh nghèo, nhưng có khi cũng vì cảnh nghèo mà phải ra làm quan vậy.

Người ta lấy vợ không phải để được phụng dưỡng, nhưng cũng có khi vì để được phụng dưỡng mà phải lấy vợ vậy.

Nếu vì cảnh nghèo mà phải ra làm quan, thì nên từ chối chức vị cao trọng, chỉ nên nhận chức vị thấp thường; nên cự tuyệt bổng lộc to lớn, chỉ nên nhận phần lương thưởng nhỏ nhoi thôi.

Muốn từ chối chức vị cao trọng để nhận chức vị thấp thường, muốn cự tuyệt bổng lộc to lớn để nhận lương thưởng nhỏ nhoi thôi, thì nên chọn vị trí nào mới thích hợp? Làm một người giữ cổng thành, đánh trống tuần canh là được rồi.

Khổng Tử khi mới ra làm quan đã từng làm tiểu quan giữ kho, bảo rằng: "Ta chỉ cần lo số thu và số chi đều khớp cả là được rồi". Khổng Tử khi còn làm tiểu quan quản lý gia súc cũng bảo rằng: "Bò, dê đều mạnh khỏe, mập mạp và chóng lớn là được rồi".

Ở chức vị thấp mà làm chuyện của chức vị cao, như vậy là phạm tội (Khổng Tử chẳng bao giờ làm như vậy). Làm quan lớn có chân ở triều đình mà chẳng dám đem đạo lý ra thi hành, như thế là sỉ nhục vậy (Khổng Tử nếu liệu người ta không nghe theo lời phải thì ngài trả chức vị mà đi).

II - MẠNH TỬ VỚI BẮC CUNG Ỷ

Bắc Cung Ỷ là người nước Vệ hỏi:

- Nhà Chu đặt ra đẳng cấp tước vị hưởng bổng lộc như thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Không thể biết được rõ ràng từng chi tiết. Các vua chư hầu đều ghét các chế định này vì nó hại đến quyền lợi của họ, nên họ đã hủy bỏ hết các sổ sách. Tuy nhiên, ta cũng nắm được đại lược.

Về tước vị các bậc vua tính trong toàn cõi Trung Hoa, tính từ trên xuống dưới có năm bậc: Thiên tử, công, hầu, bá, tử (nam). Vua thiên tử là vua thống nhất thiên hạ. Còn công, hầu, bá, tử (nam) là tước vị của các vua chư hầu tùy theo nước lớn nhỏ. Các vua chư hầu phải đến triều bái vua thiên tử.

Về tước vị vua quan tính trong mỗi nước, dù là nước thiên tử hay là nước chư hầu, đều có chung sáu bậc: Vua (thiên tử, công, hầu, bá, tử - nam), quan khanh, quan đại phu, quan thượng sĩ, quan trung sĩ, quan hạ sĩ.

Về phép chế định phong đất cho các bậc vua để tự mình cai trị, thì có bốn hạng: Vua thiên tử quản lý vuông vức nghìn dặm. Tước vị công và hầu quản lý vuông vức trăm dặm. Tước vị bá quản lý vuông vức bảy mươi dặm. Tước vị tử và nam quản lý vuông vức năm mươi dặm. Những vị vua chư hầu quản lý đất đai chưa đủ vuông vức năm mươi dặm thì không được trực tiếp triều cống vua thiên tử, mà phụ thuộc vào một vị vua

chư hầu có đất trên năm mươi dặm thay mặt cho mình, nước nhỏ yếu ấy gọi là "phụ dung".

Ở nước có đất đai vuông vức nghìn dặm của vua thiên tử, các quan hưởng bổng lộc bằng cách chia đất mà lấy hoa lợi: Quan khanh được lĩnh phần đất ngang tước hầu là một trăm dặm. Quan đại phu được lĩnh phần đất ngang tước bá là bảy mươi dặm. Quan nguyên sĩ (quan sĩ hạng nhất) được lĩnh phần đất ngang tước tử (nam) là năm mươi dặm.

Ở nước chư hầu lớn đất đai vuông vức trăm dặm: Vua hưởng lộc bằng mười lần quan khanh. Quan khanh hưởng lộc bằng bốn lần quan đại phu. Quan đại phu hưởng lộc bằng hai lần quan thượng sĩ. Quan thượng sĩ hưởng lộc bằng hai lần quan trung sĩ. Quan trung sĩ hưởng lộc bằng hai lần quan hạ sĩ. Quan hạ sĩ và kẻ bình dân ra làm quan thì hưởng bổng lộc như nhau. Bổng lộc cấp cho kẻ bình dân ra làm quan là để thay cho số hoa lợi nếu họ làm ruộng.

Ở nước chư hầu cỡ vừa đất đai vuông vức bảy mươi dặm: Vua hưởng lộc bằng mười lần quan khanh. Quan khanh hưởng lộc bằng ba lần quan đại phu. Quan đại phu hưởng lộc bằng hai lần quan thượng sĩ. Quan thượng sĩ hưởng lộc bằng hai lần trung sĩ. Quan trung sĩ hưởng lộc bằng hai lần quan hạ sĩ. Quan hạ sĩ và kẻ bình dân ra làm quan thì hưởng bổng lộc như nhau. Bổng lộc cấp cho kẻ bình dân ra làm quan để thay cho số hoa lợi nếu họ làm ruộng.

Ở nước chư hầu nhỏ đất đai vuông vức năm mươi dặm: Vua hưởng lộc bằng mười lần quan khanh. Quan

khanh hưởng lộc bằng hai lần quan đại phu. Quan đại phu hưởng lộc bằng hai lần quan thượng sĩ. Quan thượng sĩ hưởng lộc bằng hai lần quan trung sĩ. Quan trung sĩ hưởng lộc bằng hai lần quan hạ sĩ. Quan hạ sĩ và kẻ bình dân ra làm quan thì bổng lộc như nhau. Bổng lộc cấp cho kẻ bình dân ra làm quan để thay cho số hoa lợi nếu họ làm ruộng.

Còn những nhà làm ruộng: Chính phủ cấp cho mỗi chủ gia đình một trăm mẫu ruộng đất. Nếu khéo chăm bón, lại siêng năng chuyên cần, một người làm ruộng giỏi nhất có thể nuôi nổi một gia đình chín miệng ăn; người giỏi bậc nhì nuôi nổi gia đình tám miệng ăn; người hạng trung bình nuôi nổi bảy miệng ăn; người kém một bậc nuôi nổi sáu miệng ăn; còn người hạng kém nhất cũng nuôi được năm miệng ăn. Những kẻ bình dân ra làm quan thì lĩnh bổng lộc nhiều ít tùy theo số hoa lợi trong số năm hạng làm ruộng vừa kể vậy.

III - MẠNH TỬ VỚI VẠN CHƯƠNG

1. Vạn Chương là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Xin dám hỏi thầy về tình bằng hữu?

Mạnh Tử nói:

- Làm bạn với ai, đừng cậy mình nhiều tuổi, đừng cậy địa vị mình cao sang, cũng đừng cậy anh em mình giàu có. Kết bạn với người là vì mến chuộng phẩm đức của bạn, cho nên đừng cậy thế của mình.

Ngày xưa, ông Mạnh Hiến Tử là quan đại phu có dòng dõi ở nước Lỗ, nhà có một trăm cỗ xe. Ông đã từng kết bạn với năm người: Nhạc Chính Cầu, Mục Trọng và ba người nữa mà ta quên mất tên rồi. Mạnh Hiến Tử vì mến mà kết bạn với năm người này, không bao giờ tỏ ra mình là dòng dõi đại phu gia thế. Năm người này cũng cho rằng Hiến Tử là người bạn hiền chứ không cho là mình kết giao với quan đại phu gia thế Hiến Tử. Nếu họ không nghĩ vậy thì họ cũng chẳng chơi thân được.

Không chỉ quan đại phu có một trăm xe kết giao bạn bè với hiền sĩ, mà vua một nước nhỏ cũng giữ đức hạnh như thế. Vua Phí Huệ Công nói: "Đối với Tử Tư, ta xem là bậc thầy. Với Nhan Ban, ta xem là bạn hữu. Còn Vương Thuận, Trường Tức chỉ là những người phụng sự ta".

Không chỉ có vua nước nhỏ kết giao bạn bè với hiền sĩ, mà đến vua một nước lớn cũng giữ đức hạnh như thế. Vua Tấn Bình Công đối với bạn là Hợi Đường thường tự đến thăm, không bao giờ dám triệu. Đến nhà bạn, bạn mời vào mới vào, bạn mời ngồi mới ngồi, bạn mời ăn mới ăn. Dù cho cơm canh đạm bạc, chưa lần nào mà vua không ăn và cũng không dám không ăn no. Nhưng tình giao hữu cũng chỉ đến mức như vậy mà thôi.

Vua Tấn Bình Công cũng chẳng chia địa vị do trời định với bạn hiền, chẳng trao chức vụ do trời đặt với bạn hiền, chẳng chia bổng lộc do trời ban với bạn hiền. Vua lấy tư cách của kẻ sĩ mà tôn trọng người hiền, chứ không lấy tư cách của bậc vua mà hậu đãi người hiền.

Ông Thuấn đến bái kiến vua Nghiêu. Vua Nghiêu vì yêu mến trang hiền đức bèn gả con gái và đưa ông Thuấn về ở cung điện thứ hai dành cho phò mã. Vua Nghiêu ngồi ăn cùng với ông Thuấn. Lúc thì vua Nghiêu đến thăm ông Thuấn, khi thì ông Thuấn lại viếng vua Nghiêu, hai người đều lấy lễ chủ khách mà đối đãi với nhau. Đây là vua thiên tử kết bạn với người thường dân vậy.

Người có địa vị thấp tôn trọng người có địa vị cao, gọi là tôn trọng quý nhân. Người có địa vị cao tôn trọng người có địa vị thấp, gọi là tôn trọng hiền sĩ. Tôn trọng quý nhân và tôn trọng bậc hiền sĩ, hai cảnh tuy khác nhau nhưng đều cùng chung một đạo lý vậy.

2. Vạn Chương hỏi:

- Xin hỏi thầy, khi giao tiếp người ta hay trao tặng lễ vật cho nhau, vậy nên lưu ý điều gì?

Mạnh Tử nói:

- Phải cung kính, có lòng kính trọng.

- Lần này đến lần khác mình đều từ chối lễ vật của người ta, thế là bị chê là không kính trọng họ. Như vậy là thế nào?

- Nếu như người ở địa vị tôn quý tặng lễ vật cho mình, mình liền suy nghĩ: "Họ có được lễ vật này từ đâu ra, có hợp nghĩa hay không hợp nghĩa?", biết hợp nghĩa rồi mình mới nhận, như vậy là không kính trọng họ. Vì vậy, đối với lòng thành kính của người, mình không nên từ chối.

- Mình không từ chối bằng lời nói, nhưng trong bụng muốn từ chối. Giả dụ mình nghĩ rằng: "Đồ này là lấy của dân một cách bất nghĩa đấy mà", rồi nhân đó mình tìm một lý do khác để từ chối, như vậy có được không?

- Nếu lễ vật người ta biếu mình phải đạo, tiếp mình đúng lễ, thì đến bậc thánh như Khổng Tử cũng phải nhận, huống chi là mình?

- Giả thử hiện nay có kẻ chặn người ta ở ngoài cửa thành mà cướp của. Sau đó kẻ ấy đem của cướp được biếu mình đúng đạo, tiếp mình đúng lễ. Vậy mình có nên nhận lễ vật bẩn thỉu này không?

- Không nên. Thiên Khang Cáo có chép lời vua Vũ Vương nhà Chu nói với em mình rằng: "Kẻ giết người khác để cướp hàng hóa tài sản của họ, là loại người ngu muội chẳng sợ chết. Dân chúng chẳng có ai mà không oán hận". Loại người này bắt được, không phải giáo dục gì cả, có thể giết ngay. Luật hình này, nhà Ân kế thừa nhà Hạ, nhà Chu kế thừa nhà Ân, cả ba đời đều xử tội kẻ cướp như nhau, chẳng phải bàn cãi dài dòng, cho tận đến nay vẫn còn nghiêm khắc đối với tội ấy. Như vậy, mình sao lại có thể nhận lễ vật của kẻ cướp được?

- Hiện nay, các vua chư hầu chiếm đoạt tài sản của dân, giống như kẻ chặn đường cướp của. Nếu họ khéo làm đúng lễ tiết giao tế, thì người quân tử cũng tiếp nhận lễ vật của họ. Xin hỏi thầy, việc này nên giải thích thế nào đây?

- Ngươi cho rằng, cứ mỗi lúc thánh vương ra đời là có thể bắt mà giết các vua chư hầu chăng? Hay là nên đem

họ ra giáo dục, rồi có ai mà không chịu cải hối chừng đó mới giết chăng? Ngươi nên nhớ rằng, nếu cứ có ai lấy vật gì mà không phải của người ấy thì đều bị coi là kẻ cướp, như vậy đã hiểu nghĩa chữ "cướp" một cách nguyên tắc quá mức rồi. Khổng Tử khi làm quan ở nước Lỗ, người nước Lỗ tổ chức săn bắn và tranh nhau thú săn, Khổng Tử cũng tham gia tranh nhau thú săn. Thú săn vốn chẳng phải của mình mà mình tranh nhau còn được, huống hồ lễ vật người ta đem tặng, sao mình không tiếp nhận?

- Như vậy Khổng Tử ra làm quan, không biết thông qua sự việc để thi hành đạo lý sao?

- Đó là Khổng Tử biết thông qua sự việc để thi hành đạo lý.

- Nói biết thông qua sự việc để thi hành đạo lý, tại sao Khổng Tử lại tham gia tranh đoạt thú săn với người?

- Trước đó, Khổng Tử có viết một quyển sách quy định vật phẩm và đồ dùng để tế tự. Theo sách ấy, người ta không dùng những thực phẩm ở nơi xa bốn phương để tế tự, như thế thì thói quen tranh đoạt thú săn sẽ giảm. Nói như vậy nhưng có những thói quen đến bậc thánh cũng chẳng thể bỏ ngay được.

- Nếu chẳng trừ được thói xấu của người, sao Khổng Tử không từ quan để bỏ đi?

Mạnh Tử nói:

- Đó là Khổng Tử cũng muốn thử một tý. Thử rồi, *nếu nhận thấy đạo lý mình thực hành mà vua không*

chịu thực hiện theo thì Khổng Tử mới bỏ đi. Vì vậy, Khổng Tử không thể ở nước nào lâu đến ba năm.

Bình thường thì Khổng Tử ra làm quan vì một trong ba lẽ: một là thấy mình có thể thi hành đạo lý; hai là vì nhà vua giao tiếp đối với mình cung kính và lễ phép; và ba là thấy nhà vua ái mộ tài đức của mình, đem công quỹ ra mà nuôi dưỡng mình. Như hồi ở nước Lỗ, đời vua Quý Hoàn Tử, thấy mình có thể thi hành đạo lý, Khổng Tử liền ra làm quan. Khi ở nước Vệ, thấy vua Vệ Linh Công giao tiếp với mình cung kính và lễ phép, nên Khổng Tử mới chịu nhận chức quan. Cũng ở nước Vệ, đến đời vua Vệ Hiến Công, thấy vua ái mộ tài đức của mình, lại đem công quỹ ra nuôi dưỡng mình, cho nên Khổng Tử mới lại ra làm quan vậy.

3. Vạn Chương hỏi:

- Kẻ sĩ không làm quan, tại sao chẳng nương nhờ gửi gắm thân mình vào một vị vua chư hầu?

Mạnh Tử nói:

- Kẻ sĩ chẳng dám làm như vậy. Xưa nay, hễ một vị vua chư hầu mất nước, chạy sang nước khác thì được vị vua chư hầu nước ấy giúp cho, đây là hợp lễ. Còn kẻ sĩ không làm quan mà lại nương nhờ vào sự trợ cấp của một vị vua chư hầu, đó là không hợp lễ.

- Nhưng khi vua chư hầu biếu tặng lương thực cho mình, kẻ sĩ có được tiếp nhận không?

- Có thể được.

- Nhận như vậy có ý nghĩa như thế nào?

- Mình là dân trong nước, vua có phận sự giúp dân.

- Tại sao vua giúp mình thì mình nhận, còn vua ban trợ cấp thì mình không nhận?

- Đó là vì chẳng dám nhận.

- Xin hỏi thầy vì lẽ gì mà không dám nhận?

- Ví như người giữ cửa thành, người đánh trống báo canh... đều có chức phận nhất định, nên có quyền tiếp nhận sự cung cấp nuôi dưỡng của cấp trên. Còn như mình không có chức phận nhất định mà tiếp nhận trợ cấp của bề trên, đây là bị xem là không tôn kính.

- Khi vua biếu tặng lễ vật lần đầu, kẻ sĩ có thể nhận. Nhưng về sau vua thường xuyên biếu tặng thì mình có nên tiếp nhận như vậy không?

- Ngày xưa, vua Lỗ Mục Công rất ái mộ nhà hiền triết Tử Tư, nhiều lần thăm hỏi, rất nhiều lần sai người đem biếu tặng món thịt chín. Thế rồi, Tử Tư cũng chán việc nhận đồ ăn. Một lần, Tử Tư nắm chặt tay sứ giả kéo ra ngoài cửa chính, mặt ngoảnh về hướng bắc, lạy hai lạy rồi từ chối không nhận món lễ ấy. Ông nói: "Đến hôm nay, ta mới biết rằng vua nuôi ta như nuôi chó ngựa". Kể từ đó, vua Lỗ Mục Công mới không sai người đem đồ biếu tặng nữa. Một vị vua có lòng ái mộ người hiền tài, nhưng chẳng trọng dụng họ, lại chẳng biết cách nuôi dưỡng họ. Như vậy có thể gọi là ái mộ người hiền tài được sao?

- Vị vua muốn nuôi dưỡng một trang quân tử, phải *làm thế nào mới được gọi là biết cách nuôi dưỡng?*

Mạnh Tử nói:

- Lúc đầu, sứ giả cứ nói rằng vua truyền lệnh đem lễ vật đến tặng. Người quân tử thế nào cũng cúi lạy hai lạy rồi mới nhận. Về sau người quản lý kho lương thường xuyên đưa lương thực đến, người quản lý nhà bếp thường xuyên đưa thức ăn đến, nhưng đều không được nói rằng vua truyền lệnh mang biếu tặng. Ông Tử Tư cho rằng, cứ mỗi lần người ta mang thịt đến và nói rằng vua sai đem biếu tặng là một lần ông phải lạy tạ, phải lạy tạ mãi như vậy thì kham khổ và đê tiện quá. Đó không phải là cách nuôi dưỡng người quân tử.

Thuở xưa, vua Nghiêu đãi ông Thuấn, cử chín người con trai đến phục vụ ông Thuấn, lại đem hai con gái mà gả cho ông Thuấn. Khi ông Thuấn làm việc ở ngoài đồng, vua Nghiêu sai bá quan ra hầu hạ, lại còn cung cấp đủ hết mọi thứ như bò, dê, kho, lẫm. Về sau, vua Nghiêu còn cử ông Thuấn đứng đầu các vua chư hầu. Cho nên người ta nói: "Đó là cách tôn trọng người hiền của vua thiên tử hoặc vua chư hầu vậy".

4. Vạn Chương hỏi:

- Xin hỏi thầy, vì sao kẻ sĩ không trực tiếp yết kiến các vua chư hầu?

Mạnh Tử nói:

- Kẻ sĩ ở kinh thành gọi là thị tỉnh thần[1], kẻ sĩ ở thôn quê gọi là thảo mãng thần[2]. Tuy gọi là thần, nhưng tất

---

1. Thị là chợ, tỉnh là giếng. Thời cổ Trung Quốc, chợ hay họp ở nơi có giếng, nhất là các dân tộc ở vùng khô hạn. Đây là chỉ kẻ sĩ nơi chợ búa.

2. Thảo mãng là cỏ rậm. Đây chỉ kẻ sĩ ở thôn quê.

cả đều thuộc hạng bình dân. Người hạng bình dân khi mới ra làm quan thì vào yết kiến vua và dâng lễ vật lên vua; nếu chẳng có chức vị thì không đến yết kiến vua chư hầu và dâng lễ vật. Đó là lễ phép xưa nay.

- Khi vua đòi kẻ bình dân đến phục dịch, thì kẻ bình dân đến ngay. Nhưng khi vua muốn gặp và cho triệu đến thì kẻ bình dân lại chẳng chịu đến. Vì sao lại vậy?

- Đến để phục dịch, đó là nghĩa vụ của dân. Còn vào triều kiến, đó chẳng phải là nghĩa vụ của dân. Vả lại, vì lẽ gì mà vua muốn gặp kẻ bình dân?

- Vì chỗ nghe nhiều thấy rộng, vì chỗ tài cao đức cả vậy.

Mạnh Tử liền nói:

- Nếu vì chỗ nghe nhiều thấy rộng, đó là bậc thầy rồi, đến vua thiên tử cũng chẳng dám triệu huống chi là vua chư hầu? Còn như nói vì chỗ tài cao đức cả, thì ta chưa từng nghe một vị vua nào muốn gặp trang tài đức mà lại cho đòi đến bao giờ cả, tự vua phải thân hành đến thăm người tài đức đó mới phải.

Ngày xưa, vua Lỗ Mục Công nhiều lần đến gặp ông Tử Tư, hỏi: "Thời xưa, một vị vua nước lớn có nghìn binh xa muốn kết bạn với kẻ sĩ, thì nên làm như thế nào?". Ông Tử Tư tỏ ra rất không bằng lòng, bèn đáp: "Người xưa đã từng nói rằng nên thờ phụng trang hiền sĩ vào bậc thầy, chứ đâu có nói rằng nên kết bạn với trang hiền sĩ?". Ông Tử Tư không đẹp lòng vì chắc hẳn trong bụng ông nghĩ rằng: "Nếu xét về địa vị thì ngài là vua, ta là bề tôi, bề tôi sao dám làm bạn với nhà vua? Còn

nếu xét về đức hạnh, nhất định ngài phải phụng sự ta, chứ chẳng lẽ ngài lại được cùng ta làm bạn sao?".

Qua câu chuyện đó thấy rằng, đến một vị vua có nghìn binh xa muốn kết bạn với kẻ sĩ còn không thể làm được, huống hồ lại còn có thể ra lệnh triệu kẻ sĩ vào gặp sao?

Thuở trước, vua Tề Cảnh Công muốn đi săn, dùng cờ hiệu có cắm lông chim cho vời quan quản lý vườn săn. Thấy lệnh đòi sai phép nên viên quan quản lý vườn săn không đến, vua liền định giết ông ta. Nghe được câu chuyện ấy, Khổng Tử khen quan giữ vườn săn rằng: "Bậc chí sĩ chẳng hề quên rằng có ngày mình phải chết theo đường mương lỗ cống. Trang dũng sĩ chẳng hề quên rằng có ngày mình phải mất đầu". Khổng Tử vì sao khen quan giữ vườn săn mà còn sánh người ấy với bậc chí sĩ, trang dũng sĩ? Đó là vì người ấy biết giữ khí tiết: nhà vua vời sai cách thì bề tôi chẳng đến vậy.

Vạn Chương hỏi:

- Vậy nhà vua nên dùng hiệu lệnh gì để cho vời quan quản lý vườn săn?

Mạnh Tử nói:

- Vua muốn gọi quan quản lý vườn săn thì phải dùng mũ da. Còn vua muốn gọi kẻ bình dân thì dùng cờ chiên, là loại cờ bằng lụa thuần một màu đỏ. Nếu vua muốn gọi quan sĩ thì dùng cờ kỳ, bằng lụa màu đỏ có thêu hai con rồng, đầu cán cờ có treo lục lạc. Còn nếu vua muốn gọi quan đại phu thì dùng cờ tinh, có cắm lông chim năm màu ở đầu cán cờ. Nếu vua dùng hiệu lệnh gọi quan đại phu mà vời quan quản lý vườn săn thì

quan quản lý vườn săn đành chịu chết chứ chẳng dám đến. Nếu vua dùng hiệu lệnh gọi quan sĩ mà đòi kẻ bình dân thì kẻ bình dân lại dám đến sao? Huống chi vua lại dùng cách gọi kẻ bất hiền tài để đòi trang tài đức thì trang tài đức có chịu đến không? Muốn gặp người hiền tài mà chẳng noi theo lễ tiết đã quy định thì chẳng khác nào muốn mời người ta vào nhà mà mình lại đóng cửa?

Này nhé, nghĩa lý là con đường; còn lễ phép là cánh cửa vậy. Chỉ có người quân tử mới biết đi lại trên con đường ấy và ra vào nơi cửa ấy mà thôi.

Kinh Thi có câu: "Đường ở kinh đô nhà Chu thì bằng phẳng như mặt đá mài dao và ngay thẳng như mũi tên. Người quân tử đi trên đường ấy, kẻ tiểu nhân đứng mà nhìn ra đường ấy".

Vạn Chương hỏi:

- Khổng Tử khi có lệnh vua gọi, chẳng đợi thắng xe đã đi bộ trước. Như vậy, Khổng Tử cũng có điều chẳng phải chứ gì?

Mạnh Tử nói:

- Khổng Tử thuở ấy đang là quan chức của triều đình, phải thi hành phận sự của một viên quan. Vua vì chức quan của Khổng Tử mới cho gọi Khổng Tử vậy.

5. Mạnh Tử nói với Vạn Chương:

- Phàm là kẻ sĩ thì cần có bạn cùng chí hướng để hỗ trợ cho nhau vậy. Kẻ sĩ ưu tú ở làng nên kết bạn với những kẻ sĩ ưu tú khác ở trong làng. Kẻ sĩ ưu tú nổi tiếng cả nước nên kết bạn với những kẻ sĩ ưu tú nổi tiếng khác trong cả nước. *Kẻ sĩ ưu tú nổi tiếng thiên hạ*

nên kết bạn với những kẻ sĩ ưu tú nổi tiếng khác trong thiên hạ.

Đã kết bạn với kẻ sĩ ưu tú nổi tiếng trong thiên hạ, việc ấy nếu chưa cho là đủ, thì phải trông lên bậc cao hơn, đó là hãy luận bàn về người xưa. Muốn vậy thì phải đọc thơ của người xưa, đọc sách của người xưa. Đã đọc thơ, đọc sách của người xưa, chẳng lẽ lại không biết sự tích của người xưa hay sao? Khi đã biết sự tích của người xưa, thì nên đi sâu luận xét về thời đại họ sống. Như vậy đã tiến tới việc làm bạn với các bậc thánh hiền thuở trước vậy.

IV - MẠNH TỬ VỚI TỀ TUYÊN VƯƠNG

Vua Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử về đạo nghĩa quan khanh là bậc quan sau vua.

Mạnh Tử hỏi:

- Vua muốn về quan khanh nào?

Vua Tề Tuyên vương hỏi lại:

- Đã là quan khanh lại còn phân biệt khác nhau sao?

- Có khác nhau. Có quan khanh thuộc dòng tôn quý, thân thích với vua. Có quan khanh là người ngoài, chẳng có họ hàng với vua.

- Xin hỏi về quan khanh dòng tôn quý, thân thích với vua?

Mạnh Tử thưa:

- Nếu vua phạm sai lầm lớn thì quan khanh phải can gián. Nếu đã can gián nhiều mà vua chẳng nghe, nhất

định quan khanh sẽ họp triều đình và gia tộc để tôn người khác trong họ có tài đức hơn mà thay thế.

Vua Tề Tuyên Vương nghe vậy thấy kinh sợ, mặt biến sắc.

Mạnh Tử thưa tiếp:

- Xin nhà vua đừng cho là lạ. Nhà vua đã hỏi bề tôi thì bề tôi không thể không nói thật lòng.

Vua Tề Tuyên Vương bình tĩnh trở lại, hỏi tiếp về quan khanh là người ngoài, chẳng có họ hàng với vua.

Mạnh Tử nói:

- Nếu như vua phạm sai lầm thì quan khanh phải can gián. Nếu can gián nhiều lần mà vua chẳng chịu nghe, thì quan khanh phải trả chức bỏ đi.

(Khổng Tử khi làm quan ở nước Lỗ, thấy vua quan nước Lỗ ham mê sắc đẹp, can gián chẳng được, ngài cũng trả chức mà đi).

Chương 11

CÁO TỬ CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - MẠNH TỬ VỚI CÁO TỬ

1. Cáo Tử[1] hỏi:

- Bản tính tự nhiên của người có thể ví như cây mây. Điều nhân nghĩa của người có thể ví như sản phẩm là giỏ mây. Nếu đem bản tính tự nhiên của người mà làm

---

1. Người thời Chiến Quốc, có tên Bất Hại, cuộc đời không rõ. Nhờ biện luận tính thiện với Mạnh Tử mà trở nên nổi tiếng.

điều nhân nghĩa thì cũng giống như đem cây mây mà làm thành giỏ mây vậy[1].

Mạnh Tử nói:

- Ngươi có thể thuận theo bản tính của cây mây để bện ra giỏ mây được chăng? Ắt là chẳng phải như vậy, mà ngươi phải làm hại đến bản tính cây mây bằng cách chặt chẻ nó ra, rồi mới bện được giỏ mây. Nếu phải làm hại đến bản tính cây mây rồi mới bện được giỏ mây; thì như vậy ngươi nói cũng phải làm hại đến bản tính tự nhiên của người rồi mới làm được điều nhân nghĩa hay sao? Nói làm điều nhân nghĩa thì phải tự làm hại cái bản tính tự nhiên của mình, như thế thì cái lý lẽ của ngươi chỉ khiến cho người trong thiên hạ đều sợ mà xa lánh điều nhân nghĩa đó thôi.

2. Cáo Tử nói:

- Bản tính tự nhiên của người ví như dòng nước chảy, khi người ta khai thông phía đông thì nó chảy về phía đông, còn khi người ta khai thông về phía tây thì nó chảy về phía tây. Bản tính tự nhiên của người không phân ra thiện hay ác, cũng như dòng nước không phân biệt chảy về phía đông hay về phía tây.

---

1. Cáo Tử cho rằng bản tính người chẳng thiện, chẳng ác, vì người biết dùng nó mà làm điều nhân nghĩa vậy thôi. Còn Mạnh Tử lại cho rằng bản tính người vốn thiện, bồi dưỡng bản tính sẽ phát triển được nhân nghĩa, nên mới phản bác nhận thức của Cáo Tử là vậy.

Mạnh Tử nói:

- Nước quả đúng là không phân biệt chảy về phía đông hay về phía tây, nhưng chẳng lẽ không phân ra trên với dưới, cao với thấp hay sao?

Bản tính của con người vốn thiện giống như nước luôn luôn chảy về chỗ thấp vậy. Con người ta không có ai bất thiện cả, cũng như không có thứ nước nào mà không chảy về chỗ thấp.

Này nhé, giả thử như ngươi đập mạnh một cái vào nước là nó tung tóe lên cao, thậm chí có thể vượt trán ngươi; nếu be bờ ngăn hướng chảy thì nó có thể tràn lên sườn núi, nhưng phải chăng đây là bản tính của nước? Đó chẳng qua là do tình thế bên ngoài khiến nó phải như vậy.

Con người cũng vậy, cũng có thể bị thúc ép mà làm điều bất thiện, đó là do bản tính thiện đã bị cải biến đi, giống như nước bị ép phải chảy ngược vậy[1].

3. Cáo Tử nói:

- Bản tính chẳng qua là của trời sinh ra vậy.

Mạnh Tử nói:

- Bản tính do trời sinh ra, vậy có phải như ngươi muốn nói cái gì có sắc trắng cũng đều là trắng cả ư?

---

1. Mạnh Tử tiếp tục khẳng định: bản tính người vốn thiện. Nếu thuận theo bản tính ấy, người ta ai nấy đều thiện cả. Đi ngược lại bản tính ấy, người ta mới bị dẫn tới chỗ làm điều bất thiện.

- Phải vậy.

- Màu trắng của lông chim cũng như màu trắng của tuyết ư? Màu trắng của tuyết cũng như màu trắng của ngọc trắng ư? Có đúng thế không?

- Đúng như vậy.

- Nếu nói như vậy thì tính của chó cũng giống như tính của trâu, tính của trâu cũng giống như tính của người ư?

- Người ta đều có tính ưa thích ăn ngon và sắc đẹp, vậy sự ưa thích ấy là do nơi mình, là bản tính con người. Cũng như thế, điều nhân tức sự thương yêu là do nơi mình, không phải do nơi ngoài. Còn điều nghĩa tức là lẽ phải là do nơi ngoài, chứ không phải ở nơi mình vậy.

- Căn cứ vào cái gì mà ngươi nói điều nhân là do nơi mình, còn điều nghĩa là do nơi ngoài?

- Ví như có một người mà tôi thấy ông ta tuổi cao hơn tôi, nên tôi mới tôn trọng ông ta, thế thì lòng tôn kính đó chẳng phải do nơi tôi đã có sẵn từ trước. Điều ấy cũng giống như bên ngoài của vật là màu trắng, thì tôi phải gọi là màu trắng, thế thì việc gọi màu trắng ấy là do nơi ngoài. Cho nên nói điều nghĩa tức lẽ phải, là do nơi ngoài vậy.

- Thế thì ngươi coi màu lông trắng của ngựa kim và màu da trắng của người không khác gì nhau. Nhưng ta chẳng biết được rằng đối với một con ngựa già và đối với một người già thì ngươi có kính trọng như nhau không? Vả lại, ngươi thấy kính trọng người lớn tuổi là hợp

nghĩa hay kính trọng cái tuổi lớn của người ấy là hợp nghĩa?

Cáo Tử cố nói:

- Em tôi thì tôi thương nó, còn em người nước Tần thì tôi chẳng thương. Sự thương ấy là do lòng dạ tôi quyết định. Cho nên tôi muốn nói điều nhân tức sự thương yêu là do nơi mình.

Tôi tôn kính người già nước Sở, tôi cũng tôn kính người già nước mình. Đây là cái tuổi lớn ở bên ngoài làm lý do để tôn kính. Cho nên tôi mới nói điều nghĩa tức là lẽ phải là do nơi ngoài vậy.

Mạnh Tử bèn nói:

- Ta ưa món thịt nướng của người nước Tần cũng như ưa món thịt nướng của nhà làm. Này, những món ăn ấy làm ta ưa thích cũng như tuổi lớn của mấy ông lão làm cho ta kính trọng vậy. Như thế thì sự ưa thích ăn thịt nướng cũng là do nơi ngoài sao?[1].

II - MẠNH TỬ VỚI MẠNH QUÝ TỬ VÀ CÔNG ĐÔ TỬ

Mạnh Quý Tử[2] hỏi học trò của Mạnh Tử là Công Đô Tử:

- Căn cứ vào cái gì mà nói điều nghĩa là do nơi mình?

---

1. Cáo Tử cho rằng điều nhân là do nơi mình, còn điều nghĩa là do nơi ngoài. Mạnh Tử lại cho rằng điều nhân và điều nghĩa đều do nơi tâm tính mình cả, vì vậy Mạnh Tử mới phản bác lại Cáo Tử.

2. Mạnh Quý Tử là em Mạnh Trọng Tử. Mạnh Trọng Tử là học trò của Mạnh Tử.

Công Đô Tử nói:

- Là vì lòng kính trọng người được sinh ra từ nội tâm mình cho nên nói điều nghĩa là do nơi mình vậy.

- Làng tôi có người lớn hơn anh tôi một tuổi, nên kính trọng ai hơn?

- Vẫn nên kính trọng người anh hơn.

- Nếu mời hai người ấy uống rượu, nên mời ai trước.

- Mời rượu người làng trước.

- Một đằng mình kính anh mình hơn. Đằng kia mình lại trọng người làng hơn. Như vậy hẳn là do nơi ngoài rồi. Thế thì điều nghĩa chẳng phải do nơi mình vậy.

Công Đô Tử không lý giải được, liền đi hỏi thầy mình là Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói:

- Ngươi có thể đi hỏi Mạnh Quý Tử câu này: "Ông kính trọng chú ruột hơn hay kính trọng em mình hơn?". Thế nào Mạnh Quý Tử cũng trả lời: "Kính trọng chú ruột hơn".

Ngươi sẽ hỏi tiếp: "Nếu người em giả làm thần linh trong một buổi tế lễ, thì ông kính trọng chú ruột hơn hay em hơn?". Mạnh Quý Tử thế nào cũng trả lời: "Kính trọng người em hơn".

Lúc đó, ngươi hỏi tiếp một câu nữa: "Thế tại sao ông lại nói là kính trọng chú ruột hơn?". Mạnh Quý Tử sẽ trả lời: "Ấy là vì trong cuộc tế lễ, em tôi ở vị trí thần linh nên tôi *phải kính trọng hơn chú ruột vậy thôi*".

Bấy giờ ngươi mới giảng giải rằng cũng như thế, trong tiệc rượu vì người làng đang ở địa vị một người khách nên phải mời người ấy trước anh mình. Thường mình kính trọng anh mình hơn người làng, nhưng đôi khi mình phải kính trọng người làng hơn anh mình là vậy.

Mạnh Quý Tử nghe được mấy lời ấy của Mạnh Tử do Công Đô Tử thuật lại, nhưng vẫn khăng khăng nói:

- Khi nên kính chú thì kính chú, lúc cần kính em thì kính em. Như vậy điều nghĩa hẳn là cái phải do nơi ngoài, chứ không thể do nơi mình được.

Công Đô Tử nói:

- Mùa đông mình ưa uống nước nóng, mùa hạ mình ưa uống nước mát. Nếu thuyết của ông mà đúng lý thì ăn uống cũng do nơi ngoài vậy[1].

III - MẠNH TỬ VỚI CÔNG ĐÔ TỬ

1. Công Đô Tử thưa với thầy mình là Mạnh Tử rằng:

- Cáo Tử cho rằng: "Bản tính tự nhiên của con người là không thiện mà cũng chẳng ác".

Nhưng có người nói: "Tính người có thể khiến cho thiện, cũng có thể khiến cho ác. Cho nên thời vua Văn

---

1. Mạnh Quý Tử cũng cho rằng điều nghĩa là do nơi ngoài. Công Đô Tử phản bác lại, cho rằng đến chọn đồ ăn, lựa đồ uống cũng do nơi tâm tính, huống chi là điều lễ nghĩa?

Vương và vua Vũ Vương thì dân chúng đều hướng về điều thiện. Nhưng đến thời vua U Vương và vua Lệ Vương thì dân chúng đều hướng về bạo lực".

Lại có người nói: "Trong nhân loại, người thì có bản tính thiện, kẻ thì có bản tính ác. Cho nên thời thánh nhân như ông Nghiêu làm vua thiên tử, bên cạnh người ác như Tượng là em ông Thuấn và Cổ Tẩu là cha ông Thuấn thì lại có người tốt như ông Thuấn. Rồi đến đời bạo ngược như vua Trụ lấy thân phận là cháu mà được làm vua, nhưng lại có Vi Tử Khởi, Vương Tử Tỷ Cán là người hết sức có nhân làm quan".

Nay thầy giảng bản tính của con người vốn thiện thế thì thuyết của họ ở trên đều sai hết cả sao?

Mạnh Tử nói:

- Nếu luận về tình cảm của con người, tình cảm từ trong bản tính phát ra thì hợp với điều thiện, người ta có thể noi theo đó mà làm điều thiện rồi. Vì vậy nên ta nói bản tính người vốn thiện. Còn một số người bất thiện đó chẳng qua họ tuân theo dục vọng riêng của họ mà thôi, không thể quy tội cho bản tính trời sinh ra được.

Lòng thương xót thì mọi người đều có.

Lòng hổ thẹn, nhục nhã thì chẳng ai không có.

Lòng cung kính khiêm nhường thì ai ai cũng có.

Lòng biết phân biệt phải trái thì người nào cũng sẵn.

Lòng thương xót là đầu mối của nhân.

Lòng hổ thẹn, nhục nhã là đầu mối của nghĩa.

Lòng cung kính khiêm nhường là đầu mối của lễ.

Lòng biết phân biệt phải trái là đầu mối của trí.

Những đầu mối nhân, nghĩa, lễ, trí chẳng phải là cái bên ngoài phú cho mình được, mà là có sẵn nơi mình, chẳng qua là vì mình chưa suy nghĩ tìm tòi ra đấy thôi. Cho nên về những đầu mối này, người đời nói: "Ai cầu tìm thì được, ai phế bỏ thì mất". Nhờ luôn suy nghĩ và tìm tòi những đầu mối ấy, lại biết thi hành rộng ra, mình có thể hơn người hai lần, năm lần, thậm chí vô số lần, mà bản tính của mình đem ra dùng mãi cũng chẳng hết được vậy.

Kinh Thi có câu: "Trời sinh ra dân chúng, hễ có sự vật thì có phép tắc. Dân chúng nhờ phép tắc mà giữ được bản tính thiện của mình, cho nên họ ưa thích những điều thiện đức".

Khổng Tử nói: "Người sáng tác ra câu này đúng là người hiểu đạo lý".

Như thế, phàm có sự vật thì có phép tắc. Dân chúng nắm được quy luật này mà giữ gìn được bản tính vốn thiện của mình. Cho nên họ ưa thích những hành vi thiện đức là vậy.

2. Công Đô Tử hỏi:

- Đều là người cả, nhưng có người là quân tử, có kẻ là tiểu nhân. Vì sao lại như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Ai theo cái tâm chí của mình là người quân tử, ai theo cái giác quan của mình là kẻ tiểu nhân.

Công Đô Tử hỏi:

- Cùng là người cả, nhưng tại sao có người suy nghĩ theo cái tâm chí, có người lại suy nghĩ theo cái giác quan?

Mạnh Tử nói:

- Lỗ tai là cơ quan để nghe, con mắt là cơ quan để thấy. Chúng không thể suy nghĩ được, mà còn thường bị vật bên ngoài đánh lừa, che lấp. Các giác quan đều là vật cả, nên khi tiếp xúc với vật bên ngoài, các giác quan sẽ bị vật bên ngoài lôi cuốn[1].

Chỉ có tâm là cơ quan để suy nghĩ. Có suy nghĩ thì sẽ thông hiểu chân lý, còn không chịu suy nghĩ sẽ chẳng biết được chính tà. Các cơ quan ấy, từ tâm chí cho đến các giác quan, đều do trời ban cho con người. Trước hết mình hãy bồi dưỡng tâm chí, phát huy nó lên thì các giác quan không thể cướp đi tác dụng của suy nghĩ. Làm được như vậy, mình sẽ trở thành người quân tử vậy.

IV - LỜI MẠNH TỬ

1. Năm được mùa, con em mình nhờ no đủ thường trở nên tử tế. Năm mất mùa, con em mình vì đói khổ thường sinh ra hung bạo. Đây chẳng phải do trời sinh ra tâm tính khác nhau, mà là do hoàn cảnh bên ngoài làm đảo lộn và mê hoặc bọn chúng.

Giả dụ lấy việc trồng lúa mì mà nói, cùng vãi giống và làm cỏ một lượt, cách trồng tỉa và chăm bón giống

---

1. Tai mê theo âm thanh, mắt mê theo sắc đẹp, mũi mê theo mùi thơm, miệng mê theo *món ngon, tay mê theo vật mịn.*

nhau, lúa sẽ phát triển bừng bừng, đến hạ chí đều có thể chín hết. Tuy nhiên số lúa gặt được thì có chỗ nhiều, chỗ ít. Sở dĩ có khác nhau như thế, chẳng phải do bản tính của hạt lúa, mà vì yếu tố bên ngoài như đất đai có tốt xấu, nơi màu mỡ nơi không, nơi mưa nhiều mưa ít, quản lý canh tác chăm sóc phân bón có khác nhau.

Cho nên, phàm những vật cùng loại thì bản tính đều như nhau. Nhưng vì sao khi nói đến con người thì lại hoài nghi là bản tính không thể như nhau được? Thánh nhân là người đồng loại tức là cùng bản tính với chúng ta mà thôi.

Vì thế, ông Long Tử có nói: "Người thợ dù không biết cỡ chân người ta bao nhiêu mà bện giày nhưng ta biết chắc là người thợ không thể bện giày thành giỏ được". Giày cỏ tuy lớn nhỏ có khác nhau, nhưng hình dáng giống nhau là vì bàn chân người trong thiên hạ đều như nhau vậy.

Xét về cái miệng đối với mùi vị thức ăn, mọi người cũng đều có ý thích như nhau. Dịch Nha, một người nước Tề có tài nếm món ăn, chẳng qua là người hiểu trước chúng ta cách làm cho sướng cái miệng của người. Giả thử cái miệng của Dịch Nha và của mọi người không giống nhau, cũng giống như chó ngựa và chúng ta không cùng một loại, thế thì tại sao người trong thiên hạ lại đều công nhận Dịch Nha khéo nếm thức ăn? Hễ nói đến khẩu vị, người trong thiên hạ đều nếm và thích giống như Dịch Nha. Điều này chứng tỏ cái miệng của mọi người trong thiên hạ đại thể giống nhau.

Xét về cái tai cũng vậy. Thiên hạ đều công nhận ông Sư Khoáng, quan phụ trách âm nhạc nước Tấn, là người có tài tấu nhạc giỏi nhất. Điều này chứng tỏ cái tai của mọi người trong thiên hạ đại thể giống nhau.

Xét về con mắt cũng thế. Người trong thiên hạ đều công nhận khuôn mặt của Tử Đô rất đẹp. Những kẻ chẳng cho Tử Đô là đẹp, đó là người không có con mắt vậy.

Cho nên nói, cái miệng đối với mùi vị có ưa thích giống nhau; cái tai đối với âm thanh có sự khoái giống nhau; cái mắt đối với dung nhan có thấy đẹp giống nhau. Vậy nói đến tâm tính, đến lòng người, chẳng nhẽ lại không giống nhau ư? Tâm tính của người ta giống nhau ở chỗ nào? Ở chỗ hợp lý, ở nơi hợp nghĩa vậy. Thánh nhân chẳng qua đã tỉnh ngộ trước và bày tỏ được lý và nghĩa cho ta mà thôi[1]. Cho nên nói tâm tính chúng ta hâm mộ điều lý, điều nghĩa giống như miệng của ta thích xơi thịt lợn, thịt bò, thịt chó, thịt dê vậy.

2. Cây cối trên Ngưu Sơn là ngọn núi phía đông nước Tề, trước kia đã từng mọc rất xanh tốt rậm rạp. Nhưng vì nó ở chỗ giáp với một nước lớn, cho nên người ta thường xuyên dùng dao rìu chặt phá. Như vậy làm sao giữ nổi vẻ xanh tốt được?

Cây cỏ ấy ngày đêm nhờ mạch nhựa lưu thông, được mưa sương tưới tắm nên vẫn tiếp tục sinh sôi, vẫn đâm

---

1. Lý là những lẽ đương nhiên từ bản tính. Nghĩa chính là sự thi hành những lẽ đương nhiên ấy.

chồi nảy nhánh. Nhưng người ta lại đem từng đàn bò dê đến ăn phá liên miên, cho nên cảnh núi mới trơ trụi đến như vậy. Người ta nhìn thấy cảnh núi trọc, tưởng rằng xưa nay nó vốn như vậy. Nhưng phải chăng đó là bản tính của núi sao?

Đem đạo lý này vận dụng vào con người cũng như thế. Người ta chẳng lẽ lại không có lòng nhân nghĩa hay sao? Bản tính thiện vốn có, nhưng vì chạy theo dục vọng mà đánh mất lòng nhân nghĩa, cũng giống như cây cối ngày ngày bị chặt phá, ngày ngày bị bò dê dẫm đạp, liệu có thể sum suê được nữa không? Như vậy thì bản tính của người còn có thiện như xưa không?

Tuy nhiên, cũng giống như cây cối, bản tính thiện của người vẫn nảy nở ngày đêm. Con người sau một đêm nghỉ ngơi, tỉnh dậy khi trời vừa hửng sáng, được tiếp xúc với cái khí lực trong lành của buổi ban mai, lúc ấy điều thiện ác phát sinh trong lòng đều giống như người lương thiện. Nhưng từ sáng đến chiều, hành vi của họ lại làm cái khí lực ấy bị mất dần. Cứ mất dần như vậy, ngày này qua ngày khác nhiều lần, nên cái khí lực sinh tính thiện về ban đêm đã không thể giữ nổi tính thiện được nữa. Khi cái khí lực về đêm không giữ nổi tính thiện được nữa, thì con người với cầm thú cũng chẳng khác nhau bao nhiêu. Đến lúc thấy một người nào đó chẳng khác gì cầm thú, rồi cho rằng về cơ bản người này chưa hề từng có tính thiện ở trong người. Nhưng phải chăng đây là bản tính vốn có của người này khi mới sinh ra?

Cho nên nói, nếu khéo chăm sóc nuôi dưỡng thì chẳng có cái gì không sinh trưởng; còn nếu không gây dựng vun trồng thì chẳng có cái gì tránh được họa diệt vong. Khổng Tử nói: "Giữ thì còn, bỏ thì mất, thiện ác đến đi không có định kỳ và cũng không biết nó đi về hướng nào". Đây là Khổng Tử khi bàn về tâm tính mà nói như vậy.

3. Vua nước Tề bất trí, không lấy gì làm lạ. Dù cho thực vật dễ sinh trưởng nhất trong thiên hạ, nhưng nếu một ngày cho ra chỗ nắng mà mười ngày cho vào chỗ rét thì cũng không thể sống nổi. Huống hồ, ta ít có dịp gặp vua, khi ta rời khỏi cung điện của vua thì kẻ tiểu nhân lại vào làm nguội lạnh chí khí của vua đi. Như vậy, ta làm sao khiến cho tấm lòng lương thiện của vua đâm chồi nảy lộc được?

Lấy đánh cờ làm ví dụ vậy. Lúc đầu đó chỉ là một trò giải trí bình thường, một kỹ thuật nhỏ. Nhưng nếu không chuyên tâm tu chí học thì người ta cũng không thể trở thành tay cờ cao thủ được. Ông Dịch Thu là tay cờ cao nhất cả nước. Giả sử ông có hai người học trò. Một người rất chuyên tâm, tinh thần hoàn toàn chú ý vào nước cờ thầy dạy. Còn người kia, tuy vẫn là nghe giảng, nhưng trong đầu óc còn nghĩ đến đàn chim sẽ bay qua những đâu, để còn chuẩn bị cung tên đi bắn. Như thế thì tuy hai người cùng học, cùng một thầy dạy nhưng kết quả sẽ hoàn toàn khác nhau. Đây đâu phải trí lực của hai người khác nhau, người này

không bằng người kia? Ta nói rằng, không phải như vậy[1].

4. Cá là món mà ta thích. Tay gấu cũng là món ta thích. Nhưng nếu không được đồng thời cả hai, ta bỏ món cá lấy món tay gấu.

Sống là điều ta rất cần, nghĩa là điều ta rất muốn. Nhưng nếu không được đồng thời cả hai, ta quyết bỏ mạng sống để cầu được điều nghĩa. Sống đúng là điều ta cần, nhưng ta còn có những điều cần hơn, quan trọng hơn sự sống nữa. Cho nên ta không thể làm những việc cẩu thả để bảo tồn mạng sống.

Chết là điều ta rất ghét. Nhưng ta còn có điều đáng ghét nghiêm trọng hơn nhiều so với cái chết, cho nên ta không tìm cách mà trốn tránh tai họa.

Giả thử có người coi mạng sống là điều hệ trọng hơn tất cả trong mọi ham muốn, thì có thủ đoạn nào mà họ chẳng dùng để giữ được khỏi chết?

Giả thử có người nào đó coi sự chết là điều nguy hiểm hơn nhiều trong mọi điều ghét sợ, thì có việc gì mà họ chẳng làm miễn là tránh được tai họa?

Do đó cần phải khẳng định rằng có thể có được phương pháp để duy trì sự sống nhưng lại không thực

---

1. Vua Tề vẫn là người trí nhưng không theo đức trí mà cai trị, không gần gũi người hiền mà gần gũi kẻ tiểu nhân, giống như cây bị để trong chỗ nguội lạnh. Không chuyên tâm theo đức trí như kẻ học đánh cờ mà xao nhãng thì *kết quả sẽ kém.*

hiện; có thể có được phương pháp tránh tai họa nhưng lại không làm theo. Vì thế có thể biết, còn có cái ham muốn quan trọng hơn mạng sống, còn có cái đáng ghét hơn sự chết. Không phải người có đạo đức mới có suy nghĩ chẳng ham sống, chẳng sợ chết như vậy, mà mọi người ai ai cũng có chẳng qua là người có đạo đức bảo tồn được nó, không để mất đi cái thiện tâm đó thôi.

Nhiều người gặp cảnh có một giỏ cơm, có một bát canh là có thể sống được, không có là chết. Nhưng nếu hùng hổ quát tháo trái lễ mà ném cho người ta, thì kẻ đói ở dọc đường cũng chẳng thèm nhận. Nếu còn chà đạp lên rồi mới quẳng cho người, thì đến kẻ ăn mày cũng coi khinh.

Thế nhưng trước bổng lộc vạn chung thì chẳng biết phân biệt hợp lễ hay không mà vẫn nhận. Bổng lộc vạn chung đó đối với ta có ích lợi gì? Phải chăng nhận để làm cho nhà cửa của ta lộng lẫy hơn ư? Nhận để cưới thêm thê thiếp cung phụng ta ư? Hay là để cho người cùng khổ được ta cưu mang giúp đỡ chịu ơn ta hơn nữa?

Trước đây vì trái lễ mà ta thà chết cũng không nhận, không lẽ bây giờ vì nhà cửa lộng lẫy mà nhận?

Trước đây vì trái lễ mà ta thà chết không nhận, không lẽ bây giờ vì sự cung phụng của thê thiếp nên vẫn cứ nhận?

Trước đây vì trái lễ mà ta thà chết không nhận, không lẽ bây giờ vì sự mang ơn của những người cùng khổ đã được ta cứu giúp mà nhận?

Những điều trái lễ này không thể dừng lại được nữa ư?

Nếu không thay đổi mà vẫn theo đuổi bổng lộc hậu trọng thì có thể nói là đã đánh mất bản tính vốn thiện của con người rồi đó.

5. Nhân, đó là lương tâm của con người. Nghĩa, đó là con đường chính đại của con người. Vứt bỏ con đường chính nghĩa mà không đi; đánh mất bản tính lương thiện của mình mà không biết tìm về, những kẻ như vậy thật đáng thương thay!

Gà và chó của họ bị lạc thì họ cũng còn biết tìm về, còn bản tính thiện của họ bị mất đi rồi mà họ chẳng biết tìm về. Đạo học vấn chẳng phải là cái gì khác, chỉ là tìm về cho được cái bản tâm vốn thiện đã bị đánh mất đi.

6. Giả sử hiện nay một người có ngón tay vô danh[1] bị quặp lại không duỗi thẳng ra được. Tuy vậy, đây không phải là tật bệnh gì đau đớn hoặc trở ngại đến việc làm ăn. Nhưng nếu có thể làm thẳng ra được, thì dù có phải đi sang nước Tần hay nước Sở để chữa trị, người ấy cũng không cho là xa. Đó chỉ là vì ngón tay vô danh chẳng bằng người mà thôi. Ngón tay không bằng người thì mình biết chán ghét, còn tâm tính không bằng người thì mình lại không biết chán ghét ư? Đây gọi là không biết phân biệt cái giá trị cao thấp nặng nhẹ của sự vật vậy.

7. Cây đồng, cây tử có loại lớn vừa một ôm, có loại nhỏ bằng nắm tay. Người muốn cho nó sinh trưởng tốt,

---

1. Còn gọi là ngón áp út hay ngón nhẫn.

đều biết cách trồng và chăm sóc nó. Nhưng còn cái thân họ thì họ chẳng biết cách bồi dưỡng. Như vậy chẳng lẽ họ không yêu mình bằng yêu cây đồng, cây tử sao? Đó là sự thiếu suy xét hết sức nghiêm trọng vậy.

8. Con người ta đối với thân thể mình, bộ phận nào cũng yêu quý. Bởi đều yêu quý nên đều phải bồi dưỡng. Không có một tấc da nào không yêu quý, nên không có một tấc da nào mà không bồi dưỡng.

Muốn xem xét thiện và bất thiện ở một con người thì nên làm thế nào? Chỉ cần xem người ấy chú ý vào mặt nào là biết ngay.

Trong thân thể con người, có phân biệt quan trọng và không quan trọng, có phân biệt to lớn và nhỏ nhen.

Không vì phần nhỏ nhen mà tổn hại phần to lớn.

Không vì phần không quan trọng mà tổn hại đến phần quan trọng.

Người chỉ lo bồi dưỡng phần nhỏ nhen là kẻ tiểu nhân.

Người lo bồi dưỡng phần to lớn là người quân tử.

Giả thử hiện nay một kỹ thuật viên xây dựng công viên, hoàn toàn bỏ hết các cây gỗ quý mà chỉ biết trồng các loại cây bụi rậm, thì đó là kỹ thuật viên loại tồi.

Giả thử có người chỉ lo giữ gìn ngón tay chỉ, mà để mất vai và lưng mình, thế mà tự mình chẳng biết được, thì đó là loại người u mê hồ đồ.

Kẻ nào chỉ biết quan tâm đến ăn uống mà thôi thì đáng bị người ta coi thường. Đó là vì kẻ ấy chỉ biết bồi dưỡng phần nhỏ nhen mà quên mất phần to lớn.

Còn người nào biết quan tâm đến ăn uống nhưng không để mất đi phần quan trọng, không để mất đi phần to lớn, thì ăn uống của người ấy đâu chỉ để thỏa mãn việc bồi dưỡng từng tấc da?

9. Về tước vị thì có thiên tước tức là tước vị do trời ban cho mình và nhân tước tức là tước vị do người cấp cho mình. Những đức hạnh như nhân, nghĩa, trung, tín, ham mê làm điều thiện không biết mệt mỏi, từ đó mà ai cũng kính trọng mình, đó là thiên tước vậy. Còn chức công, khanh, đại phu, là tước vị được phong, đó là nhân tước vậy.

Người đời xưa tu dưỡng thiên tước nơi mình mà chẳng ham cầu nhân tước, nhưng nhân tước tự nhiên theo đó mà đến. Còn người hiện nay cũng tu dưỡng thiên tước trước, nhưng mục đích là để theo đuổi nhân tước. Một khi đã đạt được nhân tước, họ liền đánh mất thiên tước. Đây thật là hồ đồ. Kết quả họ sẽ bị mất cả thiên tước và nhân tước.

10. Ham muốn tôn quý, đó là tâm lý chung của mọi người. Nhưng mỗi người đều có cái tôn quý tự nhiên của mình, nhưng lại chưa chịu suy nghĩ đến nơi đến chốn về điều ấy mà thôi. Chứ còn cái tôn quý mà người khác ban cho mình thì chẳng phải là cái tôn quý sẵn có nơi mình,

nên không vững chắc. Chẳng hạn như ông Triệu Mạnh là quan khanh nước Tấn ban cho mình sự tôn quý, thì ông Triệu Mạnh cũng có thể thủ tiêu sự tôn quý đó, khiến cho mình càng bị khinh rẻ coi thường.

Kinh Thi có câu: "Người ta say là tại uống rượu, người ta no là nhờ dưỡng đức". Ý là muốn nói, có phẩm đức nhân nghĩa đầy đủ rồi thì chẳng còn hâm mộ gì đến cao lương mỹ vị của người khác. Thanh danh tiếng tốt đã đồn xa, như vậy đủ trang sức cho mình một cách rực rỡ rồi. Cho nên mình chẳng còn hâm mộ bộ quan phục lòe loẹt bằng cẩm tú của người khác làm gì.

11. Điều nhân có thể thắng điều bất nhân, giống như nước có thể dập tắt lửa. Hiện nay, người làm điều nhân quá ít ỏi, giống như dùng một ca nước đi dập tắt một xe củi đang cháy vậy, thấy lửa chả dập được, liền nói: "Nước không thể dập tắt lửa". Nói như vậy là lại càng tiếp sức cho bọn bất nhân làm bậy. Còn người làm điều nhân cuối cùng cũng đánh mất luôn điều nhân của mình đi thôi.

12. Ngũ cốc có thể nói là thứ quý nhất trong các loại cây trồng, nhưng nếu không đâm bông kết hạt, thì chẳng bằng cỏ kê cỏi lác. Làm điều nhân cũng vậy, phải đạt tới độ chín thành thục mới phát huy được tác dụng.

13. Hậu Nghệ dạy người ta bắn cung, bao giờ cũng yêu cầu kéo thật căng dây cung, người học cũng phải cố gắng kéo căng dây cung. Người thợ mộc cao tay dạy

người nhất định phải theo thước mực, người học cũng nhất định phải theo phép tắc mẫu mực mà làm.

Chương 12

CÁO TỬ CHƯƠNG CÚ HẠ

I - MẠNH TỬ VỚI ỐC LƯ TỬ

1. Một người nước Nhiệm hỏi Ốc Lư Tử là học trò của Mạnh Tử rằng:

- Lễ với ăn, cái nào quan trọng hơn?

Ốc Lư Tử trả lời:

- Lễ quan trọng hơn.

- Lễ với nữ sắc, cái nào quan trọng hơn?

- Lễ quan trọng hơn.

- Nếu hợp lễ mới ăn thì chắc phải nhịn đói mà chết. Nếu không hợp lễ nhưng cứ ăn thì được ăn mà không chết đói. Vậy có nên khư khư giữ lễ chăng? Lại nữa, nếu tuân theo lễ nghi đón dâu thì chẳng lấy được vợ, không tuân theo lễ nghi đón dâu, thì lại lấy được vợ. Vậy cứ phải theo lễ nghi đón dâu sao?

Ốc Lư Tử không trả lời được, ngày hôm sau đi sang nước Trâu hỏi Mạnh Tử.

Mạnh Tử nói:

- Trả lời mấy câu hỏi này có khó gì? Nếu không so phần gốc mà chỉ so phần ngọn, thì một mẩu gỗ dài một

tấc đặt ở vị trí cao nhất vẫn có thể cao hơn chỗ cao nhất của lầu cao. Chúng ta đều biết sắt nặng hơn lông chim, nhưng đâu có thể nói một mảnh sắt nặng ba gam lại có thể nặng hơn một chiếc xe lớn chất đầy lông chim. Lấy chỗ quan trọng nhất của ăn uống so với chi tiết nhỏ nhất của lễ phép, thì ăn uống quan trọng hơn chứ gì? Lấy chỗ quan trọng nhất về sắc đẹp so với chi tiết nhỏ nhất của lễ phép, thì sắc đẹp quan trọng hơn chứ gì?

Ngươi hãy về trả lời với người nước Nhiệm rằng: "Giả sử cứ phải vặn chéo tay người anh rồi cướp cái ăn của anh thì mới có cái ăn; không làm như vậy thì không có cái ăn, thế anh ta có vặn tay anh mình không? Cứ vượt qua tường rào nhà phía đông, ôm bừa con gái nhà người ta thì mới có vợ; không làm như thế thì không có vợ, anh ta có dám trèo tường ôm bừa con gái nhà người ta không?".

2. Khi Mạnh Tử còn ở nước Trâu, Quý Tử được tạm thay anh mình cai trị nước Nhâm, có cử người sang nước Trâu tặng lễ vật cho Mạnh Tử để kết giao với Mạnh Tử. Mạnh Tử tiếp nhận lễ vật, nhưng chưa có dịp cảm ơn.

Khi Mạnh Tử ở Bình Lục là một địa phương của nước Tề, tể tướng nước Tề là Trừ Tử cũng cử người đến Bình Lục tặng lễ vật cho Mạnh Tử để kết giao với Mạnh Tử. Mạnh Tử cũng tiếp nhận lễ, nhưng chẳng đến cảm tạ.

Về sau, Mạnh Tử có dịp đến nước Nhâm, liền đến bái tạ Quý Tử. Nhưng khi từ Bình Lục đến đô thành nước Tề, Mạnh Tử lại không đến Trừ Tử để bái tạ.

Ốc Lư Tử lấy thế vui mừng nói:

- Qua hai sự việc này, tôi đã tìm ra được điều sai trái của thầy Mạnh Tử rồi.

Nói rồi, Ốc Lư Tử tìm gặp Mạnh Tử nói:

- Thầy đến nước Nhâm trước, có đến gặp Quý Tử để bái tạ. Nhưng khi thầy đến nước Tề, lại không đến Trừ Tử để bái tạ. Có phải Trừ Tử chỉ là hàng khanh tướng, nên thầy không cảm tạ đúng không?

Mạnh Tử nói:

- Chẳng phải như vậy. Sách Thượng Thư có câu: "Hưởng lễ biếu tặng, quý nhất là ở chỗ nghi lễ. Nghi lễ không đầy đủ, dù cho lễ vật có nhiều cũng xem như không có biếu tặng gì. Bởi vì, bụng dạ của người biếu tặng lễ vật không để tâm vào việc biếu tặng". Nguyên nhân ta không đến là ở chỗ Trừ Tử vì người ấy chưa làm đúng nghi lễ biếu tặng.

Ốc Lư Tử nghe vậy lấy làm hài lòng. Có người hỏi Ốc Lư Tử về việc này, Ốc Lư Tử nói:

- Quý Tử vì bận lo thay anh giải quyết công việc triều chính, nên không tự mình đến nước Trâu để trực tiếp biếu tặng. Còn Trừ Tử có điều kiện đến Bình Lục, tại sao lại cử người đi mà không tự đi?

II - MẠNH TỬ VỚI TÀO GIAO

Tào Giao là em vua nước Tào hỏi:

- Mọi người đều có thể trở thành người như vua Nghiêu, vua Thuấn cả, nói như vậy có đúng không?

Mạnh Tử nói:

- Đúng vậy.

Tào Giao lại hỏi:

phải?

Mạnh Tử nói:

- Việc ấy có quan hệ gì đến người cao thấp, mà là do có chịu làm hay không mà thôi.

Giả thử có một người, trước đây không chịu gắng sức nên đến một con gà con cũng không nhấc nổi thì ai cũng bảo người đó không có sức lực; nếu bây giờ nhấc nổi một vật nặng ba nghìn cân thì ai cũng bảo người đó rất có sức lực. Vậy có thể nhấc nổi một vật nặng như Ô Hoạch đã nhấc, thì được xem là khỏe như Ô Hoạch rồi. Chẳng lẽ người ta cứ ngồi không, mà lo lắng là mình không thể gánh vác được một việc gì hay sao? Chỉ nên lo rằng mình chẳng chịu làm mà thôi.

Ví như một người đi sau, nhường bước cho người lớn tuổi, đó được gọi là người biết tôn trọng người nhiều tuổi. Còn như mau chân vượt lên trước người lớn tuổi, được gọi là người không biết tôn trọng người nhiều tuổi. Đi chậm một tý, chẳng lẽ là việc người ta không làm nổi sao? Chỉ là không chịu làm đó thôi.

Đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn chẳng qua chỉ có hai điều là hiếu và đễ mà thôi. Nay nếu như ngươi mặc

áo kiểu của vua Nghiêu, đọc thông thạo lời nói của vua Nghiêu, làm theo việc của vua Nghiêu hay làm, đó là Kiệt rồi.

Tào Giao nói:

- Tôi nhất định yết kiến với vua nước Trâu, mượn một nơi để ở, nguyện ở lại làm một học trò của thầy.

Mạnh Tử nói:

- Đạo giống như một con đường rộng lớn vậy. Biết được lẽ đạo đâu có khó gì, chỉ sợ không chịu đi tìm thôi. Ngươi cứ trở về nước mà tự tìm đến với đạo lý. Đừng sợ thiếu thầy[1].

III - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU

1. Công Tôn Sửu hỏi:

- Cao Tử nói: "Tiểu Biền là bài thơ do kẻ tiểu nhân làm ra", có đúng như vậy không?

Mạnh Tử hỏi lại:

- Dựa vào cái gì mà Cao Tử nói như vậy?

---

1. Nói còn tìm chỗ ở rồi mới theo học là chưa thiết tha, nên Mạnh Tử mới từ chối khéo như vậy.

Công Tôn Sửu nói:

- Vì trong bài thơ này, kẻ làm con thổ lộ toàn là tình cảm oán trách cha mẹ.

Mạnh Tử nói:

- Tiên sinh Cao Tử đánh giá như vậy là quá cứng nhắc. Ví dụ có một người ở đây, nếu một người nước Việt giương cung bắn anh ta, anh ta có thể tự mình dùng lời lẽ ôn hòa mà can gián tránh xảy ra nguy hiểm. Đó chẳng qua chỉ vì người nước Việt và anh ta là người xa lạ, không quen biết gì nhau. Nếu anh ruột anh ta giương cung bắn anh ta, anh ta nhất định khóc rống lên mà ngăn cản. Đó chẳng qua chỉ vì anh ta với anh ruột mình là người thân thích.

Bài thơ Tiểu Biền chép lời oán thán của kẻ làm con, đó là vì tình thương yêu cha mẹ vậy. Tình thương yêu cha mẹ hẳn là biểu hiện của điều nhân rồi. Tiên sinh Cao Tử giảng giải thơ văn như vậy là quá cứng nhắc.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Vì sao bài thơ Khải Phong, kẻ làm con lại chẳng biểu lộ tình cảm oán trách cha mẹ.

Mạnh Tử nói:

- Trong bài thơ Khải Phong thì cha mẹ phạm lỗi nhỏ, chỉ có hại cho làng thôi. Còn trong bài thơ Tiểu Biền thì cha mẹ phạm lỗi lớn, có hại đến đất nước. Lỗi lầm của cha mẹ lớn mà không oán thán gì, chứng tỏ mình thờ ơ, hững hờ với cha mẹ. Lỗi lầm của cha mẹ nhỏ, mà oán hận sâu, như vậy là mình chẳng biết nén sự giận dữ.

Hững hờ với cha mẹ, đó là kẻ bất hiếu. Chẳng biết nén sự giận dữ, cũng là bất hiếu. Khổng Tử nói: "Vua Thuấn được xem là người con hiếu thuận nhất thiên hạ. Năm mươi tuổi rồi mà vẫn còn lưu luyến với cha mẹ như hồi còn xuân xanh".

2. Vua nước Lỗ định để Nhạc Chính Tử là học trò của Mạnh Tử chủ trì công việc hành chính.

Mạnh Tử nói:

- Ta được tin này, mừng không ngủ được.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Nhạc Chính Tử là người có chí kiên cường chăng?

- Không phải.

- Nhạc Chính Tử có trí, mưu chăng? Hay là người nghe nhiều biết rộng?

- Cũng đều không phải.

- Thế thì vì sao mà thầy vui đến mức không ngủ được?

- Vì Nhạc Chính Tử là người ưa điều thiện.

- Chỉ ưa điều thiện là đủ rồi ư?

Mạnh Tử nói:

- Ưa điều thiện thì thích nghe điều hay lẽ phải và biết tiếp thu điều hay lẽ phải, như thế đủ để cai trị cả thiên hạ chứ đâu chỉ cai trị một mình nước Lỗ. Nếu thích nghe điều hay lẽ phải, lại biết tiếp thu nữa thì người ngoài nghìn dặm cũng vui lòng đến để mách bảo

điều hay lẽ phải. Nếu chẳng thích nghe điều hay lẽ phải thì người ta sẽ bảo nhau rằng kẻ ấy tự cho mình là đủ, nếu nói điều hay lẽ phải thì kẻ ấy sẽ nói: "Ta biết tỏng từ lâu rồi", mà giọng nói còn kéo dài ra và sắc mặt như muốn đuổi người ta ra khỏi nghìn dặm. Kẻ sĩ dừng chân ngoài nghìn dặm không đến nữa, thì bọn a dua nịnh bợ liền đến ngay. Người nắm quyền chung chạ với bọn gièm pha nịnh bợ, dẫu muốn trị nước tốt, thử hỏi có được không?

IV - MẠNH TỬ VỚI TỔNG HÌNH

Tổng Hình là nhà thuyết khách nước Tề đang trên đường đến nước Sở. Mạnh Tử gặp Tổng Hình ở Thạch Khâu, liền hỏi:

- Tiên sinh định đi đâu đấy?

Tổng Hình nói:

- Tôi nghe vua nước Tần và vua nước Sở sắp xua binh đánh nhau. Tôi định đến vua nước Sở khuyên nên bãi binh. Nếu vua nước Sở chẳng chịu nghe thì tôi sẽ đi gặp vua nước Tần, khuyên nên bãi binh. Trong hai vị vua ấy, thế nào cũng gặp được một vị vua thuận theo.

- Tôi đây chẳng dám hỏi kỹ, chỉ muốn biết đại ý của tiên sinh định khuyên họ như thế nào?

- Tôi sẽ nói rằng giao tranh là điều bất lợi của cả hai nước.

Mạnh Tử liền nói:

- Chí hướng của tiên sinh thật là lớn. Nhưng cách nghĩ của tiên sinh thì chưa ổn.

Nếu tiên sinh lấy việc lợi để thuyết phục vua nước Tần và vua nước Sở, họ rất thích lợi nên chịu ngừng đánh nhau. Điều này khiến binh tướng của họ cũng vì ham lợi mà bãi binh. Kẻ làm tôi vì ham lợi mà thờ vua. Kẻ làm con vì ham lợi mà thờ cha mẹ. Kẻ làm em ham lợi mà thờ anh.

Điều này khiến cho giữa vua tôi, cha con, anh em đều vứt bỏ nhân nghĩa, chỉ vì điều lợi mà đối đãi với nhau. Những quốc gia như vậy mà chẳng bị diệt vong, thì chưa từng có bao giờ vậy.

Nếu tiên sinh lấy nhân nghĩa mà thuyết phục vua nước Tần và vua nước Sở, họ vì thích nhân nghĩa mà ngừng chiến tranh. Điều này sẽ khiến cho binh tướng hai nước cũng vì thích nhân nghĩa mà vui vẻ bãi binh. Kẻ làm bề tôi vì nhân nghĩa mà thờ vua. Kẻ làm con vì nhân nghĩa mà thờ cha mẹ. Kẻ làm em vì nhân nghĩa mà thờ anh.

Điều này sẽ khiến cho vua tôi, cha con, anh em đều vứt bỏ điều lợi, lấy nhân nghĩa mà đối đãi với nhau. Làm được như vậy mà quốc gia không hưng thịnh, thì cũng chưa từng có bao giờ.

Vậy tại sao cứ phải nói đến điều lợi?

V - MẠNH TỬ VỚI THUẦN VU KHÔN

Trước ngày Mạnh Tử rời khỏi nước Tề, Thuần Vu Khôn là nhà thuyết khách nói:

- Người nào coi trọng danh dự, lưu tâm đến sự nghiệp, ấy là người làm việc giúp đời. Còn kẻ nào coi thường danh dự, không màng đến sự nghiệp, ấy là kẻ chỉ biết lo cho bản thân mình. Tiên sinh là một trong ba vị khanh tướng ở nước Tề, nhưng chưa làm tròn được danh dự, chưa xây dựng được sự nghiệp, trên chưa phò tá được vua, dưới chưa cứu được dân, thế mà đã bỏ đi rồi. Người có lòng nhân ái như tiên sinh lẽ nào lại có thể làm như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Dù ở địa vị thấp, nhưng chẳng chịu đem tài đức phụng sự một vị vua vô đạo, người ấy là ông Bá Di vậy. Năm lần đến với vua Thang, năm lần đến với vua Kiệt tức là vua nhân đức cũng phù mà vua bạo ngược cũng giúp, người đó là ông Y Doãn vậy. Không chán ghét một vị vua u muội, không cự tuyệt chức vụ thấp, người đó là ông Liễu Hạ Huệ vậy.

Ba người này không đi cùng một con đường, nhưng mục đích là như nhau. Nhờ đâu có được sự nhất trí như vậy? Đó là nhờ điều nhân. Người quân tử chỉ chú trọng làm điều nhân mà thôi. Còn về cách hành động thì cần gì phải giống nhau?

Thuần Vu Khôn nói:

- Thời vua Lỗ Mục Công, ông Công Nghi Tử làm tể tướng chủ trì việc nước, ông Tiết Liễu và ông Tử Tư cũng là bậc đại thần trong triều. Ba ông ấy đều tài đức cả, thế mà để nước Lỗ suy sụp tệ hại. Như vậy, người hiền tài chẳng có ích gì đối với đất nước vậy.

- Vua nước Ngu không dùng Bách Lý Hề, dẫn đến diệt vong. Vua Tần Mục Công nhờ dùng Bách Lý Hề, mà được xưng bá. Không dùng người hiền tài sẽ dẫn đến diệt vong, huống chi chỉ bị suy sụp thôi sao?

- Ngày trước, Vương Báo ở bên bờ sông Kỳ, người dân bờ tây của sông đều thích ca hát. Miên Câu ở xứ Cao Đường, người ở phía tây nước Tề cũng thích ca hát. Vợ hai viên quan Hoa Chu và Kỷ Lương biết khóc chồng, từ đó làm thay đổi được phong tục cả nước. Tài đức tồn tại ở bên trong thường biểu hiện ra bên ngoài thông qua công việc. Khôn này chưa từng thấy người có tài đức mà chẳng làm nên sự nghiệp bao giờ. Cho nên hiện nay trong thiên hạ không có người hiền tài, nếu có là Khôn này đã biết rồi.

Mạnh Tử bèn nói:

- Khổng Tử khi ở nước Lỗ làm quan tư khấu, nhưng vì vua chẳng chịu nghe theo lẽ phải, nên muốn bỏ đi. Một hôm triều đình cử hành việc tế lễ, nhân việc không thấy ai đưa thịt tế đến cho các quan đại phu, Khổng Tử liền vội bỏ đi ngay. Người không hiểu Khổng Tử cho rằng chỉ vì miếng thịt mà bỏ đi. Người hiểu Khổng Tử cho rằng vì triều đình thất lễ mà bỏ đi. Đến Khổng Tử cũng phải chờ cho nhà vua phạm lỗi nhỏ nào đó rồi mới bỏ đi được, chứ không muốn mang tiếng tùy tiện bỏ đi. Hành động của người quân tử, người thường khó mà hiểu được.

VI - MẠNH TỬ VỚI THẬN TỬ

Vua nước Lỗ định cử Thận Tử làm tướng quân đem binh đi đánh nước Tề. Mạnh Tử liền nói với Thận Tử:

- Không dạy trước cho dân về binh pháp mà đã đưa họ đi đánh nhau, như vậy là làm hại dân. Đời vua Nghiêu, vua Thuấn, những kẻ hại dân là không thể dung tha. Dẫu đánh một trận mà thắng được nước Tề, chiếm được Nam Dương, ông cũng không nên đánh.

Thận Tử mặt biến sắc, không hài lòng, nói:

- Tôi thật chẳng hiểu được điều ấy vậy.

Mạnh Tử liền nói:

- Thế thì để tôi nói cho ông hiểu. Đất đai của vua thiên tử vuông vức nghìn dặm. Nếu không đủ nghìn dặm thì hoa lợi thu được không đủ để tiếp đãi các vua chư hầu.

Đất đai của các vua chư hầu thì vuông vức trăm dặm. Nếu không đủ trăm dặm thì hoa lợi thu được chẳng đủ giữ gìn nghi lễ, không đủ để phụng thờ tông miếu. Ngày trước, ông Chu Công được phong đất ở nước Lỗ vuông vức một trăm dặm, không phải vì thiếu đất đai, mà vì quy định chỉ được ban tặng một trăm dặm mà thôi. Ông Thái Công được phong đất ở nước Tề vuông vức cũng là một trăm dặm, không phải vì thiếu đất, mà vì quy định chỉ được ban tặng một trăm dặm là cùng.

Hiện nay đất đai nước Lỗ đã vuông vức gấp năm lần một trăm dặm. Nếu xuất hiện bậc vua hiền minh tài đức, thì theo ý ông, vị vua ấy sẽ giảm đất đai nước Lỗ hay tăng thêm? Người có lòng nhân dù cho đem đất của nước này mà cho nước kia cũng không nỡ làm, huống hồ lại còn đánh nhau để chiếm đất.

Người quân tử thờ vua cốt phải hướng vua đi theo chính đạo, chỉ để tâm vào điều nhân mới phải.

VII - MẠNH TỬ VỚI BẠCH KHUÊ

1. Bạch Khuê hỏi Mạnh Tử rằng:

- Tôi định thu thuế theo tỷ lệ một phần hai mươi mức sản lượng đã thu hoạch. Liệu có được không?

Mạnh Tử nói:

- Phép đánh thuế mà ông định thi hành chẳng qua giống như phép của người Mạch phương Bắc. Giả thử có một nước có một vạn hộ, nhưng chỉ có một người làm đồ gốm thì có được không?

Bạch Khuê nói:

- Không được. Vì như vậy thì đồ gốm sẽ không đủ dùng.

Mạnh Tử liền nói:

- Ở nước Mạch, các loại ngũ cốc đều không sống nổi, chỉ có cây kê nếp là sống được. Họ không có thành quách, nhà ở, tông miếu và lễ nghi tế lễ. Họ không có việc biếu tặng lễ vật và thết đãi yến tiệc với nhau. Họ cũng không có các loại quan chức và công sở. Cho nên ở đấy, người nắm quyền chỉ thu một phần hai mươi là đủ dùng rồi.

Còn hiện nay, chúng ta là một nước ở Trung Quốc mà bỏ đạo luân thường, không có ngạch quan chức trị

dân, sống như cuộc sống của người dân nước Mạch thì có nên không? Nếu mới chỉ có số người làm đồ gốm quá ít mà cả nước đã không đủ dùng, huống hồ là nước không có người quân tử học rộng tài cao lãnh đạo thì sẽ ra sao? Nếu ai đó muốn lấy thuế nhẹ hơn phép vua Nghiêu, vua Thuấn thì người ấy chẳng khác gì kẻ tiểu nhân nước Mạch, thiếu nhìn xa thấy rộng vậy. Còn kẻ nào muốn lấy thuế nặng hơn phép vua Nghiêu, vua Thuấn thì kẻ ấy chẳng khác gì vua Kiệt vốn nổi danh bạo ngược vậy.

2. Bạch Khuê nói:

- Tôi đây trị thủy còn giỏi hơn ông Vũ.

Mạnh Tử nói:

- Ông nhầm rồi. Thuở xưa, ông Vũ trị thủy là thuận theo bản tính tự nhiên của nước, cho nên ông Vũ khai thông các con sông cho nước chảy ra bốn biển. Biển đã trở thành nơi chứa nước khổng lồ. Còn ngày nay, ông trị thủy lại đắp đê để cho nước chảy sang các nước láng giềng, làm hại các nước ấy. Nước chảy ngược sao tránh khỏi tràn bờ. Mà đã tràn bờ tức là lụt lội rồi đó. Người có đức nhân rất ghét việc làm như vậy. Ông nhầm rồi đó.

VIII - MẠNH TỬ VỚI TRẦN TỬ

Trần Tử tức là Trần Trăn, học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Thuở xưa, người quân tử được đối đãi như thế nào mới ra làm quan?

Mạnh Tử nói:

- Có ba cảnh ngộ người quân tử nên ra làm quan, mà ngược lại cũng có ba cảnh ngộ người quân tử nên rút lui.

Cảnh ngộ thứ nhất là: Vua thể hiện lòng kính trọng, đón tiếp đúng lễ nghi, tỏ rõ ý đồ thực hiện chủ trương của người quân tử thì người quân tử nên nhận ra làm quan. Ngược lại, vua vẫn thể hiện lòng kính trọng, lễ nghi đối xử vẫn thế, nhưng chẳng có chủ trương thực hiện ý đồ của người quân tử thì người quân tử nên từ quan ngay.

Cảnh ngộ thứ hai là: Tuy vua chưa thực hiện nổi chủ trương của người quân tử, nhưng biết kính trọng, đón tiếp đúng lễ nghi thì người quân tử nên nhận ra làm quan. Trái lại, vua bắt đầu bớt sự kính trọng và thiếu lễ nghi cần thiết thì người quân tử nên từ quan ngay.

Cảnh ngộ thứ ba là: Người quân tử mải lo về đạo, buổi sáng nhịn ăn, buổi chiều nhịn miệng, đói lả đến mức không còn sức mà ra khỏi cửa. Vua biết được nói: "Ta làm người bề trên, dù không thể thực hiện học thuyết của ngươi, không thể làm theo lời nói của ngươi, nhưng lại để cho ngươi bị đói trên đất ta, ta lấy làm hổ thẹn vậy". Ở cảnh ngộ ấy, nếu vua cứu giúp thì người quân tử có thể nhận ra làm quan. Đó chẳng qua là để khỏi phải chết đói mà thôi.

IX - LỜI MẠNH TỬ

1. Năm vị bá chủ[1] là kẻ có tội đối với ba đời[2] vua trước. Các vua chư hầu hiện nay là kẻ có tội đối với năm

---

1. Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công.

2. Vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Ân, vua Văn Vương nhà Chu.

vị bá chủ. Các quan đại phu hiện nay cũng là kẻ có tội đối với các vua chư hầu đời nay.

Khi vua thiên tử tự mình đến các vua chư hầu, người ta gọi là tuần thú. Khi vua chư hầu đến triều kiến vua thiên tử, người ta gọi là thuật chức.

Mùa xuân, vua thiên tử và vua chư hầu đi khảo sát việc đồng áng là để giúp đỡ người dân có khó khăn trong việc gieo trồng. Mùa thu, vua thiên tử và vua chư hầu đi khảo sát thu hoạch là để cứu tế người dân thu hoạch kém, thiếu lương thực.

Khi vua thiên tử đến đất của vua chư hầu nào, thấy đất đai được khai khẩn, công việc đồng áng làm rất tốt, hơn nữa biết phụng dưỡng người già, biết tôn kính người hiền tài thì vua thiên tử sẽ vui mừng mà ban thưởng cho, tức là phong đất thêm cho.

Khi vua thiên tử đến đất của vua chư hầu nào, thấy đất đai bị hoang phế, người già bị bỏ rơi, người hiền tài không được trọng dụng, những kẻ cướp bóc tiền tài của dân lại ngồi tại triều đình, thì vua thiên tử sẽ trách phạt vị vua chư hầu ấy.

Đến kỳ thuật chức, một vị vua chư hầu chẳng chịu về triều bái, lần thứ nhất thì giáng tước vị, lần thứ hai thì cắt giảm đất đai, lần thứ ba thì vua thiên tử sẽ đưa quân đánh diệt vị vua chư hầu ấy mà lập vị khác. Vì vậy, vua thiên tử "thảo", chứ không "phạt", tức là sai quân đánh diệt vị vua chư hầu có tội rồi thay thế bằng một vị khác chứ không chiếm đoạt đất đai. Còn giữa các vua chư hầu đánh nhau để chiếm đất đai của nhau là "phạt" chứ không "thảo".

Năm vị bá chủ đều dùng cường quyền bức ép một số vua chư hầu này đi đánh phạt một số vua chư hầu khác. Vì vậy nên ta nói rằng năm vị bá chủ là kẻ có tội đối với ba đời vua trước.

Trong năm vị bá chủ, thế lực vua Tề Hoàn Công là mạnh nhất. Trong một lần họp các vua chư hầu ở Quỳ Khâu, các vua chư hầu trói con vật hy sinh, đem bản giao ước được các vua chư hầu thống nhất đặt trên mình nó, chứ không cắt tiết uống máu ăn thề. Bản giao ước có năm điều khoản dưới đây:

Thứ nhất, tuân theo mệnh lệnh của đức thiên tử, chúng ta phải: diệt kẻ bất hiếu, không thay đổi người nối ngôi, không đưa vợ lẽ lên hàng vợ chính.

Thứ hai, tuân theo mệnh lệnh của đức thiên tử, chúng ta phải: tôn trọng người hiền, bồi dưỡng người tài, đề cao người có đức.

Thứ ba, tuân theo mệnh lệnh của đức thiên tử, chúng ta phải: kính trọng người già, thương yêu người trẻ, tôn trọng và tiếp đãi khách từ nước ngoài đến với ta.

Thứ tư, tuân theo mệnh lệnh của đức thiên tử, chúng ta phải thi hành những phương pháp sau: con cháu xa của công thần không được làm quan nếu không có tài đức, một viên quan không được kiêm nhiệm nhiều chức vụ, người làm quan phải là kẻ thực học thực tài và được lòng dân, vua không được độc đoán chuyên quyền giết hại quan đại phu.

Thứ năm, tuân theo mệnh lệnh của đức thiên tử, chúng ta không đắp đê để làm hại đến nước kề bên,

không cấm dân bán lúa cho nước láng giềng nếu họ thiếu ăn, không được phong thưởng đất cho ai mà không báo lên vua thiên tử.

Ngoài ra còn quy định: phàm những người đã tham gia giao ước đồng minh, kể từ nay phải giữ trọn mối quan hệ tốt đẹp vốn có.

Ngày nay, các vua chư hầu trong thiên hạ đều đã vi phạm năm điều giao ước nói trên. Cho nên ta mới nói rằng các vua chư hầu ngày nay là kẻ có tội với năm vị bá chủ ngày trước.

Làm quan mà hùa theo những hành vi ác xấu của vua, tuy là có tội nhưng là tội nhỏ; còn như đón trước ý xấu xa của vua, khêu gợi nịnh hót cho vua thêm lầm lỗi, đó mới là tội lớn.

Các quan đại phu thời nay đều là hạng người a dua nịnh hót, hùa theo hành vi tội ác của vua mà thôi. Cho nên ta mới nói rằng quan đại phu ngày nay là kẻ có tội đối với các vua chư hầu đời nay vậy.

2. Những người phụng sự vua hiện nay đều nói: "Tôi có thể giúp vua mở mang đất đai, bổ sung đầy đủ kho quân lương". Đời nay, người ta khen những viên quan ấy là lương thần, tức là kẻ bề tôi lương thiện. Còn đời xưa, người ta lại chê những viên quan ấy là dân tặc, tức là kẻ hại dân vậy. Nếu vua đã không hướng theo đạo đức, lại chẳng có chí làm điều nhân, thế mà kẻ bề tôi còn tìm cách làm giàu cho vua, đó là đã làm giàu cho một kẻ như vua Kiệt bạo ngược vậy.

Lại có những người nói: "Tôi có thể giúp vua liên kết với những nước mạnh, nhờ vậy mà nếu đánh nhau thì mình nhất định sẽ thắng". Đời nay, người ta khen những viên quan ấy là kẻ bề tôi lương thiện. Còn đời xưa, người ta chê những viên quan ấy là kẻ làm hại dân vậy. Nếu vua đã không hướng theo đạo đức, lại chẳng có chí làm điều nhân, thế mà kẻ bề tôi còn tìm cách làm cho vua được mạnh về chém giết, đó là đã phò tá một kẻ như vua Kiệt bạo ngược vậy.

Một vị vua chư hầu chỉ noi theo phép tắc đời nay, mà chẳng chịu sửa đổi những thói xấu đời nay, nếu có đem cả thiên hạ mà giao cho thì vị vua ấy cũng chẳng giữ nổi một ngày.

3. Người quân tử nếu chẳng sáng suốt đối với đạo lý thì làm sao mà giữ gìn đức hạnh cho được.

4. Vua Thuấn xuất thân từ nơi thôn dã. Ông Phó Duyệt từ một gian liều tranh mà được tiến cử. Ông Giao Cách từ dân bán mắm muối mà tiến thân. Ông Quản Trọng từ nhà ngục mà trở nên tể tướng. Ông Tôn Thúc Ngao từ miền duyên hải mà bước vào ngưỡng cửa của triều đình. Ông Bách Lý Hề từ nơi chợ búa mà đăng lên hàng quan tướng.

Cho nên, khi trời muốn phó thác một sứ mạng lớn lao cho ai đó, thì trước hết bắt họ phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ về nội tâm, phải vất vả lao đao, phải gầy mòn vì thiếu ăn, chịu mọi cảnh bần khốn, dùng mọi thử thách cản trở và làm đảo lộn sự nghiệp họ muốn làm, để cho họ tăng thêm lòng kiên nhẫn, thêm chí kiên cường,

tính cách kiên định, làm cho tài năng của họ không ngừng được nâng cao.

Một người trước phạm sai lầm, về sau mới có thể sửa chữa được. Trước có nhiều ưu sầu bực tức, luôn bị chèn ép, về sau mới có thể phấn đấu vươn lên, làm nên sự nghiệp lớn. Trước phải thấy sắc mặt người ta, lời nói người ta, về sau mới biết việc mình làm có hợp lý hay không.

Một nước mà bên trong không có những đại thần kiên quyết giữ vững phép tắc pháp luật, không có người dám giúp vua sửa chữa lầm lỗi; bên ngoài không có họa ngoại xâm, không có nước đối địch, thì nước ấy nhất định sẽ có ngày diệt vong.

Có vậy mới hiểu rõ được ý nghĩa của câu: "Có ưu sầu hoạn nạn thì mới sinh tồn; chỉ yên ổn hưởng lạc thì sẽ diệt vong".

5. Dạy người cũng có nhiều cách. Khi ta không muốn dạy một người nào đấy, ấy là ta muốn chỉ lỗi lầm cho người ấy tự sửa. Đó cũng là cách ta dạy người rồi.

Chương 13

TẬN TÂM CHƯƠNG CÚ THƯỢNG

I - LỜI MẠNH TỬ

1. Người hết lòng hết dạ phát huy tấm lòng lương thiện của mình thì sẽ hiểu được bản tính lương thiện của mình. Biết được bản tính lương thiện của mình là hiểu được mệnh trời rồi đó. Gìn giữ được tấm lòng lương

thiện, bồi dưỡng được bản tính lương thiện là để tuân theo mệnh trời. Dù chết yểu hay sống dai, vẫn trước sau như một, chuyên ý tu thân và bồi dưỡng nhân tâm để đón nhận mệnh trời. Được như vậy sẽ làm cho mình yên thân tuân theo cái mệnh trời ban cho mình vậy.

2. Chẳng có việc gì xảy ra mà không theo mệnh trời cả. Mình nên thuận đạo lý mà sống thì sẽ nhận được cái mệnh chính đáng. Cho nên người hiểu được mệnh trời thì không bao giờ đứng dưới bức tường rạn nứt sắp đổ. Người biết vì đất nước, thực hiện chính đạo mà phải chết, đó thuộc về mệnh chính đáng. Còn người phạm tội mà chết, đó chẳng thuộc về mệnh chính đáng vậy.

3. Cầu thì được, bỏ thì mất, đó là cầu những cái có ích như những đức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Mà những cái cần cầu ấy đều ở ngay nơi mình.

Còn cầu mà phải có cách, được còn do mệnh trời, đó là cầu những thứ vô ích như phú quý, công danh. Mà những cái cần cầu ấy đều ở bên ngoài con người mình.

4. Cái lý của vạn vật đều có sẵn nơi tâm tính mình. Nếu mình tự xét thấy đã thành thật với các chức phận làm người, cư xử đúng mực trên dưới, được như vậy là vui sướng nhất. Theo đạo trung thứ, suy bụng ta ra bụng người để mà cư xử với người thì không có con đường cầu nhân nào gần hơn con đường này.

5. Chỉ biết cúi đầu làm mà chẳng hiểu nghĩa lý của hành động, đã thành thói quen rồi nên chẳng chịu xem

xét lại! Một đời cứ noi theo đó mãi mà không hiểu đạo lý là như thế nào, người như thế thật nhiều lắm vậy!

6. Người ta chẳng lẽ không hổ thẹn? Việc đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, người như vậy chẳng còn biết hổ thẹn là gì nữa rồi.

7. Lòng hổ thẹn rất hệ trọng đối với con người. Kẻ làm những việc xảo trá quỷ quyệt thì làm gì có lòng hổ thẹn. Kẻ không có lòng hổ thẹn thì chẳng bằng người. Thế thì làm sao kẻ ấy có những đức khác bằng người được?[1]

8. Những vị đế vương hiền đức thời xưa vì hâm mộ điều thiện của kẻ sĩ hiền tài, cho nên thường quên mất quyền lực của mình. Kẻ sĩ hiền tài thời xưa cũng chẳng chịu kém, vì mải mê với đạo lý của mình mà quên mất quyền lực của người. Cho nên nếu một vị vua mà không tôn trọng và đối đãi đúng lễ thì chẳng thường được gặp mặt kẻ sĩ hiền tài. Đến gặp mặt còn khó, huống chi còn muốn mời kẻ sĩ hiền tài ra giúp mình được sao?

9. Phàm những kẻ thường dân thì đợi vua Văn Vương ra đời rồi họ mới hăng hái làm việc thiện. Còn

---

1. Lòng hổ thẹn là đầu mối của đức nghĩa. Kẻ chẳng biết hổ thẹn thì chẳng biết nghĩa vụ làm người, như vậy các đức khác cũng mất luôn.

những nhân tài hào kiệt, tuy chẳng có vua Văn Vương ra đời, vẫn một lòng hăng hái làm việc thiện.

10. Nếu lấy của cải họ Hàn, họ Ngụy là hai đại thần nước Tấn thời Xuân Thu mà cấp cho một người, nhưng người ấy cảm thấy vẫn bình thường, chẳng hề quan tâm đến, thì đó hẳn là người vượt xa người thường vậy.

11. Nhà cầm quyền vì mưu cầu sự yên ổn cho dân nên phải sai khiến dân làm lụng, dân tuy có vất vả nhưng không oán hận. Nhà cầm quyền vì bảo toàn tính mạng cho dân nên phải giết kẻ phạm phép nước, tuy trong dân có người bị giết nhưng họ không oán hận nhà cầm quyền đã ra lệnh giết.

12. Ở nước của vị bá chủ, dân chúng hân hoan vui vẻ. Nhưng ở nước của vị thánh vương, dân chúng thoải mái điềm nhiên. Thánh vương lệnh giết những kẻ phạm tội, dân chúng chẳng oán hận; làm việc có ích cho dân mà dân chẳng cho là đặc biệt (vì đó là thường xuyên vậy); dân càng hướng về điều thiện mà không biết ai là người cải hóa mình[1]. Nơi thánh vương đi qua, mọi người đều được cảm hóa. Những ý định mà thánh nhân ôm ấp trong tâm ngài được thể hiện ra đều linh nghiệm như thần. Ảnh hưởng lòng thiện của thánh vương lan tỏa

---

1. Lòng thiện của thánh vương làm chuyển biến đức hạnh của dân một cách tuần tự và ôn hòa nên người ta không nhận thấy đó thôi.

khắp từ trên xuống dưới, hòa hợp với trời đất. Như vậy sao có thể coi sự nghiệp của thánh vương như hàng bá chủ được?

13. Lời nói có nhân vang vọng không sâu xa bằng danh tiếng có nhân. Một nền chính trị tốt thu phục nhân tâm không bằng có một nền giáo dục tốt. Một nền chính trị tuy tốt nhưng vẫn khiến dân sợ sệt, còn một nền giáo dục tốt làm cho dân yêu quý. Một nền chính trị tốt có thể làm cho dân no đủ, còn một nền giáo dục tốt thì được lòng dân.

14. Có việc người ta không học mà có thể làm được, điều đó thuộc về "lương năng", tức là năng lực tự nhiên vốn có từ đầu. Có việc người ta không cần suy nghĩ mà vẫn có thể biết được, điều đó thuộc về "lương tri", tức là trí tuệ tự nhiên vốn có từ đầu.

Trẻ thơ còn ẵm bồng, chẳng đứa nào không biết thương yêu cha mẹ nó. Đến khi chúng lớn lên, chẳng đứa nào mà không biết tôn kính anh nó.

Thương cha mẹ là sự nhận thức đầu tiên về lòng nhân, tôn kính anh là nhận thức đầu tiên về đức nghĩa. Điều ấy không có gì là lạ, vì mối tình cảm thiêng liêng ấy vẫn được thực hiện thông suốt trong thiên hạ.

15. Khi ông Thuấn ở trong núi sâu, cùng làm bạn với cây đá, cùng ngao du với hươu lợn, không có gì khác biệt với dân thường chung quanh. Nhưng đến khi ông Thuấn nghe được một lời lành, nhìn thấy một việc phải, thì ông

Thuấn tựa hồ như dòng sông nước xiết khi vỡ bờ, thế nước cuồn cuộn tuôn trào, không một lực lượng nào có thể ngăn nổi.

16. Đừng làm những việc chẳng nên làm. Đừng muốn những việc chẳng nên muốn. Như thế là đủ rồi.

17. Người có đủ đạo đức, trí tuệ, kỹ năng, tri thức là do thường xuyên được rèn đúc trong cảnh đau đớn và hoạn nạn.

Riêng hạng quan đơn độc ở nơi biên giới được giao một mình giải quyết công việc và hạng con cái của vợ lẽ cô hầu là những người phải thường xuyên khéo léo giữ gìn tâm ý khi nguy khốn, phải phòng ngừa hoạn nạn một cách sâu xa, cho nên họ thông suốt hơn những người thường.

18. Có hạng người chuyên thờ phụng vua, thờ phụng vua chỉ cốt lấy lòng để được vua yêu mến.

Có hạng quan chức chỉ mong cho xã tắc yên ổn, xã tắc yên ổn cốt để thoải mái ăn chơi.

Có hạng thiên dân tức là hạng dân hiểu mệnh trời, hạng dân này hiểu rằng nếu ra làm quan mà có thể hành đạo trong khắp thiên hạ thì mới chịu ra làm quan.

Có bậc đại nhân tức là hạng quan chức có chí lớn về đạo quân tử, hạng quan này chuyên tâm tu thân sửa mình, tự nhiên cả thiên hạ đều noi theo mà ăn ở ngay thẳng.

19. Người quân tử có ba điều vui, nhưng làm bậc vua thiên tử thống trị thiên hạ không phải là một trong ba điều vui đó.

Cha mẹ còn khỏe mạnh cả, anh em không có sự cố tai họa gì, đó là điều vui thứ nhất.

Trông lên không thẹn với trời, ngó xuống chẳng thẹn với người, đó là điều vui thứ hai.

Được nhân tài ưu tú trong thiên hạ theo mình mà học thêm, đó là điều vui thứ ba.

Người quân tử có ba điều vui ấy, nhưng chẳng đợi làm đến bậc vua thiên tử thống trị thiên hạ mới có được một điều trong ba điều vui ấy.

20. Đất rộng dân đông, đó là sự ham muốn của người quân tử, nhưng chưa phải là chỗ vui sướng của người.

Xây dựng đất nước thành trung tâm của thiên hạ, làm cho dân chúng bốn biển được yên ổn, đó là chỗ vui sướng của người quân tử, nhưng chưa hợp với bản tính của người.

Bản tính của người quân tử, dù lý tưởng của mình được thực hiện thông suốt thiên hạ, vẫn không vì vậy mà tăng thêm; dù cho cùng khốn phải ẩn cư, cũng không vì vậy mà giảm bớt. Bởi vì đó là số mệnh định sẵn của người quân tử vậy.

Bản tính của người quân tử có đủ đức nhân, nghĩa, lễ, trí đã mọc rễ ăn sâu trong tâm can; còn sắc thái thì *tươi nhuận hiền hòa thấy được ở nét mặt*, hiện rõ trong

dáng người, toát ra ở tay chân. Chỉ từ động tác của tay chân, chẳng cần phải nhiều lời, người khác cũng hiểu cả.

21. Ông Bá Di không muốn nhìn mặt vua Trụ, nên lên ở bờ biển phía bắc. Nghe tin vua Văn Vương nổi dậy, ông liền nói: "Vì sao ta không về với vua Văn Vương? Ta nghe nói vua Văn Vương quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng người già".

Ông Khương Thái Công vì không muốn nhìn mặt vua Trụ, nên đã xuống bờ biển phía đông ở. Nghe tin vua Văn Vương nổi dậy, ông liền nói: "Vì sao ta không về với vua Văn Vương? Ta nghe nói vua Văn Vương quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng người già".

Trong thiên hạ, nếu có một vị vua quan tâm chăm sóc nuôi dưỡng người già, thì những người có nhân đều xem đó là chỗ dựa của mình.

Nếu mỗi người dân được cấp năm mẫu đất ở, chung quanh tường rào trồng dâu, phụ nữ nuôi tằm dệt lụa, thì người già sẽ có đủ lụa mà mặc.

Nếu mỗi gia đình nuôi được năm gà mái đẻ, hai đầu lợn nái, chăn nuôi không để lỡ lứa sinh sản của chúng, thì người già sẽ có đủ thịt mà ăn.

Nếu mỗi hộ gia đình được cấp trăm mẫu ruộng, đàn ông chăm chỉ cày bừa, thì đủ sức nuôi một nhà tám miệng ăn.

Sở dĩ ông Bá Di và ông Khương Thái Công khen ngợi vua Văn Vương là vì ngài đặt ra được chế độ ruộng đất, dạy dân trồng trọt, chăn nuôi, chỉ bảo vợ con của dân và chăm lo phụng dưỡng người già.

Người năm mươi tuổi nếu không có lụa mặc thì không ấm. Người bảy mươi tuổi không có thịt ăn thì không được no. Mặc không ấm, ăn không no thì sẽ bị chết vì đói rét. Trong dân chúng của vua Văn Vương, chẳng có ai phải khổ vì nỗi đói rét. Vì những lẽ đó mà mọi người đều khen ngợi vua Văn Vương vậy.

22. Hãy để nhà nông làm ruộng được dễ dàng, thuế má được giảm bớt, thì dân ắt trở nên giàu có. Ăn uống đúng lúc, tiêu dùng đúng lễ thì của cải dùng chẳng hết.

Dân không có nước và lửa thì không thể sống nổi. Lúc đêm tối, đến gõ cửa để xin lửa và nước thì chẳng nhà ai mà không cho, là vì nước và lửa thì nhà nào cũng quá đầy đủ. Thánh nhân cai trị thiên hạ phải biết làm cho lương thực đầy đủ như nước và lửa. Nếu lương thực đầy đủ như nước và lửa thì dân chúng còn ăn ở bất nhân làm gì?

23. Khổng Tử trèo lên núi Đông Sơn, nhìn thấy nước Lỗ bé tý xíu. Đến khi Khổng Tử trèo lên núi Thái Sơn, thấy thiên hạ nhà Chu cũng bé tý xíu. Cho nên người đã nhìn thấy biển rộng thì khó nhận ra các dòng chảy nhỏ; người đã quen với học thuyết của thánh hiền thì cũng khó nhìn nhận các học thuyết của người khác.

Muốn quan sát nước phải có mẹo thuật tức là xem kỹ mức sóng (sóng lớn thì nước sâu, sóng nhỏ thì nước cạn).

Ánh sáng mặt trăng mặt trời chiếu rọi bốn phương, dù cho có chỗ hào quang bị che bớt đi nhưng vẫn sáng tự nhiên. Còn nước chảy, cái thứ này, hễ chưa đầy tràn

nơi thấp thì không bao giờ chảy tiếp về phía trước. Người quân tử lập chí ở đạo, nếu không chịu học tập, quan sát, suy nghĩ thì không thể thấu hiểu đạo lý của thánh hiền được.

24. Buổi sáng nghe gà gáy liền thức dậy, chăm chăm làm việc thiện, người đó là thuộc phái học trò của vua Thuấn.

Buổi sáng nghe gà gáy liền thức dậy chăm chăm làm việc lợi, kẻ đó là thuộc phái học trò của Đạo Chích (một đại bợm thời Xuân Thu).

Muốn phân biệt giữa vua Thuấn và Đạo Chích có gì khác nhau, chẳng có gì là khó, chẳng qua chỉ là sự khác nhau giữa điều thiện và điều lợi mà thôi.

25. Dương Tử chủ trương chỉ lo mình mà thôi. Dù nhổ một cái lông chân mà có lợi cho thiên hạ, ông ấy cũng chẳng chịu làm.

Mặc Tử chủ trương thương tất cả mọi người như mình. Dù cho từ đầu đến chân bị xây xát mà có lợi cho thiên hạ, ông ấy cũng vui lòng.

Tử Mạc chủ trương giữ cho vừa vặn phần mình và phần người. Chủ trương này gần với đạo. Nhưng theo chủ trương này mà không biết tùy điều kiện mà hành động cho hợp thời, thì sẽ trở nên cứng nhắc và chỉ biết một mặt đó thôi.

Ta sở dĩ ghét kẻ cứng nhắc vì kẻ ấy hay cố giữ ý kiến thiên lệch làm hại đạo lý, chỉ đề cao một mặt mà phế bỏ cả trăm mặt khác.

26. Khi người ta đói, ăn cái gì cũng thấy ngon. Khi người ta khát, uống cái gì cũng thấy sướng. Như vậy thì người ta chẳng xác định được mùi vị chính đáng của món ăn vật uống, bởi vì sự đói khát đã làm sai lạc đánh giá của người ta vậy. Chẳng lẽ chỉ riêng có cái miệng và cái dạ dày bị đói khát làm hại sao? Tâm hồn con người, lòng người cũng bị giày vò không kém vậy. Nếu con người có thể giữ được tâm chí cao thượng trong cảnh nghèo hèn, tức là không để cảnh đói khát làm hại lòng dạ của mình, thì dẫu chẳng bằng người nhưng cũng không đến nỗi phải lo buồn cho mình lắm.

27. Liễu Hạ Huệ không vì làm quan to mà thay đổi đức hạnh của mình (vẫn thanh bạch, dễ dãi, dung hòa được với mọi người, vui thuận với mọi hoàn cảnh).

28. Làm một việc gì cũng giống như đào giếng. Đào đến quá mức rồi, nhưng gần đến mạch nước thì mình lại thôi. Đó kể như mình bỏ mất công phu đào giếng của mình rồi vậy.

29. Vua Nghiêu, vua Thuấn thuận theo tính tự nhiên mà làm việc nhân nghĩa. Vua Thành Thang và vua Vũ Vương nhờ biết tu thân mà làm việc nhân nghĩa. Còn năm vị bá chủ chỉ mượn tiếng nhân nghĩa để lôi kéo quần chúng mà thôi. Đã lâu rồi họ lấy cớ nhân nghĩa nhưng bản thân họ lại không theo nhân nghĩa. Vì vậy, khó mà biết rằng năm bá chủ này chẳng hề có chút nhân nghĩa nào cả.

30. Mọi người đều tin Trần Trọng Tử là người có nghĩa, nếu không hợp nghĩa thì dù đem cả nước Tề giao cho ông, ông vẫn không thèm nhận. Nhưng loại nghĩa này chỉ là loại nghĩa nhỏ nhoi của kẻ bỏ giỏ cơm vứt bát canh mà thôi. Người ta ở đời không có tình thương cha mẹ, chẳng có nghĩa vua tôi, chẳng biết trên biết dưới thì mang tội lớn rồi. Chỉ dựa vào một chi tiết, phạm vi hẹp, để rồi tin Trọng Tử là người tốt được ư? Sao lại có thể như thế được?

(Trần Trọng Tử là người chẳng cần đến thân thích, bỏ mẹ, lìa anh ra ở Ô Lăng. Trần Trọng Tử là con nhà gia thế có học, mà không tham dự việc nước là thiếu nghĩa vua tôi. Trần Trọng Tử bỏ hết phận sự của một người trong xã hội, không quan hệ với ai, vậy là không biết trên biết dưới. Là người có lỗi nặng, thế mà chỉ một vài cử chỉ nhỏ nhoi tỏ ra có nghĩa, mà mọi người đã tin Trần Trọng Tử là người có nghĩa. Tin người như vậy là hoàn toàn sai).

31. Nhà vua khi giao tiếp với người hiền tài, nếu chỉ cho ăn mà không có lòng yêu mến thì chẳng qua cũng như là nuôi lợn mà thôi. Nếu yêu mến nhưng không có lòng tôn kính, thì cũng như nuôi thú vậy thôi. Cần phải cung kính trước rồi mới trao tặng lễ vật sau. Nếu chỉ cung kính bề ngoài mà trong tâm không thật tôn trọng thì những lễ phép giả dối ấy chẳng thể ràng buộc được người quân tử.

32. Khuôn mặt con người là do trời sinh ra. Nhưng chỉ có bậc thánh nhân mới có thể điều khiển sắc thái khuôn mặt mình mà thôi.

33. Người quân tử theo năm đối tượng mà dạy đạo:

Thứ nhất, có hạng người tư chất cao, nghe đạo lý thì thông suốt như cây cỏ khô hạn gặp mưa mà sinh trưởng vậy.

Thứ hai, có hạng người nghe giảng mà thành tựu về đạo đức.

Thứ ba, có hạng người tài năng lại càng thêm sâu rộng.

Thứ tư, có hạng người hiểu đạo lý thông qua hỏi đáp.

Thứ năm, có hạng người không được đến trường, nhưng qua phẩm đức của thầy giáo, nghe học trò nói lại hoặc qua sách vở mà tự mình chuyên cần học tập.

Năm đối tượng đó cũng là năm cách dạy đạo cho đời của người quân tử.

34. Trong khi thiên hạ có đạo, tức là mọi thứ đều có trật tự, thì người quân tử nên ra làm quan, đem đạo lý ra mà thi hành cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay mới thôi. Trong khi thiên hạ vô đạo, tức là mọi thứ đều hỗn loạn, người quân tử nên ẩn dật, đem thân mình mà giữ gìn đạo lý.

Ta chưa từng nghe nói người quân tử vứt bỏ đạo lý để cung phụng dục vọng của người khác bao giờ.

35. Đối với việc không nên thôi mà lại thôi, người như vậy thì chẳng dám làm gì hết.

Đối với người nên hậu tạ mà lại bạc đãi, kẻ như thế thì chẳng còn ai mà không bạc đãi.

Kẻ nào tiến lên càng mau thì rút lui càng lẹ.

36. Hiện nay người quân tử đối với loài vật, yêu thương nhưng chẳng cư xử có nhân; đối với người đời, cư xử có nhân nhưng không yêu thương. Vì vậy người quân tử nên từ thương yêu người thân, tiếp đến cư xử có nhân với người đời; đem lòng nhân giúp đỡ trăm họ rồi mới tiến tới thương xót cho loài vật (thương yêu giúp đỡ từ gần đến xa, từ chỗ nặng đến chỗ nhẹ).

37. Người trí chẳng có việc gì mà không biết, nhưng trước hết phải biết được việc cần kíp.

Người nhân chẳng có ai mà không yêu thương, nhưng trước hết phải yêu thương người thân và người hiền tài.

Vua Nghiêu, vua Thuấn dù là người tài trí cũng không thể cái gì cũng biết; nhưng vua Nghiêu, vua Thuấn biết được việc cần kíp trước mắt. Vua Nghiêu, vua Thuấn dẫu là người nhân thì lòng nhân đức cũng không thể đến khắp mọi người; nhưng vua Nghiêu, vua Thuấn biết phải yêu thương người thân và người hiền tài trước đã.

Kẻ chẳng chịu để tang ba năm mà lại lo tìm hiểu tang chế ba tháng hay năm tháng; kẻ tham ăn tham

uống mà lại lo tìm hiểu về phép lịch sự, đó là những kẻ chẳng phân biệt được việc cần kíp và việc không cần kíp vậy.

II - MẠNH TỬ VỚI TỐNG CÂU TIỄN

Mạnh Tử nói với Tống Câu Tiễn là một thuyết khách rằng:

- Ông thích đi du thuyết các nơi lắm phải không? Tôi sẽ nói cho ông rõ về phép du thuyết. Nếu như người ta biết tài mình, và nghe theo lời mình thì mình vẫn giữ được vẻ tự nhiên. Còn nếu người ta chẳng hiểu mình và cũng chẳng trọng dụng mình, thì mình cũng vẫn giữ được vẻ tự nhiên.

Tống Câu Tiễn hỏi:

- Làm thế nào để giữ được vẻ tự nhiên mãi vậy?

Mạnh Tử nói:

- Mình nên tôn trọng đức hạnh, thích làm việc nghĩa, trong lòng thanh thản là có thể giữ được vẻ tự nhiên. Kẻ sĩ khi cùng đường vẫn không để mất đi điều nghĩa; khi đắc ý thành đạt vẫn không xa rời đạo nhân.

Lúc cùng đường vẫn không để mất đi điều nghĩa, nhờ đó kẻ sĩ có thể giữ được mình trong sạch. Khi đắc ý thành đạt vẫn không xa rời đạo, nhờ đó dân chúng trông cậy mình mà không mất đi niềm tin. Người quân tử ngày xưa khi đắc ý làm quan thì ân huệ tưới khắp thiên hạ; khi cùng đường thì lo tu dưỡng phẩm đức bản thân, để tỏ rõ thanh danh với đời. Khi cùng đường thì ở

ẩn giữ mình lương thiện, khi thành đạt thì đứng ra giúp cả thiên hạ thành lương thiện.

III - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU

1. Công Tôn Sửu hỏi:

- Ông Y Doãn nói: "Ta không quen chịu đựng người không tôn trọng đạo lý". Ông đã dời vua Thái Giáp đến ấp Đồng. Trăm họ lấy làm vui mừng. Vua Thái Giáp nhờ đó cũng trở nên tốt hẳn lên, ngôi vua lại được khôi phục, trăm họ lại càng vui. Người hiền tài làm bề tôi có thể dời vua đi chỗ khác nếu vua không tốt ư?

Mạnh Tử nói:

- Người có chí hướng như ông Y Doãn mới có thể làm được như vậy. Người không có chí hướng như Y Doãn, liền đoạt ngôi ngay.

2. Công Tôn Sửu hỏi:

- Kinh Thi có câu: "Người quân tử chẳng tự mình làm lấy mà ăn". Tại sao người quân tử không chịu làm ruộng mà ăn?

Mạnh Tử nói:

- Người quân tử ở nước nào, nếu vua nước ấy sử dụng họ thì được yên ổn, giàu có, tôn kính và vẻ vang. Nếu hạng con em trong nước ấy nghe lời họ thì biết hiếu thảo, để thuận, trung thành và tín thật. Cho nên, người quân tử chẳng tự mình làm lấy mà ăn, nhưng có ai được sự nghiệp và ảnh hưởng to tát hơn người quân tử chăng?

3. Công Tôn Sửu nói:

- Đạo thầy dạy rất cao và rất hay. Còn người học đạo giống như kẻ đi lên trời, tựa hồ như đi mãi mà không với tới. Vì sao thầy không biến đạo ấy trở thành mục tiêu có thể đạt tới được, để mọi người ngày nào cũng có thể nỗ lực leo lên?

Mạnh Tử nói:

- Một người thợ cao tay không thể vì người học việc dốt nát mà thay đổi hay hủy bỏ thước mực. Thầy dạy bắn cung như Hậu Nghệ, không thể vì người học bắn cung dốt nát mà thay đổi phép giương cung.

Người quân tử dạy đạo giống ông thầy dạy bắn: chỉ kéo căng dây cung nhưng tự mình không bắn. Người quân tử bao giờ cũng giữ mức trung đạo tức là không làm sai lệch nguyên tắc, cho nên ai có sức thì theo.

IV - MẠNH TỬ VỚI VƯƠNG TỬ ĐIẾM

Vương Tử Điếm là con vua nước Tề hỏi Mạnh Tử rằng:

- Kẻ sĩ nếu chẳng làm quan thì làm việc gì?

Mạnh Tử nói:

- Nâng cao cái chí của mình.

Vương Tử Điếm hỏi:

- Thế nào là nâng cao cái chí của mình?

Mạnh Tử nói:

- Tức là làm việc nhân nghĩa đó thôi. Như giết một kẻ vô tội là bất nhân, không phải của mình mà lấy là

bất nghĩa, nhưng kẻ nâng cao đức hạnh thì không phạm vào bất nhân, bất nghĩa. Kẻ sĩ ở nơi nào? Kẻ sĩ ở chỗ đức nhân. Kẻ sĩ đi đường nào? Kẻ sĩ noi theo đức nghĩa. Ở chỗ đức nhân, noi theo đức nghĩa, được như vậy thì dù chẳng làm quan, sự nghiệp của người quân tử cũng đã được đầy đủ lắm rồi.

V - MẠNH TỬ VỚI ĐÀO ỨNG

Đào Ứng là học trò của Mạnh Tử hỏi:

- Khi ông Thuấn làm vua thiên tử, ông Cao Dao làm quan tư pháp, nếu ông Cổ Tẩu cha vua Thuấn phạm tội giết người, thì ông Cao Dao xử như thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Cứ giữ theo pháp luật mà thi hành vậy thôi.

- Thế vua Thuấn có gây trở ngại không?

- Vua Thuấn làm sao dám gây trở ngại? Pháp luật thế nào thì thi hành như thế, dù vua Thuấn hay ông Cao Dao chẳng thể lấy tình riêng mà sửa đổi công lý được.

- Vậy thì vua Thuấn nên làm như thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Vua Thuấn phải xem việc vứt bỏ chức vua thiên tử nhẹ nhàng như vứt đôi giày rách vậy. Vua Thuấn có thể lén cõng cha trốn ra ngoài bờ biển mà ở, như vậy được trọn đời hưởng niềm vui, để quên đi hoàn toàn việc mình đã là vua thiên hạ.

VI - MẠNH TỬ VỚI CON VUA NƯỚC TỀ

Mạnh Tử từ ấp Phạm đến nước Tề, từ xa nhìn thấy con vua nước Tề[1], ngậm ngùi than rằng:

- Địa vị làm thay đổi tác phong khí thế con người. Cách sống làm thay đổi thần thái hình dáng con người. Ảnh hưởng của địa vị thật là lớn lắm thay! Tuy vậy, dù là vương tử, chẳng lẽ không phải là con của người sao?

Mạnh Tử nói tiếp:

- Cung thất, xe ngựa, áo quần của vương tử hầu như đều giống người khác. Còn vương tử được như thế này tức là khác với mọi người, đó là vì địa vị của vương tử. Huống chi người quân tử lấy địa vị nhân đức làm nơi ở rộng lớn nhất thiên hạ, thì tác phong khí thế sẽ khác với mọi người biết bao!

Vua nước Lỗ khi đến kinh thành nước Tống, đứng dưới cửa Điệt Trạch phía đông nam nước Tống, lớn tiếng gọi to. Người giữ cửa thành nói: "Người này không phải vua ta, nhưng sao giọng nói giống vua ta đến vậy".

Điều đó không có gì là lạ, chẳng qua là vì địa vị giống nhau mà thôi.

VII - MẠNH TỬ VỚI TỀ TUYÊN VƯƠNG

Vua Tề Tuyên Vương muốn rút ngắn thời gian để tang. Công Tôn Sửu đem ý kiến này trình với Mạnh Tử, nói:

---

1. Con vua nước Tề phạm lỗi, phải sống cảnh thứ dân.

- Cha mẹ chết rồi để tang một năm, còn hơn là không để tang đó sao?

Mạnh Tử nói:

- Ý kiến của ngươi như vậy, cũng giống như ngươi thấy có người đang vặn tay anh mình, ngươi không khuyên giải mà lại bảo nên vặn chầm chậm thôi. Vua Tề Tuyên Vương muốn vậy thì ngươi phải giải thích đạo hiếu để như thế nào để không thể rút ngắn được thời gian chứ. Cũng như thấy người vặn tay anh mình, thì phải lấy đạo hiếu để để giải thích cho người ấy không nên vặn tay anh mình. Sao ngươi lại a dua với vua Tề Tuyên Vương?

Một người con của vua Tề Tuyên Vương, nhân mẹ mất, có nhờ thầy giáo thay mặt mình xin vua Tề Tuyên Vương cho để tang mấy tháng. Công Tôn Sửu đến gặp thầy giáo của mình, hỏi:

- Về việc ấy, thầy nghĩ sao?

Mạnh Tử nói:

- Vị vương tử ấy muốn để tang đủ ba năm, nhưng không làm được vì vua Tề Tuyên Vương không cho. Thôi thì xin để thêm một ngày vẫn còn hơn không để ngày nào.

Trước đây ta có nói với vua Tề là chẳng ai ngăn cản không cho vua để tang cả, thế mà tự vua chẳng giữ lễ vậy.

VIII - MẠNH TỬ VỚI CÔNG ĐÔ TỬ

Công Đô Tử hỏi:

- Đằng Canh làm em vua nước Đằng, khi còn là học trò của thầy, đúng ra là thầy nên lấy lễ đối đãi với Đằng

Canh. Nhưng tại sao Đằng Canh hỏi mà thầy không trả lời?

Mạnh Tử nói:

- Những kẻ ỷ vào quyền thế của mình để nêu ra câu hỏi, ỷ vào tài năng của mình để nêu ra câu hỏi, cậy mình có tuổi để nêu ra câu hỏi, cậy mình có công lao để nêu ra câu hỏi, hoặc ỷ mình là người đã có quan hệ giao hảo để nêu ra câu hỏi, thì ta chẳng bao giờ trả lời.

Trong năm điểm nói trên, Đằng Canh đã mắc phải hai điểm: ỷ mình là em vua Đằng, cậy mình là người có tài đức rồi vậy.

Chương 14

TẬN TÂM CHƯƠNG CÚ HẠ

I - LỜI MẠNH TỬ

1. Thời Xuân Thu không có chiến tranh chính nghĩa, nhưng có một sự thật là vua nước này có tốt hơn vua nước kia một ít.

Khi vua thiên tử ra lệnh đánh phạt vua chư hầu thì gọi là chinh phạt. Còn các nước chư hầu có địa vị như nhau, không thể chinh phạt lẫn nhau.

2. Nếu hoàn toàn tin vào sách thì thà đừng có sách còn hơn. Ta chỉ tin một phần nào đối với thiên Vũ

Thành trong Kinh Thư mà thôi. Người nhân vốn vô địch thiên hạ. Vua Vũ Vương nhà Chu là bậc chí nhân đánh phạt vua Trụ là kẻ bất nhân, nhưng tại sao trong thiên Vũ Thành lại viết rằng người có nhân đánh kẻ bất nhân, máu chảy ngập chày giã gạo? (Ý của Mạnh Tử là đọc sách cần có tư duy phân tích, không nên tin một cách mù quáng).

3. Có kẻ tự khoe rằng: "Tôi giỏi bày binh bố trận, tôi giỏi đánh đông dẹp bắc". Đây là kẻ gây hại cho dân, cho nước. Phàm một vị vua thích làm điều nhân thì sẽ vô địch thiên hạ. Như vua Thành Thang khi chinh phạt phương nam, người Địch phương bắc hờn trách; khi chinh phạt phía đông, người Di phương tây hờn trách. Họ trách: "Vì sao chẳng sớm đến chinh phạt chỗ chúng tôi?".

Về sau, vua Vũ Vương chinh phạt vua Trụ nhà Ân, chỉ đem theo ba trăm cỗ xe, ba nghìn dũng sĩ. Vua Vũ Vương vỗ về dân chúng nhà Ân: "Đừng sợ, ta đến là để đưa lại yên ổn cho trăm họ, ta chẳng đánh trăm họ đâu". Nghe vậy, trăm họ đều cúi đầu lạy tạ.

Vì vậy chữ "chinh" trong chinh phạt, còn có nghĩa là chính tức là sửa lại cho thẳng cho đúng. Ai cũng làm đúng, ai cũng làm điều phải, thì cần gì phải đánh nhau?

4. Thợ mộc, thợ làm bánh xe, thùng xe có thể đem mực thước bản vẽ truyền cho người khác, nhưng chắc chắn không thể làm cho người ấy có được kỹ thuật tinh xảo, cao siêu.

5. Ông Thuấn khi còn cày ruộng thường phải ăn cơm khô với rau rừng, ông nghĩ rằng mình sẽ sống suốt đời như vậy mà thôi. Đến khi làm vua thiên tử được mặc áo sợi đay, được nghe đàn nhạc, lại có hai bà vợ hầu hạ, thế mà ông Thuấn vẫn tự nhiên như không có gì thay đổi, tưởng rằng cuộc sống giàu sang ấy như đã có từ trước rồi.

6. Bây giờ ta mới biết giết người thân thích của người khác là một tội lớn, một họa to. Nếu mình giết cha họ, họ sẽ giết cha mình. Nếu mình giết anh họ, họ sẽ giết anh mình. Như vậy, tuy mình không tự tay giết cha anh mình, nhưng chính là mình mượn tay kẻ khác giết đó. (Mấy lời này gần với thuyết nhân quả của nhà Phật vậy).

7. Thời xưa xây dựng cửa ải là để phòng ngừa việc cường bạo. Còn đời nay xây dựng cửa ải là để thi hành việc cường bạo.

8. Tự mình không làm theo đạo lý thì mình chẳng buộc người làm theo đạo lý, kể cả vợ con mình cũng vậy. Sai khiến người khác không hợp đạo lý thì người ta chẳng tuân theo, kể cả vợ con mình cũng vậy (Trước phải sửa mình, sau mới sửa được người. Trước phải tu thân, sau mới tề gia, trị quốc).

9. Người nào lúc thường biết cất trữ của cải đầy đủ, đến năm mất mùa sẽ không thiếu ăn. Người nào lúc

thường biết giữ tròn đức hạnh, gặp thời thế hỗn loạn sẽ không hồ đồ.

10. Người ham chuộng danh dự có thể bỏ mà nhường cho người khác một nước có nghìn binh xa để giữ lấy danh dự. Còn kẻ chẳng biết ham chuộng danh dự, mới bảo cho người khác một bát cơm và tô canh thì đã phụng phịu mặt ra rồi.

11. Không gần gũi, tin tưởng người quân tử và người hiền tài thì quốc gia sẽ chẳng có gì hết. Không thực hiện lễ nghĩa thì mối quan hệ trên dưới sẽ loạn cả. Không có nền chính trị tốt thì tài sản quốc gia không đủ dùng.

12. Kẻ bất nhân chiếm một nước làm vua, điều này là có. Nhưng kẻ bất nhân được cả thiên hạ mà làm vua thiên tử, điều này chưa từng có bao giờ.

13. Dân quý nhất, rồi đến xã tắc (thần đất và thần lúa), sau mới đến nhà vua. Cho nên, ai được lòng dân thì làm vua thiên tử; ai được lòng vua thiên tử thì làm vua chư hầu; ai được lòng vua chư hầu thì làm quan đại phu. Khi một vị vua chư hầu làm hại đến xã tắc thì có thể lập người khác làm vua, vì xã tắc quan trọng hơn vua. Cũng như thế, khi đã bỏ ra những con vật béo khỏe, tế phẩm đã tinh khiết, tế đúng ngày quy định mà trời vẫn hạn hán, lũ lụt thì phải thay đổi các vị thần xã tắc khác, vì dân quý trọng hơn xã tắc.

14. Các vị thánh nhân là thầy của cả trăm đời. Như ông Bá Di và ông Liễu Hạ Huệ là bậc thánh nhân đó vậy. Cho nên, người mà nghe tiếng Bá Di có đức hạnh như vậy, dù tham lam cũng trở thành liêm khiết, dù nhu nhược cũng trở nên có chí khí. Còn người nghe tiếng Liễu Hạ Huệ có đức hạnh như vậy, dù hẹp hòi cũng trở nên độ lượng, dù khắc bạc vô tình cũng trở nên đôn hậu bao dung. Mới chỉ được nghe đức hạnh của hai vị ấy, chẳng những trăm đời về trước phấn đấu, mà một trăm đời về sau cũng hăng hái vươn lên, huống hồ những người được trực tiếp tiếp thu ảnh hưởng của thánh nhân? Nếu không phải là thánh nhân, ảnh hưởng sao được như vậy?

15. Chữ nhân với nghĩa là đức nhân và chữ nhân với nghĩa là người cùng đều muốn nói: hễ làm người thì phải làm điều nhân. Nói cho hợp nghĩa: nhân tức là đạo làm người vậy.

16. Khi rời nước Lỗ, Khổng Tử nói: "Chúng ta nên đi chầm chậm thôi". Đây là thái độ khi buộc phải đi xa đất nước của cha mẹ vậy.

Khi rời nước Tề, không kịp cả nấu cơm, Khổng Tử phải mang gạo đang vo dở và vội vã ra đi. Đây là thái độ khi rời khỏi đất nước của người vậy.

17. Khổng Tử bị nguy khốn ở nước Trần và nước Thái, đó là do Khổng Tử không có mối quan hệ với hàng vua quan ở hai nước ấy vậy.

18. Người hiền tài thuở xưa dù làm vua, làm quan hay làm thầy, bao giờ cũng đem cái trí sáng suốt của mình mà soi tỏ cho người. Còn bây giờ người ta bản thân mình còn hồ đồ mà lại dạy kẻ khác phải trở nên sáng suốt.

19. Miệng đối với vị ngon, mắt đối với sắc đẹp, tai đối với tiếng êm, mũi đối với mùi thơm, tay chân thân thể đối với cảm giác thoải mái, đó đều là sự thích thú tự nhiên, là tính trời cho, ai cũng như nhau vậy. Tính dù có thích những thứ đó nhưng có được hưởng hay không, còn do vận mệnh từng người. Vì vậy người quân tử trong cuộc sống yên tâm với vận mệnh mà không chạy theo hưởng thụ có tính bản năng.

Đức nhân giữa cha và con, đức nghĩa giữa vua và tôi, đức lễ giữa khách và chủ, trí tuệ ở người hiền tài, thánh nhân đối với đạo trời, đó đều thuộc về mệnh trời ban sẵn vậy. Nếu người ta có sức ăn ở theo các đức hạnh ấy thì sẽ thu được kết quả, vì đó là tính tự nhiên nơi mình. Cho nên người quân tử khéo bồi dưỡng tính mà không phó mặc cho mệnh.

20. Những học giả nếu bỏ thuyết của phái Mặc Tử, tất phải theo về phái Dương Chu. Nếu họ bỏ thuyết của phái Dương Chu, tất trở về đạo Nho của chúng ta. Họ tỉnh ngộ mà quay về, chúng ta sẽ thu nạp ngay. Nhưng phải nhớ một điều là hiện nay, các nhà Nho học khi tranh luận với hai phái Mặc Tử và Dương Chu thì lại

làm như người đuổi con lợn sổng chuồng, dồn nó vào chuồng rồi còn lấy dây mà cột chân nó lại.

21. Có loại thuế thu bằng sợi bằng vải. Có loại thuế thu bằng lúa thóc. Lại còn loại thuế trưng tập ngày công đi phục dịch. Người quân tử ra làm quan chỉ nên thu một trong ba loại thuế ấy, tạm hoãn chưa áp dụng hai loại kia. Nếu đồng thời thu luôn hai loại thuế trong ba loại thuế đó thì dân chúng sẽ nhiều người chết đói. Còn nếu thu luôn cả ba loại thuế ấy thì dân chúng bị cùng quẫn, cha con phải lìa nhau.

22. Một vị vua chư hầu nên quý trọng ba điều này: một là đất đai, hai là nhân dân, ba là chính quyền. Nếu bỏ ba điều ấy mà quý trọng trân châu bảo ngọc thì thế nào cũng mang họa vào thân.

23. Người ta ai cũng có lòng thương xót chẳng nỡ làm việc có hại cho người khác. Nếu biết đem tấm lòng ấy mở rộng ra đến những việc mà mình chưa thương xót thì mình mới thật là người nhân vậy.

Người ta ai cũng có những việc mà mình chẳng thèm làm. Nếu đem tấm lòng đó mở rộng ra đến những việc đang làm thì mình mới thật là người nghĩa vậy.

Con người biết bồi dưỡng đầy đủ tấm lòng thương xót chẳng nỡ làm hại người khác, thì lòng nhân của mình sẽ vô tận, dùng chẳng hết.

Con người biết bồi dưỡng đầy đủ tấm lòng chẳng cố ý đục tường khoét vách thì nghĩa khí cũng vô tận, dùng không hết.

Con người ta biết bồi dưỡng lòng tự trọng của mình, không làm những việc đê tiện khiến người khác khinh thường thì dù đi đến đâu mình cũng vẫn làm điều hợp nghĩa.

Kẻ sĩ nếu chẳng nên nói mà nói, đó là dùng lời nói của mình mà mua lòng người. Và lúc nên nói mà chẳng chịu nói, đó là dùng sự im lặng của mình mà mua lòng người. Kẻ sĩ phạm hai điều ấy, chẳng qua như bọn khoét vách đục tường vậy.

24. Lời nói bình thường mà có ý tứ sâu xa là lời nói hay. Giữ mình tiết kiệm mà thi thố cho đời rộng rãi là lối sống đẹp vậy.

Người quân tử nói đều là những chuyện bình thường, nhưng trong đó có ẩn ý sâu xa về đạo.

Đức hạnh của người quân tử bắt đầu từ việc tu thân, từ đó khiến thiên hạ thái bình.

Cái tật của con người ở chỗ là hay bỏ ruộng mình mà đi làm cỏ thay cho ruộng người, tức là lỗi của mình chẳng sửa, lại đi sửa lỗi của người vậy.

Người ta hay trông cậy ở kẻ khác để làm những việc khó, còn mình thì chỉ đảm nhận việc nhẹ nhàng thôi.

25. Vua Nghiêu, vua Thuấn nhờ có sẵn bản tính thiện nên thực hiện nhân nghĩa một cách tự nhiên. Vua Thang, vua Vũ thì thông qua tu dưỡng để phục hồi bản tính thiện, để từ đó mà thực hiện nhân nghĩa.

Hành động, dáng vẻ đều hợp với lễ, đó là người có đức đẹp nhất.

Khóc người chết là vì lòng đau buồn chứ không phải vì tình với người sống.

Bền chí giữ đạo đức mà không có lúc xao nhãng, đó chẳng phải là để mưu cầu chức tước bổng lộc.

Lời nói thành thực tự nhiên, nhưng không phải để nhân đó mà tỏ rõ phẩm hạnh đoan chính của mình.

Người quân tử thi hành theo pháp luật, còn kết quả thì chờ mệnh trời phán xét.

26. Mỗi lần diễn giải với bậc đại nhân, chớ nên chú trọng đến địa vị của họ, đừng nhìn đến cảnh cao sang vời vợi của họ.

Nếu ta thành đạt, ta sẽ chẳng xây cung thất mà phòng khách cao hai ba trượng, xà gỗ rộng hàng chục thước.

Nếu ta thành đạt, ta sẽ chẳng bày đặt cỗ bàn toàn cao lương mỹ vị, sẽ chẳng dùng mấy trăm cung nữ theo hầu.

Nếu ta thành đạt, ta sẽ chẳng chìm đắm vào các cuộc vui sướng và tiệc rượu; ta sẽ chẳng đi săn kéo theo cả nghìn xe cộ.

Nếu ta thành đạt, ta chẳng làm những việc mà những nhà cao sang khác thích làm, mà ta sẽ thi hành chế độ tốt đẹp thuở trước vậy. Như thế có gì ta phải sợ bậc đại nhân, sợ người cao sang?

27. Cách tu dưỡng tâm tính hay hơn cả là giảm bớt những điều ham muốn.

Người bớt được những điều ham muốn, nếu như tính tốt có bị mất đi thì cũng rất ít. Người ham muốn nhiều, dù cho tính tốt có được giữ lại thì cũng chẳng đáng bao nhiêu.

28. Từ vua Nghiêu, vua Thuấn cho đến vua Thang, lịch trình đã qua hơn năm trăm năm. Những người như ông Vũ, ông Cao Dao là bề tôi nên có thể tận mắt thấy đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn mà hiểu được. Còn đến vua Thang thì chỉ nghe truyền tụng đạo lý của vua Nghiêu, vua Thuấn mà hiểu được.

Từ vua Thang cho đến vua Văn Vương, lại một lịch trình hơn năm trăm nữa. Những người như ông Y Doãn, ông Thái Chu là bề tôi nên có thể tận mắt nhìn thấy đạo lý của vua Thang mà hiểu được. Còn đến vua Văn Vương chỉ là nghe truyền tụng đạo lý của vua Thang mà hiểu được.

Từ vua Văn Vương cho đến Khổng Tử lại một lịch trình nữa hơn năm trăm năm. Những người như ông Thái Công Vọng, ông Tản Nghi Sinh là bề tôi nên có thể tận mắt thấy đạo lý của vua Văn Vương mà hiểu được. Còn như Khổng Tử chỉ là nghe truyền tụng đạo lý của vua Văn Vương mà hiểu được.

Từ Khổng Tử đến nay, mới hơn một trăm năm, cách thời đại của thánh nhân chưa lâu, vả lại quê hương của thánh nhân thì cũng chẳng xa gì. Nhưng chẳng lẽ không có ai tận mắt thấy đạo lý của Khổng Tử mà hiểu được sao? Chẳng lẽ cũng không có ai nghe truyền tụng mà hiểu được mữa hay sao?

II - MẠNH TỬ VỚI CAO TỬ

1. Mạnh Tử nói với học trò là Cao Tử:

- Lối mòn giữa các khe núi lúc đầu rất hẹp, vì có nhiều người đi nên đã thành con đường nhỏ. Nhưng nếu một thời gian ngắn không ai đi qua, cỏ gianh sẽ lấn át, làm tắc mất đường. Hiện nay, cỏ gianh cũng đã bịt tắc lòng dạ của ngươi rồi đó.

2. Cao Tử nói:

- Âm nhạc của vua Vũ hay hơn âm nhạc của vua Văn Vương.

Mạnh Tử hỏi:

- Tại sao ngươi nói như vậy?

Cao Tử nói:

- Vì cái khung treo chuông thời vua Vũ để lại bị mòn sâu hơn (chắc dùng nhiều hơn).

Mạnh Tử liền nói:

- Chỉ dựa vào hiện tượng này sao đủ sức để chứng minh được? Ngoài cửa thành, vết xe đi lún sâu như vậy, không có lẽ chỉ do một cỗ xe hai ngựa kéo làm được hay sao?

III - MẠNH TỬ VỚI MẠCH KÊ

Có người tên là Mạch Kê phàn nàn với Mạnh Tử:

- Người ta thường nói những lời chẳng đúng về tôi.

Mạnh Tử nói:

- Việc đó không có gì đáng buồn. Kẻ sĩ thường hay bị người ta ghét mà gièm chê.

Kinh Thi có câu: "Ưu sầu, phẫn uất phải nén lại trong lòng, vì kẻ tiểu nhân xem ta như cái gai trong mắt", đó là cảnh của Khổng Tử vậy.

Kinh Thi còn có câu: "Tuy không thể loại trừ được lòng thù oán vu vơ của họ, nhưng cũng chẳng vì thế mà tổn hại đến thanh danh của mình", đó là cảnh vua Văn Vương vậy.

IV - MẠNH TỬ VỚI TRẦN TRĂN

Nước Tề gặp năm đói kém, Mạnh Tử làm quan khanh nước Tề đã phát chẩn một lần rồi. Trần Trăn là học trò của Mạnh Tử thưa rằng:

- Người trong nước đều cho rằng thầy có thể thỉnh cầu để vua nước Tề cho mở kho thóc ở ấp Đường mà phát chẩn một lần nữa. Nhưng con nghĩ có lẽ thầy không thể làm như vậy nữa.

Mạnh Tử nói:

- Ta làm như vậy để trở thành Phùng Phụ ư? Ngày xưa nước Tấn có người tên là Phùng Phụ rất giỏi đấu với hổ, về sau tu học đạo lý trở thành người tốt, không còn đi diệt hổ nữa. Có một lần Phùng Phụ đi dã ngoại, thấy một số đông người đang đuổi riết một con hổ. Con hổ dựa lưng vào núi, không ai dám đến gần. Mọi người

phát hiện thấy Phùng Phụ liền đón lấy ông và đề nghị ông bắt hổ. Phùng Phụ liền xắn tay áo, hăng hái nhảy xuống xe. Số người đó thì thích ông, còn kẻ sĩ thì lại chê cười ông (vì ông theo học đạo lý rồi mà còn làm trái lẽ).

V - MẠNH TỬ VỚI HẠO SINH BẤT HẠI

Hạo Sinh Bất Hại là người nước Tề hỏi Mạnh Tử:

- Nhạc Chính Tử là người như thế nào?

Mạnh Tử nói:

- Là người thiện, là người tín.

Hạo Sinh Bất Hại lại hỏi tiếp:

- Thế nào là thiện? Thế nào là tín?

Mạnh Tử liền giảng giải luôn:

- Người có hành vi và nhân phẩm đáng yêu đáng kính thì gọi là thiện.

Người làm việc thiện theo lương tâm, theo bản tính, không gò ép giả tạo thì gọi là tín.

Người mà lòng thiện phát lộ tràn trề, mỗi cử động đều hợp với điều thiện thì gọi là mỹ (hành vi đẹp).

Người có mỹ đức ấy và làm nên sự nghiệp, khiến mỹ đức được biểu hiện ra ở mức đầy đủ hơn, chói lọi hơn thì gọi là đại.

Đã vĩ đại lại còn dung hòa được các loại học thuyết, quán xuyến hết mọi đạo lý khiến cho thiên hạ đều hướng về thiện thì gọi là thánh.

Thánh đạt đến mức cao sâu khôn lường, biến hóa vô tận thì gọi là thần.

Trong sáu bậc ấy, Nhạc Chính Tử là người ở bậc thấp là thiện và tín, vẫn còn đứng sau bốn bậc là mỹ, đại, thánh, thần.

VI - DỰ ĐOÁN CỦA MẠNH TỬ

Thấy Bồn Thành Quát làm quan ở nước Tề, Mạnh Tử liền nói với học trò của mình:

- Bồn Thành Quát thế nào cũng phải chết.

Quả nhiên về sau Bồn Thành Quát bị giết. Học trò liền hỏi Mạnh Tử:

- Vì sao thầy biết được Bồn Thành Quát phải chết?

Mạnh Tử nói:

- Người này tuy có một ít tài cán, nhưng không hiểu được đại đạo của người quân tử. Điều này đủ để chuốc lấy tai họa vào thân rồi.

VII - CHUYỆN XẢY RA Ở THƯỢNG CUNG

Mạnh Tử đến kinh đô nước Đằng được ăn nghỉ tại Thượng Cung. Người trông giữ Thượng Cung có để một đôi giày cỏ vừa mới bện xong ở trên cửa sổ. Nhưng rồi đôi giày bỗng mất, người trông giữ cung tìm mãi chẳng thấy.

Có người nói với Mạnh Tử:

- Hay là có người theo ngài đã giấu đi?

Mạnh Tử nói:

- Ngươi tưởng rằng học trò của ta đến đây là để ăn cắp giày ư?

Người đó nói:

- Không phải như vậy, tôi chỉ nghi thế thôi. Nhưng có một điều là khi ngài mở lớp dạy học, ngài chẳng truy hỏi về hành vi đã qua của người mới đến học; ai đến ngài cũng chẳng cự tuyệt, ngài chỉ cần có tâm chí cầu học là ngài thu nhận mà thôi.

VIII - MẠNH TỬ VỚI CÔNG TÔN SỬU

Ông Tăng Tích thích ăn quả táo đen. Về sau khi ông mất đi, con ông là Tăng Tử không nỡ ăn quả táo đen vì mỗi khi trông thấy thì lại động lòng nhớ đến cha. Công Tôn Sửu nhân chuyện này hỏi Mạnh Tử:

- Chả nướng và táo đen, thứ nào ngon hơn?

Mạnh Tử nói:

- Tất nhiên chả nướng ngon hơn.

Công Tôn Sửu lại hỏi:

- Thế tại sao Tăng Tử ăn chả nướng mà không ăn táo đen?

Mạnh Tử nói:

- Chả nướng là món ăn ưa thích của tất cả mọi người. Còn táo đen là món thích riêng của ông Tăng Tích, vì vậy mà con là ông Tăng Tử mới không ăn.

Cũng giống như thế, trong việc kiêng cữ thì người ta chỉ tránh tên, còn không tránh họ. Vì họ là họ chung của gia tộc, còn tên là tên riêng của từng người một.

IX - MẠNH TỬ VỚI VẠN CHƯƠNG

Vạn Chương hỏi:

- Khi còn ở nước Trần, Khổng Tử thường hay nói: "Vì sao ta không trở về? Những kẻ sĩ xứ ta vốn cuồng vọng mà giản ước, họ có chí tiến thủ mà chẳng bỏ nết tốt ngày xưa". Vì sao khi ở nước Trần, Khổng Tử hết sức nhớ những học trò cuồng sĩ của mình như vậy?

Mạnh Tử nói:

- Khổng Tử không tìm được người cùng có tư tưởng trung dung như mình để truyền đạo. Cho nên Khổng Tử đành phải chọn các cuồng sĩ và quyến sĩ vậy. Cuồng sĩ ở đây không phải hiểu nghĩa đen là cuồng si, điên cuồng, mà là người có chí tiến thủ, dù chưa làm được cũng gắng sức làm. Quyến sĩ là người biết trọng cái khí tiết, việc không hợp nghĩa thì không làm, việc hợp nghĩa thì không kể thân mình mà hết sức giúp đỡ một cách hào hiệp.

Khổng Tử chẳng lẽ không muốn học trò của mình là người có tư tưởng trung dung sao? Chẳng qua là vì Khổng Tử thấy chẳng có ai tu học đạt đến mức đó, nên Khổng Tử phải nghĩ đến cuồng sĩ là dạng thấp hơn một bậc vậy.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Người như thế nào được gọi là cuồng sĩ?

Mạnh Tử nói:

- Phải có chí hướng như Cầm Trang, Tăng Tích, Mục Bì. Loại người như vậy, Khổng Tử gọi là cuồng sĩ.

Công Tôn Sửu hỏi:

- Vì sao gọi họ là cuồng sĩ?

Mạnh Tử nói:

- Những người này chí cũng lớn mà khẩu khí cũng lớn. Không làm gì cũng luôn miệng lẩm bẩm: "Ôi người xưa! Ôi người xưa!". Nhưng xem xét hành vi của họ thì chả khớp gì với lời đã nói của họ (họ thường nói quá việc làm).

Nếu không tìm được học trò trong số kẻ sĩ có tính cuồng vọng này, thì phải chọn những người không bao giờ chịu làm việc xấu. Đây gọi là quyến sĩ, là hạng kém cuồng sĩ một bậc. Khổng Tử nói: "Những kẻ đi qua nhà ta mà không vào nhà ta, nhưng ta chẳng giận. Những kẻ ấy thuộc phường hương nguyện, tức là hạng người tai mắt trong làng được tiếng khen thật thà đứng đắn, chính họ chỉ là kẻ làm bại hoại đạo đức đó thôi".

Công Tôn Sửu hỏi:

- Người như thế nào được gọi là thuộc phường hương nguyện?

Mạnh Tử nói:

- Người thuộc phường hương nguyện phê bình cuồng sĩ, nói: "Tại sao chí khí lớn như vậy, nhưng lời nói chả

phù hợp với hành động, hành động chả phù hợp với lời nói? Chỉ luôn mồm lẩm bẩm: Ôi người xưa! Ôi người xưa!". Họ cũng phê bình quyến sĩ, nói: "Hành vi của họ vì sao lại thờ ơ với đời như vậy? Sống ở thời đại này thì phải làm việc cho thời đại này, cùng nhau yên thân vô sự là được rồi". Họ là hạng có máu mặt trong làng, luôn luôn ba phải, sống theo lối "quan mốt cũng ừ quan tư cũng gật", sống lấy lòng mọi người nên cũng được tiếng khen. Đó chính là loại người thuộc phường hương nguyện vậy.

Vạn Chương hỏi:

- Người cả làng đều khen là tốt, bản thân người ấy cũng biểu hiện ra là người tốt. Tại sao Khổng Tử nói loại người này cũng là kẻ phá hoại đạo đức?

Mạnh Tử nói:

- Loại người này, nếu muốn phủ định họ thì cũng không nêu ra được một sai lầm gì lớn; muốn trách cứ họ thì cũng không có chỗ nào để mà trách. Họ đồng lõa với thói tục thông thường, a dua phỉnh nịnh. Xem bề ngoài hình như họ cũng trung hậu thành thực, hành vi hình như cũng đứng đắn thanh liêm. Mọi người cũng thích họ. Bản thân họ cũng đánh giá mình là đúng mực. Nhưng xét đến cùng hoàn toàn không phù hợp với đạo vua Nghiêu, vua Thuấn. Cho nên nói bọn này là kẻ phá hoại nền đạo đức vậy.

Khổng Tử nói: "Ta rất ghét những thứ bề ngoài giống nhau như đúc, mà thực chất lại khác nhau. Ta ghét cỏ đuôi chó vì nó dễ lầm lẫn với mạ lúa. Ta ghét kẻ siểm nịnh vì nó làm cho người ta lầm tưởng nó là người có

nghĩa. Ta ghét kẻ ba hoa tráo trở, vì nó làm cho người ta lầm tưởng nó là người thành thật. Ta ghét âm nhạc dâm loạn của nước Trịnh, vì nó làm loạn mất nhạc tao nhã của thánh hiền. Ta ghét màu tím vì nó làm loạn màu đỏ. Ta ghét phường hương nguyện vì nó làm nhầm lẫn đạo đức chân chính với đạo đức giả tạo".

Người quân tử có thể khiến cho mọi sự vật trở về con đường chính đạo là được rồi. Con đường chính đạo được xây đắp, trăm họ phấn chấn làm theo. Trăm họ phấn chấn làm theo thì không còn điều xấu nữa.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 5

ĐẠI HỌC

Lời dẫn 9
Chương 1: Thánh kinh 11
Chương 2: Khang Cáo 15
Chương 3: Bàn minh 16
Chương 4: Bang kỳ 17
Chương 5: Thính tụng 19
Chương 6: Tri bản 20
Chương 7: Thành ý 23
Chương 8: Chính tâm tu thân 24
Chương 9: Tề gia 26
Chương 10: Trị quốc 27
Chương 11: Hiệt củ 31

TRUNG DUNG

Lời dẫn 39
Chương 1: Thiên mệnh 45
Chương 2: Thời trung 48

Chương 3: Tiến năng 49
Chương 4: Hành minh 50
Chương 5: Bất hành 52
Chương 6: Đại trí 53
Chương 7: Dư trí 53
Chương 8: Phục ưng 54
Chương 9: Khả quân 55
Chương 10: Vấn cường 56
Chương 11: Tố ẩn 57
Chương 12: Phí ẩn 59
Chương 13: Bất viễn 61
Chương 14: Tố vị 63
Chương 15: Hành viễn 65
Chương 16: Quỷ thần 67
Chương 17: Đại hiếu 68
Chương 18: Vô ưu 69
Chương 19: Đạt hiếu 71
Chương 20: Vấn chính 73
Chương 21: Thành minh 79
Chương 22: Tận tính 80
Chương 23: Trí khúc 81
Chương 24: Tiền tri 82
Chương 25: Tự thành 83
Chương 26: Vô tức 84
Chương 27: Đại tai 86
Chương 28: Tự dụng 87
Chương 29: Tam trọng 88
Chương 30: Thuật tổ 90
Chương 31: Chí thành 91

Chương 32: Kinh luân. 92
Chương 33: Thượng cách 92

LUẬN NGỮ

Lời dẫn 97
Chương 1: Học nhi 99
Chương 2: Vi chính 121
Chương 3: Bát dật 143
Chương 4: Lý nhân 163
Chương 5: Công Dã Tràng 180
Chương 6: Ung dã 204
Chương 7: Thuật nhi 231
Chương 8: Thái Bá 259
Chương 9: Tử hãn 279
Chương 10: Hương đảng 305
Chương 11: Tiên tiến 315
Chương 12: Nhan Uyên 340
Chương 13: Tử Lộ 364
Chương 14: Hiến vấn 391
Chương 15: Vệ Linh Công 429
Chương 16: Quý Thị 458
Chươn 17: Dương Hóa 472
Chương 18: Vi Tử 495
Chương 19: Tử Trương 508
Chương 20: Nghiêu viết 530

MẠNH TỬ

Lời dẫn 543
Chương 1: Lương Huệ Vương chương cú thượng . . . 545
Chương 2: Lương Huệ Vương chương cú hạ 561

Chương 3: Công Tôn Sửu chương cú thượng 585
Chương 4: Công Tôn Sửu chương cú hạ 605
Chương 5: Đằng Văn Công chương cú thượng . . . 623
Chương 6: Đằng Văn Công chương cú hạ 638
Chương 7: Ly Lâu chương cú thượng 657
Chương 8: Ly Lâu chương cú hạ 674
Chương 9: Vạn Chương chương cú thượng 692
Chương 10: Vạn Chương chương cú hạ 711
Chương 11: Cáo Tử chương cú thượng 729
Chương 12: Cáo Tử chương cú hạ 749
Chương 13: Tận tâm chương cú thượng 768
Chương 14: Tận tâm chương cú hạ 788

TỨ THƯ

DƯƠNG HỒNG - VƯƠNG THÀNH TRUNG

NHIỆM ĐẠI VIỆN - LƯU PHONG

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG ĐỊNH
Biên tập: PHẠM BÁ TOÀN - KIỀU BÁCH TUẤN
Vẽ bìa: AZDESIGN
Trình bày và sửa bản in: NGUYỄN MINH HUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế, Hà Nội. ĐT: 8455766,7470780 Fax: (04)7471106
Cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh:
Số 1 đường Kỳ Đồng, Quận 3. ĐT: (QS)652165 - (08)9311953

Tổng phát hành

Công ty Văn hóa Phương Nam
160/12-14 Đội Cung, Phường 9, Quận 11, TP.HCM
ĐT: 8558504 - 8589592 * Fax: 8588908

Nhà sách Tiền Phong 175 Nguyễn Thái Học,
Hà Nội * ĐT: 7.336.235 * Fax: 7.336236
Nhà sách Phương Nam 113 Nguyễn Chí Thanh,
Đà Nẵng * ĐT, Fax: (05-11) 821470
Hội An thư quán 06 Nguyễn Thị Minh Khai,
TX Hội An * ĐT: (0510) 916272 * Fax: 916271
Nhà sách Phương Nam 06 Hòa Bình,
TP Cần Thơ * ĐT: (071) 813436 * Fax: (071) 813437

Bắt đầu in: 7-2003. In xong, nộp lưu chiểu: 9-2003
Khổ sách: 14,5x20,5 Số trang: 812
Số lượng: 2.000c Số xuất bản: 18 - 255/XB-QLXB
In và đóng sách tại Xí nghiệp in Công ty Văn hóa Phương Nam.

TỨ THƯ

PNC
PHUONG NAM CORP

Hiếm có một bộ sách nào mà giá trị ứng dụng lại bền vững như Tứ Thư.

Sự kỳ diệu của Tứ Thư nằm ở chỗ không chỉ mỗi thời đại, mỗi quốc gia mà mỗi cá nhân, dù thuộc về tầng lớp nào, cũng đều tìm thấy ở đấy những giá trị chuẩn mực cơ bản để định hướng phát triển cho mình. Từ các đấng quân vương thời xưa cho tới những chính trị gia ngày nay đều biết tận dụng và phát huy giá trị căn bản trong Tứ Thư để thu phục nhân tâm. Từ bậc túc nho thủơ trước tới giới trí thức ngày nay cũng căn bản dựa vào đó để sửa mình và xác định hướng tiến thủ. Cha mẹ dựa vào Tứ Thư để dạy dỗ con cái, con cái nhờ đọc Tứ Thư mà trở nên hiếu lễ với người sinh thành ra mình. Vợ chồng dựa vào Tứ Thư để sống hòa hợp. Thầy dựa vào Tứ Thư để luyện trò, làng xã dựa vào Tứ Thư để duy trì sự ổn định. Bạn bè, đồng nghiệp có thể học trong Tứ Thư cách giao tiếp, ứng xử với nhau có tình có lý... Qua Tứ Thư, con người tự nhận biết được bản thân, đồng thời cũng nhận biết luôn cả thế giới xung quanh.

Trước hết, Tứ Thư là bộ sách dạy làm người, sau đó mới dạy thuật "an dân, trị quốc". Bộ sách này do bậc thánh hiền truyền lại, nó mãi mãi là viên ngọc quý trong kho tàng văn hoá, tư tưởng thế giới nói chung và kho tàng văn hoá tư tưởng phương Đông nói riêng.

Tu Thu
8 932000 104919
Giá: 100.000 Đ